

CHARLES DICKENS

HAI KINH THÀNH

TAO BÀN Văn chương kinh điển

Đặng Thụ dịch

NHA XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC ANH

CHARLES DICKENS

HAI KINH THÀNH

Đăng Thư dịch

TAO ĐÀN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN (tái bản 2018)

ebook©vctvegroup

10-05-2019

Phần một
HỒI SINH

1. Thuở ấy

Đó là this tuyệt nhất, đó là thời tệ nhất, đó là thuở thông tuệ, đó là thuở u mê, đó là giai đoạn tin tưởng, đó là giai đoạn hoài nghi, đó là thời kỳ Ánh Sáng, đó là thời kỳ Tăm Tối, đó là mùa xuân hy vọng, đó là mùa đông tuyệt vọng, ta tất cả phía trước, ta có trước mặt rỗng không, ta tất cả thẳng tới Thiên Đàng, ta tất cả ngược về nẻo khác - tóm lại, ngày ấy rất giống thời bây giờ cho nên một số vị thẩm quyền ồn ào nhất cứ khẳng khẳng gán cho nó chỉ toàn những cấp độ so sánh tột bậc, dù tốt hay xấu.

Có một vị Vua cầm bành và một Hoàng hậu xoàng xĩnh trên ngai vàng Anh quốc; có một vị Vua cầm bành và một Hoàng hậu xinh đẹp trên ngai vàng Pháp quốc*. Ở cả hai nước, đối với những đấng độc chiếm các kho tàng bánh mì và cá của quốc gia ấy, điều rõ như ban ngày là mọi sự chung quy đã được ấn định thiên thu vạn đại.

Lúc đó là năm 1775. Những trò tiết lộ thiên cơ trở nên thịnh hành ở nước Anh khi đó, cũng như vào thời điểm này. Năm ấy, nữ tiên tri Southcott vừa mới tròn tuổi ân sủng hai mươi lăm, nhưng từ trước đó một anh lính quèn có khả năng tiên đoán trong đội Thị vệ đã báo trước sự giáng thế siêu phàm của bà bằng lời tuyên bố rằng số phận đã an bài cho London và Westminster phải bị chôn vùi*. Ngay cả hồn ma ở Cock Lane*, sau khi gõ càn cách những lời truyền đạt, cũng chỉ ngủ yên đâu được hơn mười hai năm thì tới lúc đó, mới một năm trước thôi, nhiều linh hồn khác (có nguồn gốc không hẳn siêu nhiên) lại càn cách gõ tín hiệu nhả nhủ. Chỉ toàn là những lời nhả nhủ về các diễn tiến sự việc phạm tục mới xảy ra cho Quốc vương và thần dân Anh quốc, phát xuất từ một đại hội thần dân Anh ở Mỹ châu*. Kể cũng lạ, chuyện này hóa ra lại quan trọng cho loài người còn hơn cả

mọi thông điệp lâu nay vẫn tiếp nhận được thông qua bất kỳ tên tiểu yêu nào ở Cock Lane.

Nói chung vốn không ưu ái những chuyện huyền bí bằng người chị em cầm khiên và đinh ba*, nước Pháp cứ in tiền giấy tiêu xài trong lúc lao xuống vực càng lúc càng nhanh. Hơn nữa, dưới sự dẫn dắt của những người chần chừ Cơ đốc, nước Pháp tự giải khuây bằng những thành tích nhân đạo như tuyên án chặt đứt hai bàn tay của một thanh niên, kẹp lưỡi lôi ra, và thiêu sống thân xác, bởi người này không chịu quỳ gối trong mưa để tỏ lòng tôn kính một đoàn tăng lữ bắn thủ điều ngang tầm mắt anh ta ở khoảng cách chừng bốn mươi hay năm mươi mét*. Rất có thể là khi kẻ khốn khổ ấy lãnh án tử, nhiều cây cao đang lớn, xuất xứ từ những khu rừng Pháp và Na Uy, đã được Gã tiểu phu Định Mệnh đánh dấu sẵn để đốn hạ và cưa thành tấm, để chế ra cái máy chém di động với lưỡi dao và bao tải, một thứ khủng khiếp trong lịch sử. Rất có thể là trong những nhà chái tạm bợ của đám dân cày đất cằn gần Paris, ngay từ hôm ấy đã có những cỗ xe thô sơ trú ẩn nắng mưa, lấm láp bùn quê, làm chỗ cho gà đậu lợn bơi, những cỗ xe mà Gã nông dân Thần Chết đã dành riêng làm xe chở tù ra pháp trường Cách Mạng. Gã tiểu phu và Gã nông dân đó tuy làm việc không ngừng nhưng lại rất âm thầm, không một người nào nghe tiếng động khi hai gã rón rén đi quanh - ngược lại, chỉ cần khiến ai đó nghi ngờ mình có nhận biết việc này là cũng đủ bị kết tội vô đạo và phản loạn.

Ở Anh, hầu như không hề có luật lệ bảo vệ nào biện minh cho lòng tự tôn dân tộc nhường ấy. Những vụ trộm cướp có vũ trang và nạn chặn đường cướp bóc diễn ra hàng đêm ở ngay kinh đô; các gia đình được cảnh báo công khai là đừng ra khỏi thành phố mà không dọn hết đồ đạc tới các nhà kho của hiệu buôn cho an toàn; tên cướp đường trong bóng tối lại là một thương nhân thành thị ngoài ánh sáng, và khi

bị nhận dạng và chất vấn bởi một đồng nghiệp mà y đã chặn cướp trong vai trò Đại ca thì y đã ngang nhiên bắn vào đầu người kia rồi phi ngựa đi; xe thư bị bảy tên cướp mai phục, người hộ tống bắn chết ba tên, rồi “do sự cố đạn dượt”, chính người này bị bốn tên còn lại bắn chết, sau đó xe thư được cướp bình yên; quan Đô trưởng London, bậc tri vì đáng tôn kính, cũng buộc phải đứng yên giao nộp ở Turnham Green vì một tên đạo tặc đã trấn lột sạch vị danh giá này ngay trước mặt mọi tùy tùng; đám tù nhân ở ngục London giao chiến với đám cai ngục và luật pháp tối thượng đã vác súng nòng loe nã hàng tràng đạn chì và bi sắt vào đám hỗn loạn; bọn trộm bấm đứt các thập giá nạm kim cương đeo trên cổ đám quý tộc vương hầu ở các buổi khánh tiết cung đình; một toán lính ngự lâm xông vào khu St. Giles tìm kiếm hàng lậu và thế là dân chúng bắn binh lính, binh lính bắn dân chúng, mà chẳng ai thấy chuyện này có gì bất thường. Trong bối cảnh đó, loại người vô dụng còn hơn là hữu dụng và bận rộn, viên đao phủ liên tục nhận lệnh ra tay; lúc thì treo cổ mấy hàng dài đủ loại tội phạm; lúc thì treo cổ vào ngày thứ Bảy một tên đạo chích mới bị tóm hôm thứ Ba; lúc thì thiêu sống cả tá người ở ngay trước ngục Newgate; và lúc thì đốt sạch mớ tập sách nhỏ ngay trước cửa Sảnh đường Westminster; hôm nay lấy mạng một tên sát nhân tàn bạo, và ngày mai lấy mạng một tên ăn cắp vật khốn khổ đã cướp sáu xu của thằng con một nông dân.

Mọi chuyện đó, và cả ngàn chuyện tương tự, đã xảy ra liên tục vào cái năm 1775 xa xưa đáng nhớ. Giữa những sự kiện ấy, trong lúc Gã tiều phu và Gã nông dân hoạt động âm thầm, hai vị cầm bạnh cùng hai vị có dung nhan một xoàng một đẹp kia vẫn giậm chân khá rộn ràng, tay giơ cao những đặc quyền thiêng liêng của vua chúa. Cho nên các đảng vĩ đại này cùng vô số người hèn mọn - những người có chuyện ghi lại trong sách - sẽ được năm 1775 dẫn dắt đi theo những nẻo đường số phận.

2. Chuyển xe thư

Vào một đêm khuya thứ Sáu trong tháng Mười một, con đường Dover trải dài trước mặt nhân vật đầu tiên liên quan đến câu chuyện này. Con đường Dover trải dài phía trước, chiếc xe thư Dover đang lật lều ngược lên đồi Shooter. Người ấy tương tự cũng lội bộ lên dốc trong bùn cạnh cỗ xe ngựa, số hành khách còn lại cũng thế; chẳng phải vì họ thích thú gì việc bách bộ thể dục trong hoàn cảnh này mà bởi ngọn đồi và mớ yên cương, sinh lý cùng các bừa kiện, tất cả đã khiến cỗ xe nặng tới mức đám ngựa kéo phải dừng lại ba lần, thêm một lần lồi xe băng ngang đường với ý định nổi loạn quay lại Blackheath. Tuy nhiên, cùng dây cương và roi quất, người đánh xe với người hộ tống hợp lại, đã chiếu theo quân luật cấm ngặt cái ý đồ lẽ ra đã củng cố thêm luận điểm cho rằng một số súc vật được phú cho lý trí; thế là đám mưu phản kia phải chịu khuất phục và quay lại với nhiệm vụ.

Đầu cúi gập, đuôi phe phẩy, bốn con ngựa giẫm đạp qua lớp bùn dày nhích tới; chốc chốc lại loạng choạng trượt chân cứ như các khớp xương sắp rụng rời cả. Mỗi lần người đánh xe thận trọng thốt lên một tiếng “Ô hô! Rồi, rồi!” và kéo cương cho chúng dừng lấy sức, con ngựa dẫn đường bên phía ông lại lắc đầu dữ dội, giữ tung mọi thứ bám trên đầu - chẳng khác gì nó đang tuyên bố hết sức quyết liệt rằng chiếc xe thư sẽ không thể nào lên tới đỉnh đồi. Cứ mỗi lần con ngựa dẫn đường làm ầm lên, người lữ khách kia liền giật mình, có chút kinh hồn táng đờm cũng như hết thấy những kẻ yếu bóng vía khác.

Màn sương ẩm hơi nước lấp đầy mọi chỗ trống và đã buồn bã lang thang tới đỉnh đồi như một hồn ma đang tìm chỗ an nghỉ mà không thấy. Sương ướt át, buốt lạnh từ từ uốn lượn dâng cao, thấy rõ từng lớp nổi tiếp và phủ lấp lên nhau như những đợt sóng trên biển dữ. Sương dày đặc tới mức những gì nhìn thấy được trong ánh sáng của ngọn đèn

gắn trên xe chỉ là lớp lớp mịt mù ấy với mấy thước đường đi trước mặt; hơi thở bốc khói của lũ ngựa nhọc nhằn hòa vào màn sương cứ như cả một trời u ám này đều do chúng phỉ ra.

Ngoài nhân vật này, hai hành khách kia cũng đang lê bước lên đồi bên cạnh xe thư. Cả ba đều khoác áo che kín má, trùm kín tai và mang ủng cao quá gối. Nhìn bên ngoài, cả ba không ai có thể biết hai người kia nhân dạng ra sao; người nào cũng giấu mình dưới bao lớp vỏ bọc che khuất cả ý nghĩ lẫn diện mạo trước hai người đồng hành. Thời đó, lũ khách rất ngại việc kết thân đột ngột bởi ai trên đường cũng có khả năng là cướp hay đồng bọn băng cướp. Với khả năng thứ hai, khi mà mọi bưu trạm, tửu quán đều có thể có người ăn tiền của Đại ca, từ tay địa chủ cho đến chăn ngựa vô danh mạt hạng nhất, thì gặp phải đồng bọn băng cướp là chuyện dễ xảy ra nhất. Người hộ tống chuyển xe thư Dover nghĩ thầm như thế vào cái đêm thứ Sáu trong tháng Mười một năm 1775 khi cỗ xe lặc lè ngược lên đồi Shooter, trong lúc ông ta đứng trong ngăn áp tải phía sau xe, vừa giẫm chân vừa không rời mắt rời tay khỏi thùng vũ khí, bên trong là một khẩu súng nòng loe đã lên đạn nằm chõng lên sáu hay tám khẩu súng kíp, và dưới cùng là một thanh đoản kiếm.

Chuyến xe thư Dover này như thường lệ vẫn có không khí hòa nhã theo kiểu người hộ tống nghi ngờ hành khách, hành khách nghi ngờ hộ tống và nghi ngờ lẫn nhau, ai cũng nghi ngờ mọi người khác, còn người đánh xe chỉ tin cậy mỗi lũ ngựa mà thôi; và với mấy con vật này thì bác ta có thể đặt tay lên cả hai cuốn Thánh Kinh mà thề với lương tâm trong sạch rằng chúng không hợp với hành trình này.

– Ô hô! - Người đánh xe thốt lên. - Cố lên! Ráng kéo cái nữa là tụi bay lên tới đỉnh đồi rồi mặc xác tụi bay, vì đưa tụi bay tới đó thì tao cũng quá khổ rồi!... Joe!

– Oi! - Người hộ tống đáp.

– Anh nghĩ bây giờ mấy giờ rồi, Joe?

– Mười một giờ mười là cái chắc.

– Ôi trời! - Người đánh xe bực tức kêu to. - Vậy mà chưa lên tới đỉnh đồi Shooter nữa! Suyt! Ha! Tới đi tụi bay!

Bị quất cho một roi dứt khoát cự tuyệt, con ngựa dẫn đầu đang phản đối cũng phải dứt khoát rướn người tới, và ba con kia dẫn theo sát. Một lần nữa, chiếc xe thư Dover lại ì ạch nhích bánh, những đôi ủng của hành khách lại giẫm bùn đi theo cạnh bên. Họ phải dừng khi chiếc xe dừng, và phải luôn đứng kề nhau sát bên chiếc xe. Chỉ cần một trong ba mà dám to gan tỏ ý bảo nhau đi lên phía trước một chút về phía sương mù và bóng tối thì kẻ đó rất có thể sẽ bị nghi là cướp và bị bắn ngay lập tức.

Cú lôlô bật cuối cùng đã đưa cỗ xe lên tới đỉnh đồi. Bốn con ngựa lại dừng và thở, người hộ tống nhảy xuống gắn bộ thắng vào bánh sau cỗ xe để chuẩn bị xuống dốc rồi mở cửa cho hành khách lên.

– Suyt! Joe! - Từ trên ghế xà ích, người đánh xe nhìn xuống, gọi với giọng cảnh báo.

– Chuyện gì đó, Tom?

Cả hai cùng lắng nghe.

– Hình như có ngựa đang phi nước kiệu tới, Joe.

– Phi nước đại mới đúng, Tom, - người hộ tống đáp, buông tay khỏi cửa xe rồi thoăn thoắt leo lên chỗ ngồi đằng sau của mình. - Quý ông! Nhân danh đức vua, tất cả chú ý!

Vừa hấp tấp kêu gọi, ông ta vừa lên cò khẩu súng nòng loe và đứng thủ thế.

Người hành khách nhân vật của câu chuyện dợm bước lên bậc cửa xe ngựa; hai hành khách kia đứng sát đằng sau cũng định lên theo. Ông ta vẫn còn đứng ở bậc lên xuống, người nửa trong nửa ngoài nên hai vị kia phải chờ dưới đất. Cả ba hết nhìn người đánh xe sang người hộ tống, rồi lại từ người hộ tống sang người đánh xe, đứng yên nghe ngóng. Người đánh xe ngoái nhìn, người hộ tống cũng ngoái nhìn, cả con ngựa dẫn đầu cũng vểnh tai ngoái nhìn theo không phản đối.

Sự tĩnh lặng sau khi chiếc xe thư đã thôi quần quai, ì ạch, lại thêm trời đêm tịch mịch, khiến không gian càng im ắng như tờ. Tiếng thở hồng hộc của lũ ngựa làm cỗ xe cũng run rẩy theo cứ như nó cũng đang bị kích động. Trái tim ba hành khách có lẽ đập mạnh tới mức nghe thấy được; hay nói đúng hơn, trạng thái dừng sững im lìm ấy đã bộc lộ rõ những con người đang hụt hơi, nín thở và tim đập dồn vì chờ đợi.

Tiếng vó ngựa phi nước đại lên đồi càng lúc nhanh và mạnh mẽ.

– Ô hô! - Người hộ tống lấy hết sức gào to. - Ai kia? Đứng lại! Tôi bắn đó!

Nhịp vó đột ngột hãm lại và giữa tiếng bùn văng và tiếng bước loạng choạng, một giọng người vang lên trong sương mù:

– Phải xe thư Dover đó không?

– Phải hay không thì hỏi làm gì? - Người hộ tống bắt bẻ. - Người là ai?

– *Có phải* xe thư Dover không?

– Tại sao người muốn biết?

– Tôi cần tìm một hành khách, nếu phải.

– Khách nào?

– Ông Jarvis Lorry.

Nhân vật trong sách của chúng ta liền xác nhận đó là tên mình. Người hộ tống, người đánh xe, và hai hành khách kia nhìn ông ta đầy nghi ngờ.

– Đứng yên đó, - người hộ tống nói với người trong sương mù, - ta mà lỡ tay thì nhà ngươi tàn đời vô phương cứu vãn. Quý khách tên Lorry trả lời ngay đi.

– Có việc gì? - Hành khách ấy lên tiếng, rồi hơi ngập ngừng hỏi tiếp. - Ai cần tìm tôi? Phải Jerry không?

(“Mình không ưa cái giọng tên Jerry này, nếu đúng là hắn,” người hộ tống lẩm bẩm một mình. “Cái giọng khàn khàn khó ưa quá mức đó,

Jerry.”)

– Phải đó, ông Lorry.

– Có việc gì?

– Có tin nhắn của T. và Hội đoàn gửi cho ông.

– Tôi biết người liên lạc này, - Lorry vừa nói với người hộ tống vừa bước xuống đường. Hai hành khách kia đứng đằng sau đỡ ông xuống hấp tấp chứ không lịch sự rồi họ lập tức chui vào trong cỗ xe, đóng sập cửa, và kéo kín cửa sổ. - Cho người này tới gần được; không sao đâu.

– Mong là không sao, nhưng có sao hay không thì ta đếch dám chắc, - người hộ tống lâu bầu nói một mình. - Xin chào!

– A! Xin chào! - Jerry lên tiếng, giọng còn khàn hơn trước.

– Đi ngựa từ từ tới! Nghe rõ chưa? Nếu yên ngựa có đeo bao súng thì đừng có để tôi thấy bàn tay lần mò tới đó. Vì tôi là thứ ác ôn dễ lờ tay lắm, mà lờ tay một phát là một viên đạn đó. Bây giờ lộ mặt ra cho tôi xem.

Hình thù một con ngựa và một kỵ sĩ từ từ xuyên qua màn sương cuộn xoáy và đi đến cạnh xe thư, tới chỗ vị khách. Người trên ngựa cúi rạp xuống rồi vừa liếc nhìn tay súng hộ tống vừa trao cho vị khách một tờ giấy gấp nhỏ. Con ngựa của y đang khịt mũi, và cả người lẫn vật đều bê bết bùn sinh, từ móng ngựa lên tới mũ nón trên đầu.

– Hộ tống! - Người hành khách gọi với giọng tự tin, điềm tĩnh.

Đầy cảnh giác, bàn tay phải nắm báng súng, bàn tay trái nâng nòng súng, mắt không rời người trên lưng ngựa, người bảo vệ xe thư đáp cộc lốc:

– Vâng!

– Chẳng có gì phải e sợ cả. Tôi là người của Ngân hàng Tellson. Chắc ông biết Ngân hàng Tellson ở London. Tôi sắp đi công chuyện ở Paris. Cầm đồng *crown* này uống rượu nhé. Cho tôi đọc chút được không?

– Miễn nhanh là được, thưa ông.

Lorry mở tờ giấy ra xem dưới ánh sáng ngọn đèn xe thư gần bên; ban đầu đọc thầm, sau đó đọc to:

– “Chờ tiểu thư ở Dover.” Rất ngắn, thấy chưa. Này, Jerry, nhả lại họ phúc đáp của tôi là “Hồi Sinh.”

– Phúc đáp quái quỷ gì mà *nạ nùng* vậy,* - trên yên ngựa, Jerry giật mình thốt lên, giọng khản đặc hơn bao giờ hết.

– Cứ nhả lại như thế là họ sẽ biết tôi đã hiểu tin nhắn này rõ ràng như là chính tôi viết ra vậy. Thượng lộ bình an! Tạm biệt!

Dứt lời, vị khách mở cửa xe bước lên; lần này không hề có trợ giúp của những người đồng hành, hai vị kia trong xe đã mau lẹ giấu kín đồng hồ, ví tiền trong đôi ủng, và bây giờ đang giả vờ ngủ. Ý đồ của họ rõ ràng là không dây dưa làm chi cho sinh chuyện phiền phức.

Chiếc xe thư lại ì ạch lăn bánh, sương mù cuộn cuộn bao trùm dày đặc hơn khi cỗ xe bắt đầu xuống dốc. Người hộ tống liền cất khẩu súng nòng loe vào thùng vũ khí, rồi sau khi kiểm tra số vũ khí trong thùng và mấy khẩu súng ngắn bổ sung đeo ở thắt lưng, ông ta xem lại chiếc thùng nhỏ hơn nằm dưới chỗ ngồi, trong đó là mấy dụng cụ thợ rèn, vài cây đuốc, và một hộp đựng đồ đánh lửa. Ông ta phải trang bị đầy đủ mọi thứ, phòng khi những ngọn đèn xe thư bị thổi tắt ngóm - chuyện thỉnh thoảng cũng xảy ra - thì ông chỉ việc chui vào trong xe, giữ đá lửa và mớ que môi tránh xa rơm rạ*, là thắp sáng lại đèn khá an toàn và dễ dàng trong vòng năm phút (nếu may mắn).

– Tom! - Tiếng người hộ tống khe khẽ gọi qua nóc xe.

– Oï, Joe.

– Anh có nghe cái lời nhắn đó không?

– Có, Joe.

– Có hiểu gì không, Tom?

– Chẳng hiểu gì cả, Joe.

– Thật là trùng hợp, - người hộ tống nghĩ ngợi, - tôi cũng chẳng hiểu gì hết.

Còn lại một mình trong bóng tối, Jerry xuống ngựa một lúc, không chỉ để cho ngựa nghỉ mệt mà còn để cho mình lau bùn trên mặt, giữ sạch nước trên chiếc mũ vành rộng chắc chứa được tới hơn lít. Vắt dây cương trên cánh tay lấm lem bùn sinh, y đứng chờ tới khi không còn nghe tiếng chiếc xe thư và màn đêm lại tĩnh mịch như cũ rồi quay lưng dắt ngựa xuống đồi.

– Này mụ già, đã phi nước đại một mạch từ cổng thành Temple Bar tới đây rồi thì tao không tin giò cẳng của mụ nữa cho đến khi nào xuống tới đất bằng, - người liên lạc giọng khàn khàn ấy liếc nhìn con ngựa. - “Hồi sinh.” Nhắc cái quái quỷ gì mà *nạ nùng*. Xui cho mày rồi, Jerry! Tao dám chắc đó! Ai chết cũng rủ nhau hồi sinh hết thì chỉ khổ cái thân khốn kiếp của mày thôi, Jerry!

3. Những hồn bóng trong đêm

Nghĩ cũng thật kỳ lạ, mỗi con người đều ẩn chứa một bí mật sâu xa và đều khó hiểu đối với nhau. Cứ đi tới một đô thị lớn vào ban đêm là tôi lại ngẫm nghĩ thật lòng rằng, mỗi ngôi nhà trong các dãy phố tăm tối kia đều chôn giấu một bí mật riêng; mỗi căn phòng trong từng nhà lại chôn giấu một bí mật riêng; mỗi trái tim đang đập trong hàng trăm ngàn lồng ngực ở thành phố đó, trong những mộng tưởng nào đó, cũng là một bí mật đối với trái tim cận kề nhất! Điều này liên quan đến một cái gì rất đáng sợ, thậm chí chính là cái Chết. Ta không cách nào lật giở được nữa những trang sách cuộc đời quý báu, với hy vọng hão huyền là có thời gian đọc nó trọn vẹn. Ta không cách nào nhìn thấu những vực sâu dưới dòng đời khôn dò, khi ánh sáng chợt lóe cho mình thấy được kho tàng vùi chôn và bao điều chìm khuất, số mệnh đã an bài là cuốn sách ấy sẽ đột ngột gấp lại, mãi mãi và mãi mãi, khi ta chỉ mới đọc một trang, số mệnh đã an bài là dòng nước ấy sẽ đông cứng trong sương giá vĩnh hằng, khi ánh sáng lung linh trên mặt băng còn ta vẫn u mê trên bờ. Bạn bè ta chết, láng giềng ta chết, người tình ta, người yêu dấu của lòng ta chết; điều bí mật luôn vùi sâu trong mỗi cá nhân sẽ được phong kín vĩnh viễn không bao giờ bộc lộ, và ta cũng sẽ mang theo bí mật của riêng mình xuống mồ. Trong mọi bãi tha ma của thành phố này mà tôi đã đi qua, phải chăng người nằm dưới đất đối với tôi còn thâm ảo khó hiểu hơn là đáy lòng sâu kín của các cư dân hồi hải nơi đây, hay phải chăng chính tôi cũng bí ẩn bội phần đối với họ?

Về điều này thì người liên lạc trên lưng ngựa kia tất nhiên cũng đâu khác gì ai, y cũng có những bí mật giống như Nhà vua, quan Tể tướng, hay vị Thương gia giàu có nhất London. Ba hành khách náu mình trong phạm vi chật hẹp của chiếc xe thư ị ạch cũng vậy thôi; mỗi

người là một bí ẩn đối với kẻ khác, hoàn toàn khép kín cứ như mỗi người đang ngồi trong một cỗ xe riêng, dù là sáu hay sáu mươi ngựa kéo, người này với người kia gần nhau gang tấc mà cách xa diệu vợi.

Người liên lạc cưỡi ngựa nước kiệu thong thả quay về, chốc chốc lại dừng ở một tủu quán để làm một tợp nhưng vẫn luôn bảo trì sự thanh tỉnh, kéo vành mũ vênh lên, không che kín tầm mắt. Y có đôi mắt rất hợp với chiếc mũ ấy, đôi mắt đen đặc không rõ hình dáng hay màu sắc và lại quá sát gần nhau - cứ như cả hai đều sợ bị để lộ điều gì đó nếu như chúng phải cách xa ra. Đôi mắt ấy ánh lên vẻ thâm hiểm bên dưới chiếc mũ ba góc cũ kĩ trông giống chiếc ống nhổ ba cạnh, bên trên chiếc khăn choàng che kín cằm và cổ họng, rủ dài tới tận đầu gối. Mỗi lần dừng ngựa uống rượu, y chỉ đưa tay trái kéo khăn choàng xuống lúc tay phải nâng cốc rượu lên môi; xong một tợp là kéo lên trở lại.

- Không, không được, Jerry, - người liên lạc lải nhải một mình mãi chuyện ấy trên lưng ngựa. - Xui cho mày rồi, Jerry! Mày, một người *nằm* ăn nướng thiện mà, chuyện này không hợp kiểu *nằm của mày* đâu! Hồi sinh...! Hắn ta mà không say thì trời đánh ta đi!

Lời nhảm đó khiến y hoang mang tới mức nhiều lần phải lột mũ ra gãi đầu. Ngoại trừ trên đỉnh đã hói xác xơ, tóc của y đen, cứng, dựng bồm xồm khắp đầu và mọc dài xuống gần chạm cánh mũi to bè. Như một tác phẩm của thợ rèn, nó tua tủa giống những gai thép cắm trên gờ tường hơn là một mái tóc, ngay cả những người nhảy cừu giỏi nhất cũng không dám vọt qua, coi đó như chướng ngại nguy hiểm nhất trần đời.

Trong lúc y phi nước kiệu mang tin nhảm về chuyển cho người gác đêm trong bớt canh trước cửa Ngân hàng Tellson gần cổng thành Temple Bar, để người này chuyển tiếp cho thượng cấp ở bên trong, những hồn bóng của đêm tối như hiện ra từ lời nhảm ấy; ngay cả con ngựa của y có lẽ cũng thấy những hình thù hiển lộ từ thẳm sâu trong

nỗi sợ của riêng nó. Ma quái hẳn phải nhiều lắm vì con ngựa cứ gặp bóng đen trên đường là nhảy tránh.

Cùng lúc đó, chiếc xe thư đang ì ạch, dẫn xóc, nảy tung, và va đập trên con đường lê thê cùng ba người bí ẩn bên trong. Với họ cũng vậy, những hồn bóng của đêm đã hiện ra dưới nhiều hình thù trong đôi mắt lơ mơ ngủ và trong những suy nghĩ mông lung.

Ngân hàng Tellson đang bị rút tiền ồ ạt ngay trong chuyến xe thư này. Trong lúc nhân viên nhà băng ngồi ngủ gật gà, một cánh tay luôn qua cái đai da để giữ cho ông khỏi va sầm vào người bên cạnh mà tổng hấn vào trong góc mỗi lần cỗ xe dẫn xóc; qua đôi mắt khép hờ, những ô cửa sổ nhỏ và ánh đèn xe thư lơ mờ rọi vào cùng thân hình dềnh dàng của hành khách đối diện đã biến thành chính cái ngân hàng ấy trong một lúc khủng hoảng bất ngờ. Tiếng lạch cạch của yên cương biến thành tiếng leng keng của đồng tiền, trong năm phút số ngân phiếu được đổi thành tiền mặt còn nhiều hơn cả tổng số mà Tellson, với mọi chi nhánh trong và ngoài nước, từng chi trả trong thời gian dài gấp ba lần. Rồi các hầm bọc sắt dưới Ngân hàng Tellson, với bao thứ quý giá chất chứa cùng các bí mật mà người hành khách này đã biết (và biết không ít), bỗng mở toang ra trước mặt; rồi ông cầm những chiếc chìa khóa to lớn và cây nển tù mù đi qua các căn hầm và thấy mọi thứ vẫn an toàn, kiên cố, vững vàng và yên ắng như đã kiểm tra lần trước.

Nhưng dù ngân hàng luôn nằm trong tâm trí ông, dù ông vẫn biết mình đang ngồi trong chiếc xe thư (biết lơ mơ tựa hồ vẫn nhận ra cơn đau trong lúc ngầy ngật thuốc mê), vẫn có một dòng ý nghĩ khác liên tục chạy qua, suốt cả đêm. Ông đang trên đường quật mồ một người.

Lúc này, những hồn bóng của đêm không cho biết đâu là gương mặt đích thực của kẻ bị chôn vùi ấy trong muôn vàn gương mặt hiện ra trước mắt ông; nhưng tất cả đều là những gương mặt của một người trạc bốn mươi lăm tuổi, khác biệt nhau chủ yếu là ở cảm xúc biểu lộ, và trong vẻ kinh khủng của mức độ thân tàn ma dại. Kiêu hãnh, khinh

miệt, thách thức, ngoan cường, phục thù, than oán, bao trạng thái tiếp nối nhau, cũng như bao hình ảnh gò má trũng sâu, màu da tái nhợt, bàn tay nhăn nheo và thân thể tiều tụy. Nhưng hầu như vẫn là một gương mặt, và mọi mái đầu đều sớm bạc trắng. Hàng trăm lần người hành khách lơ mơ ngủ đã hỏi bóng ma này:

– Chôn đã bao lâu?

Câu trả lời luôn là: “Gần mười tám năm.”

– Ông đã từ bỏ mọi hy vọng được quật mồ lên chưa?

– Đã từ lâu.

– Ông có biết mình được cho hồi sinh không?

– Nghe nói thế.

– Mong là ông vẫn còn muốn sống?

– Khó nói lắm.

– Tôi có nên đưa cô ta đến? Hay ông muốn đi gặp cô ta?

Câu hỏi này được đáp lại mỗi lần mỗi khác và mâu thuẫn nhau. Có khi câu trả lời nắc nhen là: “Khoan! Tôi chết mất nếu gặp lại quá sớm.” Có khi, hồn ma giàn giụa nước mắt và xúc động nói: “Hãy cho tôi gặp.” Có khi hồn ma nhìn trần trời, ngơ ngàng và rồi câu trả lời là: “Tôi không quen biết. Tôi không hiểu.”

Sau cuộc đàm luận tưởng tượng như vậy, người hành khách trong cơn mơ lại đào, đào, và đào - lúc dùng xẻng, lúc dùng chiếc chìa khóa to lớn, lúc dùng hai bàn tay - để moi kẻ khốn khổ ấy ra khỏi lòng đất. Cuối cùng kẻ ấy bước ra khỏi mộ, đất bám đầy mặt mũi, tóc tai, và đột nhiên h lẫn tan biến thành bụi. Lúc đó vị khách ấy lại giật mình tỉnh mộng, hạ cửa sổ xuống cho sương mù và mưa vỗ vào má để quay về với thực tại.

Thế nhưng khi đôi mắt ông mở to nhìn vào màn mưa mù, vào vệt sáng đang di động của mấy ngọn đèn xe, và nhìn hàng rào bên vệ đường đang lùi xa dần, những bóng đen bên ngoài trời đêm vẫn hòa quyện vào chuỗi hồn ma trong cỗ xe. Cái ngân hàng thật sự ở gần

Temple Bar, công việc thực sự của ngày hôm qua, những căn hầm nhà băng thật sự, tin nhắn hỏa tốc thật sự đã đuổi theo ông, và lời nhắn hồi đáp, tất cả vẫn còn nguyên. Từ trong mớ hỗn độn đó, gương mặt ma quái kia lại hiện ra và ông lại bắt chuyện với nó.

- Chôn đã bao lâu?
- Gần mười tám năm.
- Mong là ông vẫn còn muốn sống?
- Khó nói lắm.

Đào... đào... đào... cho đến khi một động tác nóng nảy của một trong hai người đồng hành lại nhắc nhở ông kéo kín cửa sổ, luồn chắc cánh tay qua vòng đai da, rồi ngẫm nghĩ về hai hình thù đang thiu thiu ngủ kia, cho đến lúc tâm trí ông lại mơ màng và tất cả lại hóa thành ngân hàng và năm mồ.

- Chôn đã bao lâu?
- Gần mười tám năm.
- Ông đã từ bỏ mọi hy vọng được quật mồ lên chưa?
- Đã từ lâu.

Những lời ấy vẫn vang vọng trong tai như vừa mới nói ra - nghe rõ mồn một tựa hồ những lời ấy đã được thốt lên trong đời thực - khi người hành khách mệt mỏi này bắt đầu nhận ra trời đã hừng đông, những hồn ma bóng quế đã biến mất.

Ông hạ cửa sổ xuống, nhìn ra vầng dương đang mọc. Ngoài kia là một vạt đất ruộng với một luống cày còn dở dang tối qua khi lũ ngựa đã được tháo ách; đằng xa là một rừng cây thấp im lìm, nhiều chiếc lá đã đổi màu đỏ và vàng óng vẫn bám trên cành. Dù mặt đất còn ướt lạnh, bầu trời đã quang đãng và mặt trời lên sáng rực, tĩnh lặng, rạng ngời.

- Mười tám năm! - Người khách ấy vừa thốt lên vừa nhìn vầng dương. - Tạ ơn Chúa! Mười tám năm chôn sống!

4. Chuẩn bị

Khi chiếc xe thư đến được Dover vào buổi sáng, Tổng quản lý Khách sạn Royal George mở cửa xe theo thói quen. Ông ta kéo cánh cửa bằng một cái múa tay có phần long trọng vì một chuyến xe thư từ London đến vào mùa đông là một thành quả đáng chúc mừng với người lữ khách liêu lĩnh trên xe.

Lúc đó chỉ còn lại mỗi một hành khách liêu lĩnh để chúc mừng bởi hai người kia đã lần lượt xuống ở những đích đến dọc đường. Khoang xe ẩm mốc với mớ rơm rạ ẩm ướt, bốc mùi, mùi hôi khó chịu, và sự tăm tối khiến bên trong chẳng khác gì một ổ chó lớn. Giữ sạch mớ rơm quần dưới ủng, ông Lorry, vị khách ấy, trong lớp áo lông bồm xồm tua tủa trùm kín, chiếc mũ vành mềm, và đôi chân lấm bùn, trông cũng giống một con chó lớn.

- Ngày mai có chuyến tàu chở thư đi Calais chứ, ông Tổng quản?
- Dạ có, nếu trời tốt và thuận gió. Thủy triều sẽ rất tiện cho tàu ra khơi vào khoảng hai giờ chiều, thưa ông. Nghỉ ngơi luôn chứ ạ?
- Đến tối mới nghỉ được; nhưng ta cần ngay một phòng và thợ cạo.
- Và dùng bữa sáng chứ, thưa ông? Dạ vâng. Lối này, thưa ông, xin mời. Đưa khách tới phòng Concord! Mang hành lý cho quý ông đây và nước nóng tới phòng Concord. Tháo giày cho quý ông đây ở phòng Concord. (Ông sẽ thấy có lò sưởi than rất ấm, thưa ông.) Gọi thợ cạo tới phòng Concord. Mau lên đi, phòng Concord!

Phòng Concord luôn được dành cho hành khách của chuyến xe thư, và khách xe thư nào cũng luôn quần kín từ đầu tới chân, cho nên đặc điểm kỳ cục của phòng này trong Khách sạn Royal George là đi vào thì ai cũng giống ai, nhưng đi ra thì đủ hạng người khác nhau. Cho nên, một quản lý khác, hai người khuân hành lý, mấy cô hầu phòng và bà chủ khách sạn tình cờ đứng rải rác giữa phòng Concord và phòng

ăn lại gặp một người quý phái tuổi sáu mươi, mặc bộ lễ phục màu nâu trịnh trọng, tuy sờn cũ nhưng còn tươi tắn, hai cổ tay áo lớn vuông vức và túi có nắp rộng, đang trên đường đi dùng điểm tâm.

Phòng ăn không có khách nào khác vào sáng hôm ấy ngoài người quý phái áo nâu. Bàn ăn được kéo tới trước lò sưởi và trong lúc ông ngồi chờ dọn món trong ánh lửa soi sáng, ông ngồi yên tới mức tưởng chừng đang làm mẫu để vẽ chân dung.

Trông ông rất ngay ngắn, chỉnh tề với đôi bàn tay đặt trên hai đầu gối, chiếc đồng hồ quả quít dưới lớp áo chèn cài khuy cú tích tắc đều đều rõ to tựa hồ nó đang cao ngạo so sánh sự đạo mạo và trường thọ của mình với tính bông lơn và phù du của ánh lửa bập bùng kia. Ông có đôi chân khỏe và ít nhiều tự hào về nó, bởi đôi vớ nâu của ông thuộc loại thượng phẩm dệt mỏng bó sát ống chân; đôi giày và khóa cài dù đơn giản nhưng sang. Ông đội một bộ tóc giả nhỏ màu nâu vàng cuộn xoắn hai bên và bóng mượt kỳ lạ, ôm sát lấy đầu - tóc giả thường làm bằng tóc người nhưng bộ tóc này cứ như được xe từ sợi tơ hay sợi thủy tinh. Dù không phải là loại hàng vải đẹp như đôi vớ, chiếc áo sơ mi của ông trắng ngời như những ngọn sóng xô bờ gần bên khách sạn, hay như những đốm sáng lấp lánh của cánh bướm trong nắng tím ngoài khơi. Dưới bộ tóc giả là lạ kia, gương mặt bình thản vốn quen kiêu kiêu chế cảm xúc vẫn ngời lên nhờ đôi mắt ướt sáng rực; bao năm qua đôi mắt ấy hẳn phải rất khó khăn mới rèn luyện được cách biểu lộ điềm nhiên và lãnh đạm của nhân viên Ngân hàng Tellson. Hai má hồng hào khỏe mạnh, gương mặt tuy hẳn nếp nhăn nhưng chẳng lộ bao nhiêu vẻ lo âu. Có lẽ do các nhân viên đơn độc tin cẩn ở Tellson chủ yếu chỉ bận tâm với các vấn đề của thiên hạ, cho nên những mối bận tâm không thiết thân, giống như quần áo đã qua hai đời chủ, cũng thường dễ dàng đổi thay.

Hết còn vẻ cứng đờ của người ngồi làm mẫu vẽ chân dung, ông Lorry gật gù ngủ thiếp đi và chỉ thức tỉnh khi món điểm tâm được mang đến. Ông vừa nhích ghế gần bàn ăn vừa nói với người phục vụ:

– Tôi muốn chuẩn bị sẵn một phòng lớn cho một tiểu thư có thể đến đây bất cứ lúc nào trong hôm nay. Cô ta có thể sẽ yêu cầu gặp ông Jarvis Lorry, hoặc có thể chỉ yêu cầu gặp một quý ông của Ngân hàng Tellson. Cô ta đến thì báo tôi biết nhé.

– Vâng ạ. Ngân hàng Tellson ở London ạ?

– Đúng.

– Vâng ạ. Chúng tôi cũng nhiều lần được hân hạnh tiếp đón nhiều quý ông ở ngân hàng này đi đi về về giữa London và Paris, thưa ông. Thường đi lắm, thưa ông, người của hãng Tellson và Hội đoàn.

– Đúng. Hãng chúng tôi hoạt động cả bên Pháp cũng như ở bên Anh.

– Vâng ạ. Còn ông chắc không thường đi xa phải không, thưa ông?

– Những năm gần đây thì không. Cũng đã mười lăm năm rồi từ khi chúng tôi... từ khi tôi... ở Pháp về lần cuối.

– Vậy sao, thưa ông? Trước cả khi tôi làm ở đây rồi, thưa ông. Trước khi tất cả chúng tôi làm ở đây ạ. Lúc đó khách sạn George này thuộc chủ khác ạ.

– Tôi cũng nghĩ thế.

– Nhưng thưa ông, tôi dám chắc là một hãng như Tellson và Hội đoàn đã hưng vượng cả năm mươi năm rồi chứ đừng nói chỉ mười lăm năm trước?

– Ông có thể nói gấp ba lần, là một trăm năm mươi năm, mà vẫn không sợ sai đâu.

– Vậy sao, thưa ông?

Trố mắt tròn mồm, người phục vụ lùi xa bàn ăn, chuyển tấm khăn từ cánh tay phải sang cánh tay trái, đổi sang tư thế thoải mái và cứ như đang đứng trên tháp canh hay chòi gác mà quan sát vị khách ăn uống. Đúng theo thói quen cố hữu bao đời của nghề hầu bàn.

Sau khi dùng xong bữa điểm tâm, ông Lorry ra ngoài đi dạo trên bãi biển. Thành phố Dover quanh co, chật hẹp, nhỏ bé náu mình cách xa

bờ, một đầu đâm thẳng ra dãy vách núi đá vôi như con đà điểu cắm đầu xuống biển. Bãi hoang vắng chỉ có những đợt sóng quăng quật đá lẫn tứ tung; biển chỉ làm điều nó thích và ý thích đó là hủy diệt. Biển giáng sấm sét xuống thành phố, giáng sấm sét lên các vách núi, và điên cuồng nện sóng vào bờ. Bầu không khí giữa các ngôi nhà tanh nồng tới mức ta tưởng đâu những con cá bệnh tật đều mò tới dầm mình trong phố giống như những người đau ốm đi ngâm mình trong nước biển. Ít ai đánh cá ở cảng này, nhưng ban đêm có rất nhiều kẻ lảng vảng quanh đây và nhìn ra biển - đặc biệt vào những lúc thủy triều lớn và gần ngập lụt. Nhiều người buôn vật chẳng hề làm ăn gì có khi lại kiếm được những tài sản lớn một cách khó hiểu, và điều đáng chú ý là không ai trong khu vực này mà không thấy khó chịu với người thấp đèn đêm*.

Khi ngày đã ngả chiều, bầu trời trước đó chốc chốc lại quang đãng lên đủ để nhìn thấy bờ nước Pháp bên kia biển thì bây giờ lại mịt mù hơi sương, và ý nghĩ của ông Lorry dường như cũng mịt mù theo. Lúc trời đã tối, ông ngồi trước lò sưởi phòng ăn chờ dùng bữa giống như đã chờ dọn điểm tâm hồi sáng, tâm trí ông đang bận rộn đào, đào, và đào, trong đồng than hồng cháy rực.

Một chai vang đỏ ngon sau bữa tối cũng không có hại gì cho người đào than hồng kia, ngoại trừ việc men rượu khiến cho ông sao nhãng chuyện đào bới. Ông đã ngồi thừ ra đó lâu rồi và mới rót đầy ly cuối cùng với vẻ mặt thỏa mãn trọn vẹn - thường thấy ở các vị cao niên da dẻ hồng hào vừa uống cạn một chai - thì có tiếng bánh xe lộp cộp vang lên trên con đường hẹp rồi chạy âm âm vào sân khách sạn.

Ông đặt ly rượu còn nguyên xuống.

– Tiểu thư tới rồi! - Ông thốt lên.

Chỉ vài phút sau, người hầu bàn lúc nãy đi vào báo tin cô Manette từ London đã đến, và sẵn lòng gặp quý ông của Ngân hàng Tellson.

– Nhanh vậy sao?

– Tiểu thư Manette đã có chặng giải lao trên đường rồi nên không cần nghỉ ngơi và rất nóng lòng muốn gặp ngay quý ông của Ngân hàng Tellson, nếu như ông ấy thấy thuận tiện và thoải mái.

Quý ông của Ngân hàng Tellson không biết làm gì hơn là nốc cạn ly rượu với vẻ tuyệt vọng che giấu, vuốt lại hai bên tai bộ tóc giả nâu vàng nhỏ nhắn kỳ quặc, và theo người hầu bàn đến chỗ tiểu thư Manette. Đó là một phòng lớn, âm u, đầy vẻ tang tóc bày biện những chiếc ghế nệm bọc vải đen dệt bằng lông ngựa và mấy chiếc bàn nặng nề, màu sắc tối tăm. Những chiếc bàn đã được đánh dầu bóng nhiều lần, vậy mà hai ngọn nến cao trên chiếc bàn chính giữa phòng chỉ phản chiếu lơ mờ trên mọi bề mặt; tựa hồ hai ngọn nến ấy cũng bị chôn vùi trong huyết sâu là lớp gỗ gụ sậm đen, đừng mong có ánh sáng nào tỏa ra nếu không quật xác chúng lên.

Căn phòng tối đến mức ông Lorry trong lúc lần dò tìm đường đi trên tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ sờn cũ cứ tưởng đâu tiểu thư Manette lúc này đang ở trong một buồng kế cận, mãi đến khi đi qua hai ngọn nến cao, ông mới thấy đứng đón tiếp mình bên chiếc bàn đặt giữa họ và lò sưởi là một thiếu nữ tuổi không hơn mười bảy, khoác áo choàng kỳ mã, tay vẫn nắm dải băng của chiếc mũ rơm đi đường. Lúc đôi mắt ông dừng lại trên dáng người thanh tú, xinh xắn kia, một mái tóc vàng buông dài, một đôi mắt xanh đáp lại cái nhìn của ông bằng ánh mắt dò hỏi, và vầng trán (vốn trẻ trung và nuột nà làm sao) có đặc điểm là hay chau lại thành những nếp nhăn không hẳn là bối rối, hay ngạc nhiên, hay hốt hoảng, hay chỉ là lộ vẻ chăm chú miễn tiếp, mặc dù bộc lộ đủ hết các cảm xúc đó - nhìn cô gái, ông đột nhiên nhớ lại rõ mồn một hình ảnh một đứa trẻ ông đã bế trong tay trên đường vượt qua chính eo biển này vào một ngày giá rét khi trời mưa như trút và biển động sóng cồn. Liên tưởng ấy tan biến nhanh chóng như hơi thở trên mặt tấm gương dài hẹp gắn trên tường sau lưng cô gái, trên khung gương chạm trổ một đoàn thiên thần đen đúa thảm hại, đa phần mất đầu và tất cả đều sứt mẻ, đang dâng chiếc giỏ đen đúa đựng những trái quả của

Biến chết cho thánh nữ đen đúa - thế là ông trịnh trọng cúi chào tiểu thư Manette.

– Xin mời ông ngồi ạ. - Giọng nói trẻ trung ấy rất êm ái và rõ ràng, pha chút âm hưởng ngoại quốc, nhưng chỉ thoáng qua.

– Xin được hôn tay tiểu thư, - ông Lorry nói với cung cách lịch sự cổ thời trong lúc trịnh trọng cúi chào lần nữa rồi ngồi xuống ghế.

– Hôm qua tôi đã nhận được thư của Ngân hàng, thưa ông, cho tôi biết là có tin tức... hay phát hiện...

– Từ ngữ không quan trọng, thưa tiểu thư, dùng từ nào cũng được.

– ...gì đó về chút tài sản của người cha đáng thương mà tôi chưa từng gặp mặt... đã qua đời từ lâu...

Ông Lorry nhấp nhóm trên ghế và lo âu liếc nhìn về phía đoàn thiên thần đen thâm hại chạm khắc trên khung gương. Làm như *chúng* giúp ích được gì với mấy cái giỏ ngổ ngẩn ấy!

– ...bảo là tôi cần phải đi Paris, tới đó liên lạc với một quý ông của ngân hàng, là người rất tin cẩn nên được phái đi Paris vì chuyện này.

– Là tôi đó.

– Đúng như tôi nghĩ, thưa ông.

Cô nhún mình chào ông (thời đó các thiếu nữ thường chào như thế) với ý muốn tốt đẹp là bày tỏ lòng kính trọng với tuổi tác và sự khôn ngoan vượt trội của người đối diện. Ông lại cúi chào cô gái lần nữa.

– Tôi đã trả lời ngân hàng, thưa ông, là nếu những người hiếu biết có hảo ý khuyên bảo, và nếu thấy cần thiết thì tôi sẽ đi Pháp, nhưng vì tôi không còn cha mẹ, lại không có người bạn nào đi cùng được, tôi sẽ rất cảm kích nếu như tôi được bậc đáng kính đó bảo vệ trên đường đi. Quý ông đó đã rời khỏi London nhưng tôi nghĩ là cần phái một người liên lạc đuổi theo để xin ông ấy chấp thuận chờ tôi ở đây.

– Tôi rất vui được giao phó trách nhiệm này, - ông Lorry nói. - Tôi càng vui hơn khi được thực thi nó.

– Thành thực cảm ơn ông, thưa ông. Tôi mang ơn ông lắm. Ngân hàng cho hay là quý ông ấy sẽ giải thích cặn kẽ cho tôi biết chuyện, và tôi phải chuẩn bị tinh thần trước những việc kinh tâm động phách. Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng rồi, và tất nhiên là tôi nóng lòng muốn biết sự việc này là gì.

– Hẳn rồi, - ông Lorry nói. - Vâng... tôi...

Sau một thoáng ngập ngừng, ông vừa nói tiếp vừa vuốt hai bên tai bộ tóc giả vàng nâu cuộn xoắn:

– Quả là rất khó mở đầu.

Ông không vào đề ngay mà do dự nhìn vào mắt cô gái. Vầng trán trẻ trung của cô lại chau thành nếp nhăn đặc biệt kia - nhưng vẫn xinh đẹp và cá tính - cô đưa bàn tay lên như một phản ứng vô tình, hoặc như muốn tóm lấy một ảo ảnh thoáng qua.

– Chắc là ông đã từng gặp tôi rồi, phải không ạ?

– Vậy ư? - Ông Lorry xòe hai bàn tay rồi dang tay ra cùng một nụ cười ngụ ý phủ nhận.

Giữa đôi chân mày và ngay trên chiếc mũi thiếu nữ nhỏ nhắn, đường nét hết sức thanh tú và mảnh mai, hằn sâu một nếp nhăn biểu cảm khi cô tư lự ngồi xuống chiếc ghế mà này giờ cô chỉ đứng bên cạnh. Ông nhìn cô gái đang đăm chiêu và chờ cô ngẩng lên là nói tiếp ngay:

– Ở đất nước cô nương đã nhận làm quê hương này, chắc tôi nên gọi cô nương là tiểu thư như tôi gọi các cô nương Anh quốc nhé, tiểu thư Manette?

– Vâng ạ, tùy ý ông.

– Thưa tiểu thư Manette, tôi là người của công việc. Tôi có một trách nhiệm phải chu toàn. Trong lúc nghe tôi trình bày, tiểu thư cứ coi như tôi chỉ là một cái máy nói không hơn không kém nhé. Thưa tiểu thư, cho phép tôi được kể lại câu chuyện một thân chủ của chúng tôi.

– Câu chuyện!

Ông dường như cố ý hiểu sai cái từ cô gái vừa nhắc lại khi hấp tấp nói tiếp:

– Vâng, thân chủ; trong ngành ngân hàng chúng tôi thường gọi khách hàng là thân chủ. Đó là một quý ông người Pháp; một quý ông trong giới khoa học; một người học cao hiểu rộng... một bác sĩ.

– Không phải ở Beauvais đấy chứ?

–Ồ, đúng, ở Beauvais. Giống như lệnh tôn Đại nhân Manette, quý ông này cũng ở Beauvais. Giống như lệnh tôn Đại nhân Manette, quý ông này là người có tiếng tăm ở Paris. Tôi đã được hân hạnh quen biết ông ta ở đó. Quan hệ của chúng tôi là quan hệ giao dịch, nhưng rất thân tín. Lúc đó tôi làm ở chi nhánh bên Pháp, và đã... ồ! Hai mươi năm rồi.

– Lúc đó... cho phép tôi hỏi, đó là lúc nào, thưa ông?

– Tôi vừa nói đó, thưa tiểu thư, hai mươi năm trước. Ông ta lấy vợ... một cô nương Anh quốc... và tôi là một trong những người làm chứng trong hôn lễ. Việc riêng của ông ta, giống như việc riêng của nhiều quý ông Pháp và gia đình Pháp khác, đều giao phó hết cho hãng Tellson. Cũng giống như vậy, tôi đang, hay đã từng là người được ủy quyền đủ thứ việc riêng của các thân chủ. Đó chỉ toàn là những quan hệ giao dịch thôi, thưa tiểu thư; chẳng phải tình bạn gì cả, chẳng có quan tâm đặc biệt nào, chẳng hề có tình cảm. Suốt cuộc đời làm ăn, tôi cứ chuyển từ công việc này sang công việc khác, cũng như tôi chuyển từ thân chủ này sang thân chủ khác trong một ngày làm việc; tóm lại là tôi không có tình cảm gì; tôi chỉ là một cái máy. Để tôi nói tiếp...

– Nhưng nghe như chuyện về cha tôi, thưa ông; và tôi bắt đầu nghĩ là, - vâng trán nhăn lạ kỳ ấy hướng thẳng về phía ông, - khi tôi thành mồ côi vì mẹ tôi qua đời sau cha tôi chỉ có hai năm, chính ông là người đã đưa tôi về Anh quốc. Tôi gần như dám chắc đó là ông.

Ông Lorry đón lấy bàn tay nhỏ nhắn đang do dự đưa ra phó thác cho mình và ông nâng lên môi có phần trịnh trọng. Rồi ông lại lập tức đỡ cô gái ngồi xuống như cũ rồi bàn tay trái nắm lấy lưng ghế, bàn tay

phải hết xoa cầm lại giật hai bên tai bộ tóc giả, hoặc phụ họa cho lời nói, ông cúi nhìn cô gái trong lúc cô gái ngược nhìn ông.

– Tiểu thư Manette, *chính* tôi đó. Tiểu thư sẽ thấy tôi thành thật như thế nào về bản thân khi tôi nói mình không hề có tình cảm, và mọi giao dịch giữa tôi với đồng loại chỉ đơn thuần là giao dịch công việc, nếu cô nhớ rằng tôi đã không hề gặp lại cô. Không hề; kể từ đó cô được hãng Tellson chăm lo, còn tôi kể từ đó cũng bận rộn với những việc khác của hãng Tellson. Tình cảm! Tôi không có thời gian, không có cơ hội cho những thứ đó. Cả đời tôi, thưa cô, tôi chỉ biết làm việc cho một cỗ máy tài chính khổng lồ.

Dứt lời mô tả lạ lùng về công việc thông lệ thường ngày của mình, ông Lorry đưa hai bàn tay ép phẳng bộ tóc giả nâu vàng trên đầu (một việc không cần thiết vì đầu tóc bóng loáng ấy không thể nào phẳng hơn được nữa), rồi tiếp tục với phong thái lúc này:

– Thưa tiểu thư, như cô đã thấy, chuyện tới đây thì giống chuyện người cha đáng thương của cô. Bây giờ là tới chỗ khác biệt. Nếu như cha cô chưa từng qua đời... Đừng hoảng sợ! Cô giật mình kìa!

Thực vậy, cô gái giật mình. Và cô đưa cả hai bàn tay nắm cổ tay ông.

– Bình tĩnh nào, - ông Lorry vừa nói với giọng dỗ dành vừa thu bàn tay trái nơi lưng ghế về, đặt lên những ngón tay khấn khoản siết chặt tới mức run bần bật của cô gái. - Xin cô bình tĩnh lại... chuyện công việc thôi. Tôi vừa nói là...

Ánh mắt cô hoang mang tới mức ông phải ngừng lời, lạc dòng suy nghĩ, rồi bắt đầu lại từ đầu:

– Tôi vừa nói là nếu như Monsieur Manette chưa từng qua đời; nếu như ông ấy đột ngột biến mất bất tầm; nếu như ông ấy bị bắt đưa đi xa, đến nơi kinh khủng nào thì cũng không khó đoán nhưng không cách gì truy tìm dấu vết; nếu như ông ta có người đồng bào nào đó là một kẻ thù có được cái đặc quyền mà trong đời tôi, tôi biết, ngay cả những ai to gan nhất ở bên kia eo biển cũng chỉ dám thầm nhắc tới y; chẳng hạn

cái đặc quyền điền tên vào những tờ lệnh khống là có thể tổng bất kỳ ai vào cũi lẳng quên vô thời hạn của ngục tù; nếu như vợ người này đã van nài Nhà vua, Hoàng hậu, Triều đình, Giáo hội cho biết tin tức về chồng mình mà vẫn biệt vô âm tín... nếu vậy thì câu chuyện của cha cô cũng sẽ là câu chuyện của quý ông bất hạnh đó, vị bác sĩ ở Beauvais.

– Tôi van xin ông hãy nói rõ thêm.

– Tôi sẽ nói. Tôi sắp nói đây. Cô có chịu đựng nổi không?

– Gì tôi cũng chịu được, ngoại trừ sự bất an ông đang bắt tôi phải chịu đây.

– Cô nói bình tĩnh lắm, và cô... cũng *tỏ ra* bình tĩnh. Tốt đấy! - Giọng điệu của ông lại không được hài lòng như lời ông nói. - Chuyện công việc mà. Cứ coi nó chuyện công việc, một việc phải hoàn thành. Rồi nếu như người vợ của vị bác sĩ này, tuy là một phu nhân chí khí can trường, cũng phải đau khổ xiết bao vì có sự đó trước khi sinh hạ một đứa bé...

– Đứa bé ấy hẳn là bé gái, thưa ông.

– Bé gái. Chuyện... chuyện công việc thôi... đừng có đau buồn. Thưa tiểu thư, nếu như phu nhân tội nghiệp này đã đau khổ xiết bao trước khi đứa bé chào đời, tới mức bà quyết lòng tránh cho con mình phải chịu bất kỳ nỗi đau khổ nào mà người mẹ từng cam chịu, bằng cách nuôi con lớn lên và dạy cho đứa bé tin rằng cha nó đã chết... Đừng, đừng quỳ xuống! Trời ơi, sao cô lại quỳ trước mặt tôi!

– Vì sự thật. Ôi, xin ông nhân từ thương xót, hãy nói sự thật đi!

– Chuyện... chuyện công việc thôi. Cô làm tôi rối trí, và làm sao tôi giải quyết công việc khi tôi rối trí chứ? Chúng ta phải sáng suốt. Xin cô vui lòng cho tôi biết, chẳng hạn, chín lần của chín *pence* là bao nhiêu tiền, hoặc hai mươi đồng *guinea* bằng bao nhiêu *shilling*, vậy sẽ hay hơn nhiều. Tôi sẽ an lòng hơn về tâm trạng của cô.

Không buồn đáp lại lời khấn khoản ấy, Manette ngồi im lìm sau khi ông đã đỡ cô lên ghế, hai bàn tay cô gái vẫn nắm chặt cổ tay ông

Jarvis Lorry nhưng đã không còn run rẩy như lúc này nên ông có phần yên tâm.

– Được đấy, được đấy. Can đảm lên! Công việc thôi! Cô còn công việc phải lo; việc cần thiết. Thừa tiểu thư Manette, mẹ cô đã quyết định cho cô như thế. Và tới khi bà ấy qua đời... chắc chắn với cõi lòng tan nát... bà vẫn không ngừng tìm kiếm cha cô một cách vô vọng, bà bỏ lại cô, lúc đó mới lên hai, lớn lên tươi tắn, xinh đẹp, và vui sướng, cuộc sống không hề bị u ám vẫn đục vì nỗi lo không biết cha mình đã sớm tàn đời nơi tù ngục, hay đang sống lay lắt mỗi mòn suốt bao năm trong đó.

Khi thốt mấy lời đó, ông cúi nhìn mái tóc vàng buông xõa của Manette với ánh mắt vừa ngưỡng mộ vừa thương xót, cứ như ông đang thầm tưởng tượng rằng mái tóc ấy biết đâu đã có nhiều sợi bạc.

– Chắc cô biết cha mẹ cô không có tài sản nhiều nhận gì, và có bao nhiêu đã dành hết cho hai mẹ con cô. Không hề có phát hiện gì mới về tiền của, hay về tài sản nào khác; nhưng...

Ông cảm thấy cổ tay mình bị siết chặt hơn, và ông ngừng lời. Nếp nhăn trên vầng trán kia, vốn đã khiến ông chú ý đặc biệt, bây giờ trở thành bất động, hằn sâu thành một niềm đau đớn kinh hoàng.

– Nhưng ông ấy... đã tìm được ông ấy. Ông ấy còn sống. Thay đổi rất nhiều, có lẽ vậy; gần như là phế nhân, cũng có thể lắm; dù vậy chúng ta vẫn phải hy vọng những điều tốt đẹp nhất, vẫn còn sống. Cha cô đã được đưa tới nhà một gia nhân cũ ở Paris, và chúng ta sẽ đi tới đó. Việc của tôi là nhận dạng cho đúng người, nếu được; còn việc của cô là đem lại cho ông ấy cuộc sống, tình yêu thương, bốn phận làm con, sự bình yên và an ủi.

Cơn rùng mình lan khắp thân thể cô, và lan cả sang ông. Cô nói với giọng khe khẽ, ngắt quãng, đầy sợ hãi tựa hồ đang nói trong mơ:

– Mình sẽ gặp hồn ma của cha! Đó sẽ là hồn ma của cha... chứ nào phải cha!

Ông Lorry lặng lẽ xoa hai bàn tay đang bấu víu vào cánh tay mình.

– Đấy, đấy, đấy! Rõ rồi đấy, rõ rồi! Chuyện gì tốt đẹp nhất và tồi tệ nhất giờ cô đã biết rồi đấy. Cô phải lên đường đi gặp quý ông oan ức đáng thương ấy, chỉ cần một chuyến vượt biển yên lành, một chặng đường bộ yên lành nữa là cô sẽ sớm ở bên người thân yêu thôi.

Cô gái lặp lại giọng điệu cũ, lần này như tiếng thì thầm:

– Mình đã sống tự do, mình đã sống vui sướng, nhưng hồn ma của cha không hề ám ảnh mình!

– Còn một việc nữa, - ông Lorry nói, nhấn mạnh từng chữ với hảo ý muốn cô gái phải lắng nghe, - người ta đã tìm ra cha cô dưới một cái tên khác; còn tên thật của ông đã bị lãng quên hay bị giấu kín từ lâu. Bây giờ mà có hỏi tên thì cũng chẳng ích lợi gì; có hỏi xem bao nhiêu năm qua ông bị cầm tù là do ai sơ suất hay cố tình giam hãm luôn thì cũng chẳng ích lợi gì. Bây giờ mà có hỏi gì thì cũng lợi bất cập hại. Tốt nhất là đừng nêu chuyện đó ra, ở bất cứ đâu, dưới bất cứ hình thức nào, phải đưa ông ấy ra khỏi nước Pháp... ít nhất là một thời gian. Ngay cả tôi đây, được an toàn vì tôi là dân Anh quốc, và ngay cả hãng Tellson này, dù có thể lực vì rất uy tín với người Pháp, cũng tránh không nêu việc này ra. Tôi không mang trong người một mảnh giấy nào đề cập trực tiếp việc này. Đây hoàn toàn là một hoạt động bí mật. Bao nhiêu thứ ủy quyền, bảo đảm và xác nhận cho tôi đều gói gọn trong một câu “hồi sinh,” muốn hiểu sao thì hiểu. Mà có nói cũng như không! Cô ấy có chịu nghe đâu! Tiểu thư Manette!

Ngồi im như tượng, thậm chí không tựa lưng ra ghế, vẫn bám vào tay ông nhưng Manette đã bất tỉnh hoàn toàn; hai mắt vẫn mở to nhìn ông, vẻ ngỡ ngàng cuối cùng dường như đã được tạc hoặc khắc sâu vào vầng trán. Manette bám chặt vào cánh tay ông Lorry tới mức ông sợ sẽ làm cô gái đau nếu gỡ tay cô ra; thế là ông đành chịu trận và lớn tiếng cầu cứu.

Một người đàn bà tướng tá thô lậu xông vào phòng trước cả đám giúp việc trong lầu quán. Ngay cả khi đang rối trí ông Lorry cũng nhận ra toàn thân chị ta là một màu đỏ, từ mái tóc đỏ cho tới trang phục bó

sát khác thường, và chiếc mũ *bonnet* to đùng trên đầu vừa giống cái mũ vệ binh lại vừa rất giống cái đầu gỗ đóng thóc, hoặc giống một khoanh pho mát lớn. Người này giải quyết ngay chuyện tách rời ông già khỏi cô gái trẻ tội nghiệp bằng cách đặt một bàn tay to khỏe lên ngực ông và xô cho một phát dội ngược vào bức tường gần nhất.

(“Đàn bà gì mà mạnh như đàn ông!” Đó là ý nghĩ của ông Lorry ngay khi va vào tường muốn tắt thở.)

– A, coi tụi bay kìa! - Chị ta quát tháo đám giúp việc. - Sao không đi lấy các thứ cần mà đứng đó trố mắt nhìn tao hả? Tao có gì mà nhìn? Sao không đi lấy các thứ đi? Tao bảo cho hay, tụi bay mà không đem muối gừng, nước lạnh với giấm tới đây cho mau thì để tao đi lấy.

Đám giúp việc lập tức phân tán đi lấy các thứ giúp hồi tỉnh, còn chị ta nhẹ nhàng đặt Manette lên trường kỷ, chăm sóc hết sức khéo léo và dịu dàng, luôn mồm hết gọi “cưng ơi!” lại gọi “em ơi!” và vuốt mái tóc vàng xõa tung của cô gái ra hai bên vai một cách tự hào và chu đáo vô cùng.

– Còn ông áo nâu kia! - Chị ta tức tối quay lại bảo ông Lorry. - Cái gì đáng nói thì hãy nói, chứ sao lại làm cho cô ấy sợ chết khiếp thế này? Ông nhìn coi, cô ấy mặt tái xanh, tay lạnh ngắt đây này. Người của nhà băng mà *làm vậy* sao được?

Ông Lorry đâm ra luống cuống vì câu hỏi khó trả lời ấy, tới mức ông chỉ biết đứng từ xa nhìn tới với vẻ thương cảm và nhún nhường cố đè nén trong lúc người đàn bà mạnh mẽ kia, sau khi tổng cổ đám giúp việc đi với lời đe dọa trừng phạt bí hiểm là “cho tụi bay biết tay” - không rõ chúng sẽ biết gì nếu còn dám đứng đó giương mắt nhìn - lại tiếp tục nhiệm vụ làm cho Manette từ từ hồi tỉnh, và dỗ dành cô gái gục đầu vào vai chị ta.

– Mong là cô ấy đã khỏe lại, - ông Lorry nói.

– Có khỏe lại cũng chẳng nhờ tới ông áo nâu kia. Ôi, cô gái bé bỏng!

– Tôi mong là, - ông Lorry nói tiếp sau một lúc ngập ngừng thương cảm và nhún nhường nữa, - là chị có thể đi cùng tiểu thư Manette qua Pháp chứ?

– Nói dễ nghe quá! - Người đàn bà mạnh mẽ ấy đáp trả. - Nếu số tôi buộc phải vượt biển xuất ngoại thì Chúa có đày tôi lên hòn đảo nào không?

Đây lại là một câu hỏi khó trả lời nữa, ông Jarvis Lorry đành phải lui về phòng riêng suy ngẫm.

5. Tửu quán

Một thùng rượu lớn rơi vỡ dưới đường. Đang lúc khiêng xuống xe hàng thì xảy ra chuyện, thùng rượu lăn nhào quá nhanh, đai niềng bung ra, và vỡ nát như cái vỏ hạt hồ đào trên mặt đường đá trước cửa tửu quán.

Mọi người gần đó đều ngừng ngay công việc hay chấm dứt ngồi không để chạy tới uống rượu tại chỗ. Những tấm đá lát đường xù xì, lồi lõm, đầy cạnh sắc nhọn, tưởng chừng được sắp đặt chỉ cốt làm què quặt mọi sinh vật nào tới gần, đã chặn số rượu chảy tràn thành những vũng nhỏ; quanh mỗi vũng rượu là một đám người, tùy theo vũng nhỏ hay lớn mà túm năm tùm ba chen lấn. Có người quỳ xuống, chụm hai bàn tay mà múc rượu lên hớp; hoặc giơ cao cho mấy phụ nữ đang chồm qua vai họ uống trước khi rượu chảy hết qua kẽ tay. Người khác, đàn ông lẫn đàn bà, thò những cái chén đất nung sứt mẻ xuống vũng rượu; hay thậm chí có bà nhúng cả khăn trùm đầu xuống cho ngấm cái chất lỏng đó rồi vắt vào miệng mấy đứa trẻ còn ẩm ngứa; kẻ thì vét bùn đất đắp bờ chặn cho rượu khỏi tràn đi; kẻ thì nghe lời chỉ bảo của mấy người đứng nhìn trên lầu cao lại chạy tứ tung để ngăn dòng rượu đã bắt đầu chảy theo hướng khác; có người chỉ chăm chú vào những mảnh thùng vỡ còn ướt đầm cặn rượu mà liếm, thậm chí còn khoái trá gặm cả những miếng gỗ ẩm mục vì rượu nho. Không hề có cống rãnh nào cho rượu chảy thoát, người ta không những uống hết lượng vang đổ tràn mà còn nuốt sạch cả bùn đất cuốn theo dòng rượu, sạch tới mức tưởng đâu người phu quét đường vừa mới hạ cổ qua đây, nếu như có ai quá rành khu phố bần cùng này mà lại tin vào sự xuất hiện mâu nhiệm ấy.

Tiếng cười inh ỏi, tiếng nói hào hứng - giọng đàn ông, đàn bà, trẻ nhỏ đủ cả - náo động con đường với trò vui uống rượu này. Một trò có

chút ít thô kệch nhưng tràn đầy vui thú. Một trò có tình thân ái đặc biệt, rõ ràng là ai cũng thấy háo hức muốn tham gia cùng; nhất là với những người vô tư hay may mắn hơn kẻ khác thì tình thân ái đó thôi thúc họ ôm chầm lấy nhau vui sướng; uống mừng sức khỏe; bắt tay; thậm chí cả chục người còn nắm tay nhau nhảy múa. Khi rượu đã cạn, và những chỗ đọng nhiều rượu nhất chỉ còn là những dấu ngón tay cào vết chẳng chịt, cuộc thù tạc đông vui này kết thúc đột ngột như lúc nó bắt đầu. Ông ban nãy đã bỏ mặc lưỡi cửa cấm trong khúc củi giờ lại cửa tiếp; bà ban nãy đặt bừa hũ tro nóng đang xoa cho đỡ buốt những ngón tay, ngón chân ồm đỏi giờ xương của mình hay của con trẻ giờ lại cầm hũ tro; mấy gã áo cộc tay trần, đầu bù tóc rối, mặt mày hốc hác xanh xao lúc nãy từ dưới các tầng hầm bước ra sưởi ánh nắng mùa đông giờ lại tản mát, quay xuống hầm; và quang cảnh lại chìm đắm trong vẻ u ám quen thuộc chứ không còn tươi vui nữa.

Rượu là thứ vang đỏ đã nhuộm đỏ mặt đất con phố hẹp ở khu Saint Antoine, thành Paris. Rượu cũng nhuộm đỏ nhiều bàn tay và nhiều gương mặt, nhiều bàn chân trần và nhiều đôi giày mộc. Bàn tay ông thợ xẻ gỗ để lại dấu đỏ trên những khúc củi; vàng trán bà mẹ cho con bú nhuộm đỏ màu rượu đã thấm ướt mảnh khăn rách giờ lại trùm lên đầu. Những người đã hau háu gặm những mảnh thùng rượu giờ quanh miệng vẫn vận đỏ thật hung tợn; và một kẻ nghịch ngợm cũng lem luốc đỏ với chiếc mũ ngủ bẩn thỉu dài thượt như muốn trật ra khỏi đầu, nhúng ngón tay vào bã rượu lầy nhầy rồi viết nguệch ngoạc lên tường một chữ - MÁU.

Rồi sẽ tới lúc cái thứ nước màu đỏ ấy cũng sẽ chảy tràn trên mặt đường đá, và cũng sẽ nhuộm đậm nhiều con người nơi đó.

Còn lúc này mây mù đã bao phủ Saint Antoine sau một thoáng bừng sáng, bộ mặt của khu phố mang tên thánh* giờ lại tăm tối như cũ với giá rét, bẩn thỉu, bệnh tật, dốt nát, và bẩn cùng - năm vị phò tá bậc thánh kia, vị nào cũng quyền năng nhưng ghê gớm nhất là vị cuối cùng. Ở mọi góc đường, ra vào mọi ngưỡng cửa, đứng trong mọi cửa

số, quần mình bằng mọi thứ áo xống rách rưới phần phật trong gió, là những con người đã bị xay nghiền, tán nhừ trong cối máy bần cùng. Cái cối máy đã nhào nặn họ là cối máy biến người trẻ thành già; lũ nhi đồng có bộ mặt lão niên và giọng nói nghiêm trọng; và trên mọi gương mặt trẻ con lẫn người lớn, hằn sâu trên những nếp nhăn tuổi tác, đều lộ một dấu hiệu: Đói. Cái đói hiển hiện khắp nơi. Cái đói ứa tràn từ những căn nhà cao, trong mớ áo quần rách rưới phơi trên sào trên dây; cái đói độn, vá, ghép, dán chung với rơm, giẻ, gỗ, giấy; cái đói tự phân thân trên từng mẩu củi vụn của ông thợ cưa; cái đói trừng mắt nhìn xuống từ những ống khói không khói bếp, cất bước trên con đường bần thiêu đầy rác rưởi nhưng không có chút đồ thừa nào ăn được. Cái đói khắc tên trên những kệ hàng của người thợ bánh, viết chữ lên từng ổ bánh mì ôi bé choắt trong nguồn dự trữ ít ỏi; lưu dấu ở tiệm xúc xích bán toàn thứ pha chế từ thịt chó chết. Cái đói lộp bộp rung tiếng xương khô giữa mớ hạt dẻ nướng trong lò rang; cái đói tan thành nguyên tử trong những chiếc bát mặt hạng chứa những lát khoai còn nguyên vỏ, chiên bằng mấy giọt dầu chặt chiu.

Người làm sao của chiêm bao làm vậy. Một con đường hẹp ngoằn ngoèo, đầy những thứ khó chịu và thối tha, rẽ sang nhiều con đường hẹp ngoằn ngoèo khác, đâu cũng thấy những con người áo quần lam lũ đội mũ ngủ, ai cũng nong nặc, hôi hám, với những khuôn mặt thâm đậm, bệnh hoạn. Trong dáng vẻ của những con người đó vẫn ẩn chứa cái bản năng kháng cự của loài dã thú bị săn đuổi cùng đường. Dù u uất và khốn quẫn, những đôi mắt vẫn hùng hực lửa; những đôi môi mím chặt vẫn trắng bệch ra vì cố kiềm nén; những vầng trán nổi sần nếp nhăn như sợi thừng trên giá treo cổ vẫn ôm ấp ý nghĩ cam chịu hay trả thù. Những tấm biển hiệu trên mọi cửa hàng hầu như cái nào cũng là một minh họa khắc nghiệt cho sự bần cùng. Các hàng thịt chỉ vẽ hình những thứ thịt vụn ít béo bổ nhất; lò bánh mì vẽ những ổ bánh khăng khiu làm bằng thứ bột mì tồi nhất. Biển hiệu các tửu quán vẽ

thô thiển những hình người đang ngồi uống trong quán, mặt mày cau có và đầy vẻ bí mật khả nghi bên những suất bia rượu ít ỏi. Chẳng có cái gì được thể hiện cho ra dáng làm ăn phát đạt, ngoại trừ các dụng cụ và khí giới; thế nhưng dao rìu trên biển hiệu tiệm đồ sắt lại trông bén ngọt và sáng rực, những cái búa trên biển hiệu lò rèn trông nặng trĩu, còn hàng hóa của tiệm súng ống thì trông đặng đặng sát khí. Những con đường lát đá nhấp nhô nguy hiểm, cùng những vũng nước đọng bùn lầy, không hề có vỉa hè mà đột ngột cắt ngang trước cửa nhà. Bùn lại, cống rãnh lại chảy ngay giữa đường - nếu như cống không nghẹt, mà cống chỉ thông sau những trận mưa lớn và khi thông thì oái ăm thay, nước lại chảy tràn vào nhà. Hai bên đường, cách quãng đều đặn lại có một chiếc đèn ọp ẹp treo cao bằng dây thừng và ròng rọc; đến buổi tối người thắp đèn lại hạ chúng xuống, thắp sáng, rồi lại kéo lên, một chùm dây bắc cháy tù mù yếu ớt đòng đưa trên đầu cứ như đang say sóng ngoài khơi. Mà chúng ở ngoài khơi thật đấy, và cả con tàu lẫn thủy thủ đoàn đang gặp hiểm họa phong ba.

Bởi vì sẽ rất nhanh tới lúc mà những kẻ rách rưới, hốc hác như con bù nhìn ở khu vực này, lâu nay bụng đói ngồi không theo dõi người thắp đèn đêm, sẽ nghĩ ra cách cải tiến phương pháp thắp sáng tình trạng tăm tối của họ là dùng mớ dây thừng và ròng rọc đó để treo cổ người ta lên. Nhưng lúc đó vẫn chưa tới, và mọi luồng gió thổi qua nước Pháp vẫn tuyệt vọng lay động những mảnh giẻ rách của đám bù nhìn, bởi những con chim có bộ lông đẹp nhất và hót hay nhất vẫn chưa hề lo sợ đề phòng.

Từu quán là tiệm nằm ngay góc đường, bề ngoài và giá trị cũng khá hơn nhiều tiệm khác, và anh chủ quán mặc áo chèn màu vàng, quần chèn màu lục dài quá gối, này giờ đứng ngoài cửa nhìn cảnh tranh giành uống rượu đồ.

- Không phải việc của ta, - anh ta nói kèm theo cái nhún vai dứt khoát. - Người của hiệu buôn làm vỡ thùng này thì họ phải giao thùng khác.

Rồi ánh mắt tình cờ nhìn thấy gã cao kều tếu táo viết đùa lên tường, anh ta gọi với qua đường:

– Ê kia, Gaspard, mày làm gì bên đó?

Gã kia hết sức đặc chí chỉ vào trò đùa của hắn, như kiểu lũ nghịch ngợm thường khoe với nhau. Trò đùa không linh, chẳng gây cười chút nào, giống như các trò nghịch của đám phá phách này.

– Rồi sao? Mày muốn vào nhà thương điên à? - Chủ quán rượu vừa nói vừa băng qua đường, vốc một nắm bùn lên và bôi lên tường xóa sạch chữ viết nghịch đó. - Sao mày viết bậy ngoài đường phố công cộng hả? Còn chỗ nào... mày nói coi... bộ hết chỗ để viết chữ này rồi sao?

Không biết vô tình hay chẳng, anh ta vừa phản đối vừa vuốt bàn tay còn sạch lên ngực gã tếu táo. Gã kia đưa tay vỗ vào bàn tay anh, nhảy phóc lên rồi hạ xuống đứng giơ chân theo một tư thế múa kỳ quặc, một tay giật phắt chiếc giày bắn khỏi bàn chân và chìa ra phía trước. Trong bộ dạng này, trông gã tếu táo ấy hết sức xảo trá, nếu không nói là hung ác.

– Xỏ giày vào đi, xỏ vào, - chủ quán rượu nói. - Đi tìm rượu uống đi, xong chuyện rồi. - Dứt lời, anh ta rõ ràng là cố ý quẹt luôn bàn tay bắn lên áo tên du côn bởi gã kia là lý do làm bắn tay; rồi lại băng qua đường đi vào tửu quán.

Chủ quán trạc tuổi ba mươi, cổ to bạnh, dáng vẻ nhà binh, ắt hẳn phải là người tính khí nóng nảy vì dù đang ngày rét buốt anh ta vẫn chỉ vắt áo khoác trên vai chứ không hề mặc. Hai tay áo sơ-mi cũng được xắn cao phơi ra đôi cánh tay rám nắng trần trụi khuỷu. Trên đầu anh cũng chẳng đội hay choàng gì lên mái tóc đen ngắn, xoắn tít. Nước da ngăm đen, hai mắt tình tường nằm cách xa nhau. Gương mặt nhìn chung có vẻ vui tính nhưng cũng bướng bỉnh; rõ ràng là người rất cương quyết và có nguyên tắc; một người không ai muốn đối đầu khi anh ta đang lao tới trên con đường hẹp giữa hai vực sâu, bởi không có gì khiến được người này phải quay lui.

Chị Defarge, vợ anh ta, đang ngồi sau quầy trong quán lúc anh đi vào. Đó là một phụ nữ đầy đà trạc tuổi anh, đôi mắt đầy cảnh giác dường như hiếm khi nhìn thẳng vào bất cứ thứ gì, một bàn tay to đeo đầy nhẫn; gương mặt bình thản, đường nét cứng rắn, và phong thái hết sức điềm nhiên. Chị Defarge toát ra vẻ gì đó khiến ta nghĩ rằng bà chủ này hiếm khi sai lầm trong những chuyện tính toán tiền nong. Không chịu được giá rét, chị Defarge quấn kín người trong chiếc áo lông, quanh đầu trùm chiếc khăn to khổ màu sáng cuộn xoắn lại nhưng vẫn để lộ ra đôi khoen tai lớn. Đồ đan len nằm trước mặt nhưng chị ta đã ngừng đan để lấy tăm xỉa răng. Bàn tay trái đỡ lấy khuỷu tay phải đang xỉa răng, chị Defarge không nói năng gì khi anh chồng đi vào mà chỉ khẽ hắng giọng một tiếng. Kèm theo tiếng đằng đằng, cặp chân mày đậm đen bên trên cây tăm chỉ nhướn lên một tí, ra hiệu cho anh chồng là nên nhìn quanh khách khứa trong tiệm xem ai đã ghé đến trong lúc anh ta đi qua bên kia đường.

Hiếu ý, chủ quán đảo mắt nhìn quanh cho tới khi ánh mắt dừng lại ở chỗ một vị quý phái cao niên và một tiểu thư đang ngồi ở góc phòng. Trong quán còn nhiều khách nữa: hai người đang chơi bài, hai người chơi domino, ba người đang đứng bên quầy cố tận hưởng cốc rượu ít ỏi. Lúc đi ra sau quầy, anh để ý thấy ông già quý phái kia nhìn cô gái ngẫm tỏ ý: “Đây là người của ta”.

“Cái xó xinh này mà *mấy người* tới làm quái gì chứ?” anh Defarge nói thầm trong bụng. “Tôi không quen không biết đâu.”

Anh giả vờ như không thấy hai người lạ và bắt chuyện với ba người khách đang uống rượu tại quầy.

- Chuyện sao rồi, Jacques? - Một trong ba người này hỏi anh Defarge. - Rượu đồ đã nốc hết sạch chưa?
- Không còn một giọt, Jacques ạ, - anh Defarge đáp.*

Nghe cách gọi tên qua lại này, chị Defarge vẫn đang cầm tăm xỉa răng lại khẽ hắng giọng cái nữa và chân mày nhích cao thêm một chút.

– Mấy khi được uống chứ, - người thứ hai trong bộ ba nói với anh Defarge, - lũ súc sinh khốn khổ đó nhiều đứa đâu có được nếm mùi rượu vang hay thứ gì khác hơn là bánh mì đen và cái chết. Phải vậy không, Jacques?

– Đúng vậy đấy, Jacques, - anh Defarge đáp lời.

Lần thứ hai nghe họ gọi nhau là “Jacques”, vẫn đang xía răng hết sức điềm tĩnh, chị Defarge lại khẽ đằng hắng và nhướn chân mày cao thêm chút nữa.

Người cuối cùng trong bộ ba giờ mới lên tiếng sau khi đặt cốc rượu đã uống cạn xuống và chép môi.

– A! Thế lại càng tệ hại hơn! Cái lũ người đáng thương đó lúc nào cũng ngậm cay nuốt đắng, sống khổ như trâu bò mà, Jacques. Tôi nói đúng không, Jacques?

– Anh nói đúng, Jacques, - anh Defarge hưởng ứng.

Lần gọi tên thứ ba này kết thúc ngay lúc chị Defarge rút cây tăm ra, chân mày vẫn nhướn cao, và cục cựa sột soạt trên ghế.

– Khoan đã! Chờ chút! - Người chồng lâu bầu. - Quý anh... đây là bà nhà tôi!

Ba vị khách nhấc mũ múa tay trịnh trọng chào chị Defarge. Tỏ ý tiếp nhận lòng kính trọng của họ, chị ta cúi đầu đáp lễ, mắt liếc nhanh qua cả ba người. Rồi chị ta lại bình thản như thường nhìn quanh quán rượu một vòng, điềm tĩnh, ung dung cầm đồ đan len lên, và chú tâm vào đó.

– Chúc quý anh một ngày tốt đẹp, - nãy giờ nhìn vợ không rời mắt, người chồng lại lên tiếng. - Căn phòng có bày biện sẵn cho người độc thân mà các anh muốn xem, và đang hỏi thăm lúc tôi ra ngoài, phòng đó ở trên tầng năm. Cửa vào cầu thang nằm ở khoảng sân nhỏ sát bên trái đây, - anh ta chỉ tay, - gần cửa sổ quán rượu này. Nhưng tôi nhớ ra rồi, trong các anh đã có một người từng tới đó rồi và có thể dẫn đường. *Adieu*, tạm biệt nhé!

Ba người kia trả tiền rồi đi ra. Trong lúc anh Defarge chăm chú nhìn vợ đan len, ông già quý phái trong góc quán đi tới và xin được nói chuyện riêng.

– Sẵn lòng, thưa ông, - anh Defarge đồng ý và lặng lẽ theo ông già ra cửa quán.

Cuộc trao đổi rất chóng vánh và dứt khoát. Hầu như mới nghe câu đầu tiên là anh Defarge đã giật mình, tỏ ra chú tâm hết mực. Câu chuyện kéo dài không đầy một phút là anh ta gật đầu rồi đi ra ngoài. Ông già quý phái bèn ra hiệu cho cô gái rồi cả hai cũng đi ra. Chị Defarge vẫn đan len với những ngón tay thoăn thoắt, cặp chân mày không nhúc nhích, vờ như không nhìn thấy gì.

Ông Jarvis Lorry và tiểu thư Manette ra khỏi tửu quán, theo anh Defarge tới cửa vào cầu thang mà anh ta trước đó đã chỉ đường cho mấy người khách của mình. Cửa nằm ở một khoảng sân nhỏ tăm tối, hơi hám, dùng làm lối vào chung cho rất nhiều nhà, nơi cư ngụ của rất nhiều người. Ở cửa vào lát gạch âm u dẫn tới cầu thang lát gạch âm u, anh Defarge khuy một chân quỳ xuống trước con gái của ông chủ cũ và nâng tay cô lên môi hôn. Đó là một cử chỉ ân cần nhưng cách bày tỏ lại không hề có vẻ gì như thế; trong chớp nhoáng thái độ của anh ta đã thay đổi thấy rõ. Nét mặt không còn vẻ vui tính hay cởi mở mà đã trở thành một bí mật, một cơn thịnh nộ, một con người nguy hiểm.

– Ở tuốt trên cao; hơi khó đi lên. Nên bắt đầu từ từ thôi. - Giọng nghiêm khắc, anh Defarge nói với ông Lorry như thế khi họ bước lên các bậc thang.

– Ông ấy ở một mình? - Tiếng ông Lorry thì thào.

– Một mình! Chỉ có Chúa chứ ai mà ở với ông ta! - Anh Defarge cũng hạ giọng theo.

– Vậy lúc nào ông ấy cũng một mình à?

– Vâng.

– Vì ông ấy muốn thế?

– Vì ông ta cần như thế. Lúc nào cũng thế, từ khi tôi gặp ông ta lần đầu tiên, sau khi họ tìm ra tôi, hỏi tôi có chịu đón về và phải giấu kín để tránh nguy hiểm... ông ta lúc đó thế nào thì bây giờ vẫn vậy.

– Ông ấy thay đổi nhiều lắm không?

– Thay đổi!

Anh chủ quán dừng bước vung tay đâm vào tường và thốt ra một tiếng chửi thề dữ dội. Không thể có câu trả lời trực tiếp nào hùng hồn bằng phân nửa tiếng chửi ấy. Tâm trạng ông Lorry càng lúc càng nặng nề khi ông cùng hai người kia càng lúc càng lên cao.

Một cầu thang như vậy, cùng các thứ phụ thuộc, ở những khu đông đúc và xưa cũ hơn của Paris hẳn là tồi tệ so với thời nay; nhưng ngay cả thời đó nó cũng đã khó chịu đối với những ai chưa quen thuộc và tôi luyện. Mọi nơi cư trú trong lòng cái tổ hôi thối là căn nhà cao này - nói cách khác, từng căn phòng, căn hộ đằng sau cánh cửa nào mở ra cầu thang chung này - đều để một đồng rác rưởi của mình trên đầu cầu thang các tầng, cùng với việc quăng các thứ phế thải khác qua cửa sổ. Cho dù không vấn vương cái mùi nghèo túng đi nữa, cái đồng phân hủy tuyệt vọng và cứ sinh sôi vô phương kiểm soát ấy ắt đã đủ đầu độc cả bầu không khí rồi; nhưng khi cả rác rưởi lẫn nghèo túng cùng hợp sức thì mùi xú uế không sao chịu nổi. Muốn đi phải xuyên qua bầu không khí ấy, phải băng qua lồng cầu thang tăm tối, dốc đứng, bẩn thỉu và độc địa ấy. Ông Jarvis Lorry đã hai lần phải tạm dừng lấy sức vì quá mệt với những ý nghĩ bất an của mình lẫn nỗi bồn chồn của cô nương đi cùng. Lần nào ông cũng dừng lại ở ô cửa thông gió thăm hại nhưng dường như chút không khí trong lành đáng mong muốn nào còn sót lại đều đã thoát ra hết và bao luồng hơi tanh tươi hôi hám bên ngoài lại len lỏi vào trong. Qua những song sắt gỉ sét của ô thông gió, ta hầu như ném được chứ không thấy được khu vực hỗn độn này; và trong phạm vi từ đây cho tới hai đỉnh tháp cao của Thánh đường Notre-Dame, mọi thứ gần hơn hay thấp hơn đều không có chút gì hứa hẹn về cuộc sống an lành hay những ước vọng cao xa.

Rốt cuộc cũng tới đầu cầu thang trên cùng, và họ dừng lại lần thứ ba. Vẫn còn phải lên một cầu thang nữa dốc đứng hơn và chật hẹp hơn mới tới tầng áp mái. Anh chủ quán lúc nào cũng đi trước một chút, luôn kề sát bên ông Lorry, cứ như anh ta sợ cô gái nêu bất kỳ câu hỏi nào; tới đây thì anh quay mặt lại, cẩn thận lần mò trong mấy cái túi của chiếc áo khoác vắt trên vai, moi ra một chìa khóa.

– Cửa này phải khóa sao, anh bạn? - Ông Lorry ngạc nhiên hỏi.

– Ồ, phải, - câu trả lời tàn nhẫn của anh Defarge.

– Anh thấy cần phải nhốt kín con người bất hạnh này sao?

– Tôi thấy cần phải vặn chìa khóa. - Anh Defarge kề sát tai ông nói thầm và cau mày.

– Tại sao?

– Sao ư? Bởi vì ông ta đã sống trong cảnh giam cầm quá lâu, tới mức bây giờ mà để cửa mở thì ông ta sẽ phát hoảng, phát điên, sẽ tự xé xác, sẽ chết, hay sẽ làm bất cứ chuyện gì ghê gớm không biết được.

– Tới mức vậy sao! - Ông Lorry kêu lên.

– Tới mức vậy sao! - Defarge cay đắng lặp lại. - Vậy đó. Và cái thế giới ta đang sống mới tuyệt vời sao khi chuyện *như vậy* vẫn có thể, và khi nhiều chuyện khác tương tự cũng có thể, và không những có thể mà thực sự đã xảy ra... Đã xảy ra, ông nghe chưa!... Dưới vòm trời này, hàng ngày. Quỷ sứ vạn tuế. Ta đi tiếp nào.

Hai người nói thì thào nên không lời nào đến tai cô gái. Nhưng tới lúc này thì cô đã run bần bật vì xúc động mạnh, gương mặt lộ vẻ lo lắng hết sức, và còn hơn thế, đầy khiếp đảm, hãi hùng, khiến ông Lorry cảm thấy phải có bốn phận nói đôi lời trấn an.

– Can đảm lên, thưa tiểu thư! Can đảm lên! Công việc thôi! Chỉ một lát nữa thôi là cảm giác tệ hại này sẽ chấm dứt; chỉ cần đi qua cửa phòng là cảm giác tệ hại này sẽ hết. Sau đó, bao nhiêu là điều tốt đẹp cô mang đến cho ông ấy, bao nhiêu bù đắp, bao nhiêu hạnh phúc cô mang đến, đều sẽ bắt đầu. Hãy để người bạn quý của chúng ta đây dìu cô một bên. Đúng đó, anh bạn Defarge. Đi nào! Công việc, công việc!

Họ đi lên, từ từ, nhẹ nhàng, cầu thang này ngắn, chẳng mấy chốc họ đã lên tới đỉnh. Đến nơi, họ vừa vòng qua chỗ ngoặt ở đầu cầu thang thì thình lình thấy ngay ba người đang khom lưng chụm đầu sát nhau ở một bên cánh cửa, chăm chú nhìn vào phòng trong qua những kẽ nứt và lỗ thủng trên tường. Nghe tiếng chân tới gần, cả ba quay lại, đứng thẳng lên, hóa ra đó là ba người cùng tên Jacques lúc nãy đã uống rượu trong tửu quán.

– Tôi quên mất bọn họ vì ông ghé đến bất ngờ, - anh Defarge giải thích. - Đi đi, mấy anh bạn; chúng tôi có công việc ở đây.

Ba người kia lách qua họ rồi lặng lẽ đi xuống.

Ở tầng này hình như không có cánh cửa nào khác, anh chủ quán đi thẳng tới cánh cửa đó khi ba người kia đã khuất dạng, ông Lorry có vẻ tức giận, hạ giọng hỏi Defarge:

– Anh cho người ta nhìn ngó ngài Manette à?

– Tôi cho vài người chọn lọc xem, như ông đã thấy.

– Có nên không?

– Tôi nghĩ là nên.

– Số ít đó là ai? Anh chọn lọc bằng cách nào?

– Tôi chọn những người chân chính, cùng tên với tôi... tôi tên là Jacques... thấy ông ta là điều sẽ có ích cho họ. Vậy đủ rồi; ông là người Anh, ông không hiểu đâu. Xin cứ đứng yên đó, chờ một chút.

Khoát tay một cái nhắc họ lùi ra sau, anh ta cúi nhìn qua kẽ hở trên tường. Sau đó anh ngẩng đầu lên rồi gõ mạnh hai hay ba lần vào cánh cửa - rõ ràng là với mục đích chỉ nhằm gây tiếng động. Cũng với ý đồ đó, anh kéo lê chìa khóa qua cánh cửa, ba hay bốn lần, trước khi lóng ngóng tra vào ổ và cố ý vặn hết sức mạnh tay.

Cánh cửa từ từ mở vào trong dưới bàn tay Defarge, anh ta nhìn vào trong và nói gì đó. Một giọng mơ hồ trả lời gì đó. Hai bên chẳng ai nói gì hơn một từ đơn duy nhất.

Anh ngoái nhìn qua vai rồi ra dấu cho hai người kia đi vào. Ông Lorry quàng tay ôm chặt ngang hông cô gái vì ông sợ cô sẽ ngã quy.

– A-a-a, công việc, công việc thôi! - Ông thúc giục, nhưng giọt lệ long lanh trên má ông thì lại chẳng có gì là công việc. - Vào đi, vào đi!

– Tôi sợ điều này, - cô gái vừa đáp vừa run.

– Điều này? Điều gì?

– Ý tôi là người ấy. Là cha tôi.

Cuống quýt vì tình trạng bất ổn của cô gái và vì cái khoát tay ra hiệu của người dẫn đường, ông Lorry kéo tay cô quàng qua cổ mình, hơi nhấc cô lên và kéo nhanh vào trong phòng. Ông đặt cô đứng xuống bên trong ngưỡng cửa và giữ cô gái bám sát vào ông.

Defarge rút chìa khóa ra, đóng cửa lại, khóa chặt bên trong, rồi lại rút chìa khóa ra cầm trong tay. Mọi động tác đều cẩn thận và cố sức gây tiếng động thật mạnh, thật ồn kèm theo. Cuối cùng, anh băng qua phòng, bước chân thận trọng, đi tới chỗ cửa sổ. Anh dừng ở đó và quay mặt lại.

Từng được xây làm kho chứa củi và các thứ tương tự, phòng áp mái này tù mù, tăm tối; bởi cửa sổ tò vò đó thực tế là một cửa sổ ra mái nhà, có gắn một cần trục nhỏ để kéo hàng dưới đường lên; nó không hề lắp ô kính nào mà chỉ là hai cánh gấp vào chính giữa như mọi cửa nẻo kiểu Pháp. Để khỏi lạnh, một cánh đóng chặt, một cánh chỉ hé ra chút xíu. Qua khe hở đó, ánh sáng lùa vào rất ít nên trong phòng tối om, mới bước vào rất khó nhìn thấy gì; phải ở rất lâu người ta mới từ từ quen, mới có thể làm bất cứ công việc gì tỉ mỉ trong trong cảnh tăm tối nhường ấy. Vậy mà một việc tỉ mỉ như thế lại đang được làm ngay trong căn phòng áp mái này. Quay lưng về phía cửa phòng, quay mặt về phía cửa sổ nơi anh chủ quán đang đứng nhìn, một người tóc bạc trắng ngồi trên băng ghế thâm thấp, gập người tới trước, đang bận bịu làm những chiếc giày.

6. Người thợ giày

– Xin chào! - Anh Defarge vừa nói vừa nhìn xuống mái đầu bạc đang cúi gằm làm giày.

Mái đầu ấy ngẩng lên một chút và đáp lại lời chào là một giọng nói rất khê cứ như từ xa vọng tới:

– Xin chào!

– Ông vẫn làm miệt mài đấy à?

Sau một lúc lâu im lặng, mái đầu lại ngẩng lên lần nữa và giọng nói ấy trả lời:

– Vâng... tôi đang làm việc. - Lần này, một đôi mắt thất thần nhìn vào người hỏi trước khi gương mặt lại gục xuống.

Giọng nói yếu ớt ấy vừa đáng thương vừa đáng sợ. Đó không phải là sự yếu ớt của thể chất suy kiệt dù chắc chắn cảnh giam cầm và sự đối xử khắc nghiệt cũng đã góp phần. Điểm đáng thương chính là do tiếng nói đã lâu không được dùng tới trong cảnh cô đơn. Lời đáp kia nghe như vọng âm hấp hối cuối cùng của một âm thanh đã tắt từ xa xưa lắm. Giọng nói đã mất hết sinh mệnh và âm vang của tiếng người tới mức nó chẳng khác gì một màu sắc từng tươi đẹp giờ nhạt nhòa thành một vết ố lơ mờ thảm hại. Giọng nói trầm và nghèn nghệt tựa hồ vẳng lên từ lòng đất. Giọng nói của một người thất lạc và tuyệt vọng, sầu thảm đến độ ta nghĩ rằng một kẻ lữ thứ đói khát, kiệt quệ vì lang thang cô độc trong chốn hoang vu, cũng sẽ thốt lên nỗi nhớ nhà, nhớ bạn bằng âm thanh ai oán như thế trước khi gục chết.

Mấy phút im lặng làm việc trôi qua và đôi mắt thất thần lại ngược lên, không phải vì chú ý hay hiếu kỳ, mà chỉ là một cảm nhận máy móc mơ hồ ở trước mặt, ở vị trí đôi mắt ấy biết có người khách duy nhất đã đứng, giờ vẫn chưa trống chỗ.

– Tôi muốn hé cửa cho sáng thêm chút nữa, - Defarge này giờ vẫn không rời mắt khỏi người thợ giày. - Ông chịu đựng thêm chút nữa được không?

Người thợ giày ngừng tay; mắt nhìn xuống sàn nhà kề bên có vẻ như không nghe thấy gì, rồi lại nhìn sang phía sàn nhà bên kia, và sau đó ngược về phía người nói.

– Ông vừa nói gì?

– Sáng thêm chút nữa ông chịu được không?

– Tôi *phải* chịu, nếu ông muốn. - Tiếng người thợ giày mơ hồ nhấn mạnh ở từ thứ hai.

Cánh cửa mở hé được đẩy ra thêm một chút và tạm thời chốt chặt ở góc độ đó. Một luồng sáng tản rộng rọi vào căn phòng áp mái, cho thấy người thợ đã ngừng công việc, một chiếc giày đang làm dở dang đặt trên đùi. Dưới chân ông ta và trên băng ghế là vài dụng cụ thông thường và những miếng da đủ cỡ. Ông ta có chòm râu trắng, cắt lờm chờm, nhưng không dài lắm, gương mặt trũng sâu, và đôi mắt sáng lạ kỳ. Gương mặt tiêu tụy, gầy ốm càng làm cho đôi mắt có vẻ to hơn bên dưới đôi chân mày vẫn còn đen và mái tóc bạc rối bời, mặc dù thực tế không phải vậy; nhưng đôi mắt vốn đã to giờ lại trông to dị thường. Chiếc áo màu vàng rách rưới mở phanh cổ phơi bày một thân thể nhão nêo, tàn tạ. Cả ông ta, chiếc áo choàng vải bạt cũ kỹ, đôi vớ bùng nhùng, lẫn mọi thứ áo quần tả tơi rách nát, đã quá lâu không được phơi ra ánh nắng và khí trời nên tất cả trở thành một màu vàng như da khô giống nhau, khó phân biệt đâu là người đâu là y phục.

Ông ta đã đưa một bàn tay chặn giữa đôi mắt và nguồn sáng, ánh sáng dường như xuyên thấu qua cả những đốt xương. Ngừng công việc, ông ngồi yên đó với ánh mắt đăm đăm trống rỗng. Ông không hề nhìn bóng người trước mặt mà cũng không nhìn xuống bên cạnh mình trước, rồi mới ngẩng lên người kia, tựa hồ ông đã mất thói quen liên kết vị trí với âm thanh; ông không hề lên tiếng mà không tìm kiếm nơi phát ra giọng nói trước, và rồi quên cả việc mở lời.

– Hôm nay ông có làm xong đôi giày đó không? - Defarge vừa hỏi vừa ra hiệu cho ông Lorry đi tới.

– Ông vừa nói gì?

– Ông có định làm xong đôi giày trong hôm nay không?

– Tôi không biết có xong không. Chắc là xong. Không thể nói được.

Nhưng câu hỏi đó nhắc người thợ nhớ đến công việc và lại khom lưng làm tiếp.

Ông Lorry lặng lẽ đi tới, để cô gái đứng ở ngưỡng cửa. Lúc ông Lorry đứng chừng một, hai phút bên cạnh Defarge, người thợ giày ngẩng lên. Ông ta không hề tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy có thêm một người nữa nhưng trong lúc nhìn người mới xuất hiện, một bàn tay ông đưa những ngón run rẩy lên môi (đôi môi và những móng tay đều cùng một màu xám như chì), và rồi bàn tay lại hạ xuống việc đang làm, một lần nữa ông lại khom lưng trên chiếc giày. Cái nhìn và động tác ấy diễn ra chóng vánh.

– Ông có khách tới thăm đó, - anh Defarge nói.

– Ông vừa nói gì?

– Có khách tới thăm đây này.

Người thợ giày ngẩng lên như trước, nhưng tay vẫn không ngừng làm việc.

– Đây! - Defarge nói. - Có ngài đây nhìn giày là biết làm khéo hay không. Hãy cho ông ấy xem chiếc giày ông đang làm. Đây này, thưa ngài.

Ông Lorry đưa tay cầm chiếc giày.

– Hãy cho ngài đây biết giày này kiểu gì và ai làm ra.

Sau một khoảng im lặng lâu hơn thường lệ, người thợ giày mới trả lời:

– Tôi quên ông hỏi gì rồi. Ông vừa nói gì?

– Tôi bảo ông có thể nói kiểu giày cho ngài đây biết không?

– Đây là một chiếc giày nữ. Kiểu giày bách bộ của tiểu thư. Đó là kiểu đang thịnh hành. Tôi không hề thấy thời trang này. Tôi làm theo mẫu có sẵn. - Ông nhìn chiếc giày, nét mặt thoáng chút tự hào.

– Thế thợ nào làm giày này? - Defarge nói.

Bây giờ không còn việc gì làm nữa, ông cứ hết luồn mấy đốt tay phải vào lòng bàn tay trái rồi lại luồn mấy đốt tay trái vào lòng bàn tay phải, xong lại đưa một bàn tay lên cầm vuốt râu, các động tác ấy lặp đi lặp lại không ngừng theo đúng trình tự đó. Mỗi lần lên tiếng nói là tâm trí ông lại lơ đãng; nhắc cho ông nhớ lại thật chẳng khác gì việc lay tỉnh một người ngất xỉu, hay cố duy trì sinh lực một kẻ sắp chết để hy vọng được tiết lộ điều gì.

– Ông hỏi tên tôi đó à?

– Đúng vậy đó.

– Một Trăm Lẻ Năm, Tháp Bắc.

– Vậy thôi sao?

– Một Trăm Lẻ Năm, Tháp Bắc.

Thốt ra một tiếng không phải thờ dài cũng không phải rên rỉ, ông lại khom lưng làm việc cho tới khi sự im lặng lại bị phá vỡ.

– Ông không phải thợ giày chuyên nghiệp phải không? - Ông Lorry vừa hỏi vừa nhìn chăm chăm vào người thợ giày.

Đôi mắt phờ phạc của ông ta quay về phía Defarge tựa hồ muốn chuyển câu hỏi sang cho anh ta; nhưng không có trợ giúp nào từ hướng đó, đôi mắt lại dò tìm câu trả lời dưới đất rồi ngẩng lên phía người hỏi.

– Tôi không phải thợ giày chuyên nghiệp? Đúng, tôi không phải thợ giày chuyên nghiệp. Tôi... tôi học nghề ở đây. Tôi tự học. Tôi đã xin phép...

Ông lại thất thần hàng mấy phút, hai bàn tay cứ xoắn vặn lấy nhau đều đều như lục lọi hết khoảng thời gian đó. Cuối cùng, ánh mắt lại từ từ hướng về khuôn mặt đã thất lạc; dán chặt vào đó khi tìm thấy, ông

trả lời tiếp như một kẻ vừa mới thức dậy và muốn trở lại đề tài trò chuyện dở dang đêm trước:

– Tôi đã xin phép tự học, và phải rất khó khăn, rất lâu, mới được cho phép, và tôi làm giày kể từ đó.

Trong lúc người thợ giày đưa tay ra lấy lại chiếc giày, ông Lorry nói, mắt vẫn không rời gương mặt người đối diện:

– Ngài Manette, ngài không hề nhớ gì về tôi ư?

Chiếc giày rơi xuống đất, và người thợ giày ngồi nhìn đăm đăm vào người hỏi.

– Ngài Manette, - ông Lorry nắm lấy cánh tay Defarge, - ngài không hề nhớ gì về người này ư? Nhìn anh ta đi. Nhìn tôi đi. Chẳng lẽ tâm trí ông không gợi lên chút gì về người nhân viên ngân hàng xưa, về công việc xưa, về người gia nhân xưa, về thời xưa ư, ngài Manette?

Trong lúc người bao năm bị cầm tù kia nhìn trần trời, hết hướng mắt về phía Lorry lại chuyển sang Defarge, những dấu vết nhận thức mình mãi đã bị xóa sạch từ lâu khỏi vầng trán giờ từ từ gượng gượng xé tan màn mây mù tăm tối bao trùm ký ức. Những dấu hiệu nhận biết bị phủ lấp, nhạt nhòa, ẩn hiện và vương vấn nấn ná. Và cũng chính cái biểu hiện ấy lặp lại trên vầng trán cô gái xinh đẹp này giờ đã len lén men theo bức tường lần tới chỗ cô có thể nhìn thấy người thợ giày. Cô đứng đó, đôi tay lúc đầu đã giơ cao trong nỗi sợ, cơ hồ muốn xua đuổi người kia đi cho khuất mắt, giờ lại đưa ra, run rẩy vì thiết tha muốn ôm vào lòng gương mặt như bóng ma ấy, để đem lại sự sống và hy vọng cho người ấy bằng tình thương yêu của mình. In hằn rõ hơn, biểu hiện trên vầng trán cô gái chính là biểu hiện của người thợ giày, tưởng chừng nó đã lan truyền như một tia sáng từ ông ta sang cô gái.

Bóng tối lại che phủ vầng trán người thợ. Ông nhìn hai người đàn ông trước mặt, càng lúc càng lơ đãng, rồi ánh mắt u ám lại lang thang dưới sàn nhà chung quanh như trước. Cuối cùng, thở hắt một cái thật dài, ông nhặt chiếc giày lên, tiếp tục công việc.

– Ngài có nhận ra ông ta không? - Defarge hỏi thì thào.

– Có, một thoáng thôi. Lúc đầu tôi nghĩ là vô vọng, nhưng rõ ràng trong một thoáng chốc thôi, tôi nhận ra gương mặt đã từng quá quen thuộc với mình. Suyt! Ta hãy lùi xa chút nữa. Suyt!

Cô gái đã nhích từ bức tường căn phòng áp mái tới rất gần băng ghế người thợ giày. Thật đáng sợ, ông ta cứ khom lưng làm việc, không may may hay biết sự hiện diện của một người đang cận kề tới mức chỉ cần đưa tay ra là chạm vào ông.

Không một lời nói; không một tiếng động. Cô đứng im như bóng ma bên cạnh, còn ông vẫn khom người trên chiếc giày.

Một lúc rất lâu sau đó ông mới bỏ dụng cụ trên tay xuống để cầm lấy con dao cắt da. Con dao nằm bên phía xa chỗ cô gái đứng. Ông cầm dao rồi lại cúi xuống làm việc và ánh mắt bắt gặp tà váy của cô. Ông ngước lên và nhìn thấy cô gái. Hai người kia dợm bước tới nhưng cô khoát tay ngăn lại. Họ sợ người thợ giày có thể dùng dao gây hại cho cô gái, nhưng cô thì không.

Ông nhìn Manette với ánh mắt sợ hãi, một lát sau đôi môi mấp máy gì đó không thành lời. Rồi từ từ, giữa những hơi thở gấp nặng nhọc, một câu nói bật ra từng tiếng:

– Cái gì thế này?

Nước mắt giàn giụa trên má, cô gái đưa hai tay lên môi gửi cho người thợ giày một chiếc hôn, rồi đan hai bàn tay đặt lên ngực mình như thể đang ôm vào lòng mái đầu tang thương của ông.

– Cô không phải con gái người cai ngục à?

– Không, - cô gái thở dài.

– Cô là ai?

Không tin vào giọng nói của mình, cô ngồi xuống băng ghế bên cạnh ông. Người thợ giày thối lui nhưng cô đã nắm lấy cánh tay ông. Tay cô vừa chạm vào là thấy rõ một cơn rùng mình kỳ lạ lan khắp thân

thế ông ta; người thợ giày nhẹ nhàng đặt con dao xuống, mắt nhìn cô gái không rời.

Mái tóc vàng ánh cong thành lọn của Manette đã được cô hất vội ra hai bên và xõa dài quanh cổ. Bàn tay người thợ giày nhích từng chút một tới gần cô, nâng một lọn tóc lên nhìn. Tâm trí bất chợt lại quên lãng, ông lại thở dài lần nữa, rồi cầm cúi với chiếc giày đang làm.

Nhưng không bao lâu. Buông cánh tay người thợ giày ra, cô gái đặt tay lên vai ông. Sau hai, ba lần nhìn bàn tay ấy đầy hồ nghi như muốn biết chắc nó thực sự đang ở đấy, ông lại bỏ công việc xuống, đưa tay lên cổ, tháo một sợi dây thâm đen có buộc một miếng vải rách rưới gấp nhỏ. Người thợ giày đặt gói vải trên đầu gối, cẩn thận mở ra, bên trong là một chút ít tóc, chỉ chừng đôi ba sợi dài vàng ánh mà đã lâu rồi ông từng quấn tròn trên ngón tay mình.

Ông nâng một lọn tóc của cô gái lên nhìn thật kĩ.

– Giống hệt. Sao thế được! Từ bao giờ! Làm sao được!

Khi những nếp nhăn suy nghĩ lại in dấu trên trán người thợ giày, ông dường như nhận ra vầng trán cô gái cũng có cùng biểu hiện ấy. Ông xoay cô hẳn về phía sáng mà nhìn.

– Nàng đã ngả đầu vào vai ta, đêm hôm ấy khi ta bị triệu đi... nàng đã sợ việc ra đi này, dù ta không hề... và khi ta bị đưa tới Tháp Bắc người ta đã thấy mấy sợi tóc này trên tay áo ta. “Các ông để lại cho tôi chứ? Mấy sợi tóc này đâu thế giúp tôi trốn thoát thân xác, dù có thể giúp tôi giải thoát tinh thần.” Đó là những lời ta đã nói. Ta còn nhớ rất rõ.

Môi ông mấp máy mãi mới thốt nên lời. Nhưng khi đã nói ra thì ông nói rất mạch lạc, dù chậm chạp.

– Sao thế được?... Nàng đấy ư?

Một lần nữa, ông Lorry và Detarge lại giật mình khi người thợ giày quay phắt lại nhìn cô gái, đột ngột đến đáng sợ. Nhưng trong lúc ông ghì chặt lấy cô, Manette vẫn ngồi thật yên và chỉ khe khẽ thốt:

– Xin hai ông, xin hai vị, đừng đến gần chúng tôi, xin đừng nói, đừng cử động.

– Nghe kia! - Ông kêu lên. - Tiếng ai nói đó?

Cùng với tiếng kêu, hai bàn tay ông buông cô gái ra và đưa lên vò xé điên cuồng mái tóc bạc của mình. Cơn bức xúc này rồi cũng qua, giống như bao điều đã tàn phai trong tâm trí ngoại trừ việc làm giày, ông xếp lại gói vải nhỏ kia và cố buộc nó quanh cổ như trước, nhưng ông vẫn nhìn cô gái không rời mắt và rầu rĩ lắc đầu.

– Không, không, không; cô quá trẻ, quá xinh tươi. Không thể là nàng. Hãy nhìn bộ dạng tên tù này đi. Đây không phải bàn tay nàng quen thuộc, đây không phải bộ mặt nàng quen thuộc, đây không phải tiếng nói nàng từng nghe. Không, không. Nàng là... và y là... trước khi trải qua bao năm trường ở Tháp Bắc... từ lâu lắm. Cô tên gì, hơi thiên thần dịu dàng kia?

Thấy giọng điệu người thợ giày đã dịu lại, cô con gái của ông bèn quỳ gối trước mặt cha, đặt hai bàn tay van nài lên ngực ông.

– Ôi, thưa ông. Rồi có lúc ông sẽ biết tên con, biết mẹ con là ai, biết cha con là ai, và biết vì sao con nào hay câu chuyện nghiệt ngã, khổ ải của cha mẹ. Nhưng lúc này con không thể nói với ông, và không thể nói ở đây. Ngay bây giờ, con chỉ có thể nói là xin ông ôm lấy con, cầu phúc cho con. Hãy hôn con, hôn con đi! Ôi, ông thương yêu, ông thương yêu!

Mái tóc bạc lạnh giá của ông hòa lẫn với mái tóc vàng óng ả của cô gái, mái đầu xuân sười ấm và soi sáng mái đầu già tựa hồ ánh sáng của Tự Do đang chiếu rọi.

– Nếu ông nghe tiếng con... con không biết có đúng không, nhưng con mong như vậy... nếu ông nghe tiếng con giống tiếng một người nào từng là âm nhạc du dương trong tai ông, thì xin hãy khóc thương đi, xin khóc thương đi! Nếu ông vuốt, vuốt tóc con, mà thấy nhớ lại một mái đầu yêu dấu từng tựa vào lòng ông thời thanh xuân tự do, thì xin hãy khóc thương đi, xin khóc thương đi! Nếu như con ngỏ ý với

ông là một gia đình đang chờ đợi chúng ta, nơi con sẽ hết lòng, hết dạ chu toàn bốn phận chăm sóc cho ông, nếu như con khiến ông nhớ lại một gia đình đã từ lâu quanh vắng trong khi lòng ông mỗi mòn trông ngóng, thì xin hãy khóc đi, hãy khóc đi ông!

Cô gái ôm chặt quanh cổ người thợ giày và đong đưa ông như ru một đứa bé.

– Ôi, ông thương yêu, nếu con thừa là nỗi thống khổ của ông đã kết thúc, là con đã đến đây xua tan nỗi khổ cho ông, là chúng ta sẽ sang Anh quốc sống bình yên, nếu như con khiến ông nhớ đến cuộc đời quý báu đã bị tước đoạt, nhớ đến Pháp quốc quê hương quá ác nghiệt, thì xin hãy khóc đi, hãy khóc đi ông! Và nếu khi nào con cho ông biết tên con, biết tên người cha còn sống, tên người mẹ đã chết, thì ông sẽ hiểu là con phải quỳ gối trước người cha tôn kính ấy để xin tha thứ bởi con đã không hề vì cha mà ngày ngày tìm kiếm, đêm đêm thương nhớ, bởi người mẹ tội nghiệp vì thương con mà giấu kín khổ nạn của cha, thì xin hãy khóc đi, hãy khóc đi ông! Khóc thương cả người mẹ ấy, và cả con nữa! Ôi, ông thương yêu, xin tạ ơn Chúa! Con đã thấy những giọt lệ thiêng liêng của ông rơi trên mặt con, và tiếng thổn thức của ông dội vào lòng con. Ôi, kìa! Tạ ơn Chúa chúng tôi, xin tạ ơn Chúa!

Ông đã rú người trong vòng tay cô gái, ngả đầu trên ngực cô - một cảnh tượng cảm động nhưng lại quá khủng khiếp bởi bao oan trái và đau khổ cùng cực xảy ra trước đó, khiến hai người đàn ông chứng kiến phải che mặt không dám nhìn.

Khi căn phòng áp mái đã im ắng hồi lâu và hơi thở nức nở cùng thân hình run rẩy của người thợ giày đã chìm vào tĩnh mịch - sự bình lặng sau mọi trận phong ba; biểu tượng của tình người, của sự an bình còn lại khi đã tan bào tố cuộc đời - lúc đó ông Lorry và Defarge mới tới đỡ người cha và cô con gái đứng lên. Người thợ giày đã từ từ quỳ xuống sàn và nằm dài kiệt sức trong hôn mê. Cô gái đã khụy xuống theo, cánh tay áp ủ mái đầu người thợ giày; tóc cô xõa trên mặt cha như bức màn che nguồn sáng chiếu.

- Nếu như không làm ông ấy kinh động, - cô vừa nói vừa giơ tay cho ông Lorry trong lúc người này, sau mấy cái hỉ mũi, đang cúi xuống nâng hai cha con dậy, - có thể thu xếp mọi việc để rời khỏi Paris lập tức, đưa ông ấy đi ngay từ đây...

- Nhưng cô thử nghĩ đi. Ông ấy có đủ sức đi đường xa không? - Ông Lorry hỏi.

- Tôi nghĩ còn hơn là phải ở lại thành phố này, nơi quá kinh khủng đối với ông ấy.

- Đúng thế, - Defarge nói, anh đang quỳ dưới sàn nhìn mọi người và nghe chuyện. - Quan trọng nhất là ngài Manette đang nào cũng sẽ an toàn hơn nếu ra khỏi nước Pháp. Vậy tôi đi thuê xe ngựa nhé?

- Đó là công việc, - ông Lorry lại trở về phong thái chuyên nghiệp cổ hữu, - và đã là công việc thì phải làm, vậy để tôi làm thì hơn.

- Thế thì xin ông làm ơn để chúng tôi ở đây, - tiểu thư Manette thúc giục. - Ông thấy cha tôi đã bình tĩnh như thế nào rồi, tôi ở lại đây không hề gì đâu ông. Có gì ông phải lo sợ chứ? Nếu ông khóa cửa lại để không ai quấy rầy chúng tôi thì tôi tin chắc khi ông quay về, cha tôi cũng vẫn bình tĩnh như trước. Dù sao cũng có tôi đây chăm sóc cho cha trong lúc ông đi, ông quay về là chúng ta đưa ông ấy rời khỏi đây lập tức.

Cả ông Lorry và Defarge đều không bằng lòng như thế và muốn một trong hai sẽ ở lại. Nhưng đâu chỉ phải lo ngựa xe mà còn giấy tờ thông hành; và thời gian đã cấp bách rồi vì ngày sắp hết, rốt cuộc họ đành hấp tấp phân chia cho nhau công việc cần làm rồi hối hả ra đi.

Thế là trong lúc trời dần tối, cô con gái ngả đầu trên sàn đất cứng cạnh bên cha trông chừng. Bóng tối đen dần, đen dần, hai cha con nằm im lìm cho đến khi một ánh sáng lóe lên qua những kẽ tường nứt.

Ông Lorry và Defarge đã thu xếp xong xuôi cho chuyến đi và ngoài áo choàng với áo ấm đi đường, họ còn mang theo bánh mì, thịt, rượu, và cà phê nóng. Anh Defarge đặt hết các thứ cần dùng này và ngọn đèn đang cầm trên tay lên băng ghế của người thợ giày (trong căn

phòng áp mái chẳng có đồ đạc gì khác ngoại trừ một chiếc giường ọp ẹp). Rồi anh và ông Lorry đánh thức người tù, đỡ ông ta đứng dậy.

Nhìn vẻ mặt ngờ ngàng, thất thần đầy sợ hãi của người thợ giày không trí tuệ nào có thể hiểu được những điều bí ẩn trong tâm trí ông. Không một ai trả lời được câu hỏi là ông có hiểu chuyện gì đang xảy ra, ông có nhớ những gì đã nghe nói, ông có rõ mình đã được tự do hay chẳng. Họ cố bắt chuyện nhưng ông quá hoang mang và trả lời chậm chạp tới mức mọi người đâm ra lo ngại và đồng ý tạm thời để ông yên. Chốc chốc ông lại đưa hai bàn tay lên ôm lấy đầu một cách ngây dại, ngờ ngẩn chưa từng thấy; thế nhưng chỉ cần nghe tiếng nói của cô Manette là ông lại có phần vui thích và luôn ngoảnh lại lắng nghe.

Đã quen chịu phục tùng trước những ép buộc, ai bảo gì ông cũng làm theo, bảo ăn uống thì ông ăn uống, bảo mặc áo choàng, áo ấm thì ông mặc áo. Ông ngoan ngoãn để cho Manette khoác tay mình và ông cầm giữ bàn tay con trẻ bằng cả hai bàn tay già cỗi.

Họ bắt đầu xuống cầu thang; anh Defarge soi đèn đi trước, ông Lorry đi sau cùng. Mới đi được mấy bậc cầu thang chính thì người thợ giày đã dừng lại, nhìn chăm chăm lên mái nhà và quanh các bức tường.

- Cha nhớ nơi đó ư, thưa cha? Cha nhớ mình đã đi lên đó sao?
- Cô vừa nói gì?

Nhưng Manette chưa kịp nhắc lại câu hỏi thì ông đã trả lời cứ như lặp lại lời cô:

- Nhớ gì? Không, tôi không nhớ. Đã quá lâu rồi.

Mọi người thấy rõ là ông không hề nhớ việc ông được đưa từ nhà tù đến căn nhà này. Họ nghe ông lẩm bẩm “Một Trăm Lẻ Năm, Tháp Bắc”, và khi ông nhìn quanh thì hiển nhiên là đang tìm kiếm những bức tường thành bao lâu nay đã giam cầm ông. Khi ra tới khoảng sân, ông bất giác đổi nhịp bước, tựa hồ sắp bước lên cầu treo, nhưng ở đây

không hề có chiếc cầu treo nào, và lúc trông thấy xe ngựa đang chờ ngoài đường lộ, ông buông tay cô con gái ra và lại vò đầu bứt tóc.

Không có ai tụ tập trước cửa; không bóng ai thấp thoáng sau những ô cửa sổ; đường phố vắng tanh không một người qua lại. Sự im lặng và hoang vắng khác thường ngự trị. Chỉ có một người duy nhất là chị Defarge - đang đứng tựa cửa, tay vẫn đan len và không nhìn thấy gì cả.

Người tù chui vào cỗ xe, cô con gái lên theo, ông Lorry đang đặt chân trên bậc lên xuống chưa kịp vào thì kẻ đáng thương kia lại nài xin được mang theo băng ghế thợ giày và những chiếc giày làm dang dở. Chị Defarge lập tức bảo anh chồng để chị ta đi lấy, và rời khỏi ánh đèn, băng qua sân, tay vẫn không ngừng đan. Chị ta nhanh chóng mang các thứ ấy xuống trao cho họ; rồi lập tức quay lại ngưỡng cửa, tay vẫn đan, mắt không thấy gì.

Defarge leo lên ghế xà ích rồi hô to “Ra cổng thành!”. Người đánh xe quất roi và tất cả lóc cóc lên đường dưới những ngọn đèn tù mù đồng đưa trên cao.

Băng qua những ngọn đèn đồng đưa trên cao - tỏ hơn ở những phố giàu, và mờ hơn ở những phố nghèo - băng qua những cửa hiệu thấp sáng, đám đông hoạt náo, tiệm cà phê rục rèn, và những cửa hí viện, xe tới một cổng thành. Ở đó là một chốt canh và những binh lính cầm đèn trên tay.

– Giấy thông hành đâu, lữ khách?

– Bẩm quan, đủ cả đây, - Defarge vừa nói vừa xuống xe, và kéo người lính gác ra một bên, - đây là giấy tờ của quý ngài trong xe, người tóc bạc đó. Họ đã giao phó giấy tờ cho tôi, cùng với người kia, ở chỗ... - Anh hạ giọng xuống, mấy ngọn đèn nhà binh xách tay đu đưa, và một cánh tay mặc quân phục chìa một ngọn vào trong cỗ xe, đôi mắt của người lính cầm đèn nhìn mái đầu bạc với vẻ soi mói khác hẳn bình thường.

– Được rồi. Đi đi! - Người lính gác thốt lên.

– *Adieu!* Tạm biệt! - Defarge đáp lại. Và thế là băng qua một dãy đèn lồng đưa trên cao, càng lúc càng lu mờ, xe tiến ra vùng đồng không mông quạnh nơi chỉ còn ánh sao soi đường.

Dưới vòm ánh sáng bất động và vĩnh hằng ấy, có những vì sao cách xa trái đất bé nhỏ này tới mức những người uyên bác không dám chắc nhìn thấy ánh tinh tú, là một khoảng không chất chứa mọi dĩ vãng khổ đau - những hồn bóng của đêm bao la và đen đúa. Suốt đêm trường giá rét và thao thức bồn chồn, ông Jarvis Lorry ngồi trước mặt người bị chôn vùi vừa mới được quật mồ kia, và cứ tự hỏi không biết ở người đối diện đã vĩnh viễn mất những khả năng tinh tế nào và có thể khôi phục lại được gì, những hồn bóng lại không ngừng thì thào trong tai câu hỏi cũ:

– Mong là ông vẫn còn muốn sống lại?

Và vẫn câu trả lời cũ:

– Khó nói lắm.

Phần hai
SỢI TƠ VÀNG

1. Năm năm sau

Ngân hàng Tellson gần cổng thành Temple Bar là một nơi cổ lỗ, ngay từ năm 1780 đã thế. Chỗ này rất nhỏ, rất tăm tối, rất xấu xí, rất chật chội bất tiện. Đã thế nó lại càng cổ lỗ hơn khi các cổ đông điều hành ngân hàng vẫn có tâm lý hãnh diện về cái sự tăm tối, xấu xí, chật chội bất tiện này. Thậm chí họ còn tự hào về tất cả những đặc điểm ấy và nung nấu một niềm xác tín đặc biệt rằng nếu nơi này không phản cảm như thế thì sẽ giảm bớt sự trọng vọng. Đó không hề là niềm tin tiêu cực mà là một vũ khí tích cực cho họ phô trương với những nơi kinh doanh tiện nghi hơn, họ bảo Tellson không cần chỗ rộng rãi, Tellson không cần sáng sủa, Tellson không cần tô điểm trang hoàng. Noakes và Hội đoàn có lẽ cần, hoặc hãng Snooks Brothers có lẽ cần, nhưng Tellson thì không, tạ ơn Chúa!

Quý tử của bất kỳ cổ đông nào cũng sẽ bị truất quyền thừa kế nếu chúng dám ngỏ ý tu sửa lại Tellson. Về phương diện này thì hãng Tellson khá tương đồng với Anh quốc là nước rất thường tước quyền tự do của con dân nào dám đề nghị cải tổ những luật tục từ lâu nay chỉ làm tăng lòng kính sợ nhưng lại hết sức đáng chê trách.

Cho nên mới có chuyện Tellson trở thành tột đỉnh vinh quang của sự bất tiện. Sau khi xô bật cánh cửa lì lợm ngu si lúc nào cũng rên rỉ cọt kẹt, ta vấp ngay phải hai bậc thang đi xuống, và hoàn hồn nhận ra mình đang ở trong một nơi chật chội thảm hại, có hai quầy nhỏ nơi những ông già cộc đế tay run lấy bấy cầm tờ ngân phiếu của ta và sẫm soi chữ ký bên những ô cửa sổ tăm tối, phía ngoài lúc nào cũng vấy đầy bùn văng từ phố Fleet, và càng tăm tối thêm vì những song sắt trên khung cửa và cái bóng u ám của cổng thành Temple Bar. Nếu công việc buộc ta phải gặp “Ông Chủ”, ta sẽ được đưa vào một thứ giống xà lim cấm cố ở phía sau, nơi ta có thể trầm tư về cuộc đời uống

phí của mình chờ đến khi Ông Chủ hai tay thọc trong túi xuất hiện, ta không tránh khỏi giật mình trong cảnh tranh tối tranh sáng u ám đó. Tiền của ta nhảy ra hay bay vào những ngăn kéo gỗ cũ kĩ mỗi một, một màn bụi sẽ xộc lên mũi ta, chui vào họng ta khi các ngăn này kéo ra sập vào. Những tờ tiền của ta có mùi mốc cứ như chúng sẽ nhanh chóng mục rữa thành giẻ rách trở lại*. Đồ vàng bạc của ta được cho vào trong những cái hộp bần thiêu đó, và lớp nước bóng chỉ một, hai ngày là sẽ bị phá hủy bởi bao nhiêu thứ xú uế bên trong. Những văn tự tài sản của ta được cất giữ trong những hầm bảo quản tạm bợ từng là các nhà bếp và buồng rửa bát, và các tờ giấy sẽ bị bào mòn trong bầu không khí nhà băng này. Những tráp đựng giấy tờ gia đình của ta được đưa lên lầu cho vào căn phòng Barmecide* lúc nào cũng có một bàn tiệc vĩ đại mà chẳng bao giờ bày món ăn ra; nơi mà những lá thư đầu tiên của người tình cũ hay của lũ con thơ gửi cho ta, mãi đến năm 1780 ấy, mới vừa thoát khỏi nỗi kinh hoàng bị xem trộm qua các cửa sổ, bởi vì trên cổng thành Temple Bar trước đó là chỗ bêu những đầu người bị tử hình - một hành động man rợ, bạo tàn khôn xiết tưởng đâu chỉ xảy ra thời xa xưa ở Abyssinia hay Ashanti*.

Nhưng thật ra thời đó thì xử tử hình lại là giải pháp thịnh hành trong mọi ngành nghề, nhất là với hãng Tellson. Cái chết là phương thuốc trị bách bệnh của tạo hóa thì sao luật pháp lại không áp dụng chứ? Chiếu theo đó, ai ngụy tạo văn tự là tử hình; ai viết chi phiếu khống là tử hình; ai lén mở thư của người khác đọc là tử hình; ai ăn cắp bốn mươi đồng *shilling* và sáu xu là tử hình; ai giữ ngựa trước cửa Ngân hàng Tellson mà trộm một con phóng đi là tử hình; ai làm giả một đồng *shilling* quèn là tử hình; chỉ cần một chút sai âm lạc nhịp trong toàn bộ cung bậc tội trạng dính dáng đến tiền bạc là có thể bị tử hình tuốt*. Mà chết nhiều như thế thì có tác dụng ngăn chặn gì đâu - thực tế phải nói là ngược lại mới đúng - nhưng giống như mọi việc trên đời, cứ xử tử hình thì đỡ mất công giải quyết từng sự vụ và khỏi lo mọi hệ lụy về

sau. Cho nên vào thời đó, cũng như các nơi làm ăn lớn hơn cùng thời, Ngân hàng Tellson đã lấy mạng nhiều người tới mức nếu những cái đầu bị chặt trước cửa - nếu không bí mật tổng khứ đi - mà sắp hàng chồng chất hết trên cổng thành Temple Bar thì số thủ cấp đó cơ hồ sẽ chặn luôn chút ánh nắng chiếu vào tầng trệt chốn này.

Nhét trong đủ thứ ngăn, chuồng xin màu ở Tellson là những người già cả nhất nghiêm trang làm mọi việc. Nếu họ nhận một người trẻ vào làm ở chi nhánh London của Tellson, họ sẽ giấu kín anh ta đâu đó cho tới lúc hãn già đi. Họ sẽ nhốt hãn trong một chỗ tối, giống như ủ pho mát cho lên men, tới lúc hãn mốc xanh lên và nồng mùi Tellson. Chỉ khi đó, hãn mới được phép chường mặt ra, phô diễn màn sẫm soi tra cứu những tập sổ sách to lớn, và trưng ra chiếc quần chên cùng đôi ghệt cho ngân hàng thêm phần trịnh trọng.

Ngồi bên ngoài Tellson là biển hiệu sống của ngân hàng này; đó là một người chạy việc vặt - không bao giờ được vào bên trong nếu không có lệnh - thỉnh thoảng kiêm luôn khuân vác và liên lạc. Y không bao giờ vắng mặt trong giờ làm việc, trừ phi có việc phải đi, và nếu đi thì y được thế chỗ bằng thằng con trai: một đứa nhãi ranh gớm guốc mười hai tuổi, mặt mày giống cha như đúc. Ai cũng hiểu rằng Tellson đã hạ cố chấp nhận người sai vặt đó. Xưa nay ngân hàng luôn chấp nhận một người làm công việc như vậy và thời gian lẫn số phận run rủi đã đưa người này vào vị trí đó. Y mang họ Cruncher, và do thời trẻ đã hứa từ bỏ những trò hắc ám nhân dịp lễ rửa tội ở nhà thờ xứ đạo Houndsditch phía đông London, y được cho thêm cái tên Jerry.

Bây giờ là cảnh nhà riêng của Cruncher ở hẻm Hanging Sword, phố Whitefriars, lúc bảy giờ rưỡi sáng một ngày tháng Ba lộng gió năm 1780 Dương lịch. (Thay vì gọi năm Dương lịch theo tiếng La-tinh là “Anno Domini”, Cruncher cứ luôn gọi là “Anna Dominoes”, rõ ràng y nhầm tưởng cái năm Thiên Chúa giáng sinh cũng là cái năm phát minh

ra trò chơi phổ biến mà cô nương Dominoes nào đó đã lấy tên mình đặt cho.)

Nhà Cruncher không nằm ở chỗ sạch sẽ thơm tho và chỉ có hai phòng, nếu như được xem cái buồng nhỏ có một ô cửa kính độc nhất là một phòng. Nhưng phòng nào cũng được dọn dẹp đàng hoàng. Vào cái giờ sớm sửa trong sáng tháng Ba lộng gió này, căn phòng y đang nằm ngủ đã được kì cọ sạch bóng; trên cái bàn kenh cang bằng gỗ thông xẻ đã trải sẵn tấm khăn trắng tinh và bày biện tách đĩa chuẩn bị cho bữa sáng.

Cruncher nằm đắp tấm chăn ghép nối nhiều mảnh vải đủ màu trông như một chú hề sắc sỡ. Y đang chìm sâu trong giấc ngủ say nhưng dần dần bắt đầu lăn trở trên giường cho đến lúc tỉnh giấc, đầu tóc lờm chờm cứ như muốn xé toạc tấm chăn thành nhiều miếng. Y ngồi dậy, kêu to với giọng hết sức bức bối:

– Chết tôi rồi, mù ấy ngày nào cũng thế!

Đang quỳ trong góc phòng, một người đàn bà bộ dạng cần cù, áo xống thơm tất, đứng dậy khá hấp tấp và hoảng sợ, đủ biết chị ta là người được ám chỉ.

– Sao? - Cruncher vừa nói vừa nhìn quanh giường tìm chiếc ủng. - Bà ngày nào cũng thế à?

Sau câu chào hỏi thứ hai, y chào lần thứ ba bằng cách quăng chiếc ủng vào người đàn bà kia. Chiếc ủng dính đầy bùn đất, và đó là dấu hiệu cho biết một chi tiết kỳ lạ liên quan đến kinh tế gia đình của Cruncher: trong khi y thường từ ngân hàng về nhà sau giờ làm việc với đôi ủng sạch, sáng ra y lại thường thức dậy cũng với đôi ủng ấy dính đầy đất sét.

– Sao? - Cruncher đổi kiểu xưng hô sau khi ném trượt. - Đồ phá đám, bà *nằm* cái trò gì thế?

– Tôi chỉ cầu nguyện thôi mà.

– Cầu với nguyện! Bà hay quá! Bà tính ngồi phịch ở đó mà trù ẻo tôi sao?

– Tôi không trù ẻo, tôi chỉ cầu xin điều lành cho ông.

– Điều *nành*! Nếu không phải thế thì đừng có trách tôi ngang ngược. Này, thằng Jerry, mẹ mày hay quá, cứ trù ẻo không cho cha mày *nằm* ăn. Mày có bà mẹ thương cha quá, thấy chưa con. Mày có bà mẹ ngoan đạo quá, thấy chưa con, cứ toàn ngồi phịch xuống mà cầu cho người ta giật miếng ăn khỏi mồm đứa con duy nhất của mẹ mày.

Cậu Cruncher con (còn mặc áo ngủ) nghe thế lấy làm khó chịu bèn quay sang mẹ, kịch liệt phản đối mọi chuyện làm suy suyển phần ăn của nó.

– Bà tưởng bà hay à, - Cruncher cha nói tiếp, chẳng ăn nhập vào đâu mà cứ nói, - *nời* cầu xin *của bà* đáng bao nhiêu tiền? Đáng bao nhiêu bà nói đi!

– Chỉ cầu nguyện bằng tấm lòng thôi, Jerry. Chỉ đáng thế thôi.

– Bằng tấm *nòng*! - Cruncher lặp lại. - Thế thì chẳng đáng bao nhiêu. Đắt rẻ gì thì cũng không được trù ẻo tôi, tôi nói cho biết. Tôi cấm đó. Đừng có *nằm* tôi xui xẻo bằng mấy trò *nén nút* của bà. Nếu phải cầu xin thì bà cầu xin cho chồng cho con chứ đừng có trù ẻo. Giá mà tôi không có vợ trái khoáy thế này, giá mà con tôi không có bà mẹ trái khoáy thế này, thì tuần trước tôi đã kiếm được chút tiền chứ đâu có bị trù ẻo, bị phá hoại, bị run rủi gặp toàn xui xẻo thế chứ. Chết-ế-ế-t tôi rồi! - Cruncher vừa thay đồ vừa nói không ngừng. - Cứ cầu nguyện cho cố vào *nằm* hồng hét bao nhiêu chuyện, giá mà tuần rồi người *nằm* ăn *nương* thiện như tôi mà đừng bị mắc *nừa* cái chuyện xui xẻo ác ôn này chứ! Thằng Jerry, mày thay đồ đi con, trong *núc* tao *nau* ủng thì mày nhớ canh chừng mẹ mày đó, nếu mày thấy ngồi phịch xuống *nần nữa* thì gọi tao. Này, tôi nói cho mà biết, - Cruncher lại chuyển sang nói với vợ, - kiểu này thì tôi sẽ không đi nữa đâu. Tôi mệt cả người, buồn ngủ muốn chết, *nưng* hông đau nhức không còn biết ất giáp gì; toi công mà chẳng được xu nào; tôi nghi *nà* bà suốt ngày đêm đã trù ẻo *nằm* tôi không kiếm được tiền, tôi không bỏ qua chuyện này đâu, đồ phá đám, giờ bà muốn gì đây?

Miệng cứ càu nhàu những câu như “Phải rồi! Ngoan đạo quá mà! Bà đâu có trù ẻo cho chồng con khốn khổ *nằm* chi, phải không? Tôi rành bà quá!” và cứ mài giũa cơn uất ức cho bắn tung những lời mỉa mai bông rớt, Cruncher bắt tay vào lau chùi đôi ủng và chuẩn bị các thứ để đi làm. Trong lúc đó, thằng con - tóc còn tơ mà đã dựng tua tua, cặp mắt cũng sát nhau giống hệt cha - canh chừng bà mẹ theo lời dặn. Ở trong buồng đang rửa mặt thay đồ, nó chốc chốc lại vọt ra quấy rối bà mẹ tội nghiệp bằng cách làm bộ hét lên “Mẹ sắp ngồi phịch rồi... Kia, cha ơi!” rồi sau tiếng báo động giả vờ ấy, nó lại lao vào trong buồng, miệng cười ngổ ngáo.

Cruncher vẫn chưa hết bực tức khi ngồi vào bàn điểm tâm. Y nổi uất lên, giọng thù oán khi chị vợ đọc kinh.

– Đây, đồ phá đám! Tính *nằm* gì nữa đó? *Nại* trù ẻo sao?

Vợ Cruncher giải thích là chị ta chỉ “xin phước lành.”

– Khỏi cần! - Cruncher vừa nói vừa nhìn quanh làm như y mong chờ sẽ thấy bài kinh hiệu nghiệm của vợ sẽ làm ổ bánh mì biến mất. - Tôi không cần xin phước *nành* cho tôi biến khỏi căn nhà này, gia đình này. Tôi không cần xin phước *nành* cho đồ ăn của tôi biến khỏi cái bàn này. Im đi!

Mắt đỏ ngầu hung tợn cứ như đã thức trắng đêm tiệc tùng nhưng rốt cuộc chẳng có gì vui vẻ, Jerry Cruncher lo lắng bữa sáng chứ không phải nhai nuốt nó, y gặm gừ trên món điểm tâm như một con thú hoang trong chuồng. Đến gần chín giờ, y nuốt phăng bộ mặt cau có, rồi khoác dáng vẻ khả kính, chỉnh tề hết mức để che phủ bản chất đích thực, và rời nhà bắt đầu một ngày làm việc.

Cho dù Cruncher thích tự xưng là “người *nằm* ăn *nương* thiện”, thật khó mà gọi công việc của y là một nghề. Dụng cụ của y chỉ có mỗi một ghế đẩu bằng gỗ, cửa ra từ một ghế tựa đã gãy lưng, cái ghế mà thằng nhóc Jerry đang đi cạnh cha sáng nào cũng mang theo để đặt dưới khung cửa sổ ngân hàng gần cổng thành Temple Bar nhất; ở đó, cái ghế được bổ sung một năm rơm lấy từ bất kỳ cỗ xe ngựa nào đi

ngang qua đầu tiên để rải xuống đất cho đỡ ướt lạnh bàn chân và thế là nó trở thành doanh trại của người sai vật ấy. Ở vị trí này, Cruncher đã trở thành quen thuộc với mọi người ở phố Fleet và khu Temple Bar, như là chính cái cổng thành đó vậy.

Ở doanh trại lúc chín giờ kém mười lăm, vừa kịp lúc đưa tay lên chiếc mũ ba góc để chào những nhân viên Tellson già cả nhất bước vào trong ngân hàng, Jerry Cruncher ngồi túc trực trong buổi sáng tháng Ba lộng gió ấy cùng với thằng Jerry con đứng cạnh bên, nếu như thằng nhãi không bận lòng sục khắp Temple Bar tìm những thằng bé qua lại nào nhỏ tuổi hơn để tỏ tình thân ái bằng cách nện cho vài thương tích thể xác hay tinh thần. Giống nhau như đúc, hai cha con im lìm nhìn dòng xe cộ buổi sáng trên phố Fleet, hai cái đầu kề cận nhau cũng giống như hai con mắt nằm sát nhau trên mặt từng người; trông hai cha con chẳng khác gì hai con khi. Trông họ càng giống khi hơn khi chốc chốc Jerry cha lại nhai rồi phun một cọng rơm trong lúc cặp mắt nhấp nháy của Jerry con bồn chồn quan sát cha lẫn mọi thứ khác trên phố Fleet.

Cái đầu của người tùy phái làm việc thường trực bên trong Ngân hàng Tellson thò ra cửa chính, và một lời cộc lốc thốt lên:

– Cần sai việc!

– A ha, kìa cha! Có việc làm sớm rồi!

Sau lời tiễn biệt đó, Jerry con ngồi vào ghế đầu của cha, dồn quan tâm vào cọng rơm cha nó bỏ lại, vừa nhai vừa ngẫm nghĩ.

– Lúc nào cũng có mùi gỉ sét! Ngón tay cha lúc nào cũng dính gỉ sét. - Jerry con lẩm bẩm. - Cha mình lấy đâu ra cái mùi sắt gỉ này chứ? Ở đây làm gì có thứ nào gỉ sét đâu!

2. Hiếu kỳ

– Cậu biết Tòa Đại hình Old Bailey chứ hả, biết phải không? - Một trong những viên thư ký già nhất hỏi người liên lạc Jerry.

– Dạ biết, - Jerry đáp, giọng có vẻ dấm dăng, - tôi có biết tòa án.

– Tốt rồi. Và cậu biết ông Lorry?

– Tôi biết ông Lorry, dạ, còn rõ hơn cả tôi biết tòa án. - Jerry nói cứ như một nhân chứng bất đắc dĩ ở chốn pháp đình ấy. - Còn rõ hơn cả những gì mà người *nằm ăn nường* thiện như tôi muốn biết về tòa án.

– Tốt lắm. Hãy tìm tới chỗ cửa dành cho nhân chứng vào tòa, rồi đưa cho người gác cửa bức thư này để chuyển cho ông Lorry. Sau đó người này sẽ cho cậu vào trong.

– Vào trong tòa *nuôn* ạ?

– Vào trong tòa luôn.

Hai con mắt của Cruncher cứ như nhích gần sát thêm nữa và chúng đang hỏi nhau “Mày nghĩ sao về chuyện này?”. Sau khi hai con mắt hội ý xong, Cruncher mới hỏi:

– Vậy tôi phải đợi ở trong tòa ạ?

– Để tôi nói cho cậu rõ. Người gác cổng sẽ chuyển thư cho ông Lorry, và cậu sẽ ra hiệu gì đó cho ông Lorry chú ý và biết cậu đứng ở đâu. Việc cậu phải làm sau đó là cứ đứng ở đó cho tới khi nào ông ấy cần đến cậu.

– Chỉ vậy thôi ạ?

– Vậy thôi. Ông ấy cần có người liên lạc tức trực. Thư này là để báo cho ông ấy biết có cậu ở đó.

Trong lúc ông thư ký già tỉ mỉ gấp lá thư và ghi tên người nhận lên trên, Cruncher im lặng quan sát cho tới khi ông lão thấm mực cho khô mới nói:

- Tôi đoán *nà* sáng nay họ xử tội ngục tạo văn tự?
- Tội phản nghịch!
- Vậy *nà* phanh thây rồi, - Jerry nói. - Dĩ man!
- Đó là luật, - lão thư ký vừa nói vừa ngạc nhiên hướng mục kính về phía người sai vật. - Đó là luật.
- *Nuật* gì mà xé xác người ta tàn ác quá, tôi nghĩ vậy. Giết chết *nà* đã tàn ác rồi, vậy mà còn xé xác người ta *nà* tàn ác quá mức.
- Chưa đủ đâu, - lão thư ký phản bác. - Luật pháp thế còn nhân đức chán. Hãy giữ cho ấm ngực, bớt nói đi, anh bạn, cứ để cho luật pháp tự giải quyết. Tôi khuyên cậu đó.
- Dạ, cái tiết trời ướt át này *nằm* tôi tức ngực khan tiếng, - Jerry đáp. - Ông thử nghĩ xem cái cách kiếm sống của tôi phải chịu ướt át chừng nào.
- À, à, - lão thư ký nói, - chúng ta mỗi người một cách kiếm sống thôi. Có người phải chịu ướt át, có người được khô ráo. Bức thư đây. Đi đi.

Jerry cầm thư, vừa rửa thầm trong bụng “Còn ông *nà* đồ già dịch khô đét” vừa cúi chào, xong ra ngoài báo cho thằng con biết chỗ rồi đi luôn.

Thời đó người ta treo cổ tội nhân ở Tyburn, cho nên con đường phía ngoài ngục Newgate vẫn chưa mang tai tiếng như sau này. Nhưng nhà ngục này là nơi kinh khủng; bao nhiêu chuyện hung ác, bại hoại đã xảy ra trong đó, và là cái nơi sinh sôi toàn bệnh tật, rồi tội nhân mang bệnh tới tòa, và có khi bệnh từ dưới chỗ bị cáo lây luôn cho cả ngài Chánh thẩm Tối cao Pháp viện khiến ngài lăn đùng khỏi ghế pháp quan. Đã có nhiều lần Thẩm phán đội mũ đen để tuyên án tử thì chính ông ta cũng tới số giống như phạm nhân lãnh án, thậm chí còn chết trước tử tù. Còn với mọi người khác thì Tòa Đại hình Old Bailey khét tiếng là một loại lữ quán tử thần, từ trong đó những đoàn lữ khách xanh xao ngồi xe bò, xe ngựa liên tục ra đi trên hành trình tàn bạo về bên kia thế giới - họ phải băng qua chừng hai dặm rưỡi đường lộ công

cộng và khiến vài Công dân tốt phải xấu hổ, nếu gặp phải. Bạo lực ban đầu rất hữu dụng vì cần thiết, giờ đã thành thói quen. Old Bailey còn lừng danh với cái tập quán lâu đời là giàn gông, tù nhân bị cùm tay chân vào đó cho công chúng sỉ nhục, một hình phạt không có giới hạn; thêm một tập quán lâu đời đáng quý khác nữa là trụ quất roi, nhìn tội nhân bị trói vào trụ chịu phạt hẳn phải khiến ta thêm mềm lòng và nhân đạo hơn nhiều; còn biết bao đồng tiền nhuộm máu được trao tay những kẻ đâm thuê chém mướn, một biểu hiện khác của trí tuệ tiền nhân, khiến bao nhiêu tội ác kinh hoàng đã xảy ra dưới vòm trời này. Nói tóm lại, Old Bailey thời đó là một minh họa tuyệt hảo cho cái nguyên tắc “Mọi thứ tồn tại đều có lý của nó” - một câu châm ngôn đầy dứt khoát và khiến ta lười suy nghĩ nếu như nó không bao hàm cái hệ luận khó chịu là: không hề có thứ gì trên đời là vô lý cả.

Len qua đám đông hôi hám đang tứ tán ngược xuôi ở kịch trường ghê gớm này, người liên lạc với tài khéo của kẻ quen đi lại âm thầm đã tìm ra lối vào cần đến và trao bức thư qua một ô cửa trập khoét trên cửa lớn. Bởi thời đó người ta trả tiền để được xem những màn kịch pháp đình ở Old Bailey, giống như họ trả tiền để xem những màn kịch ở nhà thương điên Bedlam* - chỉ khác là xem xử án thì đắt tiền hơn. Cho nên, mọi cửa vào Old Bailey đều được canh gác kỹ - tất nhiên là không kể các cánh cửa dành riêng cho tội phạm đi vào, lúc nào cũng mở rộng.

Sau một lúc trì hoãn và do dự, cánh cửa ấy miễn cưỡng xoay trên các bản lề và hé ra một chút để Jerry Cruncher lách mình vào trong tòa án.

- Vụ gì thế? - Y thì thảo hỏi đại một người đứng cạnh bên.
- Chưa xử gì cả.
- Sắp xử vụ gì?
- Vụ phản nghịch.
- Tội này *nà* phanh thây hả?

- A ha! - Người kia đáp, giọng khoái trá. - Hắn sẽ bị kéo lên giáo đài, treo cổ cho gần chết rồi hạ xuống, từng xẻo, sau đó moi ruột gan hắn ra thiêu ngay trước mắt hắn, rồi sau đó hắn mới bị chặt đầu và phanh thây làm bốn mảnh. Đó là bản án.

- Nếu như hắn ta có tội, ý anh *nà* vậy phải không? - Jerry hỏi ướm.

-Ồ! Người ta sẽ xử hắn có tội thôi, - người kia đáp. - Anh đừng có lo chuyện đó.

Chú ý của Cruncher bây giờ chuyển sang người gác cửa, y thấy người này tay cầm thư đang đi tới chỗ ông Lorry. Ông Lorry đang ngồi ở một chiếc bàn, giữa các vị đội tóc giả; cách đó không xa là một quý ông đội tóc giả khác - trạng sư bào chữa - với một xấp giấy tờ dày cộm trước mặt; và gần như đối diện với người này là một quý ông đội tóc giả khác nữa đứng thọc hai tay trong túi, lần nào Cruncher nhìn tới đều thấy ông ta dường như chỉ tập trung chú ý lên trần nhà. Sau mấy tiếng ho cộc lốc, rồi xoa cằm và đưa tay ra hiệu, Jerry đã khiến ông Lorry trông thấy mình; bây giờ ông đã đứng lên nhìn quanh tìm y và bây giờ gật đầu tỏ ý đã biết rồi lại ngồi xuống.

- Cái *ông* đó liên quan gì tới vụ này? - Người đứng cạnh Jerry hỏi.

- *Nàm* sao tôi biết được, - Jerry đáp.

- Thế thì cho phép tôi hỏi, vậy *ông* liên quan gì tới vụ này?

- Cũng thế. *Nàm* sao tôi biết được, - Jerry nói.

Sự xuất hiện của ngài Chánh án và cảnh xôn xao rồi lắng dịu của cả tòa án ngay sau đó đã cắt đứt cuộc trò chuyện. Mọi chú ý liền tập trung vào vành móng ngựa. Hai cai ngục bây giờ đứng ở đó bèn đi ra đưa tội phạm vào chịu xét xử.

Trừ quý ông đội tóc giả dán mắt trên trần nhà, mọi người có mặt đều chăm chú nhìn bị cáo. Mọi hơi thở trong tòa án đều cuộn cuộn tràn về phía người ấy, như sóng, như gió, như lửa. Những bộ mặt háo hức cổ rướn cổ quanh các trụ cột và góc nhà để nhìn cho rõ phạm nhân; những khán giả ở mấy hàng ghế cuối đứng cả lên, cổ nhìn không sót một sợi tóc; những người ở phía trước tòa dè tay trên vai

người ở hàng trên để cố thấy rõ bằng mọi giá - đứng kiễng chân, leo lên các gờ tường, đập lên hầu như mọi thứ, để nhìn từng lỗ chân lông. Nổi bật trong đám người phía trước là Jerry với đầu tóc nhấp nhồm tua tủa như những cọc sắt cắm trên tường nhà ngục Newgate; y phóng về phía phạm nhân những hơi thở nồng mùi bia đã nốc trên đường tới đây, luồng hơi thở y phà ra hòa lẫn với những làn sóng mùi men, mùi rượu, mùi trà, mùi cà phê, đủ thứ mùi khác, tuôn trào về hướng bị cáo và những đợt sóng uế tạp ấy đã quật lên những ô cửa sổ lớn của Tòa án một màn hơi mù mịt ướt át.

Mục tiêu của mọi ánh mắt trên trời và hơi thở khò khè này là một thanh niên chừng hai mươi lăm tuổi, vóc người cân đối và điển trai, má rám nắng với đôi mắt đen. Phong thái anh ta rõ ràng con nhà quý phái. Anh ta mặc một bộ đồ đơn giản màu đen, hoặc màu xám rất đậm, mái tóc đen dài buộc ra sau gáy bằng một dải ruy băng để cho khỏi phủ khuôn mặt hơn là làm dáng kiểu cách. Dầu thể xác có che đậy cách mấy thì tinh thần vẫn bộc lộ được cảm xúc, cho nên hai gò má nâu rám nắng của anh ta vẫn không giấu được ánh nhợt nhạt, xanh xao phát xuất từ cõi lòng. Nhưng anh ta tỏ ra rất điềm tĩnh, cúi chào Thẩm phán và đứng im đó.

Cái kiểu tro trố mắt, thở phì đồn chú ý vào chàng trai ấy không phải là kiểu quan tâm làm cho con người thêm cao thượng. Nếu như bị cáo đứng trước hiểm họa lãnh một bản án ít khủng khiếp hơn - nếu như còn có cơ may thoát được bất kỳ một hình phạt man rợ nào - thì chắc hẳn người ta đã chẳng quan tâm nhiều đến thế. Cái hình hài sẽ chịu số phận bầm vằm đầy ô nhục này mới chính là điều gây hiếu kỳ; cái xác phàm sẽ bị mổ bụng phanh thây này mới tạo được sự xôn xao đó. Khán giả dù có mang bộ mặt giả dối nào để che đậy ý đồ, tùy theo tài nghệ và trình độ tự lừa mị bản thân, thì căn nguyên của mỗi quan tâm này chính là cái thú tính muốn ăn thịt người.

Yêu cầu im lặng! Charles Darnay ngày hôm qua đã không nhận tội với cáo trạng lên án bị cáo rằng... (một tràng từ ngữ rộn ràng bất tận)...

cho nên bị cáo can tội phản nghịch với đức vua, Hoàng đế uy nghiêm, vinh quang, tối thượng, vân vân, của chúng ta bởi vì bị cáo, trong nhiều lần khác nhau và bằng nhiều phương cách khác nhau, đã trợ giúp tên Louis, vua nước Pháp, trong cuộc chiến tranh chống lại Hoàng đế uy nghiêm, vinh quang, tối thượng, vân vân, đã nói trên của chúng ta; cụ thể là, bằng cách đi lại giữa lãnh thổ của vương quốc uy nghiêm, vinh quang, tối thượng, vân vân, đã nói trên của chúng ta với lãnh thổ của tên Louis nước Pháp đã nói trên, và đã tiết lộ một cách nguy hại, sai trái, phản bội, và... (nhiều trạng từ xấu xa khác)... cho tên Louis nước Pháp biết vương quốc uy nghiêm, vinh quang, tối thượng, vân vân, đã nói trên của chúng ta, đang chuẩn bị đưa đội quân nào sang Canada và Bắc Mỹ... - Jerry, đầu tóc càng lúc càng dựng đứng thêm vì nghe những thuật ngữ luật pháp, tới lúc này mới mừng rỡ hiểu ra; và thế là sau bao lời vòng vo tam quốc, Jerry biết rằng đã tới lúc cái tên đã nói trên, và cái tên đã lặp đi lặp lại biết bao lần đã nói trên là Charles Darnay bây giờ mới tới lúc xét xử; rằng bồi thẩm đoàn đang tuyên thệ; và rằng ngài Tổng chương lý đang chuẩn bị nói.

Ở cảnh ngộ này, bị cáo - người đang (và anh ta biết mình đang) bị mọi người ở tòa thẩm treo cổ, chặt đầu và phanh thây trong tường tượng - vẫn không nao núng mà cũng không tỏ vẻ bi ai. Anh ta đứng im lặng và chăm chú theo dõi các thủ tục mở đầu phiên xử với vẻ quan tâm nghiêm túc; hai bàn tay tì lên thành gỗ vành móng ngựa đã được rắc được thảo, diêm tĩnh tới mức không làm rung động một cọng cỏ nào. Khắp tòa đã rắc đầy lá thuốc và giấm như một biện pháp ngăn ngừa khí độc và bệnh sốt của nhà tù.

Phía trên đầu phạm nhân là một tấm gương hắt ánh sáng xuống. Biết bao kẻ ác độc và khốn cùng đã in hình bóng lên mặt phản chiếu ấy, và đã tan biến khỏi tấm gương lẫn cõi nhân gian.

Nếu như mặt kính đó mà tái tạo được mọi hình bóng đã từng in dấu, giống như sóng đại dương một ngày nào sẽ ném trả mọi cái xác chết chìm, thì ắt hẳn cái chốn kinh tởm này sẽ tràn ngập những hồn ma ám

ảnh. Có lẽ một ý nghĩ thoáng qua nào đó về những hình bóng phản chiếu ô nhục, tai tiếng kia đã nảy sinh trong tâm trí phạm nhân. Dù sao đi nữa, một động tác thay đổi tư thế đã khiến anh ta nhận ra một luồng sáng hắt qua mặt mình, anh ngược nhìn và khi thấy bóng mình trong gương, anh đỏ mặt và bàn tay phải gạt mở được thảo qua một bên.

Cái gạt tay lại tình cờ hướng mặt anh về phía bên trái. Ngang tầm nhìn, ngồi ở góc gần chỗ đặt ghế thẩm phán là hai người khiến anh lập tức chú ý, và nét mặt anh cũng lập tức biến đổi khiến mọi con mắt đang dán vào anh cũng phải quay nhìn theo.

Khán giả thấy hai nhân vật, một tiểu thư tuổi chừng hơn hai mươi một chút và một người quý phái rõ ràng là cha cô gái; mái tóc bạc trắng và nét mặt đầy cảm xúc khó tả của người cha khiến ta chú ý ngay - đó không phải sự chăm chú tập trung mà là trầm ngâm tư lự một mình. Nét mặt đó khiến ông ta có vẻ già lão nhưng khi biểu hiện ấy bị xáo trộn và tan biến - giống như nét mặt thoáng qua lúc này khi ông đang nói chuyện với cô con gái - thì trông ông lại là một người đẹp trai, tuổi vẫn còn sung mãn.

Cô con gái ngồi cạnh bên, vòng một tay qua cánh tay cha, tay kia nắm cánh tay ông kéo sát lại, rõ ràng là hoàn toàn kinh sợ phiên tòa và thương xót cho bị cáo. Vầng trán cô chau lại đã phơi bày hết sự hãi hùng và lòng trắc ẩn trước hiểm họa đang đợi chờ người kia. Cảm xúc ấy biểu hiện lồ lộ, mãnh liệt và tự nhiên tới mức những kẻ không có chút từ tâm dành cho phạm nhân cũng phải cảm động và hạ giọng thì thầm hỏi nhau: “Họ là ai vậy?”.

Nãy giờ cũng vừa quan sát vừa miệt mài mút cái vị giết tanh tươi trên những ngón tay mình, người liên lạc Jerry rướn cổ nghe ngóng xem hai người kia là ai. Đám đông chung quanh cứ hỏi dồn nhau và câu trả lời cứ truyền sang tai người đứng gần nhất, và người này lại bị hỏi dồn và câu trả lời lại tiếp tục lan truyền rồi cuối cùng tới tai Jerry:

- Nhân chứng đó.
- Cho bên nào?

- Bên buộc tội.
- Buộc tội ai?
- Tên tù đó.

Đôi mắt ngài Chánh án bị cuốn theo hướng nhìn của đám đông giờ đã quay lại vị trí quan tòa, ông ta ngả lưng ra ghế, nhìn chăm chăm vào kẻ mà ông nắm quyền sinh sát trong lúc vị Tổng chương lý đứng lên để buộc thông lọng, mài rìu, và đóng đinh vào đoạn đầu đài.

3. Thất vọng

Ngài Tổng chương lý phải cho bồi thẩm đoàn biết rằng bị cáo trước mặt họ, dù trẻ tuổi đời, nhưng lại già dặn trong những mưu đồ phản nghịch buộc y phải trả giá bằng sinh mạng. Rằng, việc thông đồng với địch quốc không phải là việc mới hôm nay, hay mới hôm qua, hay thậm chí mới năm ngoái hay năm trước nữa. Rằng, chắc chắn là bị cáo này, trong suốt thời gian dài hơn thế, đã thường xuyên qua lại giữa nước Pháp và nước Anh, để làm những việc bí mật mà y không hề thành thật khai báo. Rằng, nếu như những hành vi phản nghịch này mà tự nhiên phát triển (may thay điều này không hề xảy ra), thì sự nguy hại và tội lỗi đích thực của việc y làm có lẽ đã không bị phát hiện. Rằng, nhờ Thượng Đế thôi thúc một người có tấm lòng không biết sợ hãi, không ngại gian khó, đã khám phá ra bản chất các mưu đồ của y, và người này vì quá kinh hoàng nên bèn tố giác với quan Quốc vụ khanh và Hội đồng Cơ mật tôn kính. Rằng, người ái quốc này sẽ ra trình diện trước bồi thẩm đoàn. Rằng, địa vị và tư cách của người này hết thấy đều cao quý. Rằng, người này từng là bằng hữu của bị cáo kia, nhưng ngay thời khắc may mắn mà cũng bất hạnh, đã phát hiện ra tội lỗi của người bạn mà mình hết lòng yêu quý, người này đã quyết hiến tế kẻ phản nghịch kia trên bàn thờ Tổ quốc linh thiêng. Rằng, nếu Anh quốc mà cũng giống như Hy Lạp và La Mã xưa, ra sắc lệnh dựng tượng những ân nhân của đất nước, thì Công dân lỗi lạc này chắc chắn sẽ được tôn vinh. Rằng, do nước Anh không có sắc lệnh như thế, người này hẳn sẽ không được dựng tượng. Rằng, đạo đức vốn có tính lan truyền; nhất là cái đức độ sáng ngời của lòng ái quốc, hay tình yêu đất nước - điều đã được các thi nhân ghi nhận (trong nhiều câu thơ mà ngài Tổng chương lý thừa biết là bồi thẩm đoàn ắt đã thuộc nằm lòng từng chữ một; nghe thế mặt mày của các vị bồi thẩm lộ rõ lương tâm tội lỗi vì họ không hề biết một câu nào cả). Rằng, tấm gương cao quý

của nhân chứng trong sạch không thể hoài nghi này đối với Vương quốc, người mà ta không xứng đáng được vinh dự gọi tên, đã lan truyền sang người hầu của bị cáo và đã khiến gia nhân ấy có quyết tâm cao cả là lục lọi các túi áo và ngăn kéo của chủ và cất giấu đi nhiều giấy tờ. Rằng, ngài (Tổng chưởng lý) sẵn sàng nghe những lời gièm pha xúc phạm người hầu đáng ngưỡng mộ này; nhưng rằng, ngài còn quý mến người hầu này hơn cả anh chị em (của ngài Tổng chưởng lý) và kính trọng người hầu này hơn cả cha mẹ (của ngài Tổng chưởng lý). Rằng, ngài tự tin kêu gọi bồi thẩm đoàn hãy làm như ngài. Rằng, bằng cứ của hai nhân chứng này, cùng với những tài liệu họ đã phát hiện và sắp trình tòa, sẽ cho thấy bị cáo đã có được danh sách các lực lượng Hoàng gia, cùng kế hoạch bài binh bố trận, cả hải quân lẫn lục quân, không còn nghi ngờ gì nữa y đã thường xuyên chuyển những tin tức như vậy cho thế lực thù địch. Rằng, không thể chứng minh được các danh sách đó là do chính tay bị cáo viết ra; nhưng điều này không làm giảm tính nghiêm trọng mà lại giúp cho việc truy tố thêm thuận lợi; rằng, nó cho thấy bị cáo đã xảo quyết đề phòng. Rằng, bằng chứng cho thấy từ năm năm trước bị cáo đã tiến hành những nhiệm vụ nguy hiểm này, chỉ trong vài tuần trước ngày xảy ra trận chiến đầu tiên giữa quân đội Anh và người Mỹ*. Rằng, vì những lý do đó, bồi thẩm đoàn - vốn là những người trung thành (vì ngài biết là họ như thế) và vốn là những người có trách nhiệm (vì họ biết là họ như thế) - dứt khoát phải xét thấy bị cáo có tội, và phải kết án tử hình, dù họ có muốn hay không. Rằng, họ không thể nào ăn ngon ngủ yên; rằng, họ không thể nào chấp nhận cái ý tưởng là vợ mình ăn ngon ngủ yên; rằng, họ không thể nào dung dưỡng cái suy nghĩ là con mình ăn ngon ngủ yên; tóm lại, không thể nào có ai, dù là họ hay vợ con, ăn ngon ngủ yên được nữa nếu bị cáo kia không bị chém đầu. Cái đầu đó ngài Tổng chưởng lý đòi hỏi bồi thẩm đoàn phải chặt cho được, nhân danh mọi thứ hay ho hợp lý mà ngài có thể nghĩ ra, và với niềm tin không lay chuyển, ngài long trọng kết luận là ngài coi như bị cáo đã chết chắc mười mười.

Khi ngài Tổng chương lý ngừng lời, cả tòa án ồ lên xôn xao như một đàn ruồi xanh bu quanh phạm nhân kia, mong chờ cái kết anh ta sẽ đối mặt. Khi tiếng ồn ào lắng xuống, nhà ái quốc bất khả chê trách xuất hiện ở ghế nhân chứng.

Sau đó ngài Phó chương lý, theo hướng dẫn của ngài Tổng, chất vấn nhà ái quốc: một quý ông tên là John Barsad. Lời tự khai về lương tâm trong sạch của y cũng giống những gì ngài Tổng chương lý đã mô tả - có lẽ điều đáng chê trách là nó gần như y hết lời ngài Tổng. Sau khi trút hết gánh nặng cao cả trong lòng, y lẽ ra đã khiêm tốn rút lui, nhưng vị trạng sư đội tóc giả cầm mớ giấy tờ ngồi trước mặt y, cách ông Lorry không xa, lại xin hỏi vài câu. Còn quý ông đội tóc giả đối diện trạng sư vẫn cứ ngược nhìn trần nhà.

Bản thân nhân chứng từng làm gián điệp bao giờ chưa? Chưa hề, y khinh bỉ lời ám chỉ hèn hạ đó. Nhân chứng sinh sống nhờ cái gì? Nhờ tài sản riêng. Tài sản của nhân chứng ở đâu ra? Nhân chứng không nhớ chính xác là ở đâu ra. Tài sản đó là gì? Việc riêng không thể công khai. Nhân chứng thừa kế tài sản đó phải không? Phải, y thừa nhận. Thừa kế của ai? Bà con xa. Rất xa? Khá xa. Từng vào tù chưa? Chắc chắn là không. Từng bị tù vì nợ nần chưa? Không hiểu điều đó có liên quan gì đến việc này. Từng bị tù vì nợ nần chưa?... Đấy, lại cứ hỏi! Có không? Có. Bao nhiêu lần? Hai hay ba lần. Không phải năm hay sáu lần sao? Có thể. Nhân chứng làm nghề gì? Quý tộc. Có bao giờ bị người khác đá chưa? Có lẽ có. Thường xuyên không? Không. Có bao giờ bị đá lăn xuống cầu thang không? Chắc chắn là không; có một lần bị đá trên đầu cầu thang, và nhân chứng tự ý lăn xuống. Bị đá vì chơi xúc xắc gian lận phải không? Thằng say hành hung tôi đã nói láo đại khái như thế, nhưng điều đó không đúng. Có dám thề là điều đó không đúng không? Chắc chắn. Đã từng kiếm sống bằng cờ gian bạc lận chưa? Không hề. Đã từng kiếm sống bằng cờ bạc chưa? Cũng như mọi người khác thôi. Có bao giờ mượn tiền của bị cáo kia không? Có. Đã

trả tiền lại chưa? Chưa. Có phải thân tình của nhân chứng với bị cáo kia thực tế là quan hệ rất sơ giao, chỉ do những lần tình cờ gặp bị cáo trên xe ngựa, trong lữ quán, và trên những chuyến tàu thủy? Không phải. Có chắc là nhân chứng thấy bị cáo có các bản danh sách này không? Chắc chắn. Có biết gì hơn về các danh sách này không? Không. Không phải nhân chứng đã đích thân tìm cách lấy được các giấy tờ này, phải vậy không? Không. Với các tang vật này thì nhân chứng hy vọng được thưởng gì đó không? Không có. Nhân chứng không ăn lương chính phủ và được thuê để hãm hại người khác chứ? Ôi trời, không. Hay để làm chuyện gì khác? Ôi trời, không có. Dám thề không? Xin thề hàng ngàn lần là không. Nhân chứng không hề có động cơ nào ngoài lòng ái quốc thôi sao? Không hề có động cơ nào khác.

Tới lượt người hầu đức hạnh Roger Cly ào ào tuyên thệ trước cuộc chất vấn. Y đã hoàn toàn tin tưởng làm việc cho bị cáo từ bốn năm trước và không hề hay biết gì. Y đã hỏi bị cáo trên chuyến tàu Calais là bị cáo có cần người giúp việc không và bị cáo đã thuê y. Không phải y xin bị cáo vì lòng nhân đức mà cho y theo hầu - không hề có ý nghĩ đó. Chẳng bao lâu sau, y bắt đầu nghi ngờ bị cáo và để ý theo dõi. Khi soạn áo quần cho bị cáo, trong lúc đi xa, y đã nhìn thấy những danh sách giống như những danh sách này trong các túi áo của bị cáo, rất nhiều lần. Y đã lấy các danh sách này trong ngăn kéo bàn giấy của bị cáo. Không phải y đã bỏ các giấy tờ đó vào trong ngăn kéo ngay từ đầu. Y đã nhìn thấy bị cáo đưa các danh sách giống như vậy cho nhiều người Pháp ở Calais xem, và đưa các danh sách tương tự cho nhiều người Pháp ở cả Calais lẫn Boulogne xem. Y yêu nước và không thể chấp nhận điều đó nên đã đi tố cáo. Y chưa từng bị nghi ngờ là đã ăn cắp một ấm trà bằng bạc; y đã bị vu khống là ăn cắp một lọ mù tạt, nhưng hóa ra đó chỉ là đồ mạ bạc. Y đã quen biết nhân chứng vừa rồi từ bảy hay tám năm qua; điều đó chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên. Y không cho đó là điều ngẫu nhiên kỳ lạ gì lắm bởi vì chuyện ngẫu nhiên nào

cũng kỳ lạ cả. Mà y cũng không cho là ngẫu nhiên kỳ lạ khi động cơ duy nhất *của* y cũng chính là lòng ái quốc. Y là dân Anh chân chính và hy vọng nhiều người cũng giống như y.

Khấp tòa lại vang tiếng ruồi xanh và ngài Tổng chương lý gọi ông Jarvis Lorry làm chứng.

– Ông Jarvis Lorry, có phải ông là nhân viên Ngân hàng Tellson không?

– Đúng vậy.

– Vào một ngày thứ Sáu trong tháng Mười một năm 1775, có phải vì công việc mà ông đã đi từ London đến Dover bằng xe thư không?

– Đúng vậy.

– Trên xe thư có hành khách nào khác không?

– Hai người.

– Có phải họ xuống xe dọc đường trong đêm không?

– Đúng vậy.

– Ông Lorry, hãy nhìn bị cáo kia. Có phải bị cáo là một trong hai hành khách đó không?

– Tôi không thể trả lời câu hỏi này.

– Bị cáo có giống ai trong hai hành khách đó không?

– Cả hai đều trùm áo choàng kín mít, đêm tối đen, và chúng tôi ai cũng đều e dè nên tôi không thể trả lời ngay cả câu hỏi này.

– Ông Lorry, hãy nhìn bị cáo lần nữa. Giả sử bị cáo trùm áo choàng kín mít như hai hành khách kia, vậy xét vóc dáng và chiều cao thì bị cáo có giống người nào trong hai hành khách kia không?

– Không.

– Ông Lorry, ông có dám thề là bị cáo không phải là một trong hai hành khách kia không?

– Không.

– Vậy ít nhất thì ông cũng cho rằng bị cáo có khả năng là một trong hai người đó chứ?

– Vâng. Chỉ có điều là tôi nhớ cả hai người đó... giống như tôi vậy... đều sợ hãi bọn cướp đường, còn người này không có vẻ gì là sợ hãi.

– Có khi nào ông thấy người khác giả vờ nhút nhát chưa, ông Lorry?

– Chắc chắn là tôi đã từng thấy.

– Ông Lorry, hãy nhìn bị cáo lần nữa. Ông có chắc chắn là đã từng gặp bị cáo trước đây không?

– Tôi đã gặp.

– Lúc nào?

– Lúc đó là mấy ngày sau, khi tôi từ Pháp trở về, và ở Calais, người này đã lên chiếc tàu đưa tôi về nước, và đã đi cùng chuyến với tôi.

– Bị cáo lên tàu vào giờ nào?

– Sau nửa đêm một chút.

– Ngay giữa đêm khuya. Có phải bị cáo là hành khách duy nhất lên tàu vào giờ khuya khoảng đó không?

– Tình cờ người này là người duy nhất.

– Đừng bận tâm chuyện “tình cờ,” ông Lorry. Bị cáo là hành khách duy nhất lên tàu vào lúc nửa đêm phải không?

– Đúng vậy.

– Lúc đó ông đang đi một mình hay đi cùng ai, ông Lorry?

– Cùng hai người đồng hành. Một quý ông và một cô nương. Họ đang có mặt tại tòa.

– Họ đang có mặt tại tòa. Lúc đó ông có trò chuyện gì với bị cáo không?

– Hoàn toàn không. Trời giông bão, chuyến đi lại dài và biến động, tôi hầu như nằm dài trên sofa từ bờ này sang bờ kia.

– Tiểu thư Manette!

Cô gái đứng lên tại chỗ ngồi, mọi con mắt lúc này nhìn cô giờ lại quay về phía ấy. Người cha đứng lên theo, vẫn khoác tay cô con gái.

– Tiểu thư Manette, hãy nhìn bị cáo.

Đối với phạm nhân, việc phải đối mặt với với lòng thương xót đường ấy, nhan sắc thanh xuân đường ấy, còn khó khăn bội phần so với việc đối mặt với cả đám đông này. Dù không nao núng khi đang đứng cạnh kẻ huyết mộ, thách thức mọi ánh mắt tò mò đang theo dõi, anh ta trong một thoáng vẫn mất bình tĩnh trước ánh mắt của cô gái. Bàn tay phải phạm nhân hấp tấp gạt mớ được thảo trước mặt thành những bông hoa tưởng tượng; và nỗ lực cố giữ đều nhịp thở đã khiến đôi môi anh run rẩy, tái nhợt đi như thể máu đang chảy ngược về tim. Đám ruồi xanh lại ồn ào vo ve.

– Tiểu thư Manette, cô đã từng gặp bị cáo bao giờ chưa?

– Thưa, có.

– Ở đâu?

– Trên chiếc tàu đưa thư mới vừa nhắc tới, thưa ông, và cùng một dịp đó.

– Cô chính là tiểu thư vừa được nhắc tới phải không?

– Ôi! Bất hạnh thay chính là tôi!

Giọng náo nùng đầy thương cảm của cô gái bị lấn át bởi giọng nói hung hăng không mấy êm ái của ông Chánh án: “Hãy trả lời đúng câu hỏi chứ không được nêu nhận xét gì hết.”

– Tiểu thư Manette, cô có trò chuyện gì với bị cáo trên chuyến đi vượt qua eo biển đó không?

– Có, thưa ông.

– Hãy kể lại.

Cả tòa án im phăng phắc khi cô gái khe khẽ nói:

– Lúc quý ông đó lên tàu...

– Cô muốn nói tới bị cáo phải không? - Chánh án cau mày hỏi.

– Vâng, thưa Chánh án.

– Vậy thì phải gọi y là bị cáo.

– Khi bị cáo lên tàu, anh ta thấy cha tôi, - cô gái hướng ánh mắt trìu mến về người đứng cạnh bên, - quá mệt và sức khỏe suy kiệt. Cha tôi

yếu tới mức tôi sợ ông khó thở, nên đã dọn giường cho cha nằm trên boong gần các bậc cấp dẫn vào buồng, còn tôi ngồi trên boong cạnh cha để chăm sóc. Đêm ấy không có hành khách nào khác ngoại trừ bốn người chúng tôi. Bị cáo đã tử tế xin mạn phép chỉ dẫn cách che chắn cho cha tôi khỏi bị mưa gió, còn tốt hơn tôi làm nữa. Tôi không làm được như thế vì tôi không biết gió sẽ thổi hướng nào khi tàu rời cảng. Anh ta làm giúp cho tôi. Anh ta tỏ ra hết sức ân cần và tử tế lo cho tình trạng sức khỏe của cha tôi, và tôi tin chắc là anh ta thật lòng. Chúng tôi đã bắt chuyện với nhau như vậy đó.

– Cho tôi ngắt lời cô một chút. Bị cáo đã lên tàu một mình phải không?

– Không.

– Bao nhiêu người đã đi cùng y?

– Hai quý ông người Pháp.

– Họ có bàn bạc gì với nhau không?

– Họ đã bàn bạc cho tới phút chót, khi các quý ông người Pháp kia phải rời tàu xuống thuyền của họ.

– Họ có trao đổi giấy tờ gì giống như các bản danh sách này không?

– Họ có trao đổi giấy tờ gì đó, nhưng tôi không biết giấy tờ gì.

– Có giống hình dáng và kích cỡ như các giấy tờ này không?

– Có thể, nhưng quả thực là tôi không biết, mặc dù họ đứng nói thầm thì sát bên tôi; do trên đầu bậc cấp dẫn xuống buồng ngủ có treo ngọn đèn nên họ đứng ở đó cho sáng; ánh đèn rất tù mù, và họ nói rất nhỏ, tôi không nghe được họ nói gì mà chỉ thấy họ xem các giấy tờ.

– Bây giờ hãy nói về cuộc trò chuyện với bị cáo, tiểu thư Manette.

– Bị cáo tỏ ra thẳng thắn và đáng tin tưởng... vì trong hoàn cảnh đó tôi không biết làm sao... vì anh ta cũng ân cần, tử tế với tôi giống như với cha tôi vậy. Tôi mong là... - cô gái bật khóc - ...là hôm nay tôi không phải đáp đền bằng những lời gây hại cho anh ta.

Đàn ruồi xanh lại xôn xao.

– Tiểu thư Manette, nếu như bị cáo hoàn toàn không hiểu rằng cô đã hết sức miễn cưỡng khi cung cấp bằng chứng mà cô có bốn phạm cung cấp, bằng chứng mà cô phải cung cấp, và bằng chứng mà cô không thể không cung cấp, thì trừ bị cáo ra còn ai ở đây cũng hiểu. Vui lòng nói tiếp đi.

– Anh ta bảo tôi là anh đang đi làm một việc tế nhị và khó khăn, một việc có thể gây rắc rối cho nhiều người, vì thế anh ta dùng tên giả khi đi lại. Anh ta đã nói là công việc này, sau vài ngày nữa, sẽ đưa anh ta quay lại Pháp, và có thể còn phải qua lại nhiều lần giữa Pháp và Anh trong một thời gian dài sắp tới.

– Bị cáo có nói bất cứ điều gì về chuyện bên Mỹ không, tiểu thư Manette? Hãy nói rõ.

– Anh ta cố giải thích cho tôi hiểu là chuyện xung đột đã nảy sinh như thế nào, và anh ta nói là, theo suy xét của anh ta, phía Anh quốc đã sai lầm và ngu xuẩn. Anh ta có bông đùa nói thêm là có lẽ George Washington rồi sẽ lừng danh trong lịch sử giống như vua George Đệ Tam. Nhưng anh ta nói thế không có ác ý gì; đó chỉ là nói để cười vui cho quên thời gian.

Mọi biểu lộ nổi bật nào trên nét mặt của vai diễn chính trong một màn kịch thu hút người xem đều sẽ được khán giả vô tình bắt chước theo, vầng trán cô gái chau lại vì tập trung và lo lắng đến đau khổ trong lúc cô khai trước tòa, và trong những lúc cô tạm ngừng lời cho ngài Chánh án ghi chép, và quan sát phản ứng của các vị chức trách bên bào chữa lẫn bên buộc tội. Khắp tòa án, mọi kẻ hiếu kỳ vào xem đều có chung nét mặt đó; tới mức khi Chánh án buông giấy bút ngược nhìn lên, mặt hầm hầm vì lời nhận xét hết sức phạm thượng về George Washington, thì đại đa số các vầng trán ở đây đều trở thành những tấm gương phản chiếu cảm xúc của cô gái nhân chứng.

Tổng chương lý bây giờ ra dấu với Chánh án tỏ ý đến lúc cần chất vấn bác sĩ Manette, cha cô gái, cho đúng thủ tục và để phòng xa. Người này được gọi ra làm chứng.

– Bác sĩ Manette, hãy nhìn bị cáo kia. Ông đã từng gặp bị cáo bao giờ chưa?

– Có một lần. Khi người này ghé đến nhà tôi ở London. Khoảng ba năm hoặc ba năm rưỡi trước.

– Ông có nhận biết được bị cáo là người cùng đi trên chuyến tàu đó, hay đã trò chuyện với con gái ông không?

– Thưa Tòa, cả hai việc đó tôi đều không biết.

– Có lý do cụ thể và đặc biệt nào khiến ông không nhận biết được cả hai việc đó không?

– Có, - ông nhỏ nhẹ trả lời.

– Bác sĩ Manette, ở nước Pháp ông đã bị tù một thời gian dài, không có xét xử, hay thậm chí không có tội trạng, có đúng không?

– Ở tù rất lâu, - giọng ông trả lời khiến ai cũng phải động lòng.

– Khi đi chuyến tàu đó, ông mới ra tù chưa được bao lâu phải không?

– Người ta bảo tôi thế.

– Ông không nhớ gì về chuyến tàu đó sao?

– Không. Tôi đã mất trí nhớ suốt một thời gian dài... thậm chí tôi còn không biết bao lâu... từ khi tôi bắt đầu làm giày trong tù, cho đến khi tôi thấy mình ở London với ái nữ của tôi đây. Tôi đã nhận ra con gái tôi khi Chúa cho tôi phục hồi trí nhớ; nhưng tôi vẫn không biết làm sao tôi lại về gặp con mình được. Tôi không hề nhớ chuyện đó xảy ra như thế nào.

Tổng chương lý ngồi xuống và hai cha con cũng ngồi xuống một lượt.

Rồi xảy ra một tình huống lạ trong vụ xét xử. Mục tiêu chính là chứng minh rằng phạm nhân đã cùng một đồng lõa chưa được biết đi trên chuyến xe thư Dover vào đêm thứ Sáu tháng Mười một năm năm trước, đã xuống xe trong đêm để đánh lạc hướng, xuống xe tại một nơi y không ở lại mà đi ngược đường cũ chừng mười hai dặm hoặc hơn,

tới nơi có một căn cứ đóng quân và xưởng đóng tàu rồi thu thập thông tin tại đó; một nhân chứng được gọi ra xác nhận bị cáo đã có mặt đúng vào thời điểm ấy, trong phòng ăn của một khách sạn ở thành phố có đồn binh và xưởng tàu ấy, để chờ gặp một người khác. Trạng sư bào chữa còn đang chất vấn nhân chứng này mà không có kết quả gì, ngoại trừ lời nhân chứng thừa nhận chưa hề gặp bị cáo trong bất kỳ trường hợp nào khác, thì quý ông đội tóc giả này giờ vẫn dán mắt lên trần nhà mới viết mấy chữ vào một mẫu giấy, vo lại, rồi thả cho trạng sư. Lúc tạm dừng giữa hai câu hỏi, trạng sư mở mẫu giấy ra đọc rồi hết sức chăm chú và tò mò hướng mắt về phía phạm nhân.

– Ông dám nói lần nữa là ông chắc chắn đó là bị cáo này không?

Nhân chứng hoàn toàn chắc chắn.

– Ông có bao giờ thấy ai rất giống bị cáo này không?

– Không giống tới mức có thể nhầm lẫn được, - nhân chứng nói.

– Hãy nhìn cho kĩ quý ông kia, quý đồng nghiệp của tôi đó, - trạng sư chỉ về phía người ném mẫu giấy, - rồi hãy nhìn cho kĩ bị cáo kia. Ông nói sao đây? Họ có giống hệt nhau không?

Ngoại trừ cái vẻ bất cần và luộm thuộm nếu không nói là bệ rạc của quý đồng nghiệp chúng ta ra, hai người kia giống nhau đến mức cả nhân chứng lẫn mọi người trong tòa đều sửng sốt khi nhận ra nhân dạng. Sau khi ngài Chánh án yêu cầu quý đồng nghiệp của chúng ta bỏ bộ tóc giả ra và anh ta làm theo với vẻ khó chịu, sự giống nhau càng thêm rõ rệt đến kỳ lạ. Chánh án hỏi ông Stryver (trạng sư bào chữa) rằng có phải họ định xử ông Carton (quý đồng nghiệp của chúng ta) về tội phản nghịch không? Ông Stryver trả lời rằng không, nhưng ông sẽ hỏi nhân chứng có dám chắc rằng điều gì đã xảy ra một lần thì không thể tái diễn không; nhân chứng có dám hấp tấp định ninh đã gặp bị cáo kia nếu như đã từng gặp trường hợp người giống người như vậy không; và bây giờ đã gặp rồi thì có còn quả quyết nữa không, cùng nhiều câu hỏi khác. Kết quả là uy tín của nhân chứng trước tòa bị đập

nát như cái lọ sành, lời khai của hắn trở thành đồng mảnh vụn vô dụng.

Đến lúc này thì Cruncher đã mút no nê cái vị gì sét tanh tanh trên mấy ngón tay mình thay cho bữa ăn trưa trong lúc theo dõi các lời khai. Bây giờ y lắng nghe ông Stryver bác bỏ những chứng cứ buộc tội, giống như đang may đo một bộ đồ cho vừa vặn với bồi thẩm đoàn; trạng sư cho họ thấy người ái quốc Barsad chính là một tên ăn tiền để theo dõi và phản bội, một tên buôn người vô liêm sỉ, và thuộc hạng người ác độc nhất trên đời kể từ thời Judas phản Chúa - mà tên này mặt mày cũng giống Judas thật. Còn tên gia nhân đức hạnh Cly kia là bạn và đồng lõa của Barsad, cũng chẳng tốt đẹp gì hơn; trạng sư chứng minh rằng hai kẻ làm chứng gian trá, tuyên thệ láo này đã để ý tới bị cáo và nảy ra ý hãm hại như thế nào; còn bị cáo, do gốc gác là người Pháp, nên có công việc cần phải vượt biển qua lại giữa hai nước nhiều lần - các việc đó liên quan đến những người gần gũi, thân thiết nhất của anh ta cho nên dẫu có chết anh cũng không tiết lộ. Trạng sư chứng minh rằng lời khai của cô gái kia, ai cũng thấy cô ta đã khổ sở thế nào khi làm chứng, đã bị xuyên tạc, gò ép thành những bằng chứng vô giá trị; đó chỉ là những lời lịch sự, nhã nhặn vô tư mà bất kỳ quý cậu, quý cô nào gặp nhau đều có thể chuyện trò qua lại, - ngoại trừ lời bình phẩm về George Washington hết sức ngông cuồng, chỉ có thể xem đó là một câu nói đùa bậy bạ không hơn không kém. Trạng sư chứng minh đây sẽ là một điểm yếu kém trong việc cai trị khi phá hỏng cái nỗ lực làm cho thần dân yêu mến bằng những nỗi sợ hãi và oán ghét gieo rắc trong công chúng, và đó là điều mà ngài Tổng chương lý đã khai thác tối đa; tuy nhiên, điều này chẳng hề có ý nghĩa nào ngoài việc tính chất đê hèn và bỉ ổi của các bằng chứng lại thường bêu xấu chính những vụ xét xử như thế, và chuyện đó đầy rẫy trong các tập Quốc Sự Án Lệ* của nước ta. Nhưng tới đây thì ngài Chánh án ngắt lời (với bộ mặt nghiêm trọng làm như trạng sư đã không nói đúng

sự thật), và tuyên bố ông ta không thể chấp nhận những lời ám chỉ đó khi đang xử án.

Ông Stryver bèn gọi thêm vài nhân chứng của mình, và sau đó Cruncher lại chăm chú nghe ngài Tổng chương lý lộn ngược bộ đồ mà ông Stryver đã mặc cho bồi thẩm đoàn; ngài Tổng chứng minh rằng Barsad và Cly là hai người thậm chí còn tốt đẹp hơn ngài tưởng cả trăm lần, còn phạm nhân thì xấu xa hơn cả trăm lần. Cuối cùng, tới lượt ngài Chánh án lúc thì lộn ngược, lúc thì lộn xuôi bộ đồ ấy, nhưng nói chung ngài đã quyết cắt xén nó thành chiếc áo liệm khoác cho phạm nhân.

Bây giờ tới lúc bồi thẩm đoàn hội ý và đàn ruồi xanh lại bu tới vo ve.

Ngay trong cảnh nhộn nhịp này, trạng sư Carton - người này giờ cứ ngồi nhìn lên trần nhà - cũng không hề đổi tư thế hay thái độ. Trong khi quý đồng nghiệp Stryver vừa gom góp mớ giấy tờ trước mặt vừa nói thầm với mấy người ngồi gần, thỉnh thoảng lại lo âu liếc nhìn bồi thẩm đoàn; trong khi mọi người dự phiên tòa không ít thì nhiều đều di chuyển và tụ tập thành những nhóm mới; trong khi cả ngài Chánh án cũng rời khỏi ghế, chầm chậm đi tới đi lui trên bục, khiến đám đông không tránh khỏi ngỡ vực rằng ngài đang nôn nóng trong lòng; chỉ có mỗi Carton vẫn ngả lưng ra ghế, chiếc áo choàng cũ như muốn tuột khỏi bờ vai, bộ tóc giả bù rối chụp bừa trên đầu cứ như đang phản đối việc bị lột bỏ xuống lúc này, hai bàn tay thọc trong túi, ánh mắt vẫn đóng đinh lên trần. Thái độ rất khinh mạn ấy không những khiến anh ta có vẻ gì đó bất hảo mà còn làm giảm bớt sự giống nhau không thể phủ nhận với phạm nhân kia (ấn tượng giống nhau ấy rõ mồn một khi anh ta tạm thời tỏ ra nghiêm túc để mọi người so sánh nhân dạng), tới mức nhiều người xem xử án bây giờ để ý tới Carton lại bảo nhau sao chẳng thấy người này và bị cáo giống nhau lắm. Cruncher nhận xét như vậy với người đứng cạnh bên rồi nói thêm:

– Tôi dám cá nửa đồng *guinea* nà tay trạng sư này chẳng mấy ai thuê cãi. Trông chả giống gì *noại* trạng sư có việc để *nà*m, đúng không?

Thế như chàng Carton này coi vậy chứ lại quan sát rõ mọi chuyện trong tòa; bởi vì lúc này, khi tiểu thư Manette ngả gục đầu trong lòng người cha thì chính anh ta là người nhìn thấy đầu tiên và nói to:

– Chấp pháp đâu?! Hãy lo cho quý cô đó. Giúp quý ông kia đưa cô gái ra ngoài. Không thấy cô ta sắp ngất sao?!

Đám đông rất ái ngại cho cô gái cũng như thương cảm cho người cha khi cô gái được đưa ra ngoài. Người cha rõ ràng đã khốn khổ hết sức khi phải nhớ lại những ngày bị giam cầm. Ông ta đã xúc động mạnh khi bị chất vấn, và từ lúc đó trông ông ta già hơn hẳn vì nét mặt mãi ủ ê, tư lự như bị mây đen che phủ. Trong lúc ông đi ra, bồi thẩm đoàn đã quay mặt lại và tạm nghỉ để trưởng ban hội thẩm đại diện nói với tòa.

Bồi thẩm đoàn đã không có ý kiến chung và muốn lùi vào phòng hội ý riêng. Ngài Chánh án (trong đầu chắc còn bận tâm về George Washington) có phần ngạc nhiên vì ban hội thẩm không nhất trí, nhưng bằng lòng cho họ họp kín dưới sự giám sát, và chính ngài cũng tạm rút lui. Vụ xét xử đã kéo dài suốt ngày, đèn đuốc trong tòa giờ đang được thắp lên. Người ta bắt đầu kháo nhau là bồi thẩm đoàn sẽ họp khá lâu. Đám khán giả bèn tản đi giải lao, và phạm nhân lui về cuối vành móng ngựa rồi ngồi xuống đợi chờ số phận.

Ông Lorry lúc nãy đi ra theo cha con cô gái giờ lại quay vào và ra hiệu cho Jerry; người liên lạc dễ dàng tới chỗ ông khi cảnh hiệu kỳ chung quanh đã lắng xuống.

– Jerry, nếu chú muốn kiếm gì ăn thì cứ đi. Nhưng phải ở gần đây. Chú phải để ý xem khi nào bồi thẩm đoàn quay lại là theo họ ngay không được chậm trễ, vì tôi cần chú chuyển lời tuyên án về cho ngân hàng. Chú là người liên lạc nhanh nhất mà tôi biết, chắc chắn chú sẽ về tới Temple Bar trước tôi rất lâu.

Jerry chỉ còn biết đưa ngón tay lên gõ vào trán, y gõ trán để xác nhận lời truyền đạt này và một đồng *shilling* kèm theo. Lúc đó trạng sư Carton xuất hiện và nắm lấy cánh tay ông Lorry:

– Quý cô ấy thế nào rồi?

– Cô ấy hết sức khốn khổ; nhưng cha cô đang an ủi, và ra khỏi tòa thì cô ấy khỏe lại rồi.

– Tôi sẽ cho phạm nhân biết như thế. Người ta mà thấy người khách kính của ngân hàng như ông nói chuyện công khai với y thì không tiện, ông biết mà.

Ông Lorry đỏ mặt lên như thế ông cũng đang thăm đoán chuyện đó trong lòng, thế là Carton đi lần tới phía ngoài vành móng ngựa. Lối ra khỏi tòa án cũng theo hướng đó, và Jerry đi theo, trở mắt, căng tai, tóc dựng tua tua.

– Anh Darnay!

Phạm nhân bước tới ngay.

– Tôi chắc là anh nóng lòng muốn biết tin về nhân chứng, tiểu thư Manette. Cô ấy sẽ ổn thôi. Lúc này anh đã thấy cô ấy xúc động quá.

– Tôi rất tiếc đã gây ra chuyện này. Anh mà chuyển lời đến cô ấy giúp thì tôi biết ơn lắm.

– Được thôi. Tôi sẽ chuyển lời, nếu anh muốn.

Thái độ của Carton đầy vẻ bất cần tới mức xác xược. Anh ta đứng đó, uể oải tì cùi chỏ vào vành móng ngựa, không buồn nhìn thẳng về phía phạm nhân.

– Xin anh giúp cho. Tôi chân thành cảm ơn anh.

– Đây, anh Darnay, - Carton nói mà vẫn không nhìn thẳng mặt người nghe, - anh chờ đợi kết án gì?

– Án nặng nhất.

– Chờ đợi thế là khôn ngoan nhất, và đó là khả năng cao nhất. Nhưng tôi nghĩ họ lui vào hội ý là có lợi cho anh đấy.

Tòa án không cho phép nấn ná lâu hơn, Jerry đi ra khỏi tòa không nghe được gì nữa; mặc cho hai người - diện mạo giống hệt nhau nhưng phong thái hoàn toàn trái ngược - đứng bên nhau, cùng phản chiếu hình bóng lên tấm gương trên trần.

Một giờ rưỡi lê thê chậm chạp trôi qua trong các hành lang chen chúc đám đầu trâu mặt ngựa bên dưới, bất kể bao nhiêu bia và pa-tê cừu đã chui vào bao tử. Người liên lạc giọng khàn ngời bồn chồn trên một băng ghế, sau một hồi ngẫm nghĩ chợt ngủ thiếp đi cho tới lúc tiếng lao xao và dòng người cuồn cuộn đi lên các cầu thang dẫn vào tòa án đã lôi y dậy, cuốn y theo.

– Jerry! Jerry! - Ông Lorry đã đứng ngóng ở ngưỡng cửa gọi to khi y vừa tới nơi.

– Dạ, tôi đây! Chen *nấn* mãi mới về được. Tôi đây, thưa ông!

Ông Lorry với tay qua đám đông đưa cho y một tờ giấy.

– Mau lên! Lấy được chưa?

– Dạ *nấy* rồi.

Viết vội trên tờ giấy là hai chữ “THA BỔNG”.

– Nếu ông mà nhận tin *nà* “Hồi sinh” như *nần* trước, - Jerry lẩm bẩm khi quay đi, - thì *nần* này tôi đã hiểu ngay ông muốn nói gì rồi.

Jerry không còn cơ hội để nói hay thậm chí suy nghĩ gì khác cho đến lúc ra khỏi Tòa Đại hình Old Bailey; bởi vì y phải chạy hộc tốc để khỏi bị xô ngã bởi đám đông đang ào ạt tủa ra và tiếng vo ve náo động tràn xuống đường cứ như một đàn ruồi xanh thất vọng đang tản đi tìm cái xác thối khác.

4. Chúc mừng

Trào ra các hành lang tù mù của tòa án, những căn bã cuối cùng của món hầm thịt người đã sôi sục cả ngày nay giờ đang khô cạn dần khi bác sĩ Manette, ái nữ Lucie Manette, ông Lorry, và trạng sư biện hộ Stryver đứng bao quanh Charles Darnay - vừa được phóng thích - chúc mừng anh ta thoát chết.

Dưới nguồn sáng mạnh hơn, có lẽ ta khó mà nhận ra bác sĩ Manette với gương mặt thông tuệ cùng dáng đứng thẳng tắp này, lại là người thợ giày trên gác xép ở Paris. Thế nhưng ai đã một lần nhìn kỹ ông đều không khỏi nhìn thêm lần nữa; dấu cho họ không có cơ hội nghe được âm điệu sâu nào trong giọng nói nhỏ nhẹ nghiêm trang, hay thấy cái vẻ lơ đãng lâu lâu lại vô cớ hiện lên trên nét mặt ông. Giống như lúc xử án, chỉ cần một tác động bên ngoài nhắc nhở tới nỗi thống khổ bao năm đằng đẳng là cảm xúc u ám đó lại từ đáy sâu tâm hồn ông trỗi dậy, nhưng biểu hiện thất thần ấy cũng thường tự bộc lộ, gây sửng sốt cho những ai không biết chuyện quá khứ của bác sĩ Manette; cứ như thế họ đang nhìn thấy ngục Bastille đích thực đang hắt bóng đen lên mặt ông dưới nắng hè trong khi thực tế thì chốn giam cầm đó cách xa nơi này hàng ba trăm dặm.

Chỉ có cô con gái mới có quyền năng xua tan đám mây u tối khỏi tâm trí cha. Cô là sợi tơ vàng kết nối ông với dĩ vãng trước khi lâm nạn, và với hiện tại sau khi thoát cảnh giam cầm; tiếng nói của cô, gương mặt rạng ngời của cô, bàn tay vỗ về của cô, hẳn luôn có uy lực tối cao giúp ông vui sống. Nhưng không phải lúc nào cũng thế, vì cô còn nhớ cũng có khi quyền năng của cô đã thất bại; nhưng chuyện đó cũng ít xảy ra và không nghiêm trọng mấy, nên cô nghĩ rằng sẽ không còn lặp lại.

Darnay nồng nhiệt và cảm kích hôn tay cô gái rồi quay sang trạng sư Stryver cảm ơn hết lời. Stryver, tuổi mới hơn ba mươi nhưng trông già cứ như năm mươi, mập mạp, oang oang, hồng hào, bộc trực, và không biết tế nhị là gì; anh ta cứ hay sẵn số (về cả tinh thần lẫn thể xác) vào những nhóm người và những cuộc trò chuyện - điều này cho thấy rõ cái cách anh ta bon chen để vươn lên với đời.

Vẫn còn đội tóc giả và khoác áo choàng trạng sư, Stryver vừa nói vừa xen vào đứng chắn ngay trước mặt thân chủ mới tới mức đẩy bật ông Lorry ra khỏi nhóm:

- Tôi rất vui được hân hạnh bào chữa thành công cho anh, anh Darnay. Đây là một vụ án bí ối; hết sức bí ối; nhưng không phải muốn kết tội là được.

- Tôi mang ơn ông cứu mạng suốt đời, - thân chủ vừa nói vừa bắt tay trạng sư.

- Tôi đã làm hết sức mình, anh Darnay; và tôi nghĩ là ai cũng phải làm hết sức như tôi thôi.

Nói vậy thì buộc ai đó phải khen “Không ai sánh bằng,” chính ông Lorry đã nói câu đó, không hẳn là vô tư mà vì ý đồ muốn chen trở lại vào trong nhóm.

- Ông nghĩ thế sao? - Stryver nói. - Chà! Ông đã ở đây cả ngày hôm nay, ắt ông biết rõ. Ông cũng là người của công việc mà.

- Đúng như vậy, - ông Lorry giờ đã được vị trạng sư luật gia kia huých vai đẩy vào nhập bọn giống y như cách anh ta huých vai xô bật ông ra lúc nãy, - và vì đúng như vậy nên tôi yêu cầu bác sĩ Manette kết thúc cuộc hội ý này và chúng ta tất cả đều ra về. Tiểu thư Lucie trông không khỏe, cậu Darnay đã trải qua một ngày kinh khủng, chúng ta ai cũng mệt đừ rồi.

- Xin đừng nói thay người khác, ông Lorry, - Stryver nói, - tôi còn việc phải làm đêm. Xin đừng nói thay người khác.

- Tôi nói cho tôi, - ông Lorry đáp, - và cho cậu Darnay, và cho tiểu thư Lucie, và... Tiểu thư Lucie này, theo cô thì tôi thay mặt cho tất cả

chúng ta được không? - Ông hỏi thẳng cô gái, mắt lại liếc người cha.

Gương mặt bác sĩ Manette lúc đó đã đông cứng trong một cái nhìn rất kỳ lạ hướng về Darnay - một cái nhìn chăm chú, dưới đôi mày chau cang lộ rõ ác cảm và ngờ vực, có vẻ gì đó sợ hãi. Với nét mặt lạ lùng đó, tâm trí ông đã lang thang chốn khác.

- Thừa cha, - Lucie vừa nói vừa nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay cha.

Nét mặt u ám dần dần tan biến, người cha quay sang nhìn con gái.

- Ta về nhà chứ, thừa cha?

Sau tiếng thờ dài là một tiếng “Ừ”.

Đám bạn bè của phạm nhân được trắng án đã giải tán từ lâu, với ý nghĩ - phát xuất từ chính anh ta - rằng anh sẽ không được tha bổng tối nay. Đèn đuốc trong các hành lang hầu như đã được dập tắt hết, các cổng sắt đang đóng lại ầm ầm, và kịch trường ghê gớm này sẽ hoang vắng cho tới sáng mai khi niềm thích thú các giá treo cổ, giàn gông, trụ quất roi, và đóng dấu nung lại kéo khán giả tới. Đi giữa cha mình và Darnay, Lucie Manette bước ra đường. Một cỗ xe song mã được gọi tới và hai cha con lên xe ra đi.

Stryver lúc này bỏ mặc mọi người ở hành lang để sẵn số quay lại phòng thay đồ. Một người khác, này giờ không nhập bọn hay nói một lời nào với bất kỳ ai trong nhóm ấy mà chỉ dựa lưng vào tường ở nơi tối tăm nhất, lúc này mới tản bộ đi ra theo và đứng nhìn cho đến khi chiếc xe ngựa đã khuất xa. Bây giờ anh ta mới bước lên vỉa hè chỗ ông Lorry và Darnay đang đứng.

- À, ông Lorry! Con người của công việc giờ được nói chuyện công khai với anh Darnay rồi phải không?

Không một ai đề cập gì về vai trò của Carton trong vụ xét xử hôm nay; không một ai để ý tới anh ta. Carton đã cởi áo choàng trạng sư và trông bộ dạng cũng vẫn bệ rạc như trước.

- Anh Darnay, giá mà anh biết cái gì đang giăng co trong tâm trí của một người chỉ biết làm việc, khi cái đầu óc công việc đó bị phân

chia giữa thôi thúc của lòng tốt và phong thái chuyên nghiệp bề ngoài, thì anh sẽ thấy rất hay ho.

Ông Lorry đỏ mặt và nói, giọng nhiệt thành:

– Lúc này cậu đã nói tới điều đó rồi, thưa cậu. Những con người của công việc như chúng ta, những người phục vụ cho một hãng, đâu có được nghĩ cho bản thân mà thôi. Chúng ta phải nghĩ đến hãng nhiều hơn bản thân mình.

– Tôi biết, tôi biết, - Carton thản nhiên đáp ngay. - Đừng bực mình, ông Lorry, ông cũng tuyệt vời như mọi người, tôi tin chắc như thế; tôi còn dám nói là không ai bằng ông.

– Đúng vậy đấy, thưa cậu, - ông Lorry nói tiếp, không bận tâm đến lời châm chọc của Carton. - Thật tình tôi không biết cậu có liên quan gì đến chuyện này. Xin cậu bỏ qua cho tôi, một người lớn tuổi hơn cậu nhiều, là đã nói như vậy, tôi thật tình không biết cậu làm công việc gì trong chuyện này.

– Công việc! Lạy Chúa, tôi chẳng có công việc gì, - Carton nói.

– Thật tiếc cho cậu đó, thưa cậu.

– Tôi cũng nghĩ vậy đó.

– Nếu như cậu có công việc gì, - ông Lorry nói tiếp, - có lẽ cậu sẽ dốc lòng cho nó.

– Chúa thương ông, ồ không... tôi không như vậy đâu! - Carton nói.

– Kìa, cậu! - Ông Lorry kêu to, sự dửng dưng của Carton khiến ông nổi nóng. - Làm việc là điều rất tốt, rất đáng tôn trọng. Và thưa với cậu, nếu công việc buộc ta phải kiềm chế, phải im lặng, phải chấp nhận thì quý cậu Darnay tử tế đây là người hiểu rõ những ràng buộc ấy. Tạm biệt cậu Darnay, Chúa phù hộ cậu! Tôi hy vọng từ hôm nay cậu sẽ có cả một cuộc đời thành đạt và hạnh phúc trước mặt. Xe tới rồi kìa!

Có lẽ hơi tức giận với bản thân cũng như với chàng trạng sư kia, ông Lorry hấp tấp lên chiếc xe độc mã đi về Ngân hàng Tellson. Còn

nồng mùi rượu *porto* và hình như chưa tỉnh táo hẳn, Carton lúc đó bật cười rồi quay sang Darnay:

– Anh với tôi tình cờ gặp nhau quả đúng là kỳ lạ. Anh có thấy kỳ lạ không khi đêm nay đứng một mình ở đây với một kẻ giống hệt anh trên những phiến đá lát đường này?

– Tôi dường như không cảm thấy mình thuộc về thế giới này nữa, - Charles Darnay đáp lại.

– Tôi không ngạc nhiên đâu; chỉ mới đây thôi anh suýt nữa đã bước chân sang thế giới bên kia rồi. Anh nói như hụt hơi muốn ngất vậy.

– Tôi nghĩ là tôi *sắp* ngất thật.

– Vậy sao không ăn cái quái quỷ gì đi chứ? Tôi đã ăn rồi, tôi ăn lúc cái đám ngu đần kia đang cân nhắc xem anh thuộc về thế giới nào... bên này hay bên kia. Để tôi chỉ cho anh quán rượu gần nhất có món ngon.

Khoác tay Darnay, chàng trượng sĩ kéo anh xuống đồi Ludgate tới phố Fleet rồi từ đó, theo một lối đi có mái che, vào một tửu quán. Tới nơi, họ được đưa vào một phòng nhỏ và Charles Darnay lập tức phục hồi sức lực bằng một bữa ăn tối đơn giản ngon miệng cùng với rượu đậm đà; trong lúc đó Carton ngồi cùng bàn ở phía đối diện, trước mặt là một chai *porto* riêng, và cái phong thái ngông nghênh lại lộ rõ.

– Giờ anh đã thấy mình lại thuộc về cõi trần thế này chưa, anh Darnay?

– Còn hoảng loạn về thời gian và nơi chốn; nhưng tôi đã khỏe lại để cảm nhận chúng.

– Cái cảm giác ấy hẳn là tuyệt vời lắm! - Carton nói cay đắng rồi lại rót rượu đầy ly; chiếc ly cỡ lớn. - Về phần tôi, mong muốn lớn nhất của tôi là quên chuyện mình thuộc về thế giới này đi. Nó chẳng có ích lợi gì cho tôi... ngoại trừ rượu ngon như thế này... mà tôi cũng chẳng có ích lợi gì cho nó. Ở điểm này thì tôi với anh chẳng hề giống nhau. Quả thực, tôi bắt đầu nghĩ là chúng ta chẳng giống nhau cái gì cả, anh và tôi.

Hoang mang vì bao cảm xúc của ngày hôm nay và cứ ngỡ như đang mơ khi đối mặt với kẻ chung diện mạo, tác phong thô lỗ kia, Charles Darnay không biết trả lời sao; và cuối cùng anh không nói gì. Lát sau Carton nói tiếp:

– Giờ anh đã xong bữa tối, sao không cạn ly vì sức khỏe, anh Darnay? Sao anh không nâng ly lên uống mừng nào?

– Sức khỏe gì? Uống mừng gì chứ?

– Ồ, anh biết mà không muốn nói đấy thôi. Phải là thế, nhất định phải thế, tôi dám thề với anh đấy.

– Mừng tiểu thư Manette vậy!

– Mừng tiểu thư Manette vậy!

Nhìn thẳng vào mặt Darnay đang uống ly rượu mừng, Carton ném ly của mình ra sau vai, chiếc ly va vào tường vỡ tan tành, rồi anh rung chuông gọi mang ly khác vào.

– Đúng là một tiểu thư xinh đẹp để ta được dìu nàng lên xe trong đêm, anh Darnay! - Carton vừa nói vừa rót đầy cốc mới.

Một thoáng chau mày và một tiếng “Vâng!” vắn tắt.

– Đúng là một tiểu thư xinh đẹp để ta được nàng xót thương nhỏ lệ vì mình! Cảm thấy thế nào? Có đáng để đem cả sinh mạng ra tòa xử để được làm đối tượng của lòng trắc ẩn và cảm thông ấy không, anh Darnay?

Darnay vẫn không đáp lời nào.

– Tiểu thư ấy hết sức đẹp lòng khi nhận lời nhả của anh lúc tôi chuyển đến. Không phải là cô ấy bộc lộ ra điều đó, nhưng tôi nghĩ như thế.

Lời bóng gió ấy là một nhắc nhở đúng lúc để Darnay nhớ lại rằng người bạn khó chịu này đã chủ động giúp đỡ anh trong cảnh hoạn nạn hôm nay. Anh lái cuộc trò chuyện sang hướng đó và cảm ơn việc Carton đã chuyển lời.

– Tôi chẳng cần cảm ơn mà cũng không mong đền đáp gì, - câu đáp lễ bất cần. - Trước hết là việc này chẳng mất công gì, thứ đến là tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại làm giúp nữa. Anh Darnay, cho tôi hỏi anh một câu.

– Sẵn lòng thôi, như một chút đáp lại sự giúp đỡ của anh.

– Anh có nghĩ là tôi quý mến gì anh không?

–Ồ, anh Carton, - người kia đáp lại, bối rối lạ lùng, - quả thực là tôi chưa tự hỏi mình điều đó.

– Vậy bây giờ tự hỏi đi.

– Anh đã hành xử cứ như có lòng quý mến; nhưng tôi không nghĩ thế.

– Tôi cũng không nghĩ thế, - Carton nói. - Tôi bắt đầu đánh giá cao trí tuệ của anh rồi đó.

– Tuy vậy, - Darnay vừa nói tiếp vừa rung chuông gọi bồi bàn, - tôi mong là không có lý do gì ngăn cản việc tôi gọi tính tiền và việc chúng ta chia tay nhau không hề thù hận.

– Không đời nào! - Carton đáp ngay. Darnay rung chuông. - Anh trả tiền hết tất cả ư? - Carton hỏi và nói với bồi bàn sau câu trả lời khẳng định. - Vậy thì anh bồi, mang cho ta thêm chai rượu loại này nữa, và tới mười giờ thì vào đánh thức ta dậy.

Thanh toán xong, Charles Darnay đứng dậy chào tạm biệt. Không buồn chào lại, Carton cũng đứng lên, nói với giọng có phần thách thức:

– Một lời cuối, anh Darnay. Anh nghĩ tôi có say không?

– Tôi nghĩ anh đã uống nhiều rồi, anh Carton.

– Nghĩ ư? Anh thừa biết tôi đã uống nhiều.

– Vì tôi phải nói thế chứ tôi biết mà.

– Vậy thì anh cũng phải biết lý do. Tôi là kẻ làm công mạt hạng, thừa anh. Tôi chẳng quan tâm tới ai trên đời, và chẳng có ai trên đời quan tâm tới tôi.

– Thật đáng tiếc cho anh. Lẽ ra anh đã sử dụng tài năng của mình tốt hơn.

– Chắc là vậy, anh Darnay; mà cũng chưa chắc. Nhưng đừng vội mừng vì bộ mặt tỉnh táo của mình, anh không biết chuyện gì sẽ tới đâu. Tạm biệt!

Còn lại một mình, con người kỳ lạ này cầm một ngọn nến lên, đi tới tấm gương treo trên tường xem xét từng li từng tí bóng hình trên mặt kính.

– Mi có quý mến gì người này không? - Carton lẩm bẩm với chính hình bóng anh. - Tại sao mi lại quý mến chỉ một kẻ giống mi? Mi chẳng có gì đáng quý mến; mi biết rõ điều đó. A, đồ khốn khiếp! Mi đã làm cho mi thay đổi biết bao! Lý do chính đáng để quý mến ai là vì người đó cho thấy mi đã từng như thế nào, và lẽ ra mi đã trở thành người như thế nào! Nếu đổi chỗ với hắn thì mi có được nhìn bằng đôi mắt xanh ấy như hắn không, mi có được xót thương bằng gương mặt xúc động ấy như hắn không? Nào, hãy nói thẳng thừng đi! Mi oán ghét kẻ đó.

Anh lại cầu đến chai rượu để giải sầu, chỉ vài phút đã uống cạn sạch, rồi gục đầu trên hai cánh tay ngủ thiếp đi, mái tóc lòa xòa trên mặt bàn, và sáp nến nhỏ giọt như một tấm khăn liệm phủ xuống mái đầu.

5. Chó rùng*

Đó là thời của rượu và đàn ông hầu hết đều uống như hũ chìm. Thời gian đã cải thiện được thói xấu ấy tới mức ở thời nay ta sẽ bị cho là cường điệu lỗ bịch nếu nói ra số lượng trung bình rượu vang và rượu *punch* một người thời đó có thể nốc cạn trong một đêm mà không gây tổn hại gì đến uy tín của một trang nam tử quý phái. So với các chức nghiệp học vấn cao, nghề luật không hề thua kém về số đệ tử Lưu Linh; trạng sư Stryver cũng vậy, đã sẵn số chen vai vào cái nghề béo bở lắm thân chủ này thì anh ta đâu thua kém ai ở cả cái khoản say sưa lẫn tinh táo của giống loài luật gia.

Là người được ưa chuộng ở Tòa Đại hình Old Bailey cũng như Tòa Tiểu hình Sessions, Stryver đã bắt đầu thận trọng chặt bỏ những nấc thấp trên chiếc thang danh vọng đang trèo lên. Các tòa Old Bailey và Sessions giờ phải triệu mời chính người được ưa chuộng này vào vòng tay khao khát của mình; hàng ngày ta thấy sẵn số bon chen để lọt vào vào mắt ngài Chánh thẩm Tối cao Pháp viện là bộ mặt đỏ ửng của Stryver, như một bông hướng dương nổi bật giữa một vườn hoa toàn tóc giả, đang đua tranh với cả đám đồng loại rực rỡ khác để hướng tới mặt trời.

Ở luật sư đoàn trước đây, mọi người từng để ý rằng dù Stryver là người xảo ngôn, bất chấp lương tâm, giáo hoạt và táo tợn, anh ta lại không có khả năng rút tỉa được phần tinh túy trong một đồng trường trình - khả năng cần thiết và đáng nể nhất trong thành tựu của một trạng sư. Nhưng điều này đã được cải thiện rất nhiều. Càng có nhiều vụ xử thì anh ta dường như càng giỏi đào bới tận cốt tủy vấn đề; và cho dù anh ta có ngồi chề chén thâu đêm với Sydney Carton thì sáng ra trạng sư này vẫn có sẵn mọi lập luận để bào chữa trước tòa.

Sydney Carton - kẻ ăn không ngồi rồi, vô tích sự nhất hạng - lại là cánh tay phải của Stryver. Lượng rượu mà hai người này uống với nhau, nếu gom lại từ đầu năm tới cuối năm hẳn phải đủ chảy thành sông. Không có vụ xử nào, ở bất kỳ đâu, của Stryver mà không có Carton ở đó, hai tay thọc túi, mắt dán trần nhà; họ đi theo cùng phiên tòa lưu động*, thậm chí ở đâu họ cũng kéo dài cuộc chề chén thường lệ thâu đêm, và người ta đồn rằng sáng ra mới thấy Carton lén lút, lảo đảo lần mò về quán trọ như một con mèo bị xua đuổi. Rốt cuộc, những ai quan tâm đến chuyện này dần dà mới biết là Sydney Carton tuy sẽ không bao giờ là sư tử nhưng anh ta là một chó rừng giỏi lạ lùng, và chính anh ta đã chuẩn bị mọi vấn đề tổ tụng cho Stryver trong vai trò khiêm nhường ấy.

- Thưa ông, mười giờ rồi, - tiếng anh bồi mà Carton đã giao phó việc đánh thức, - mười giờ rồi ạ.

- Chuyện gì?

- Dạ, mười giờ rồi.

- Tức là sao? Mười giờ đêm à?

- Dạ vâng. Quý ông đã dặn tôi gọi ạ.

- A! Nhớ rồi. Tốt lắm, tốt lắm.

Sau vài lần cố gắng yếu ớt để ngủ tiếp nhưng bị anh bồi khéo léo đánh thức bằng cách cời lò sưởi liên tục suốt năm phút, Carton đứng lên, chụp mũ lên đầu rồi đi ra. Anh rẽ sang khu Temple, sau hai lần vòng quanh cho tỉnh ngủ hẳn trên hè phố giữa King's Bench Walk và Paper Buildings, anh đi vào văn phòng của trạng sư Stryver.

Thư ký của Stryver - người không bao giờ tham dự những cuộc hội kiến này - đã về nhà, đích thân Stryver ra mở cửa. Stryver chân đi dép, khoác áo ngủ thùng thình, cổ áo mở phanh ra cho thoải mái. Quanh hai mắt anh ta hẳn rõ dấu hiệu căng thẳng, dữ tợn thường thấy ở mọi con người phóng túng trong giới luật gia, kể từ Jeffries* cho tới nay,

mà ta có thể lần tìm ra qua các bức tranh chân dung đủ kiểu trá hình nghệ thuật vẽ vào cái thời tôn thờ Tử thần này.

- Anh đến hơi trễ đó, ngài *Trí Nhớ* ạ, - Stryver nói.
- Cũng như thường lệ mà; chắc trễ chừng nửa tiếng.

Họ đi vào một phòng bắn thiêu, xếp đầy sách và bừa bộn giấy tờ, nơi có một lò sưởi cháy rực và một ấm đun nước đang bốc hơi trên lò. Và giữa rừng giấy má ấy lộ ra một chiếc bàn bày đầy rượu vang, rượu mạnh, rượu rum với đường và chanh.

- Tôi chắc là anh đã uống một chai rồi thì phải, Sydney.
- Tối nay hai chai, chắc vậy. Lúc này tôi ăn tối với vị thân chủ vụ xử hôm nay; hay nói đúng hơn là nhìn hăn ăn... chẳng nào cũng thế!
- Sydney, đúng là điều phi thường khi anh tự đưa mình ra để nhận dạng. Làm sao anh nảy ra ý tưởng đó được chứ? Anh nhận ra sự giống nhau đó vào lúc nào?
- Tôi nghĩ hăn là một tên khá điển trai, và tôi nghĩ chắc tôi lẽ ra cũng đã trở thành người giống như hăn nếu tôi gặp may.

Stryver cười rung cả cái bụng đã sớm béo phệ.

- Anh mà gặp may, Sydney! Thôi, làm việc đi, làm việc đi.

Mặt rầu rĩ, Chó rừng cời bớt cà vạt và áo khoác, đi qua phòng kế bên rồi quay lại với một bình nước lạnh, một cái chậu và mấy chiếc khăn lau. Nhúng khăn vào nước rồi vắt sơ, anh gấp khăn ướt lại chụp bừa lên đầu chẳng ra thể thống gì rồi ngồi vào bàn, miệng nói:

- Tôi sẵn sàng rồi!
- Tối nay cũng không nhiều việc lắm, ngài *Trí Nhớ* ạ, - Stryver vừa nói vui vẻ vừa xem qua các giấy tờ.
- Bao nhiêu hồ sơ?
- Chỉ có hai bộ thôi.
- Bộ nào khó nhất thì đưa tôi.
- Đây này, Sydney. Làm ngay!

Sư tử sau đó an vị ngả lưng trên chiếc sofa đặt một bên bàn rượu, ở phía bên kia là Chó rừng ngồi ở một bàn riêng đầy giấy tờ bữa bộn nhưng vẫn trong tầm với tay tới các chai rượu và ly cốc. Cả hai tùy nghi sử dụng bàn rượu nhưng mỗi người một cách; Sư tử thường nằm ngửa, hai bàn tay móc vào cặp quần, mắt nhắm lò sưởi hoặc thỉnh thoảng lật qua một hồ sơ đơn giản nào đó; Chó rừng thì cau mày nhăn trán đắm chìm vào công việc, đôi mắt thậm chí còn không nhìn theo bàn tay mình với tìm ly rượu - bàn tay thường mò mẫn cả phút hoặc hơn mới tìm ra chiếc ly mà đưa lên môi. Có hai, ba lần, vấn đề cần giải quyết gặp chỗ khó khăn quá, Chó rừng buộc phải đứng dậy và nhúng ướt khăn lần nữa. Cứ sau chuyến hành hương đến bình nước và cái chậu là Chó rừng lại quay về với những tấm khăn ướt trùm đầu hết sức kỳ cục không lời nào tả xiết; trông lại càng lỗ bịch hơn nữa với vẻ mặt nghiêm trọng căng thẳng.

Cuối cùng Chó rừng đã gom góp được một bữa ăn đầy đủ để dâng cho Sư tử xơi. Sư tử cẩn thận đón lấy, chọn lựa kĩ nặc với xương và nêu nhận xét với Chó rừng. Khi bữa ăn đã được nghiền ngẫm rất ráo theo cách đó, Sư tử lại móc hai bàn tay vào cặp quần và nằm xuống suy nghĩ. Chó rừng sau đó tự phục hồi sức lực bằng một ly rượu đầy đổ vào họng, một đợt khăn ướt mới áp lên đầu, và tiếp tục chuẩn bị bữa ăn thứ hai; bữa ăn này lại được dâng cho Sư tử giống như trước, và chỉ tiêu hóa xong xuôi khi đồng hồ gõ chuông báo ba giờ sáng.

– Giờ xong việc rồi, làm một ly *punch* đi, Sydney, - Stryver nói.

Chó rừng tháo mấy tấm khăn này giờ bốc hơi nóng ra khỏi đầu, vươn vai, ngáp dài, rùng mình rồi làm theo.

– Sydney, anh thật là giỏi khi giải quyết các nhân chứng buộc tội hôm nay. Mọi câu hỏi đều đáng giá.

– Không phải tôi lúc nào cũng giỏi sao?

– Tôi đâu có phủ nhận điều đó. Chuyện gì đã làm anh nổi nóng vậy? Uống thêm rượu cho nguội bớt đi nào.

Miệng lâu bầu thoái thác nhưng Chó rừng vẫn vâng lời.

- Anh chàng Sydney Carton ngày xưa ở trường Shrewsbury, - Stryver vừa nói vừa gật gù khi so sánh bạn mình trong quá khứ với hiện tại, - chàng Sydney bập bênh! Mới lên cao thoát cái lại hạ xuống; lúc thì cao hứng lúc thì chán chường!

- A! - Người bạn thờ dài đáp lại. - Đúng! Chính gã Sydney đó, cũng chính vận rủi đó. Ngay từ hồi ấy, tôi đã làm bài giùm cho mấy đứa cùng lớp mà chẳng mấy khi làm bài của mình.

- Sao không làm?

- Có Chúa mới biết, chắc tính tôi nó vậy.

Anh ngồi duỗi thẳng hai chân trước mặt, đôi tay thọc vào túi, mắt nhìn lơ đãng.

- Carton này, cứ như vậy thì anh ngày xưa cũng như bây giờ sẽ chẳng đi tới đâu. - Stryver sẵn sớ đứng ngay trước mặt anh với vẻ hách dịch, cứ như cái vĩ lò sưởi kia chính là cái lò tôi luyện bao nỗ lực bền bỉ và điều duy nhất cần phải làm cho anh chàng Sydney Carton ngày xưa ở trường Shrewsbury là xô anh ta vào ngọn lửa đó. - Anh chẳng có động lực gì mà cũng chẳng có mục đích gì. Nhìn tôi đây này.

- Ồ, phiền toái quá! - Sydney đáp lại với một tiếng cười vui vẻ và có phần hào hứng. - *Anh* mà lại dạy đời tôi!

- Thế tôi làm sao đạt được những gì tôi có? - Stryver nói. - Làm sao tôi làm được những gì tôi muốn?

- Một phần là nhờ anh trả tiền cho tôi giúp anh, chắc vậy. Nhưng đừng mất công gọi tôi cái kiểu đó mà cũng đừng lên mặt với tôi; anh muốn làm gì thì làm. Anh luôn xông lên hàng đầu, còn tôi luôn ở đằng sau.

- Tôi phải chen lên hàng đầu chứ; có phải tôi sinh ra đã là con nhà danh giá đâu?

- Tôi đâu có mặt lúc anh sinh ra; nhưng tôi biết là anh danh giá mà, - Carton nói. Dứt lời anh lại bật cười và Stryver cũng cười theo. Carton nói tiếp. - Trước khi học Shrewsbury, trong khi ở trường Shrewsbury, và sau khi rời khỏi Shrewsbury, anh đã luôn vượt lên

trước, còn tôi luôn ở đằng sau. Ngay cả khi chúng ta cùng là sinh viên Khu La-tinh ở Paris, học tiếng Pháp, học luật Pháp, cùng các thứ vụn vặt khác của Pháp mà chẳng biết ích lợi gì, anh vẫn luôn luôn hiển lộ bản thân, còn tôi thì mai danh ẩn tích.

– Thế lỗi tại ai?

– Trong thâm tâm, tôi cũng nghĩ là anh có lỗi đấy. Anh lúc nào cũng cố ganh đua, bon chen, len lách để vượt qua, cứ liên tục như thế tới mức tôi không còn cách nào khác hơn là ngồi yên chịu phí hoài trí tuệ. Nhưng trời sắp sáng rồi mà cứ nói chuyện quá khứ thì buồn chán lắm. Đổi đề tài khác đi trước khi tôi về.

– Thế thì tốt! Hãy chúc mừng nhân chứng xinh đẹp ấy đi, - Stryver vừa nói vừa nâng ly. - Đề tài này anh có chịu không?

Rõ ràng là không, vì Carton đâm ra u sầu trở lại.

– Nhân chứng xinh đẹp, - anh lăm bắm, mắt nhìn xuống ly rượu của mình. - Cả ngày cả đêm nay tôi đụng phải bao nhiêu nhân chứng rồi; nhân chứng xinh đẹp của anh là ai thế?

– Ái nữ yêu kiều của ông bác sĩ, tiểu thư Manette.

– *Cô ta* mà đẹp?

– Không đẹp sao?

– Không.

– Oĩ trời đất ơi, cả Tòa án đều ngưỡng mộ cô ta kia kìa!

– Vớ vẩn, cả Tòa án đều ngưỡng mộ! Ai đã biến Tòa Old Bailey thành chỗ phán xét nhan sắc vậy? Cô ta chỉ là một con búp bê tóc vàng!

– Anh có biết không, Sydney? - Stryver nói, mắt chăm chú nhìn Carton và chậm chậm đưa tay vuốt bộ mặt đỏ bừng. - Anh có biết không, ở phiên tòa tôi cứ nghĩ là anh có cảm tình với búp bê tóc vàng đó, nên anh để ý thấy ngay chuyện gì xảy ra với cô gái búp bê đó.

– Thấy ngay chuyện gì xảy ra! Dù là búp bê hay không, nếu một cô gái ngất đi ngay trước mặt một người đàn ông, chỉ cách đó có một hay

hai thước, thì không cần viễn vọng kính hẳn ta cũng nhìn thấy. Tôi uống mừng sức khỏe anh chứ không mừng nhan sắc đâu. Giờ thì không uống thêm nữa, tôi về đi ngủ đây.

Khi gia chủ tiễn Carton ra tận cầu thang, cầm nến soi đường cho anh đi xuống, ánh sáng ban ngày lạnh lẽo chiếu vào những ô cửa sổ cái bần. Khi anh ra khỏi nhà, trời rét thê lương, mây chùng xám xịt, dòng sông lờ mờ âm u, cả cảnh vật như một sa mạc chết. Bụi xoay tròn, xoay tròn như vòng hoa tang trước luồng gió sớm, dường như cát sa mạc đã dâng lên xa xa, và đợt sóng cát đầu tiên tràn tới đã chôn vùi thành phố.

Sức lực bên trong cạn kiệt và sa mạc bao quanh, kẻ ấy dừng bước đứng yên trên đường băng qua một hè phố im lìm, và vụt thấy trong cõi hoang vu trước mặt cái ảo ảnh của một khát vọng cao cả, sự hy sinh quên mình và lòng bền gan trì chí. Trong cái thành phố hoang tưởng xinh đẹp đó là những hàng hiên thoáng dang nơi tình yêu và lòng bao dung đang nhìn anh, là những khu vườn nơi thành quả cuộc đời chín mọng, là những dòng suối nơi hy vọng ngời ngời ánh mắt. Chỉ một thoáng rồi ảo ảnh tan biến. Leo lên phòng cao trong một khu nhà chen chúc, anh để nguyên quần áo ném mình xuống chiếc giường nhả nhúm, và mặt gối ướt đầm những giọt lệ nuôi tiếc.

Buồn bã, buồn bã, mặt trời mọc; vầng dương sáng soi một cảnh tượng không có gì sâu thẳm bằng một người đầy tài năng và thiện tâm lại không thể định hướng đời mình, không thể vươn lên mà tự tạo hạnh phúc, ý thức được nghịch cảnh chực chờ mà vẫn buông xuôi cho đời tàn héo.

6. Đoàn đoàn lớp lớp

Ngôi nhà yên tĩnh của bác sĩ Manette nằm ở một góc phố yên tĩnh cách Quảng trường Soho không xa. Vào một chiều Chủ nhật đẹp trời khi những cơn sóng thời gian đã cuốn phăng những ký ức về vụ án phản nghịch bốn tháng trước vào biển khơi quên lãng của công chúng hiếu kỳ, ông Jarvis Lorry tản bộ trên những con đường ngập nắng từ nhà mình ở Clerkenwell đến nhà bác sĩ Manette để ăn tối. Sau vài lần cứ quen tât chuyên chú cho công việc, ông Lorry lại đắm ra thân thiết với vị bác sĩ và góc phố yên tĩnh này trở thành một phần tươi sáng của đời ông.

Chiều Chủ nhật đẹp trời ấy, ông Lorry tản bộ tới Soho khá sớm vì ba lý do quen thuộc. Thứ nhất là vì vào những Chủ nhật đẹp trời, ông thường đi dạo cùng bác sĩ và Lucie trước bữa ăn; thứ hai là vì vào những Chủ nhật thời tiết xấu, ông đã quen đến chơi như người nhà, cùng chuyện vãn, đọc sách, ngắm cảnh ngoài cửa sổ, cho qua thời gian; thứ ba là vì ông tình cờ đang có chút chuyện khó cần giải quyết, và ông đã quá quen gia đình bác sĩ nên biết giờ này ở đó là lúc tốt nhất để suy nghĩ.

Ở London không thể tìm được góc phố nào hay hơn góc phố của nhà bác sĩ Manette. Đó là một ngõ cụt và từ những cửa sổ mặt tiền ngôi nhà này có thể nhìn bao quát một phố nhỏ êm đềm rất hợp với lối sống ẩn dật. Thời đó còn ít nhà cửa ở phía bắc đường Oxford nên cây cao như rừng, hoa dại mọc đầy, táo gai nở rộ trên những bãi đất trống giờ đã không còn. Cho nên gió đồng nội tự do ùa vào khu Soho lồng lộng chứ không uể oải như kẻ ăn mày vô gia cư lạc vào xứ đạo*; cách đó không xa về phía nam những cây đào có giàn đỡ cứ đến mùa lại cho trái chín.

Nắng hè rọi chiếu vào góc phố này từ sáng sớm; nhưng khi đường sá nóng dần lên thì góc này vẫn trong bóng râm nhưng không rợp bóng tới mức chói mắt khi nhìn ra ngoài nắng. Đó là một chỗ mát mẻ, yên tĩnh mà vui vẻ, một chốn tuyệt vời cho những hồi vọng; đúng là một bến đậu tránh xa bão táp phố phường.

Trong một bến đậu như thế thì phải có một con tàu bình yên nường nấu, và quả là có. Nhà bác sĩ Manette chiếm hai tầng lầu trong một dãy nhà lớn kiên cố, chung quanh vào ban ngày có nhiều cơ sở hành nghề nhưng hầu như không nghe tiếng động, còn ban đêm thì ngừng nghỉ hết. Cách một khoảng sân sau rì rào tiếng lá tiêu huyền là một ngôi nhà bên trong có tiệm làm đàn phong cầm cho nhà thờ, chạm đồ bạc, và cả dát vàng nữa; trên tường nhà này ngay trước cửa chính thay cho biển hiệu lại gắn biểu tượng một cánh tay mạ vàng to tướng cứ như một gã khổng lồ bí ẩn nào đó bên trong đã tự dát vàng toàn thân và thọc tay ra đường hăm he biến hết mọi người lai vãng thành những món quý kim luôn. Hiếm khi thấy mặt hay nghe tiếng của những người làm nghề này, cũng như của tay thuê trọ nghe đâu sống ở tầng trên, hay của gã mặt mày tăm tối làm nghề bọc ghế xe ngựa cứ quả quyết là mình có cửa tiệm ở tầng dưới. Lâu lâu mới gặp một người thợ lạc loài mặc áo khoác đi ngang qua sảnh, hay một khách lạ ló mặt tới, lâu lâu mới nghe tiếng lanh canh văng vẳng bên kia khoảng sân, hay tiếng dập thùm thụp của gã khổng lồ bằng vàng. Nhưng đó chỉ là những ngoại lệ để chứng minh cho quy luật rằng từ sáng Chủ nhật cho đến tối thứ Bảy, ngự trị chốn này là lũ chim trên những cây tiêu huyền sau nhà và những hồi vọng bình lặng của góc phố phía trước.

Đây là nơi bác sĩ Manette tiếp vại bệnh nhân tìm tới do uy tín của ông ngày xưa và nay lại được phục hồi nhờ những tin đồn rĩ tai lan truyền về chuyện ông bị giam cầm. Kiến thức chuyên môn cùng sự cẩn trọng và khả năng thực hiện những thí nghiệm khéo léo cũng mang thêm việc làm nên ông bác sĩ cũng trang trải được cuộc sống.

Những hiểu biết, suy nghĩ và nhận xét ấy xâm chiếm tâm trí ông Jarvis Lorry khi ông rung chuông gọi cửa ngôi nhà tĩnh lặng ở góc phố này vào một chiều Chủ nhật đẹp trời.

– Bác sĩ Manette có nhà không?

Sắp về nhà.

– Tiểu thư Lucie có nhà không?

Sắp về nhà.

– Chị Pross có nhà không?

Chắc có, nhưng người hầu gái không thể nào biết ý chị Pross ra sao nên không phủ nhận mà cũng không thừa nhận.

– Vì đây cũng như nhà tôi nên tôi sẽ đi lên lầu, - ông Lorry nói.

Tuy ái nữ của ông bác sĩ không hề biết gì về đất nước sinh quán của mình, cô dường như bẩm sinh đã thừa hưởng từ quê cha khả năng biết thích ứng tối đa trong điều kiện tối thiểu - một trong những đặc tính hữu ích và hay nhất của người Pháp. Đồ đạc trong nhà dẫu đơn sơ nhưng được bù đắp bằng nhiều thứ trang trí nho nhỏ không có giá trị nhưng tao nhã và đẹp mắt nên rất thú vị. Cách bài trí mọi thứ trong các phòng, từ vật lớn nhất cho tới nhỏ nhất; cách phối hợp màu sắc, vẻ tương phản và đa dạng tinh tế nhờ biết tận dụng những món rẻ tiền, nhờ bàn tay khéo léo, con mắt tinh tường, và óc thẩm mỹ nên vừa thu hút cái nhìn vừa bộc lộ được con người đã sáng tạo ra khung cảnh này tới mức, khi ông Lorry nhìn quanh, tưởng chừng như cả cái bàn, cái ghế cũng đang thầm hỏi với cùng một biểu hiện đặc biệt giống những nếp nhăn trên vầng trán Lucie mà tới bây giờ ông đã quá quen thuộc: Ông có hài lòng không?

Nhà mỗi tầng có ba phòng, các cửa phòng đều mở rộng cho khí trời tràn vào thông thoáng, ông Lorry trong lúc đi từ phòng này sang phòng khác cứ thích thú để ý đến sự tương đồng giữa đồ đạc với chủ nhân hiển hiện chung quanh. Phòng đầu tiên là phòng đẹp nhất, trong đó là những thứ của Lucie như lồng chim, bình hoa, sách vở, bàn viết, bàn khâu vá và một hộp màu nước; phòng thứ hai là phòng tiếp bệnh

nhân của ông bác sĩ, cũng kiêm luôn phòng ăn; phòng thứ ba là phòng ngủ của bác sĩ, những đốm nắng rọi vào phòng không ngừng lay động qua tầng cây tiêu huyền xào xạc ngoài sân, và ở đây, trong một góc là chiếc băng ghế thợ giày và khay đồ nghề không đựng tới, chẳng khác gì nó đang đặt trên tầng năm ngôi nhà ghê rợn cạnh tửu quán vùng ngoại ô Saint Antoine ở Paris.

Ánh mắt dừng lại ở băng ghế đó, ông Lorry nói một mình:

– Chẳng hiểu ông ấy giữ cái này làm gì? Để nhớ cái thời đau khổ ấy sao?

– Hiểu để làm gì? - Câu hỏi đột ngột khiến ông giật mình.

Đó là tiếng của chị Pross, người phụ nữ tóc đỏ ngang tàng, với cánh tay mạnh mẽ, mà ông đã gặp lần đầu tiên trong Khách sạn Royal George ở Dover, kể từ đó đã trở nên thân quen.

– Tôi cứ tưởng... - Ông Lorry mở lời.

– Xì! Tưởng với tượng! - Chị Pross thốt lên và ông Lorry bỏ lửng câu nói. - Ông khỏe không? - Chị ta nói tiếp, giọng gắt gỏng nhưng rõ ràng là không có ác ý gì với ông.

– Cảm ơn, tôi khỏe lắm, - ông Lorry đáp, giọng nhún nhường, - còn chị khỏe không?

– Chán mớ đời, - chị Pross đáp.

– Thật sao?

– À! Thật chứ sao! - Chị Pross nói. - Tôi đang bức cả mình về cô chủ cứng đây.

– Thật sao?

– Lạy Chúa nói gì khác đi chứ đừng có “thật sao” nữa được không, ông làm tôi tức muốn chết đây, - chị Pross tầm vóc thì cao chứ tính kiên nhẫn lại ngắn.

– Ồ, vậy à? - Ông Lorry điều chỉnh lại.

– “Vậy à,” cũng chẳng hay ho gì, - chị Pross đáp, - nhưng còn hơn không. Đúng vậy, tôi đang bức cả mình đây.

– Cho phép tôi hỏi lý do?

– Tôi không thích cả tá con người không hề xứng đáng với cô chủ cứng cứ tới đây nhòm ngó cô chủ, - chị Pross nói.

– *Cả tá* tới nhòm ngó à?

– Hàng trăm ấy chứ, - chị Pross đáp.

Giống như nhiều người khác thời trước lẫn sau này, chị ta có thói quen khi gặp ai nghi ngờ tuyên bố của mình là lập tức phóng đại nó lên.

– Khổ chưa! - Đó là lời nhận xét an toàn nhất mà ông Lorry có thể nghĩ ra.

– Tôi đã sống với cô chủ... - chị Pross thao thao, - hay cô chủ từ lúc lên mười đã sống với tôi và trả tiền cho tôi sống; đúng là cô chủ lẽ ra không bao giờ nên trả tiền cho tôi, xin thề với ông đó, giá như tôi có thể tự nuôi thân hay nuôi cô chủ mà không cần tiền lương. Thật là khổ quá mà!

Không hiểu chính xác cái gì khổ quá, ông Lorry đành lắc đầu, dùng cái bộ phận cơ thể quan trọng đó như một thứ mặt nạ thần kỳ có thể bộc lộ mọi cảm xúc.

– Cả đồng đủ thứ người không xứng đáng một chút nào với cô chủ cứng cứ chường mặt tới, - chị Pross nói. - Từ khi ông gây ra chuyện...

– *Tôi* gây ra chuyện ư, chị Pross?

– Chứ ai nữa? Ai làm cho cha cô chủ hồi sinh?

–Ồ! Nếu *chuyện đó* là tôi gây ra thì... - ông Lorry nói.

– Thì nó chưa kết thúc đâu, ý ông vậy chứ gì? Tôi nói này, khi ông gây ra chuyện là đã đủ khổ rồi; không phải là tôi trách móc gì bác sĩ Manette, chỉ có điều là ông ấy không xứng đáng có cô con gái như vậy, chuyện này cũng không phải lỗi của ông ấy, vì trong hoàn cảnh này làm sao mà biết được ai có xứng đáng không. Nhưng thật là khổ gấp hai, gấp ba lần khi đoàn đoàn lớp lớp con người cứ kéo tới gặp

bác sĩ; ờ, ông ấy thì tôi bỏ qua cũng được; chỉ để cốt để chiếm đoạt mất cô chủ tôi cứng.

Ông Lorry biết chị Pross này có tính rất đố kỵ, nhưng đến nay thì ông cũng hiểu rằng bên dưới cái vẻ bề ngoài kỳ cục này là một con người không hề vị kỷ - điều chỉ thấy ở phụ nữ - người chỉ vì lòng yêu thương và mến mộ sẽ sẵn lòng tự nguyện làm nô lệ cho tuổi thanh xuân mà mình đã mất, cho nhan sắc mà mình chưa từng có, cho những thành quả mà mình chẳng may không hề đạt được, cho những niềm hy vọng tươi sáng chẳng một lần rơi chiếu vào cuộc đời hăm hiu của riêng mình. Ông đủ hiểu đời để biết không có gì hơn được sự hầu hạ trung thành phát xuất tự trái tim, tận tụy và không vướng chút vụ lợi nào, tới mức khiến ông phải nể trọng chị Pross và trong những thứ bậc tôn trọng thầm sắp xếp trong đầu - chúng ta ai cũng không ít thì nhiều làm điều đó - ông đền bù cho chị ta một vị trí gần với các vị thiên sứ, cao hơn hẳn nhiều quý bà, quý cô có gia thế vượt trội, có học hành và có tiền gửi ở Ngân hàng Tellson.

- Trước giờ hay về sau cũng vậy, chỉ có một người duy nhất xứng đáng với cô chủ cứng thôi, - chị Pross nói. - Đó là thằng Solomon em trai tôi, giá như đời nó đã không phạm sai lầm.

Thêm chuyện này nữa: Ông Lorry đã tìm hiểu quá khứ của chị Pross và đã xác minh rằng thằng em Solomon kia là một tên vô lại nhẫn tâm đã tước đoạt hết tài sản của chị mình để làm vốn đầu cơ rồi bỏ mặc người chị sống nghèo khó suốt đời mà hắn không một chút ăn năn. Chính vì chị Pross một lòng tin tưởng Solomon (chỉ xem lỗi lầm nho nhỏ của hắn là chuyện vặt vãnh) nên ông Lorry coi trọng và luôn nghĩ tốt về chị ta.

- Nhân tiện bây giờ chỉ có tôi với chị, và chúng ta đều là người của công việc, - ông nói khi họ đã quay lại phòng khách và ngồi chuyện trò thân thiện. - Tôi hỏi chị... ông bác sĩ, khi nói chuyện với Lucie, có bao giờ nhắc tới cái thời ông ấy làm giày không?

- Không hề.

- Ông ấy vẫn cứ giữ cái băng ghế với mấy đồ nghề đó bên cạnh à?
- Ồ! - Chị Pross vừa lắc đầu vừa đáp. - Nhưng tôi không nói là ông ấy không thăm nhắc nhở chính mình đâu nhé.
- Chị cho là ông ấy suy nghĩ nhiều về chuyện đó à?
- Đúng đó, - chị Pross đáp.
- Thế chị có tưởng tượng là... - Ông Lorry vừa mở miệng là chị Pross cắt ngang.
- Lại tưởng với tượng! Tôi chẳng hề tưởng tượng bao giờ cả.
- Tôi sai rồi; thế chị có giả sử rằng... à, chắc thỉnh thoảng chị cũng phải giả sử cái gì đó chứ?
- Cũng thỉnh thoảng, - chị Pross nói.
- Chị có giả sử rằng, - ông Lorry nói tiếp, mắt sáng lấp lánh niềm vui trong lúc ông nhìn chị ta với vẻ cảm kích, - rằng bác sĩ Manette có biết gì đó về nguyên nhân khiến mình bị áp bức như vậy, thậm chí biết tên kẻ áp bức mình, mà ông vẫn giữ kín bao nhiêu năm nay không?
- Tôi không giả sử gì hết về chuyện này, nhưng cô chủ cứng cũng nói với tôi y hệt.
- Tức là...?
- Là cô chủ nghĩ rằng ông biết.
- Đừng có nổi giận khi tôi hỏi mấy chuyện này đấy nhé; vì tôi chỉ là một người làm việc vụng về, còn chị mới là con người của công việc.
- Vụng về? - Chị Pross bình thản hỏi lại.
- Không, không, không, - ông Lorry lại muốn xóa bỏ cái tính từ khiêm nhường ấy đi. - Chắc chắn là không. Thôi, quay lại công việc đi... Chị có lấy làm lạ rằng bác sĩ Manette chẳng hề nhắc đến chuyện đó không, trong khi rõ ràng là ông ấy không hề phạm tội gì cả, như chúng ta ai cũng biết chắc? Không nhất thiết bác sĩ phải nói với tôi dù ông ấy và tôi từ nhiều năm qua đã có quan hệ công việc và bây giờ đã thành bạn; ý tôi là nói với cô con gái đáng yêu mà bác sĩ rất thương và

cô ấy cũng rất thương cha? Hãy tin tôi, chị Pross, tôi đề cập chuyện này với chị không phải vì tò mò mà vì hết lòng lo cho ông bác sĩ.

– Chà! Điều tôi biết rõ nhất mà chẳng rõ bao nhiêu nghe ông, - chị Pross hạ giọng nói với như bào chữa, - đó là ông bác sĩ sợ toàn bộ chuyện này.

– Sợ?

– Lý do dễ hiểu mà, tôi nghĩ vậy. Đó là một điều nhắc nhở quá kinh khủng. Và lại, ông đã mất trí nhớ vì chuyện đó. Không biết làm sao mình mất trí, cũng không biết làm sao mình nhớ lại, có lẽ ông ấy đâu có dám chắc là sẽ không mất trí nữa. Chỉ chuyện đó không thôi đã đủ khó chịu lắm rồi, tôi nghĩ vậy đó.

Một nhận xét sâu sắc ngoài mong đợi của ông Lorry. Ông nói:

– Đúng rồi, và sợ phải nghĩ tới chuyện cũ. Nhưng trong lòng tôi cứ thấy lo lo, chị Pross, không biết bác sĩ Manette lúc nào cũng giấu kín không nói ra thì có tốt cho ông ấy không. Thực tình, chính vì nỗi lo này mà tôi nhiều lúc thấy khó chịu nên bây giờ mới nói ra với chị.

– Đành vậy thôi, chị Pross vừa nói vừa lắc đầu. - Đụng tới chuyện đó là ông biến sắc muốn bệnh liền. Tốt nhất là để yên đi. Tóm lại là phải để yên, dù muốn dù không. Có lúc ngay giữa đêm khuya ông ấy thức dậy và chúng tôi nghe ở trên lầu ông đi tới đi lui, đi tới đi lui trong phòng. Cô chủ cứng biết là tâm trí cha mình đang đi tới đi lui, đi tới đi lui trong nhà ngục hồi trước. Cô hấp tấp chạy lên, rồi hai cha con cùng nhau đi tới đi lui, đi tới đi lui cho tới khi ông bình tâm lại. Nhưng ông ấy không nói một lời nào với con gái về cái lý do làm ông bất an, và cô ấy thấy tốt nhất là không nên nhắc tới chuyện đó với ông. Hai người cứ im lặng đi tới đi lui với nhau, đi tới đi lui với nhau, cho tới khi tình yêu thương và bầu bạn của cô làm ông ta tĩnh trí lại.

Bất kể chị Pross phủ nhận trí tưởng tượng của mình, cái cảm nhận về nỗi khổ của kẻ bị giày vò khôn nguôi bởi một chuyện đau buồn đã bộc lộ trong cách chị ta lặp lại cụm từ “đi tới đi lui” và chứng tỏ chị ta đâu phải không biết tưởng tượng.

Ở trên đã nói góc phố này là chốn tuyệt vời cho những hồi vọng; chốn này đã bắt đầu vang động tiếng bước chân đang đến gần cứ như đang dội lại nhịp điệu lui tới mệt mỏi mà chị Pross vừa kể.

– Họ về rồi! - Chị Pross vừa nói vừa đứng lên cắt ngang câu chuyện. - Bây giờ ta sẽ thấy cả trăm người kéo tới liền cho coi!

Góc phố này có đặc điểm âm học lạ lùng, cứ như một màng nhĩ khuếch đại mọi tiếng động tới mức ông Lorry đứng ở cánh cửa sổ mở rộng, nghe tiếng chân hai cha con mà tìm chẳng thấy đâu, tưởng chừng họ sẽ không bao giờ về tới. Những tiếng vọng không chỉ lắng dần như khi các bước chân đã đi xa mà lại được tiếp nối bằng tiếng vọng của những bước chân khác không bao giờ đến và khi tưởng đâu bước chân đã tới gần kề thì tiếng vọng lại tắt lịm mãi mãi. Nhưng cuối cùng hai cha con cũng đã xuất hiện còn chị Pross đã đứng sẵn ở cửa chính đón vào nhà.

Trông chị Pross bưng bưng, hung hăng, dữ dội vậy chứ thật dễ thương khi thấy cảnh chị ta tháo chiếc mũ *bonnet* cho Lucie khi cô chủ cứng đi lên lầu, rồi chị lấy mấy chiếc khăn tay phủi bụi trên mũ, xếp áo choàng của Lucie đặt qua một bên, chải mượt mái tóc lỏng lẫ của cô chủ với vẻ hãnh diện hết sức cứ như đó là mái tóc của chính mình còn chị ta là người phụ nữ kiêu diễm và kiêu hãnh nhất đời. Cũng dễ thương như vậy là cái cảnh Lucie ôm chầm lấy người bảo mẫu cảm ơn rồi phản đối việc chị ta đã quá mất công vì cô chủ cứng - Lucie chỉ dám phản đối theo kiểu bông đùa thôi nếu không chị Pross sẽ tổn thương và sẽ rút về buồng riêng mà khóc. Trông ông bác sĩ cũng vui thích khi nhìn cảnh tượng đó và bảo chị Pross nuông chiều Lucie quá mức với giọng nói cùng ánh mắt cũng chất chứa nuông chiều chẳng kém chị bảo mẫu kia, nếu được ắt ông còn nuông chiều hơn thế. Ông Lorry cũng vui thích nữa, gương mặt ông rạng rỡ hẳn lên dưới bộ tóc giả và ông thầm cảm ơn số phận độc thân của mình trong những năm cuối đời lại đưa đẩy mình tìm được một gia đình. Nhưng không thấy

cả trăm người kéo tới nhòm ngó, ông Lorry chờ trong vô vọng mà không thấy tiên đoán của chị Pross thành sự thật.

Tối giờ ăn mà cũng chẳng hề thấy đoàn đoàn lớp lớp nào kéo tới. Trong cách tổ chức của gia đình nhỏ này, việc bếp núc thuộc phần chị Pross đảm trách và chị ta một tay lo liệu hoàn hảo. Dù không cao lương mỹ vị, những bữa ăn được chị nấu rất khéo và bày biện rất đẹp, toàn những món chế biến rất tinh tế, nửa kiểu Anh nửa kiểu Pháp, hết sức ngon lành. Rất thực tế chị Pross thể hiện tình thân thương qua tài bếp núc, chị lùng sục khắp Soho và các khu lân cận tìm kiếm những kiểu dân Pháp nghèo khổ và với những đồng *shilling* và *half-crown* chị dụ dỗ họ truyền lại những bí mật nấu ăn. Từ những người con nam nữ xứ Gô-loa này, chị đã học được các mẹo nấu nướng tuyệt vời, tới mức hai cô giúp việc một già một trẻ trong nhà xem chị ta chẳng khác gì phù thủy, hay bà mẹ tiên đỡ đầu cho Cô bé Lọ Lem - người sai họ mang về con gà, con thỏ hay vài thứ rau củ ngoài vườn và biến chúng thành bất kỳ thứ gì tùy ý.

Những ngày Chủ nhật, chị Pross ngồi ăn chung với cha con ông bác sĩ, nhưng vào các ngày khác chị nhất định dùng bữa vào những lúc nào chẳng ai biết, hoặc ăn dưới nhà bếp, hoặc trong phòng riêng trên tầng hai - một căn phòng màu xanh mà chỉ có cô chủ cứng mới được vào. Còn hôm nay, chị Pross thích thú trở hết tài nghệ để chiêu chuộng cô chủ cứng yêu kiều nên bữa ăn cũng rất tuyệt.

Đó là một ngày oi bức nên sau bữa ăn Lucie đề nghị mọi người mang rượu vang ra dưới tầng cây tiêu huyền ngồi hóng mát. Vì mọi người đều quan tâm, chiều theo ý muốn cô, tất cả đi ra đấy và đích thân cô mang ly rượu cho riêng ông Lorry. Lucie lâu nay đã đảm nhiệm vai trò người cầm ly cho ông Lorry; khi mọi người ngồi trò chuyện dưới tầng cây, cô không lúc nào để cho ly của ông rơi vãi. Những vách tường nhà cửa chung quanh nhìn họ chuyện trò, tàng lá tiêu huyền trên đầu thăm thì với họ.

Dù vậy vẫn chẳng thấy đoàn đoàn lớp lớp nào. Có Darnay đến lúc họ ngồi hóng mát nhưng đó chỉ là một người duy nhất.

Bác sĩ Manette ân cần đón tiếp vị khách này, và Lucie cũng vậy. Nhưng chị Pross đột ngột co giật mặt mũi mình mảy và lui vào nhà. Chị ta thường bị cái chứng này hành hạ và trong câu chuyện thân mật chị gọi đó là “lên cơn cà giựt”.

Bác sĩ đang độ sức khỏe dồi dào và diện mạo trẻ trung hẳn. Những lúc như thế trông ông giống Lucie lắm và hai cha con ngồi cạnh nhau, cô gái tựa vào vai cha, còn ông gác tay trên lưng ghế của con, nhìn hai gương mặt giống nhau này thật là thích. Nãy giờ ông nói thao thao đủ thứ chuyện với vẻ hoạt bát hiếm thấy.

– Thừa bác sĩ Manette, - Darnay lên tiếng khi cùng ngồi dưới tàng cây, và anh phụ họa vào đề tài tình cờ đang được nhắc tới là những tòa nhà xưa của London, - bác sĩ đã đi xem hết Tháp London chưa ạ?

– Lucie với tôi đã tới đó; nhưng chỉ lướt qua thôi. Chúng tôi chưa xem hết nhưng đủ để biết là tòa tháp đó đầy những điều thú vị, chỉ vậy thôi.

– Cháu *đây* đã tới đó rồi, như bác sĩ đã biết, - Darnay vừa nói vừa mỉm cười, tuy mặt hơi đỏ lên thoáng chút bực tức khi nhớ chuyện cũ, - cháu đã ở lâu hơn dù không được đi hết mọi chỗ. Lúc ở đó cháu có nghe người ta kể một chuyện kỳ lạ.

– Chuyện gì thế? - Lucie hỏi.

– Khi sửa chữa lại mấy chỗ trong tháp, có một toán thợ tình cờ gặp một ngục thất xưa, xây từ nhiều năm rồi và bị bỏ quên. Mọi viên đá của bức tường bên trong đều phủ đầy những chữ viết của tù nhân khắc lên... ngày tháng, tên người, lời than oán, và lời cầu nguyện. Trên một viên đá chân tường ở một góc nhà ngục, có một tù nhân nào đó hình như đã bị hành quyết, đã khắc lên đó lời cuối cùng, chỉ là ba chữ cái. Mấy chữ này khắc vội vã bằng một bàn tay run rẩy và một dụng cụ cùn mòn. Ban đầu người ta đọc ra ba chữ *D.A.C.*; nhưng khi xem kĩ hơn thì chữ cuối cùng là chữ *O*. Không hề có sổ sách hay ghi chép nào

có tên một người tù viết tắt như thế, và người ta cứ đoán mãi mà không biết được mấy chữ đó viết tắt tên ai. Cuối cùng, người ta cho rằng mấy chữ cái đó không phải là viết tắt mà một từ đầy đủ, ĐÀO. Người ta xem xét kĩ sàn ngục thất ngay dưới chữ khắc đó và trong lớp đất dưới một viên đá, hay viên gạch, hay miếng lát gì đó, là tàn tro của một tờ giấy trộn lẫn với tro của một chiếc hộp hay chiếc túi nhỏ bằng da. Không bao giờ đọc được những gì người tù đã viết trên tờ giấy nhưng đúng là người này đã viết ra và giấu không cho cai ngục biết.

– Cha ơi, - Lucie kêu lên, - cha bệnh rồi!

Bác sĩ vừa đột nhiên giật mình, một bàn tay đưa lên đầu. Vẻ mặt và thái độ của ông khiến mọi người kinh hãi.

– Không đâu, con, không bệnh đâu. Có mấy giọt mưa lớn rơi xuống làm ta giật mình. Chúng ta nên vào nhà đi.

Ông trấn tĩnh lại gần như tức thì. Đúng là có mưa rơi nặng hạt và ông chìa ra cho xem lưng bàn tay có những giọt nước. Nhưng ông không nói lời nào về chuyện phát hiện mới nghe kể, và trong lúc mọi người đi vào nhà, con mắt nghề nghiệp của ông Lorry hoặc là nhận ra, hoặc tưởng là nhận ra, vẻ mặt của bác sĩ khi quay sang nhìn Darnay lóe lên chính cái biểu hiện khi Manette nhìn người tù phạm trong hành lang pháp đình mấy tháng trước.

Nhưng bác sĩ Manette trấn tĩnh lại nhanh tới mức ông Lorry đâm ra nghi ngờ con mắt nghề nghiệp của mình. Cánh tay của người khổng lồ vàng trên bức tường kia cũng không thể vững chãi hơn phong thái của bác sĩ khi ông dừng chân ngay dưới biểu tượng đó và nói với mọi người rằng ông vẫn còn dễ bị giật mình (và chắc sẽ vẫn thế), chính những giọt mưa đã khiến ông thắng thốt.

Tới lúc uống trà, chị Pross đang pha trà thì lại lên cơn cà giựt lần nữa, nhưng cũng chẳng thấy đoàn đoàn lớp lớp nào. Chỉ có Carton thơ thần ghé vào, và anh ta là người thứ hai.

Trời càng tối càng ngột ngạt đến độ mọi người ngồi chơi, mở toang cả cửa lớn lẫn cửa sổ mà vẫn nóng hầm hập. Khi tuần trà đã xong, tất

cả chuyển đến một cửa sổ nhìn ra cảnh âm u chập choạng bên ngoài. Lucie ngồi cạnh cha; Darnay đứng bên cô; Carton tựa vào một cửa sổ. Những tấm màn dài và trắng gấp cơn gió giống quay cuồng tràn vào góc phố này lại bay thốc ngược lên, rập rờn như những hồn ma đập cánh.

– Mưa vẫn rơi nặng hạt nhưng thừa thớt, - bác sĩ Manette nói. - Giông tố rồi sẽ đến.

– Chắc chắn sẽ đến, - Carton nói.

Họ nói khe khẽ, giống như lúc người ta đang theo dõi và đợi chờ; giống như những người ngồi trong phòng tối luôn thì thào lúc theo dõi và đợi chờ ánh chớp lóe.

Phố xá vang tiếng người hấp tấp lao đi tìm chỗ trú trước khi giông bão ập tới; góc phố hồi vọng tuyệt vời này lại vang động âm ba những bước chân đến và đi nhưng không một người nào tới đây.

– Biết bao con người, thế mà vẫn tĩnh mịch! - Darnay thốt lên sau khi mọi người lắng nghe những tiếng vọng một hồi lâu.

– Lạ kỳ quá phải không, anh Darnay? - Lucie nói. - Có lúc em ngồi đây cả buổi tối cho tới khi em tưởng là... ồ, nhưng ngay cả một chút tưởng tượng ngớ ngẩn ấy cũng khiến em run sợ đêm nay, khi bốn bề tối tăm đến u ám...

– Chúng ta hãy run sợ cùng nhau. Em tưởng tượng điều gì?

– Có thể anh chẳng hình dung được đâu. Những ý tưởng bất chợt ấy chỉ gây xúc động với ai nghĩ ra thôi; chứ không truyền sang người khác được. Có lúc em ngồi đây một mình cả buổi tối, lắng nghe, cho đến khi em tưởng tượng những tiếng dội đó là tiếng vọng của mọi bàn chân rồi sẽ bước vào cuộc sống của chúng ta.

– Nếu vậy thì cuộc đời ta sẽ có ngày đón nhận đoàn đoàn lớp lớp, - Sydney Carton góp tiếng theo kiểu buồn rầu quen thuộc của anh ta.

Những tiếng chân không dứt, và những âm ba hồi hã đó càng lúc càng dồn dập. Góc phố vang dội tiếng chân bước; có lúc tưởng đâu ngay dưới những cửa sổ này; có lúc tưởng đâu ở ngay trong phòng; có

tiếng chân đến; có tiếng chân đi; có tiếng bước xa dần; có tiếng bước dừng lại; tất cả vắng vắng ngoài phố xa và không một bóng người nào xuất hiện.

– Bao tiếng chân đó đều nhắm đến tất cả chúng ta, hay là chia ra nhắm đến từng người, tiểu thư Manette?

– Em không biết, anh Darnay; em đã nói đó chỉ là tưởng tượng ngớ ngẩn, nhưng anh hỏi thì em kể. Khi em buông thả theo tưởng tượng đó, em chỉ có một mình, nhưng rồi em tưởng như đó là tiếng chân của những người sẽ bước vào cuộc đời em, cuộc đời cha em.

– Tôi sẽ đón họ vào đời tôi! - Carton nói. - Tôi sẽ không hề thối mả và ra điều kiện gì. Sẽ có đoàn đoàn lớp lớp kéo tới phía chúng ta, tiểu thư Manette, và tôi nhìn thấy họ... dưới ánh chớp này. - Anh nói thêm mấy lời cuối sau một tia chớp lờ mờ soi rõ bóng anh đang uể oải tựa vào cửa sổ.

– Và tôi nghe tiếng họ! - Carton nói lên sau một tràng sấm động. - Họ đến kìa, mau lẹ, hung hăng, và cuồng nộ!

Anh ta mô tả cơn cuồng phong bạo vũ ập tới và mưa cắt lòi anh vì không thể nghe ai nói được gì nữa trong tiếng giông tố rung rền. Một trận bão nhớ đời với sấm sét nổ tung, nước tuôn như trút, trời gầm chớp lóe, và mưa xối xả, mãi cho đến khi vầng trăng ló dạng lúc nửa đêm.

Chiếc chuông lớn của giáo đường Saint Paul gõ một tiếng vào trời quang khi ông Lorry lên đường quay lại khu Clerkenwell, có Jerry chân mang giày ủng, tay cầm đèn lồng, hộ tống. Giữa Soho và Clerkenwell có những quãng đường vắng vẻ, ông Lorry vốn ngại bọn cướp nên luôn nhờ Jerry đến đón về nhà; mặc dù thường lệ thì ông đã phải ra về từ hai giờ trước rồi.

– Chưa thấy đêm nào như đêm nay, Jerry! - Ông Lorry nói. - Đêm mưa gió kiểu này thì người chết đói mồ sống dậy hết.

– Tôi cũng chưa thấy đêm nào như đêm nay, thưa ông... mà tôi cũng không mong thấy... thấy mưa gió thế này... - Jerry đáp.

– Tạm biệt, cậu Carton, - con người của công việc chào chia tay. -
Tạm biệt, cậu Darnay. Không biết có khi nào chúng ta lại gặp nhau
trong một đêm như đêm nay không!

Có thể. Có thể, hãy xem đoàn đoàn lớp lớp con người đang gào thét,
xộc tới, đổ xô vào họ.

7. Quan lớn trong thành phố

Chúa công, một trong những đại thần trong triều, như thường lệ cứ nửa tháng lại chiêu đãi khách trong tư dinh nguy nga ở Paris. Chúa công đang ở phòng trong, thánh địa của mọi thánh địa, nơi tối linh của mọi chốn thiêng liêng đối với đám người sùng bái đang ở các phòng ngoài. Chúa công đang chuẩn bị uống sô-cô-la. Chúa công có thể nuốt nhiều thứ dễ dàng, và một số ít đầu óc u ám còn cho rằng ngài sẽ nhanh chóng nuốt cả nước Pháp đấy; nhưng món sô-cô-la buổi sáng không thể đi vào cuống họng Chúa công nếu không có sự trợ giúp của bốn người khỏe mạnh, không tính đầu bếp.

Đúng. Cần tới bốn người, cả bốn đều chói lợi áo quần sang trọng, và thủ lĩnh bộ tứ này không thể nào sống mà không có trong túi ít nhất hai chiếc đồng hồ vàng - hẳn thi đua theo kiểu mẫu quý tộc lịch lãm mà Chúa công đã đặt ra - và đó chính là người nâng món sô-cô-la ờn phước đó lên môi ngài. Một gia nhân mang bình sô-cô-la ra trước tôn nhan; người thứ hai đánh cho sô-cô-la sủi bọt lên bằng một dụng cụ nhỏ hẳn dành riêng cho nghi thức này; người thứ ba dâng lên chiếc khăn ngài thích dùng; người thứ tư (người có hai đồng hồ vàng), rót sô-cô-la ra. Uống sô-cô-la mà thiếu đi một trong bốn người hầu thì Chúa công không thể nào giữ được vị thế cao sang dưới vòm trời này cho thiên hạ ngưỡng mộ. Tắm gia huy quý tộc của ngài sẽ bị hoen ố khôn cùng nếu món sô-cô-la chỉ được phục vụ một cách nhục nhĩ với ba gia nhân; và nếu chỉ có hai đứa thì ngài thà chết còn hơn.

Chúa công đêm qua đã đi dự bữa tiệc nhỏ có đoàn kịch và phường hát trình diễn hấp dẫn. Hầu như đêm nào ngài cũng đi dự một tiệc nhỏ nào đó có kịch hát hay ho. Ngài tinh tế và nhạy cảm đến mức đoàn kịch với phường hát đã chi phối những chuyện bí mật quốc gia đại sự chán ngắt của ngài còn mạnh hơn nhu cầu đòi hỏi của cả nước Pháp.

May mắn thay cho nước Pháp, và cũng may mắn thay cho mọi vương quốc nào có được đặc quyền đó! Và cũng là may mắn cho nước Anh, chẳng hạn như vào cái thời Hoàng Đế Hưởng Lạc trị vì.*

Ngài có một lý tưởng quả là cao cả về công vụ chung, đó là cứ để cho mọi chuyện ra sao thì ra; về công vụ riêng, ngài có một lý tưởng quả là cao cả khác rằng mọi việc phải theo ý mình - chăm lo cho quyền lực và hầu bao của ngài, về khoái lạc, chung lẫn riêng, Chúa công lại có một lý tưởng quả là cao cả khác, rằng sống ở đời là phải hưởng. Ngài lấy câu trong Thánh Kinh “Đất này và muôn vật muôn loài đều thuộc về Chúa Trời” làm phương châm cho giới quan lớn và chỉ đổi chữ “Chúa Trời” thành “Chúa công.”

Thế nhưng Chúa công dần dà thấy rằng nhiều điều phạm tục khó chịu đã len lỏi vào đại sự của ngài, cả công lẫn tư; và vì cả hai đại sự đó mà ngài buộc phải liên kết với một tên quan thu thuế hạ cấp*. Về chuyện tài chính công, ngài chẳng biết ất giáp gì nên phải cậy nhờ người nào am hiểu; về chuyện tài chính tư, sau nhiều đời quá phung phí xa hoa thì tới lượt ngài cũng dần túng thiếu nên phải cần tới đám quan thu thuế vốn rất giàu. Cho nên Chúa công đã lôi em gái ra khỏi tu viện kịp thời trước khi cô ta kịp đội tấm mạng nữ tu đang chờ đợi - loại trang phục rẻ mạt nhất - và ban phát cô em như ban một bảo vật cho một tên quan thu thuế giàu tiền của mà nghèo danh giá. Tên quan này, tay cầm cây gậy trên đầu có quả táo bằng vàng cho xứng với địa vị, hiện thời đang ngồi với đám khách khứa ở phòng ngoài, vênh mặt cho nhân loại khom lưng uốn gối - chỉ có số nhân loại thượng đẳng hơn thuộc dòng dõi Chúa công, kể cả vợ hắn, là lúc nào cũng khinh thường hắn với sự miệt thị ngút trời.

Tên quan thu thuế này mới giàu làm sao. Trong khu chuồng ngựa của hắn là ba mươi con; trong tư gia là hai mươi bốn nam gia nhân, riêng vợ hắn có sáu cô hầu phục dịch. Tự phụ là chẳng làm gì ngoại

trừ cướp đoạt, ăn cắp mọi nơi mọi lúc có thể, tên quan thu thuế này -
dầu thành quyền quý là nhờ quan hệ hôn nhân - ít ra cũng là kẻ thành
thật nhất trong số nhân vật có mặt ở dinh thự Chúa công ngày hôm đó.

Bởi những gian phòng này, tuy tráng lệ xa hoa với mọi thứ trang
hoàng đẹp đẽ, tinh xảo nhất đương thời, thực ra lại không phải là chốn
an lành nếu xét tới đám khố rách áo ôm ở chỗ khác (cách đó cũng
không xa, nhưng đứng nhìn từ hai ngọn tháp Nhà thờ Đức Bà có thể
thấy cả dinh cơ tráng lệ lẫn khu dân nghèo gần như cùng một khoảng
cách); đám dân rách rưới này hẳn phải là mối lo hết sức đáng ngại nếu
như có một ai trong dinh cơ của Chúa công bận tâm tới chuyện này,
nhưng làm gì có ai. Võ tướng thì mù tịt quân sự; chỉ huy hải quân lại
chẳng rành tàu bè; quan viên chẳng hề biết cách cai trị; tệ hại nhất trần
đời là đám giáo sĩ trang tráo, mắt dâm, lưỡi gian, sống còn gian hơn
nữa; chẳng ai có khả năng đảm đương trọng trách, cả lũ đều nói láo
không ngượng mồm cho xứng với chức tước, nhưng cả lũ không gần
thì xa đều thuộc giới quan lớn như Chúa công, nhờ đó được lén đưa
vào mọi công vụ nào có thể thủ lợi bất cứ thứ gì; cái đám này tính ra
cũng phải vài chục chứ không ít. Cũng đầy rẫy như thế trong dinh thự
này là những kẻ không có quan hệ trực tiếp với Chúa công hay quốc
gia, nhưng cũng chẳng liên quan tới bất cứ điều gì lương thiện, hay
những kẻ cả đời toàn sống gian dối để đạt mọi mục đích tầm thường.
Đám bác sĩ, làm giàu nhờ kê đủ thứ thuốc đắt giá cho những căn bệnh
tưởng tượng không hề có thật, đang tươi cười với lũ bệnh nhân triều
đình trong các phòng khách dinh Chúa công. Đám quân sư mách
nước, lũ khám phá đủ thứ liệu pháp điều trị cho những chuyện nan giải
lặt vặt ảnh hưởng quốc gia nhưng lại không phát minh được giải pháp
làm việc nghiêm túc để tiệt trừ một căn nguyên nào, đang rót những
lời làm nhảm điên rồ vào tai bất kỳ ai chúng vớ được trong các phòng
khách dinh Chúa công. Đám triết gia vô đạo muốn cải tổ thế giới bằng
mồm và dùng lá bài xây tháp chống trời tán chuyện với các nhà giả
kim bất tín muốn biến kim loại thành vàng trong những cuộc họp mặt

kỳ thú do Chúa công quy tụ. Đám quý tộc thể phiệt tinh hoa - thời đó cũng như thời nay nổi tiếng vì thành tích dửng dưng với mọi vấn đề mà con người tất nhiên phải quan tâm - cũng đang trong trạng thái bạc nhược điển hình nhất ở dinh Chúa công. Và ngay trong những gia đình của đủ thứ danh gia vọng tộc trong giới ưu tú Paris này, đám gián điệp - chiếm cả phân nửa số khách khứa lịch lãm đang cúc cung tận tụy tụ tập ở dinh Chúa công - sẽ khó lòng mà tìm ra trong số các phu nhân thiên thần của họ một bà vợ nào mà có dung nhan, phong thái cho thấy đã từng làm mẹ. Quả thực, ngoài chuyện tống ra đời một sinh linh gây phiền phức - điều đó không đủ để gọi là làm mẹ - thì chẳng có gì thể hiện là giới đại các này biết làm mẹ cả. Các bà vú nông dân giấu kín và nuôi nấng những đứa hài nhi sinh ra bất hợp thời, còn các lão bà duyên dáng tuổi sáu mươi của chúng cứ ăn diện như gái xuân mơn mớn.

Cái chất giả tạo này như chứng bệnh hủi làm biến dạng mọi kẻ có mặt ở dinh Chúa công. Trong các phòng ngoài, có chừng nửa tá người phi phạm vài năm qua đã mơ hồ lo sợ rằng thời thế chung sẽ xấu đi. Như một triển vọng cải thiện tình hình, ba trong số sáu người này gia nhập môn phái đồng bóng Kinh phong giáo*, và ngay tại đó bọn họ còn tính xem có nên sùi bọt mép; hét rống lên và gồng cứng đờ người ngay tại chỗ không - làm thế để thấu thị soi đường dẫn dắt cho tương lai Chúa công. Khác với những tín đồ động kinh này; ba người kia lại đổ xô vào giáo phái khác chuyên giải quyết vấn đề bằng một câu thần chú bí hiểm về “Trung Tâm Chân Lý”, vốn cho rằng con người đã xa rời Trung Tâm Chân Lý - điều không cần chứng minh nhiều - nhưng vẫn chưa ra khỏi Ngoại Biên, có thể kéo lùi vào lại Trung Tâm bằng cách chay tịnh và tiếp xúc với hồn ma. Cho nên ba người này đã có nhiều cuộc đàm luận với các hồn ma, nhờ thế đã làm được rất nhiều điều tốt đẹp mà chẳng ai thấy bao giờ.

Nhưng điều dễ chịu là mọi khách khứa trong dinh thự nguy nga của Chúa công đều chưng diện đẹp đẽ. Nếu Ngày Phán Xét Cuối Cùng mà phán xét bằng trang phục thì ai ở đây chắc cũng đều vĩnh viễn vô tội. Nào những đầu tóc uốn quăn, rắc phấn, bôi cao chất ngất; nào những làn da mỏng manh được chăm sóc, điểm phấn tô son; nào gườm kiêu oai hùng mãn nhãn quan chiêm; nào hương thơm thanh tao tôn vinh khứu giác; những điều đó chắc chắn sẽ khiến thế sự mãi mãi vắn xoay. Các quý ngài lịch duyệt, dòng dõi ưu tú nhất đeo những đồ trang sức be bé lủng lẳng leng keng khi họ lừ đừ dịch bước; những gông cùm bằng vàng ấy ngân nga như những chiếc chuông nhỏ quý giá; và tiếng ngân nga đó cùng tiếng lụa là, kim tuyến, vải vóc sột soạt, đã khuấy động một làn gió cuốn bay hình ảnh thánh Saint Antoine và cái khu dân cư đói giày vò mang tên vị thánh ấy.

Áo quần trang sức là thứ bùa ngải mê hoặc duy nhất công hiệu để duy trì mọi thứ đầu vào đấy. Ai cũng chưng diện cho một dạ hội hóa trang không bao giờ tàn. Từ điện Tuileries tới dinh Chúa công và toàn thể triều đình, từ các nghị viện, pháp đình tới toàn xã hội (ngoại trừ đám dân khổ rách áo ôm), dạ hội hóa trang ấy dành cho cả đao phủ thủ, kẻ nếu muốn được mê hoặc thì phải có bốn phận “uốn tóc, rắc phấn, khoác áo viền vàng, mang giày khiêu vũ và vớ lụa trắng”. Ở các giá treo cổ và bánh xe nhục hình - hiếm khi dùng rìu vì rìu chỉ dành cho giới quý tộc - đao phủ được gọi tên theo khu vực giống như giám mục được gọi tên theo giáo phận. Ngài đao phủ của Paris, được ngài đao phủ ở Orleans và đồng nghiệp các nơi gọi là Quý ngài Paris, cũng đến giương oai trong trang phục cầu kỳ này. Và có ai trong số khách khứa ở dinh Chúa công vào năm 1780 mà không tin rằng một thể chế bám chắc vào một đao phủ uốn tóc, rắc phấn, khoác áo viền vàng, mang giày khiêu vũ và vớ lụa trắng lại không trường tồn hơn cả trăng sao chứ!

Đã dùng xong sô-cô-la và cất gánh nặng cho bốn gia nhân, Chúa công ra lệnh mở hết cửa nơi tối linh của mọi chốn thiêng liêng rồi đi

ra. Thế là mọi người nháo nhào phủ phục, nháo nhào luồn cúi xun xoe; nháo nhào khúm núm; thật nhục nhã đê hèn! Quy lụy cả tinh thần lẫn thể xác đến thế thì chẳng còn chỗ nào dành cho Thiên Đường - điều này có lẽ là một trong những lý do khiến những kẻ sùng bái Chúa công chẳng hề bận tâm nghĩ tới.

Ban phát lời hứa chỗ này, nụ cười chỗ nọ, hạ cố nói thầm với một tên nô lệ hạnh phúc nào đó, rồi gia ân một cái vẫy tay cho kẻ luồn cúi khác, Chúa công niềm nở đi qua các phòng ngoài đến khu vực xa xôi nhất của Ngoại Biên Chân Lý. Tới đây, Chúa công quay lưng trở bộ và rồi cuối cùng lại về nấu mình trong thánh địa bên đám yêu tinh sô-cô-la và không ai thấy ngài nữa.

Màn phô diễn đã xong, làn gió nhẹ đã trở thành cơn giông khi những chiếc chuông nhỏ quý giá leng keng kéo nhau xuống cầu thang. Chẳng mấy chốc cả đám người chỉ còn lại một, và người này mũ cặp dưới nách, hộp thuốc lá hít cầm trên tay, từ từ băng ngang qua những tấm gương soi đi ra ngoài. Người này dừng lại ở cánh cửa cuối cùng trên đường ra và quay về hướng thánh địa kia thốt một câu:

– Ma tha quỷ bắt người đi!

Nói xong, y giữ sạch bột thuốc trên mấy ngón tay như thể tổng khứ bụi đất dưới bàn chân, rồi lặng lẽ bước xuống thang lầu.

Y tuổi trạc sáu mươi, ăn mặc sang trọng, phong thái ngông ngạo, diện mạo như chiếc mặt nạ tinh xảo. Gương mặt nhợt nhạt gần như trong suốt, ngũ quan tề chỉnh và biểu cảm. Sống mũi tuy thanh tú lại hơi bẹt ra trên đầu hai lỗ mũi. Chỉ ở hai đầu lỗ mũi căng bẹp đó mới bộc lộ chút ít cảm xúc thay đổi của bộ mặt. Có lúc chỗ đó biến sắc đi, thỉnh thoảng lại co giãn như một cái gì đang khẽ phập phồng; những lúc đó, đầu mũi khiến cho cả diện mạo toát lên vẻ phản trắc và tàn bạo. Nếu nhìn kĩ, biểu hiện đó được tăng lên nhờ khuôn miệng và khóe mắt quá mỏng và quá thẳng đẹt; dù vậy cả bộ mặt vẫn toát ra ấn tượng chung là đẹp đẽ khác thường.

Chủ nhân bộ mặt ấy xuống cầu thang đi ra sân, bước lên cỗ xe ngựa và lên đường. Trong lúc chiều dài, không mấy người trò chuyện với y; người này cứ đứng một mình hơi xa cách, thái độ của Chúa công đối với y cũng không nồng nhiệt gì. Trong hoàn cảnh này, dường như y thích thú hơn với cảnh đám thường dân đang chạy tán loạn trước đầu những con ngựa kéo xe và thường chỉ thoát nạn trong gang tấc. Gã xà ích của y quất ngựa phóng tới như đang tấn công kẻ thù và lối đánh xe liều lĩnh điên cuồng đó vẫn không khiến bộ mặt hay đôi môi của chủ nhân biến sắc mảy may. Vào thời đó ở kinh đô cam điếc này thỉnh thoảng cũng nghe người ta ta thán chuyện giới quý tộc hung hăng quen thói phóng xe trên những con đường hẹp không vỉa hè, gây nguy hiểm và thương tật cho đám dân đen không chút thương tình. Nhưng chẳng mấy ai bận tâm suy nghĩ hai lần về điều đó, và trong chuyện này cũng như mọi chuyện khác, cứ mặc kệ đám tiện dân cùng khổ tự tìm cách thoát thân.

Chạy âm âm như điên, bất chấp ý tứ một cách tàn bạo mà người thời nay không hiểu nổi, cỗ xe phóng qua các con đường, lao qua các góc phố, đâm vào đám đàn bà la hét, vào đám đàn ông đang tóm lấy nhau và lôi phắt lũ trẻ nhỏ tránh xa. Cuối cùng, lúc xe xông vào một góc đường bên đài phun nước, một bánh xe bỗng giật nảy lên một cái đáng sợ, rồi có tiếng nhiều người la to và mấy con ngựa lồng lên nhảy chồm chồm.

Nếu lũ ngựa không dừng lại ắt cỗ xe này sẽ không dừng; thông thường thì xe ngựa cứ chạy luôn, bỏ mặc người bị thương tật lại phía sau, mà việc gì phải dừng chứ? Nhưng người hầu đã hấp tấp xuống xe và hai chục bàn tay đã giữ chặt mớ cương ngựa.

– Chuyện gì xảy ra thế? - Quan lớn thân nhiên nhìn ra ngoài.

Một người đàn ông cao lớn đội mũ vừa nhắc một bó gì đó quấn vải từ dưới chân lũ ngựa đặt lên bệ đài phun nước, rồi ngồi phịch xuống bùn sinh, gào rú như con thú hoang.

– Xin lỗi, ngài Hầu tước! - Một kẻ rách rưới khúm núm nói. - Dạ, một đứa nhỏ.

– Tại sao thằng kia rống lên kinh khủng thế? Con nó à?

– Xin lỗi ngài Hầu tước! - Thật đáng tiếc... dạ, đúng thế ạ.

Đài phun nước nằm cách xa đường lộ một chút vì con đường ở đây lại dẫn vào một khoảng đất trống chừng mười hay mười hai thước vuông. Lúc người cao lớn kia đứng dậy và chạy xông tới cỗ xe, ngài Hầu tước lập tức nắm chặt chuôi kiếm.

– Nó chết rồi! - Người này hét lên, tuyệt vọng điên cuồng, giơ thẳng hai cánh tay trên đầu và trừng mắt nhìn quan lớn. - Chết!

Đám người bu lại gần, nhìn ngài Hầu tước. Những con mắt mở to không bộc lộ điều gì hơn là cảnh giác và háo hức; không hề có biểu hiện đe dọa hay tức giận nào. Họ cũng chẳng nói một lời; sau tiếng la ó ban đầu, tất cả đã im lặng và bây giờ vẫn thế. Tiếng kẻ khúm núm vừa nói lúc nãy nghe vô duyên và nhạt nhẽo với giọng hèn hạ tột cùng. Ngài Hầu tước đảo mắt nhìn cả đám người này cứ như họ là lũ chuột mới bò khỏi hang.

Ngài rút ví tiền ra.

– Ta rất lấy làm lạ, - Hầu tước nói, - lũ dân chúng các người không biết lo thân và lo cho con cái. Lũ bay không đứa này thì đứa khác cứ mãi cản đường ta. Không biết lũ bay có gây thương tích gì cho mấy con ngựa của ta không. Này! Đưa cho tên kia.

Ngài thả ra một đồng tiền vàng cho tên hầu nhặt lên, và mọi cái đầu đều trở mắt rướn nhìn theo xem đồng tiền lăn về đâu. Người cao lớn kia lại rú lên một tiếng thảm thiết vô bờ: “Chết!”

Gã im bặt khi đám đông tránh ra cho một người nhanh chân đi tới. Thấy người này, kẻ khốn khổ kia gục đầu lên vai người mới đến khóc nức nở, tay chỉ về phía đài phun nước, nơi mấy người đàn bà đang lom khom và nhẹ nhàng đi quanh cái bó vải bất động. Nhưng họ cũng im lìm như đám đàn ông.

– Tao biết rồi, tao biết hết rồi, - người mới đến nói. - Can đảm lên nào, Gaspard ơi! Thằng bé tội nghiệp chết vậy còn đáng mừng hơn là nó sống. Nó chết ngay lập tức không hề đau đớn. Có sống thêm một giờ thì chắc gì nó đã sung sướng như vậy.

– Tên kia, mi đúng là triết gia, - Hầu tước tươi cười nói. - Mi tên gì?

– Tôi là Defarge.

– Làm nghề gì?

– Thừa ngài Hầu tước, bán quán rượu.

– Cầm lấy đi, triết gia bán quán rượu, - Hầu tước vừa nói vừa lấy một đồng tiền vàng nữa ném cho người này, - muốn tiêu gì thì tiêu. Còn lũ ngựa kia có sao không?

Không buồn nhìn lại đám đông xúm tụm đó lần thứ hai, ngài Hầu tước ngả lưng ra ghế; y vừa mới được xe ngựa đưa đi trong vẻ mặt ung dung của một quý ông vừa tình cờ làm hỏng một món đồ và đã trả tiền bồi thường, và thừa tiền để trả, thì một đồng tiền bay vèo vào trong xe rơi xuống sàn leng keng.

– Dừng lại! - Ngài Hầu tước thốt lên. - Dừng ngựa lại! Đứa nào ném đó?

Ngài nhìn lại chỗ chủ quán rượu Defarge mới đứng lúc nãy nhưng ngay chỗ đó là người cha khốn khổ đang gục mặt xuống vỉa hè, và kẻ đứng đằng sau lại là một người đàn bà da ngăm đang đan len.

– Đồ chó! - Hầu tước nói thản nhiên, mặt không đổi sắc chỉ trừ một điểm trên đầu mũi. - Ta rất sẵn lòng cán bất kỳ đứa nào và tiêu diệt hết tội bay khỏi mặt đất này. Nếu ta biết thằng khốn nào ném tiền vào xe và nếu thằng vô lại đó mà ở gần đây thì nó sẽ bị nghiền nát dưới những bánh xe này.

Quá hiểu thân phận thấp hèn và từ lâu đã quá biết nỗi khổ mà một quan lớn có thể gieo rắc cho họ, bất chấp pháp luật, cho nên không tiếng nói nào cất lên, không bàn tay đưa cao, hay thậm chí không một ánh mắt ngược nhìn. Không một ai, trong đám đàn ông. Nhưng người đàn bà đứng đan len vẫn dăm dăm nhìn thẳng vào mặt Hầu tước. Danh

giá đại quan không cho phép ngài nhận ra điều đó; ánh mắt khinh bỉ của Hầu tước lướt qua chị ta, qua tất cả lũ chuột kia; rồi ngài lại ngả lưng ra ghế, thốt một lời: “Đi tiếp!”

Xe lại chạy và các cỗ xe khác phóng ào ào thành đoàn theo sau; xe quan thượng thư, xe quân sự, xe quan thu thuế, xe bác sĩ, xe luật sư, xe giáo hội, xe phường hát, xe đoàn kịch, cả dạ hội hóa trang sắc sỡ ào ào phóng qua liên tục. Lũ chuột đã bò ra khỏi hang đứng nhìn, và vẫn đứng nhìn hàng giờ; quân lính và cảnh binh thường đứng chặn giữa lũ chuột và đoàn xe ngoạn mục, nhưng lũ chuột vẫn lấp ló nhìn lén qua kẽ hở hàng rào người. Ông bố kia đã ôm bó vải đi khuất từ lâu; những người đàn bà đã chăm sóc cho bó vải lúc nằm trên bệ đài phun nước giờ ngồi đó nhìn nước chảy và đoàn dạ hội hóa trang lũ lượt kéo đi; suốt thời gian đó chỉ có mỗi người đàn bà đan len vẫn đứng lơ lửng đan len, hai tay vẫn thoăn thoắt như một định mệnh bất biến. Nước đài phun cứ tuôn; dòng sông cứ chảy xiết; ngày trôi nhanh vào đêm, bao sinh mạng trong thành phố này lao vào cỏi chết theo quy luật, thời gian không chờ đợi ai, lũ chuột lại xúm xít ngủ với nhau trong hang tối, dạ hội hóa trang lại rục rờ vào giờ ăn tối, mọi thứ diễn ra bình thường.

8. Quan lớn nơi điền dã

Cảnh vật đẹp dễ điểm màu ngũ cốc tươi sáng nhưng thừa thớt. Nhiều vạt ruộng lẽ ra phải trồng ngũ cốc lại trồng lúa mạch đen loại tồi, nhiều ruộng đậu đủ thứ loại tồi, nhiều ruộng rau loại xấu nhất thay thế cho lúa mì. Giống như đám đàn ông, đàn bà đang trồng trọt, những tạo vật vô tri ấy đều toát ra vẻ như chúng phải miễn cưỡng sống, miễn cưỡng tồn tại - một ý hướng chán chường muốn buông xuôi và tàn héo.

Ngài Hầu tước ngồi trong cỗ xe lữ hành do bốn con ngựa kéo với hai mã phu đang ịch đi lên một đồi dốc (lẽ ra xe phải nhẹ hơn). Sắc ửng đỏ trên diện mạo Hầu tước hoàn toàn không phản lại huyết thống cao sang của ngài, nó không phát xuất từ bên trong mà là do một tác động ngoại cảnh ngoài tầm kiểm soát - mặt trời đang lặn.

Ánh tà dương rọi vào cỗ xe lữ hành khi nó lăn bánh lên đỉnh đồi chói chang đến độ nhuộm đỏ rực người trong xe. Ngài Hầu tước liếc nhìn hai bàn tay mình rồi thốt lên:

– Rồi sẽ tắt nắng ngay thôi.

Thực vậy, mặt trời ngay lúc đó đã sắp chìm khuất. Khi bộ thắng nặng nề đã được gắn vào bánh và cỗ xe trườn xuống đồi, ánh đỏ rực ấy đã tan nhanh trong mùi nắng khét, trong vàng mây bụi; mặt trời khuất dạng cùng lúc Hầu tước xuống đồi và ánh tà dương đã tắt lịm khi bộ thắng được tháo khỏi bánh xe.

Nhưng vẫn còn đó một vùng đồng quê nhấp nhô đồi dốc trải dài, một làng nhỏ dưới chân đồi, một mảnh đất rộng và một ngọn đồi phía sau, một tháp chuông nhà thờ, một cối xay gió, một khu rừng để săn bắn, một vách núi trên có pháo đài dùng làm nhà ngục. Hầu tước đảo mắt nhìn quanh mọi vật thể đang u tối dần khi màn đêm buông xuống nơi đây, vẻ mặt khoan khoái như một kẻ sắp về đến nhà mình.

Ngôi làng có một con đường bần cùng, với một xưởng nấu bia bần cùng, một tiệm da thuộc bần cùng, một lữ quán bần cùng, một dịch trạm bần cùng để đổi ngựa kéo xe, một đài phun nước bần cùng, mọi thứ trang bị bần cùng quen thuộc. Làng cũng có những con người bần cùng. Mọi dân làng đều bần cùng, nhiều người đang ngồi trước cửa, xắt nhỏ những củ hành hiếm hoi và các thứ tương tự cho bữa ăn tối, trong lúc nhiều người khác ngồi quanh đài phun nước đang rửa rau cùng bất cứ thứ sản vật ít ỏi nào có thể ăn được nảy sinh từ đất. Nhìn đâu cũng thấy hiển hiện cái nguyên nhân khiến họ bần cùng; thuế cho nhà nước, thuế cho nhà thờ, thuế cho nhà quan, thuế cho địa phương và thuế cho quốc gia, phải đóng chỗ này phải đóng chỗ kia, theo đúng lời chỉ dẫn uy nghiêm đã ghi tại làng nhỏ này, đến mức ta phải tự hỏi rằng có còn ngôi làng nào không bị thuế ngốn sạch.

Ít thấy bóng trẻ con và không hề thấy chó. Với đám đàn ông và đàn bà ấy, lựa chọn của họ trong cõi đời đã được định sẵn - sống cầm hơi ở mức thấp nhất trong cái làng nhỏ dưới cõi xay này; hay bị giam cầm và chết trong cái nhà ngục sừng sững trên vách núi.

Được báo trước bằng một phu trạm và bằng tiếng quất roi của hai tên mã phu, ngọn roi cứ uốn lượn như con rắn quanh đầu lũ ngựa trong trời chiều, ngài Hầu tước tiến vào làng cứ như được các nữ thần báo thù hộ tống*. Cổ xe lữ hành dừng lại trước dịch trạm nằm kề bên đài phun nước và đám thảo dân ngừng tay ngược nhìn quan lớn. Hầu tước nhìn họ, nhìn mà không hề chú ý đến sự bào mòn từ từ và chắc chắn của cái đói trên những gương mặt cùng hình dáng tiêu tụy khốn cùng đó - một hình ảnh khiến người Anh gần cả trăm năm sau vẫn cứ tin là người Pháp nào cũng gây gò như thế.

Hầu tước hướng mắt xuống những bộ mặt khúm núm đang cúi gục trước ngài, giống những kẻ như ngài cúi gục trước thượng quan trong triều - chỉ khác là những bộ mặt này cúi gục chỉ vì khốn khổ chứ

không phải để cầu vinh; đúng lúc đó thì có một gã phu lục lộ tóc hoa râm nhập bọn.

– Đưa cái tên đảng kia đến gặp ta! - Hầu tước bảo phu trạm.

Lộ mã cầm tay kẻ kia được dẫn tới, và đám dân chúng kéo lại nhìn ngó, nghe ngóng chẳng khác gì đám dân ở đài phun nước Paris.

– Trên đường ta có đi ngang qua mi?

– Bẩm quan lớn, đúng ạ. Con hân hạnh được ngài đi ngang qua trên đường.

– Cả lúc xe lên đồi và trên đỉnh đồi phải không?

– Bẩm quan lớn, đúng ạ.

– Mi đã thấy cái gì mà nhìn chăm chú thế?

– Bẩm quan lớn, con đã thấy một người.

Gã hơi cúi xuống đưa chiếc mũ xanh tả tơi chỉ xuống gầm xe. Mọi người chung quanh cũng cúi nhìn theo.

– Người nào, đồ ngu? Sao lại nhìn ở đó?

– Xin quan lớn xá tội; nó đu ở dây xích của cái còng bám... của cái thắt ạ.

– Ai? - Quan lớn tra hỏi.

– Bẩm quan lớn, một người ạ.

– Ma tha quỷ bắt lũ ngu này đi! Kẻ đó tên gì? Mi biết hết mọi người ở vùng này mà. Kẻ đó là ai?

– Xin quan lớn nhân từ! Kẻ đó không phải người vùng này. Cả đời con chưa bao giờ gặp hắn ạ.

– Đu ở dây xích? Muốn chết ngạt sao?

– Xin mạn phép quan lớn, con cũng thắc mắc vậy ạ. Đầu hắn ngửa ra... như thế này!

Gã quay ngang tựa vào cổ xe, ngả người ra sau, mặt hướng lên trời, đầu ngửa ra; rồi gã trở lại tư thế bình thường, tay vò chiếc mũ và cúi rạp người kính cẩn.

– Trông kẻ đó như thế nào?

– Bẩm quan lớn, trông hắn còn trắng hơn thợ xay bột. Bụi bặm phủ khắp người, trắng bệch như ma, cao lớn như ma!

Lời mô tả đó khiến cả đám người này xông xáo cả lên; nhưng mọi con mắt không ai bảo ai đều nhìn về phía ngài Hầu tước. Có lẽ để xem có hồn ma nào trong lương tâm của ngài chăng.

– Được, khen cho mi, - Hầu tước nói, trong lòng thâm khoan khoái vì biết một tên sâu bọ như thế này chẳng hề dám chọc giận ngài. - Mi thấy một tên trộm bám theo xe của ta mà không biết mở mồm ra. Hừ! Tổng cổ nó đi, ông Gabelle!

Ông Gabelle là cai đội của dịch trạm kiêm luôn việc thu vài thứ thuế khác; hắn từ nãy đã xun xoe đi ra phụ giúp chuyện tra hỏi, và đã ra vẻ quan trọng tóm lấy tay áo kẻ bị chất vấn.

– Hừ! Tránh ra! - Ông Gabelle nói.

– Nếu tối nay tên lạ mặt ấy tìm cách ở lại làng này thì bắt giam nó, và phải chắc chắn là nó không có gian ý gì, Gabelle.

– Thừa quan lớn, quả là hân hạnh được tuân theo lệnh ngài ạ.

– Nó chạy đâu rồi, cái thằng này?... Thằng chết giẫm đó đâu rồi?

Thằng chết giẫm đó đã chui xuống gầm xe cùng năm, sáu người thân quen, và đang giơ chiếc mũ xanh chỉ trở sợi dây xích. Năm, sáu người thân quen khác nhanh chóng kéo gã ta ra ngoài và lôi kẻ đang thở hổn hển này tới trước mặt ngài Hầu tước.

– Thằng ngu kia, kẻ đó có bỏ chạy không khi xe ta ngừng để bắt bộ thằng?

– Bẩm quan lớn, lúc đó hắn nhảy bổ xuống sườn đồi, nhảy cắm đầu xuống như người ta nhảy xuống sông vậy ạ.

– Lo liệu việc này, Gabelle. Đi thôi!

Mấy người đang nhìn ngó sợi dây xích vẫn còn bỏ lê giữa các bánh xe như một lũ cừu; cỗ xe lăn bánh đột ngột tới mức nếu tấm thân da bọc xương của họ không bị cán phải thì đúng là may mắn; họ đâu còn gì khác ngoài da với xương, nếu không thì chưa chắc họ đã thoát nạn.

Tốc độ ào ào của cỗ xe khi phóng ra khỏi làng và lao lên ngọn đồi xa chẳng mấy chốc đã bị đường dốc đứng ngăn cản. Dần dần, cỗ xe chậm lại chỉ bằng tốc độ đi bộ, lắc lư, ì ạch ngược dốc giữa đêm hè ngát hương. Thay cho các nữ thần báo thù là cả ngàn con muỗi mắt bu quanh hai tên mã phu như một tấm màn the và hai đầu roi bây giờ không quất ngựa lại lạng lẽ quất vào màn muỗi ấy; tên gia nhân đi bộ cạnh lũ ngựa; tên phu trạm đi trước đã khuất bóng, chỉ nghe tiếng chân bước trong vùng âm u vắng xa.

Ngay đỉnh dốc nhất của ngọn đồi là một bãi tha ma nhỏ, có cây thánh giá trên có một tượng lớn hình Chúa Cứu Thế; đó là một pho tượng bằng gỗ thô sơ do một dân quê tay mơ nào đó đẽo tạc, nhưng hẳn đã nghiên cứu hình mẫu từ đời thực - có thể là chính cuộc đời hẳn - vì pho tượng gầy gò, ốm yếu kinh khủng.

Trước biểu tượng đau khổ của nỗi đau khổ lớn lao ngày càng tồi tệ này - và chưa phải là tồi tệ nhất - một người đàn bà đang quỳ. Quay đầu lại khi nghe tiếng xe ngựa đến gần, chị ta hấp tấp đứng dậy và đến bên cửa.

– Đúng là ngài rồi, bẩm quan lớn! Bẩm ngài, xin đèn trời soi xét.

Thốt lên một tiếng sốt ruột nhưng nét mặt không hề thay đổi, quan lớn nhìn ra.

– Lại nữa! Chuyện gì? Lúc nào cũng xin xỏ!

– Bẩm quan lớn. Vì Chúa xin ngài rủ lòng thương! Chồng con, người tiều phu.

– Tên tiều phu chồng mày bị làm sao? Dân đen chúng mày lúc nào cũng thế. Chồng mày mắc nợ gì không trả được hay sao?

– Chồng con đã trả sạch nợ rồi, bẩm quan lớn. Chồng con đã chết.

– Tốt! Nó yên thân rồi. Mày muốn ta làm nó sống lại hay sao?

– Ôi, không, bẩm quan lớn! Nhưng chồng con nằm đây, dưới nắm đất phủ cỏ héo này.

– Rồi sao?

- Bẩm quan lớn, quanh đây có nhiều nấm đất phủ cỏ héo quá mà...
- Mà sao chứ?

Trông như bà già nhưng chị ta vẫn còn trẻ. Trong nỗi đau khổ cùng cực, chị ta cứ xoắn vặn hai bàn tay xương xẩu nổi đầy gân vào nhau một cách dữ dội rồi đặt một bàn tay lên cửa xe - nhẹ nhàng, dịu dàng, cứ như vật vô tri đó là lồng ngực của một con người biết rung động trước cử chỉ van lơn.

– Bẩm quan lớn, xin nghe con! Bẩm quan lớn, xin đèn trời soi xét! Chồng con chết đói; rồi sẽ còn nhiều người nữa chết đói.

– Rồi sao? Ta phải cho chúng ăn chẳng?

– Bẩm quan lớn, có Chúa linh thiêng chứng giám, con không xin ngài điều đó. Con chỉ xin một miếng đá hay gỗ có tên chồng con làm bia đánh dấu chỗ chôn cất. Nếu không nơi này sẽ mau bị lãng quên, sẽ không còn ai tìm ra mộ phần nữa một khi con đây cũng chết đói theo, cũng nằm dưới nấm đất phủ cỏ héo nào đó. Bẩm quan lớn; người chết nhiều quá, ngày càng tăng nhanh, đâu đâu cũng đói mà. Bẩm quan lớn! Xin ngài!

Tên gia nhân đẩy chị ta khỏi cửa xe, bầy ngựa phóng nước kiệu lao vọt đi, hai tên mã phu đã thúc ngựa phi nhanh, người đàn bà bị bỏ lại đằng sau, còn quan lớn - một lần nữa lại được các nữ thần báo thù hộ tống - đang mau chóng thu ngắn quãng đường mấy dặm trường đưa ngài về lâu đài riêng.

Đêm hè ngát hương đã bao trùm quanh ngài, và vô tư như mưa rơi, đêm bao trùm cả đám dân bắn thiêu, rách rưới, lao lực mỏi mòn ở đài phun nước ban này cách đó không xa; tên phu lục lộ với sự phụ họa của chiếc mũ xanh đại diện cho giá trị bản thân vẫn còn tán phét về chuyện người đu xe như bóng ma, chùng nào còn có ai nghe. Dần dần chán chê, từng người một bỏ đi, ánh đèn nhấp nháy sáng trong ô cửa nhỏ; rồi ánh sáng trong các ô cửa cũng tắt dần, những vì sao hiện ra nhiều hơn, cứ như những ngọn đèn không hề bị dập lửa mà đã bay vọt lên vòm trời lấp lánh.

Bóng một dinh cơ rộng lớn mái cao với nhiều tầng cây vườn xa lúc ấy đang bao trùm lấy ngài Hầu tước; và bóng tối được thay thế bằng ánh sáng của một ngọn đuốc khi cỗ xe ngừng bánh, rồi cánh cổng lớn của lâu đài mở ra chào đón.

- Ta đang chờ ngài Charles, công tử từ Anh quốc đã về tới chưa?
- Thừa quan lớn, chưa ạ.

9. Đầu thần Gorgon*

Lâu đài của ngài Hầu tước là một tòa nhà nguy nga tráng lệ, phía trước là một sân lát đá và hai cầu thang bằng đá uốn cong lên nối liền với hai đầu hàng hiên lát đá trước cửa chính. Một cơ ngơi toàn đá, với những bao lơn đá, bình đá, hoa đá, mặt người đá, đầu sư tử đá ở khắp mọi nơi. Cứ như mọi vật đã hóa đá trước cái nhìn của thần Gorgon khi lâu đài xây xong hai thế kỷ trước.

Ngọn đuốc dẫn đầu, ngài Hầu tước xuống xe đi lên dãy bậc thang thấp; bước chân đủ khuấy động bóng tối khiến một con cú đậu trên mái dãy chuồng ngựa bề thế thấp thoáng sau rặng cây phải rúc lên một tiếng to phản đối. Bốn bề đều im ắng, tới mức ngọn đuốc đang được mang lên cầu thang và ngọn đuốc khác cắm trước cửa chính cứ cháy êm như đang ở trong phòng khánh tiết chứ không phải giữa trời đêm. Ngoài tiếng cú rúc ấy không nghe một âm thanh nào, ngoại trừ tiếng nước ở đài phun chảy xuống bồn đá; tường chùng đêm đen đang rún thở hàng giờ liền bỗng khẽ buông một hơi dài lê thê rồi nín thở trở lại.

Cửa chính ầm ầm đóng lại sau lưng, ngài Hầu tước băng qua đại sảnh âm u đáng sợ, nơi trưng bày những đồ săn bắn cũ như giáo đâm heo rừng, gươm, dao săn; và càng đáng sợ hơn với đủ thứ gậy roi quất ngựa mà nhiều nông dân trước khi được thần chết gia ân đã ném đòn vì cơn thịnh nộ của quan lớn.

Tránh các phòng lớn tối tăm đã khóa kín đêm nay, ngài Hầu tước đi theo người cầm đuốc lên cầu thang tới một cánh cửa hành lang. Cánh cửa mở ra đón ngài vào một gian riêng có ba phòng: phòng ngủ và hai phòng khác. Những căn phòng vòm cao với sàn đá lạnh không trải thảm, những vì lớn trên nền lò sưởi để đốt củi mùa đông, và mọi thứ xa hoa xứng với địa vị Hầu tước ở thời đại và đất nước xa hoa này. Đồ

đặc sang trọng đúng kiểu mấy đời Louis trước - vua Louis XIV - nhưng là một dòng dõi hẳn sẽ mãi mãi cai trị*; lại thêm đa dạng nhờ các món khác mang dấu ấn nhiều thời kỳ lịch sử Pháp quốc.

Một bàn ăn đã bày sẵn cho hai người trong phòng thứ ba; căn phòng hình tròn nằm ở một trong bốn ngọn tháp chóp nhọn giống như cái chụp nển. Phòng nhỏ trần cao, cửa sổ mở rộng nhưng che kín bằng tấm màn gỗ lá sách cho nên chỉ thấy đêm đen là những đường nhỏ nằm ngang xen kẽ với những vạch lớn màu xám.

– Dọn sẵn cho cháu ta à, - Hầu tước vừa nói vừa liếc nhìn bàn ăn, - nghe gia nhân nói là chưa đến.

Công tử chưa đến, nhưng quan lớn lại đang chờ đợi cậu ấy.

– A! Có thể cậu ta sẽ không đến đêm nay đâu; dù vậy cứ để bàn ăn đó. Ta sẽ ăn tối trong mười lăm phút nữa.

Mười lăm phút sau, quan lớn đã sẵn sàng, ngồi một mình dùng bữa ăn ê hề, thịnh soạn. Ghế ngài đối diện với cửa sổ, đã xong món súp, ngài mới nâng ly rượu Bordeaux lên môi liền đặt xuống ngay.

– Cái gì thế? - Hầu tước bình thản hỏi, mắt chăm chú nhìn những vạch đen xám xen kẽ trên màn cửa.

– Bấm quan lớn? Cái gì ạ?

– Bên ngoài màn cửa. Kéo màn ra.

Màn đã kéo.

– Sao?

– Bấm quan lớn, không có gì cả ạ. Ở đây chỉ toàn cây lá và bóng đêm ạ.

Người hầu nói sau khi đã mở toang màn cửa, đã nhìn ra trời đen trống rỗng, và đã quay lưng lại nhìn Hầu tước chờ lệnh.

– Tốt, - chủ nhân điềm tĩnh bảo. - Đóng lại đi.

Màn đã đóng, và Hầu tước tiếp tục dùng bữa. Hầu tước đang ăn nửa chừng lại ngưng, ly rượu trên tay. Có tiếng xe lăn bánh. Tiếng xe

đến gần thật nhanh rồi dừng ngay trước lâu đài.

– Hỏi xem ai đến.

Chính là cháu của quan lớn. Lúc đầu buổi chiều, anh ta đi sau quan lớn vài dặm. Người cháu đã cố rút ngắn khoảng cách thật nhanh nhưng không thể đuổi kịp ông chú trên đường. Ở dịch trạm, anh nghe nói quan lớn đã đi trước rồi.

Gia nhân bảo bữa tối đã chờ sẵn trên lầu và quan lớn muốn cậu cùng dùng bữa. Một lát sau anh ta lên tới nơi. Ở Anh quốc mọi người gọi anh là Charles Darnay.

Quan lớn đón cháu đúng phép lịch sự nhưng hai người không bắt tay nhau.

– Chú đã rời Paris hôm qua à, thưa chú? - Anh hỏi Hầu tước lúc ngồi vào bàn.

– Hôm qua. Còn cậu?

– Tôi đi thẳng tới đây.

– Từ London à?

– Vâng.

– Cậu đi tốn thời gian quá đó, - Hầu tước vừa nói vừa cười.

– Ngược lại, tôi đã đi thẳng một mạch.

– Xin lỗi! Ý ta không phải là thời gian đi đường, mà là thời gian để quyết định lên đường.

– Tôi bị cản trở vì... - người cháu đáp ngập ngừng, - ...nhiều chuyện.

– Hẳn thế rồi, - ông chú lịch sự nói.

Còn có mặt người hầu thì họ không nói thêm lời nào nữa. Khi cà phê đã dọn ra và chỉ còn lại hai người, người cháu nhìn chú, nhìn thẳng vào đôi mắt của diện mạo như chiếc mặt nạ thanh tú kia, và mở đầu câu chuyện.

– Tôi đã quay lại, thưa ngài, như ngài đã biết, để tiếp tục cái mục đích khiến tôi đã phải ra đi. Mục đích ấy đã đẩy tôi vào chỗ hiểm nguy

khôn lường; nhưng đó là mục đích thiêng liêng và nếu vì nó mà phải chết thì tôi vẫn mong theo đuổi tới cùng.

– Đừng nói “chết”, - lời ông chú, - không cần phải nói “chết” làm gì.

– Tôi nghi ngờ điều đó, - người cháu đáp lại, - nếu vì nó mà tôi bị đẩy tới chỗ chết thì không biết ngài có ngăn cản tôi lại không.

Những dấu hằn sâu trên đầu mũi và những nếp nhăn mảnh chạy dài trên gương mặt tàn nhẫn kia trông lạnh ít dữ nhiều; ông chú phác một cử chỉ phản đối nhã nhặn nhưng rõ ràng đó chỉ là một dấu hiệu lịch sự chứ không phải là trấn an.

– Thừa ngài, - người cháu nói tiếp, - thật ra, theo những gì tôi biết, có thể ngài đã cố tình dàn xếp khiến cho hoàn cảnh vốn đã khả nghi của tôi càng thêm khả nghi.

– Không, không, không, - ông chú nói, giọng vui vẻ.

– Nhưng dù có hay không, - người cháu nhìn Hầu tước với vẻ ngờ vực ra mặt, - tôi biết sách lược của ngài là sẽ ngăn cản tôi bằng mọi cách, và sẽ không từ một biện pháp nào.

– Cháu thân yêu, ta đã bảo cậu rồi mà, - ông chú nói, hai vết hằn trên đầu mũi khẽ phập phồng. - Cậu làm ơn nhớ lại tôi đã nói gì với cậu, từ lâu rồi.

– Tôi không quên.

– Cám ơn cậu, - Hầu tước nói, giọng hết sức ngọt ngào.

Âm hưởng giọng nói ấy cứ ngân nga như một tiếng đàn. Người cháu nói tiếp:

– Thực tình, tôi tin rằng vừa nhờ vận rủi của ngài vừa nhờ vận may của mình nên tôi mới không bị tống vào tù trên đất Pháp này.

– Ta chưa hiểu ý cậu lắm, - ông chú vừa đáp lại vừa nhấp cà phê. - Cậu nói rõ hơn được không?

– Tôi nghĩ là nếu ngài không bị thất sủng với triều đình, và mấy năm qua không vì đám mây ám đó thì chỉ cần một lệnh tống giam là

ngài đã cho tôi vào ngục thất vô thời hạn rồi.

– Có thể lắm, - ông chú nói rất bình thản. - Vì danh dự dòng họ, ta thậm chí có thể quyết ra tay ngăn cản tới mức đó. Xin lỗi cậu!

– Tôi hiểu điều đó, may cho tôi, trong tiệc chiêu đãi ngày hôm kia ngài vẫn bị lạnh nhạt như thường, - người cháu lưu ý.

– Ta không nghĩ là may đâu, cháu thân yêu, - ông chú đáp lại, giọng vẫn lịch sự nhã nhặn. - Ta không chắc như vậy. Ngục thất cũng là một cơ hội tốt để suy ngẫm trong cảnh cô độc thích hợp, và có thể tác động đến số phận của cậu còn hay hơn cả việc cậu tự mình lèo lái số phận của mình. Nhưng bàn chuyện đó thì có ích gì. Đúng như cậu nói, ta đang gặp bất lợi. Những biện pháp chính đốn nhỏ như thế, những công cụ nhẹ nhàng hỗ trợ cho quyền uy và danh giá dòng họ như thế, những chiêu cố vật vãnh như thế có lẽ là rất bất tiện cho cậu đấy, phải khiến người ta hứng thú và phải nài nỉ mới được. Rất nhiều người mưu cầu nhưng đúng là rất ít người được ban cho! Trước kia thì khác, nhưng Pháp quốc đã thay đổi tột tể như thế đấy. Tổ tiên chúng ta cách đây không lâu còn nắm quyền sinh sát với đám tiện dân thô lậu chung quanh. Từ căn phòng này, nhiều đứa súc sinh như thế đã bị lôi ra ngoài treo cổ; ở phòng kế bên giờ là phòng ngủ của ta, có một đứa như ta được biết đã bị đâm chết tại chỗ vì đã dám xấc láo nói chuyện tể nhị về con gái hãnh! Con gái *hãnh* là cái thá gì? Chúng ta đã mất nhiều đặc quyền rồi; triết lý mới đã thành thời thượng; ở thời buổi này việc khẳng định địa vị dòng họ hãnh có lẽ, ta không nói chắc chắn mà chỉ nói là có lẽ, sẽ khiến chúng ta gặp khó khăn thật sự. Mọi thứ rất tẻ, rất tẻ!

Hầu tước hít nhẹ một nhúm bột thuốc lá rồi lắc đầu một cách lịch lãm ra vẻ thất vọng hết sức về cái xứ sở đang dung chứa ngài, con người vĩ đại có khả năng khôi phục địa vị cho dòng họ.

– Chúng ta đã khẳng định địa vị của mình, cả xưa lẫn nay, - người cháu nói giọng u sầu, - tới độ tôi tin rằng danh giá nhà ta ở Pháp quốc này bị oán ghét hơn bất kỳ dòng họ nào khác.

– Cứ mong là thế, - ông chú nói. - Oán ghét bề trên là cách kính trọng không tự nguyện của bọn thấp hèn.

– Ở khắp xứ này, - người cháu nói tiếp, vẫn giọng điệu cũ, - tôi thấy không hề có một gương mặt nào nhìn tôi mà có chút gì tôn kính, chỉ thấy sự tuân phục đen tối của sợ hãi và nô lệ.

– Đó chính là sự ca tụng quyền uy của dòng họ này đấy, - Hầu tước nói, - thật xứng đáng với cách duy trì quyền uy của dòng họ ta. Hà! - Và ngài hít nhẹ một nhúm thuốc lá nữa rồi thoải mái gác tréo chân.

Nhưng khi người cháu chống hai khuỷu tay lên bàn, đưa bàn tay che đôi mắt tư lự, chán chường thì cái mặt nạ thanh tú kia liếc nhìn anh với vẻ chăm chú sắc sảo, soi mói, và căm ghét, hoàn toàn không giống với vẻ thản nhiên đã khoác lên diện mạo ấy.

– Trấn áp là triết lý duy nhất bền vững, - Hầu tước nói. - Sự tuân phục hắc ám của sợ hãi và nô lệ đó, công tử ạ, sẽ khiến đám súc sinh vâng lời ngon roi, chừng nào mái nhà này, - ngài ngược nhìn lên, - còn che kín trời.

Điều đó có lẽ sẽ không dài lâu như Hầu tước nghĩ. Nếu đêm nay ta có thể cho ngài thấy hình ảnh của lâu đài này chỉ vài năm sau, và hình ảnh của năm chục dinh cơ khác như vậy vài năm sau, thì ngài có lẽ đã không nhận ra đâu là tư dinh trong những đồng hoang tàn kinh rợn bị cướp phá, cháy đen ấy. Còn cái mái nhà mà ngài tán dương thì hẳn ngài sẽ thấy nó che kín trời theo một cách khác - tức là những đôi mắt sẽ vĩnh viễn tối đen khi thân xác đã hứng bao tràng đạn bắn ra từ hàng trăm ngàn họng súng.

– Còn trong lúc này, - Hầu tước nói tiếp, - ta là người bảo vệ danh giá và bình an cho dòng họ này, điều mà cậu không muốn làm. Nhưng chắc cậu thấm mệt rồi. Ta sẽ kết thúc câu chuyện đêm nay chứ?

– Một lát nữa.

– Thêm một giờ, nếu cậu muốn.

– Thừa ngài, - người cháu nói, - chúng ta đã gieo gió và giờ sắp gặt bão.

– *Chúng ta gieo gió ư?* - Hầu tước lặp lại với một nụ cười dò hỏi, ngón tay nhẹ nhàng chỉ vào người cháu rồi sau đó chỉ vào chính mình.

– Dòng họ ta, dòng họ danh giá của ta, cái danh giá ấy hết sức có ý nghĩa với cả ngài lẫn tôi, nhưng theo hai cách khác nhau xa. Ngay cả vào thời cha tôi, chúng ta quả thật đã làm nhiều điều sai trái, hãm hại bất kỳ ai cản trở lạc thú của chúng ta, bất kể lạc thú gì. Tại sao tôi phải nói về thời của cha tôi, trong khi đó cũng là thời của ngài? Tôi có thể tách rời người em song sinh, người đồng thừa kế, và người kế vị là ngài với chính cha tôi được chăng?

– Cái chết đã làm điều đó rồi! - Hầu tước nói.

– Và đã khiến tôi bị ràng buộc vào một thể chế mà tôi ghê sợ, mà tôi phải chịu trách nhiệm nhưng lại hoàn toàn bất lực, - người cháu đáp. - Tôi phải tìm cách thực hiện ước nguyện cuối cùng mà người mẹ yêu kính của tôi đã nói, tuân theo ánh mắt cuối cùng của người mẹ yêu kính nài xin tôi tha thứ và đền bù cho quá khứ; và tôi đã khổ sở vì tìm kiếm giúp đỡ trong vô vọng.

– Nếu cậu nhờ ta giúp đỡ, - Hầu tước vừa nói vừa đưa ngón tay trở chọc nhẹ vào ngực người cháu, lúc này hai người đang đứng bên lò sưởi, - thì cậu cứ yên chí là sẽ mãi mãi vô vọng.

Mọi đường thẳng thanh tú trên gương mặt trắng nhờ nhờ ấy đều nhăn nhúm lại một cách tàn bạo, gian manh trong lúc Hầu tước tay cầm hộp thuốc hít, đứng lặng lẽ nhìn người cháu. Một lần nữa, Hầu tước lại chỉ vào ngực người đối diện cứ như ngón trở là mũi đoản kiếm nhọn hoắt mà ngài sẽ khéo léo, tài tình đâm xuyên thấu thân xác kia. Ngài nói:

– Cháu thân yêu, ta sẽ bảo vệ cái thể chế mà ta đã sống cho tới chết.

Dứt lời, ngài hít một hơi thuốc khoái trá cuối cùng rồi cất hộp thuốc vào trong túi.

– Tốt nhất nên sống theo lý trí, - ngài nói thêm sau khi rung cái chuông nhỏ trên bàn gọi gia nhân, - và chấp nhận số phận tiền định của mình. Nhưng ta thấy cậu đánh mất nó rồi đó, công tử Charles.

– Quyền thừa kế này và Pháp quốc tôi đều đánh mất, - người cháu buồn rầu nói. - Tôi đã từ bỏ cả hai.

– Cả hai có thuộc về cậu đâu mà từ bỏ? Pháp quốc thì có thể, nhưng còn quyền thừa kế? Điều đó thậm chí không đáng nói tới; nhưng nó đã thuộc về cậu chưa?

– Tôi nói như vậy hoàn toàn không có ý định đòi hỏi cái quyền đó. Nếu tôi thừa kế của chú ngay ngày mai...

– Ta dám nói đó là hy vọng hão huyền.

– ...hay hai mươi năm sau...

– Cậu làm ta hân hạnh quá, - Hầu tước nói, - nhưng ta thích giả thuyết đó hơn.

– ...thì tôi cũng từ bỏ, và sống theo cách khác, ở nơi nào khác. Tiếc gì cái nơi chốn chỉ toàn đau khổ và suy tàn này.

– A! - Hầu tước vừa nói vừa nhìn quanh căn phòng xa hoa.

– Ở đây nhìn thì đẹp đẽ vậy chứ thực chất nếu nhìn dưới trời quang nắng sáng thì toàn bộ chỉ là một đồng phế tích vô dụng, hỗn độn, trần lột, nợ nần, cầm cố, áp bức, đói rách, trần trụi và đau khổ.

– A! - Hầu tước lại thốt một tiếng thỏa mãn.

– Nếu nơi này mà là của tôi, tôi sẽ giao phó cho người tài giỏi hơn để từ từ, nếu được, giải thoát nó khỏi cái ách đè nặng bấy lâu, để những người khốn khổ không thể bỏ đất này ra đi và suốt bao đời đã bị vắt kiệt sức chịu đựng sẽ có thể bớt khổ sở hơn về sau; nhưng nơi này không dành cho tôi. Cơ ngơi này đã bị nguyên rủa, và cả đất đai này nữa.

– Còn cậu? - Ông chú nói. - Xin phép tò mò một chút; với cái triết lý mới mẻ đó thì cậu định sống bằng cách nào đây?

– Để sống, tôi phải làm việc, như những đồng bào khác của tôi, thậm chí những người có xuất thân quý tộc một ngày nào đó rồi cũng phải làm việc.

– Bên Anh quốc, chẳng hạn?

– Đúng, thưa ngài. Ở đất nước ấy, tôi sẽ bảo toàn được danh dự gia đình. Bỏ xứ ra đi thì tôi sẽ không làm hoen ố danh dự dòng họ vì tôi sẽ không còn mang tước vị gì nữa.

Tiếng rung chuông đã báo gia nhân thắp đèn trong phòng ngủ kề bên. Qua cánh cửa ăn thông, căn phòng đó đã sáng rực. Hầu tước nhìn về hướng phòng ngủ và lắng nghe tiếng chân rút lui của người hầu.

– Anh quốc đúng là rất hấp dẫn đối với cậu, cho dù ở đó cậu không thành công gì mấy, - ngài nhận xét và gương mặt thần nhiên ấy tươi cười quay nhìn người cháu.

– Như tôi đã nói, để thành công ở nơi đó, tôi biết mình sẽ phải mang ơn ngài, thưa ngài. Còn ngoài ra đó là chốn dung thân của tôi.

– Cái bọn Ăng-lê khoác lác đó vẫn nói Anh quốc là chốn dung thân của nhiều người. Cậu có biết một đồng hương cũng tìm chốn dung thân ở bên đó không? Một bác sĩ?

– Biết.

– Cùng với cô con gái?

– Đúng

– À, - Hầu tước nói. - Cậu đã mệt rồi. Tạm biệt!

Trong lúc ngài cúi chào hết sức lịch thiệp, gương mặt tươi cười lại có vẻ gì giấu giếm khiến những lời thốt ra cũng đầy bí hiểm, cả hình ảnh lẫn âm thanh ấy như đập vào mắt, nện vào tai người cháu. Cùng lúc đó, những đường thẳng mảnh quanh mi mắt và đôi môi mỏng bệch kia, cùng những nếp nhăn ở đầu mũi, đều uốn cong với vẻ châm biếm khiến Hầu tước trông vừa đẹp vừa ác đến lạ.

– Đúng, - Hầu tước lặp lại. - Một bác sĩ cùng với cô con gái. Đúng. Thế là bắt đầu triết lý mới. Cậu đã mệt rồi. Tạm biệt!

Có dò hỏi bộ mặt đó thì cũng chẳng khác gì dò hỏi những mặt tượng đá bên ngoài lâu đài. Người cháu ngờ ngàng nhìn Hầu tước trong lúc đi ra cửa.

- Tạm biệt! - Ông chú nói. - Ta mong được gặp lại cậu sáng mai. Ngủ ngon! Thắp đuốc soi đường cho công tử về phòng đi!... Rồi thiêu cháy luôn công tử cháu ta trên giường cũng được, - ngài lẩm bẩm một mình trước khi rung chiếc chuông nhỏ lần nữa, gọi gia nhân vào chuẩn bị phòng riêng.

Người hầu đến rồi đi, ngài Hầu tước khoác áo ngủ thùng thình đi tới đi lui cho thư thái dễ ngủ trong đêm im lìm oi bức. Chỉ nghe tiếng vải sột soạt, bàn chân mang dép mềm bước trên sàn nhà không gây một tiếng động, ngài đi quanh phòng như một con hổ uy nghi - chẳng khác gì một Hầu tước độc ác bất trị nào đó trong truyền thuyết bị phép màu trừng phạt bắt hóa thành hổ và giờ là lúc hăn đang biến hình lại thành người hay sắp thành thú.

Ngài đi từ đầu này sang đầu kia trong phòng ngủ trống lếch, vừa điểm lại trong đầu những chuyện xảy ra trong hành trình hôm trước dù không muốn nhớ; đoạn đường vất vả chậm chạp lên đồi lúc hoàng hôn, mặt trời lặn, đường đi xuống, cối xay, nhà tù trên vách đá, làng nhỏ dưới thung lũng, đám thảo dân bên đài nước, và tên phu lục lộ mũ xanh chỉ trở sợi dây xích dưới gầm xe. Đài nước ấy gợi nhớ đến đài nước ở Paris, cái bọc vải nhỏ bé nằm trên bệ, những người đàn bà lom khom trên bọc vải, và gã cao lớn giơ tay lên trời gào thét “Chết!”.

- Giờ mát mẻ rồi, - ngài Hầu tước nói, - chắc đi ngủ thôi.

Thế là chỉ để lại một ngọn đuốc cháy sáng trên lò sưởi lớn, ngài buông những tấm màn sa mỏng xuống quanh giường, và nghe đêm phá tan im lặng bằng một tiếng thở dài lúc ngài chìm vào giấc ngủ.

Những mặt tượng đá trên các bức tường bên ngoài giường mắt mù nhìn đêm đen suốt ba giờ lê thê; trong ba giờ lê thê ấy, lũ ngựa trong chuồng khua máng cỏ, đàn chó sủa, con cú kêu một tiếng chẳng giống gì mấy với cái âm thanh mà đám thi sĩ người thường gán cho nó. Nhưng mấy loài ngoan cố như cú thì chẳng bao giờ chịu nói theo những lời mô tả áp đặt cho chúng.

Suốt ba giờ lê thê, những mặt tượng đá của lâu đài, mặt sư tử lẫn mặt người, gương mặt mù nhìn đêm. Bóng tối chết chóc bao trùm cảnh vật, bóng tối chết chóc đè nặng trên lớp bụi đường im lìm làm tăng thêm tình tịch bốn bề. Đêm đen xóa nhòa mọi nấm mồ cỏ héo ngoài bãi tha ma không còn phân biệt; tượng Chúa trên thánh giá có bước xuống cũng không ai hay biết. Trong thôn làng; kẻ thu thuế và người đóng thuế đều say ngủ. Có lẽ đám dân đen gầy còm đang mơ yến tiệc, như người đói thường mơ thấy đồ ăn, như tên nô lệ kiệt lực mơ được thành thoi, như con bò nặng ách mơ được nghỉ ngơi, và trong mộng tất cả đều no đủ và tự do.

Đài phun nước trong làng tuôn chảy không ai nghe ai thấy, đài phun nước ở lâu đài nhỏ giọt không ai thấy ai nghe - cả hai tan biến vào đêm như từng giây từng phút đang đếm nhịp thời gian suốt ba giờ tăm tối. Và rồi, dòng nước âm u của hai đài phun bắt đầu ửng lên ma quái trong bình minh và những đôi mắt tượng đá trên mặt lâu đài bừng mở.

Trời sáng dần, sáng dần, cho tới lúc vầng nhật cuối cùng đã lên tới những ngọn cây lạng lẽ, tỏa dương quang khắp vùng đồi. Trong ánh ngời ban mai, nước ở đài phun của lâu đài chuyển thành màu máu và những mặt tượng đá rực đỏ. Điệu nhạc chim ngân vang cao vút và trên bệ cửa sổ lớn đen thâm mưa gió của phòng ngủ ngài Hầu tước, một con chim nhỏ trút hết du dương vào tiếng hót. Tiếng hót như khiến mặt tượng đá kề bên tròn mắt, mở miệng, há mồm thảng thốt và kinh sợ.

Lúc này mặt trời đã lên cao và dưới làng bắt đầu hoạt động. Những khung cửa sổ rộng mở, những cửa cái nứt nẻ tháo then cài, dân làng bước ra đường rùng mình trong khí lạnh dịu dàng của ngày mới. Rồi những công việc thường nhật hiếm khi nhẹ nhàng của dân làng bắt đầu. Có người tới đài nước; có người ra đồng; chỗ này đàn ông, đàn bà đào bới; chỗ nọ đàn bà, đàn ông lo cho đám gia súc thảm hại và dắt những con bò trơ xương đi tìm mấy vạt cỏ sót lại ven đường. Trong nhà thờ dưới chân thánh giá, một, hai người quỳ gối hòa theo lời kinh

cầu mới xuống, con bò họ dắt theo đang cổ lót lòng buổi sáng bằng đám cỏ dại dưới chân.

Lâu đài thức dậy muộn hơn nhưng tỉnh giấc từ từ từng chút theo đúng bản tính quyền quý. Đầu tiên, những cây giáo đâm lộn rừng lẻ loi và mớ dao đi săn sẽ lóe lên ánh thép trong nắng sớm, đỏ rực như ngày xưa từng tắm máu; rồi tới cửa chính và cửa sổ mở toang; lũ ngựa trong chuồng ngoái đầu nhìn ra ánh sáng và đón luồng gió mới ulla vào ngưỡng cửa; những chiếc lá lấp lánh xào xạc trước các khung cửa sổ gần lưới sắt; đàn chó giật mạnh dây xích, lông lên nồn nóng được sống ra.

Tất cả những chuyện lật vật ấy đều là thông lệ mỗi sáng. Tất nhiên, chỉ trừ tiếng chuông lớn rung rền trong lâu đài, chỉ trừ tiếng chân chạy lên xuống cầu thang, chỉ trừ những bóng người gấp gáp trên hàng hiên, chỉ trừ tiếng giày nện bước hỗn độn khắp nơi, chỉ trừ tiếng găng yên cương hấp tấp và tiếng vó ngựa ào ào phóng đi.

Ngọn gió nào đã đưa sự cấp bách ấy tới gã phu lục lộ tóc bạc kia, kẻ đã bắt tay làm việc ở đỉnh đồi sau làng, trên đồng đá kè bên là một gói đựng thức ăn qua ngày ít ỏi tới mức chẳng con quạ nào buồn ghé mỏ vào. Phải chăng lũ chim đã mang sự cấp bách ấy đi như là tha mấy hạt thóc về nơi xa và đã tình cờ gieo rắc xuống đầu gã phu lục lộ? Dù có hay không, trong buổi sáng oi bức ấy gã ta đã chạy thực mạng xuống đồi, bụi ngập đến đầu gối, và chạy một mạch về tới đài phun nước.

Toàn bộ dân làng đã tụ tập, đứng vòng quanh đài phun nước trong bộ dạng chán chường và hạ giọng xì xào, nhưng không bộc lộ cảm xúc nào khác hơn là vẻ hiếu kỳ ác nghiệt và nổi ngạc nhiên. Mấy con bò ngu độn lúc này được dắt đi, giờ lại hấp tấp bị lôi về buộc bừa vào bất cứ thứ gì có thể giữ chân, đứng nhìn hoặc nằm xuống nhai lại những thứ chẳng đáng công nhai mà chúng gặm được trong chuyến đi tha thẩn đã gián đoạn. Mấy người của lâu đài và mấy người của dịch trạm, cùng mọi nhân viên tô thuế không ít thì nhiều đều mang vũ khí, đã xúm lại thành một đám bên kia con đường nhỏ, lằng xằng mà chẳng

biết phải làm gì. Gã phu lục lộ đã chen vào giữa đám bạn quen chừng năm mươi người và đang lấy chiếc mũ xanh đập vào ngực mình. Có chuyện gì chẳng lành sao, có chuyện gì mà ông Gabelle lại vội vàng lên yên ngựa, ngồi sau lưng tên gia nhân của lâu đài rồi cả hai phi nước đại phóng đi như đôi tình nhân trong khúc dân ca Leonora?

Chuyện chẳng lành là ở lâu đài đã có thêm một mặt tượng đá xuất hiện.

Thần Gorgon trong đêm đã lướt mắt qua dinh cơ này lần nữa, và đã bổ sung một mặt tượng đá còn thiếu; bộ mặt đá mà thần đã đợi chờ suốt hai trăm năm.

Bộ mặt đá ấy nằm trên gối của ngài Hầu tước. Nó giống như một chiếc mặt nạ đẹp, bỗng nhiên hoảng hốt, tức giận, rồi hóa đá. Đâm thấu tim của thân hình hóa đá gắn liền với mặt tượng ấy là một con dao. Quanh chuôi dao buộc một miếng giấy xếp nếp có ghi nguệch ngoạc:

“Cho mau xuống mồ. - JACQUES”

10. Hai lời hứa

Tháng đi năm đến, sau mười hai tháng Charles Darnay đã ổn định ở Anh trong vai trò một giáo viên tiếng Pháp cấp cao am tường văn chương Pháp. Ở thời nay hẳn phải gọi anh là giáo sư; còn thời đó anh được gọi là phụ giáo Đại học*. Anh dạy cho những thanh niên nào thích thú và quan tâm đến việc học một sinh ngữ phổ biến toàn thế giới, anh bồi dưỡng cho họ một sở thích đối với kho tàng tri thức và những điều hay đẹp của Pháp ngữ. Ngoài ra anh còn có thể viết bằng tiếng Anh lưu loát về các đề tài này và dịch các trước tác sang Anh ngữ rất hay. Những người thầy như thế không dễ kiếm vào thời đó; giới hoàng thân quốc thích đang trông chờ kế vị vẫn chưa phải lưu vong dạy học mưu sinh, cũng chưa có nhà quý tộc nào cặn sạch tài khoản trong Ngân hàng Tellson để phải làm đầu bếp hay thợ mộc. Là phụ giáo với mục tiêu là làm sao cho sinh viên thấy việc học đầy hứng thú hữu ích, là dịch giả tài hoa có thể mang nhiều ý nghĩa mới cho bản dịch vượt khỏi giới hạn từ điển, chàng Darnay nhanh chóng nổi tiếng và được khuyến khích. Thêm nữa, anh hiểu rõ tình hình thời sự nước Pháp và những chuyện đó ngày càng được nhiều người quan tâm. Cho nên nhờ bền gan trì chí, anh đã thành công.

Ở London, anh không trông mong bước trên hè phố dát vàng hay nằm trên nệm rải hoa hồng; nếu như anh có những kỳ vọng cao v vời như thế thì anh đã thất bại rồi. Anh chỉ mong muốn làm việc và đã tìm được việc, đã nỗ lực và không hề nản lòng. Thành công của anh từ đó mà ra.

Một phần thời gian của anh là dạy ở Cambridge cho các sinh viên, trường này chấp nhận anh như một kẻ buôn lậu thứ hàng trốn thuế là các thứ tiếng châu Âu chứ không phải loại thương gia buôn cổ ngữ Hy

Lập và La-tinh đường đường đi thẳng qua cửa nhà đoan. Thời gian còn lại anh ở London.

Và thế, từ những ngày luôn là mùa hè trong vườn Địa đàng cho đến khi chuyển thành mùa đông của trần gian sa ngã, thế giới của trang nam tử ấy chỉ đi theo một đường chuyên chú, đường của Charles Darnay - đường đến trái tim một người phụ nữ.

Anh đã yêu Lucie Manette từ giờ phút tính mạng anh lâm nguy. Chưa bao giờ anh nghe được âm thanh nào dịu dàng và đáng yêu như tiếng nói cảm thông của nàng; chưa bao giờ anh nhìn thấy dung nhan nào xinh đẹp nhân hậu như nàng khi Lucie nhìn anh đang đứng bên rìa huyết mộ đã đào sẵn chực chờ. Song anh vẫn chưa lần nào bày tỏ tình ý; vụ ám sát một năm trước ở lâu đài hoang vắng bên kia bờ biển sóng cồn và những dặm đường lê thê cát bụi - tòa lâu đài đá sừng sững giờ chỉ là giấc mộng mịt mờ - và anh vẫn chưa hề, dù chỉ một lời, thổ lộ lòng mình với Lucie.

Anh có lý do để im lặng; anh biết quá rõ. Rồi đến một ngày hè khi anh lại về đến London sau công việc giảng dạy đại học, Darnay rẽ vào góc phố bình yên ở Soho, quyết tìm cơ hội bộc bạch tâm tư với bác sĩ Manette. Hôm đó là một ngày cuối hè và anh biết Lucie sẽ ra ngoài cùng chị Pross.

Anh thấy bác sĩ đang đọc sách ở ghế bành bên cửa sổ. Nguồn sinh lực tưởng đâu cùng kiệt vì chống chọi với thời đau khổ xưa đã dần dà phục hồi. Ông bây giờ đúng là một người đầy sức sống, có mục đích kiên định, quyết tâm mạnh mẽ, và hoạt động hăng hái. Nguồn sinh lực ấy có lúc cũng đột ngột tiêu hao như đã thấy trong thời gian đầu hồi phục của ông; song những cơn suy sụp ấy cũng không xảy ra thường xuyên và ngày càng hiếm.

Ông đọc nhiều, ngủ ít, chịu thương chịu khó, và lúc nào cũng vui vẻ. Thấy Charles Darnay bước vào, ông bỏ cuốn sách sang một bên và chìa tay ra bắt.

– Charles Darnay! Gặp cậu thật là mừng. Chúng tôi đã tính toán là cậu hẳn phải về lại đây từ ba hay bốn ngày rồi. Hôm qua cả trạng sư Stryver lẫn cậu Sydney Carton đều đến đây và cả hai đều bảo lần này cậu đi lâu hơn bình thường.

– Cảm ơn họ đã quan tâm đến cháu, - anh đáp, hơi lạnh lùng khi nghe nhắc đến hai người kia dù vẫn ân cần với bác sĩ. - Tiểu thư Manette...

– Vẫn khỏe, - bác sĩ cắt lời, - và chúng tôi ai cũng vui khi anh quay về. Lucie đã ra ngoài lo mấy việc nhà, nhưng sẽ về ngay thôi.

– Bác sĩ Manette, cháu biết cô ấy không có nhà nên nhân cơ hội này cháu xin được thưa chuyện với bác.

Im lặng trống rỗng.

– Thế à? - Bác sĩ rõ ràng cố giữ bình tĩnh. - Mang ghế lại đây rồi ta nói chuyện.

Anh mang ghế tới nhưng thấy khó mở lời.

– Thưa bác sĩ, - một hồi sau anh mới nói, - cháu đã hân hạnh được đón tiếp thân tình ở đây cả năm rưỡi nay, cho nên cháu mong là chuyện cháu sắp nói ra đây sẽ không...

Bác sĩ đưa tay ra chặn lời anh và cứ để bàn tay trước mặt một lúc mới rút về rồi nói:

– Có phải chuyện Lucie không?

– Dạ đúng.

– Lúc nào ta cũng thấy khó khăn khi phải nói về Lucie. Và cũng rất khó cho ta khi nghe cậu nói về Lucie với giọng điệu như vậy, cậu Charles Darnay.

– Đó là giọng ngưỡng mộ thiết tha, tôn trọng chân thành, và yêu thương sâu sắc, thưa bác sĩ Manette! - Lời Darnay đầy cung kính.

Một lúc im lặng trống rỗng nữa rồi người cha mới đáp lại:

– Ta tin cậu. Cậu là người đáng tin, ta biết.

Vẻ kiêu hãnh của bác sĩ bộc lộ vì ông không muốn nói đến cô con gái và thái độ ấy rõ rệt tới mức khiến Charles Darnay ngẩn ngại.

– Cháu nói tiếp được chứ, thưa bác?

Một lúc trống rỗng nữa.

– Được, nói tiếp đi.

– Bác hẳn đã biết trước điều cháu sẽ nói, dù bác không thể biết cháu sẽ nói nghiêm túc ra sao, cháu cảm xúc chân thành ra sao, nếu không hiểu được nỗi lòng thầm kín của cháu, hiểu được bao hy vọng, sợ hãi và lo lắng nặng trĩu bấy lâu. Thưa bác sĩ Manette, cháu yêu con gái bác say đắm, thiết tha, hết lòng, vô vị lợi. Nếu trên đời này có tình yêu thì đó là tình cháu yêu nàng. Bác cũng đã từng yêu; hãy để tình xưa của bác nói thay cho cháu!

Bác sĩ ngồi nghe, mặt quay đi, ánh mắt hướng xuống đất. Nghe câu cuối cùng, ông lại hấp tấp giơ tay ra, kêu lên:

– Đừng nói điều đó, thưa cậu! Bỏ qua đi! Xin cậu đừng nhắc chuyện xưa!

Như một tiếng kêu đau đớn thực sự, lời ông đã dứt mà âm ba còn rền trong tai Charles Darnay. Bàn tay chìa ra run run như van nài Darnay ngừng nói. Chàng trai ngẫm hiểu và giữ im lặng.

– Xin lỗi cậu, - một lúc sau bác sĩ mới nói khe khẽ. - Ta không hề nghi ngờ tình yêu cậu dành cho Lucie; cậu có thể tin ta.

Vẫn ngồi trên ghế, ông quay về hướng Darnay nhưng không nhìn anh hay ngẩng đầu lên, tay vẫn chống cằm, mái tóc bạc phủ khuất gương mặt.

– Cậu đã nói chuyện với Lucie chưa?

– Chưa.

– Cũng không viết thư?

– Không hề.

– Ta sẽ là kẻ hẹp hòi nếu ta giả vờ không biết cậu đã cố tránh không nói ý với cô con gái là vì tôn trọng người cha. Ta cảm ơn cậu.

Ông chìa bàn tay ra nhưng ánh mắt không nhìn theo.

– Cháu biết, - Darnay kính cẩn nói, - làm sao cháu không biết được, bác sĩ Manette, cháu đã thấy hai cha con bên nhau hàng ngày, đã thấy bác và tiểu thư Manette thương yêu nhau xiết bao, cảm động xiết bao, gắn bó xiết bao, đã hiểu hoàn cảnh hai cha con đã trải qua, quả thật hiếm thấy tình cha con nào sánh bằng. Cháu biết, thưa bác sĩ... làm sao lại không biết được,... rằng ngoài tình yêu thương và bốn phận làm con của một phụ nữ trưởng thành, trong lòng Lucie còn dành cho bác tất cả yêu thương và trông cậy của một trẻ thơ. Cháu biết từ nhỏ Lucie đã sống thiếu cha mẹ, cho nên nàng giờ đây dành hết cho cha tất cả sắt son tha thiết của những năm tháng hiện tại, cùng với lòng tin cậy và quyến luyến mà từ nhỏ nàng đã thiếu vắng. Cháu biết rất rõ là dẫu bác có từ thế giới bên kia hồi sinh trở về cõi đời này thì trong mắt nàng, bác cũng không thể nào thiêng liêng hơn như bấy lâu nay. Cháu biết khi nàng ôm chặt cha mình thì vòng tay quanh cổ cha vừa là vòng tay của một trẻ thơ, vừa của một thiếu nữ, vừa của một phụ nữ trưởng thành. Cháu biết là bằng tình yêu thương dành cho cha, nàng nhìn thấy và yêu thương người mẹ thời trẻ, nhìn thấy và yêu thương người cha thời trẻ, thương người mẹ đau khổ, thương người cha gặp nạn kinh hoàng và đã may mắn sống còn. Cháu đã biết điều ấy, bao ngày bao đêm qua, kể từ khi cháu viếng thăm bác ở ngôi nhà này.

Người cha ngời im lặng, đầu cúi gằm. Hơi thở có chút gấp gáp hơn nhưng ông không để lộ dấu hiệu gì là bức tức.

– Thưa bác sĩ Manette, vì luôn biết điều ấy, vì luôn gặp hai cha con bên nhau trong hào quang tình phụ tử ấy, cháu đã cố kềm lòng, và kềm lòng đến tận cùng sức lực con người. Cháu đã cảm thấy, thậm chí lúc này cũng đang cảm thấy, rằng nếu để cho tình yêu của cháu... ngay cả tình yêu của cháu,... chen giữa hai cha con thì chẳng khác nào đã làm hoen ố tình phụ tử ấy bằng một tình cảm khác thấp kém hơn. Nhưng cháu yêu cô ấy. Có cao xanh chứng giám là cháu yêu cô ấy!

– Ta tin điều đó, - người cha rầu rĩ đáp, giọng nói buồn bã nghe như lời than trách. - Trước đây ta đã từng nghĩ thế. Ta tin điều đó.

– Nhưng bác ơi, - Darnay nói, - xin đừng nghĩ rằng nếu cháu may mắn được hưởng hạnh phúc có nàng làm vợ thì cháu phải chia lìa tình phụ tử của hai cha con; nếu vậy thì cháu đã không thể hoặc không dám hé một lời những gì cháu đang nói. Hơn nữa, cháu biết rõ không thể nào chia rẽ cha con, cháu biết rõ làm thế là hèn hạ. Nếu như cháu có ý định đó, cho dù năm tháng xa vời đến đâu, vẫn ấp ủ trong đầu, ngấm ngầm trong tim... nếu cháu mà có ý định đó... nếu cháu mà đã nghĩ như thế... thì lúc này làm sao cháu dám chạm vào bàn tay tôn kính này.

Anh đặt tay mình lên tay người cha trong lúc cảm xúc tuôn trào.

– Không, thưa bác sĩ Manette. Giống như bác, một người tự nguyện rời nước Pháp sống tha hương; giống như bác, buộc phải ra đi vì bao điều cùng quẩn, áp bức và bất hạnh; giống như bác, phải cố mưu sinh bằng chính sức lực của mình và tin vào tương lai tươi sáng hơn; cháu chỉ muốn đồng cam cộng khổ với bác, cùng san sẻ cuộc sống và gia đình với bác, cùng trung thành với bác tới chết. Không phải để tước đoạt của Lucie những đặc ân được làm con, làm bạn, làm bằng hữu với bác mà là để giúp sức cho hai cha con thêm gắn bó hơn nữa, nếu như có thể làm được.

Bàn tay anh vẫn nắm ná trên tay bác sĩ. Ông nắm tay Darnay một lúc bày tỏ tình cảm rồi tựa cả hai bàn tay mình trên thành ghế bành, lần đầu tiên từ lúc bắt đầu trò chuyện ông mới ngược nhìn lên. Trên gương mặt ông là một cuộc đấu tranh, ông đang chống chọi với nỗi hoài nghi và sợ hãi thỉnh thoảng vẫn trỗi dậy trong tâm tư.

– Cậu nói rất cảm động và rất có chí khí, Charles Darnay, ta cảm ơn cậu hết lòng, và cũng sẽ trải lòng với cậu... hoặc gần như thế. Cậu có lý do gì để tin là Lucie cũng yêu cậu không?

– Chẳng có gì. Cho tới nay vẫn không có.

– Có phải mục đích chính của cuộc trò chuyện này là cậu muốn thông qua ta để biết tình ý của Lucie không?

– Hoàn toàn không. Phải nhiều tuần sau nữa cháu mới dám mong điều đó; nhưng cháu hy vọng, dù đúng hay sai, là bác sẽ cho phép cháu được biết trong ngày mai.

– Cậu cần ta khuyên bảo gì chẳng?

– Dạ thưa không. Nhưng cháu nghĩ bác có toàn quyền khuyên bảo cháu điều gì đó, nếu như bác thấy được thì cháu xin nghe.

– Cậu cần ta hứa hẹn gì chẳng?

– Dạ đúng là có.

– Điều gì?

– Cháu biết rõ là nếu không có bác thì cháu chẳng có hy vọng gì. Cháu hiểu rõ là cho dù ngay lúc này đã có hình bóng cháu trong trái tim thơ ngây của tiểu thư Manette, xin bác đừng nghĩ là cháu tự phụ khi giả sử như vậy, thì cháu cũng không có ý nghĩa gì nếu như cha nàng không chấp thuận.

– Cứ cho là thế, nhưng nếu thực tế không phải vậy thì cậu nghĩ sao?

– Cháu cũng hiểu rõ là một lời nói của người cha tỏ ý thuận tình với ai đeo đuổi nàng sẽ có trọng lượng hơn cả ý muốn riêng tư của nàng và hơn cả mọi điều trên đời. Vì lý do đó, thưa bác sĩ, - Darnay nói khiêm tốn nhưng quả quyết, - cháu không muốn xin lời nói đó, dù cháu có chết đi nữa.

– Ta tin lời cậu. Charles Darnay, nhưng cả những tình cảm gần gũi nhất cũng như xa cách nhất đều đầy những bí mật; trong trường hợp gần gũi thì tình cảm lại luôn tế nhị, kín đáo và khó đoán biết, về chuyện này thì Lucie con gái ta đúng là một bí mật; ta không thể nào biết được trong tim con gái ta có hình bóng ai.

– Cho phép cháu hỏi, nếu bác nghĩ rằng cô ấy... - Thấy anh ngần ngừ, người cha ngẫm hiểu và nói tiếp lời.

– Có ai khác đeo đuổi chứ gì?

– Ý cháu định nói như thế ạ.

Người cha ngẫm nghĩ một lúc rồi mới trả lời:

– Chính cậu đã gặp cậu Carton lui tới nhà này rồi đó. Trạng sư Stryver thỉnh thoảng cũng ghé đến. Nếu có ai đeo đuổi con gái ta thì chỉ có thể một trong hai người đó.

– Hoặc cả hai, - Darnay nói.

– Ta chưa hề nghĩ tới cả hai; ta không nghĩ là cả hai đều có tình ý với con gái ta. Cậu muốn ta hứa điều gì thì cứ nói.

– Đó là, nếu tiểu thư Manette một lúc nào đó tự ý thổ lộ những tâm tình giống như những gì cháu đã mạo muội bộc lộ với bác, xin bác thuật lại điều cháu đã nói và bảo cô ấy rằng bác tin cháu. Cháu hy vọng là bác có thiện cảm với cháu để cô ấy khỏi phật lòng. Cháu chỉ dám xin mỗi một điều ấy thôi. Để được như vậy, cháu chấp nhận ngay mọi điều kiện mà bác hoàn toàn có quyền đặt ra.

– Ta hứa với cậu vô điều kiện, - bác sĩ nói. - Ta tin cậu những gì cậu nói là chân thành và thanh cao. Ta tin ý định của cậu là thắt chặt chứ không chia lìa tình phụ tử đã gắn bó ta với đứa con yêu quý nhất đời. Nếu Lucie mà thổ lộ rằng cậu là hạnh phúc không thể thiếu được, ta sẽ giao con gái ta cho cậu. Nếu như... Charles Darnay, nếu như có...

Chàng trai cảm kích nắm lấy bàn tay bác sĩ; họ siết chặt tay nhau trong lúc người cha nói tiếp:

– ...bất kỳ ý nghĩ nào, bất kỳ lý do nào, bất kỳ e ngại nào, bất kỳ điều gì, cũ hoặc mới, chống lại người mà con gái ta thật sự yêu thương... những gì mà người đó không trực tiếp chịu trách nhiệm,... thì ta cũng sẽ bỏ qua hết vì hạnh phúc của con gái ta. Lucie là tất cả đời ta, ý nghĩa hơn bao đau khổ, hơn bao bất công ta phải gánh chịu, ý nghĩa hơn cả...Ồ! Có nói cũng bằng thừa.

Cái cách bác sĩ rơi vào im lặng thật kỳ lạ, và ánh mắt đăm đăm của ông khi ngừng nói cũng thật lạ lùng, tới mức Darnay nhận ra tay mình lạnh dần trong bàn tay đang từ từ buông tay anh ra.

– Cậu vừa nói gì với tôi, - bác sĩ Manette lên tiếng, miệng nở nụ cười. - Cậu đã nói với tôi điều gì vậy?

Anh không biết trả lời sao, cho đến lúc sức nhớ mình đã nói đến một điều kiện. An tâm trở lại, anh đáp:

– Bác đã tin tưởng cháu như thế thì cháu phải đem hết lòng tin của cháu để đáp lại. Danh tính hiện thời của cháu, dù có thay đổi chút ít từ tên của mẹ cháu, như bác đã biết, lại không phải là tên thật. Cháu muốn cho bác biết danh tính đích thực của cháu và lý do cháu lại ở Anh quốc.

– Đừng! - Vị bác sĩ ở Beauvais kêu lên.

– Cháu muốn như thế, để xứng đáng hơn với niềm tin của bác, cháu không muốn giấu bác điều gì cả.

– Đừng!

Trong một thoáng, bác sĩ còn đưa cả hai bàn tay lên bịt tai; một thoáng sau, cũng hai bàn tay ấy lại đặt trên môi Darnay.

– Khi nào ta hỏi hãy nói, đừng nói lúc này. Nếu việc đeo đuổi của cậu thành công, nếu Lucie yêu cậu, thì cậu sẽ cho ta biết vào buổi sáng ngày cử hành hôn lễ. Cậu có hứa với ta không?

– Sẵn lòng.

– Đưa tay cho ta bắt. Lucie sắp về rồi, và tốt nhất là đừng để Lucie thấy chúng ta gặp gỡ tối nay. Đi đi! Chúa phù hộ cậu!

Trời đã sẩm tối khi Darnay ra về, và càng tăm tối hơn một giờ sau đó khi Lucie về tới nhà; cô hồi hải một mình đi vào phòng khách - vì chị Pross đã đi thẳng lên lầu - và ngạc nhiên thấy chiếc ghế bành vắng bóng cha.

– Cha ời! - Cô gọi bác sĩ. - Cha à?

Không có tiếng trả lời, nhưng cô nghe tiếng gõ búa khe khẽ văng ra từ phòng ngủ của cha. Nhẹ nhàng đi vòng qua phòng kế cận, cô đứng ở ngưỡng cửa nhìn vào rồi hoảng hốt vừa chạy ngược lại vừa than thầm, lòng tê tái. “Làm sao đây? Làm sao đây?”

Chỉ do dự một chút rồi cô hấp tấp quay lại gõ cửa, và dịu dàng gọi cha. Tiếng gõ bên trong dừng lại ngay khi tiếng cô cất lên, rồi bác sĩ đi

ra đón Lucie, và hai cha con cùng nhau đi đi lại một hồi lâu.

Đêm ấy, cô rời giường ghé xuống phòng cha nhìn ông ngủ. Giấc ngủ nặng nề, và chiếc khay đựng dụng cụ làm giày cùng chiếc giày đóng dang dở ngày xưa được bày ra y hệt như thuở nào.

11. Viễn cảnh hôn nhân

– Sydney, pha thêm một bát rượu *punch* nữa đi, - Stryver nói với Chó rừng cũng vào đêm hôm đó, hay đúng hơn là đã qua sáng hôm sau. - Tôi có chuyện muốn nói với anh.

Sydney đêm nay đã làm việc gấp đôi, và đêm qua lẫn đêm trước nữa, liên tiếp nhiều đêm liền để thu xếp cho kỳ hết giấy tờ của Stryver trước khi bắt đầu kỳ nghỉ dài. Cuối cùng mọi thứ cũng xong xuôi; những việc tồn đọng của Stryver đã được giải quyết đâu vào đấy; không còn vướng bận gì nữa cho tới lúc tháng Mười một về cùng trời đất mịt mù, pháp luật mịt mù, tất cả đều xuôi chèo mát mái.

Sydney chẳng hào hứng mà cũng chẳng tỉnh táo hơn sau bao công việc quần quật. Phải tốn thêm nhiều lượt khăn ướt dội lên đầu mới giúp anh tỉnh táo làm thân đêm; và cũng phải tốn thêm cũng chừng đó tuần rượu trước khi chườm khăn; bây giờ trông anh thật thảm hại khi kéo xấp khăn xếp trên đầu quăng vào cái chậu mà suốt sáu giờ qua cứ lâu lâu anh lại nhúng nước.

– Anh có pha thêm bát rượu *punch* nữa đấy không? - chàng Stryver phục phịch nằm ngửa trên sofa, hai tay móc vào cặp quần, đảo mắt nhìn quanh.

– Đang pha.

– Này, nhìn đây! Tôi sẽ cho anh biết một chuyện rất đáng ngạc nhiên, và có lẽ sẽ cho anh thấy tôi không hẳn là kẻ khôn ngoan như anh thường nghĩ. Tôi định lấy vợ.

– *Anh* ư?

– Đúng. Và không phải vì tiền. Giờ thì anh nói sao đây?

– Tôi có biết gì đâu mà nói. Cô ấy là ai thế?

– Đoán đi.

– Tôi có quen biết sao?

– Đoán đi.

– Tôi không đoán đâu, đã năm giờ sáng rồi và đầu óc tôi sôi sùng sục đây này. Nếu muốn tôi đoán, anh phải mời tôi đi ăn tối.

– Vậy được, để tôi nói, - Stryver vừa nói vừa từ từ chuyển sang tư thế ngồi. - Sydney, có nói cho anh hiểu cũng phí công tôi, vì anh đúng là đồ vô cảm.

– Còn anh, - Sydney đáp lại trong lúc vẫn bận rộn pha chế rượu *punch*, - đúng là một tâm hồn đa cảm và thơ mộng...

– Thôi đi! - Stryver bật cười hợm hĩnh, - dù tôi không thích nhận mình là người lãng mạn; vì tôi mong mình khá hơn thế, nhưng tôi vẫn là loại người có tình cảm hơn *anh* đó.

– Anh là kẻ may mắn hơn, ý anh là vậy chứ gì.

– Tôi không có ý đó. Ý tôi nói tôi là người... là người...

– Thì cứ nói thẳng luôn là ga-lăng hơn đi, - Carton gợi ý.

– À! Nói là ga-lăng cũng được, - Stryver vênh váo với người bạn đang pha rượu. - Ý tôi là đối với nữ giới, tôi là người coi trọng việc làm cho mình dễ thương, người cố công làm cho mình dễ thương, người biết cách tỏ ra dễ thương hơn là anh.

– Tiếp đi, - Sydney Carton nói.

– Khoan đã, - Stryver lắc đầu hùng hống, - trước khi nói tiếp tôi phải nói hết chuyện này với anh đã. Anh đã lui tới nhà bác sĩ Manette cũng thường xuyên như tôi, thậm chí còn nhiều hơn.Ồ, tôi thật xấu hổ khi anh cứ mang bộ mặt chán chường tới đó! Thái độ của anh cứ im lặng, lầm lì, ủ ê tới mức, xin thề với anh, tôi phải xấu hổ vì anh đấy, Sydney!

– Dân hành nghề luật mà biết xấu hổ là rất tốt, - Sydney nói, - anh phải cảm ơn tôi mới đúng.

– Đừng có đánh trống lảng kiểu đó, - Stryver sẵn sàng đáp lại, nói như gây sự. - Không đâu, Sydney, bốn phần của tôi phải cho anh biết; và

tôi sẽ nói thẳng vào mặt anh cho anh tỉnh ngộ; rằng anh là một kẻ cau có khó ưa đối với nữ giới. Anh là kẻ đáng ghét.

Sydney uống một ly đầy tràn món rượu *punch* vừa pha xong rồi cười to.

– Nhìn tôi đi! - Stryver vừa nói vừa khuynh vai ưỡn ngực. - Đã giàu đã sang thế này thì tôi đâu cần làm gì nhiều cũng dễ thương hơn anh rồi. Tại sao tôi vẫn cố tỏ ra dễ thương?

– Tôi chưa thấy anh làm thế bao giờ, - Carton lầm bầm.

– Tôi làm bởi vì đó là sách lược; là phương châm của tôi. Và nhìn tôi đi! Tôi thành công hết.

– Anh đã nói hết chuyện trù tính hôn nhân của anh đâu, - Carton nói với giọng thờ ơ. - Tôi mong anh cứ nói tiếp chuyện đó đi. Còn về phần tôi... anh không bao giờ hiểu tôi là kẻ bất trị sao?

Câu hỏi lộ vẻ khinh thường.

– Anh không việc gì phải tỏ ra là bất trị, - giọng Stryver gay gắt.

– Tôi không việc gì phải tỏ vẻ cả, cái đó tôi biết, - Sydney Carton đáp. - Nhưng cô nương đó là ai chứ?

– Này, đừng có khó chịu khi tôi nói tên người đó ra nhé, Sydney, - Stryver làm bộ làm tịch tỏ vẻ thân thiện trước khi tiết lộ, - bởi vì tôi biết anh nghĩ một đằng nói một nẻo; mà anh có nói đúng như anh nghĩ thì cũng chẳng quan trọng. Tôi phải mào đầu đôi chút như thế bởi vì chính anh đã từng đề cập về tiểu thư đó với tôi một cách coi thường.

– Tôi sao?

– Đích thị; và ngay trong văn phòng này.

Sydney Carton nhìn ly rượu rồi nhìn người bạn tự mãn kia; nốc cạn ly rồi lại nhìn bạn.

– Anh đã từng gọi tiểu thư ấy là con búp bê tóc vàng. Tiểu thư ấy là cô Manette. Sydney, nếu anh là người có tí tình cảm hay cảm xúc tế nhị nào với phụ nữ thì chắc tôi đã thấy khó chịu khi anh tỏ ra khinh miệt cô ấy như vậy rồi; nhưng anh đâu phải loại người đó. Anh hoàn

toàn không có cảm xúc gì cả; cho nên nghe anh nói thế mà tôi giận anh thì có khác gì tôi bức tức khi nghe một kẻ không có con mắt thẩm mỹ chê tranh tôi vẽ; hay không có lỗi tai thính âm chê nhạc phẩm của tôi.

Sydney Carton uống rượu thật nhanh; cạn một ly đầy, mắt vẫn nhìn bạn.

– Giờ tôi cho anh biết hết rồi đó, Sydney, - Stryver vẫn nói. - Tôi đâu cần tài sản; cô ấy là người đáng yêu, và tôi đã quyết định tìm hạnh phúc cho mình; nói chung, tôi nghĩ là mình có đủ điều kiện để hạnh phúc. Cô ấy sẽ có người chồng giàu có là tôi; người đang thăng tiến nhanh, người cũng có chút danh giá; với cô ấy, có được tấm chồng như tôi là may mắn, nhưng cô ấy cũng xứng đáng được may mắn chứ. Anh ngạc nhiên à?

– Tại sao tôi phải ngạc nhiên? - Vẫn tiếp tục uống rượu, Carton đáp.

– Anh tán thành chứ?

Vẫn cứ uống rượu, Carton đáp:

– Tại sao tôi lại không tán thành?

– Hay lắm! - Stryver nói với bạn. - Anh đón nhận tin này dễ dàng hơn tôi tưởng, và cũng ít nghĩ đến lợi ích của tôi hơn tôi tưởng; mặc dù tới lúc này thì chắc chắn anh thừa biết thắng bạn xưa của anh là người đã quyết là làm. Đúng đó, Sydney, tôi đã chán kiểu sống này, đơn điệu quá; tôi thấy cũng là điều hay khi người đàn ông có một gia đình để nếu muốn thì hân về nhà; lúc nào không muốn thì đừng về; tôi thấy tiểu thư Manette sẽ làm đẹp lòng bất kỳ người chồng nào, và sẽ khiến tôi luôn nở mày nở mặt. Cho nên tôi quyết định rồi. Còn bây giờ, Sydney, ông bạn nổi khố, tôi muốn nói đôi lời với *anh* về tiền đồ *của anh*. Anh đã sai lầm rồi đó, anh đã sai lầm thật sự. Anh không biết giá trị của đồng tiền, anh sống kham khổ, rồi có ngày anh lâm vào cảnh bệnh tật, bần cùng. Anh phải nghĩ tới chuyện kiếm người chăm sóc đi.

Cái kiểu trịch thượng khoa trương trong cách nói của Stryver khiến gã thêm hợm hĩnh gấp đôi và chướng tai gai mắt gấp bốn lần.

– Này, nghe tôi khuyên đây, - Stryver vẫn thao thao, - hãy nhìn thẳng vào sự thật đi. Tôi cũng đã nhìn thẳng vào sự thật, theo cách của tôi; còn anh, hãy nhìn thẳng vào sự thật đi, theo cách của anh. Lấy vợ đi. Hãy tìm người chăm sóc anh. Đừng bận tâm đến chuyện anh không thích nữ giới, hay không hiểu họ, hay không được lòng họ. Cứ tìm một người. Cứ tìm một bà đàn ông nào đó có chút tài sản... một bà chủ nhà hay bà chủ lữ quán... rồi cưới đi, phòng lúc trái gió trở trời. Đó là tiền đồ của *anh* đó. Hãy suy nghĩ đi, Sydney.

– Để tôi suy nghĩ, - Sydney đáp.

12. Anh chàng tao nhã

Khi đã dốc tâm ban tặng vận may cho ái nữ của ông bác sĩ rồi thì Stryver quyết định báo tin mừng này cho nàng trước khi anh chàng rời thành phố đi nghỉ dài ngày. Sau một lúc đấu tranh tư tưởng về vấn đề này, anh ta đi tới kết luận là tốt nhất nên giải quyết ngay những chuyện tán tỉnh sơ bộ để rồi tùy nghi thu xếp chuyện hôn lễ khi tòa án nghỉ theo định kỳ - hoặc là vào một, hai tuần trước cuối tháng Mười hoặc là vào kỳ nghỉ Giáng Sinh.

Stryver xem việc hôn nhân như một vụ tố tụng mà anh ta chắc thắng và đã đoán trước được phán quyết của tòa. Nếu như phải thuyết phục bồi thẩm đoàn trên cơ sở lợi thế vật chất - cơ sở duy nhất đáng xem xét - thì vụ này rõ ràng không có một điểm yếu nào. Anh chàng tưởng tượng mình là đại diện của nguyên đơn, có chứng cứ vững chắc không thể đánh đổ, rồi trạng sư của bị đơn quẳng hồ sơ hết đường phản bác, rồi bồi thẩm đoàn thậm chí không cần hội ý. Sau khi xét xử, Stryver, bây giờ tưởng tượng mình là Chánh án, hài lòng là không có vụ xét xử nào rõ ràng hơn được.

Thế là Stryver bèn mở đầu kỳ nghỉ dài bằng cách chính thức mời tiểu thư Manette đi vườn Vauxhall chơi, lời mời bị từ chối; mời tới vườn Ranelagh, cũng bị từ chối một cách khó hiểu, cho nên chàng ta phải đích thân quá bộ tới Soho và tuyên bố ý định cao cả của mình tại đó.

Đó là lý do Stryver từ khu Temple sẵn số đi tới Soho khi kỳ nghỉ vừa mới chớm bắt đầu. Ai mà nhìn thấy chàng ta lao mình về hướng Soho khi chàng còn ở phía Saint Dunstan bên này cổng thành Temple Bar, hộc tốc phóng trên vỉa hè, gạt phăng mọi khách bộ hành yếu sức trên đường đi, thì sẽ thấy Stryver mạnh mẽ và vững tin nhường nào.

Trên đường đi ngang Ngân hàng Tellson, do Stryver vừa có gửi tiền ở đó, vừa có quen ông Lorry là người thân thiết với cha con Manette, anh ta nảy ra ý định đi vào nhà băng để tiết lộ cho vị này biết viễn cảnh tươi sáng ở chân trời Soho. Thế là anh ta xô cánh cửa cọt kẹt ra, nhào xuống hai bậc cấp, băng qua hai ông thu ngân già khú đế, rồi sấn sổ đi vào căn buồng ẩm mốc phía sau nơi ông Lorry ngồi với mấy cuốn sổ to tướng có kẻ cột ghi sổ, bên ô cửa sổ bắt song sắt thẳng đứng cứ như khung cửa cũng là tờ giấy kẻ cột kế toán và mọi thứ dưới những tầng mây này đều là các khoản tiền.

– Xin chào! - Stryver nói. - Ông khỏe không? Mong là ông mạnh giỏi!

Stryver có đặc điểm nổi bật là lúc nào anh ta cũng có vẻ quá lớn lao ở bất kỳ không gian, nơi chốn nào. Anh ta quá lớn lao đối với Tellson tới mức những nhân viên già ở các góc xa phải ngẩng lên nhìn với ánh mắt phản đối như thể họ bị anh chèn ép vào tường. Còn chính Ông Chủ đang uy nghi đọc báo ở tít trong cùng cũng phải khó chịu hạ tờ báo xuống cứ như đã bị Stryver húc đầu vào bụng.

– Chào ông Stryver. Ông mạnh khỏe chứ? - Ông Lorry ý tứ đáp lại bằng giọng điệu mẫu mực mà ông thường sử dụng trong những hoàn cảnh như thế này. Cái cách ông bắt tay cũng đặc biệt, chỉ thấy khi nhân viên Tellson bắt tay khách hàng trước mặt Ông Chủ - kiểu bắt tay chối bỏ bản thân, chỉ đại diện cho Tellson và Hội đoàn mà thôi.

– Tôi giúp gì được cho ông đây, ông Stryver? - Ông Lorry hỏi theo kiểu nghề nghiệp.

– Ồ, không, cảm ơn; đây là thăm hỏi cá nhân thôi, ông Lorry; tôi có chuyện riêng muốn nói cùng ông.

– Ôi vậy à! - Ông Lorry nghiêng tai về phía khách trong lúc ánh mắt lạc hướng về phía Ông Chủ đằng xa.

– Tôi đây, - Stryver vừa nói vừa tự tin chống hai tay lên cái bàn giấy vốn to gấp đôi loại bình thường nhưng vẫn hóa ra nhỏ bé trước

Stryver lớn lao, - tôi đây sắp cầu hôn với người bạn nhỏ dễ thương của ông, tiểu thư Manette đó, ông Lorry.

- Ôi chết tôi! - Ông Lorry kêu lên, tay xoa cằm, mắt ngờ vực nhìn vị khách.

- Sao lại chết tôi? - Stryver lùi lại. - Hay là chết ông? Ý ông là sao, ông Lorry?

- Ý tôi là, - con người của công việc kia đáp, - tất nhiên là thân thiện và tán thưởng, ý tôi là điều đó vô cùng xứng đáng với ông, và... tóm lại, ý tôi là mong ông đạt được mọi điều mong muốn. Nhưng... thật tình mà nói, ông Stryver... - ông Lorry ngừng lời rồi lắc đầu nhìn khách một cách hết sức kỳ cục, như thể ông bắt buộc phải nói trái với ý mình, - ông biết rõ là ông hết sức quá lớn lao mà!

- Hừ! - Stryver hùng hổ đập tay xuống bàn, mắt mở to và hít thở một hơi thật mạnh. - Ông Lorry, tôi mà hiểu được ông muốn nói gì thì treo cổ tôi đi!

Ông Lorry chỉnh lại hai bên tai bộ tóc giả rồi cắn vào đầu lông của cây bút lông ngỗng.

- Mẹ kiếp! - Stryver nhìn chăm chăm - Thế tôi không xứng à?

- Ôi chết, có chứ! Có chứ! Ồ, ông thích hợp lắm! - Ông Lorry nói. - Ông mà không thích hợp thì còn ai thích hợp.

- Thế tôi không thành đạt à? - Stryver lại hỏi.

- Ồ! Ông mà không thành đạt thì còn ai thành đạt, - ông Lorry đáp.

- Và còn thăng tiến nữa?

- Thăng tiến thì ông khỏi nói, - ông Lorry mừng vì được dịp thừa nhận thêm lần nữa, - không ai có thể nghi ngờ điều đó.

- Vậy ý ông là cái quái gì chứ, ông Lorry? - Stryver hỏi, lúng túng thấy rõ.

- Chà! Tôi... Bây giờ ông định tới đó phải không? - Ông Lorry hỏi.

- Tới ngay! - Stryver nắm tay dấm xuống bàn.

- Vậy thì nếu tôi là ông, tôi nghĩ là mình sẽ không đi.

- Tại sao? - Stryver nói. - Bây giờ ông phải nói thật cho tôi biết. - Ngón tay trở vung vẩy trước mặt người đối diện như đang cãi trước tòa. - Ông là con người của công việc thì nhất định ông phải có lý do. Ông nói đi. Cớ sao ông không muốn đi?

- Bởi vì, - ông Lorry đáp, - tôi không muốn làm chuyện đó nếu như không có bằng cớ gì để tin là mình sẽ thành công.

- Mẹ kiếp! - Stryver to tiếng. - Không tài nào hiểu nổi!

Ông Lorry liếc nhìn Ông Chủ đăng xa rồi liếc nhìn Stryver đang tức tối.

- Đây là con người của công việc... người cao niên... người đầy kinh nghiệm... *trong* ngân hàng, - Stryver nói, - và sau khi đúc kết ba lý do chính giúp tôi thành công, ông ta lại bảo chẳng có bằng cớ gì để tin chuyện đó! Và lại nói tỉnh bơ! - Stryver nhấn mạnh câu cuối như thể điều này sẽ ít ngạc nhiên vô cùng nếu ông Lorry đã nói ra khi đang mất trí.

- Khi tôi nói đến thành công, ý tôi là thành công với tiểu thư đó; và khi tôi nói đến những lý do để có thể thành công, ý tôi là những lý do có sức thuyết phục với tiểu thư đó. Hãy nghĩ đến tiểu thư đó, kính thưa ông, - ông Lorry vừa nói vừa đập nhẹ vào cánh tay Stryver, - hãy nghĩ đi. Ý muốn của tiểu thư đó mới quan trọng nhất.

- Ông Lorry, vậy ông định bảo tôi là, - Stryver khuyển hai cùi chỏ ra, - ông có ý cho rằng vị tiểu thư mà ta đang nhắc tới là kẻ đồng đảng ngu dân à?

- Không hẳn thế, ông Stryver, - ông Lorry đỏ mặt lên. - Tôi muốn nói với ông rằng tôi không muốn nghe bất kỳ ai thốt ra những lời bất nhã về tiểu thư đó; nếu tôi biết bất kỳ ai; tôi mong là không có; mà tác phong thô lỗ, tính nết hống hách, tới mức kẻ đó không kiềm được những lời bất nhã về tiểu thư đó ngay tại bàn giấy của tôi, thì ngay cả Ngân hàng Tellson này cũng không cản được tôi mắng cho hẵn một trận.

Việc tức giận nhưng bắt buộc phải nói bằng giọng kiềm nén đã khiến các mạch máu của Stryver căng phồng một cách nguy hiểm khi anh ta nổi nóng; những mạch máu của ông Lorry, bình thường cũng không lộ rõ, giờ cũng nổi gồ lên khi tới lượt ông.

– Ý tôi là thế đó, thưa ông, - ông Lorry nói. - Xin đừng có hiểu sai ý tôi.

Stryver đưa đầu cây thước kẻ lên miệng mút một hồi rồi gõ đầu thước vào hàm răng theo một nhịp điệu có lẽ khiến anh ta ê nhức. Stryver phá vỡ sự im lặng:

– Tôi thấy chuyện này lạ lùng đó, ông Lorry. Ông cố tình khuyên tôi đừng tới Soho cầu hôn; tôi đây, Stryver của Luật sư đoàn Tối cao Pháp viện.

– Ông có muốn nghe lời khuyên của tôi không, ông Stryver?

– Có, tôi muốn nghe.

– Tốt lắm. Vậy thì ông vừa nghe tôi nói rồi đó, và ông vừa nhắc lại chính xác đó.

– Thế thì tôi chỉ biết nói là... ha ha, - Stryver cười bực bội, - chuyện này thật là... ha ha... không tài nào hiểu nổi, cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

– Giờ nghe tôi đây, - ông Lorry tiếp tục. - Là con người của công việc, tôi không có quyền nói gì về chuyện riêng tư này; vì là con người của công việc, tôi chẳng biết chuyện này thế nào mà nói. Nhưng tôi nói với tư cách một ông già đã từng bông bế tiểu thư Manette hồi bé, là người bạn tin cẩn của cả hai cha con tiểu thư Manette, và là người hết lòng yêu quý cả hai. Chính ông tới đây hỏi ý tôi mà, nhớ lại đi. Giờ ông lại cho rằng tôi nói không đúng à?

– Đâu có! - Stryver nói như rít. - Tôi không thể hiểu nổi lý lẽ thông thường của người khác; tôi chỉ hiểu lý lẽ của tôi. Tôi tin là mình có lý trong một số vấn đề, còn ông lại tin chuyện tào lao tầm phào không đâu. Thật lạ lùng, nhưng ông nói đúng đấy, tôi chắc thế.

– Tôi tin vào những điều mà bản thân tôi cho là đúng, ông Stryver... xin hãy hiểu cho, - ông Lorry lại đỏ bừng mặt lên, tôi không cho phép... ngay cả ở Tellson này... bất kỳ một người nào nói thay cho tôi.

– Kìa! Tôi xin lỗi ông! - Stryver thốt lên.

– Tôi bỏ qua. Cảm ơn. Này, ông Stryver, điều tôi định nói là... có lẽ sẽ khổ tâm cho ông nếu ông thấy mình sai lầm, có thể sẽ khổ tâm cho bác sĩ Manette phải mất công nói thẳng với ông, có lẽ sẽ khổ tâm lắm cho tiểu thư Manette phải mất công nói thẳng với ông. Tôi được hân hạnh và may mắn thân thiết với gia đình ấy, ông biết đó. Nếu ông cho phép, tôi sẽ thử quan sát và suy xét thêm cho rõ ràng để có lời khuyên đúng đắn hơn mà không gây phượng hại gì về ý định cầu hôn của ông, hay phải nói thay cho ông. Sau đó nếu ông không hài lòng với lời khuyên của tôi thì đích thân ông sẽ tự tìm hiểu lấy; mặt khác, nếu ông thấy thỏa mãn khi điều tôi nói cũng đúng như những gì tôi vừa nói đây, thì bên nào cũng tránh được những chuyện khó chịu. Ông thấy sao?

– Tôi phải nán lại thành phố này chờ ông bao lâu?

–Ồ! Chỉ trong vài giờ thôi. Chiều nay tôi có thể đi tới Soho rồi sau đó tới văn phòng của ông.

– Vậy thì tôi đồng ý, - Stryver nói. - Bây giờ tôi sẽ không tới đó nữa, tôi cũng không nôn nóng phải tới đó ngay; tôi đồng ý, và tôi sẽ chờ ông ghé lại tối nay. Xin chào ông.

Thế là Stryver quay lưng vọt ra khỏi ngân hàng, khuấy động một luồng gió sau lưng mạnh tới mức hai lão nhân viên đang lom khom cúi chào sau hai quầy giao dịch phải vận hết sức bình sinh mới đứng vững được. Lúc nào người ta cũng thấy những vị khả kính yếu ớt ấy gập người xuống, và ai cũng tin rằng một khi họ cúi chào tiễn thân chủ nào ra thì họ vẫn cứ khom lưng như vậy mãi trong ngân hàng vắng cho đến khi phải chào đón một thân chủ khác vào.

Tay luật sư này thừa tình khôn để hiểu rằng ông già trong nhà băng sẽ không đời nào bộc lộ tới mức đó nếu như không có cơ sở vững chắc

để tin vào điều mình nói. Những lời không mong đợi ấy đúng là viên thuốc đắng quá lớn mà anh ta phải nuốt, và đã ráng nuốt. Khi đã nuốt xong, Stryver vung vẩy ngón tay trở như đang cãi trước tòa với cả khu Temple Bar này và dọa thềm trong bụng: “Còn bây giờ, cách thoát khỏi chuyện này là chứng minh các người đều sai hết.”

Đó là chút mảnh lời của chiến thuật ở tòa Old Bailey thường cứu nguy cho anh ta khi tranh tụng. Stryver an lòng tự nhủ: “Cô sẽ không chứng minh là tôi sai được đâu, tiểu thư à, chính tôi sẽ chứng minh là cô sai.”

Vì thế, khi ông Lorry tới mười giờ tối mới ghé đến văn phòng, Stryver đang ngồi giữa đống sách vở giấy tờ bừa bộn bày sẵn, dường như trong đầu không còn bận tâm gì nữa đến chuyện hồi sáng. Thậm chí anh ta còn tỏ ra ngạc nhiên khi thấy ông Lorry, và tiếp khách với vẻ lơ đãng của người đang bận rộn.

– Chà! - Vị sứ giả hôn nhân hiền hậu kia, sau nửa giờ uống công lái câu chuyện sang vấn đề này, đành phải nhắc nhở. - Tôi đã tới Soho.

– Tới Soho? - Stryver thản nhiên hỏi lại. - Ồ, hẳn rồi! Đầu óc tôi để đâu rồi?

– Và tôi chắc chắn rằng, - ông Lorry nói, - tôi đã đúng khi ta nói chuyện sáng nay. Ý kiến của tôi đã được khẳng định, và tôi lặp lại lời khuyên đó.

– Cam đoan với ông, - Stryver đáp, giọng thân thiện, - tôi lấy làm tiếc cho ông và tiếc cho cả người cha tội nghiệp kia. Tôi hiểu chuyện này phải khiến gia đình ấy khó xử lắm; chúng ta đừng nói tới chuyện này nữa.

– Tôi chưa hiểu ý ông, - ông Lorry nói.

– Chắc là không rồi, - Stryver gật gù với vẻ thoải mái và dứt khoát - không quan trọng, không quan trọng.

– Nhưng việc này đúng là quan trọng, - ông Lorry nhấn mạnh.

– Không hề; tôi cam đoan với ông là không hề. Sau khi làm tường có lý trí ở chỗ không hề có lý trí, và làm tường có khát vọng cao cả ở

chỗ không có khát vọng cao cả, tôi đã nhận ra mình sai lầm, và không bị thiệt hại gì. Các cô nương trước giờ cũng thường phạm phải những điều dại dột tương tự, và cũng thường hối tiếc khi lâm vào cảnh nghèo khó, tăm tối. Vì người mà nói, tôi tiếc là chuyện này không thành, bởi vì nếu mà thành thì đúng là rủi ro cho tôi, xét theo quan điểm lợi lộc vật chất; còn vì mình mà nói, tôi mừng là chuyện này không thành, bởi vì nếu mà thành thì cũng đúng là rủi ro cho tôi, xét theo quan điểm lợi lộc vật chất... không cần nói cũng biết là tôi chẳng được gì. Chưa có thiệt hại nào xảy ra. Tôi chưa cầu hôn tiểu thư ấy, và nói riêng giữa tôi với ông thôi, giờ nghĩ lại tôi thậm chí còn không chắc là mình có cần lấy vợ tới mức đó không. Ông Lorry, ông đâu có kiểm soát được những chuyện phù phiếm đồng danh bất nhất của những cô gái đầu óc rộng tuếch; ông đừng có mơ tới chuyện đó nếu không muốn thất vọng. Bây giờ xin đừng nói gì về chuyện đó nữa. Tôi đã nói rồi, tôi tiếc cho họ nhưng mừng cho mình. Và tôi rất biết ơn ông đã cho phép tôi hỏi ý và đã khuyên can tôi; ông hiểu rõ tiểu thư đó hơn tôi; ông nói đúng, chuyện hôn nhân này sẽ không bao giờ xảy ra.

Ông Lorry sững sốt tới độ ngẩn ngơ trở mắt nhìn Stryver đang sấn sổ đẩy ông ra cửa, vẻ mặt chàng trạng sư như đang ban phát cho kẻ lầm lạc là ông tất cả thiện chí, nhẫn nại và bao dung.

- Tự xoay xở đi nhé, kính thưa ông, - Stryver nói. - Đừng có nhắc đến chuyện này nữa; cảm ơn ông lần nữa vì đã cho tôi hỏi ý ông; tạm biệt!

Chưa kịp hiểu ắt giáp gì ông Lorry đã bị tổng ra ngoài trời đêm. Còn Stryver nằm xuống sofa, nháy mắt với trần nhà.

13. Anh chàng bất nhã

Nếu như Sydney Carton có tỏa sáng ở đâu, chắc chắn anh ta không bao giờ tỏa sáng ở nhà bác sĩ Manette. Anh lui tới cả năm rồi và lúc nào cũng mang bộ mặt u ám, ủ rũ, chán chường đến đó. Lúc nào muốn nói chuyện, anh nói rất hay; nhưng cái vẻ bất cần lúc nào cũng như đám mây bao trùm anh trong bóng tối sâu thẳm hiểm khi nào bị xuyên thủng bởi ánh sáng trong tim.

Thế nhưng anh lại cần điều gì đó ở khu phố bao quanh ngôi nhà ấy, những phiến đá vô tri lát vỉa hè nơi đó. Nhiều đêm anh quanh quẩn ở đấy đau khổ và vô định, khi rượu đã không mang đến cho anh chút niềm vui phù du nào; nhiều bình minh ảm đạm cũng thấy bóng dáng cô độc của anh nấn ná chốn đó, vẫn chần chừ không rời khi những tia nắng đầu tiên phơi bày nổi bật nét đẹp kiến trúc của những ngọn tháp giáo đường và cao ốc, chẳng khác nào giờ phút bình lặng này khiến tâm trí anh cảm nhận được những điều tốt đẹp hơn đã bị lãng quên hoặc ngoài tầm với. Gần đây, chiếc giường nhàu nhĩ ở khu Temple Court ít khi đỡ được giấc anh, thường thì anh gieo mình xuống giường chỉ vài phút là lại bật dậy đi lang thang tới khu phố đó.

Một ngày tháng Tám, khi Stryver được phép phong nhã đi nghỉ mát ở Devonshire (sau khi thông báo với anh bạn Chó rừng là “đã nghĩ lại không nên tính chuyện lấy vợ nữa”), khi quang cảnh và hương hoa trên phố phường ban chút tốt lành cho kẻ bất hạnh nhất, chút sức khỏe cho kẻ đau yếu nhất, cùng chút tuổi xuân cho người già lão nhất, thì bước chân Sydney lại tha thẩn trên vỉa hè. Từ lưỡng lự và vô định, chân anh dần bước nhanh hơn với một ý định mới hình thành, và để thực hiện, bước chân đưa anh đến nhà ông bác sĩ.

Anh được mời lên lầu và thấy Lucie đang một mình với kim chỉ. Cô chưa hề thấy thoải mái khi tiếp xúc với Sydney, đón tiếp anh với chút

bối rồi khi anh ngồi xuống gần bên chiếc bàn khâu vá. Nhưng chỉ ngược lên nói mấy câu xã giao đầu tiên là cô đã thấy ngay nét mặt anh biến đổi.

– Em e là anh không được khỏe đấy, anh Carton!

– Đúng. Nhưng thưa tiểu thư Manette, sống như tôi thì làm sao khỏe được. Có gì đáng mong đợi với cuộc sống phí hoài này đâu?

– Chẳng phải là... xin thứ lỗi em đã nói ra,... chẳng đáng tiếc sao khi cứ sống như thế?

– Thề có Chúa, cuộc sống thật ê chề!

– Vậy sao không thay đổi chứ?

Lại dịu dàng nhìn anh, cô vừa ngạc nhiên vừa cảm thấy buồn khi thấy ngấn lệ trong mắt chàng trai. Giọng anh cũng nghẹn ngào khi đáp lại:

– Quá muộn rồi. Tôi chẳng bao giờ khá hơn được đâu. Chỉ càng lúc càng sa đọa, tồi tệ hơn mà thôi.

Anh chống một khuỷu tay lên bàn, đưa bàn tay lên che mắt. Mặt bàn run rẩy trong khoảng im lặng tiếp theo sau.

Cô chưa khi nào thấy anh yếu đuối và khổ sở đến thế. Không cần nhìn cũng biết là cô ái ngại cho anh. Sydney nói:

– Xin thứ lỗi cho tôi, tiểu thư Manette. Tôi mất tinh thần vì chuyện muốn thổ lộ với cô. Cô có bằng lòng nghe tôi nói không?

– Nếu như điều đó giúp anh dễ chịu, anh Carton, nếu như điều đó làm anh vui lên, em sẽ rất muốn được nghe!

– Cô thật tốt quá, cầu Chúa phù hộ cô!

Một lúc sau, anh buông bàn tay che mặt ra rồi nói, giọng đã bình tĩnh lại:

– Nghe tôi nói cô đừng sợ. Xin đừng e ngại những gì tôi nói. Tôi như kẻ đã chết yếu. Cả cuộc đời tôi có lẽ đã uổng phí.

– Không đâu, anh Carton. Em chắc chắn những gì tốt đẹp nhất rồi sẽ tới; em chắc chắn rồi anh sẽ tự hào hơn, kiêu hãnh hơn với chính

mình.

– Cô thật tử tế, tiểu thư Manette, nhưng tôi hiểu bản thân rõ hơn; mặc dù tự đáy lòng đau khổ này tôi biết là điều đó không đúng; nhưng tôi sẽ không bao giờ quên những lời tốt đẹp của cô!

Lucie tái mặt và run lấy bầy. Sydney cố trấn an cô nhưng vẻ thái độ tự ti tuyệt vọng của anh chỉ khiến cuộc nói chuyện thêm lạ thường.

– Tiểu thư Manette, giả sử là cô đáp lại tình yêu của kẻ đang đứng *trước* mặt cô đây; một kẻ bỏ đi, vô giá trị, rượu chè, nghèo khó, lầm lạc mà cô đã biết; thì ngay hôm nay, ngay lúc này, hẳn biết rõ rằng thay vì mang đến cho cô hạnh phúc, hẳn sẽ mang đến cơ cực bần hàn, mang đến buồn đau hối tiếc, sẽ hủy hoại cô, sẽ làm ô danh cô, sẽ kéo cô cùng hẳn xuống đáy. Tôi biết rõ cô không hề có tình cảm dành cho tôi và tôi không cầu xin điều đó; thậm chí tôi càng biết ơn là điều đó không thể xảy ra.

– Nhưng chẳng lẽ không có điều đó thì em không thể giúp anh được sao, anh Carton? Chẳng lẽ em không thể giúp anh quay lại... xin thứ lỗi lần nữa!... quay lại con đường tốt đẹp hơn sao? Chẳng lẽ em không có cách nào đền đáp sự tin cậy của anh sao? Em biết anh tin cậy em mà, - cô nói giọng khiêm nhường sau một lúc ngần ngừ và mắt nhỏ lệ chân thành. - Em biết anh không nói điều này với bất kỳ ai khác. Chẳng lẽ em không thể biến sự tin cậy đó thành điều gì tốt đẹp cho anh sao, anh Carton?

Anh lắc đầu.

– Vô phương, tiểu thư Manette, vô phương. Nếu như cô sẵn lòng nghe tôi nói thêm chút nữa, tức là cô đã giúp tôi hết sức rồi. Tôi muốn cô hiểu rằng cô đã là hy vọng cuối cùng của đời tôi. Dù có hèn kém đến đâu tôi cũng chưa đến mức không nhìn thấy cảnh cha con cô bên nhau, thấy ngôi nhà này nhờ bàn tay cô mà trở thành mái ấm, điều đó đã khơi lại trong tôi bao điều tưởng chừng đã lãng quên vĩnh viễn. Từ ngày biết cô, tôi đã bị giầy vò bởi một niềm hối tiếc mà tôi ngỡ đã cạn kiệt từ lâu, tôi đã nghe những lời thì thầm mà tôi ngỡ đã mãi im tiếng

nhắc tôi lãng tử hồi đầu. Tôi đã mơ hồ nghĩ đến chuyện cố thay đổi, làm lại cuộc đời, trút bỏ hết cuộc sống bê tha trì trệ, và tiếp tục cuộc chiến tồn sinh. Một giấc mơ, chỉ là giấc mơ thôi, thì cũng chẳng đi tới đâu, và nó cũng bỏ mặc kẻ ngủ mê nằm đó, nhưng tôi mong cô hiểu rằng chính cô đã gợi lên những ý nghĩ đó trong tôi.

– Những điều ấy đã hết rồi sao? Ôi anh Carton, hãy nghĩ lại đi! Cố gắng nữa đi anh!

– Không đâu, tiểu thư Manette, bấy lâu nay tôi đã biết mình hoàn toàn không xứng đáng. Tôi biết mình yếu đuối là thế và chẳng khá hơn được, nhưng tôi muốn cô biết rằng cô bỗng nhiên có quyền năng thối bùng đồng tro tàn là tôi đây trở thành ngọn lửa... nhưng ngọn lửa ấy làm sao thoát được bản chất của tôi, không thúc đẩy được gì, không soi sáng được gì, không giúp ích gì, và cũng dần lịm tắt.

– Anh Carton, thật không may là em đã khiến anh cảm thấy bất hạnh hơn cả trước khi anh gặp em...

– Đừng nói thế, tiểu thư Manette, nếu tôi còn có thể được cứu rỗi thì chỉ có cô mới làm được điều ấy. Cô không phải là nguyên nhân khiến tôi tồi tệ hơn.

– Vì tâm trạng của anh như anh đã nói, phần nào cũng do em tác động... không biết em nói thế anh đã hiểu rõ ý em chưa... lẽ nào em không thể làm gì giúp anh được sao? Lẽ nào em không có khả năng gì mang lại điều tốt đẹp cho anh sao?

– Tiểu thư Manette, điều tốt đẹp nhất mà tôi có thể làm bây giờ là điều tôi đã thực hiện ở ngay đây. Hãy cứ để mặc tôi sống hết cuộc đời lầm lạc này mà vẫn mãi nhớ hôm nay, ngày tôi đã trải lòng mình với cô, người duy nhất trên đời, và ngày tôi biết mình vẫn còn chút gì xứng đáng được cô thương xót.

– Em hết lòng hết sức xin anh tin rằng, và hãy luôn tin rằng, anh có thể làm cho đời mình tốt đẹp hơn được mà, anh Carton!

– Xin đừng mong tôi phải tin điều đó, tiểu thư Manette. Tôi hiểu rõ mình hơn ai hết. Tôi đã khiến cô lo lắng nên tôi sẽ kết thúc nhanh câu

chuyện này. Chỉ mong cô cho phép tôi tin rằng sau này, khi nhớ lại hôm nay, tâm sự cuối cùng tôi đã phó thác cho tâm hồn ngây thơ trong trắng của cô vẫn được giữ kín, không ai khác hay biết, được chăng?

– Vâng, nếu điều đó giúp anh an lòng.

– Ngay cả người thân yêu nhất của cô cũng không được biết?

– Anh Carton, - cô gái đáp sau một lúc im lặng bối rối, - bí mật là của anh, nào phải của em, và em hứa sẽ giữ kín.

– Cảm ơn cô. Một lần nữa, cầu Chúa phù hộ cho cô.

Anh hôn tay cô cáo biệt, rồi đi ra cửa.

– Xin đừng ngại, tiểu thư Manette, tôi sẽ không bao giờ nói lại chuyện này nữa, dù chỉ một lời. Tôi sẽ không nhắc lại nữa đâu, từ nay về sau. Lời hứa này còn chắc chắn hơn cả cái chết của tôi. Tôi sẽ mang theo kỷ niệm thiêng liêng này lúc lìa đời... và sẽ mang ơn cô, sẽ cầu phúc cho cô... người có trái tim dịu dàng đã đón nhận lời tự thú cuối cùng của tôi, đón nhận cả danh dự, lỗi lầm, và đau khổ của tôi. Mong cô luôn được hạnh phúc và thanh thản!

Sydney Carton cư xử không hề giống anh ta trước đây chút nào, thật đáng buồn biết bao khi nghĩ đến cuộc đời anh đã tung hê, bao tháng ngày đã bê tha phí hoài. Lucie Manette không nén được tiếng khóc xót xa khi anh ngoái nhìn lại.

– Xin hãy bình tâm! - Anh nói. - Tôi không đáng để cô phải khóc như thế, tiểu thư Manette. Một, hai giờ nữa thôi, khi đám bạn bè thấp hèn và những thói tật xấu xa đáng khinh nhưng khó cưỡng kia lại đón nhận tôi thì tôi càng không xứng đáng với những giọt lệ này, càng tệ hại hơn cả những kẻ cùng khốn ngoài đường phố. Xin hãy bình tâm! Nhưng trong lòng, tôi sẽ mãi là con người như lúc này đối với cô, dù bên ngoài tôi vẫn sẽ là kẻ lâu nay cô từng nhìn thấy. Điều cuối cùng tôi khẩn khoản xin cô là hãy tin lời tôi.

– Em tin, anh Carton.

– Tôi chỉ thỉnh cầu mỗi điều này thôi, và bây giờ tôi sẽ giải thoát cô khỏi một vị khách mà tôi biết rõ chẳng có gì tương hợp với cô, giữa

hắn với cô là một khoảng cách khôn cùng. Có nói cũng vô nghĩa, tôi biết, nhưng lời này phát xuất từ đáy lòng. Tôi sẵn sàng làm tất cả vì cô, và vì bất kỳ ai cô yêu thương. Nếu trên đường đời tôi còn có cơ may hay khả năng nào để hy sinh vì cô và vì những người thân yêu của cô, tôi sẽ xả thân không chút đắn đo. Xin hãy nhớ đến tôi, vào những lúc bình an nào đó, và hãy tin những lời chân thành tha thiết này. Rồi sẽ tới lúc, không lâu nữa đâu, mỗi dây hôn nhân sẽ nối kết cô cùng ai... mỗi dây sẽ êm ái và bền vững ràng buộc cô vào mái ấm mà cô sẽ điểm tô thêm đẹp... mỗi dây yêu dấu sẽ mang cho cô bao ân sủng và vui sướng. Ôi tiểu thư Manette, khi hình bóng hạnh phúc của người cha là đứa bé trai ngược nhìn cô, khi dung nhan yêu kiều của cô nhân đôi cho đứa bé gái đang lớn lên bên cạnh, xin thỉnh thoảng hãy nhớ rằng có kẻ sẵn sàng đánh đổi cuộc đời hắn để bảo toàn một cuộc đời khác mà cô thương yêu!

Anh nói “Tạm biệt!” và thốt lên lần cuối “Chúa phù hộ cô!” rồi ra đi.

14. Người làm ăn lương thiện

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm qua lại hàng ngày trước mắt Jeremiah Cruncher, y đang ngồi trên chiếc ghế đầu ở hè phố Fleet với thẳng ranh con gồm guốc cạnh bên. Không phải hai cha con đó thì ai mà ngồi được trên phố Fleet vào những giờ tắt bật trong ngày mà không quáng mắt ù tai vì hai đoàn điều hành lũ lượt kia, một đoàn cứ theo mặt trời hướng về tây, một đoàn cứ trốn mặt trời hướng về đông, cả hai cứ mãi đi về phía những đồng ruộng xa khuất bên kia ánh hoàng hôn đủ sắc tím đỏ hồng!

Ngậm cọng rơm trong miệng, Cruncher ngồi nhìn hai luồng chuyển động cứ như ông thần lái đò nhiều thế kỷ mãi giữ nhiệm vụ canh chừng dòng sông âm phủ - chỉ khác là y không hề mong dòng chảy này cạn kiệt. Nó mà khô cạn thì có gì đáng mong đợi đâu, bởi vì một phần nhỏ thu nhập của y là từ việc dắt các phụ nữ nhút nhát (hầu hết đều áo xống vướng víu và tuổi đã quá thì khá lâu) từ phía bờ Tellson vượt qua dòng xe cộ sang bờ bên kia. Mỗi lần cặp kè như vậy dầu có ngăn ngủi tới đâu, Cruncher cũng kịp làm thân với các quý bà để tỏ lòng khao khát được hân hạnh nâng ly chúc sức khỏe. Và những món tiền nhỏ quý bà tặng cho khi y thực hiện mục đích nhân đức này lại là một nguồn tài chính bổ sung, và cũng vì thế mà y ngồi đó quan sát.

Đã có thời thi nhân thường ngồi trên ghế mơ màng trước cảnh người qua lại nơi công cộng. Cũng ngồi trên ghế ở nơi công cộng nhưng chẳng phải thi nhân, Cruncher lại nhìn quanh quất, càng ít mơ màng càng tốt.

Hóa ra y đang gặp phải lúc phố phường không đông đúc, vắng quý bà chậm chạp, và khi công việc không khăm khá thì trong lòng y lại đâm ra nghi ngờ bà vợ Cruncher ở nhà hẳn phải đang “ngồi phịch” trù ẻo gì đây; đúng lúc đó y trông thấy một đám đông khác thường đang

đổ xuống phố Fleet đi về hướng tây. Rướn mắt nhìn theo, Cruncher nhận ra một đám ma đang đi tới, kéo theo một đoàn người la ó huyên náo.

– Jerry, con, - Cruncher quay sang thẳng con, - có đám ma.

– Hoan hô, cha! - Jerry con la lên.

Ông con thốt ra lời hoan hỉ ấy với vẻ quan trọng bí hiểm. Ông cha lại khó chịu vì điều đó nên chờ dịp không ai để ý bèn cho ông con một bạt tai.

– Mà y xỏ *ná* gì đó? Mà y hoan hô cái gì? Mà y chửi xéo cha mà y đẩy hả, thẳng ôn con? Càng ngày *tao* càng chịu hết nổi mà y rồi đó! - Cruncher nhìn chăm chăm thẳng con. - Mà y dám hoan hô hả? Tao mà nghe thế nữa *nà* mà y ăn thêm bạt tai đó. Nghe chưa?

– Con có làm gì sai đâu, - Jerry con vừa phản đối vừa xoa má.

– Đẹp đi, - Cruncher nói, - Mà y *nằm* gì sai cũng mặc, tao không cần biết. *Neo nên* ghé kia ngồi mà nhìn người ta.

Ông con vâng lời và đoàn người kéo tới; đám đông hò hét, rú rít quanh một cỗ xe đòn u tối và cỗ xe đưa đám u tối, trên xe chỉ có mỗi một người, mặc những thứ áo xống u tối không thể thiếu cho vai trò trang trọng này. Nhưng gã đưa đám kia hoàn toàn không vui sướng với vai trò này khi đoàn người quanh xe càng lúc càng lộn xộn, chế nhạo gã, cau có với gã, và không ngừng chê bai la lối “Ê! Đồ gián điệp! Xì! Ê ê! Gián điệp!” cùng vô số lời ca tụng quá sức chói tai không thể thuật lại được.

Các đám ma lúc nào cũng có sức hấp dẫn lớn đối với Cruncher, y luôn căng mắt căng tai và trở nên hào hứng mỗi khi có đám ma đi ngang Tellson. Cho nên một đám ma có người đưa đông khác thường thế này khiến y mừng hết sức, và y hỏi ngay kẻ đầu tiên đi tới:

– Gì vậy, anh bạn? Chuyện gì vậy?

– *Tôi* có biết đâu, - người kia nói. - Gián điệp! Ê ê! Xì! Đồ gián điệp!

Cruncher hỏi người khác:

– Ai chết vậy?

– Tôi đâu biết, - người này đáp như thế nhưng lại khum hai bàn tay đưa lên miệng làm loa và hét to hăng hái và sôi nổi đến lạ lùng, - Đồ gián điệp! Ê ê! Xì, xì! Giánnn... điệp!

Mãi một lúc sau Cruncher mới gặp được người hiểu biết đúng sự tình thì mới rõ đám ma này là đám của một gã Roger Cly nào đó.

– Tên này nè gián điệp à? - Cruncher hỏi.

– Tên gián điệp ở tòa Old Bailey, - người thạo chuyện cho biết.

– Ê ê! Xì! Ê! Tên gián điệp tòa Old Baiiii...ley!

– A, đúng rồi! - Jerry kêu lên khi nhớ lại vụ xét xử mà y đã dự phần trước đây. - Tôi đã gặp tên này rồi. Nó chết rồi sao?

– Chết ngắc, - người kia đáp, - chết thẳng cẳng ngay đơ. Lôi cổ chúng ra đây! Đồ gián điệp! Xé xác chúng đi! Đồ gián điệp!

Ý tưởng này quá dễ chấp nhận khi không ai nghĩ ra được gì, thế là đám đông hăm hở chộp lấy, vừa hô hào nhau lập lại đề nghị lôi cổ xé xác, vừa bu chặt khiến hai cỗ xe hết đường nhúc nhích. Khi đám đông đã mở được cửa xe đưa đám, người mặc tang phục duy nhất cuống cuồng nhào ra và bị tóm lại một lúc; nhưng gã ta quá lanh lẹ và biết lợi dụng thời cơ nên chỉ một thoáng là đã chạy thoát vào một đường hẻm sau khi vứt bỏ hết áo khoác, mũ nón, băng tang dài thượt, mù-xoa trắng trên túi áo, và cả những giọt nước mắt tượng trưng.

Những món tang phục này bị đám đông khoái trá xé tan nát và vung vãi khắp nơi trong lúc những người buôn bán hấp tấp đóng cửa tiệm; bởi thời đó đám đông sẽ không chùn tay trước bất cứ chuyện gì và đáng sợ như một thứ quái vật bạo tàn. Đám đông đã cuống tới mức mở cửa xe đòn tính lôi quan tài ra thì một bậc kỳ tài thông minh hơn cả đám nảy ra ý là cứ để nguyên đó, tất cả cùng đưa xe đòn tới đích cuối cùng để chào mừng đám ma. Ý kiến thực tế nào cũng đều cần thiết, cho nên mọi người hăng hái đón nhận đề nghị này, và cỗ xe đưa đám lập tức đầy nghẹt với tám người chui vào trong, cả tá đu bên ngoài;

trong lúc cỗ xe đòn cũng gánh chừng ấy người leo lên nóc và một lũ khéo léo đeo bám chung quanh bằng mọi cách. Trong số những người tình nguyện đầu tiên chính là Jerry Cruncher, y đã khếp nếp giấu đầu tóc lờm chờm của mình vào góc xa nhất của cỗ xe đưa đám để người của Ngân hàng Tellson không nhìn thấy.

Các nhân viên chính thức của nhà đòn phản đối việc thay đổi nghi thức tang ma; nhưng dòng sông đang ở gần kề tới mức đáng ngại, và nhiều người trong đám đông đã lưu ý rằng việc dùng nước lạnh sẽ có hiệu quả làm tỉnh trí nhân viên nào cứng đầu, cho nên cánh nhà đòn chỉ phản đối yếu ớt và vắn tắt. Đám ma lại tiếp tục với nghi thức mới, một tay thợ quét ống khói lên điều khiển xe đòn - theo hướng dẫn của người đánh xe đích thực đang ngồi cheo leo bên cạnh giám sát kỹ việc này - còn tay bán hàng rong, cũng có cỗ vắn phụ tá, điều khiển chiếc xe đưa đám. Một tay làm xiếc với gấu, nhân vật đường phố được ưa chuộng thời đó, cũng bị huy động làm món trang trí bổ sung trước khi đoàn người ngựa xuống tới phố Strand; và con gấu đen thui ghẻ lở của gã ta lại là kẻ duy nhất đi theo đám rước có bộ mặt đưa tang đúng nghĩa.

Thế là vừa uống bia, hút thuốc, vừa hát rống và làm đủ thứ điệu bộ đau buồn giễu cợt, đám đông lộn xộn cứ thẳng tiến, mỗi lúc lại lôi kéo thêm người nhập bọn, và đi tới đâu là mọi hàng quán đều đóng chặt cửa. Đích đến là nhà thờ cũ Saint Pancras, xa tít ngoài vùng ruộng đồng. Đoàn người rồi cũng tới nơi, tất cả cùng đổ vào nghĩa địa; và cuối cùng cũng xong việc mai táng gã Roger Cly quá cố theo cách họ muốn và ai cũng hể hả.

Người chết đã chôn xong, đám đông bây giờ đang cần tìm trò giải trí mới cho riêng mình, một bậc kỳ tài thông minh khác (hay có lẽ cũng là người ban nãy) nghĩ ra trò vui buộc tội những kẻ tình cờ đi qua là gián điệp ở tòa Old Bailey và trút thù hận lên đầu họ. Hàng chục người vô can và cả đời chưa từng bén mảng tới tòa Old Bailey đã bị rượt đuổi, xô ngã và hành hung. Từ trò này chuyển sang món đập

vỡ cửa sổ rồi tới cướp phá các quán rượu chỉ là một bước tiếp nối dễ dàng, và tự nhiên. Rốt cuộc, mấy giờ sau, khi nhiều căn nhà nghỉ hè đã bị giật sập, nhiều hàng rào đã bị phá toang để làm vũ khí cho những kẻ hiếu chiến hơn thì có tiếng đồn lan ra là vệ binh đang đến. Nghe tin này, đám đông dần dần giải tán và vệ binh cho dù có tới hay không bao giờ tới thì đây là diễn tiến bình thường của một lũ người cuồng loạn.

Cruncher không tham gia vào mấy trò giải trí sau đám ma mà ở lại trong nghĩa địa trò chuyện và an ủi đám nhân viên nhà đôn. Chỗ này lại khiến y thấy dễ chịu. Y kiếm được một tẩu thuốc ở quán rượu gần đó và vừa hút vừa quan sát hàng rào bao quanh, xem xét kỹ vị trí.

“Jerry,” Cruncher lại tự nói thầm với chính mình theo thói quen. “Ngày hôm ấy mày đã thấy thằng Cly đó rồi. Chính mắt mày đã thấy nó *nà* thằng còn trai trẻ và đang hoang.”

Hút xong tẩu thuốc và trầm ngâm thêm chút nữa rồi y cũng quay về để làm sao có mặt ở vị trí cũ trước giờ Tellson đóng cửa. Không rõ những suy ngẫm của y về cái chết đã tác động tới gan mật bên trong hay là sức khỏe nói chung gần đây có điều bất ổn, hay là y chỉ muốn tỏ chút ân cần với một người danh giá, đẳng nào cũng vậy, trên đường về y tạt vào nhà ông bác sĩ - một nhà giải phẫu có tiếng tăm.

Jerry con đã vì bốn phạm mà ngồi thế chỗ cho cha, nó báo lại suốt thời gian cha nó vắng mặt chẳng có công việc gì cả. Ngân hàng đóng cửa, mấy lão thư ký già khú để đi ra, người gác đêm đã tới canh, Cruncher và thằng con đi về nhà dùng trà.

– Này, tôi nói cho bà biết! - Vừa bước vào là Cruncher nói ngay với vợ. - *Nà* người *nà*m ăn *nương* thiện, công việc của tôi tối nay mà hỏng *nà* do chắc chắn bà đã trù ẻo tôi, dù không thấy tận mắt bà *nà*m gì tôi cũng sẽ cho bà một trận như thường.

Vợ Cruncher chán nản lắc đầu.

– À, bà dám *nà*m thế trước mặt tôi à! - Cruncher kêu lên, giọng vừa tức vừa lo.

– Tôi có nói gì đâu.

– Hừ, vậy thì đừng có nghĩ gì trong đầu. Bà mà không ngồi phịch cầu nguyện thì cũng trù tính gì đó. Không cách này thì cách khác, thế nào bà cũng trù ẻo tôi. Dẹp hết đi nghe.

– Dạ vâng.

– Dạ vâng, - Cruncher cứ lặp lại khi ngồi vào bàn dùng bữa trà. - Chà! *Dạ vâng*. Được đó. Cho phép bà nói “*dạ vâng*” đó.

Mấy lời cảm ràm của Cruncher chẳng có ý nghĩa rõ ràng nào cả nhưng y vẫn cứ nói, giống như mọi người khác vẫn nói kiểu đó khi tỏ ý chung chung là mĩa mai không bằng lòng.

– Bà cứ *dạ vâng* đi, - Cruncher cắn một miếng bánh mì bơ và nuốt ực thật nhanh cứ như đang húp tuột vào bụng một con hàu lớn vô hình vừa mới tách vỏ. - A! Thế cũng được. Tôi tin bà.

– Tối nay ông có đi không? - Chị vợ tử tế hỏi khi anh chồng cắn thêm miếng nữa.

– Có đó.

– Cho con theo với, cha ơi? - Ông con nhanh nhẩu đề nghị.

– Không, không được. Tao phải đi... mẹ mày biết rồi đó,... đi câu. Tao phải đi tới đó. Đi câu.

– Cần câu của cha hơi bị gỉ sét, phải không cha?

– Kệ nó.

– Cha sẽ đem cá về nhà chứ, cha?

– Tao mà không đem về thì ngày mai cho mày ăn đói, - ông cha vừa đáp vừa lắc đầu. - Hỏi thế đủ rồi; chừng nào mày còn chưa *nên* giường ngủ say thì tao còn chưa đi đâu.

Suốt thời gian còn lại của buổi tối, Cruncher chỉ làm mỗi việc canh chừng vợ hết sức cẩn mật, cứ chăm chăm bắt chị ta nói chuyện để khỏi phải trù tính, cầu khẩn điều gì xui xẻo cho y. Vì vậy Cruncher thúc giục thẳng con cũng nói chuyện với mẹ nó, và làm khổ người đàn bà tội nghiệp kia bằng đủ thứ lý do cảm ràm ca thán, chứ không cho chị

ta yên ổn một phút nào mà suy nghĩ riêng tư. Người nào sùng đạo nhất có tin vào sự linh ứng của lời cầu nguyện chân thành cũng không thể nào bằng Cruncher tin rằng bà vợ chỉ toàn mong điều rủi cho chồng. Thật chẳng khác gì một kẻ tự xưng không tin ma quỷ lại sợ hết hồn vía khi nghe kể chuyện ma.

– *Niêu* hồn đó! - Cruncher nói. - Ngày mai đừng có mà giở trò! Cái thằng *nằm* ăn *nương* thiện này mà mang về được mấy khúc thịt thì hai người đừng có giở trò chê thịt không ăn, chỉ nuốt bánh mì suông đó. Cái thằng *nằm* ăn *nương* thiện này mà mang về được ít bia thì đừng có bày đặt uống nước *nã* không thôi đó. Nhập gia phải tùy tục. Không tùy tục thì gia chủ tổng cổ khỏi nhà. *Ta nà* gia chủ đây, nghe chưa!

Rồi y lại bắt đầu căn nhắc:

– Đồ ăn thức uống dâng tận miệng mà chê à! Tôi không hiểu vì sao mà bà *nằm* tôi kiếm miếng ăn thức uống khổ cực thế này, chỉ vì cái trò ngồi phịch cầu nguyện với ăn ở thất đức của bà. Hãy nhìn thằng con bà đi! Nó có *phải* con bà không hả? Nó gầy đét kia kìa. Bà tự xưng *nà* mẹ mà không biết bốn phận đầu tiên của người mẹ *nà* vỗ béo cho thằng con mình sao?

Câu nói đó gài đúng chỗ ngứa của Jerry con, thế là cu cậu nài nỉ bà mẹ phải thực hiện bốn phận đầu tiên này, và bất kể mọi bốn phận khác bà có làm tròn hay không, điều quan trọng nhất là phải thể hiện tình mẫu tử thật cảm động và ngon lành theo cách cha nó đã bảo.

Buổi tối đã trôi qua cùng gia đình Cruncher như thế, cho đến khi Jerry con bị bắt phải đi ngủ và mẹ nó cũng phải tuân theo mệnh lệnh tương tự. Cruncher ngồi một mình hút mấy tẩu thuốc cho quên thời gian, chờ tới gần một giờ khuya mới lên đường. Tới giờ khuya khoắt âm u đó, y rời khỏi ghế, lấy trong túi ra một cái chìa khóa, mở tủ lòi ra một bao tải, một thanh xà beng cỡ lớn, dây thừng với dây xích và các thứ dụng cụ cần cho chuyến đi câu đặc biệt này. Khi đã giắt, quấn, đeo, móc hết các thứ đó quanh người một cách thành thạo, Cruncher còn ban cho chị vợ một lời cảm rằm tạm biệt rồi dập tắt đèn, ra đi.

Cu cậu Jerry này giờ chỉ giả vờ thay đồ lên giường nằm liền ngồi dậy đi theo. Ẩn trong bóng tối, nó theo cha ra khỏi phòng, xuống cầu thang, ra sân, rồi ra đường. Việc quay lại nhà này đối với nó chẳng có gì khó vì nhà toàn người thuê trọ và cửa mở hé suốt đêm.

Được thúc đẩy bởi khát vọng đáng khen là học hỏi những bí mật tài nghệ làm nghề lương thiện của cha, Jerry con cứ nép sát các mặt tiền nhà, vách tường, ngưỡng cửa mà đi trong lúc hai con mắt kề sát nhau luôn dõi theo người cha đáng kính. Còn người cha đáng kính mới đi theo hướng bắc một đoạn ngắn thì gặp một ngư ông câu đêm khác và cả hai cùng dần bước bên nhau.

Đi được nửa giờ thì họ qua khỏi khu vực thấp đèn đường nhấp nháy với đám tuần canh đã nhắm tịt mắt, rồi ra tới đoạn đường vắng. Ở đây họ đón thêm một người đi câu nữa - âm thầm đến độ, nếu thằng Jerry mà mê tín thì ắt nó đã tưởng vị ngư ông tiêu điều ban nãy bất thành linh phân thân làm đôi rồi.

Ba người kia đi tiếp và thằng Jerry bám theo, tới khi ba ngư ông dừng dưới một bờ đất nằm chìa sát đường. Trên bờ đất là một tường gạch thấp có hàng rào song sắt. Trong bóng tối của bờ đất và tường rào, ba người bỏ đường cái rẽ vào một hẻm cụt ở một bên tường rào đó - có chỗ cao tới ba mét. Thu mình trong góc tối, nhìn vào ngõ rẽ, Jerry con thấy ngay bóng dáng người cha đáng kính hiện rõ trong ánh trăng mờ đục, đang thoăn thoắt leo lên cánh cổng sắt. Cha nó leo qua thật nhanh, rồi tới người đi câu thứ hai, rồi người thứ ba. Cả ba nhẹ nhàng nhảy xuống mặt đất bên trong cổng rồi nằm im một hồi - có lẽ đang nghe ngóng. Sau đó họ chống tay chống chân bò đi.

Bây giờ tới phiên Jerry con mò tới cổng; nó nín thở rón rén lần tới. Lại thu mình trong góc tối nhìn vào, nó nhận ra bóng ba người đi câu đang bò qua bãi cỏ rậm, chung quanh toàn bia mộ - họ đang ở trong một nghĩa địa rộng lớn - những mộ chí trắng toát như những bóng ma còn tháp nhà thờ vươn cao như bóng ma của một quái thú khổng lồ.

Ba người kia bò một quãng ngắn rồi dừng lại đứng lên. Và họ bắt tay vào việc câu đêm.

Ban đầu họ câu bằng xẻng. Sau đó người cha đáng kính của cu cậu Jerry hình như đang điều chỉnh một dụng cụ gì đó giống một chiếc vít vặn nút chai vĩ đại. Dùng dụng cụ nào họ cũng đều làm cật lực cho đến khi chuông đồng hồ nhà thờ nện một tràng ghê gớm khiến Jerry con thất kinh bỏ chạy, tóc dựng đứng tua tủa y hệt cha nó.

Nhưng mong ước tìm hiểu ấp ủ bấy lâu nay không những đã ngăn không cho nó chạy luôn mà còn lôi kéo nó quay lại. Ba người kia vẫn đang kiên trì câu đêm khi Jerry con lén nhìn qua cổng lần nữa; nhưng lúc này hình như đã có cá đớp mồi. Từ dưới hố đào văng lên tiếng cọt kẹt, rền rì, ba bóng người bên trên đang oằn lưng như bị cái gì rất nặng trì kéo. Từng chút một, vật nặng ấy được lôi lên khỏi lớp đất bao quanh và trôi lên mặt. Jerry con đã biết thừa đó là cái gì, nhưng khi lần đầu tiên tận mắt nhìn thấy vật đó, và thấy người cha đáng kính sắp nạy bật nó ra thì cu cậu lại hoảng hồn bỏ chạy, lần này chạy một mạch không ngừng cả mấy cây số.

Lúc ấy nó vắt chân lên cổ mà chạy, chỉ ngừng lại mỗi khi lấy hơi, như thể đó là một cuộc chạy đua ma quái và mong muốn tột bậc là phải về tới đích. Thăng nhãi đỉnh ninh là cái quan tài vừa nhìn thấy đang chạy đuổi theo; và tưởng tượng vật kinh khủng đó dựng đứng một đầu đang nhảy chồm lên lưng nó, sắp đuổi kịp tới nơi và vỗ cu cậu - có lẽ sẽ tóm lấy cánh tay nó - và nó phải chạy thoát thân. Chiếc quan tài ma thoát ẩn thoát hiện, có mặt khắp nơi, cho nên khi cả đêm đen sau lưng biến thành nổi hãi hùng, thăng nhãi phải lao ra giữa đường để tránh các hẻm tối, sợ con ma đó từ trong đó sẽ nhảy xổ ra như một con điều trương phềnh cụt cánh cụt đuôi. Con ma cũng nấp ở các ngưỡng cửa, cạ hai bả vai góm ghiếc vào các cánh cửa, rồi rướn vai rụt cổ như đang cười ầm. Con ma nấp trong bóng tối trên đường lộ, nằm ngửa ra rình ngáng chân nó. Và lúc nào cũng có một con ma nhảy chồm đằng sau đuổi bén gót khiến thăng nhãi khi chạy về tới cửa

nhà mình rồi vẫn chưa kịp hoàn hồn. Cả lúc đó, con ma vẫn không buông tha mà theo thẳng nhai lên lầu, nện ầm ầm vào các bậc thang, cùng nhào lên giường với nó, và húc đầu vào ngực cu cậu xô nó chìm vào giấc ngủ mê mệt.

Trời vừa rạng sáng, chưa kịp hừng đông thì Jerry con nằm trong buồng đã tỉnh giấc ngủ nặng nề vì tiếng cha nó ở phòng ngoài. Cha nó đã gặp chuyện gì không như ý thì phải; ít nhất thì Jerry con cũng suy đoán được chừng đó khi thấy Cruncher nằm hai vành tai vợ nện đầu chị ta vào tấm ván đầu giường.

– Tôi đã nói bà rồi mà, - Cruncher nói, - tôi nói *nà* tôi *nằm*.

- Jerry, Jerry, Jerry! - Chị vợ van nài.

– *Nằm* ăn có *nợ* thì bà không chịu, - Jerry nói, bà cứ trù ẻo cho tôi với bạn bè tôi xui xẻo. Tôi nói mà bà không nghe *nời* tôi, không coi trọng tôi *nà* vì cái đếch gì chứ?

– Tôi chỉ cố làm người vợ tốt thôi mà, Jerry, - người đàn bà khốn khổ vừa khóc vừa cãi lại.

– Nói *nà* *nằm* vợ tốt mà trù ẻo cho chồng *nằm* ăn xui xẻo hả? Nói *nà* coi trọng chồng mà phá đám công việc của chồng hả? Nói *nà* nghe *nời* chồng mà sao những chuyện quan trọng *nại* không nghe *nời* hả?

– Lúc tôi nói thế ông đã làm cái công việc khủng khiếp này đâu, Jerry.

– *Nằm* vợ người *nằm* ăn nướng thiện *nà* may cho bà *nằm* rồi, - Cruncher bắt bẻ, - còn chồng *nằm* việc gì hay không *nằm* việc gì thì không phải chuyện tính toán trong đầu đàn bà các người. *Nằm* vợ mà biết coi trọng chồng, biết nghe *nời* chồng thì phải để chồng yên chí *nằm* ăn. Bà nghĩ bà ngoan đạo à? Nếu bà ngoan đạo thì tôi thà *nấy* vợ vô đạo còn hơn! Cái đầu bà có ý thức trách nhiệm không hơn gì cái cọc cắm dưới đáy sông Thames ngoài kia, phải nện vào đầu bà như nện cái cọc kia thì bà mới nghe thủng à.

Trận cãi vã diễn ra khe khẽ và kết thúc bằng cảnh người làm ăn lương thiện đá văng đôi ủng dính đất sét ra khỏi hai bàn chân rồi nằm

dài xuống sàn. Sau một lúc rụt rè lên nhìn người cha nằm ngửa, hai bàn tay dính gỉ sét lót đầu thay gối, thằng con cũng nằm xuống ngủ tiếp.

Bữa ăn sáng hôm đó không có cá, và cũng chẳng có món gì khác. Cruncher chán nản và cáu kỉnh, tay cứ cầm cái nắp bình bằng thiếc như cầm phi đạn sẵn sàng phóng ra trừng trị vợ nếu thấy trên mặt chị ta có bất cứ dấu hiệu nào tỏ ra là đang thăm độc kinh. Ý đánh răng rửa mặt đúng giờ thường lệ, rồi cùng thằng con tiếp tục đi làm công việc vờ vĩnh của ban ngày.

Cặp chiếc ghế đầu dưới nách đi bên cạnh cha trên phố Fleet đông người rợp nắng, Jerry con sáng nay khác hẳn thằng Jerry con đêm qua bị quan tài ma đuổi chạy một mình về nhà trong bóng tối. Nỗi sợ của cu cậu đã tan biến theo đêm và ngày mới đã trả lại nó về lấu cá quen thuộc - và không ít người đang chen vai trên phố Fleet và kinh thành London vào sáng đẹp trời đó cũng có cảm giác tương tự như thằng nhỏ này.

- Cha, - Jerry con nói trên đường đi, cẩn thận đi cách cha một sải tay và cho chiếc ghế đầu chặn giữa, - trộm xác là nghề gì vậy cha?

Cruncher dừng lại một lúc trên vỉa hè rồi mới trả lời:

- *Nằm* sao tao biết được chứ?

- Con nghĩ cái gì cha cũng biết hết mà, cha, - thằng nhỏ thật thà nói.

- Hừ! Được! - Cruncher lại đi tiếp, vừa nói vừa nhắc mũi ra cho đầu tóc tua tủa tự do, - đó *nà* một nghề *nằm* ăn buôn bán.

- Bán hàng gì, cha? - Jerry con nhanh nhẩu hỏi.

- Đó *nà* những món hàng... - Cruncher ngẫm nghĩ một lúc mới trả lời, - ...thuộc *noại* hàng có tính khoa học*.

- Xác người chết, phải không cha? - Thằng nhãi vui vẻ hỏi tiếp.

- Tao nghĩ cũng đại *noại* như thế, - Cruncher đáp.

– Ôi, cha ời, con muốn lớn lên sẽ làm nghề trộm xác như cha!

Cruncher thấy vui trong lòng, nhưng vẫn lắc đầu tỏ vẻ đạo đức và hồ nghi.

– Còn tùy xem mà *nành* nghề tới đâu đã. Phải rèn *nuyện* cho *nành* nghề, và không bao giờ được nói cho ai biết những gì không cần nói, còn bây giờ thì không thể nói trước mà có *nằm* nghề đó được không.

Nghe thế khoái chí, Jerry con liền chạy trước cha mấy bước, đặt chiếc ghế đầu trong bóng râm của cổng thành Temple Bar, Cruncher đi sau nghĩ thầm trong lòng: “Jerry, người *nằm* ăn *nường* thiện như mà thì biết đâu thằng nhỏ này sẽ đem tới may mắn, bù *nại* cho mẹ nó!”

15. Đan len

Tửu quán của anh Defarge có khách uống rượu sớm hơn thường lệ. Mới sáu giờ sáng, những bộ mặt bủng beo đứng ngoài mấy khung cửa sổ chắn song nhìn vào đã thấy bên trong có những bộ mặt khác đang cắm xuống ly. Anh Defarge bán rượu rất nhặt ngay cả lúc phát đạt nhất, nhưng bây giờ thứ rượu anh ta bán càng nhặt hơn nữa. Đã nhặt lại còn chua, cứ nhìn mặt mày u ám của người uống là biết rượu thế nào. Thứ nho ép của Monsieur Defarge chẳng vắt ra được chất hăng say cuồng nhiệt nào cho các đệ tử lưu linh mà chỉ có chút sức nóng âm ỉ ẩn chứa trong đáy cạn.

Đây là ngày thứ ba liên tiếp tửu quán của anh Defarge có khách từ sáng sớm. Bắt đầu từ hôm thứ Hai, và bây giờ là thứ Tư rồi. Những vị khách tới đó để ngắm nghĩ hơn là uống; vì từ lúc quán mở cửa, nhiều người cứ tới nghe ngóng, thì thầm, lảng vảng mà không bỏ ra một xu nào trên quầy để cứu vớt linh hồn. Nhưng trong quán họ cứ làm ra vẻ hết sức hăm hở cứ như thừa sức mua hết mấy thùng tô-nô; và họ lướt từ chỗ này qua chỗ khác, từ góc này sang góc khác, mặt thèm thường nuốt lời nói thay cho rượu.

Khách khứa đông hơn bình thường là thế mà không thấy chủ quán đâu cả. Không ai để ý đến sự vắng mặt của ông chủ vì những người bước vào quán không tìm anh ta, không cần gặp anh ta, không ai ngạc nhiên khi thấy chỉ có mỗi chị Defarge ngồi ở quầy trông coi chuyện bán rượu; trước mặt chị ta là cái bát đựng những đồng xu sứt mẻ, mặt người đập nổi trên những đồng xu đã mòn vẹt không còn nguyên dạng qua bao lần cọ xát với những túi áo, túi quần phơi tả.

Nếu có tay gián điệp nào nhìn vào tửu quán này - như thói quen soi mói mọi nơi, bất kể chốn sang hèn, từ hoàng cung cho tới ngục thất - thì hẳn sẽ thấy không khí chán chường và đờ đẫn bao trùm bên trong.

Những ván bài kéo dài mòn mỏi, những người chơi domino trầm ngâm xây tháp với những quân cờ, người uống chầm tay vào những giọt rượu đổ vãi vời trên mặt bàn, còn chính chị Defarge thì lấy đầu que tăm vọc vạch lên tay áo mình, nét mặt xa xăm như đang nghe đang thấy điều gì vô thanh vô ảnh.

Khu Saint Antoine ở chỗ tửu quán cứ như thế cho đến trưa. Lúc mặt trời đứng bóng thì có hai người đầy bụi đường đi qua các phố, dưới những ngọn đèn treo; một người là anh Defarge, người kia là một phu lục lộ đội mũ xanh. Vừa bẩn vừa khát, hai người bước vào tửu quán. Sự xuất hiện của họ như đã châm mồi lửa ngay giữa lòng Saint Antoine, họ đi tới đâu lửa lan tới đó, bùng lên lập lòe trên những gương mặt đứng ở các cửa vào và cửa sổ. Thế nhưng không ai đi theo, không ai nói gì khi hai người vào tửu quán mặc dù mắt ai cũng hướng theo họ.

– Xin chào quý vị! - Anh Defarge lên tiếng.

Có lẽ đó là dấu hiệu cho mọi cái lười hoạt động. Mọi người đồng loạt mở miệng “Xin chào!”.

– Hôm nay xấu trời, quý vị, - Defarge vừa nói vừa lắc đầu.

Nghe thế, mọi người nhìn nhau rồi tất cả cúi mặt xuống ngồi im lìm. Chỉ trừ một người đứng lên đi ra ngoài.

– Này mình, - Defarge nói to với chị Defarge, - tôi đã đi một chặng với anh phu lục lộ đảng hoàng tên Jacques này. Tôi gặp anh ta, cũng tình cờ thôi, khi rời khỏi Paris được một ngày rưỡi đường. Anh chàng này dễ thương, anh phu lục lộ tên Jacques này. Cho anh ta một ly đi, mình!

Một người nữa đứng lên đi ra ngoài. Chị Defarge đặt ly rượu trước mặt chàng Jacques lục lộ, gã nhắc chiếc mũ xanh chào mọi người rồi uống. Trong ngực áo gã có mấy miếng bánh mì đen mang theo; chốc chốc gã lại nhấm một miếng và cứ ngồi bên quầy của chị Defarge vừa uống rượu vừa nhấm nháp. Thêm một người nữa đứng lên đi ra ngoài.

Defarge cũng giải khát bằng ly rượu mới rót - nhưng ly của anh ta ít hơn của khách trong khi rượu lại là thứ anh ta chẳng bao giờ thiếu - và cứ đứng chờ cho đến khi gã dân quê kia xong bữa sáng. Defarge chẳng nhìn ai chung quanh và cũng chẳng ai nhìn anh; kể cả chị Defarge, chị ta đã chú tâm vào công việc đan len thường lệ.

– Ăn xong chưa, anh bạn? - Một hồi sau Defarge mới lên tiếng.

– Rồi, cảm ơn ông.

– Vậy thì đi thôi! Anh sẽ thấy cái phòng để anh ở trọ như tôi đã nói. Chắc chắn sẽ hợp ý anh vô cùng.

Từ từ quán bước ra đường, từ đường vào sân trong, từ sân lên cầu thang dốc đứng, từ cầu thang tới gác xép - nơi trước kia từng là chỗ ở của người đàn ông tóc bạc còng lưng trên băng ghế thợ, cặm cụi làm giày.

Bây giờ không còn người tóc bạc ấy nữa; nhưng ba người đang ở đó chính là những người lúc nãy lần lượt rời quán. Và giữa họ với người tóc bạc đã đi xa có một mối quan hệ nhỏ: chính họ từng đứng ngoài lên nhìn người kia qua những khe nứt trên tường.

Defarge cẩn thận đóng cửa lại rồi hạ giọng nói:

– Jacques Một, Jacques Hai, Jacques Ba! Đây là nhân chứng mà tôi, Jacques Bốn, đã hẹn gặp. Anh ta sẽ cho các anh biết rõ. Nói đi, Jacques Năm!

Gã phu lục lộ, mũ xanh cầm tay lau văng trán ngăm đen, giọng bối rối:

– Tôi bắt đầu từ đâu đây, thưa ông?

– Bắt đầu từ đầu, - câu trả lời của anh Defarge không phải là không có lý.

– Vậy thì thưa các ông, - gã phu lục lộ vào chuyện, - năm ngoái cũng đang lúc mùa hè thế này, tôi đã thấy người đó đu dưới gầm xe của Hầu tước, bám vào sợi dây xích. Chuyện là thế này. Lúc đó xong

việc rồi tôi định đi về, mặt trời sắp lặn, xe ngựa Hầu tước đang từ từ đi lên đồi, còn người kia đu vào dây xích... như thế này.

Gã phu lục lộ dùng động tác mô tả lại chuyện xưa, tới bây giờ thì gã đã thuần thục màn hình diễn này khi nhận ra đây là một trò vui không thể thiếu và luôn mang lại thích thú cho dân làng gã suốt cả năm qua.

Jacques Một cắt ngang và hỏi gã phu lục lộ trước đó đã gặp người dưới gầm xe bao giờ chưa?

– Chưa hề, - gã phu lục lộ vừa đứng thẳng lại như cũ vừa nói.

Jacques Ba hỏi làm sao về sau gã phu lục lộ lại nhận dạng được người kia?

– Qua vóc người cao lớn của anh ta, - gã phu lục lộ đáp kễ, một ngón tay ngoáy mũi. - Lúc ngài Hầu tước chiều hôm đó hỏi “Này, kẻ đó trông như thế nào?” thì tôi trả lời là “Cao lớn như ma!”.

– Lẽ ra phải nói loắt choắt như thằng lùn chứ, - Jacques Hai bắt bẻ.

– Nhưng lúc đó làm sao tôi biết! Lúc đó sự việc vẫn chưa xảy ra, người đó cũng đâu có thổ lộ với tôi đâu. Thấy chưa! Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh đó tôi cũng đâu có khai ra. Ngài Hầu tước chỉ tay vào tôi khi đứng gần đài phun nước ở làng tôi rồi nói “Đưa thẳng ranh đó tới ta hỏi!”. Nói thật, thưa các ông, tôi không khai gì cả.

– Hẳn nói đúng đấy, Jacques, - Defarge nói nhỏ với người vừa ngắt lời. - Tiếp đi!

– Được! - Gã phu lục lộ nói với vẻ bí mật. - Người cao lớn đó biến mất, và người ta săn lùng... mấy tháng nhỉ? Chín, mười, mười một tháng?

– Mấy tháng không quan trọng, - Defarge nói. - Anh ta đã trốn kỹ, nhưng rủi thay cuối cùng cũng bị lộ. Tiếp đi!

– Rồi tôi lại làm việc bên sườn đồi, rồi mặt trời cũng lại sắp lặn. Tôi đang thu dọn đồ nghề để xuống đồi về nhà trong làng phía dưới, lúc đó trời sẩm tối rồi, thì nhìn lên tôi thấy sáu tên lính từ bên kia đồi đi tới.

Giữa đám lính đó là một người cao lớn, hai tay bị trói... trói chặt vào mạng sườn... như thế này!

Với đạo cụ là chiếc mũ bất ly thân, gã lại làm động tác mô tả một kẻ bị trói cứng hai khuỷu tay ngang hông, dây thừng gút chặt sau lưng.

– Tôi đứng một bên, thưa các ông, bên cạnh đồng đá, thấy mấy tên lính và tù nhân đi qua; do đường này vắng vẻ nên có chuyện gì cũng đáng xem cả mà. Rồi lúc đầu họ tới, tôi chỉ thấy có sáu người lính với một người tù cao lớn bị trói, hầu như đen thui không thấy mặt mũi; chỉ trừ bên phía mặt trời lặn là đỏ rực lên. Rồi tôi thấy bóng họ đổ dài ở rìa đường bên kia, và trên vách đồi phía trên, như bóng của những người khổng lồ. Rồi tôi thấy họ bụi bặm đầy người, đi tới đâu bụi bốc lên tới đó ào ào! Nhưng lúc họ tới thật gần rồi thì tôi nhận ra người cao lớn kia, và anh ta nhận ra tôi. Chà, hẳn anh ta cũng rất mong được lao mình qua sườn đồi kia chạy trốn lần nữa, giống như buổi chiều mà tôi đã thấy anh ta lần đầu, cũng gần ngay chỗ đó!

Gã mô tả cứ như đang có mặt tại chỗ, rõ ràng là gã đã thấy rõ môn một; có lẽ trong đời gã chẳng mấy khi gặp chuyện tương tự.

– Tôi đâu có để lộ cho bọn lính biết tôi nhận ra người cao lớn kia; anh ta cũng không lộ cho bọn lính biết là anh ta nhận ra tôi; hai bên làm như nhau, hai bên biết ý nhau, nhìn qua là hiểu. “Đi đi!” rồi tên lính chỉ huy cả đám chỉ xuống làng nói, “cho mau xuống mồ!” rồi thúc người tù đi nhanh hơn. Tôi đi theo. Hai cánh tay anh ta sưng phù vì bị trói chặt quá, đôi giày mộc to và vương vís, chân lại cà nhắc. Do anh ta cà nhắc nên mới chậm chạp, tụi lính cứ lấy súng mà thúc... như thế này!

Gã diễn tả động tác của một người bị báng súng hỏa mai thúc vào lưng đẩy tới.

– Rồi khi cả đám chạy xuống đồi như ma đuổi thì anh ta vấp ngã, tụi lính cười âm lôi dậy. Mặt anh ta chảy máu, dính đầy bụi đất, nhưng anh ta không thể đưa tay lên chùi; thấy thế tụi lính lại cười âm. Chúng đưa anh ta vào làng; cả làng chạy ra xem; chúng đưa anh ta đi qua nhà

máy xay rồi đi lên nhà ngục; tất cả dân làng đều thấy cánh cổng nhà ngục mở ra trong bóng đêm rồi nuốt lấy người tù... như vậy nè!

Gã cố há căng mồm ra hết cỡ rồi ngậm phắt lại cho hai hàm răng va phập lên một tiếng. Thấy gã không muốn mở miệng vội để kéo dài kịch tính, Defarge bèn nói:

– Tiếp đi, Jacques.

– Cả làng quay về, - gã phu lục lộ kể tiếp, điệu bộ rón rén, giọng thì thào, - cả làng xì xào bên đài phun nước; cả làng đi ngủ; cả làng đều nằm mơ thấy kẻ bất hạnh đó bị nhốt sau bao song sắt, ổ khóa trong nhà tù trên vách đá, và không bao giờ ra khỏi nơi đó, nếu không bỏ mạng. Sáng ra, vác đồ nghề trên vai, ăn vội mấy miếng bánh mì đen rồi tôi đi, tôi đi vòng qua nhà ngục đó trên đường đi làm. Tới đó tôi thấy anh ta, tít trên kia, sau những chấn song của một lồng sắt cao, người còn nguyên bụi bặm và máu me như đêm trước, đang nhìn ra ngoài. Anh ta vẫn bị trói nên không vẫy tay; tôi cũng không dám gọi; anh ta nhìn tôi cứ như anh ta đã chết rồi.

Defarge và ba người kia buồn bã nhìn nhau, vẻ mặt ai cũng u ám, kiềm nén, và đầy thù hận khi họ nghe gã dân quê kể chuyện; dù không bộc lộ ra, thái độ người nào cũng đầy uy quyền. Trông họ cứ như những quan tòa tàn bạo; Jacques Một và Hai ngồi trên chiếc giường ọp ẹp, cả hai đều chống cằm, mắt chăm chú nhìn gã phu lục lộ; Jacques Ba quỳ một gối bên cạnh cũng nhìn chăm chú, bàn tay bõn chồn cứ xoa trên lớp da nhạy cảm quanh mũi và miệng; Defarge đứng giữa ba anh Jacques và người thuật chuyện, còn người thuật chuyện án ngữ trước nguồn sáng cửa sổ, cứ hết nhìn từ Defarge sang ba người kia rồi lại nhìn từ ba người kia sang Defarge.

– Tiếp đi, Jacques, - Defarge nói.

– Anh ta cứ ở trên cái lồng sắt đó mấy ngày trời. Cả làng lén nhìn vì họ sợ. Nhưng lúc nào họ cũng đứng đằng xa nhìn lên nhà ngục trên vách đá; rồi tới chiều tối, khi công việc trong ngày đã xong, mọi người tụ tập bàn tán ở đài phun nước, ai cũng hướng mặt nhìn lên nhà ngục

đó. Trước kia ai cũng nhìn về hướng dịch trạm; còn lúc đó họ đều nhìn lên nhà ngục. Họ rỉ tai nhau bên đài phun nước là anh ta dù có bị tội chết cũng không phải chịu tử hình; họ nói đã có đơn thỉnh cầu nộp lên ở Paris, nói là anh ta uất ức quá hóa rồ vì đứa con chết; họ nói đơn thỉnh cầu đã dâng cho chính Đức vua. Chuyện này sao tôi biết được! Cũng có thể. Chắc là có, mà cũng có thể không.

– Nghe đây, Jacques, - gã số Một cùng tên lạnh lùng ngắt lời. - Đúng là có đơn thỉnh cầu dâng lên Đức vua và Hoàng hậu. Trừ anh ra, mọi người ở đây đều thấy Đức vua đã nhận đơn, ngay trong long xa khi du hành ngoài phố, có Hoàng hậu ngồi cạnh. Chính Defarge đang đứng đây là người đã liều mạng phóng ra chặn đầu ngựa dâng đơn thỉnh cầu đó.

– Chưa hết đâu, Jacques! - Tiếng gã số Ba đang quỳ; tay lúc nào cũng xoa quanh vùng da nhạy cảm một cách ham hố cứ như đang đói khát một thứ gì đó chẳng phải thức ăn lẫn đồ uống. - Đám vệ binh đi ngựa lẫn đi bộ đã bao vây người đưa đơn này và đánh đập anh ta đó. Nghe rõ chưa?

– Rõ rồi, thưa các ông.

– Vậy thì tiếp đi, - Defarge nói.

– Rồi, còn nữa, - gã dân quê tiếp tục, - họ còn xì xào là anh ta bị đưa xuống vùng quê tội để xử tử tại chỗ, nhất định là sẽ bị xử tử. Họ còn kháo nhau là do anh ta đã giết chết quan lớn, và do quan lớn là bậc phụ mẫu của các tá điền... hay là nông nô... gọi sao cũng được... anh ta sẽ bị xử tử như kẻ phạm tội giết cha mẹ. Một ông già ở đài phun nước nói là bàn tay phải của anh ta, bàn tay cầm dao, sẽ bị đốt cháy ngay trước mặt anh ta; rồi sẽ bị chặt hai cánh tay, chặt hai chân, mổ phanh ngực; rồi dầu sôi, chì lỏng, nhựa nóng, sáp chảy với lưu huỳnh sẽ đổ vào các vết thương; cuối cùng anh ta sẽ bị tứ mã phanh thây. Ông già đó nói thực tế đã có một tù nhân chịu hình phạt này do can tội mưu sát tiên đế, vua Louis XV. Nhưng ông ta có nói thật hay không thì tôi chịu. Tôi có được đi học đâu.

- Vậy thì nghe đây, Jacques! - Tiếng người có bàn tay bồn chồn và vẻ đói khát. - Tù nhân đó tên là Damiens, và mọi nhục hình đó đều thực hiện giữa ban ngày ban mặt, ngay giữa phố phường thành Paris này; trong đám đông đen đặc những kẻ kéo tới xem xử tử, đáng chú ý nhất là các bà, các cô đài các phong lưu; họ háo hức, chăm chú xem đến tận cùng... đến tận cùng, nghe chưa Jacques! Tức là tới nửa đêm, khi người tù đó đã bị chặt hai chân và một cánh tay, và vẫn còn thở! Chuyện này xảy ra khi... ồ, anh bao nhiêu tuổi rồi?

- Ba mươi lăm, - gã phu lục lộ nói, trông gã già như sáu mươi.

- Vậy khi đó anh chỉ mới hơn mười tuổi; lẽ ra anh đã có thể chứng kiến vụ này.

- Đủ rồi! - Tiếng Defarge nóng nảy và dữ tợn. - Quý sứ vạn tuế! Tiếp đi.

- Được! Kẻ đồn thế này, kẻ đồn thế khác; ai cũng toàn nói chuyện người tù; ngay cả đài phun nước như cũng bàn tán theo. Cuối cùng, vào một đêm Chủ nhật khi cả làng đã ngủ; lính tráng xuất hiện, cả đoàn ngoằn ngoèo từ trên nhà ngục xuống, tiếng súng ống lạnh canh vang trên những con đường đá trong làng. Lao công đào đất, lao công nện búa, lính tráng cười hát; tới sáng ra, cạnh đài phun nước đã thấy sừng sững một giá treo cổ cao tới mười lăm mét, làm nhiễm độc hết nguồn nước.

Gã phu lục lộ ngược lên nhìn trần nhà thâm thấp nhưng ánh mắt như xuyên thấu qua mái, hướng về giá treo cổ nào đó trên bầu trời.

- Mọi việc đều dừng lại; mọi người tụ về đó, chẳng ai dắt bò đi chăn, bò đứng chung với người một chỗ. Tới đứng bóng thì nghe một hồi trống. Lính tráng đã kéo vào nhà ngục trong đêm và bây giờ điệu người tù ra. Anh ta vẫn bị trói như trước, miệng bị nhét giẻ... buộc chặt với một sợi dây căng cứng, khiến anh ta trông như đang toét miệng cười. - Gã gọi lại hình ảnh đó bằng cách nhăn mặt, móc hai ngón cái căng miệng ra tận mang tai. - Trên đỉnh giá treo cổ có cắm con dao, lưỡi dao nhọn chìa ngược lên trời. Anh ta bị treo lên cao

mười lăm mét... và cứ lủng lẳng ở đó, làm nhiễm độc cả đài nước bên dưới.

Họ nhìn nhau, và gã dân quê lấy chiếc mũ xanh lau bộ mặt tuơng đầy mồ hôi trong lúc gã thuật lại cảnh tượng đó.

– Kinh khủng lắm, thưa các ông. Làm sao đàn bà, trẻ con lấy nước về dùng được! Còn ai dám tán gẫu dưới cái bóng đó nữa! Cái bóng của giá treo cổ, các ông nghe rõ chưa? Khi tôi bỏ làng ra đi, buổi chiều thứ Hai khi mặt trời lặn, và đứng trên đồi nhìn về, cái xác người treo đó đổ bóng đè lên nhà thờ, đè lên nhà máy xay, đè lên nhà ngục... hình như trải dài trên mặt đất, thưa các ông, đến tận chân trời!

Tên Jacques đói khát gặm nhấm ngón tay mình trong lúc gã nhìn ba người kia, đầu ngón tay run rẩy theo cơn thèm muốn cồn cào.

– Vậy đó, thưa các ông. Tôi bỏ đi lúc hoàng hôn, người ta khuyên tôi như thế, tôi cứ đi, suốt đêm hôm đó và ngày hôm sau, tới khi tôi gặp người bạn này, người ta đã báo trước như thế. Tôi đã đi cùng anh này, lúc đi xe lúc cuốc bộ, tới hết ngày hôm qua và suốt đêm qua. Bây giờ thì tôi ở đây!

Sau một hồi im lặng bi thương, Jacques Một lên tiếng:

– Được! Anh đã làm đúng và đã kể lại trung thực. Phiên anh ra ngoài cửa đợi chúng tôi một chút?

– Sẵn lòng, - gã phu lục lộ nói. Defarge đưa gã ra đầu cầu thang, để gã ở đó rồi quay lại.

Ba người kia đã đứng lên, chụm đầu bàn bạc khi Defarge trở về căn phòng áp mái.

– Ý anh sao, Jacques? - Số Một hỏi. - Cho vào danh sách không?

– Cho vào danh sách, và sẽ bị thủ tiêu, - Defarge đáp.

– Tuyệt! - Số Ba háu đói rên một tiếng.

– Lâu đài đó và cả dòng họ? - Số Một hỏi.

– Lâu đài đó và cả dòng họ, - Defarge đáp. - Tiêu diệt hết.

– Tuyệt! - Kẻ háu đói lặp lại tiếng rên khoái trá và bắt đầu gặm ngón tay khác.

Jacques Hai hỏi Defarge:

– Anh có chắc là cách lưu giữ danh sách này sẽ không gây phiền toái nào chứ? Chắc chắn là danh sách này an toàn rồi vì ngoài chúng ta ra không ai giải mã được nó; nhưng có bảo đảm là chúng ta luôn giải mã được không... hay, tôi phải nói thẳng ra là bà ấy có bảo đảm được không?

– Jacques, - Defarge vừa đáp vừa vươn thẳng người lên, - nếu bà vợ tôi một mình đảm trách việc ghi nhớ danh sách này thì bà ấy sẽ nhớ như in... không sót một chữ. Bà ấy đã đan cái danh sách đó theo những mũi đan và ký hiệu riêng, bà ấy nhìn là biết rõ không sót một cái tên nào. Hãy tin tưởng bà Defarge. Một kẻ đại nhát gan mà dám tự sát là chuyện còn dễ hơn là xóa tên, xóa tội khỏi bản danh sách thủ tiêu đan bằng len của bà Defarge đấy.

Có tiếng lẩm bẩm tin tưởng và tán thành, rồi số Ba đói khát hỏi:

– Thế có tổng cổ tên nhà quê đó đi không? Tôi mong là thế. Hẳn ta không khôn ngoan lắm, như vậy chẳng phải nguy hiểm sao?

– Hẳn không biết gì đâu, - Defarge nói, - mà nếu hẳn có khai ra được điều gì thì chính hẳn cũng bị treo cổ lên luôn. Để hẳn cho tôi lo; cứ để hẳn ở chỗ tôi; tôi sẽ lo liệu và cho hẳn đi con đường riêng. Hẳn muốn nhìn thấy thế giới tươi đẹp này... thấy Vua, thấy Hoàng hậu, và thấy Tòa án; Chủ nhật này tôi sẽ cho hẳn thấy các thứ đó.

– Sao? - Số Ba đói khát kêu lên, mắt mở to. - Kẻ mong muốn được thấy hoàng gia, quý tộc thì có gì đáng tin cậy chứ?

– Jacques, - Defarge nói, - muốn con mèo biết thêm sữa thì phải cho mèo thấy sữa mới là khôn ngoan. Muốn con chó có ngày săn mồi cho mình thì phải cho chó nhận biết con mồi mới là khôn ngoan.

Không ai nói gì nữa, và họ thấy gã phu lục lộ đã ngủ gục ở đầu cầu thang bèn bảo gã vào cái giường ọp ẹp bên trong phòng áp mái nằm nghỉ. Không cần phải thuyết phục, gã ngủ liền sau đó. Với kẻ quê mùa

như gã phu lục lộ này thì không thể nào tìm được chỗ nào ở Paris tốt hơn là tửu quán của Defarge. Ngoại trừ nỗi sợ hãi khó hiểu đối với bà chủ Defarge lúc nào cũng ám ảnh, gã thấy sống ở đây vừa mới lạ, vừa thoải mái. Nhưng bà chủ suốt ngày ngồi ở quầy rượu, tỏ ra chẳng để ý gì tới gã và rõ ràng là nhất quyết không coi gã có chút liên quan gì đến những chuyện mưu đồ bí mật, lạnh lùng tới độ mỗi lần nhìn thấy chị là gã sợ bủn rủn hai chân. Bởi trong lòng gã dám chắc rằng không thể nào biết trước chị ta định làm gì; và gã yên trí rằng nếu cái đầu trang sức sắc sảo của bà chủ mà bỗng dưng tưởng tượng thấy gã đã giết người lột da ai thì nhất định chị ta sẽ đình ninh tới cùng đó là sự thật.

Cho nên, khi tới Chủ nhật, gã phu lục lộ không thích (dù ngoài miệng nói ngược lại) khi thấy bà chủ đi cùng ông chủ và gã tới điện Versailles. Thật đáng ái ngại khi bà chủ cứ đan len suốt đường đi, trên xe ngựa công cộng; và càng đáng ái ngại hơn khi buổi trưa đứng giữa đám đông mà bà chủ vẫn cứ đan luôn tay trong lúc ai ai cũng ngóng chờ xem xa giá của Đức vua và Hoàng hậu.

- Bà làm chăm quá, - một ông đứng cạnh nói.
- Vâng, - Chị Defarge đáp - Tôi còn nhiều thứ phải đan.
- Bà đan gì vậy?
- Đủ thứ.
- Ví dụ như...
- Ví dụ như, - Chị Defarge thản nhiên đáp, - khăn liệm.

Ông kia bèn nhích ra xa thật nhanh, và gã phu lục lộ đưa chiếc mũ xanh lên quạt, trong lòng thấy hết sức ngọt ngào khi phải đứng kề bên bà chủ. Nếu gã cần Vua và Hoàng hậu cứu nguy thì may cho gã không phải chờ lâu; Nhà vua cầm bành và Hoàng hậu xinh đẹp liền xuất hiện trong cỗ xe dát vàng, tháp tùng là những cận thần tâm phúc sang trọng, một đoàn lộng lẫy các công nương hớn hở và khanh tướng bảnh bao; đám đàn ông cũng như đàn bà phủ đầy lụa là, châu báu, trát phấn, tô son, bộ điệu kiêu kỳ, mặt mày khinh khinh ấy khiến gã phu lục lộ tha hồ nhìn ngắm say sưa tới mức la lên Đức vua vạn tuế Hoàng hậu

vạn tuế, mọi người mọi thứ vạn tuế! Cứ như trong đời gã chưa bao giờ biết đến những kẻ cùng mang tên Jacques. Sau đó gã được xem bao hoa viên, sân triều, vọng lâu, đài nước, đồi cỏ xanh, lại thấy Vua và Hoàng hậu, lại thấy đám cận thần khanh tướng với công nương, lại Vạn tuế hết thấy! Tới độ gã bật khóc vì cảm xúc. Suốt cuộc chiêm ngưỡng kéo dài khoảng ba giờ đó, gã cũng gặp nhiều người xúc động la khóc, và lúc nào Defarge cũng nắm chặt cổ áo gã cứ như sợ gã sẽ xông vào các đối tượng sùng bái nhất thời kia mà xé xác họ ra.

– Hoan hô! - Defarge như kẻ bề trên vỗ lưng gã khi xong chuyện. - Anh giỏi lắm!

Gã phu lục lộ giờ mới sức tỉnh ra và đâm lo không biết mình có làm gì sai trong những cách biểu hiện vừa qua; nhưng không.

– Anh đúng là người chúng tôi cần, - Defarge nói vào tai gã, - anh khiến lũ ngu kia tin rằng chúng sẽ tồn tại mãi mãi. Cho nên, chúng càng ngang ngược thì càng tiêu vong sớm.

– Đấy! - Gã phu lục lộ thốt lên, vẻ tự lự. - Đúng thế đấy.

– Lũ ngu đó chẳng biết gì đâu. Dù chúng khinh rẻ mạng sống của chúng ta và sẵn sàng thí bỏ mạng anh hay mạng hàng trăm người như anh hơn là thí bỏ lũ ngựa, lũ chó của chúng, chúng chỉ biết những gì mà anh để lộ ra thôi. Cứ lừa phỉnh chúng như vậy đi, lâu thêm chút nữa; có lừa phỉnh chúng bao nhiêu cũng đáng.

Chị Defarge gật đầu đồng tình và khinh khỉnh nhìn người khách quê. Chị ta nói với gã:

– Còn anh, anh cứ hò hét, khóc than gì cũng được, miễn là cứ phô trương, ầm ĩ lên. Nói đi! Làm được không?

– Thật tình thì tôi nghĩ là được, thưa bà. Tạm thời là được.

– Nếu anh thấy một đồng búp bê và bảo anh tha hồ phá hỏng, xé tan chúng đi thì anh sẽ chọn con nào đắt tiền nhất và lộng lẫy nhất. Nói đi! Đúng vậy không?

– Thật tình là thế, thưa bà.

– Được. Và nếu anh thấy một đàn chim không biết bay và bảo anh tha hồ vật lông chúng thì anh sẽ chọn con nào lông đẹp nhất; phải vậy không?

– Đúng vậy, thưa bà.

– Hôm nay anh đã thấy cả búp bê lẫn chim rồi đó, - Chị Defarge khoát tay về phía vị trí triều đình vừa đi qua. - Bây giờ, về quê đi.

16. Vẫn đan len

Bà chủ Defarge và đức lang quân thư thả trở về giữa lòng Saint Antoine, trong khi một đốm xanh màu chiếc mũ lặn lội bóng đêm, xuyên qua màn bụi, vượt những dặm dài men theo vệ đường, chầm chậm đi thẳng về hướng lâu đài của ngài Hầu tước, người giờ nằm dưới mồ nghe lá rì rào. Những tượng đá lúc này tha hồ nhàn tản nghe tiếng cây cối và nước chảy, đến độ mấy gã dân làng rách rưới - đi lạc vào sân lâu đài đá và cầu thang có hàng hiên rộng lớn này khi kiếm tìm rau cỏ để ăn và củ vụn để đốt - trong cơn mê sảng vì đói cứ tưởng những mặt tượng ấy đã đổi khác. Có tin đồn cứ rỉ tai nhau dưới làng - tin đồn cũng thoi thóp không chịu chết như dân ở đây - là khi con dao ấy đâm trúng đích, các mặt tượng đã chuyển từ vẻ cao ngạo sang tức giận và đau đớn; rồi khi cái xác thủ phạm lủng lẳng được kéo lên cao mười hai mét bên trên đài phun nước thì các mặt tượng lại đổi lần nữa thành nét tàn bạo của kẻ được trả thù, và từ đó luôn mang vẻ mặt ấy. Ở mặt tượng đá trên cửa sổ lớn của phòng ngủ đã xảy ra án mạng, người ta thấy rõ mũi pho tượng hằn lên hai vết lõm nhỏ mà trước đây không ai thấy; năm thì mười họa, vài ba gã dân quê áo quần tồi tả tách khỏi đám đông tới gần nhìn trộm bộ mặt Hầu tước hóa đá kia, ngón tay gầy guộc hấp tấp chỉ cho mọi người thấy mấy nếp nhăn đó trong một thoáng, rồi tất cả liền bỏ đi lòng tìm thứ gì ăn được giữa đám rêu rong cây lá như một bầy thỏ rừng, mặc dù thỏ còn may mắn không đói như người.

Lâu đài và lều tranh, mặt tượng đá và xác tử tội lủng lẳng, vết máu đỏ trên sàn hoa cương và nước trong ở giếng làng - hàng ngàn mẫu đất - cả một tỉnh của Pháp - toàn bộ nước Pháp - chìm dưới trời sao, tất cả chỉ còn là một dải đất phù du. Cả thế gian cũng vậy, bao điều lớn lao và nhỏ mọn đều khuất dưới ánh sao lấp lánh. Giống như chỉ có trí tuệ

con người có thể tách bạch ánh sáng và phân tích rạch ròi quang phổ, thì cũng chỉ có những đầu óc siêu phàm mới có thể nhìn thấu trong ánh sáng mơ hồ bao trùm cõi đời này mọi suy tư và hành động, mọi tội lỗi và đức hạnh mà mọi người trong thiên hạ phải chịu trách nhiệm.

Vợ chồng Defarge ngồi trên chiếc xe ngựa công cộng ịch dưới ánh sao theo lộ trình quen thuộc hướng về cổng thành Paris. Xe phải dừng ở chốt canh như thường lệ và những chiếc đèn lồng thường lệ lại tiến ra soi mặt xét hỏi. Anh Defarge xuống xe; anh ta có quen một, hai lính gác ở đây, cùng một cảnh binh. Anh rất thân với tay cảnh binh và hai người ôm nhau thân thiết.

Sau khi vợ chồng Defarge xuống xe lần cuối ở ranh giới khu vực mang tên Thánh Antoine thì vị thánh một lần nữa bao bọc họ trong đôi cánh màu đêm; lúc lần mò lội bộ qua lớp bùn đen rác rưởi của những ngõ phố, chị Defarge lên tiếng hỏi anh chồng:

- Nói em nghe đi, Jacques cảnh binh đã nói gì với anh vậy?
- Có gì anh ta cũng nói hết, nhưng tối nay ít tin tức lắm. Có một tên mật thám nữa được thuê dò la khu vực nhà ta. Có thể còn nhiều tên khác, nhưng theo những gì anh ta biết thì chỉ có một tên thôi.
- À được! - Chị Defarge nhướn mày, vẻ thản nhiên như không. - Vậy thì cần phải đưa hắn vào danh sách. Kẻ đó là ai?
- Hắn là người Anh.
- Càng tốt. Tên gì?
- Barsad, - Defarge phát âm cái tên đó theo giọng Pháp. Nhưng anh đã cẩn thận nghe rất kỹ để có thể về nhà ghi lại thật chính xác.
- Barsad, - chị lặp lại. - Tốt. Còn tên thánh là gì?
- John.
- John Barsad, - chị lặp lại, sau khi lẩm nhẩm một mình. - Tốt. Còn nhân dạng, có biết không?
- Tuổi, chừng bốn mươi; chiều cao, khoảng một mét bảy lăm; tóc đen; da ngăm; nhìn chung mặt mũi khá điển trai; mắt đen, mặt gầy,

dài, da vàng bủng; mũi khoằm chứ không thẳng, đặc biệt hơi vẹo qua phía má trái, cho nên trông gương mặt có vẻ hiểm độc.

- Không tin nổi. Hết một bức chân dung! - Chị vợ vừa nói vừa cười. - Ngày mai sẽ cho hẳn vào danh sách.

Họ đi vào tửu quán đã ngừng bán (vì đã nửa đêm rồi), chị Defarge lập tức vào chỗ ngồi của mình ở quầy, đếm số tiền ít ỏi thu được khi chị ta đi vắng, xem lại hàng tồn, dò các mục thu chi ghi trong sổ, tự mình ghi vào các mục khác, hạch hỏi anh chàng giúp việc bán rượu đủ điều rồi mới cho hẳn đi ngủ. Sau đó chị ta đổ hết bát tiền ra bàn lần nữa, gói những đồng xu trong khăn tay thành một xâu thắt nút từng cọc tiền riêng rẽ để cất giữ qua đêm. Suốt thời gian đó, Defarge miệng ngậm tẩu, đi tới đi lui, hài lòng và thán phục nhìn vợ làm việc nhưng không hề chen vào; quả thực trong chuyện làm ăn lẫn gia đình, anh cả đời chỉ toàn đứng ngoài đi tới đi lui như thế.

Đêm oi bức và tửu quán bốc mùi nồng nặc vì đóng kín cửa và chung quanh là một khu vực hôi thối. Khứu giác của anh Defarge hoàn toàn không nhạy nhưng mùi rượu vang trong thùng dường như bốc mạnh hơn mọi khi, và các thùng rượu rum, rượu mạnh và rượu *anise* cũng thế. Anh xua cái hỗn hợp mùi ấy đi bằng một hơi thuốc cuối cùng rồi bỏ chiếc tẩu xuống.

- Mình mệt rồi đó, - chị vợ nói, tay buộc tiền, mắt ngược nhìn. - Mùi rượu cũng bình thường vậy thôi.

- Tôi hơi mệt, - anh chồng thừa nhận.

- Mình cũng hơi chán nản nữa, - chị vợ tinh mắt không hề chăm chú vào việc tiền nong tới mức không để ý tới chồng. - Ôi, các ông thật là!

- Nhưng mình ơi! - Defarge mở lời.

- Nhưng mình ơi! - Chị vợ nói theo, lắc đầu quầy quậy. - Nhưng mình ơi! Tối nay anh nản lòng rồi, mình ơi!

- Ờ, đúng, - Defarge nói như thể chị vợ đã hiểu hết ruột gan, - đúng là lâu quá.

- Đúng là lâu, - chị vợ lặp lại, - thế có lúc nào nhanh chóng được đâu? Báo thù và trừng phạt là chuyện trường kỳ, phải như vậy thôi.

- Sét đánh người ta thì đâu có mất nhiều thời gian, - Defarge nói.

- Để tạo ra được tia sét thì mất bao lâu? - Chị vợ bình thản hỏi.

Defarge ngẩng lên suy nghĩ, có lẽ lời vợ cũng có phần đúng. Chị vợ nói tiếp:

- Động đất chôn vùi thành phố thì đâu có mất nhiều thời gian. À đúng! Vậy để tạo ra được động đất thì mất bao lâu, anh nói thử coi?

- Lâu lắm, chắc thế, - Defarge nói.

- Nhưng một khi đã sẵn sàng thì nó xảy ra, và nghiền nát mọi thứ cản đường. Còn trong lúc này, nó luôn tích tụ, dù không ai thấy, không ai nghe. Cứ yên trí vậy đi. Đừng nản.

Chị vợ thắt một xâu tiền nữa, mắt long lên như đang siết cổ kẻ thù.

- Tôi nói mình rồi, - chị vợ dang bàn tay phải ra để nhấn mạnh lời nói - việc trả thù dù có mất nhiều thời gian thì cũng sẽ đến lúc thôi. Tôi nói rồi, nó không bao giờ quay lui, nó không bao giờ dừng lại. Tôi nói rồi, nó luôn tiến tới. Hãy nhìn quanh mà nghĩ đến cuộc sống của bao nhiêu người mình quen biết, hãy nghĩ đến những gương mặt của bao nhiêu người mình quen biết, hãy nghĩ đến cơn thịnh nộ và bất mãn mà các anh em Jacques bộc lộ càng lúc càng dữ dội, từng ngày từng giờ. Những chuyện đó có kéo dài mãi không? Xì! Anh thật kỳ khôi.

- Bà vợ gan dạ ời, - Defarge đáp lại, anh đứng trước mặt vợ, đầu hơi cúi, hai tay nắm sau lưng, trông như một học trò ngoan ngoãn, chăm chú trước mặt thầy dạy giáo lý, - tôi hoàn toàn không nghi ngờ điều đó. Nhưng chuyện này kéo dài quá lâu rồi, và cũng có thể... mình biết rồi đó, cũng có thể là... tới chết chúng ta vẫn chưa thấy xảy ra.

- À được! Vậy thì sao nào? - Chị vợ vừa hỏi vừa thắt một xâu tiền nữa, thêm một kẻ thù bị siết cổ nữa.

- Chà! - Defarge nhún vai, nửa than trách nửa hối tiếc. - Thì chúng ta sẽ không nhìn thấy thắng lợi chứ sao.

– Đành chịu thôi, - chị vợ đáp lại, bàn tay chìa ra nhấn mạnh. - Việc chúng ta làm chẳng có gì là vô ích cả. Tôi tin, bằng cả linh hồn, là chúng ta sẽ nhìn thấy thắng lợi. Nhưng dầu không thấy, dầu tôi biết chắc là không thấy, cứ đưa cổ một tên quý tộc bạo tàn cho tôi thì tôi cũng sẽ...

Nói tới đó chị nghiêng răng siết một xâu tiền như muốn xé xác ai.

– Đây! - Defarge thốt lên, mặt hơi đỏ như đang thấy mình bị buộc tội hèn nhát. - Tôi cũng vậy, mình ơi, tôi sẽ không ngừng bước trước bất cứ điều gì.

– Đúng! Nhưng nhược điểm của anh là thỉnh thoảng anh phải nhìn thấy con mồi và cơ hội thì anh mới giữ được ý chí tới cùng. Anh phải quyết chí mà không cần làm như thế. Khi thời cơ đến, hãy xô cộp beo với quỹ dữ trong lòng ra; nhưng lúc này phải xiềng xích chúng lại chờ thời... không để lộ ra... nhưng phải luôn sẵn sàng.

Chị vợ nhấn mạnh câu kết của lời khuyên bằng cách nện xâu tiền xu xuống mặt quầy rượu như muốn quật ai đó phọt óc, rồi thản nhiên kẹp xâu tiền dưới nách bảo chồng đã tới giờ đi ngủ.

Trưa hôm sau, người đàn bà đáng nể ấy ngồi ở chỗ thường lệ trong tửu quán, cặm cùi đan len. Và nếu thỉnh thoảng chị có liếc nhìn đóa hồng đặt cạnh bên thì bông hoa cũng chẳng ảnh hưởng gì đến vẻ mặt bận rộn quen thuộc của chị. Quán có vài khách đứng ngồi rải rác, kẻ uống người không. Trời rất nóng và cả đám ruồi tò mò liều lĩnh bay vào khám phá những chiếc ly nhỏ dính nhớt đặt gần chị ta đều rơi xuống đáy ly chết ngắc. Cái chết của chúng chẳng mấy may động lòng lũ ruồi khác nhớn nhơ bên ngoài đang dừng dừng nhìn đồng loại (làm như chúng là voi hay loài nào xa cách lắm), cho đến khi cùng chung số phận. Cái lũ ruồi nặng bàng quan ấy mới kỳ cục làm sao! - Có lẽ những kẻ ở triều đình trong ngày hè nắng rực ấy cũng bình thản vô tâm như thế.

Một người bước qua ngưỡng cửa hắt bóng lên quầy rượu của chị Defarge, chị ta biết ngay là khách lạ. Buông đồ đan xuống, cài đóa

hồng lên khăn trùm đầu, chị ta nhìn người mới đến.

Thật lạ. Ngay lúc chị Defarge cầm bông hoa lên, khách khứa bên trong liền ngừng chuyện tán gẫu và lần lượt đi ra khỏi quán.

– Xin chào bà, - người lạ lên tiếng.

– Xin chào ông.

Chị ta nói to, rồi vừa nói thầm với chính mình vừa tiếp tục đan: “A! Xin chào, tuổi chừng bốn mươi, cao khoảng một mét bảy lăm, tóc đen, nhìn chung mặt mũi khá điển trai, da ngăm, mắt đen, mặt gầy, dài, da vàng bủng, mũi khoằm chứ không thẳng, đặc biệt hơi vẹo qua phía má trái nên trông gương mặt có vẻ hiểm độc! Xin chào, mọi người!”

– Xin vui lòng cho tôi một ly nhỏ *cognac* lâu năm, và một ly nước mát, thưa bà.

Chị ta lịch sự phục vụ khách.

– Rượu *cognac* này tuyệt quá, thưa bà!

Lần đầu tiên mới có người khen như thế và chị Defarge thừa biết nguồn gốc của thứ rượu này nên đâu có tin. Dù vậy chị ta cũng cảm ơn lời khen rồi đan tiếp. Người khách nhìn những ngón tay lẹ làng của bà chủ quán một hồi rồi nhân cơ hội này quan sát chung quanh.

– Bà đan giỏi quá.

– Tôi quen rồi.

– Hoa văn lại đẹp nữa!

– Ông nghĩ vậy à? - Chị ta mỉm cười nhìn khách.

– Chắc chắn. Cho tôi hỏi đan làm chi vậy?

– Cho vui thôi, - chị nói, mắt vẫn nhìn, miệng vẫn cười, những ngón tay vẫn thoăn thoắt.

– Chứ không để làm gì sao?

– Còn tùy. Biết đâu có ngày cần tới. Nếu cần tới... Chà, - chị thở một hơi rồi lắc đầu như vừa làm duyên vừa tỏ ra nghiêm nghị, - thì tôi dùng!

Điều đáng chú ý là sở thích của dân khu Saint Antoine hình như xung khắc rõ ràng với bông hồng trên khăn trùm đầu của chị Defarge. Có hai người đã lần lượt vào quán, đã định gọi rượu uống, nhưng khi nhìn thấy món tô điểm ấy thì họ ngập ngừng, giả vờ nhìn quanh như muốn tìm một người bạn không có mặt, rồi bỏ đi. Những người có mặt trong quán khi vị khách lạ này bước vào cũng đã đi hết không còn ai. Biển sạch. Tên mật thám đã quan sát kỹ nhưng không thấy dấu hiệu nào. Ai cũng uể oải tha thần theo cùng một kiểu đói rách, không đích hướng, vô tình, hoàn toàn tự nhiên và không thể nghi ngờ gì được.

“*John*”, chị chủ quán nghĩ thầm, những ngón tay đan cái tên này vào danh sách, rồi nhìn khách lạ. “Nán lại thêm chút nữa là ta sẽ kịp đan xong luôn cái họ *Barsad* của mi.”

– Bà có chồng chứ?

– Có.

– Con cái?

– Không con cái.

– Làm ăn có vẻ khó khăn?

– Làm ăn rất khó khăn; dân chúng nghèo quá.

– Ồ, những người khốn khổ, bất hạnh! Còn bị áp bức quá nữa chứ... như bà đã nói.

– Chính ông nói chứ, - chị bắt bẻ, chỉnh lại, và lệ làng đan thêm ký hiệu gì đó hoàn toàn chẳng phải tốt đẹp vào cái tên này.

– Xin thứ lỗi, đúng là tôi nói chứ không phải bà, nhưng tất nhiên bà cũng nghĩ thế mà. Hẳn rồi.

– *Tôi* nghĩ ư? - Chị ta cao giọng đáp lại. - Tôi với chồng tôi lo cái quán rượu này đã quá bận rồi. Chẳng có nghĩ gì cả. Ở đây, chúng tôi chỉ nghĩ là làm sao tồn tại được. Đó là chuyện *chúng tôi* nghĩ tới, và bấy nhiêu cũng đủ bận tâm từ sáng tới tối rồi, không còn rảnh trí đâu mà nghĩ chuyện khác. Tôi mà nghĩ chuyện gì khác à? Không đâu.

Tối đây để nhặt nhanh bất kỳ chút thông tin nào vớ được, tên mật thám không cho phép vẽ bối rối lộ ra trên bộ mặt nham hiểm mà cứ đứng đó làm như tán gẫu bông lờ, hai khuỷu tay chống trên mặt quầy rượu của chị Defarge, chốc chốc lại nhấp một ngụm *cognac*.

– Ghê gớm thật đấy chứ, thưa bà, chuyện xử tử Gaspard đó. Ôi! Tội nghiệp thằng Gaspard! - Thở dài một tiếng rất thương cảm.

– Thật à? - Chị chủ quán thản nhiên như không. - Ai dùng dao vào những việc như thế thì họ phải trả giá. Hẳn ta đã biết trước cái giá của trò xa xỉ đó và đã trả xong.

– Tôi nghe là... - tên mật thám hạ giọng thì thầm như muốn gợi chuyện bí mật, mọi cơ bắp trên bộ mặt hung ác đều khoác vẻ nghi ngại của một nhà cách mạng bị tổn thương - tôi nghe là dân ở đây đều thương xót và tức giận lắm, về chuyện kẻ đáng thương đó. Nói riêng với bà thôi.

– Vậy sao? - chị chủ quán lơ đãng hỏi.

– Thế không phải à?

– ...Nhà tôi tới rồi kìa! - Chị Defarge nói.

Anh chủ quán vừa qua khỏi cửa, tên mật thám nhắc mũ chào rồi nói với một nụ cười cố ý “Xin chào, Jacques!” Defarge đứng sững lại, trừng mắt nhìn gã.

– Xin chào, Jacques! - Gã ta lặp lại, không hoàn toàn tự tin nữa và nụ cười đậm ra gương gạo dưới cái nhìn chăm chăm kia.

– Ông nhầm rồi, thưa ông, - anh chủ quán đáp. - Ông nhầm tôi với ai. Không phải tên tôi. Tôi là Ernest Defarge.

– Cũng như nhau thôi, - tên mật thám nói giọng vui vẻ, nhưng cũng lúng túng. - Xin chào!

– Xin chào! - Defarge lạnh lùng đáp lại.

– Tôi mới nói với bà đây, tôi đã được hân hạnh hầu chuyện với bà nhà khi ông vào, chuyện người ta nói là dân Saint Antoine rất thương

xót và tức giận... mà đúng thôi!... Về số phận bất hạnh của Gaspard tội nghiệp.

– Tôi chẳng nghe ai nói thế cả, - Defarge lắc đầu. - Tôi không biết gì chuyện này.

Nói xong, anh đi vòng ra sau quầy rượu, đứng vịn tay trên lưng ghế của vợ, nhìn kẻ ngồi bên kia vật cản đối mặt với cả hai vợ chồng, kẻ mà cả anh ta lẫn chị vợ đều sẽ hạ hê bắn chết tươi nếu được.

Đã quen nghề, tên mật thám vẫn làm như không biết, cứ uống cạn ly *cognac* nhỏ, nhấp một ngụm nước mát, rồi gọi thêm ly *cognac* nữa. Chị Defarge rót rượu cho gã rồi cầm đồ len đan tiếp, vừa đan vừa ngâm nga khe khẽ một bài ca.

– Có vẻ ông rành khu này nhỉ; tức là còn rành hơn cả tôi? - Defarge nói.

– Không hề, nhưng tôi muốn biết rõ hơn. Tôi hết lòng quan tâm đến những cư dân khốn khổ ở đây.

– Hừ! - Defarge ậm ừ.

– Nhờ hân hạnh nói chuyện với ông, ông Defarge, mà tôi nhớ ra chuyện này, - tên mật thám cứ nói - chuyện là tôi cũng hân hạnh được biết đôi điều hay ho liên quan đến ông.

– Thật à? - Defarge càng dừng dừng hơn.

– Vâng, thật đó. Khi bác sĩ Manette ra tù, chính ông, người gia nhân ngày trước của ông ta, đã nhận chăm lo cho ông bác sĩ, tôi biết chuyện này. Người ta đã giao bác sĩ cho ông. Tôi biết rõ chuyện, ông thấy không?

– Đúng là thế, - Defarge nói. Trong lúc vừa đan vừa ngâm nga, chị vợ làm như tình cờ thúc khuỷu tay vào anh chồng ngụ ý nhắc anh ta nên trả lời, nhưng càng vắn tắt càng tốt.

– Chính ông là người cô con gái bác sĩ đã tới tìm, - tên mật thám nói, - và cô ta đã đón cha đi từ chỗ ông, cùng đi là một quý ông mặc

áo nâu sang trọng; tên gì ấy nhỉ?... có đội bộ tóc giả nhỏ... Lorry... người của ngân hàng Tellson và Hội đoàn... đi sang Anh quốc.

– Đúng là thế, - Defarge lặp lại.

– Những kỷ niệm rất hay! - Tên gián điệp nói. - Tôi có biết bác sĩ Manette và cô con gái của ông ấy bên Anh.

– Vậy à? - Defarge nói.

– Lâu nay ông không nghe tin tức gì về họ sao?

– Không.

– Thực ra, - chị Defarge ngừng đan, ngừng hát, ngược lên nói chen vào, - chúng tôi không hề nghe nói gì về họ nữa. Chúng tôi có hay tin họ đến nơi an toàn, và có nhận một, hai lá thư; nhưng kể từ đó đường ai nấy đi... họ và chúng tôi... hai bên không còn liên lạc gì nữa.

– Đúng vậy, thưa bà, - tên mật thám đáp lời. - Cô con gái ấy sắp lấy chồng.

– Sắp? - Chị chủ quán nói. - Đẹp gái như cô ta thì lẽ ra phải lấy chồng lâu rồi. Dân Ăng-lê các người coi bộ lạnh lùng đấy.

–Ồ! Bà biết tôi là dân Ăng-lê.

– Nghe giọng nói thì biết, - chị chủ quán đáp, - và tôi nghĩ giọng sao thì người vậy.

Gã kia không coi việc nhận dạng này là sự khen ngợi; nhưng cũng khéo xoay xở bằng một tiếng cười giả lả. Sau khi nhấp cạn ly *cognac*, gã nói tiếp:

– Vâng, tiểu thư Manette sắp lấy chồng. Nhưng lại không lấy chồng Ăng-lê; mà lấy người giống như cô ấy, là gốc Pháp. Nhân nói tới chuyện Gaspard; (Ôi chao, tội nghiệp Gaspard! Thật tàn nhẫn, tàn nhẫn!) thì chuyện kỳ lạ là cô ấy lại sắp lấy cháu trai của ngài Hầu tước, vì người đó mà Gaspard bị treo cổ lên cao cả chục mét; nói cách khác; chồng sắp cưới của tiểu thư Manette chính là Hầu tước hiện nay. Nhưng anh ta sống ẩn náu ở Anh, bên đó anh ta chẳng là Hầu tước nào cả, anh ta là Charles Darnay. Gọi theo tên D'Aulnais phía bên mẹ.

Chị Defarge vẫn đan len bình thường, nhưng tin tức này có tác động thấy rõ đến chồng chị ta. Sau quầy rượu Defarge đánh một que diêm và châm tẩu thuốc, bàn tay làm gì cũng run rẩy cho thấy anh ta bối rối. Tên mật thám kia sẽ không đáng gọi là mật thám nếu gã không nhìn thấy hay không lưu tâm những biểu hiện đó.

Ít nhất cũng thắng được một điểm, dù không biết giá trị đến đâu, và không có khách nào vào quán để gã dò la thêm, Barsad trả tiền rượu rồi ra về; trên đường đi ra còn tỏ vẻ nhã nhặn tỏ ý muốn được hân hạnh gặp lại ông bà Defarge. Gã đi ra ngoài Saint Antoine mấy phút rồi mà hai vợ chồng vẫn ở yên vị trí cũ, sợ gã sẽ quay lại.

– Có đúng không? - Defarge hạ giọng hỏi, mắt cúi nhìn vợ trong lúc anh đứng hút thuốc, một tay vịn trên lưng ghế của chị ta.

– Chuyện hẳn nói về tiểu thư Manette có đúng không?

– Thì hẳn nói thế, - chị vợ đáp; cặp chân mày hơi nhướng lên, - có thể không đúng. Mà cũng có thể đúng.

– Nếu như... - Defarge mới nói đã im bật.

– Nếu như gì? - Chị vợ hỏi.

– ...Nếu như chuyện sẽ xảy ra, khi chúng ta còn sống để nhìn thấy thắng lợi... tôi mong là, vì cô ấy, số phận sẽ giữ cho anh chồng tránh xa nước Pháp.

– Số phận của chồng cô ta, - chị Defarge nói với giọng thản nhiên thường lệ, - sẽ đưa anh ta đến nơi phải đến, đến kết cục phải đến. Tôi chỉ biết thế.

– Nhưng kỳ lạ quá... à, mà không kỳ lạ sao được... - Defarge gần như nài nỉ vợ mình phải thừa nhận, - nghĩ coi, sau bao nhiêu tình cảm chúng ta dành cho ngài bác sĩ, cho cô con gái của ông ấy, thì bây giờ dưới mũi đan của bà, tên của chồng cô ấy lại nằm cạnh tên cái thằng chó săn vừa mới đi ra?

– Khi chuyện xảy ra thì còn nhiều điều kỳ lạ hơn, - chị vợ đáp.

– Tôi đã lưu cả hai cái tên vào danh sách, xong xuôi rồi; cả hai đều đáng được như thế; vậy là đủ.

Chị ta đã thu dọn đồ đan khi nói mấy lời đó, rồi tháo hoa hồng trên tấm khăn trùm đầu xuống. Hoặc là dân Saint Antoine bằng trực giác đã biết thứ trang sức chương mắt ấy đã biến mất, hoặc là dân Saint Antoine đã chực chờ lúc đoá hoa được tháo xuống; chẳng nào thì dân khu này liền sau đó lại lê bước tới đây, phục hồi sinh khí cũ cho tửu quán.

Buổi chiều, vào mùa này thì đó là giờ mọi người ở Saint Antoine chường mặt ra đường, ngồi trên thềm nhà hay thành cửa sổ, xúm tụm ở các góc phố hay khoảnh sân bắn thiêu để hóng gió, chị Defarge với mớ đồ đan len trên tay đã quen đi tới chỗ này chỗ nọ, hết gặp nhóm này lại gặp nhóm khác - chị ta như là một người truyền giáo (có nhiều người giống chị ta); loại người mà nếu không bao giờ tồn tại nữa thì thế giới này sẽ tốt đẹp hơn. Mọi phụ nữ đều đan len. Họ đan những thứ vô dụng; nhưng cái việc thủ công này là một cách thay thế cơ học cho việc ăn uống; bàn tay hoạt động thay cho cái mồm và cơ quan tiêu hóa - nếu những ngón tay xương xẩu đó mà nằm im thì các dạ dày sẽ cồn cào hơn vì đói.

Như những ngón tay thoăn thoắt; ánh mắt cũng thoăn thoắt, và cả ý nghĩ cũng thoăn thoắt. Trong lúc chị Defarge đi từ nhóm này sang nhóm khác, cả ba thứ đó đều hoạt động nhanh hơn và hung tợn hơn trong từng đám phụ nữ mà chị ta đã nói chuyện rồi bỏ đi.

Anh chồng đứng hút thuốc ở ngưỡng cửa, nhìn theo vợ nề phục. “Đàn bà dễ có mấy tay,” anh tự nhủ, “một người đàn bà mạnh mẽ, cừ khôi, giỏi ghê gớm!”

Bóng tối buông dần, rồi tiếng chuông nhà thờ ngân nga và xa xa vọng về nhịp trống của Vệ binh Hoàng gia trong lúc những người đàn bà ngồi đan, vẫn đan. Bóng tối bao trùm họ. Một màn đêm khác hẳn hẳn cũng đang kéo đến khi những chiếc chuông giáo đường lúc này còn vui vẻ ngân nga trên tháp cao khắp nước Pháp, sẽ bị nung chảy

đúc thành đại bác kinh thiên; khi nhịp trống vốn thường nện vang át tiếng kẻ khốn cùng sẽ gầm lên trong màn đêm ấy tiếng thét của Quyền lực và No ăm, của Tự do và Sinh mệnh. Lớp lớp bóng tối phủ kín những người đàn bà đang ngồi đan, vắn đan, lòng chôn giấu giấc mơ thấy chính họ đang xúm xít quanh một đài cao chưa dựng lên, nơi họ ngồi đan, đan, đếm, đếm rụng rơi từng thủ cấp.

17. Đêm ấy

Chưa bao giờ mặt trời lặn trên góc phố yên tĩnh Soho lại huy hoàng rực rỡ như buổi chiều đáng nhớ ấy khi ông bác sĩ và cô con gái ngồi bên nhau dưới gốc tiêu huyền. Chưa bao giờ vầng trăng mọc trên kinh thành London rộng lớn lại tỏa sáng dịu dàng như đêm ấy khi hai cha con vẫn còn ngồi đấy và ánh trăng xuyên qua tầng lá soi chiếu gương mặt hai người.

Lucie ngày mai sẽ thành hôn. Cô đã dành buổi tối cuối cùng này cho cha, và chỉ có hai cha con dưới bóng cây.

- Cha có vui không, cha thân yêu?
- Hẳn rồi, con gái bé bỏng.

Cha con ngồi đã lâu nhưng ít nói gì. Trời còn đủ ánh sáng để làm việc và đọc sách nhưng cô lại không bận bịu như thường lệ mà cũng không đọc sách cho cha nghe. Thường khi ở bên cha dưới tàng cây này, cô vẫn làm việc hay đọc, nhưng lần này thì khác hẳn, không gì có thể thay đổi được hôm nay.

– Còn con tối nay cũng rất vui, thưa cha. Con hạnh phúc vô cùng trong tình yêu Chúa đã ban ơn; tình yêu con dành cho Charles và Charles dành cho con. Nhưng nếu đời con không còn được thờ kính cha, hoặc giả việc gia thất này được sắp đặt để chia lìa cha con, cho dù chỉ xa cách vài dặm phố, thì bây giờ chắc con sẽ buồn khổ và ân hận không lời nào tả xiết. Cho dù...

Dẫu thế nào thì Lucie cũng nghẹn ngào bỏ lửng câu nói.

Dưới ánh trăng buồn, cô vòng tay ôm cổ ông Manette, ngả đầu vào ngực cha. Ánh trăng lúc nào cũng buồn, buồn như ánh mặt trời - huy hoàng rồi tắt lịm - như chính phận người phù du.

– Cha thân yêu! Cha nói con nghe một lần cuối được không, có thật cha hoàn toàn chắc chắn là không có tình cảm mới mẻ nào, hay trách

nhệm mới mẻ nào của con có thể chia lìa tình phụ tử? Con tin chắc điều đó, nhưng còn cha? Trong thâm tâm, cha có hoàn toàn tin như thế không?

Người cha đáp với giọng vui tươi xác tín không thể nào giả tạo được:

– Chắc chắn hoàn toàn, con yêu! Còn hơn thế, Lucie, - ông nói thêm trong lúc trù mẩn hôn con gái, - thấy con thành gia thất thì tương lai ta càng tươi đẹp hơn nữa kia... ồ, còn hơn cả khi không có việc hôn nhân này.

– Con chỉ mong *thật* là vậy, thưa cha!

– Hãy tin ta, con yêu! Quả thật vậy mà. Con thử nghĩ đi; điều đó rõ ràng, tự nhiên như thế còn gì nữa. Con nặng lòng với ta và còn thơ dại, con không thể hiểu hết nỗi lo của ta lâu nay là không muốn đời con uổng phí...

Lucie đưa tay lên môi cha chặn lời, nhưng ông bác sĩ nắm tay con gái và lặp lại.

– ...Uổng phí, con à... không được uổng phí, không được đi ngược với lẽ thường của tự nhiên... chỉ vì ta. Con không ích kỷ nên đâu hiểu hết được lòng ta đã lo nghĩ chuyện này xiết bao; nhưng con hãy tự hỏi bản thân; hạnh phúc của cha làm sao trọn vẹn được nếu như con lại thiệt thòi chứ?

– Nếu con chưa từng gặp Charles, thưa cha, con sẽ hoàn toàn hạnh phúc mà không cần anh ấy.

Người cha mỉm cười trước lời thú nhận vô tình của con gái, ắt Lucie sẽ buồn lắm khi không có chàng trai kia trong đời. Ông đáp:

– Con yêu, con đã gặp Charles, và con đã có Charles. Nếu không gặp Charles rồi con cũng sẽ gặp chàng trai khác. Mà nếu con không gặp ai nữa thì đó là lỗi tại ta, và như thế phần đời u ám của ta không chỉ khiến ta đau khổ mà còn làm khổ cho cả con nữa.

Ngoại trừ lần ra tòa trước đây, hôm nay là lần đầu tiên cô gái nghe cha mình nhắc tới thời đau khổ đó. Lời cha vang vọng trong tai khiến

cô xúc động lạ thường và cảm xúc ấy sẽ còn in sâu trong lòng cô mãi về sau.

- Kìa! - Vị bác sĩ ở Beauvais đưa tay chỉ vàng trắng. - Ta đã nhìn trắng từ cửa sổ nhà tù, khi ta không chịu đựng nổi ánh sáng đó. Ta đã nhìn trắng khi trong lòng đau đớn nghĩ đến chuyện ánh trắng ấy cũng đang soi chiếu những gì ta đã mất, đau đớn tới mức đập đầu vào tường ngực thất. Ta đã nhìn trắng trong lúc tuyệt vọng, chán chường tới độ không còn nghĩ đến gì nữa ngoại trừ chuyện phải vạch bao nhiêu đường ngang dọc mới bằm vằm, bôi xóa hết mặt trắng tròn. - Ông nhìn trắng rồi nói thêm, vẻ trầm ngâm tư lự. - Phải hai mươi đường cả ngang lẫn dọc, ta còn nhớ, và rất khó mới chen vào được đường thứ hai mươi.

Cảm giác lạ lùng khi nghe cha nhắc lại thời xưa dâng trào trong Lucie khi ông bác sĩ nói; nhưng ông nói hoàn toàn không phải vì ý định làm con gái đau buồn. Có vẻ như ông chỉ muốn so sánh cái hiện tại hạnh phúc, vui sướng này với cái quá khứ cam khổ cùng cực đã qua.

- Ta đã nhìn trắng, không biết bao lần nghĩ đến đứa con chưa ra đời mà ta bị chia lìa. Không biết nó còn sống không. Không biết nó chào đời mạnh khỏe hay nổi đau khổ của người mẹ đã tước đoạt sự sống của bào thai. Không biết nó có phải là con trai để ngày nào đó rửa hận cho ta. Nhiều lúc ở trong tù, ta thêm khát trả thù không chịu nổi. Không biết nó có phải là đứa con trai không hề hay biết chuyện cha mình, hay là đứa thậm chí còn nghĩ rằng việc biến khỏi đời con là ý muốn tự nguyện của người cha. Không biết nó có phải là con gái để sau này trở thành một người phụ nữ.

Lucie nép sát vào cha, rồi hôn hai má và bàn tay ông Manette.

- Ta từng tưởng tượng đứa con gái ấy đã quên hẳn cha mình... hay đúng hơn, hoàn toàn không biết gì về ta, không màng đến ta. Năm này sang năm khác, ta đã đếm từng tuổi con gái mình. Ta tưởng tượng con gái mình đã thành hôn với một người không hay biết gì về số phận của

ta. Và ta đã lụi tàn trong ký ức của những người đang sống, rồi đến thế hệ sau chẳng còn ai nhớ đến ta nữa.

– Cha ơi! Dù đã nghe chính cha nói rằng đó chỉ là tưởng tượng, con vẫn thấy đau lòng như thể mình là đứa con gái trong tưởng tượng của cha!

– Con ư, Lucie? Nếu không có con an ủi và phục hồi trí lực cho ta thì làm gì có đêm cuối cùng này để nhớ kỷ niệm xưa và cha con trò chuyện dưới trăng chứ... Lúc này ta nói đến đâu rồi?

– Đứa con gái trong tưởng tượng ấy không biết gì về cha, không màng đến cha.

– À! Nhưng có nhiều đêm trăng khác, khi nổi sầu và tĩnh lặng gợi lên tâm trạng khác... một tâm trạng bình an u uất giống như mọi cảm giác đau đớn đã đến mức tận cùng... ta lại thấy con gái mình vào ngục thất gặp cha, đưa cha ra khỏi chốn giam cầm trở lại với tự do. Dưới ánh trăng, ta thường thấy rõ gương mặt đứa con gái ấy, rõ ràng như là đang nhìn thấy con đây; chỉ có điều là ta không bao giờ ôm được con mình vào lòng; đứa con ấy cứ đứng giữa ô cửa sổ nhỏ có chấn song và cửa chính. Nhưng con phải hiểu rằng con không phải là đứa con ta đang nói tới nhé?

– Hình bóng ấy... ảo ảnh ấy... không phải là tưởng tượng sao?

– Không. Chuyện này khác. Nó cứ đứng trước đôi mắt thất thần của ta, nhưng không hề tan biến. Hình dung trong trí tưởng tượng của ta là một đứa con khác và sống thực hơn. Ta không biết gì về diện mạo của nó trừ một điều là nó giống mẹ. Còn cái ảo ảnh trước mặt cũng có nét giống đó... giống như con vậy... nhưng lại không phải. Con có hiểu ý ta không, Lucie? Chắc là không? Ta e rằng con phải sống trong cảnh giam cầm cô độc thì mới hiểu được những điều khác biệt khó diễn tả ấy.

Thái độ bình tĩnh và tự chủ của ông Manette cũng không ngăn được Lucie lạnh toát người trong lúc người cha cứ cố gắng phân tích tâm trạng của mình ngày xưa.

– Những lúc bình lặng hơn, ta thấy dưới ánh trăng, cô gái ấy đến và đưa ta ra ngoài, đi thăm mái ấm gia đình của cô ấy, nơi đầy ắp những kỷ niệm yêu thương về người cha đã mất. Trong phòng cô ấy có treo ảnh của ta, trong lời kinh cầu cô ấy luôn nhắc đến tên ta. Cuộc đời cô ấy đầy năng động, vui sướng, hữu ích; nhưng bàng bạc trong cuộc đời ấy vẫn là câu chuyện đau buồn của ta.

– Cô gái ấy chính là con, cha ơi, dẫu con không bằng được một nửa cô ấy, nhưng con cũng yêu thương cha như thế.

– Rồi cô ấy cho ta gặp lũ trẻ của cô, - vị bác sĩ ở Beauvais nói, - và chúng đều biết đến ta, đều được dạy dỗ để biết xót thương ta. Khi chúng đi ngang qua nhà tù quốc gia, chúng lùi xa những bức tường đe dọa, nhìn lên những ô song sắt trên cao, và nói thì thầm. Cô gái ấy không thể nào giải thoát cho ta; ta thấy cô ấy cứ luôn đưa ta quay lại ngục thất sau khi cho ta xem bao điều như thế. Nhưng những lúc ấy, ta đã ứa lệ vì mừng vui, ta đã quỳ xuống cầu phúc cho cô ấy.

– Con là cô gái ấy, con mong được như thế, thừa cha. Ôi cha ơi, cha ơi, ngày mai cha có cầu phúc cho con thiết tha như thế chẳng?

– Lucie, lý do ta kể lại chuyện thời xưa đau khổ là vì tối nay ta yêu thương con khôn xiết, và tạ ơn Chúa đã ban cho ta hạnh phúc này. Những tưởng tượng của ta thời đó, dù hoang đường đến mấy, cũng không thể nào cho ta niềm hạnh phúc như những ngày cha con ta bên nhau và những gì sẽ tới.

Ông Manette ôm lấy con gái, cầu Chúa phù hộ cho Lucie và tạ ơn Chúa đã ban cho ông đứa con yêu thương. Rồi hai cha con đi vào nhà.

Người duy nhất được mời dự lễ thành hôn là ông Lorry; thậm chí không có ai làm phù dâu mà chỉ có chị Pross hốc hác. Hôn lễ này không hề thay đổi chỗ ở; nhà chỉ có thêm người, Charles và Lucie sẽ dọn lên các phòng tầng trên vốn trước kia là của những người khách trọ hư ảo không hề thấy mặt, và đôi vợ chồng mới cưới không mong muốn gì hơn thế.

Bác sĩ Manette rất vui vẻ trong bữa ăn tối. Bàn ăn chỉ có ba người, chị Pross là người thứ ba. Ông tiếc là không có Charles ở đây, trong lòng cũng phản đối cái âm mưu tình cảm lặt vặt đã khiến chàng rể phải vắng mặt, và ông nâng cốc thăm thương cho Charles.

Thế là đã đến lúc phải lui về phòng và cha con tạm biệt. Nhưng trong đêm tĩnh mịch lúc ba giờ sáng, Lucie lại xuống dưới nhà lén vào phòng cha, lòng vẫn chưa yên vì những nỗi sợ mơ hồ từ trước.

Nhưng mọi thứ vẫn ở nguyên vị trí; bốn bề bình lặng; và người cha đang say ngủ, mái tóc bạc như tranh xoa trên gối êm, và hai bàn tay cha nằm im dưới tấm chăn phủ. Cô đặt cây nến vướng víu vào vùng bóng tối đằng xa, rón rén tới giường cha, hôn lên môi ông rồi cứ cúi nhìn hồi lâu.

Trên gương mặt đẹp kia, nét cay đắng của những ngày giam cầm đã phai, nhưng bác sĩ đã che đầy hết dấu vết quá khứ bằng một quyết tâm mạnh mẽ tới mức cả trong giấc ngủ ông cũng không cho phép để lộ ra. Đêm ấy trong khắp cõi miền trường bao la, không thể tìm thấy một gương mặt nào bình an hơn, quả quyết hơn, và âm thầm hơn trong cuộc chống cự với kẻ tấn công vô hình.

Lucie rụt rè đặt tay lên ngực ông, và cầu nguyện xin cho cô được hết lòng hiếu thảo cho xứng đáng với những khổ đau người cha đã gánh chịu. Rồi cô rụt tay về, hôn lên môi cha lần nữa, và ra khỏi phòng. Thế là bình minh đến, và bóng lá tiêu huyền xao động trên gương mặt ông, khẽ khàng như đôi môi Lucie mấp máy lời kinh cầu.

18. Chín ngày

Năng rạng ngời ngày hôn lễ, ba người đã sẵn sàng trước cửa phòng đóng kín của bác sĩ, ông Manette đang nói chuyện với Charles Darnay ở bên trong. Họ chuẩn bị đến nhà thờ: cô dâu xinh đẹp, ông Lorry, và chị Pross - đối với chị ta, việc hôn nhân này hẳn phải là điều hoan hỉ tột cùng nếu như trong lòng chị ta chưa buông cái ý nghĩ rằng thằng em Solomon lẽ ra phải là chú rể, nhưng dần dần chị ta cũng phải chấp nhận điều không thể tránh khỏi này.

- Thế đấy! - Ông Lorry có chiêm ngưỡng cô dâu bao nhiêu cũng không chán, này giờ ông cứ lảng xảng quanh cô ngắm nghía từng li từng tí bộ áo cưới xinh đẹp, giản dị. - Thế đấy! Ta đã bế cháu vượt biển về đây chỉ để có ngày hôm nay, cháu Lucie ạ, từ lúc cháu còn ẵm ngửa. Chúa phù hộ cho ta! Lúc đó ta nào có nghĩ ngợi gì! Lúc đó ta nào biết có ngày mình sẽ có nhiệm vụ quan trọng là giao phó cháu cho cậu Charles đâu!

- Chuyện cưới xin này có phải ý ông đâu, - chị Pross chất phác lên tiếng, - và bởi vậy lúc đó làm sao ông biết trước được? Vớ vẩn!

- Vậy sao? À; nhưng chị đừng có khóc chứ? - Ông Lorry hiền từ nói.

- Tôi đâu có khóc, - chị Pross đáp. - Ông khóc thì có.

- Tôi à, chị Pross? - Tới bây giờ thì ông Lorry đã dám trêu ghẹo chị ta, khi có dịp.

- Chứ ai mới đây; chính mắt tôi thấy, và tôi không lạ gì. Cái hộp bát đĩa bằng bạc của ông là món quà đủ khiến ai thấy cũng phải ứa nước mắt, - chị Pross nói. Khi hộp quà mang tới tối qua, không có cái đĩa cái thìa nào mà không làm tôi khóc mờ cả mắt.

- Vậy là tôi hài lòng quá rồi, - ông Lorry nói, - mặc dù thề danh dự, tôi không hề cố ý làm ai phải khóc mờ mắt vì những món quà nhỏ

mọn ấy. Lạy Chúa! Đây là dịp để một người đàn ông suy ngẫm về tất cả những gì hắn đã mất mát. Trời, trời, trời! Nghĩ mà xem, trong gần năm mươi năm qua lẽ ra đã có lúc xuất hiện một bà Lorry rồi!

– Có đâu! - Tiếng chị Pross.

– Bộ chị tưởng không bao giờ có được một bà Lorry nào đó sao? - Quý ông mang tên Lorry hỏi.

– Xì! - Chị Pross cãi. - Ông độc thân từ lúc còn nằm nôi kia.

– Chà! - Ông Lorry vui vẻ vừa nói vừa chỉnh lại bộ tóc giả nhỏ, - cũng có thể lắm.

– Và số trời đã định cho ông độc thân suốt đời từ khi ông chưa đẻ nữa kia, - chị Pross chưa chịu thôi.

– Vậy thì chắc là, - ông Lorry nói, - chắc là tôi xui xẻo rồi, lẽ ra tôi phải có tiếng nói trong chuyện lựa chọn lối sống của mình chứ. Thôi đủ rồi! Nào, cháu Lucie của ta, - ông già dịu dàng vòng cánh tay qua eo cô gái, - ta nghe tiếng họ lui tới trong phòng bên cạnh, cho nên ta và chị Pross, là hai con người chính thức lo công việc, đều muốn nhân cơ hội cuối cùng này nói với cháu mấy điều mà cháu muốn biết. Cháu cứng, cháu đã giao phó người cha bao dung của cháu cho những người đàn ông hoang và biết thương yêu như là chính cháu vậy; chúng ta sẽ chăm lo chu đáo mọi bề cho cha cháu trong nửa tháng tới, lúc vợ chồng cháu đi Warwickshire và quanh đó, ngay cả công việc ở Ngân hàng Tellson ta cũng bỏ qua một bên, hay gần như vậy, để lo cho cha cháu. Rồi sau nửa tháng, cha cháu sẽ đi cùng hai vợ chồng cháu sang xứ Wales một chuyến thêm nửa tháng nữa, cháu sẽ thấy là chúng ta sẽ trả lại cha cháu cho cháu trong tình trạng khỏe mạnh và vui vẻ nhất. Đó, ta nghe thấy tiếng chân Người Ta đang đi tới cửa rồi. Hãy cho ta hôn cháu yêu cùng lời chúc phúc của tên già cổ hủ độc thân này trước khi Người Ta vào đón nhận cháu.

Ông đưa hai bàn tay ôm gương mặt xinh đẹp của Lucie một hồi lâu, nhìn ngắm những biểu hiện trên vầng trán mà ông nhớ mãi, rồi áp mái tóc vàng óng ả kia vào bộ tóc giả nhỏ màu nâu của mình với vẻ trù

mến và dịu dàng, cái cử chỉ chân thành ấy dầu có cổ hủ cũng đã là cách bộc lộ yêu thương từ khi có loài người.

Cửa phòng bác sĩ rộng mở, ông cùng Charles Darnay đi ra. Mặt bác sĩ tái nhợt như không còn chút máu nào - lúc hai người đi vào trong phòng, sắc mặt ông đâu có như thế. Nhưng phong thái điềm tĩnh của ông thì không thay đổi, chỉ có ánh mắt sắc sảo của ông Lorry mới nhận ra có dấu hiệu u ám như một luồng gió buốt vừa thổi qua khiến vị bác sĩ có vẻ gì đó sợ hãi và tránh né giống ngày trước.

Ông Manette chìa cánh tay cho con gái khoác rồi đưa cô xuống lầu, ra xe ngựa mà ông Lorry đã thuê cho ngày trọng đại này. Những người còn lại đi theo trong một chiếc xe khác, và chẳng bao lâu sau, ở nhà thờ gần đó, nơi không có kẻ lạ nhòm ngó, Charles Darnay và Lucie Manette đã nên duyên hạnh phúc.

Ngoài mắt lệ rưng rưng chiếu rạng những nụ cười của mọi người khi xong hôn lễ, trên bàn tay cô dâu là ánh rực rỡ, lấp lánh của mấy hạt kim cương mới xuất hiện từ trong lòng túi áo tằm tối của ông Lorry. Họ về nhà dùng điểm tâm, và mọi chuyện diễn ra tốt đẹp, rồi tới lúc mái tóc vàng từng hòa lẫn với những lọn tóc bạc của người thợ giày khốn khổ trên gác xép thành Paris giờ đây lại một lần nữa hòa lẫn cùng mái đầu bạc trên ngưỡng cửa lúc chia tay.

Đó là cuộc giã biệt khó khăn dù chỉ xa cách không lâu. Nhưng người cha khích lệ con gái rồi cuối cùng nhẹ nhàng tách khỏi vòng tay ôm chặt của con, ông thốt lên:

– Charles, đưa Lucie đi nhé! Lucie đã là vợ con rồi đó!

Và bàn tay bối rối của cô con gái vẫy chào mọi người qua cửa sổ xe ngựa, rồi nàng ra đi.

Góc phố khuất nẻo qua lại của những kẻ nhàn tản hiếu kỳ, việc chuẩn bị hôn lễ này rất đơn giản và gọn gàng, trên đường chỉ còn lại bác sĩ, ông Lorry và chị Pross. Đến khi ba người quay vào bóng râm của tiền sảnh cũ kĩ lạnh lẽo thì ông Lorry mới thấy nét mặt ông

Manette đổi khác hẳn, dường như biểu tượng cánh tay vàng gắn trên tường cao vừa giáng cho bác sĩ một cú đấm hiểm độc.

Ông bác sĩ tất nhiên đã phải kiềm nén cảm xúc quá nhiều, và nếu những thay đổi đột ngột có bộc lộ ra khi có dịp buông thả thì cũng không lạ gì. Nhưng ông Lorry đâm lo là vì ông Manette lại mang nét mặt thất thần của thời đau khổ trước đây; khi họ lên lầu, cái cách ông bác sĩ lơ đãng vò đầu, bước vào phòng riêng như kẻ mất hồn lại khiến ông Lorry nhớ đến anh chủ tửa quán Defarge và chuyển đi dưới ánh sao.

- Chắc là... - sau một lúc suy nghĩ âu lo, ông thì thào với chị Pross.
- Chắc là ngay lúc này chúng ta tốt nhất không nên nói gì với bác sĩ, hay làm phiền ông ấy. Tôi phải ghé Tellson xem qua công việc; tôi sẽ đi ngay rồi quay lại liền thôi. Lúc đó, chúng ta sẽ đón xe đưa bác sĩ đi chơi điền dã và ăn ở đó, rồi tất cả sẽ ổn thôi.

Ông Lorry ghé tới Tellson thì dễ hơn là rời khỏi đó. Ông bị giữ chân đó hai giờ liền. Lúc quay lại, ông một mình đi lên chiếc cầu thang cũ kĩ, không hỏi han gì gia nhân, cứ thế đi thẳng tới phòng bác sĩ. Tiếng gõ đập khe khẽ vang ra khiến ông dừng bước.

- Lạy Chúa! - Ông giật mình. - Chuyện gì thế?

- Ôi trời, ôi trời! Hông hết rồi! - Chị Pross, mặt mày hãi hùng, hai bàn tay vịn lấy nhau, nói nhỏ vào tai ông. - Biết ăn nói làm sao với cô chủ cứng đây? Ông ấy không nhận ra tôi, và cứ đóng giày!

Ông Lorry nói bừa vài câu trấn an chị ta rồi đi thẳng vào phòng bác sĩ. Băng ghế cũ đã hướng về phía nguồn sáng như ông đã từng thấy trước kia, và người thợ giày đang cặm cùi, bận bịu làm việc.

- Bác sĩ Manette. Bạn ơi, bác sĩ Manette!

Bác sĩ nhìn ông một hồi - nửa như dò hỏi, nửa như tức giận vì bị quấy rầy - rồi lại khom lưng làm tiếp.

Ông Manette đã cởi bỏ áo khoác và áo gi-lê; áo sơ-mi mở phanh cổ giống như ngày xưa; và thậm chí cái vẻ mặt hốc hác, mồm mòn thườ ầy

cũng đã quay lại. Ông làm việc cần cù - có vẻ nôn nóng - cứ như công việc bị chậm trễ lâu rồi.

Ông Lorry liếc nhìn chiếc giày trên tay bác sĩ và nhận ra đó chính là chiếc giày đang làm dang dở ngày nào. Ông nhặt chiếc còn lại nằm bên cạnh ông Manette và hỏi kiểu giày.

– Giày bách bộ của tiểu thư, - bác sĩ nói lầm bầm, không ngẩng lên.
- Lẽ ra xong lâu rồi. Để yên đó.

– Ồ, bác sĩ Manette. Hãy nhìn tôi đi!

Bác sĩ làm theo một cách phục tùng máy móc như ngày trước, tay vẫn không ngừng việc.

– Ông biết tôi mà, bạn ời? Nghĩ lại đi. Việc này đâu có đúng nghề của ông.

Không cách gì khiến bác sĩ Manette nói lời nào nữa. Ông cứ ngẩng lên một lúc mỗi khi nghe bảo ngược nhìn, nhưng có hỏi han mấy cũng không thốt một tiếng. Ông cứ làm, làm, làm việc trong im lặng, và lời ông Lorry cứ như rơi rụng trong thinh không hay bật vào một bức tường không hồi vọng. Tia hy vọng duy nhất mà ông Lorry thấy được là ông bác sĩ đôi lúc vẫn lén ngược nhìn lên dù không ai yêu cầu. Những lúc đó, ánh mắt bác sĩ như nhuốm vẻ tò mò hay hoang mang - chẳng khác nào ông Manette đang cố hóa giải bao hồ nghi trong tâm trí.

Ông Lorry lập tức ghi khắc ngay hai điều quan trọng hơn hết; thứ nhất là không được cho Lucie biết chuyện này; thứ hai là phải giấu kín với những người có quen biết ông bác sĩ. Cùng với chị Pross, ông liền tiến hành điều quan trọng thứ hai trước, bằng cách loan tin bác sĩ không khỏe nên cần nghỉ ngơi hoàn toàn vài hôm. Về phần Lucie thì chị Pross vì lòng tốt mà phải lừa dối; chị ta viết thư nói là bác sĩ có công việc cần phải vắng nhà và trong thư chị bịa chuyện có nhận được mấy dòng thư vội vàng của bác sĩ gửi về nhà báo tin.

Ông Lorry buộc phải dùng cả hai phương sách này với hy vọng là bác sĩ sẽ sớm tỉnh trí lại. Trong trường hợp đó, ông còn một cách nữa

dự phòng; tức là tìm kiếm lời khuyên nào đó mà ông nghĩ là tốt nhất cho tình trạng của bác sĩ Manette.

Hy vọng bác sĩ chóng hồi phục và như thế sẽ tiện lợi cho cách thứ ba, ông Lorry quyết định quan sát ông Manette thật kĩ nhưng càng kín đáo càng tốt. Thế là lần đầu tiên trong đời, ông thu xếp tạm nghỉ việc ở Tellson và túc trực bên cửa sổ trong phòng bác sĩ.

Ông thấy ngay là có cố bắt chuyện với ông Manette chỉ càng tệ hại thêm, vì càng bị thúc ép thì ông bác sĩ càng rối trí. Ông Lorry từ bỏ ý định ấy ngay ngày đầu tiên và quyết định chỉ ngồi yên trước mặt ông Manette, tránh xa một chút, im lặng như một cách phản kháng lại chứng hoang tưởng của ông bác sĩ, hoặc ngăn chặn cho nó đừng trầm trọng thêm. Cho nên ông cứ ngồi bên cửa sổ, đọc hay viết gì đó, cố hết sức tỏ ra thoải mái, tự nhiên cứ như trong phòng này ai muốn tự do làm gì thì làm.

Trong ngày đầu tiên, ai cho ăn uống gì thì bác sĩ Manette ăn uống và cứ cặm cụi làm giày, cho đến khi không còn ánh sáng - trời đã tối đến mức ông Lorry không tài nào đọc hay viết gì được mà ông Manette còn làm việc thêm nửa giờ nữa mới cất dụng cụ chờ sáng mai tiếp tục. Lúc đó ông Lorry mới đứng dậy nói:

– Ông có muốn ra ngoài không?

Bác sĩ cúi gằm nhìn sàn nhà hai bên như ngày xưa, rồi ngược lên như ngày xưa, rồi nhắc lại bằng giọng khe khẽ ngày xưa:

– Ra ngoài?

– Vâng, đi dạo với tôi đi. Sao lại không nhỉ?

Bác sĩ không buồn trả lời, cũng không nói thêm gì nữa. Nhưng ông Lorry tưởng chừng đã nhìn thấy ông bác sĩ - trong lúc khòm lưng trên băng ghế trong bóng tối, hai khuỷu tay chống gối, đầu gục trong hai bàn tay - đã mơ hồ mấp máy câu hỏi “Sao lại không?”. Với sự sắc sảo của người chuyên nghiệp, ông Lorry đã nhận ra điều kiện thuận lợi, và ông quyết cứ duy trì như thế.

Chị Pross và ông chia hai phiên trong đêm ở phòng kế bên phòng chừng bác sĩ. Ông Manette cứ đi tới đi lui rất lâu mới ngã lưng xuống giường, nhưng đã nằm xuống là ngủ say. Tới sáng ông dậy sớm và đi thẳng tới băng ghế, làm giày tiếp.

Sang ngày thứ hai, ông Lorry vui vẻ chào đích danh bác sĩ, và nói chuyện về những đề tài mà hai người gần đây thường trao đổi. Ông Manette không đáp lời nào, nhưng rõ ràng là có nghe những gì ông Lorry nói, và có suy nghĩ về những chuyện đó, dù tâm trí xáo trộn. Điều ấy khích lệ ông Lorry gọi chị Pross vào giúp sức, nhiều lần trong ngày; những lần đó, họ bình thản nói về Lucie, về người cha đang hiện diện, làm như chẳng có gì xảy ra. Họ cố tỏ ra trò chuyện tự nhiên, không kéo dài quá, và cũng không quá thường xuyên để tránh phiền nhiễu ông bác sĩ; và tấm lòng bằng hữu của ông Lorry bừng sáng khi thấy là ông bác sĩ đã hay ngược nhìn lên hơn, đã tỏ ra có phần chú ý đến những điều khác thường chung quanh.

Lúc trời lại sụp tối, ông Lorry hỏi như hôm qua:

– Bác sĩ thân mến ơi, ông có muốn ra ngoài không?

Vẫn như hôm qua, ông Manette nhắc lại:

– Ra ngoài?

– Vâng, đi dạo với tôi đi. Sao lại không nhỉ?

Lần này, ông Lorry giả vờ đi ra khi không thấy ông bác sĩ nói năng gì, và vắng mặt chừng một giờ mới quay lại. Trong lúc đó, bác sĩ Manette đã chuyển tới chỗ ngồi bên cửa sổ và ngồi đó nhìn xuống cây tiêu huyền; nhưng thấy ông Lorry trở về, ông lại len lén quay về băng ghế thợ giày.

Thời gian trôi qua rất chậm, và hy vọng của ông Lorry mong manh dần, lòng càng lúc càng trĩu nặng, mỗi ngày nặng nề qua lại nối tiếp bằng một ngày nặng nề hơn. Hết ngày thứ ba đến ngày thứ tư, rồi thứ năm. Năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, tám ngày, chín ngày.

Hy vọng càng lúc càng lụi tàn, lòng càng lúc càng trĩu nặng âu lo, ông Lorry đã trải qua chín ngày như thế. Bí mật này vẫn giữ kín, Lucie

vẫn hạnh phúc không hay biết gì; nhưng ông không thể không thấy người thợ giày kia, bàn tay lúc đầu hơi quên nghề giờ càng lúc càng thành thạo đến đáng sợ, chưa bao giờ người ấy làm giày chăm chú đến thế, và đôi tay chưa bao giờ nhanh nhẹn, điêu luyện đến thế, trong bóng tối chạng vạng ngày thứ chín.

19. Hội ý

Một nhòai vì lo lắng trông chừng, ông Lorry ngủ thiếp đi ở phòng bên. Vào buổi sáng thứ mười căng thẳng, ông choàng tỉnh bởi ánh nắng chiếu vào căn phòng mà giấc ngủ đã chế ngự ông trong đêm đen.

Ông dụi mắt rồi đứng lên; nhưng dù vậy ông cũng không chắc là mình đã tỉnh hẳn. Bởi vì lúc bước tới cửa phòng bác sĩ nhìn vào, ông thấy cái băng ghế thợ giày và các đồ nghề lại được dọn đi, còn ông bác sĩ đang đường đường ngồi đọc sách bên cửa sổ. Ông ấy mặc y phục buổi sáng thường ngày, và gương mặt (ông Lorry thấy rõ mồn một) dù còn nhợt nhạt nhưng lại bình tĩnh và tập trung chú ý.

Ngay cả khi tin chắc là mình đã tỉnh ngủ thật sự, ông Lorry vẫn thấy choáng váng một lúc vì hoang mang không biết chuyện đóng giày tối qua có phải là giấc mơ quấy nhiễu tâm trí mình không, nếu như chính mắt ông không thấy người bạn của mình trong trang phục cùng phong thái quen thuộc và làm công việc thường lệ; vậy thì mọi dấu hiệu thay đổi đã khiến ông hết sức lo lắng chín ngày qua có thực sự xảy ra hay không?

Nhưng đó chỉ là câu hỏi trong phút đầu hoang mang và sửng sốt, còn câu trả lời thì đã quá rõ. Nếu nỗi lo của ông không có nguyên nhân thực tế đủ chính đáng thì làm sao ông, Jarvis Lorry lại có mặt ở đây chứ? Làm sao ông lại phải ngủ gục, không thay áo quần, trên sofa phòng khám bệnh của bác sĩ Manette, và từ sáng sớm đã đứng phân vân suy nghĩ đủ điều trước cửa phòng ngủ ông bác sĩ chứ?

Mấy phút sau, chị Pross đã đứng cạnh bên ông nói thì thầm. Nếu như ông còn chút hồ nghi nào thì những lời của chị ta chắc chắn sẽ xua tan hết; nhưng đến khi ấy thì ông đã hoàn toàn tỉnh táo và không còn nghi ngờ gì nữa. Ông khuyên chị Pross cứ chờ cho đến giờ điểm tâm thường lệ rồi lúc đó hãy gặp bác sĩ cứ như chẳng có gì khác

thường xảy ra. Nếu bác sĩ vẫn trong tâm trạng bình thường quen thuộc, ông Lorry lúc đó sẽ thận trọng tìm kiếm những lời khuyên bảo chỉ dẫn mà trong những ngày lo lắng vừa qua ông luôn nôn nóng muốn biết.

Nghe theo suy xét của ông, chị Pross cẩn thận làm đúng theo. Sau khi đã dành thời gian thoải mái cho việc chải chuốt kỹ lưỡng thường nhật, ông Lorry xuất hiện vào giờ điểm tâm trong bộ đồ vải lanh trắng cùng đôi vớ ôm sát chân quen thuộc. Bác sĩ Manette được mời ra dùng bữa sáng như mọi khi và ông đi ra phòng ăn.

Nếu cứ theo đúng những phương sách thận trọng - ông Lorry thấy đó là cách làm an toàn duy nhất - thì cũng dễ hiểu tại sao ban đầu bác sĩ Manette cứ ngỡ rằng hôn lễ của con gái ông chỉ mới diễn ra hôm qua. Những ám chỉ tưởng chừng ngẫu nhiên nhưng thật ra là cố ý về thứ, ngày, tháng khiến ông bác sĩ cứ đếm đi đếm lại và suy nghĩ, rõ ràng là ông không yên trong lòng. Còn ngoài ra ông hết sức điềm tĩnh, tới mức ông Lorry quyết định không cần phải đi đâu xa tìm ai chỉ dẫn nữa. Chính bác sĩ Manette sẽ cho biết cần phải làm gì.

Do đó, khi điểm tâm đã xong, bàn đã dọn, chỉ còn lại hai người, ông Lorry liền hỏi ông bác sĩ, giọng xúc động:

– Ông Manette thân mến, tôi rất mong được hỏi ý riêng với ông về một trường hợp kỳ lạ mà tôi hết sức quan tâm; tức là rất kỳ lạ đối với tôi, chứ với người am tường như ông thì chắc không tới mức đó.

Liếc nhìn hai bàn tay bệch bạc vì việc làm giày vừa qua, ông bác sĩ lộ vẻ bối rối nhưng vẫn nghe chăm chú. Ông đã liếc nhìn bàn tay mình không chỉ một lần.

– Bác sĩ Manette, - ông Lorry vừa nói vừa thân ái nắm cánh tay bác sĩ, - đây là trường hợp của một người bạn đặc biệt thân thiết của tôi. Xin ông hãy quan tâm và hãy vì người đó mà chỉ bảo cho... và hơn hết, hãy vì cô con gái của người đó... con gái của người đó, ông Manette à.

- Theo tôi hiểu, - tiếng bác sĩ khe khẽ, - đó là một dạng thương tổn tinh thần...?

- Đúng!

- Xin hãy nói rõ, - lời bác sĩ. - Không giấu điều gì.

Ông Lorry thấy họ hiểu ý nhau bèn tiếp tục.

- Ông Manette thân mến, đây là một trường hợp thương tổn kéo dài lâu năm, rất nặng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cảm xúc, đến... đến... như ông nói đó,... đến tinh thần. Tinh thần. Đây là trường hợp thương tổn mà người này đã phải chịu đựng, không biết bao lâu rồi, vì tôi nghĩ là chính người này cũng không tính được thời gian, và cũng không có cách nào tính được. Đây là trường hợp thương tổn mà người này đã qua khỏi được, bằng một quá trình hồi phục mà chính người này cũng không biết rõ... như tôi đã từng nghe người này công khai thuật lại rất cảm động. Đây là trường hợp thương tổn mà người này đã hồi phục hoàn toàn, tới mức trở lại con người hết sức trí tuệ trước đây, có khả năng vận dụng tư duy cùng nỗ lực thể chất, và không ngừng bổ sung bao điều mới mẻ vào vốn kiến thức vốn đã uyên bác lắm rồi. Nhưng rủi thay, vừa qua... - ông Lorry dừng lời lấy hơi, - ...lại xảy ra một đợt tái phát nhẹ.

- Kéo dài bao lâu? - Bác sĩ hỏi khe khẽ.

- Chín ngày đêm.

- Nó biểu hiện ra sao? Tôi đoán là, - bác sĩ lại nhìn hai bàn tay mình, - lại tiếp tục công việc đeo đuổi ngày xưa có liên quan đến thương tổn đó?

- Đúng là thế.

- Vậy có bao giờ ông đã thấy, - bác sĩ hỏi, giọng rõ ràng và điềm tĩnh, dù vẫn khe khẽ, - người này làm công việc đó trước kia chưa?

- Có một lần.

- Và khi bị tái phát, người này có giống ngày trước trong nhiều phương diện... hay giống hoàn toàn mọi mặt?

- Tôi nghĩ là giống hoàn toàn.
- Ông có nói đến cô con gái. Con gái người này có biết chuyện tái phát không?
- Không. Chuyện này được giấu kín, và tôi mong là cô ấy sẽ mãi mãi không hay biết. Chỉ có tôi biết, cùng một người nữa đáng tin cậy.

Ông bác sĩ nắm chặt bàn tay ông Lorry, nói nhỏ:

- Thật quý hóa quá. Thật là ý tứ quá!

Ông Lorry siết tay bác sĩ đáp lại, và cả hai im lặng hồi lâu rồi ông Lorry mới lựa lời cẩn thận và đầy tình cảm:

- Thế đó, ông Manette à, tôi chỉ là người làm kinh doanh, đâu có biết cách xử trí những chuyện khó khăn, phức tạp như thế. Tôi đâu có đủ kiến thức phù hợp mà cũng không phải loại học vấn uyên thâm; tôi cần được chỉ bảo. Không có ai trên đời này mà tôi hết lòng trông mong soi đường chỉ lối cho tôi như là ông. Xin cho tôi biết làm sao lại tái phát vậy chứ? Có nguy cơ lặp lại nữa không? Có cách nào ngăn ngừa tái phát không? Nếu tái phát thì chữa trị làm sao? Chuyện này có sự thể nào mà nên nông nổi này? Tôi làm gì được cho bạn tôi đây? Không ai xưa nay hết lòng mong muốn giúp bạn cho bằng tôi muốn giúp bạn tôi, giá như tôi biết làm sao. Nhưng chuyện này thì tôi bất lực. Giá như trí tuệ uyên bác và kinh nghiệm của ông có thể chỉ dẫn cho thì tôi còn giúp ích được nhiều; chứ cứ u mê mò mẫm thế này thì tôi vô dụng quá. Xin hãy bàn bạc với tôi, xin hãy giúp tôi hiểu rõ hơn, và chỉ cho tôi biết cách làm gì có ích hơn đi.

Nghe những lời thiết tha đó, bác sĩ Manette ngồi trầm tư một hồi, và ông Lorry không thúc ép.

- Tôi nghĩ là, - bác sĩ gắng gượng phá vỡ sự im lặng, - ông bạn à, việc tái phát như ông mô tả không hẳn là người này không biết trước đâu.

- Người này có sợ tái phát không? - Ông Lorry đánh bạo hỏi.

- Sợ lắm chứ, - bác sĩ bất giác rung mình. - Ông không thể nào biết được là nỗi sợ ấy luôn đè nặng tâm trí người này, và khó khăn biết

bao... hầu như vô phương... để người này phải tự ép buộc mình nói ra cái chuyện nặng trĩu trong lòng.

– Nếu như chịu thổ lộ cái điều bí mật chứa ấy với ai khi bị nó giày vò, - ông Lorry hỏi, - thì người này có nhẹ lòng hơn không?

– Tôi cũng nghĩ là có. Nhưng như tôi đã nói đó, hầu như vô phương. Tôi thậm chí còn cho rằng... trong một số trường hợp... là hoàn toàn không thể làm gì được.

– Vậy thì, - ông Lorry lại nhẹ nhàng đưa bàn tay nắm lấy cánh tay ông bác sĩ sau một lúc cả hai đều im lặng, - theo ông thì do đâu mà tái phát?

– Tôi cho là có xảy ra một chuyện gì đó mạnh mẽ phi thường làm bùng dậy một luồng suy nghĩ và hồi ức về chính nguyên nhân ban đầu đã gây ra thương tổn tinh thần. Rồi người này nhớ lại rõ ràng cùng một lúc nhiều chuyện liên quan đau khổ hết sức, tôi nghĩ thế. Có lẽ từ lâu trong thâm tâm người này đã lo sợ sẽ nhớ lại những chuyện liên quan như thế... chẳng hạn, trong hoàn cảnh như thế... chẳng hạn, vào một dịp như thế. Người này đã cố chuẩn bị phòng hờ nhưng vô ích; có lẽ chính nỗ lực chuẩn bị tâm lý lại khiến người này càng không chịu được nỗi sợ đó.

– Khi bị tái phát như vậy thì người này có nhớ đã xảy ra chuyện gì không? - Ông Lorry hỏi với giọng ngập ngừng lộ rõ.

Bác sĩ Manette nhìn quanh phòng, lắc đầu, rồi đáp khẽ:

– Không hề nhớ gì cả.

– Thế còn sau này thì sao? - Ông Lorry nhắc.

– Về sau thì tôi nghĩ là hy vọng lắm, - bác sĩ đã lấy lại giọng quả quyết. - Chúa nhân từ đã cho người này phục hồi nhanh như vậy thì tôi hy vọng lắm. Người này đã chịu thua trước áp lực của một chuyện phức tạp mà y từ lâu đã sợ, đã lưỡng lự, đã muốn chống lại; và bây giờ khi cơn tái phát đã hết thì tôi hy vọng là điều tệ hại nhất đã kết thúc rồi.

– Tốt quá, tốt quá! Thật đáng mừng. Tôi biết ơn ông! - Ông Lorry thốt lên.

– Tôi biết ơn ông! - Bác sĩ nói theo, cúi đầu cung kính.

– Còn hai vấn đề nữa tôi mong được chỉ bảo, - ông Lorry nói. - Cho phép tôi nói tiếp chứ?

– Cứ nói hết thì càng tốt cho bạn của ông, - bác sĩ chìa tay ra.

– Thế thì vấn đề thứ nhất. Người này ham học hỏi và nghị lực khác thường; người này hết sức nhiệt thành tiếp thu kiến thức chuyên môn, làm thí nghiệm, cũng như nhiều việc khác. Như vậy người này có hao tâm tổn trí quá không?

– Tôi cho là không. Có thể tâm trí người này là như vậy, đầu óc lúc nào cũng bận rộn. Có thể một phần là bản tính, một phần là do hậu quả của hoạn nạn cũ. Càng ít bận tâm những chuyện lành mạnh thì tâm trí càng có nguy cơ suy yếu trở lại. Có thể người này đã tự quan sát bản thân và phát hiện ra điều đó.

– Ông có chắc chắn là người này không bị căng thẳng quá sức ư?

– Tôi nghĩ là hoàn toàn chắc chắn.

– Ông Manette ơi, nếu bây giờ người này làm việc quá sức...

– Ông Lorry ơi, tôi không nghĩ là có chuyện đó đâu. Tâm trí chịu sức ép cực độ ở một phía thì phía kia phải đối kháng lại mới cân bằng chứ.

– Xin thứ lỗi cho, tôi là con người chỉ biết công việc thôi. Cứ tạm cho là người này đã làm việc quá sức đi; như vậy thì tình trạng rối loạn tinh thần này có tái diễn nữa không?

– Tôi không nghĩ vậy, - bác sĩ Manette quả quyết đầy tự tin. - Tôi cho rằng chỉ có một luồng liên tưởng duy nhất mới có thể gây tái phát thôi. Nhưng từ giờ trở đi, tôi nghĩ luồng liên tưởng ấy phải có tác động mạnh phi thường thì mới lập lại được. Sau những gì đã xảy ra, và khi người này đã hồi phục, tôi thấy khó mà tưởng tượng được chuyện gì

có thể gây ra tác động cực độ như vậy. Tôi tin, và có thể nói là chắc chắn, là không còn khả năng tái phát đâu.

Bác sĩ Manette nói với vẻ do dự của người hiểu rằng cơ cấu mong manh của tinh thần dễ bị đảo lộn như thế nào, nhưng vẫn đầy sự quyết tâm của người đã từ từ giành được tự chủ qua khổ nạn và sức chịu đựng của bản thân. Người bạn của ông không có quyền làm suy giảm niềm tin ấy. Ông Lorry đành làm ra vẻ như đã an lòng, phần chần hờn và đề cập tiếp vấn đề thứ hai và cũng là vấn đề cuối cùng. Ông thấy đây là điểm khó nói nhất; nhưng nhớ lại cuộc trò chuyện ngày Chủ nhật trước kia với chị Pross và nhớ lại những gì đã chứng kiến trong chín ngày qua, ông biết ông không thể né tránh.

- Do tác động của cơn tái phát tạm thời đã may mắn qua khỏi đó, - ông Lorry hắng giọng, - người này lại tiếp tục làm cái công việc ngày xưa, chúng ta cứ gọi là... việc thợ rèn đi, ừ, việc thợ rèn. Để minh họa vấn đề, ta cứ giả sử là người này vào thời hoạn nạn có làm việc với một lò rèn nhỏ. Ta cứ giả sử là đã bất ngờ thấy người này làm việc với lò rèn đó như trước. Việc người này cứ giữ cái lò rèn nhỏ ấy cận kề há chẳng không đáng thương sao?

Bác sĩ đưa bàn tay lên che vầng trán, bàn chân bồn chồn nhịp nhịp trên sàn. Ông Lorry vẫn nói, mắt lo lắng nhìn bạn:

- Người này lúc nào cũng giữ cái lò rèn đó. Thế thì vứt bỏ cái thứ đó đi không tốt hơn cho y sao?

Bác sĩ tay vẫn che trán, chân vẫn bồn chồn nhịp nhịp trên sàn.

- Ông thấy việc này khó để chỉ bảo cho tôi phải không? - Ông Lorry nói. - Tôi biết rõ đây là câu hỏi tế nhị. Thế nhưng tôi nghĩ là... - Tới đây ông lắc đầu rồi im.

- Ông thấy đấy, - bác sĩ Manette quay sang nhìn bạn sau một lúc im lặng bối rối, - đúng là khó giải thích cho thấu đáo những gì diễn ra trong tâm trí kẻ đáng thương này. Người này đã từng ao ước kinh khủng được làm việc đó, và rất mừng khi được làm; chắc chắn điều này giúp y với đau khổ rất nhiều khi thay thế hoạt động phức tạp của

trí óc bằng hoạt động phức tạp của đôi tay; và khi thay thế như vậy, người này càng lúc càng thành thạo, sự khéo léo của đôi tay đã giúp y quên đi nỗi hành hạ giày vò trong tâm trí tới mức y không chịu nổi ý nghĩ phải xa rời cái công việc ấy. Ngay cả lúc này, khi tôi thấy là y tràn trề hy vọng với bản thân hơn bao giờ hết, thậm chí y còn nói về bản thân một cách tự tin, nhưng nghĩ tới chuyện có lúc cần tới công việc cũ mà lại không có thì y đột nhiên thấy kinh hoàng, giống như nỗi sợ trong lòng một đứa trẻ đã từng lạc mẹ.

Trông ông quả là giống đứa trẻ lạc ấy, khi ông ngược lên nhìn thẳng vào mắt ông Lorry.

– Nhưng lẽ nào... Xin ông! Tôi đang cần chỉ bảo, vì người chậm trí như tôi chỉ biết làm việc với những thứ cụ thể như tiền đồng, tiền xu, tiền giấy... Cứ giữ lại những thứ đồ nghề đó thì cứ mãi không quên nỗi sợ đó chẳng? Nếu những thứ đó không còn nữa, ông Manette ơi, chẳng lẽ nỗi sợ ấy không mất luôn sao? Nói tóm lại, cứ giữ cái lò rèn đó là cứ mãi lo lắng, khổ sở chứ?

Một lúc im lặng nữa.

– Thì ông thấy đấy, - giọng bác sĩ run run, - nó giống như người bạn lâu năm.

– Nếu là tôi thì không giữ lại đâu, - ông Lorry lắc đầu; bác sĩ càng bất an thì ông càng thấy mình vững tin hơn. - Tôi sẽ khuyên người này từ bỏ nó đi. Tôi chỉ cần ông cho phép. Tôi tin chắc giữ nó chẳng có ích gì. Nào! Hãy cho phép tôi đi, như một người tử tế. Hãy vì cô con gái của người này, ông Manette ơi!

Kỳ lạ thay khi chứng kiến nỗi lòng giằng xé của ông bác sĩ!

– Thế thì vì cô gái đó, hãy làm đi; tôi cho phép. Nhưng nếu là tôi thì đừng làm điều đó trước mặt người này. Hãy vứt bỏ các thứ đó đi lúc y vắng mặt; cứ để y nhớ bạn xưa sau khi đã đi xa.

Ông Lorry bằng lòng ngay và cuộc hội ý kết thúc. Cả ngày hôm đó họ dạo chơi đồng quê, ông bác sĩ đã hoàn toàn hồi phục. Ba ngày kế tiếp ông vẫn khỏe khoắn như thường, và vào ngày thứ mười bốn ông

lên đường đi gặp Lucie và con rể. Ông Lorry trước đó đã giải thích cho ông Manette biết họ đã bịa chuyện để giải thích sự bất tin của bác sĩ ra sao và ông Manette đã theo cố ấy mà viết thư cho Lucie nên cô gái chẳng hề nghi ngờ gì.

Ngày bác sĩ rời nhà, đêm đó ông Lorry vào phòng bác sĩ mang theo rìu, cửa, đục, búa, có chị Pross phụ giúp cầm đèn. Trong phòng, sau những cánh cửa đóng kín, vẽ bí hiểm và tội lỗi, ông Lorry đã chặt tan tành băng ghế thợ giày trong lúc chị Pross cầm nến soi sáng cứ như đang tham gia một vụ giết người - nhìn vẻ mặt dữ tợn của chị ta thì quả thật chị Pross cũng thích hợp với âm mưu này. Cái xác đã bị băm vằm cho dễ đốt và việc hỏa thiêu bắt đầu ngay lập tức trong lò lửa nhà bếp; còn các dụng cụ, những chiếc giày, những tấm da thuộc thì đem chôn ngoài vườn. Đối với những tâm hồn lương thiện, việc phá hủy lén lút này quả là tàn ác cho nên ông Lorry và chị Pross, trong lúc bận rộn thực hiện hành động rồi xóa sạch các dấu vết, cả trong lòng lẫn ngoài mặt đều chẳng khác hai kẻ đồng lõa phạm tội tày trời.

20. Thịnh cầu

Khi đôi vợ chồng mới cưới trở về, người đầu tiên đến chúc mừng là Sydney Carton. Họ về nhà được mấy giờ thì anh ta đến. Áo quần, diện mạo, phong thái chẳng có gì khác hơn, nhưng Carton lại có vẻ gì đó cứng cỏi và đáng tin cậy mà Charles Darnay chưa từng thấy bao giờ.

Chờ dịp thuận tiện, anh ta kéo Darnay ra cửa sổ, nói chuyện riêng để không ai nghe được.

– Anh Darnay, - Carton nói, - tôi mong chúng ta có thể là bạn bè.

– Chúng ta đã là bạn rồi mà, tôi mong là thế.

– Anh nói vậy thật quý hóa, thật đúng phép lịch sự; nhưng ý tôi không liên quan gì đến phép lịch sự cả. Thật tình, khi tôi nói tôi mong chúng ta có thể là bạn bè thì tôi cũng không phải nói theo phép lịch sự đâu.

Charles Darnay đương nhiên phải hỏi lại, rất vui vẻ và thân ái, xem Carton có ý gì.

– Xin thề, - Carton vừa nói vừa cười, - tôi hiểu chính tôi thì dễ chứ khó mà làm cho người khác hiểu ý mình. Nhưng tôi sẽ cố giải thích. Anh có nhớ cái lần mà tôi say hơn... hơn bình thường không?

– Tôi còn nhớ cái lần mà anh đã buộc tôi phải thừa nhận là anh quá chén.

– Tôi cũng nhớ. Lần đó vẫn cứ ám ảnh tôi mãi vì tôi không bao giờ quên. Tôi mong là tới ngày phán xét cuối cùng thì nỗi ân hận của tôi sẽ được cứu xét! Đừng hoảng chứ, tôi không có giảng đạo đâu.

– Tôi đâu có hoảng. Chân thành như anh thì có gì mà tôi phải hoảng chứ.

– À! - Carton thản nhiên vẫy tay như thể xua lời nói của Darnay đi.

- Lần say đó; một trong rất nhiều lần như thế, anh biết rồi; tôi đã thô lỗ khi nói chuyện tôi quý mến hay oán ghét anh. Tôi mong anh quên cho.

– Tôi quên lâu rồi.

– Lại nói kiểu khách sáo! Nhưng anh Darnay, tôi lại không dễ quên như là anh. Tôi không có cách gì quên được và một câu nói bừa không thể giúp tôi quên.

– Nếu đó là câu nói bừa thì tôi xin lỗi anh, - Darnay đáp. - Tôi trả lời như thế vì tôi nghĩ chuyện này không quan trọng, nhưng tôi ngạc nhiên là anh lại bận lòng đến thế và muốn bỏ qua. Tôi nói với anh, bằng danh dự của người quân tử, là tôi đã quên chuyện đó lâu rồi. Lạy Chúa, chuyện có gì đâu! Chẳng lẽ tôi không có gì quan trọng đáng nhớ hơn sao, khi hôm đó chính anh đã cứu giúp tôi?

– Chuyện cứu giúp đó, - Carton nói - anh nói như vậy thì tôi buộc phải thú nhận với anh, lúc ấy tôi làm thế chỉ là mảnh lối nghề nghiệp thôi, tôi làm mà bất kể anh sẽ lãnh hậu quả ra sao... Xin nhớ cho! Tôi đang nói cảm nghĩ của tôi hồi đó; tôi đang nói chuyện ngày trước.

– Anh lại xem nhẹ ơn nghĩa đó rồi, - Darnay đáp, - nhưng tôi không muốn cãi với lời nói bừa của *anh*.

– Sự thật hoàn toàn đó, anh Darnay, hãy tin tôi! Tôi đã nói lạc đề rồi; tôi đang nói về chuyện bạn bè của chúng ta. Đó, anh biết tôi mà, anh biết tôi không có tài cán để vươn lên cao hơn, tốt hơn như mọi người. Nếu còn hồ nghi, anh cứ hỏi Stryver thì anh ta sẽ cho anh biết điều này.

– Tôi thích có chủ kiến của mình hơn, không cần nhờ đến anh ta.

– Được! Dù sao thì anh cũng biết tôi là hạng bê tha, chẳng làm được điều gì tốt đẹp và sẽ không bao giờ làm được.

– Tôi không biết chuyện “sẽ không bao giờ” của anh.

– Nhưng tôi biết, và anh phải tin lời tôi. Chà! Nếu như anh chịu đựng được một kẻ bỏ đi như tôi, và là một kẻ chẳng có tiếng tốt gì, thỉnh thoảng lui tới nơi đây, thì tôi xin phép được đến đây như một người được gia ân; có thể coi tôi như một thứ đồ đạc phế thải, được giữ lại vì nhớ công dụng của nó ngày xưa, và chẳng ai buồn chú ý. Và tôi muốn nói thêm là nếu không vì chuyện tôi phát hiện ra chúng ta có

diện mạo giống nhau, thì tôi cũng chỉ là một thứ bỏ đi thôi. Tôi sẽ không lạm dụng sự cho phép của anh. Tôi dám cá một trăm ăn một là một năm tôi chỉ đến đây bốn lần là cùng. Nếu được phép như vậy, tôi dám nói là mình không còn mong muốn gì hơn.

– Anh sẽ đến chứ?

– Đó là một cách nói khéo là lời ngỏ ý của tôi đã được cho phép. Xin cảm ơn anh, Darnay. Xin được gọi anh bằng tên cho thân mật nhé?

– Tôi cũng nghĩ vậy, Carton, kể từ bây giờ.

Họ bắt tay nhau và Sydney quay gót. Chỉ một phút sau, anh lại hoàn toàn mang dáng vẻ bệ rạc như mọi ngày.

Khách đi rồi, trong buổi chiều ngồi cùng chị Pross, ông bác sĩ, và ông Lorry, Charles Darnay có nói qua về cuộc trò chuyện này, và nhận xét về Sydney Carton như một vấn đề về tính bất cần và bất chấp. Anh nói vắn tắt, không hàm ý khắt khe hay chê trách gì người bạn kia, chỉ nói những điều mà ai cũng đã thấy Sydney bộc lộ ra.

Anh không ngờ là những lời ấy lại khiến cô vợ trẻ đẹp của mình ghi nhớ; nhưng sau đó, lúc về phòng riêng gặp Lucie, anh đã thấy nàng chờ sẵn với nếp nhăn yêu kiều quen thuộc in rõ trên vầng trán.

– Chúng ta có điều lo nghĩ tối nay ư? - Darnay vừa nói vừa quàng tay ôm nàng.

– Đúng đó, Charles ời, - Bàn tay đặt trên ngực chồng, Lucie chăm chú nhìn anh dò hỏi. - Chúng ta có điều lo nghĩ tối nay, bởi chúng ta có điều bận tâm tối nay.

– Việc gì vậy, Lucie?

– Anh phải hứa là không được hỏi dồn những điều em không muốn trả lời nhé?

– Hứa ư? Có điều gì mà anh không hứa với em được chứ, em yêu?

Thật vậy, có gì mà anh không hứa được khi một tay anh gạt lọn tóc vàng rủ trên má nàng và một tay đặt trên ngực nàng nơi trái tim đã

thuộc về anh!

– Charles ơi, em nghĩ là anh Carton đáng được quan tâm và tôn trọng hơn là những gì anh đã nói về anh ta tối nay.

– Thật à, em yêu? Vì sao em nói vậy?

– Đó là điều không nên hỏi đó. Nhưng em nghĩ... em biết... anh ta xứng đáng được như thế.

– Nếu em biết như thế là đủ rồi. Thế em muốn anh làm gì đây, em yêu?

– Anh yêu, em muốn anh luôn rộng lượng với anh ta, bao dung với những lỗi lầm khi anh ta không có mặt. Em muốn anh tin rằng anh ta là người có trái tim hầu như luôn luôn khép kín, và hằn sâu nhiều vết thương. Anh yêu, em đã thấy trái tim ấy ứa máu.

– Anh thật đau lòng khi biết mình đã xử tệ với anh ta như vậy, - Charles Darnay thốt lên sững sốt. - Anh không hề nghĩ là anh ta nhạy cảm đến mức đó.

– Đúng vậy đó, anh yêu. Em e là anh ta không thể nào thay đổi được; không có hy vọng gì cải thiện được cá tính hay số mệnh của anh ta. Nhưng em tin anh ta là người có khả năng làm nhiều điều tử tế, tốt đẹp, thậm chí là hào hiệp nữa.

Niềm tin trong trắng dành cho kẻ thất bại kia khiến Lucie đẹp rạng ngời tới mức người chồng có thể lặng ngắm nàng hàng giờ.

– Anh thương yêu! - Lucie nép sát vào anh, tựa đầu vào ngực anh, ngược nhìn. - Xin hãy nhớ là chúng mình hạnh phúc biết bao trong khi anh ta khốn khổ biết bao!

Lời khẩn khoản đó khiến Darnay xúc động.

– Anh sẽ nhớ mãi điều ấy, em yêu! Anh sẽ ghi nhớ suốt đời.

Anh cúi xuống mái tóc vàng, hôn lên đôi môi hồng thắm của Lucie và vòng tay ôm lấy nàng. Nếu có kẻ lang thang đau khổ nào đang đếm bước chân qua những phố đêm mà nghe được lời thổ lộ ngây thơ của nàng, mà thấy được những giọt lệ xót thương tràn ứa đôi mắt xanh

được người chồng lau khô bằng những chiếc hôn, thì kẻ ấy hẳn phải gào lên với đêm trường lần đầu tiên - những lời lẽ ta sẽ không bao giờ bật khỏi đôi môi:

– Xin Chúa phù hộ nàng vì đã xót thương ta!

21. Những bước chân vang vọng

Một góc phố lạ kỳ vang vọng âm ba, như đã nói ở phần trước, góc phố có ngôi nhà của bác sĩ. Luôn bận bịu với cuộn tơ vàng quấn quít người chồng, người cha, bản thân, và người bảo mẫu già kiên bầu bạn, và một cuộc sống an vui, Lucie ngồi trong ngôi nhà im ắng ở góc phố tĩnh lặng đầy tiếng dội ấy, lắng nghe bước chân của tháng năm hồi vọng.

Ban đầu, dù là người vợ trẻ đầy hạnh phúc, có những lúc cô buông lơì công việc trên tay, mắt nhuốm u sầu. Bởi trong những tiếng dội ấy, cô cảm nhận được điều gì đó sẽ đến, một điều phảng phất, xa xăm và mơ hồ khiến lòng cô xao động. Lòng cô đôi ngả chập chờn giữa bao hy vọng và nghi ngại - hy vọng của một tình yêu mới lạ; nghi ngại của nỗi lo không biết còn trên cõi đời bao lâu để tận hưởng tình yêu đó. Giữa những tiếng dội ấy có lúc vang lên tiếng chân cô sớm bước xuống mǝ; và nghĩ đến người chồng còn lại một mình thương tiếc vợ, cô không ngăn được dòng lệ tuôn trào.

Thời gian trôi đi, trên tay cô giờ đã có bé Lucie. Rồi trong những tiếng vọng đang đi tới lại vǝng tiếng bước chân bé bỏng và tiếng bi bô trẻ thơ. Mặc kệ những tiếng dội lớn ầm vang, người mẹ trẻ bên vǝnh nôi chỉ nghe toàn những âm ba hạnh phúc đó. Rồi những tiếng dội chờ mong cũng đến, ngôi nhà rợp mát này bừng sáng tiếng cười con trẻ; và Thiên Chúa, bạn của trẻ thơ, đǝng tối cao cô đã phó thác ưu tư, dường như đã bế lấy con cô - như Người đã đón nhận Chúa Hài đǝng - và biến nó thành niềm vui sướng thiêng liǝng cho người mẹ trẻ.

Luôn bận bịu với cuộn tơ vàng quấn quít mọi người với nhau, đǝn quǝn công lao xây hạnh phúc của cô vào cuộc đời họ nhưng không hề để lộ mình ra, Lucie nghe trong tiếng dội thời gian những âm ba vǝ về thân thương. Trong đó hồi vọng bước chân người chồng vững vàng và

thành đạt, bước chân người cha ổn định và mạnh khỏe. Kìa, dưới cây tiêu huyền trong vườn, chị Pross như một con chiến mã bất kham đã được yên cương và roi da thuần hóa, đang khịt mũi, giậm chân, khuấy động thêm bao âm ba khác!

Ngay cả khi vang lên những tiếng vọng buồn đau, âm ba ấy cũng không bạo tàn hay nghiệt ngã. Ngay cả khi mái tóc vàng như tóc Lucie, sáng rực hào quang bao quanh mái đầu đưa con trai nằm trên gối sắp lìa đời, và thằng bé nói trong nụ cười rạng rỡ “*Papa* và *maman* ơi, con rất tiếc phải xa bố mẹ và chị xinh của con; nhưng Chúa đã gọi và con phải đi!” thì những dòng lệ ướt đầm má người mẹ vẫn không phải là nỗi thống khổ cùng cực khi linh hồn nhỏ bé kia rời khỏi vòng tay đã được Chúa giao phó. Đau đớn nhưng chấp nhận. Rồi họ sẽ gặp lại trước Đức Chúa Trời. Ôi, nguyện danh Cha cả sáng!

Vậy đó, tiếng xào xạc của đôi cánh Thiên thần đã hòa lẫn với những hồi vọng khác, những âm ba không hoàn toàn trần thế mà chứa chất hơi thở Thiên Đàng. Thì thảo khê khàng bên tai người mẹ, tiếng thở dài của gió thổi qua bia mộ nhỏ trong vườn cũng cuốn theo tiếng bé gái Lucie đang chăm chỉ đến buồn cười làm nhiệm vụ buổi sáng, hay đang thay đồ cho búp bê trên chiếc ghế kê chân của mẹ, vừa làm vừa bi bô bằng ngôn ngữ của cả hai kinh thành đều là nơi chốn quê hương.

Những âm ba ấy hiếm khi hồi vọng bước chân thật sự của Sydney Carton. Một năm chừng sáu lần là cùng, anh ta sử dụng đặc quyền ghé thăm ngôi nhà này mà không cần mời trước, anh thường ngồi cùng mọi người cả buổi tối như ngày xưa. Anh không bao giờ đến khi người nòng mùi rượu. Và có một điều nữa liên quan đến Carton vẫn âm thầm hồi vọng, điều mà suốt bao đời qua mọi tiếng dội đích thực đều lặng thầm tiếp nối.

Người đàn ông nào thật sự yêu một phụ nữ, dù không được đáp tình nhưng vẫn một lòng một dạ yêu không oán trách, thì khi nàng đã thành vợ, thành mẹ, không có đứa con nào của nàng lại không có tình cảm lạ thường với người ấy - một lòng trắc ẩn tế nhị trong bản năng dành cho

anh ta. Những rung cảm thầm kín nào đã rung ngân trong những trường hợp như thế? Không có tiếng vọng nào cho biết những điều đó xảy ra và với Carton cũng thế. Anh là người lạ đầu tiên mà bé Lucie chìa đôi tay mũm mĩm ra và anh giữ một vị trí trong đời cô bé. Còn bé trai đã qua đời gần đến phút cuối vẫn còn nói “Tội nghiệp Carton! Hãy hôn bác ấy cho con!”.

Còn Stryver vẫn sẵn sớ bon chen trong ngành luật, như một con tàu động cơ lớn xé dòng nước đục, và lôi theo sau người bạn đặc lực như kéo một chiếc thuyền con. Như những con thuyền được kéo thường là thuyền gặp nạn dữ, hầu hết đều bị chìm, cho nên Sydney cứ ngập lún trong cuộc đời đó. Nhưng sự nhu nhược và thói quen thâm căn của Sydney, tiếc thay, lại quá nhu nhược và quá thâm căn khiến anh không còn ý thức muốn từ bỏ hay thấy nhục nhã, anh chọn cách sống đó, không còn nghĩ đến việc thoát khỏi tình trạng làm Chó rừng cho Sư tử - chứ không như loại lâm cầu đích thực có thể ôm mộng trở thành mãnh sư. Stryver vốn đã giàu lại cưới một bà góa diêm dúa có tài sản và ba thằng con, ba đứa chẳng có gì đặc biệt chói sáng ngoại trừ mái tóc thẳng suôn trên cái đầu tròn quay.

Từ mọi lỗ chân lông đều toát ra vẻ bề trên chướng mắt nhất, Stryver đã từng bắt ba quý tử này đi trước mặt mình như ba con cừu tới góc phố bình lặng ở Soho, và anh ta đã đề nghị chồng Lucie nhận chúng làm học trò. Stryver đã nói rất ư tế nhị: “Này bạn! Đây là ba miếng bánh mì pho mát tôi mang tới cho cuộc du hí hôn nhân của cậu đấy, Darnay!” Việc ba miếng bánh mì pho mát đó bị lịch sự từ chối khiến Stryver tức tối không chịu nổi, nhưng sau đó lại trở thành bài học hữu ích để anh ta dạy dỗ ba quý tử này phải đề phòng lòng kiêu hãnh của bọn ăn mày, giống như vị gia sư đồng hương kia. Khi bụng nốc căng rượu, Stryver cũng hay hùng hồn nói chuyện Lucie, về những ngón nghề mà cô đã sử dụng để “bẫy” anh ta, và về những ngón nghề dĩ độc trị độc của chính mình để “không bị dính bẫy”. Mấy đồng nghiệp của Stryver ở Tối cao Pháp viện thỉnh thoảng đàn đúm để nốc rượu căng

bụng và nghe chuyện nói láo đó nhưng đâu ai tin; họ bỏ qua những lời bịa đặt vì cho rằng Stryver tự lập lại điều đó thường xuyên tới mức chính anh ta đâm ra tin là thật - ai nói thế mà Stryver nghe được thì lỗi lầm của người đó chỉ càng trầm trọng thêm vô phương cứu vãn, chỉ còn nước lôi kẻ vi phạm tới chỗ nào vắng vẻ thích hợp mà treo cổ quách cho đáng tội.

Đó là những âm ba mà Lucie, lúc buồn sầu, lúc cười vui, đã nghe thấy ở góc phố vang tiếng dội này cho đến khi cô con gái nhỏ lên sáu tuổi. Ôi trù mền xiết bao âm ba của tiếng bước con thơ, cùng tiếng bước cha già - luôn nhanh nhẹn, điềm tĩnh - và khỏi phải nói, tiếng bước của người chồng yêu thương. Cũng không cần phải nói, từng âm ba nhẹ nhàng nhất trong gia đình gắn bó này, nhờ Lucie thu vén khéo léo và tài tình khiến mọi thứ đều sung túc, đều là tiếng nhạc ngọt ngào đối với cô. Cũng không cần phải nói, êm ái thay những âm ba chung quanh Lucie khi biết bao lần ông Manette bảo cô rằng con gái đã có chồng rồi (nếu đúng là thế) mà còn tận tụy với cha hơn cả lúc còn độc thân, và khi biết bao lần Darnay bảo cô rằng dường như lòng hiếu thảo của vợ không hề chia rẽ tình yêu hay sự đỡ đần cô dành cho chồng, anh hỏi cô: “Em yêu ơi, có phép thuật gì mà ai em cũng lo chu toàn được hết, cứ như cả gia đình chỉ có độc một người, vậy mà vẫn không hề thấy em vội vàng hay tất bật?”

Nhưng có những tiếng vọng khác từ xa đã âm ào tràn tới đe dọa góc phố này trong suốt thời gian đó. Giờ đây, lúc bé Lucie tròn sáu tuổi, những tiếng vọng ấy bắt đầu rung rền đáng sợ như biến động phong ba kinh hoàng dội từ nước Pháp.

Vào một tối giữa tháng Bảy năm 1789, ông Lorry từ Ngân hàng Tellson ghé đến muộn và ngồi xuống cạnh vợ chồng Lucie bên khung cửa sổ tối tăm. Đêm ấy oi bức và trời sấm động, cả ba đều nhớ đến một đêm Chủ nhật xưa khi họ cũng ngồi đây nhìn ánh chớp xé trời. Ông Lorry vừa nói vừa đẩy ngược bộ tóc giả màu nâu ra sau:

– Ta bắt đầu nghĩ tới việc phải ngủ lại đêm ở Tellson. Ở đó công việc đang ngập đầu tới mức mọi người không biết phải làm cái gì trước hay xoay xở cách nào. Bên Paris đang có bất ổn lớn tới mức thiên hạ đổ xô gửi tiền vào ngân hàng này! Thân chủ bên đó ồ ạt ủy thác tài sản của họ cho Tellson không giải quyết kịp. Rõ ràng là nhiều người trong số này đã phát rồ lên vì muốn chuyển của cải sang Anh quốc.

– Thế là đáng ngại đấy - Darnay nói.

– Cháu nói đáng ngại phải không, cháu Darnay? Đúng đấy, nhưng ta không biết vì sao. Thiên hạ thật vô lý! Bọn ta ở Tellson nhiều người đã già cả rồi, và bọn ta thật sự không thể bận tâm tới những chuyện bất bình thường nếu không có lý do chính đáng.

– Dù sao thì ông cũng biết tình hình đang bất ổn đáng lo mà, - Darnay nói.

– Hẳn rồi, - ông Lorry đồng tình, trong lòng cố thuyết phục chính mình rằng chẳng qua ông đang trong tâm trạng khó chịu và chỉ ca thán cho qua chuyện. - Nhưng sau một ngày dài phiền toái, ta đang bức bối muốn kêu ca. Ông Manette đâu rồi?

– Tôi đây, - tiếng ông bác sĩ, ông đi vào phòng khách thăm tôi đúng ngay lúc đó.

– Ông có nhà thật tôi mừng quá; vì bao chuyện tất bật và đáng ngại này bủa vây suốt ngày hôm nay mà tôi nổi nóng vô lý. Chắc là ông không ra ngoài đi dạo đấy chứ?

– Không, tôi tính chơi cờ với ông, nếu ông thích, - bác sĩ nói.

– Tôi nghĩ là tôi không thích đâu, xin được nói thẳng. Tối nay tôi không thể đấu với ông được. Trà nước còn đó không, Lucie? Ta không thấy đâu cả.

– Tất nhiên là còn, cháu đã để dành cho ông.

– Cảm ơn, cháu yêu. Còn con bé cứng của ta đã lên giường ấm nệm êm rồi chứ?

– Và đã ngủ ngon rồi.

– Được đấy; tất cả đều an lành! Ta thấy không có lý do gì mà nơi này không an lành, tạ ơn Chúa; nhưng ta mệt đừ cả ngày hôm nay, đầu còn sức như hồi trẻ nữa! Trà đây rồi, cháu chu đáo quá! Cảm ơn. Rồi, bây giờ cháu hãy đến cùng ngồi quanh bàn này đi, chúng ta hãy ngồi im nghe những tiếng dội mà cháu đã có giả thuyết ấy.

– Giả thuyết gì đâu; tưởng tượng thôi mà.

– Thì tưởng tượng, cháu yêu của ta, - ông Lorry vừa nói vừa vỗ nhẹ lên bàn tay Lucie. - Những tiếng dội này rất nhiều và rất lớn, phải vậy không? Cứ nghe thì rõ!

Những bước chân xông tới, điên cuồng, nguy hiểm, đột nhập vào cuộc đời bất kỳ ai, những bước chân không dễ rửa sạch một khi đã nhuộm máu, những bước chân thịnh nộ ở Saint Antoine xa xôi, trong lúc mọi người ngồi vòng quanh bên khung cửa sổ tắm tối ở London.

Cũng buổi sáng hôm ấy ở Saint Antoine, một rừng người đen đúa xác xơ như bù nhìn đang lui tới tràn ngập, nắng rọi xuống làn sóng đầu người này cứ lóe ngời ánh thép của lưỡi lê và đao kiếm. Một tiếng gầm kinh động đã rống lên từ cuống họng Saint Antoine, và một biến cánh tay trần vung lên trời trông như những cành khô héo hon trong gió đông, mọi ngón tay hung hăng ghì chặt mọi thứ khí giới hay bất cứ thứ gì moi móc được từ mọi tầng sâu có thể dùng làm khí giới.

Ai phân phát khí giới, từ đâu mà có, từ nơi nào đến, qua trung gian nào, không ai trong rừng người đó biết được; chỉ thấy khí giới từng đợt, từng đợt hai chục cái, cứ được tung ra rồi dựng phắt lên trên đầu đám đông như ánh chớp; không chỉ có súng hỏa mai - có cả đạn dược, thuốc súng, đạn chì, thanh sắt, gậy gỗ, dao, rìu, cuốc chim, mọi thứ vũ khí mà trí óc điên loạn có thể tìm được hay chế tạo ra. Những người không vớ được cái gì làm vũ khí bèn dùng đôi tay rỉ máu nạy gạch đá trên tường. Mọi mạch đập và nhịp tim ở Saint Antoine đều bồng bồng, hừng hực nóng bỏng. Mọi con người ở đây đều coi mạng sống như không, và đều điên cuồng sẵn sàng thí bỏ.

Như mọi dòng nước sôi sục cuộn xoáy đều hướng về tâm, mọi biến động dữ dội ở đây đều xoay quanh tửu quán của Defarge, và mỗi một người chìm trong chảo lửa này đều bị hút vào tâm xoáy cuồng nộ nhất, nơi đích thân Defarge lăm lem mồ hôi và thuốc súng, đang dốc sức ra mệnh lệnh, phát vũ khí, xô người này ra sau, đẩy kẻ nọ lên trước, tước súng người kia phát cho kẻ khác.

– Hãy đứng gần tôi, Jacques Ba, - Defarge kêu to, - còn mấy anh, Jacques Một và Hai, tách ra mà đi chỉ huy những người ái quốc kia, càng nhiều càng tốt. Có thấy vợ tôi đâu không?

– Đây này! Tôi đây này! - tiếng chị vợ bình thản như mọi khi, nhưng hôm nay chị ta không đan len. Bàn tay phải chị ta thay vì cầm những dụng cụ mềm mại quen thuộc lại đang nắm chặt một cái rìu, và giắt ngang thắt lưng là một khẩu súng ngắn và một con dao ghê gớm.

– Mình tính đi đâu?

– Lúc này tôi đi với mình, - chị nói. - Mình sẽ thấy tôi chỉ huy các chị em liền thôi.

– Thế thì đi nào! - Defarge hô to, giọng oang oang. - Hỡi những người ái quốc và các bằng hữu, hãy sẵn sàng! Ngục Bastille!

Với tiếng gầm vang như thế mọi hơi thở ở Pháp quốc đã kết tinh thành cái tên đáng ghê tởm đó, biến người dân lên, từng đợt sóng, từng tầng sâu, tràn vào kinh thành đổ về nơi đó. Chuông báo động rung rền, trống nện liên hồi, biến cuồng nộ thét gào xô sóng vào bờ bến mới, cuộc tấn công bắt đầu.

Bằng những hào sâu, ào qua đôi cầu treo, vượt những tường đá đồ sộ, tràn tới tám tòa tháp lớn, thần công và hỏa mai đạo súng, lửa và khói bao trùm. Xuyên qua khói lửa - trong màn lửa khói mịt mù biến người cuốn Defarge lên khẩu thần công và ngay lập tức anh trở thành pháo thủ. Anh chủ tửu quán bắn liên hồi như một chiến sĩ can trường. Suốt hai giờ liền.

Lại hào sâu, cầu treo, tường đá đồ sộ, hướng tới tám tòa tháp lớn, thần công, hỏa mai, khói lửa. Một cầu treo đã bị giật sập!

– Ra tay đi, tất cả các bạn, ra tay! Ra tay đi, Jacques Một, Jacques Hai, Jacques Một Ngàn, Jacques Hai Ngàn, Jacques Hai Mười Lăm Ngàn; nhân danh mọi Thiên thần và Quỷ sứ... Quỷ thần gì cũng được... Ra tay đi! - Chủ tửu quán Defarge vẫn nã đạn, khẩu thần công đã nóng lên.

– Theo tôi, các chị em! - Vợ anh ta hô to. - Nào! Đàn bà chúng ta cũng giỏi giết người chẳng kém đàn ông khi gặp chuyện! - Và đáp lời chị là một tiếng thét thềm thuồng inh tai của một rừng phụ nữ trang bị khí giới đủ loại nhưng đều mang chung một nỗi đói khát và hận thù.

Thần công, hỏa mai, khói lửa; nhưng chưa hết hào sâu, cầu treo, tường đá đồ sộ, và chưa tới tám tòa tháp lớn. Biển cuồn cuộn biến hình theo sóng người thương vong gục ngã. Khí giới chói ngời, đuốc cháy sáng rực, đoàn đoàn xe chở rơm ướt, lớp lớp người từ mọi hướng xông tới các chướng ngại vật gần kề, tiếng hò hét, tiếng đạn rền, tiếng chửi rủa, cái chết nhẹ tựa lông hồng, ầm ầm tan nát kinh hồn, biển người cứ gằm lên xô sóng tới; nhưng vẫn chưa hết hào sâu, cầu treo, tường đá đồ sộ, và chưa tới tám tòa tháp lớn, và chủ tửu quán Defarge vẫn bên khẩu thần công nóng bỏng vì hỏa lực suốt bốn giờ ác liệt.

Một lá cờ trắng từ trong pháo đài phát lên, rồi đàm phán - việc diễn ra lơ mơ trong cơn bão táp điên loạn này, không ai nghe được gì - đột ngột biển người dâng lên càng lúc càng cao, càng lúc càng lan rộng, và cuốn chủ tửu quán Defarge lên một cầu treo đã hạ xuống, vượt qua lớp tường đá đồ sộ bọc bên ngoài, và lọt vào giữa tám tòa tháp vừa thất thủ!

Biển người ấy xô anh ta đi tới không cưỡng lại được, thậm chí không thể dừng lấy hơi hay ngoái đầu nhìn lui, cứ như anh đang vùng vẫy trong sóng dữ biển Nam, cho đến khi anh đã được lừa tới sân trước ngục Bastille. Ở đó, dựa lưng vào góc tường, anh cố sức nhìn quanh. Jacques Ba đang ở gần bên; bóng chị Defarge, vẫn đang chỉ huy nhóm phụ nữ của chị ta, hiện ra cách xa phía trong, dao lăm lăm trong tay. Khắp nơi náo động, vui mừng, tiếng cuồn cuộn inh tai nhức

óc, không ai nghe thấy ai và mọi người vung tay ra dấu như một màn kịch câm tàn bạo.

- Tù nhân!
- Hồ sơ!
- Buồng giam bí mật!
- Dụng cụ tra khảo!
- Tù nhân!

Trong số những hò hét ấy và hàng vạn tiếng la ó huyền não không nghe rõ, “Tù nhân!” là tiếng gầm lớn nhất được biến người cuốn theo, hồi vọng, tiếp nối tưởng chừng vô cùng vô tận. Khi những đợt sóng người đầu tiên tràn qua, lôi theo đám quan giám ngục, đe dọa giết họ tức khắc nếu không tiết lộ bất cứ góc ngách bí mật nào, Defarge đưa bàn tay mạnh mẽ nắm cổ một viên cai tù - một người tóc xám tay cầm cây đuốc cháy sáng - kéo người này ra đẩy sát tường rồi đứng chặn trước mặt.

- Chỉ đường tới Tháp Bắc! - Defarge nói. - Mau lên!
- Tôi sẽ chỉ ngay nếu ông đi cùng tôi, - người này đáp. - Nhưng ở đó không có người nào đâu.
- Một Trăm Lẻ Năm, Tháp Bắc nghĩa là gì? - Defarge hỏi. - Nói mau.
- Là sao, thưa ông?
- Đó là tù nhân hay là phòng giam? Hay là mi muốn ta đâm chết tươi!
- Giết nó đi! - Jacques Ba rít lên, y vừa mới tới gần.
- Thưa ông, đó là phòng giam.
- Đưa ta tới đó!
- Vậy thì đi lối này.

Với thói quen đối khát quen thuộc, Jacques Ba rõ ràng thất vọng khi mấy câu đối thoại lại xoay theo chiều hướng không hứa hẹn đổ máu, y bèn nắm lấy cánh tay Defarge lẫn cánh tay viên cai ngục. Ba cái đầu

chụm sát lại trong cuộc trao đổi ngắn ngủi và ngay cả như thế họ cũng khó nghe rõ lời nhau, tiếng biển người chung quanh kinh động điếc tai khi ủa vào pháo đài, tràn ngập các khoảng sân, lối đi và cầu thang. Bốn bề bên ngoài cũng ầm vang tiếng đám đông gầm gào và chốc chốc lại có một tiếng thét náo loạn bật rú lên như bọt sóng bắn lên không trung.

Xuyên qua những căn hầm tối tăm chưa từng thấy ánh sáng ban ngày, băng qua những cánh cửa ngục thất, buồng giam đen đúa gớm ghê, đi xuống những dãy bậc cấp như hang động, rồi lại ngược lên những nấc gạch đá lởm chởm dốc đứng như vách thác cạn khô hơn là cầu thang, Defarge, viên cai tù, và Jacques Ba, nắm chặt tay nhau, cố đi nhanh hết sức. Chốc chốc, nhất là lúc đầu, biển người cứ tràn tới cuốn họ theo; nhưng khi họ đã hết đi xuống và cứ theo một cầu thang xoáy ốc đi lên một tháp cao thì chỉ còn lại ba người. Ở đây, bao quanh bằng những vách tường dày và những vòm cuốn, cơn bão táp trong và ngoài pháo đài chỉ còn là một âm thanh mơ hồ, chẳng khác gì tiếng ồn mà họ vừa thoát ra đã suýt hủy hoại hết khả năng thính giác của ba người.

Viên cai tù dừng ở một cánh cửa thấp, tra chìa khóa kèn kẹt vào ổ khóa, từ từ mở cửa ra, và nói khi cả ba cúi đầu đi vào trong:

– Một Trăm Lẻ Năm, Tháp Bắc!

Bên trong có một ô cửa sổ không lắp kính, dày đặc chấn song nằm cao trên tường, trước cửa lại bị chặn bằng một phiến đá cho nên phải ngồi thụp xuống ngược lên mới nhìn thấy được mảnh trời. Cách vài bước chân là một ống khói nhỏ, cũng bắt chấn song dày đặc. Trên nền lò sưởi là một đồng tàn tro gỗ cháy đã lâu. Một ghế đầu, một chiếc bàn, một chiếc giường rơm. Bốn bức tường đen đúa, và trên một bức tường có gắn một khoen sắt gỉ.

– Từ từ lướt cây đuốc dọc theo mấy vách tường này để tôi nhìn qua,
- Defarge nói với viên cai tù.

Người này nghe theo, và Defarge chăm chú dõi theo luồng sáng.

– Dừng lại!... Nhìn này, Jacques!

– “A. M.”! - Jacques Ba nói như rên trong lúc đọc hai chữ tắt đó một cách ham hố.

– “Alexandre Manette”, Defarge nói khẽ, dò theo mấy chữ cái bằng ngón tay trở ngăm đen ám đầy thuốc súng. - Còn ở đây ông ta khắc chữ “bác sĩ đáng thương”. Và chắc chắn là ông ta chứ không ai khác đã khắc vạch đếm ngày tháng trên tấm đá này. Anh cầm cái gì đó? Xà beng à? Đưa cho tôi!

Defarge vẫn còn cầm thanh mồi lửa súng thần công trong tay. Anh đổi ngay dụng cụ với Jacques Ba rồi quay sang quất vài cú đập tan tành cái ghế đầu và chiếc bàn mỗi mọt.

– Giơ đuốc cao lên một chút! - Giọng uất ức, anh nói với gã cai tù rồi quay sang Jacques. - Tìm kĩ trong mớ gỗ vụn đó đi, Jacques. Đây này! Lấy dao của tôi đi! - Anh thấy con dao cho bạn. - Rạch tung cái giường luôn, tìm trong lớp nệm rơm. Giơ đuốc cao lên, tên kia!

Trùng mắt dọa gã cai tù xong Defarge bò trên sàn lò sưởi, chăm chú nhìn ngược lên ống khói, dùng xà beng gỗ, nạy vào thành lò và cố cạy bật những song sắt bắt chéo qua lỗ ống khói. Mấy phút sau, vôi vữa và bụi đất rơi xuống, anh nghiêng mặt tránh; rồi cẩn thận mò mẫm tìm kiếm trong đồng tro củi lâu năm, trong hốc ống khói mà thanh xà beng đã luồn vào được.

– Trong đồng gỗ rơm kia không có gì sao, Jacques?

– Chẳng có gì.

– Gom hết lại ngay giữa phòng. Rồi! Đốt đi, tên kia!

Gã cai tù châm đuốc vào cái đồng đó và rơm gỗ cháy phừng phừng. Lại khom người đi qua cửa vòm thâm thấp, cả ba để mặc đồng lửa cháy, quay lại đường cũ ra ngoài sân; cứ xuống tới đâu thì thính giác như lại được phục hồi, cho đến khi họ lại ở trong biển người cuồn nộ một lần nữa.

Biển người ấy vẫn đang trào dâng, sôi sục tìm kiếm chính Defarge. Dân Saint Antoine đang la ó đòi phải cho anh chủ tửu quán đứng đầu

nhóm canh gác tên quan tổng quản, kẻ đã bắn vào dân chúng để bảo vệ ngục Bastille. Nếu không, họ sẽ không thể đưa tên quan này tới Tòa Đô Chính chịu xét xử. Nếu không, tên quan này sẽ trốn thoát và những người đã đổ máu sẽ không được báo thù (sau bao nhiêu năm vô giá trị, máu thường dân bỗng dưng có chút quý báu).

Giữa biển nhân gian gào rú tranh cãi hung hăng như muốn chìm ngập viên quan già mặc áo khoác xám, đeo huân chương đỏ, chỉ có một người hoàn toàn bình tĩnh, và đó là một người đàn bà.

- Kìa, chồng tôi đây rồi! - Chị ta kêu to, tay chỉ trỏ. - Defarge kìa!

Chị ta đứng kề sát bên viên quan già dữ tợn kia; và vẫn nhất nhất kề sát một bên; chị ta kề sát bên ông ta khi đoàn người kéo qua các ngã đường trong lúc Defarge và đám đông điệu người ấy đi; vẫn kề sát bên khi ông ta gần tới đích và bị ai đánh từ phía sau; vẫn kề sát bên khi ông ta hứng chịu một một trận mưa đá tích tụ đã lâu; vẫn kề sát bên khi người ấy chết gục dưới mưa đòn, và rồi thỉnh thoảng chị ta sôi nổi hân hoan, đạp chân lên cổ ông ta và rút lưỡi dao tàn bạo - rất dài - chặt phăng cái đầu.

Đã đến lúc dân Saint Antoine thi hành cái ý tưởng kinh hoàng là treo người lên cột đèn để chứng tỏ họ là ai và làm được gì. Máu dân Saint Antoine đã sôi sục và máu của ách thống trị bạo tàn sắt đá đã tuôn chảy - trên những bậc thềm Tòa Đô Chính nơi phơi xác quan tổng quản kia - dưới gót giày của chị Defarge nơi chị ta giẫm lên cái xác cho vững để chém lia thủ cấp.

- Xuống cột đèn đây kia! - Dân Saint Antoine hét lên sau khi trừng mắt nhìn quanh tìm thêm người mới để hành hình. - Còn một tên lính gác của lão quan đây này! - Người lính gác bị treo cổ lên lưng lửng và biến người lại tràn tới, tràn tới.

Biển trùng trùng đe dọa và đen tối; biển dựng từng đợt, từng đợt sóng hủy diệt; biển sâu khôn dò; biển mạnh khôn xiết. Biển tàn bạo cuộn cuộn sóng người nghiêng ngả, âm vang tiếng gọi trả thù, nung

nấu những gương mặt tàn nhẫn trong lò đau khổ cho đến khi khô kiệt không còn chút dấu vết từ tâm.

Nhưng trong biển người mặt mày hùng hực sinh lực thịnh nộ, đã man ấy, có hai nhóm hoàn toàn khác hẳn đám đông - mỗi nhóm là bảy gương mặt - khác đến mức làn sóng cồn đang cuốn theo càng lúc càng nhiều những mảnh vụn ký ức trôi dạt kia cũng không thể nhấn chìm. Bảy bộ mặt là của bảy người tù, bất ngờ được bão táp phá tan ngục thất trả tự do, họ đang được biển người công kênh trên đầu; hết thấy đều hải hùng, hết thấy đều lạc lõng, hết thấy đều bàng hoàng kinh ngạc như thể Ngày Phán Xét Cuối Cùng đã tới và đám đông đang mừng vui là những linh hồn chết. Còn bảy bộ mặt khác, giờ cao hơn, là bảy cái thủ cấp, những mi mắt khép hờ trên đôi mắt trần trối chờ Ngày Phán Xét. Những bộ mặt bất động, đông cứng một cảm xúc ngưng tụ; những bộ mặt hóa đá giữa cơn hải hùng, chưa kịp mở to mắt chứng kiến đôi môi tái nhợt thét lên “QUÂN GIẾT NGƯỜI!”.

Bảy tù nhân được tự do, bảy thủ cấp bêu trên cọc nhọn, các chìa khóa của pháo đài tám ngọn tháp đáng nguyên rửa đó, mấy bức thư tìm thấy và nhiều hồi ức khác của số tù nhân đã chết từ lâu vì đau khổ - biết bao nhiêu điều như thế - hết thấy đều ầm vang trong tiếng bước chân của đoàn dân chúng Saint Antoine đi khắp phố phường Paris giữa tháng Bảy năm 1789. Lúc này đây, cầu mong cho trí tưởng tượng của Lucie Darnay bế tắc để những bước chân ấy tránh xa cuộc đời cô! Bởi đó là những bước chân xông tới, điên cuồng, nguy hiểm; vì rất nhiều năm sau cái ngày vỡ thùng rượu trước cửa tửu quán Defarge, những bước chân ấy không dễ rửa sạch một khi đã nhuộm máu.

22. Biển vẫn sóng cồn

Thánh Antoine hốc hác chỉ mới có một tuần đặc thắng duy nhất để tạm xoa dịu những vụn bánh mì cay đắng cồn cào bằng vị ngon của những cái ôm huynh đệ và những lời chúc tụng, khi chị Defarge ngồi ở quầy rượu như thường lệ giám sát khách hàng. Chị Defarge không gấn bông hồng nào trên đầu bởi vì chỉ trong một tuần ngắn ngủi qua, đám hành nghề mật thám đông đảo đã hết sức ái ngại khi phải phò thác tính mạng mình cho lòng nhân từ của thánh Antoine. Những ngọn đèn đường trên các ngã phố ở khu vực mang tên vị thánh này luôn đòng đưa nhún nhảy trên cột như một diềm báo hắc ám.

Chị Defarge khoanh tay ngồi trong ánh nắng nóng ban mai, lặng nhìn từ quán và đường phố. Cả trong lẫn ngoài đều xúm tụm nhiều đám người nhàn tản, những kẻ bán thiu và khốn khổ nhưng cảnh cùng quần của họ giờ đã được ban cho cảm giác quyền lực thấy rõ. Những chiếc mũ ngủ rách rưới nhất, xộc xệch trên những cái đầu bất hạnh nhất, như đều biểu lộ một ý nghĩa bất lương: “Ta biết ngày càng khó khăn để ta nuôi sống thân ta, kẻ đội mũ này; nhưng mi có biết là ngày càng dễ dàng cho ta, kẻ đội mũ này, hủy hoại mạng sống của mi không?”. Mọi cánh tay gầy gò xương lâu nay không có việc làm, giờ luôn có sẵn việc vung nắm đấm. Những ngón tay của đám đàn bà đàn len đã ác độc lâu nay đều biết chúng có thể cào xé nát thịt rách da. Diện mạo khu Saint Antoine đã thay đổi hẳn; hình ảnh này đã được đục đẽo hàng trăm năm mới thành, và những cú nện hoàn tất cuối cùng đã giáng xuống định hình bộ mặt đó.

Chị Defarge ngồi quan sát khu phố với vẻ hài lòng cố che giấu cho đúng với vai trò thủ lĩnh nhóm phụ nữ Saint Antoine. Một người chị em ngồi đan cạnh bên. Là bà vợ thấp lùn, khá đầy đà của ông chủ tiệm

tạp hóa sắp chết đói, và cũng là mẹ của hai đứa trẻ, phó thủ lĩnh này đã được tán dương bằng biệt danh Nữ Thần Báo Oán.

– Kìa! - Nữ Thần Báo Oán nói. - Nghe đi! Có ai đến?

Như một vệt thuốc súng vừa được châm lửa đột ngột từ phía ngoài cùng khu Saint Antoine chạy dài tới cửa tửu quán, có tiếng lao xao tràn tới càng lúc càng nhanh.

– Defarge đó, - chị nói. - Im lặng, hỡi những người ái quốc!

Defarge hỗn hển chạy vào, giật chiếc mũ đỏ trên đầu ra, và nhìn quanh.

– Lắng nghe, mọi người! - Lại tiếng của chị. - Nghe ông ấy nói! - Defarge đứng thở hồng hộc, sau lưng là những con mắt há hức và những cái miệng há hốc đứng ngoài cửa; tất cả mọi người trong tửu quán đều đứng phắt lên. - Nói đi, mình. Có chuyện gì?

– Tin từ côi chết!

– Sao thế được? - Chị thốt lên, giọng khinh khỉnh. - Côi chết?

– Ở đây có ai còn nhớ lão Foulon* không, kẻ bảo những người dân chết đói là ăn cỏ đỡ lòng cũng được, và lão cũng đã xuống âm ty rồi không?

– Nhớ! - Mọi cổ họng gào lên.

– Có tin về lão ta. Lão đang sờ sờ ở đây!

– Sờ sờ ở đây! - Lại những cổ họng ấy đồng thanh la ó. - Và chết ngắc?

– Chưa chết! Lão sợ chúng ta quá... mà cũng đúng thôi... sợ tới mức lão phải giả vờ là đã chết, và làm đám tang giả. Nhưng người ta đã tìm ra lão còn sống nhăn, đang trốn ở vùng quê, và bắt lão về đây. Tôi vừa mới nhìn thấy lão, là phạm nhân, trên đường áp giải tới Tòa Đô Chính. Tôi đã nói là lão này sợ chúng ta cũng đúng. Tất cả nói đi! Có *đúng* không?

Lão già tội phạm bất hạnh hơn bảy mươi tuổi ấy mà chưa hề biết điều đó bao giờ thì ắt giờ đây sẽ khắc cốt ghi tâm nếu như lão ta nghe được tiếng hét đồng thanh trả lời của mọi người.

Một lúc im lặng thăm thẳm tiếp nối. Defarge và chị vợ nhìn thẳng mặt nhau. Nữ Thần Báo Oán khom lưng và một hàng như tiếng trống ầm vang là tiếng chân chị ta đập mạnh phía sau quây rệu.

– Hỡi những người ái quốc! - Defarge lớn tiếng đầy quả quyết. - Sẵn sàng chưa?

Lập tức con dao của chị Defarge đã giắt vào lưng; bước chân rầm rập trên đường cứ như phép màu nào đã ban cho đoàn người một tay đánh trống trận theo cùng; Nữ Thần Báo Oán hét to một tràng ghê gớm, hai tay vung lên trên đầu như cùng lúc huy động cả bốn mươi vị thần báo thù, chạy băng từ nhà này sang nhà khác kích động đám đàn bà.

Đám đàn ông dễ sợ, lòng sục sôi thịnh nộ đang đứng trong các cửa sổ nhìn ra, vô lấy bất cứ thứ khí giới nào, và kéo nhau tràn xuống đường; nhưng chính đám đàn bà mới là cảnh tượng khiến cả những kẻ gan dạ nhất cũng phải ớn lạnh. Bỏ mặc những công việc gia đình còn sót lại trong cảnh bần cùng, bỏ mặc con thơ, người già, người đau ốm, đang bò lê đói rách trên nền đất trần trụi, các bà xõ tóc chạy ra, thúc giục nhau, và thúc giục chính mình hòa vào cơn điên loạn bằng những tiếng hét và hành động cuồng dại nhất. Thằng côn đồ Foulon bị bắt rồi, chị em ơi! Lão Foulon bị bắt rồi, mẹ ơi! Tên vô lại Foulon bị bắt rồi, con gái ơi! Rồi hàng chục, hàng chục bà chạy vào giữa đoàn người, dấm ngực, bứt tóc, gào rú, Foulon còn sống! Thằng Foulon đã bảo những người chết đói ăn cỏ dờ lòng! Thằng Foulon đã bảo cha già của tôi ăn cỏ khi tôi không còn miếng bánh mì nào cho cha ăn! Thằng Foulon đã bảo đứa con còn ẵm ngửa của tôi ăn cỏ khi vú tôi cạn khô không còn sữa cho con bú! Ôi Mẹ Maria, cái tên Foulon này! Ôi Chúa ơi, sao khổ thế này! Nghe mẹ đây, ôi con thơ đã chết! Nghe con đây, ôi cha già héo hắt! Tao quỳ gối trên những phiến đá này thề giết Foulon

trả thù cho con, cho cha! Chồng ơi, anh ơi, em trai ơi! Cho tao uống máu Foulon! Chặt đầu Foulon cho tao! Mọi tim Foulon cho tao! Cho tao cả xác lẫn hồn Foulon! Phanh thầy Foulon, vùi xuống đất cho cỏ mọc xanh mướt! Cứ gào thét như thế, lớp lớp đàn bà bị kích động tới điên loạn mù quáng, cứ quay cuồng, đánh đấm xâu xé lẫn nhau cho tới khi ngã gục bất tỉnh vì phát cuồng, và chỉ được đám chồng, cha, anh em trai của họ cứu cho mới khỏi bị giày xéo.

Thế nhưng đoàn người không chậm trễ chút nào; không một phút giây! Tên Foulon này đang ở Tòa Đô Chính và có thể trốn thoát. Không đời nào, nếu dân Saint Antoine biết rõ bao đau khổ, nhục nhã, sai trái họ phải cam chịu! Đoàn đàn ông, đàn bà lăm lăm khí giới tràn nhanh ra khỏi khu vực này, với sức cuốn hút mạnh mẽ vét sạch đến tận kẻ cuối cùng lồi theo, ào ào tới mức chỉ sau mười lăm phút là giữa lòng Saint Antoine không còn bóng ai nào ngoại trừ số ít già cả và đám trẻ nhỏ đang kêu khóc.

Không. Đến lúc đó thì tất cả đã chen chúc đặc nghẹt trong Tòa Đô Chính giờ đã thành Tòa Xét Xử - nơi tên già xấu xa, ác độc kia đang có mặt - hoặc tràn ra các khoảng đất trống và đường phố lân cận. Nhà Defarge, cả chồng lẫn vợ, Nữ Thần Báo Oán, và Jacques Ba, ở trong đám đầu tiên chen vào, và đứng cách Foulon không bao xa.

- Kia! - Chị Defarge la to, vung mũi dao lên chỉ. - Nhìn thẳng già ác ôn bị trói thừng kia kìa. Họ buộc lên lưng nó một búi cỏ nữa kìa, thật hay quá. Ha ha! Hay quá là hay. Bắt nó ăn cỏ đi! - Chị ta cặp dao dưới nách, vỗ tay như đang xem tuồng hát.

Những người đứng ngay sau lưng chị Defarge giải thích nguyên nhân sự thỏa mãn của chị ta cho ai đứng sau mình biết, và những người này sẽ giải thích cho người khác, rồi người người lại nối tiếp lời; thế là những con đường lân cận cũng vang rền tiếng vỗ tay. Cứ thế suốt hai hay ba giờ liền, cùng với những lời truyền tai, nét mặt thường xuyên tỏ ra nôn nóng của chị Defarge cũng được nhanh chóng rập khuôn và lan tỏa - thậm chí hình ảnh còn đi nhanh hơn lời - vì có

nhiều người khỏe mạnh dẻo dai đã trèo lên các cột kèo bên ngoài nhìn vào cửa sổ, họ biết rõ chị Defarge, và đảm trách việc truyền đi phản ứng của chị ta cho đám đông bên ngoài biết.

Mặt trời cuối cùng đã lên cao tới mức chiếu thẳng xuống đầu kẻ tội phạm già như một tia sáng hy vọng hoặc chở che. Ân huệ đó là quá đáng; trong chớp nhoáng, cái hàng rào bụi bặm và ọp ẹp quá lâu vẫn chưa đổ, giờ đã bay vèo - dân Saint Antoine xông tới bắt tù nhân.

Ngay từ góc xa nhất của đám đông cũng biết ngay chuyện gì xảy ra. Defarge đã nhảy qua một hàng rào và một cái bàn, ghì chặt kẻ bất hạnh khốn khổ kia trong vòng ôm chết người - chị Defarge theo bèn gót chồng liền vồ lấy sợi thừng đang trói phạm nhân - Nữ Thần Báo Oán và Jacques Ba vẫn chưa tới kịp, đám người trèo bám ở cửa sổ như lũ chim đậu cheo leo vẫn chưa sà được vào trong - khi dường như cả kinh thành cùng vang tiếng hét: “Đưa nó ra! Đưa nó ra cột đèn!”.

Ngã xuống, kéo dậy, chúi dập đầu trên những bậc thềm Tòa Đô Chính; rồi, quỳ gối; rồi, đứng lên; rồi, té ngửa; bị lôi đi, bị đâm đập, ngạt thở vì những nắm cổ và rơm rạ từ hàng trăm bàn tay thọc vào mặt; quần áo xé toạc, thịt da bầm tím, ngạt thở, đổ máu, nhưng không ngừng cầu khẩn, van xin thương hại; rồi vùng vẫy dữ dội trong thống khổ với khoảng trống chật chội khi đoàn đoàn lớp lớp chen nhau tới gần nhìn ngó; rồi như một khúc gỗ chết bị kéo lê qua một rừng chân người; tội phạm bị lôi tới góc phố gần nhất có một ngọn đèn đường định mệnh treo lủng lẳng, tới đó thì chị Defarge buông y ra - như con mèo vờn chuột - rồi im lìm, lạnh lùng nhìn nạn nhân trong lúc mọi người chuẩn bị. Và trong lúc tù nhân van xin chị ta, đám đàn bà không ngừng điên cuồng gào lên quát tháo với y, đám đàn ông hung hăng la ó đòi nhét cổ vào mồm y rồi giết. Lần đầu, treo cổ lên thì đứt dây, đám đông tóm lấy khi y gào thét rơi xuống; lần sau, treo cổ lên thì dây lại đứt, đám đông lại tóm lấy khi y gào thét rơi xuống; và tới lần thứ ba thì sợi dây thương tình giữ chặt, chẳng bao lâu sau đầu y đã bị bêu trên

cọc, cỏ nhét trong mồm cho toàn dân Saint Antoine nhìn ngắm và nhảy múa reo mừng.

Công việc tàn bạo của ngày hôm đó chưa kết thúc, bởi dân Saint Antoine đã hò hét, nhảy múa sôi máu hận, lại sùng sục oán thù lần nữa vào cuối ngày khi nghe tin con rể của kẻ đã bị giết - một kẻ thù và kẻ xúc phạm nhân dân nữa - đang đến Paris cùng với năm trăm quân hộ tống, toàn kỵ binh. Dân Saint Antoine ghi tội người này trên những tờ giấy pháp phối, rồi bắt sống - hẳn là họ phải tấn công vào cả đạo quân mới bắt được anh ta chịu chung số phận với Foulon - chặt đầu và moi tim bêu trên cọc nhọn, và cả đoàn người lang sói ấy rước cả ba chiến lợi phẩm đi khắp phố phường.

Mãi đến tối mịt đoàn đàn ông, đàn bà ấy mới về với lũ con đang la khóc, đói ăn. Thế là các tiệm bánh khốn khổ lại bị họ xếp hàng dài bao vây, nhائن chờ mua những ổ bánh mì ôi mốc; trong lúc chờ chực với cái bao tử rỗng teo tóp, họ giết thời gian bằng cách ôm nhau mừng chiến công vừa qua, bàn tán hồi tưởng các sự việc trong ngày. Dần dần, những chuỗi người rách rưới cũng thu ngắn và xơ xác dần, rồi những ngọn đèn tù mù bắt đầu sáng trên các cửa sổ cao, và những đồng lửa leo lét được nhóm trên đường phố, các nhà lân cận gom góp nấu ăn chung, rồi sau đó họ ngồi ngay ngưỡng cửa húp xì xụp.

Bữa ăn tối thiếu thốn, ít ỏi, không có thịt và cũng không có chút nước xốt nào cho miếng bánh mì thảm hại. Nhưng tình bằng hữu đã pha trộn ít hương vị béo bổ vào đồ ăn khô cứng, khơi cho người rạng chút cười vui. Những ông cha, bà mẹ đã bỏ trọn ngày tham gia những việc tồi tệ ấy giờ đang dịu dàng chơi đùa với đám con thơ gầy còm; và những tình nhân - giữa thế giới bao quanh chờ đón - lại yêu nhau và hy vọng ngày mai.

Tối gần sáng, khi từ quán của Defarge giã biệt những vị khách cuối cùng, anh Defarge với nói với chị vợ bằng giọng khản đặc lúc đóng cửa nẻo:

– Rốt cuộc ngày đó đã tới, mình ơi!

– Phải vậy chứ! - Chị đáp lại. - sắp rồi.

Saint Antoine ngủ; vợ chồng Defarge ngủ; cả Nữ Thần Báo Oán cũng ngủ bên người chồng chết đói, và tiếng trống đã im. Tiếng trống ấy là âm thanh duy nhất ở Saint Antoine mà máu đổ, đầu rơi không làm thay đổi. Nữ Thần Báo Oán, người bảo vệ chiếc trống trận đó, có thể thức giấc và lại thổi hồi trống giục giã mọi người như trước khi ngục Bastille thất thủ, hay trước khi lão Foulon bị tóm cổ; còn những giọng nói khan tiếng của mọi đàn ông, đàn bà giữa lòng Saint Antoine đã mãi mãi đổi thay.

23. Bốc cháy

Đã không còn như xưa ở ngôi làng có đài nước phun, có gã phu lục lộ ngày ngày đi ra đường cái nện đá kiếm cho đủ mấy miếng bánh mì để nín giữ linh hồn u mê đáng thương khỏi lìa bỏ xác thân gầy còm thảm hại. Nhà tù trên vách đá cũng không trấn áp ghê gớm như trước; vẫn còn lính canh nhưng không nhiều; vẫn còn các sĩ quan chỉ huy đám lính ấy nhưng chẳng ai biết quân mình làm được trò trống gì - chỉ biết rằng đám quân này rất có thể sẽ không làm theo lệnh chỉ huy.

Nơi nơi toàn một miền quê điêu tàn, chẳng có gì ngoài cảnh tiêu điều. Từng chiếc lá xanh, từng ngọn cỏ, cọng lúa đều héo hon tội nghiệp như những người dân cùng khổ này. Mọi thứ đều oằn cong, buồn rũ, bức bối, và tuyệt vọng. Nhà cửa, hàng rào, gia súc, đàn ông, đàn bà, trẻ nhỏ, và cả đất đai nuôi họ - hết thảy đều kiệt quệ.

Hồng phúc của quốc gia là giới tai to mặt lớn (xét theo cá nhân, thường là các nhà quý tộc ưu tú nhất), họ tạo nên vẻ nghĩa hiệp cho mọi chuyện, là điển hình tao nhã của cuộc sống lộng lẫy xa hoa, và mang lại bao ý nghĩa cho những việc tương tự. Tuy nhiên, chính giới tai to mặt lớn ấy, bằng cách này cách khác, đã gây ra cảnh này. Kể cũng lạ, cái thế giới tưởng đâu dành riêng cho giới đại quan lại bị ép khô vắt kiệt mau đến thế! Nhất định phải có sự thiến cận nào đấy trong cách sắp đặt vĩnh viễn an bài! Nhưng đúng là vậy, và khi cả đá rắn đã bị hút cạn tới giọt máu cuối cùng, khi cả kẹp tra tấn đã vận tới vòng cuối cùng và có siết nữa thì con vít tuôn cả gai, có xoay mấy không ép thêm được nữa, thì các quan lớn bắt đầu chạy trốn cái thảm cảnh vừa tàn tệt vừa khó hiểu này.

Nhưng đó không phải là sự thay đổi ở ngôi làng này, và nhiều làng giống như thế. Hàng chục năm qua, các quan lớn đã vắt kiệt nơi đây nhưng hiếm khi lộ mặt tới trừ khi hào hứng đi săn - có lúc săn người,

có lúc săn thú, và biến những vùng đất hoang vắng, man rợ thành những khu săn bắn dành riêng cho mình. Không, sự thay đổi nằm trên những gương mặt tiện dân xa lạ đang xuất hiện chứ không phải ở những diện mạo thượng lưu, thanh tú, điểm tô che đậy mỹ miều của giới tai to mặt lớn đang biến mất.

Cho nên vào thời đó, khi làm việc một mình trong bụi bặm, gã phu lục lộ lại ít lo nghĩ tới thân phận cát bụi lại hoàn cát bụi của mình mà chủ yếu chỉ bận tâm tới chuyện kiếm được bao nhiêu miếng ăn và nếu được thì ăn bao nhiêu miếng - vào thời đó, khi rời mắt khỏi công việc cô độc ngược nhìn xa xôi, gã thường thấy một bóng người quê mùa nào đó cuốc bộ tới gần, dạng lữ khách từng hiếm thấy ở vùng này nhưng giờ ngày càng nhiều. Khi bóng người rõ dần, gã phu lục lộ sẽ nhận ra không chút ngạc nhiên, đó là một kẻ tóc tai rối bời, mặt mày có phần dã man, cao lớn, đi đôi giày mộc mà cả dân lục lộ như gã cũng thấy là thô kệch, tướng hung hăng, thô lỗ, đen đúa, người lấm bết bụi đất bao dặm đường xa, thấm đẫm bùn sinh bao vùng đất trũng, bám đầy gai góc, cỏ rêu bao ngô tắt băng rừng.

Một kẻ như thế đã xuất hiện như bóng ma giữa ngo một ngày tháng Bảy lúc gã phu lục lộ ngồi trên đồng đá dưới một bờ đất cổ tránh một cơn mưa đá vừa trút xuống đột ngột.

Người kia nhìn gã, nhìn xuống ngôi làng dưới thung, nhìn cối xay, rồi nhìn nhà tù trên vách đá. Khi đã xác định những mục tiêu đó trong đầu óc tăm tối của mình, gã mới nói bằng một thổ ngữ hầu như không hiểu nổi:

- Tình hình thế nào, Jacques?
- Ổn cả, Jacques.
- Hiểu!

Hai người bắt tay, và y ngồi xuống đồng đá.

- Không ăn trưa à?
- Giờ chỉ còn ăn buổi tối, - gã phu lục lộ nói, nét mặt thiếu đói.
- Đâu cũng vậy, - người kia làu bàu. - Ở đâu cũng thấy nhịn ăn trưa.

Y lấy ra chiếc tẩu thâm đen, nhồi thuốc, mồi bằng đá lửa với que sắt, và cứ bập phà cho tới khi thuốc lá hừng đỏ; rồi rút tẩu khỏi miệng, ngón tay cái và ngón trỏ nhúm một chất bột gì đó thả vào, miệng tẩu cháy phùng rồi tắt để lại một làn khói.

– Hiếu! - Giờ tới lượt gã phu lục lộ nói sau khi quan sát hành động đó. Hai người lại bắt tay.

– Đêm nay? - Phu lục lộ hỏi.

– Đêm nay? - Lữ khách vừa nói vừa đưa tẩu thuốc lên môi.

– Ở đâu?

– Ở đây.

Y và gã phu lục lộ ngồi trên đồng đá im lặng nhìn nhau trong lúc mưa đá bắn vào khoảng giữa hai người những giọt nhọn như lưỡi lê đâm, cho đến khi bầu trời trên ngôi làng bắt đầu quang đãng.

– Chỉ đường đi! - Lữ khách nói rồi đi lên đỉnh đồi.

– Đó! - Phu lục lộ đáp, một ngón tay chìa ra. - Ông xuống ngay đây, đi qua đường, qua đài nước...

– Đẹp mẹ mấy cái đó đi! - Người kia ngắt lời, đảo mắt nhìn khắp quang cảnh. - Tôi không đi qua đường nào, đài nước nào hết. Sao?

– Được! Vậy thì khoảng hai dặm qua đỉnh đồi sau làng.

– Tốt. Khi nào ông xong việc?

– Lúc mặt trời lặn.

– Trước khi về thì thức tôi dậy nghe? Tôi đã lụi bộ hai ngày không nghỉ. Để tôi hút xong tẩu thuốc rồi sẽ ngủ một giấc thẳng cánh. Nhớ đánh thức đó.

– Chắc chắn.

Lữ khách hút hết thuốc, cất tẩu vào ngực, tháo đôi giày mộc kền càn ra, rồi nằm ngửa trên đồng đá. Y ngủ liền lập tức.

Trong lúc gã phu lục lộ miệt mài với công việc bụi bặm của mình, những đám mây đen đang tan dần hé lộ những mảng trời cho nắng bạc xuyên qua, vẽ những vệt sáng chạy dài trên cảnh vật bên dưới, gã phu

thấp bé kia (lúc này đội mũ đỏ thay cho mũ xanh) dường như bị thu hút vào kẻ đang nằm trên đồng đá. Gã cứ ngoái nhìn mãi về hướng đó nên chỉ làm việc một cách máy móc và, ta ắt phải nói, qua loa cho xong. Còn lữ khách - gương mặt sạm nắng, mớ râu tóc đen bù rôi, chiếc mũ đỏ bằng len thô, mớ quần áo tồi tàn lộn xộn đủ thứ vải tự dệt và da thú lông lá, vóc dáng mạnh mẽ đã hao mòn bớt vì thiếu ăn, đôi môi mím chặt tuyệt vọng và cái kính trong giấc ngủ - khiến gã phu lục lộ kính sợ. Lữ khách đã đi bao dặm trường, bàn chân đã sưng lên, mắt cá phồng rộp rướm máu, đôi giày kền càng nhét đầy cỏ lá đúng là quá nặng khi chân phải lôi theo trên đường xa, áo quần rách tưa thủng lỗ, còn khắp người y cũng lở loét đầy. Lom khom bên cạnh y, gã phu lục lộ cố nhìn rõ xem có khí giới bí mật nào giấu trong người lữ khách hay chẳng; nhưng vô ích, người này ngủ mà hai tay vẫn khoanh cứng trên ngực, kiên quyết như đôi môi mím chặt của y. Những thành trì với tường cao, hào sâu, tháp canh, cổng rào, cầu rút, dường như chẳng có ý nghĩa gì đối với gã phu lục lộ khi gã nhìn kẻ đang ngủ này. Và khi gã ngẩng lên nhìn quanh phía chân trời, trong tâm trí gã dường như ra những bóng người tương tự, không gì ngăn cản được, đang kéo về các thị thành trên khắp nước Pháp.

Người kia vẫn ngủ, dừng dừng với những đợt nắng mưa xen kẽ, với ánh sáng và bóng tối thay nhau phủ lên gương mặt, với những hạt mưa đá mờ đục văng tứ tung trên người ửng sáng lên như kim cương khi nắng chiếu vào, ngủ đến khi mặt trời sà xuống trời tây và cả bầu trời rực đỏ. Lúc đó, gã phu lục lộ đã thu xếp xong dụng cụ và mọi thứ, chuẩn bị về làng, mới đánh thức người kia.

– Tốt! - Lữ khách chống khuỷu tay ngồi dậy. - Hai dặm qua đình đồi sau làng?

– Khoảng đó.

– Khoảng đó. Tốt!

Gã phu lục lộ đi về, bụi đường trước mặt bay tung theo chiều gió, chẳng mấy chốc đã về đến đài nước, chen vào giữa đàn bò giò xương

được dắt tới uống nước, và dường như gã đang thì thầm tiết lộ cho cả làng lẫn đàn bò cùng nghe. Khi dân làng đã xong bữa tối đạm bạc, họ không leo lên giường như thường lệ mà lại ra trước cửa nhà ngồi lì ở đó. Thói quen kỳ cục nói thầm vào tai nhau đã lây nhiễm cả làng, và khi tụ tập quanh đài phun nước trong bóng tối, họ lại lây nhiễm một thói kỳ cục khác là cứ nhìn theo một hướng chờ đợi gì đó trên bầu trời. Ông Gabelle, chỉ huy dịch trạm ở đây, đâm ra bồn chồn; hẳn cũng lên mái nhà một mình đứng nhìn theo hướng đó, rồi nhìn xuống những gương mặt tối tăm phía đằng sau ống khói dưới nhà rồi cho người nhả với ông cả giữ chìa khóa nhà thờ rằng có thể sẽ cần giống chuông báo động sớm.

Đêm đặc dần. Những hàng cây bao quanh lâu đài xưa, cô lập tòa nhà này, chuyển động theo luồng gió nổi cứ như chúng đang đe dọa cái khối kiến trúc đồ sộ đen ngòm trong bóng đêm. Mưa quất điên đại xuống hai dãy cầu thang dẫn lên hành lang, giáng vào cánh cửa chính to lớn, ầm ầm như có kẻ đưa tin cấp báo đang đánh động những ai bên trong; những luồng gió dữ lũn vào đại sảnh, ào qua đám giáo mác và dao sẵn cũ rồi rền rĩ lùa lên các cầu thang, lay giật những tấm màn phủ trên chiếc giường nơi vị Hầu tước cuối cùng đã nằm ngủ. Từ bốn hướng đông, tây, nam, bắc, xuyên rừng, bốn bóng người đầu bù tóc rối, bước chân nghiền nát cỏ cao, đập gãy cành rụng, thận trọng dẫn tới điểm hẹn ở sân lâu đài. Từ đây, bốn ánh lửa bùng lóe rồi di chuyển theo các hướng khác nhau và tứ bề lại tối đen như cũ.

Nhưng chẳng bao lâu. Liên sau đó, tòa lâu đài bắt đầu hiện rõ hình dáng một cách lạ lùng bằng một nguồn sáng tự thân, cứ như nó đang dần tỏa hào quang. Rồi một ánh bập bùng lấp ló phía sau mặt tiền, lập lòe ở những khoảng trống, in bóng những vị trí là cột bao lơn, vòm cuốn và ô cửa sổ. Rồi ánh sáng càng lúc càng bốc cao hơn, tỏa rộng hơn, chói rục hơn. Trong chớp mắt, từ hai chục cửa sổ lớn, lửa bùng ra và những mặt tượng đá choàng tỉnh, trừng mắt nhìn ra từ trong đám cháy.

Quanh lâu đài vắng tiếng lao xao của vài người còn sống ở đó, và có tiếng ngựa thẳng yên cương rồi cất vó phi nhanh. Tiếng đinh thúc ngựa và roi quất băng qua màn đêm, rồi tiếng cương kéo giật ở khoảng đất trống bên đài phun nước dưới làng, và con ngựa sùi bọt mép dừng trước cửa nhà ông Gabelle. “Cứu với, Gabelle! Cứu với, mọi người ơi!” Chuông báo động gấp gáp vang lên nhưng không hề có ai trợ giúp. Gã phu lục lộ cùng hai trăm năm mươi bạn bè cứ đứng khoanh tay ở đài nước, nhìn cột lửa bốc cháy trên nền trời. “Lửa phải cao đến mười lăm mét,” họ tàn nhẫn bảo nhau, và cứ đứng yên một chỗ.

Kỵ sĩ từ lâu đài và con ngựa sùi bọt mép lóc cóc băng qua làng rồi phi nước đại lên dốc đá tới nhà tù trên vách núi. Ở cổng, một nhóm sĩ quan đang nhìn đám cháy, cách đó một quãng là một đám binh lính. “Cứu với, các ngài... sĩ quan! Lâu đài cháy rồi; đến kịp thì còn cứu được nhiều vật quý khỏi cháy! Cứu, cứu với!” Đám sĩ quan nhìn về phía đám binh lính đang xem đám cháy, không hề ra mệnh lệnh nào; họ chỉ nhún vai, cắn môi đáp: “Nó phải cháy thôi.”

Lúc người cưỡi ngựa lại lóc cóc xuống đồi và băng qua đường, cả làng đang sáng rực. Gã phu lục lộ cùng hai trăm năm mươi bạn bè hứng lên vì đám cháy, đã đồng lòng phóng về nhà đốt nển cảm ở mọi ô cửa kính mờ đục. Thiếu thốn đủ thứ là tình trạng chung nên dân làng phải bắt ép ông Gabelle cho mượn tạm một số nển; và trong lúc viên chức này còn miễn cưỡng, ngần ngừ thì gã phu lục lộ, thường ngày khúm núm trước uy quyền, giờ lại lên tiếng bảo mấy cỗ xe của Gabelle mà đốt thì cháy phừng phừng và đòi thui chín luôn bảy ngựa dịch trạm.

Lâu đài bị bỏ mặc cho cháy thành than. Trong tiếng lửa gầm rú hoành hành, một luồng gió đỏ rực thổi thẳng từ trong ra như muốn cuốn bay tòa nhà. Trong ánh lửa nhấp nhô hừng hực, những mặt tượng đá trông chẳng khác gì đang bị tra tấn. Khi những khối đá và cột kèo đổ sập đổ, mặt tượng có hai vết lõm trên mũi bị lấp đi rồi tức khắc

vùng vẫy hiện ra sau màn khói, cứ như gương mặt của ngài Hầu tước tàn bạo đang bị thiêu trên cọc nhọn và giã giụa trong lửa.

Lâu đài rừng rực cháy; những thân cây gần nhất bị thiêu sém teo choắt lại; những cây ở xa bị bốn bóng người dữ dằn kia đốt, bao bọc tòa nhà đang bốc hỏa bằng một rừng khói dày đặc mới hình thành. Chì và sắt nóng chảy sôi sục trong bồn đá hoa cương của đài phun; nước cạn khô; các chóp tháp hình cái chụp nển đã tan chảy như nước đá dưới sức nóng hỏa hoạn và tuôn xuống thành bốn suối lửa gập ghềnh. Những bức tường đá rạn nứt toạc, nẻ ra nhiều rãnh lớn chi chít như đang kết tinh; lũ chim choáng váng cứ bay vòng quanh rồi rơi vào chảo lửa; bốn bóng người dữ dằn lê bước ra đi theo bốn ngã đường nam, bắc, đông, tây, bao trùm bóng đêm, ngọn đuốc phóng hỏa của họ soi đường tới đích đến kế tiếp. Dưới ngôi làng sáng rực, dân chúng đã tống khứ ông cả nhà thờ và thay hồi chuông báo động bằng hàng tràng chuông vui mừng.

Không chỉ có thế. Ngây ngất vì đói, vì lửa và tiếng chuông, dân làng đâm ra nghĩ rằng ông Gabelle phải liên can đến chuyện thu tô thuế - dù Gabelle trong những ngày gần đây chỉ thu những khoản thuế nhỏ và không hề thu địa tô; thế là họ nóng nảy đòi chất vấn, kéo nhau bao vây dịch trạm đòi viên chức này phải ra gặp nói chuyện trực tiếp. Trong lúc đó, ông Gabelle đã chốt chặt cửa, rút vào trong chất vấn chính mình. Kết quả cuộc tự nói chuyện ấy là Gabelle một lần nữa đi lên nóc nhà đứng sau cụm ống khói; lần này hắn quyết tâm (hắn vốn dân miền Nam nhỏ con, tính hay ăn thua đủ) nếu dân làng phá cửa xông vào thì hắn sẽ lao đầu qua gờ mái nhà nhảy xuống đám đông, đè bẹp một vài người bên dưới.

Có lẽ ông Gabelle đã trải qua một đêm dài trên mái nhà, với lâu đài đằng xa là hoa đăng, còn tiếng đập cửa cùng với tiếng chuông nhà thờ từng bừng là âm nhạc; không nói tới ngọn đèn báo điềm gở đồng đưa bên kia đường trước cổng dịch trạm mà đám dân làng sôi nổi muốn treo cổ hắn lên thay thế. Một hoàn cảnh nguy khốn căng thẳng khi

phải trải qua cả đêm hè trên bờ vực đen tối ấy, sẵn sàng lao xuống biển người như ông Gabelle đã quyết tâm! Nhưng bình minh thân thiện cuối cùng đã tới, bắc nển trong làng đã cháy tiêu, dân chúng vui vẻ giải tán, và ông Gabelle rời khỏi nóc nhà, tạm thời bảo toàn tính mạng.

Trong vòng trăm dặm, trong ánh lửa của những đám cháy khác trong đêm đó và nhiều đêm nữa, có những viên chức kém may mắn hơn khi văng dưng lên chứng kiến xác họ lủng lẳng trên những đường phố từng bình yên, nơi họ đã sinh trưởng. Và cũng có những thôn dân và thị dân kém may mắn hơn gã phu lục lộ cùng bạn bè làng này, khi chính quyền và binh lính đảo ngược được tình thế và tới lượt họ treo cổ thường dân lên. Nhưng những bóng người dữ dằn kia vẫn đều đều bốn ngả đông, tây, nam, bắc, tiến bước bất kể mọi tình thế; và ai bị treo cổ cũng mặc, lửa vẫn cháy. Giá treo cổ phải cao đến đâu thì mới ngăn chặn được những ngọn lửa đó? Có làm bao nhiêu phép toán thì cũng không viên chức nào tìm ra đáp số.

24. Núi Đá Nam Châm

Đã ba năm bão táp hủy diệt trôi qua lớp lớp lửa bùng sóng dữ ấy - mặt đất cứng rung chuyển dưới bước tiến hối hả của một đại dương thịnh nộ không biết nguôi ngoai mà chỉ luôn dâng tràn, càng lúc càng hung tợn, trước nỗi kinh hoàng và sững sờ của người chứng kiến trên bờ. Đã thêm ba lần sinh nhật của bé Lucie được sợi tơ vàng dệt thêu vào tấm vải bình an của mái ấm.

Bao ngày qua, bao đêm qua những người trong gia đình ấy lắng nghe những tiếng vọng ở góc phố, tim như ngừng đập khi nghe tiếng bước chân đông đảo dập dồn. Bởi trong tâm trí họ, tiếng chân ấy là tiếng bước của một dân tộc, náo động dưới ngọn cờ đỏ và khi đất nước ấy tuyên bố lâm nguy, cái bùa mê kinh khủng dai dẳng bấy lâu đã biến tất cả thành một bầy thú dữ.

Giới đại quan, như một giai cấp, đã tự cách ly mình trước tình hình dân chúng không còn tôn trọng họ: không mấy ai muốn thấy mặt họ ở Pháp, tới mức số phận họ dễ gặp nguy cơ bị loại trừ khỏi đất nước ấy lẫn trần gian này. Giống như người nông dân trong cổ tích đã tốn bao công sức triệu hồi quỷ sứ nhưng khi thấy mặt lại khiếp vía bỏ chạy lập tức không dám hỏi kẻ thù ấy một câu; giới đại quan cũng vậy, sau khi trâng tráo đọc ngược kinh Lạy Cha suốt bao nhiêu năm*, và giờ biết bao bùa phép quyền năng để chiêu dụ Sa-tăng, thì vừa thấy mặt Ma Vương lại kinh hồn chạy vắng cả đôi chân quý tộc.

Nhóm tinh hoa sáng ngời của triều đình đã biến mất, nếu không họ sẽ thành tấm bia hứng cơn bão đạn của đội vệ binh quốc gia. Những tinh hoa ấy luôn chướng mắt xưa nay - họ từ lâu vốn kiêu ngạo như Lucifer*, xa hoa như vua Sardanapalus*, và mù quáng như con chuột chũi - nhưng giờ đây đã mất biến hoàn toàn. Triều đình, từ nhóm đặc

quyền bên trong cho tới bọn thối nát, mưu đồ, băng hoại, và giả trá ở ngoài rìa, tất cả đều đi một lượt. Hoàng gia không còn; họ đã bị giam hãm trong cung điện và “đình chỉ”, theo những tin tức mới nhất lan truyền.

Đến tháng Tám năm 1792, giới đại thần lúc này đã tứ tán bốn phương.

Đương nhiên, tổng hành dinh và nơi đại hội của các quan lớn Pháp ở London chính là Ngân hàng Tellson. Những hồn ma được cho là hay lai vãng ở nơi thân xác chúng thường lui tới nhất khi còn sống, và giới đại thần trắng tay rỗng túi lại lai vãng ở nơi từng cất giữ tài sản của họ. Ngoài ra, đó chính là nơi tin tức từ Pháp đến nhanh nhất và đáng tin cậy nhất. Hơn nữa, Tellson là một hãng hào phóng, hết sức tử tế với những thân chủ cũ đã sa cơ thất thế. Lại còn những nhà quý tộc sớm thấy trước bão tố đang đến, và lo sợ cướp bóc hay tịch thu, đã phòng xa ủy thác tiền của cho Tellson, đây cũng là nơi các huynh đệ túng quẫn của họ tìm tới hỏi thăm. Phải nói thêm rằng bất kỳ ai mới từ Pháp sang đều đến Tellson báo tin và kể tình hình, đó gần như là điều tất yếu. Vì những lý do như thế, Tellson lúc ấy giống như một trung tâm giao dịch thông tin từ Pháp; chuyện này ai cũng biết và mọi người nườm nượp kéo đến dò hỏi tin tức đông tới mức Tellson nhiều lúc ghi vắn tắt đôi dòng những tin mới nhất và dán lên ô cửa sổ ngân hàng cho tất cả những ai đi ngang qua Temple Bar cùng đọc.

Vào một chiều mịt mờ sương, ông Lorry ngồi bên bàn giấy, còn Charles Darnay đứng tựa vào bàn, hạ giọng nói chuyện. Buổi sáng hôm nay từng dành riêng cho những cuộc hội kiến với Ông Chủ bây giờ thành trung tâm thông tin và ngập tràn tin tức. Còn khoảng nửa tiếng nữa là tới giờ đóng cửa.

– Nhưng mặc dù sức trai tráng xưa nay cũng không ai bằng ông, - Charles Darnay nói, hơi ngập ngừng, - cháu phải đề nghị với ông là...

– Ta hiểu. Là ta quá già chứ gì? - Ông Lorry nói.

– Thời tiết biến động, hành trình xa xôi, phương tiện du hành bất định, một đất nước hỗn loạn, một kinh thành thậm chí có thể không an toàn cho ông.

– Charles ơi, - ông Lorry nói, giọng tự tin vui vẻ, - cậu đã nhắc đúng ngay những lý do khiến ta phải đi, chứ không phải khiến ta ở lại. Có gì mà không an toàn chứ; sẽ chẳng có ai muốn sinh sự với một lão già đã gần tám mươi trong khi có nhiều kẻ đáng để sinh sự hơn. Còn chuyện kinh thành hỗn loạn ư, nếu không có thành phố hỗn loạn nào thì làm gì có dịp hăng này phái người ở đây sang chi nhánh ở đó, một người quen thuộc nơi chốn và công việc cũ, lại được Tellson tin tưởng. Còn chuyện đường xá bất an, hành trình xa xôi, và thời tiết mùa đông ư, nếu ta không sẵn sàng chấp nhận một vài bất tiện vì lợi ích của Tellson, sau bao nhiêu năm nay, thì còn ai nữa?

– Ước gì chính mình được đi, - Charles Darnay nói, có phần áy náy, như một người suy nghĩ thành lời.

– Hay thật! Cậu mà lại muốn can ngăn mới lạ! - Ông Lorry thốt lên.
- Cậu muốn chính mình đi? Và cậu lại là người Pháp? Ý kiến mới khôn ngoan làm sao!

– Ông Lorry ơi, chính vì cháu là người Pháp nên mới thường hay có ý nghĩ đó trong đầu, nhưng cháu không hề có ý thốt ra ở đây. Cháu không thể ngăn mình có chút lòng cảm thông với những kẻ khổ khổ đó, và đã từ bỏ chút gì đó vì họ, - anh lại nói với vẻ tự lự như trước, - biết đâu họ sẽ nghe cháu, biết đâu cháu có khả năng thuyết phục họ kiềm chế phần nào. Chỉ mới đêm qua thôi, sau khi ông ra về, lúc cháu nói chuyện với Lucie...

– Lúc cậu nói chuyện với Lucie, - ông Lorry lặp lại. - Đúng. Ta ngạc nhiên là cậu không thấy xấu hổ khi nhắc tới tên Lucie! Lại muốn đi sang Pháp vào ngay lúc này nữa chứ!

– Nhưng cháu sẽ không đi, - Charles Darnay mỉm cười. - Chính vì những lý do mà ông nói đã khiến ông phải đi.

– Và hiển nhiên là ta sẽ đi. Charles, sự thật là, - ông Lorry liếc mắt về phía Ông Chủ đằng xa, rồi hạ giọng xuống, - cháu không hình dung nổi khó khăn trong các công việc giao dịch của hãng và nguy cơ liên quan đến các sổ sách giấy tờ ở bên đó được đâu. Chỉ có Chúa trên cao mới biết hậu quả thiệt hại nào sẽ đến với rất nhiều người nếu như một số giấy tờ đó bị tịch thu hay tiêu hủy; và chuyện có thể xảy ra bất cứ lúc nào, cháu biết đấy, vì ai dám nói là Paris sẽ không bị phóng hỏa hôm nay, hay bị cướp bóc ngày mai! Đấy, cho nên nếu có ai phải tức tốc sang bên đó chọn lựa cần trọng các giấy tờ ấy, chôn giấu đi hoặc cất giữ ở chỗ an toàn thì chỉ có mỗi mình ta là có khả năng làm được, và phải làm cấp kỳ. Chẳng lẽ chỉ vì chút xương khớp hơi tê cứng mà ta trì hoãn được sao khi Tellson biết rõ tình hình và bảo ta đi; hãng Tellson, đã sáu mươi năm ta ăn cơm của hãng! Ồ, so với nửa tá già cả lẩm cẩm ở đây thì ta vẫn còn trai tráng chán, thưa cậu ạ!

– Cháu thật ngưỡng mộ chí khí trai tráng can trường của ông đấy, ông Lorry.

– Chậc! Chỉ nói càn!... À, Charles này, - ông Lorry vừa nói vừa liếc về phía Ông Chủ lần nữa, - cậu phải nhớ rằng đưa được thứ gì ra khỏi Paris ngay lúc này, bất kể thứ gì, đều gần như là điều bất khả. Ngay hôm nay đây nhiều giấy tờ, nhiều thứ quý giá đã được mang tới hãng này; ta nói riêng thôi vì hé lộ bí mật này ngay cả với cậu cũng là không chuyên nghiệp rồi; những người mang chúng tới đây thật lạ lùng không tưởng tượng nổi, họ chỉ cần bước qua cổng thành Paris là mất đầu như chơi. Thời trước thì các bưu kiện của hãng qua lại bên Pháp dễ dàng như ở nước Anh quen làm ăn thương mại này; nhưng bây giờ tất cả đều bị cắt đứt.

– Vậy tối nay ông đi thực sao?

– Ta đi tối nay thực đó, vì tình hình đã quá cấp bách không thể chần chờ.

– Vậy ông không đưa ai đi cùng à?

– Họ đã đề nghị với ta nhiều người lắm, nhưng ta không muốn ai trong số đó cả. Ta định đưa Jerry theo. Jerry từ lâu nay vẫn là cận vệ của ta trong những đêm Chủ nhật và ta đã quen với ông ta rồi. Với mọi người, Jerry rõ ràng là một con chó dữ không hơn không kém, trong đầu chỉ chực lao vào bất kỳ ai động đến chủ nó.

– Cháu phải nói lần nữa là cháu hết lòng ngưỡng mộ chí khí trai tráng can trường của ông đấy.

– Ta cũng phải nói lần nữa, cậu chỉ nói càn, nói càn! Khi ta đã hoàn thành việc ủy thác nhỏ mọn này rồi, chắc ta sẽ chấp nhận đề nghị về hưu của Tellson và sống an nhàn. Lúc đó thừa thời gian để suy ngẫm về tuổi già.

Cuộc trò chuyện diễn ra ở bàn làm việc thường lệ của ông Lorry, chỉ cách đó trong vòng một mét là đám quý tộc Pháp chen chúc huênh hoang chuyện sẽ sớm trả thù đám thường dân vô lại. Đám quý tộc đang gặp vận rủi phải ra nước ngoài lánh nạn ấy vẫn quen thói như thế, cũng chẳng khác gì giới chính thống Anh, họ cứ nói về cuộc Cách mạng khủng khiếp này cứ như chuyện gạt bão mà không hề gieo gió bao giờ - cứ như họ chẳng hề làm gì cả, hay chẳng có sơ suất gì cả để dẫn đến chuyện này - cứ như họ đã không thấy rằng chuyện này tất yếu phải đến, từ nhiều năm trước, và đã không ghi chép rành rành những gì chứng kiến được. (Họ - những người đứng nhìn hàng triệu dân chúng khốn cùng ở Pháp, nhìn bao tài nguyên lẽ ra phải làm cho dân chúng thịnh vượng nhưng lại bị họ lạm dụng phí phạm.) Những ai tỉnh táo, hiểu biết sự thật khó lòng chịu đựng được những lời rỗng tuếch đó cùng với những mưu đồ ngông cuồng của đám quan lớn muốn phục hồi cái tình trạng mà tự nó đã hoàn toàn kiệt quệ, tự nó đã suy vi đến cùng trời cuối đất. Và chính những lời rỗng tuếch nghe đầy tai ấy, cũng như nỗi hoang mang lo lắng dồn máu lên đầu làm tâm tư Charles Darnay thêm âm ỉ khó chịu, bồn chồn không dứt.

Trong số những kẻ đang nói có Stryver, người của Tối cao Pháp viện, đang tiến xa trên đường quan lộ, và vì thế rất mạnh miệng về đề

tài này. Anh ta đang bày mưu cho đám quý tộc Pháp tiêu diệt đám dân đen, quét sạch họ khỏi mặt đất này cho rảnh nợ; cùng đủ thứ kế hoạch đạt được những mục đích tương tự bằng những phương cách viển vông phi lý chẳng kém gì hái sao trên trời. Nghe Stryver nói Darnay hết sức bức mình, anh đang lưỡng lự không biết có nên bỏ đi cho khỏi chướng tai hay ở lại để góp đôi lời thì xảy ra một việc xác định luôn lựa chọn của anh.

Ông Chủ đi tới chỗ ông Lorry, đặt trước mặt ông một phong thư chưa mở và hỏi có biết gì về tung tích của người nhận có tên trên địa chỉ này không? Ông Chủ đặt lá thư gần chỗ Darnay đứng tới mức anh nhìn được lời nhắn gửi - và chú ý ngay liền vì đó chính là tên anh. Địa chỉ ấy, dịch ra tiếng Anh, là: “Khẩn. Gửi ngài nguyên là Hầu tước St. Evrémonde, Pháp quốc. Nhờ chuyển qua Ngân hàng Tellson & Co., London, Anh quốc”.

Vào buổi sáng hôn lễ năm xưa, bác sĩ Manette đã khẩn thiết yêu cầu Charles Darnay rằng bí mật danh tánh này chỉ riêng hai người biết - trừ phi chính bác sĩ hủy bỏ giao ước. Không ai khác biết đó là tên anh; cả vợ của anh cũng không biết mấy may; ông Lorry lại càng không.

– Không, - ông Lorry trả lời ông chủ, - tôi nghĩ là tôi đã hỏi hết mọi người hiện có ở đây, và không ai hay biết gì về tung tích quý ông này.

Những chiếc kim đồng hồ đang tiến sát về giờ đóng cửa ngân hàng, một đoàn vừa nói vừa lũ lượt đi ngang qua bàn ông Lorry. Ông đưa lá thư ra dò hỏi; rồi hết quan lớn này nhìn với vẻ dân lính nạn uất ức và mưu mô, lại tới đại quan khác nhìn với vẻ dân lưu vong mưu mô và uất ức; rồi ông Này, ông Nọ, ông Kia, tất cả đều nói gì đó gièm pha, bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, về vị Hầu tước biệt tích ấy.

– Tôi nghĩ đây là người cháu... nhưng dù sao cũng là kẻ thừa kế sa đọa... của ngài Hầu tước phong nhã đã bị ám sát, - một người nói. - Phải nói là mừng, tôi không quen biết tên này.

– Một thằng hèn đã từ bỏ địa vị mấy năm rồi, - người khác nói, vị đại quan này đã trốn khỏi Paris, đầu gập giữa hai chân chui nhủi muốn

chết ngạt trong đông rơm.

– Bị tiêm nhiễm các học thuyết mới, - người thứ ba vừa nói vừa giương mục kính nhìn dòng địa chỉ trong lúc đi ngang, - tự ý đối đầu với vị Hầu tước quá cố, từ bỏ gia sản hãn được thừa kế, và bỏ mặc hết cho đám côn đồ kia. Chúng nó bây giờ sẽ đền ơn đáp nghĩa đấy, tôi mong là thế, vì hãn xứng đáng.

– Sao? - Tiếng Stryver hống hách om sòm. - Hãn ta làm thế thật à? Hãn là loại người ấy à? Ta hãy xem ô danh của hãn đi nào. Thằng khốn kiếp!

Không thể chịu đựng được nữa, Darnay vỗ nhẹ vào vai Stryver và nói:

– Tôi biết người này.

– Anh à, lạ Chúa? - Stryver nói. - Tôi lấy làm tiếc cho anh.

– Lý do?

– Lý do ư, Darnay? Anh đã nghe những chuyện hãn ta làm chưa? Đừng có hỏi lý do ở thời buổi này.

– Nhưng tôi muốn hỏi lý do đó?

– Vậy thì tôi nói lại lần nữa, anh Darnay, tôi lấy làm tiếc cho anh. Tôi lấy làm tiếc vì nghe anh nêu ra những câu hỏi lạ lùng như thế. Đây là một kẻ đã bị tiêm nhiễm những quy tắc quỷ quái độc hại và phạm thượng nhất xưa nay, đã từ bỏ tài sản cho cái đám cận bã đê hèn nhất trần đời chỉ biết giết người hàng loạt, vậy mà anh còn hỏi tại sao tôi lấy làm tiếc vì một thầy giáo dạy con nít như anh lại quen biết cái hạng người đó? Được, tôi sẽ nói cho anh biết. Tôi lấy làm tiếc vì tôi tin rằng cái hạng vô lại đó cũng lây nhiễm tràn lan. Đó là lý do.

Nhớ đến bí mật, Darnay cố hết sức giữ bình tĩnh, anh nói:

– Có lẽ anh không biết quý ông này.

– Nhưng tôi biết cách dồn *anh* vào chân tường, anh Darnay, - Stryver giọng bắt nạt, - và tôi sẽ làm thế đó. Còn nếu kẻ ấy đúng là một quý ông thì tôi *không* biết hãn. Anh có thể nói với hãn điều đó,

cùng với lời thăm hỏi của tôi. Anh cũng có thể bảo hẳn là, chính tôi nói đó, sau khi đã từ bỏ tài sản của cải với địa vị cho đám đông đồ tể đó tôi không hiểu sao hẳn không cầm đầu bọn chúng luôn đi. Nhưng không, thưa quý vị, - Stryver vừa nói vừa nhìn quanh và búng tay, - tôi hiểu biết ít nhiều bản chất con người, và tôi nói với quý vị rằng quý vị sẽ thấy một kẻ như cái tên này đời nào lại phó thác thân mình cho lòng thương hại của một lũ *môn đồ* quý báu như thế. Không, thưa quý vị, hẳn ta sẽ luôn chạy vắt giòng lên cổ ngay khi có biến, và trốn luôn.

Dứt lời và búng tay một cái cuối cùng, Stryver sấn sổ lao ra phố Fleet trong tiếng tán thưởng của cả đám đang bu quanh lắng nghe. Ở bàn giấy chỉ còn lại Lorry và Charles Darnay trong lúc mọi người ra khỏi ngân hàng.

– Cháu đảm nhận bức thư này chứ? - Ông Lorry nói. - Cháu biết phải giao tới đâu chứ?

– Cháu biết.

– Vậy nhờ cháu giải thích hộ là bức thư đã được gửi đến địa chỉ này vì tưởng là chúng ta biết sẽ chuyển đến tay ai, và thư đã đến đây khá lâu rồi nhé?

– Cháu sẽ nói như thế. Ông lên đường đi Paris từ đây luôn sao?

– Từ đây, lúc tám giờ.

– Cháu sẽ trở lại tiễn ông đi.

Rất bức bối với chính mình, với Stryver và những người khác, Darnay cố tìm tới chỗ yên tĩnh trong khu Temple Bar, mở thư ra đọc. Thư viết:

Ngục Abbaye, Paris

21 tháng Sáu 1792

KÍNH GỬI QUÝ NGÀI NGUYỄN LÀ HẦU TƯỚC

Sau một thời gian dài tính mạng nguy nan trong tay dân làng, tôi đã bị bắt giữ bằng vũ lực và nhục nhã bội phần, phải đi bộ một chặng

đường dài đến Paris. Trên đường đi, tôi đã trải qua bao điều khốn khổ. Mà đã hết đâu; ngôi nhà của tôi đã bị phá hủy - san thành bình địa.

Cái tội khiến tôi bị giam cầm, thưa quý ngài nguyên là Hầu tước, và vì nó mà tôi sẽ bị đưa ra xét xử và sẽ mất mạng (mà không được sự cứu giúp hào hiệp của ngài), chính là tội phản nghịch chống lại nhân dân vinh quang, họ bảo thế, qua việc tôi đã thay mặt một người lưu vong mà chống lại họ. Tôi đã phí công thuyết phục cho họ tin là tôi đã giúp họ chứ không phải chống lại họ, đúng theo mệnh lệnh của ngài. Tôi đã phí công thuyết phục cho họ tin là, trước khi tịch biên tài sản của người lưu vong, tôi đã đóng hết các khoản thuế mà họ đã không nộp; rằng tôi không hề thu địa tô; rằng tôi không hề truy đòi nợ. Họ vẫn một mực cho rằng tôi đã thay mặt cho một người lưu vong, và nhất định muốn biết người lưu vong đó đang ở đâu.

Ôi! Thưa quý ngài hết sức nhân từ nguyên là Hầu tước, người lưu vong đó đang ở đâu? Tôi khóc than trong giấc ngủ hỏi người ấy nơi nao? Tôi hỏi cao xanh người ấy có đến giải cứu tôi chẳng? Không có trả lời. Ôi thưa quý ngài nguyên là Hầu tước, tôi gửi tiếng than khóc bơ vơ của tôi qua biển khơi, hy vọng biết đâu có thể vọng đến tai ngài thông qua ngân hàng Tilson* danh giá nổi tiếng ở Paris!

Xin hãy vì tình yêu Thượng Đế, lẽ công bằng, lòng độ lượng, và danh dự của dòng họ cao quý của ngài, tôi khẩn khoản xin ngài, quý ngài nguyên là Hầu tước, hãy cứu giúp và giải thoát cho tôi. Lỗi lầm của tôi chính là đã trung thành với ngài. Ôi thưa quý ngài nguyên là Hầu tước, tôi cầu mong ngài cũng không phụ lòng tôi.

Từ nhà tù kinh hoàng này, nơi từng giờ tôi càng lúc càng cận kề cái chết, tôi xin gửi đến ngài, quý ngài nguyên là Hầu tước, lòng trung thành bi thương và bất hạnh của tôi.

Đau khổ kính thư,

GABELLE

Bức thư khiến nổi khó chịu âm ỉ trong tâm trí Darnay trời dậy mạnh mẽ. Một gia nhân già tử tế đang gặp nguy khốn chỉ vì cái tội là trung thành với chính anh và dòng họ anh, điều đó như đang trách móc gay gắt đến mức Darnay gần như muốn giấu mặt với người qua lại cho khỏi xấu hổ trong lúc anh lui tới trong khu Temple cân nhắc việc phải làm.

Anh biết rất rõ anh đã hành động thiếu sót trong nỗi kinh hoàng vì những sự việc đã đẩy tai tiếng và hành động xấu xa của dòng họ lâu đời này lên tới cực điểm, trong nỗi ngờ vực oán giận người chú, trong tâm trạng chán ghét anh dành cho những rường mối đang sụp đổ của cái xã hội mà lẽ ra anh phải chống đỡ. Anh biết rất rõ là vì yêu Lucie mà anh đã từ bỏ địa vị xã hội của mình một cách hấp tấp và thiếu chu đáo, mặc dù ý định này đã ấp ủ trong lòng từ lâu. Anh biết lẽ ra anh phải giải quyết đúng tuần tự và giám sát việc đó, anh có điều kiện để thực hiện như thế nhưng không hề làm theo.

Anh biết rất rõ, vì hạnh phúc bản thân nên đã lựa chọn Anh quốc là nhà, nhu cầu có công việc ổn định, những biến động rồi ren ào ạt của thời cuộc nối tiếp nhau quá nhanh đến độ việc tuần trước chưa hoàn thành thì đã bị việc tuần này kết liễu, và việc tuần tới lại chực chờ nảy sinh mới lạ; tất cả những điều đó đã cuốn anh buông xuôi theo hoàn cảnh - không phải là Darnay không tự trách mình nhưng anh vẫn không sao kháng cự lại vòng cuốn liên tục và dồn dập đó. Đúng là anh vẫn chờ dịp để hành động nhưng thời cơ cứ xô dịch và trì hoãn cho đến lúc đã quá muộn, giờ đây giới quý tộc đang kéo nhau rời bỏ nước Pháp trên mọi nẻo đường, tài sản đang bị tịch thu và phá hủy, ngay cả danh tính cũng bị xóa bỏ; bản thân Darnay biết rất rõ điều đó cũng như bất kỳ chính quyền mới nào ở Pháp, những người rất có thể sẽ trừng phạt anh.

Nhưng anh không hề áp bức ai, anh không hề giam cầm ai; thậm chí anh không đòi hưởng phần tương xứng với địa vị mà còn tự ý từ bỏ hết danh phận, tự tước bỏ hết mọi đặc quyền để lao vào đời, tìm một

chỗn cho riêng mình, và tự mưu sinh. Theo chỉ thị do chính tay anh viết, ông Gabelle đã quản lý cái gia sản suy kiệt gây liên lụy đó, miễn tô thuế cho dân, chia cho họ chút gì còn chia được - ít củi khô mùa đông mà bọn cho vay nặng lãi không thể chiếm, ít rau củ mùa hè mà lũ cá mập ấy không thể đoạt - và chắc chắn Gabelle đã nêu việc đó ra để cầu xin và chứng minh, vì sự an toàn của bản thân, cho nên bây giờ mới xảy ra việc này.

Như vậy cái quyết định liều lĩnh mà Charles Darnay đang cân nhắc càng thêm sức thuyết phục: anh muốn đi Paris.

Phải. Như nhà hàng hải trong tích xưa, sóng gió đã đẩy anh vào từ trường của Núi Đá Nam Châm, anh đang bị hút vào đó, và anh phải đi. Mọi ý nghĩ xuất hiện trong tâm trí đều lôi kéo anh, càng lúc càng nhanh, càng lúc càng chắc chắn, về hướng lực hút khủng khiếp ấy. Nỗi khó chịu âm ỉ lâu nay chính là việc đất nước bất hạnh của anh đang bị những phương tiện xấu thực hiện những mục đích xấu, là việc anh biết rõ hơn ai hết: chính anh lại không có mặt ở đó để cố ngăn chặn phần nào cuộc đổ máu này và lên tiếng đòi hỏi lòng khoan dung, nhân đạo. Nửa bị đè nén, nửa như trách móc, sự khó chịu ấy khiến Darnay chua chát so sánh mình với ông lão can trường đầy ý thức trách nhiệm ở ngân hàng; rồi liền sau đó cay đắng nghĩ đến những lời nhạo báng của đám quý tộc đã thóa mạ anh, những lời của Stryver, hết sức hằn học và xác xược vì những hiềm khích xưa. Và sau cùng anh lại nghĩ đến bức thư của Gabelle: một tù nhân vô tội, đang cận kề cái chết, khẩn cầu lẽ công bằng, danh dự và uy tín của anh.

Lòng đã quyết. Anh phải đi Paris.

Phải. Núi Đá Nam Châm đang cuốn hút anh, và anh phải lao tới, cho đến khi giáp mặt đối đầu. Anh không hề thấy hiểm họa; anh không hề biết nguy cơ. Anh chỉ nghĩ đến việc phải làm cho xong những gì đã làm dang dở, cho rằng một khi về đến Pháp chỉ cần trình bày ý định ấy ra là sẽ được hoan hỉ chấp nhận. Rồi hiện lên trong tâm trí Darnay là viễn cảnh huy hoàng của những nghĩa cử, cái ảo vọng lạc

quan thường thấy ở những người hảo tâm, thậm chí anh còn tưởng tượng thấy mình có uy lực dẫn dắt cuộc Cách mạng dữ dội đang hoành hành man rợ bạo tàn này.

Trong lúc tới lui với ý định đã quyết, anh dứt khoát sẽ không cho cả Lucie lẫn cha nàng biết việc này cho đến tận phút cuối. Anh phải tránh cho Lucie nỗi buồn chia ly; tránh cho cha nàng khỏi bồn chồn lo lắng - ông bác sĩ không hề muốn nhớ tới quê hương xưa đầy nguy hiểm kia cho nên khi ông biết thì chuyện đã rồi. Hoàn cảnh khó xử của anh cũng giống bác sĩ Manette biết bao, mặc dù anh không hề bàn bạc với ông vì cố tránh không muốn nhắc nhớ lại những mối liên quan cũ thời ở Pháp. Nhưng chính hoàn cảnh đó cũng đã có tác động đến quyết định của Darnay.

Anh cứ đi tới đi lui, bận rộn suy tư, cho đến lúc phải trở về Ngân hàng Tellson tiễn ông Lorry lên đường. Đến Paris là anh sẽ tìm gặp ngay người bạn cao niên này, nhưng hiện thời anh không được nói gì về ý định của mình.

Một cỗ xe ngựa của dịch trạm đã túc trực trước cửa ngân hàng, và Jerry đã tươm tất sẵn sàng.

- Cháu đã giao bức thư ấy, - Charles Darnay nói với ông Lorry. - Cháu không muốn giao cho ông một phúc đáp bằng thư, nhưng chắc là ông có thể nhắn lại bằng lời?

- Ta sẵn lòng thôi, - ông Lorry nói, - nếu không nguy hiểm.

- Không hề. Mặc dù lời nhắn này gửi cho một tù nhân ở ngục Abbaye.

- Người ấy tên gì? - Ông Lorry hỏi, tay cầm cuốn sổ tay mở sẵn.

- Gabelle.

- Gabelle. Còn lời nhắn cho người tù bất hạnh Gabelle này?

- Chỉ cần nói “người ấy đã nhận thư và sẽ đến.”

- Có thời gian cụ thể không?

- Người ấy sẽ lên đường đêm mai.

– Có người nào cụ thể không?

– Không.

Anh giúp ông Lorry quấn mình vào một mớ áo khoác, áo choàng và cùng ông rời khỏi bầu không khí ẩm áp của ngân hàng cũ kĩ, bước vào màn sương mù trời phố Fleet.

– Cho ta gửi lời thăm Lucie và bé Lucie nhỏ, - ông Lorry nói lúc chia tay, - hãy chăm sóc họ chu đáo cho đến khi ta trở về. - Charles Darnay lắc đầu và cười nghi ngại trong lúc cỗ xe lăn bánh.

Đêm ấy - ngày 14 tháng Tám - anh thức khuya, viết hai bức thư tha thiết; một bức gửi cho Lucie giải thích cái nghĩa vụ chính đáng khiến anh phải đi Paris và cuối cùng cho nàng biết những lý do mà anh tin chắc mình sẽ không gặp nguy hiểm nào cho bản thân ở đó; bức kia gửi cho bác sĩ Manette, phó thác Lucie cùng đưa con yêu của họ cho ông chăm sóc, rồi cũng nói những vấn đề trên với giọng quả quyết mạnh mẽ nhất. Với cả hai, anh đều viết là sẽ gửi thư ngay sau khi đến nơi để chứng minh anh vẫn an toàn.

Hôm sau là một ngày đau khổ, ngày sống giữa những người thân yêu nhưng lần đầu tiên trong tâm trí anh lại có điều giấu họ. Thật khó lòng giữ được vẻ vô tư trong khi họ không hề nghi ngờ anh lừa dối. Nhưng chỉ cần một ánh mắt triu mến hướng về người vợ, đang hạnh phúc và bận rộn, cũng đủ khiến anh quyết tâm không thổ lộ chuyện gì sẽ đến (anh gần như đã định nói với nàng, vì đối với anh cảm giác làm việc gì mà không có sự trợ giúp âm thầm của vợ đúng là xa lạ quá), rồi ngày qua nhanh. Chiều đến anh ôm vợ cùng đưa con gái thương yêu, vờ như sẽ quay về nhà ngay (anh viện cớ có cuộc hẹn và đã bí mật chuẩn bị hành trang), thế là anh ra đi, chìm trong màn sương nặng nề, phố xá nặng nề, và cõi lòng còn nặng nề hơn.

Sức hút vô hình ấy đang lôi kéo anh lao nhanh về với nó, ngay lúc này, và bao nhiêu sóng cồn gió dựng một lòng đầy xô anh tới. Darnay đã đưa hai bức thư cho một người liên lạc tin cần để giao lại nhà nửa tiếng sau nửa đêm, không được sớm hơn; anh lên ngựa đi tới Dover và

bắt đầu hành trình. “Xin hãy vì tình yêu Thượng Đế, lẽ công bằng, lòng độ lượng, và danh dự của dòng họ cao quý của ngài!” Tiếng kêu than của người tù đáng thương ấy đã khiến cõi lòng sâu nảo của anh thêm cứng rắn và anh bỏ lại sau lưng tất cả những người thân yêu nhất đời, để lao vào Núi Đá Nam Châm.

Phần ba
CUỐN THEO BẢO TÁP

1. Biệt giam

Lữ khách phải mất nhiều thời gian vượt quãng đường từ Anh quốc đến Paris vào mùa thu năm 1792. Biết bao chặng đường xấu, bao cỗ xe tồi, và bao con ngựa đuối sức sẵn sàng ngăn cản hành trình cho dù vị vua rủi ro sa cơ của nước Pháp khi ấy vẫn ngự trị vinh quang trên ngai vàng; nhưng thời cuộc đổi thay lại sinh ra thêm đầy chướng ngại khác. Mọi cổng thành và trạm thuế làng quê đều có những toán Công dân ái quốc cầm súng hỏa mai vệ binh sẵn sàng nã đạn, họ chặn mỗi người qua lại, chất vấn, xét giấy tờ, dò tên tuổi trong danh sách riêng, bắt quay lại, hay cho đi tiếp, hay ngăn cản và bắt giữ, tùy theo sự phán xét hay ý muốn bốc đồng mà họ thấy là tốt nhất cho buổi đầu Nền Cộng Hòa Hợp Nhất Bất Khả Phân Ly của Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết.

Chỉ được vài dặm hành trình trên đất Pháp là Charles Darnay bắt đầu nhận ra không hề có hy vọng trở về chừng nào anh còn chưa được công nhận là Công dân tốt ở Paris. Bây giờ có xảy ra việc gì đi nữa anh cũng phải đi đến cuối hành trình. Chưa một ngôi làng tang thương nào đóng sập cổng với anh, chưa một rào chắn công cộng nào chặn đứng con đường sau lưng, nhưng anh biết lại thêm một ngưỡng cửa gian khó nữa trong chuỗi dài chướng ngại chặn giữa mình và Anh quốc. Đi tới đâu anh cũng bị theo dõi sát chẳng khác gì anh đã sa vào lưới, hay đang bị nhốt trong lồng chuyển tới đích đến, anh không thể nào ngờ rằng mình lại mất tự do hoàn toàn như thế.

Sự theo dõi khắp nơi ấy không những cản đường anh trên quốc lộ hai mươi lần một chặng, mà còn làm chậm trễ hành trình hai mươi lần một ngày, người ta phóng ngựa theo bắt anh quay lại, lao lên trước chặn đón đầu, phi song song và canh gác kĩ. Đã mấy ngày, anh một

mình ruỗi rong trên đất Pháp và khi đêm xuống anh mệt nhoài trên giường trọ trong thị trấn nhỏ ven đường cái, Paris vẫn còn xa vời vợi.

Nếu không trình ra bức thư của Gabelle khốn khổ gửi từ ngục Abbaye, hẳn anh đã không đi được tới tận đây. Cái trạm gác của thị trấn nhỏ bé này đã hành hạ anh vất vả tới mức anh cảm thấy hành trình này đã tới lúc nguy khốn. Cho nên anh chẳng lấy làm lạ khi thấy mình bị đánh thức nửa đêm trong lữ quán anh đã thuê trọ chờ đến sáng.

Bị đánh thức bởi một viên chức nhút nhát ở địa phương và ba nhà ái quốc có vũ khí đội mũ đỏ xơ xác, mồm ngậm tẩu, đang ngồi bên giường anh.

- Người lưu vong, - viên chức nói, - tôi sẽ gửi ông tới Paris, có người hộ tống.

- Công dân ơi, tôi không muốn gì hơn là tới được Paris, mặc dù tôi nghĩ là mình không cần đến người hộ tống.

- Im lặng! - Một chiếc mũ đỏ vừa gắt lên vừa dùng đầu báng súng hỏa mai nện xuống tấm chăn. - Không được cãi lại, ông quý tộc!

- Đúng như Công dân ưu tú này đã nói, - viên chức nhút nhát tỏ ý. - Ông là người quý tộc nên phải có hộ tống... và phải trả tiền hộ tống.

- Tôi không có lựa chọn nào khác, - Charles Darnay nói.

- Lựa chọn! Nghe hẳn nói kìa! - Cũng chiếc mũ đỏ gắt gỏng ấy la to. - Làm như ta bảo vệ hẳn khỏi bị treo cổ lên cột đèn là tước mất ân huệ của hẳn vậy.

- Công dân ái quốc này nói lúc nào cũng đúng, - viên chức nói. - Ngồi dậy thay đồ đi, người lưu vong.

Darnay tuân theo và bị đưa lại trạm gác, nơi các nhà ái quốc khác đội mũ đỏ xơ xác đang hút thuốc, uống rượu, và ngủ bên đống lửa. Ở đây anh phải trả một số tiền lớn cho việc hộ tống, và bắt đầu được đưa đi trên những con đường lầy lội lúc ba giờ sáng.

Nhóm hộ tống là hai nhà ái quốc đội mũ đỏ có gắn phù hiệu tam tài, đeo súng hỏa mai vệ binh và kiếm cong, cưỡi ngựa đi hai bên Darnay.

Người được hộ tống cưỡi riêng một ngựa nhưng một sợi dây buộc chùng đã buộc vào dây cương của anh ta còn đầu kia quấn quanh cườm tay của hai nhà ái quốc. Cứ như thế họ lên đường trong màn mưa quật rất mật, lóc cóc ngựa phi như cánh Long kỵ binh hạng nặng trên mặt đường thị trấn lát đá gập ghềnh, và tiến ra những con lộ chính ngập bùn. Cứ như thế họ băng băng vượt đường xa, chỉ tạm ngừng những lúc thay ngựa hay đổi nhịp, đi một mạch những dặm sinh lầy thẳng tới kinh đô.

Họ đi suốt đêm, đến một hay hai giờ sau khi bình minh lên mới dừng, và nằm nghỉ đến tận sẩm tối. Hai người hộ tống áo quần tả tơi thảm hại đến mức họ quấn rơm quanh đôi bàn chân trần, phủ rạ trên đôi vai rách rưới cho mưa khỏi ướt. Ngoài nỗi khó chịu riêng vì bị đưa đi, cùng mối lo về nguy cơ thường trực nảy sinh do một nhà ái quốc liên tục say rượu và cầm khẩu súng hỏa mai rất bất cẩn, Charles Darnay trong lòng không hề gợn nỗi sợ nào về việc bị đối xử như phạm nhân; bởi vì anh cho rằng tình trạng chung này không có liên quan gì đến trường hợp riêng của mình, nó sẽ chấm dứt một khi anh nói ra lý do trở về nước Pháp và sẽ được xác nhận bởi người tù ở ngục Abbaye.

Nhưng khi họ đến thành Beauvais vào buổi chiều, lúc phố xá đông người, anh không thể giấu được nỗi lo trước tình hình rất đáng ngại. Một đám đông đầy đe dọa bu lại nhìn anh xuống ngựa ở sân dịch trạm, và nhiều tiếng nói la to: “Đả đảo bọn lưu vong!”

Mới vung chân qua yên chưa kịp bước xuống, anh dừng phắt lại và tiếp tục ngồi trên lưng ngựa cho an toàn, anh nói:

– Lưu vong sao, các bạn! Không thấy tôi đang tự nguyện ở đây, ở nước Pháp này hay sao?

– Mi là kẻ lưu vong đáng nguyên rủa, - một tên thợ đóng móng ngựa vừa la vừa hăm hăm chen qua đám đông, tay cầm chiếc búa, - và mi là đồ quý tộc đáng nguyên rủa!

Trưởng dịch trạm đứng chắn giữa hắn ta và yên cương của Darnay (rõ ràng đây là đích nhắm của tên thợ đóng móng kia), rồi lên tiếng xoa dịu:

– Để hắn yên; để hắn yên! Paris sẽ xét xử hắn.

– Xét xử! - Tay thợ đóng móng ngựa vừa lặp lại vừa vung cái búa. - A! Và xử tội hắn phản bội. - Nghe thế đám đông lại rống lên tán đồng.

Darnay ngăn trưởng dịch trạm lại - ông ta đang quay đầu ngựa của anh kéo vào sân (còn nhà ái quốc say rượu cứ ngồi điềm nhiên trên yên nhìn ngó với sợi dây thừng quấn quanh cổ tay) - tiếng huyên náo vừa lắng xuống là anh nói ngay:

– Các bạn, các bạn đã lầm hoặc các bạn không hiểu rõ. Tôi không phải kẻ phản bội.

– Hắn nói láo! - Gã thợ kia la lên. - Hắn đã thành kẻ phản bội kể từ khi có sắc lệnh. Tính mạng của hắn đã thuộc về nhân dân. Tính mạng đáng nguyên rủa của hắn không còn là của hắn!

Ngay lúc Darnay nhìn thấy ánh mắt đám đông sôi sục thù hận và chỉ chốc nữa thôi họ sẽ lao vào anh thì trưởng dịch trạm đã kéo ngựa vào trong sân, hai người hộ tống theo sát hai bên sườn, và trưởng dịch trạm đóng chặt, cài chắc hai cánh cổng nặng nề. Tên thợ đóng móng nện một búa vào cánh cổng, và đám đông cầu nhàu tức giận; nhưng chỉ có thế.

– Người thợ kia nói đến sắc lệnh nào vậy? - Darnay hỏi trưởng dịch trạm khi anh đứng trong sân cạnh bên ông ta và cảm ơn.

– Đúng đó, sắc lệnh phát mãi tài sản của người lưu vong.

– Thông qua lúc nào?

– Ngày mười bốn.

– Ngày tôi rời Anh quốc!

– Ai cũng nói thế nhưng đó chỉ là một trong nhiều sắc lệnh, sẽ còn nhiều sắc lệnh khác... nếu không phải là đã có rồi, sắc lệnh cấm người

lưu vong quay về và ai về sẽ bị xử tội chết. Thành ra tên kia mới nói tính mạng của ông không còn là của ông.

– Nhưng chưa có sắc lệnh nào như vậy chứ?

– Làm sao tôi biết! - Trưởng dịch trạm vừa nói vừa nhún vai. - Có thể có, hoặc nhất định sẽ có. Đẳng nào cũng thế. Ông muốn cái nào?

Họ ngã lưng xuống nệm rơm trên gác xép cho tới nửa đêm, rồi lại phi ngựa đi tiếp khi cả thành phố đều say ngủ. Một trong những thay đổi lạ lùng thấy rõ nhất khiến hành trình này thêm phần kỳ quái chính là việc mọi người dường như rất ít ngủ. Sau những chặng vó câu lê thê và cô quạnh trên những ngả đường thê lương, họ thường gặp một cụm nhà tranh tồi tàn không chìm trong bóng tối mà lại sáng rực ánh đèn, và thường gặp nhiều người tụ tập giữa đêm như hồn ma, tay nắm tay đứng vòng quanh một cây Tự Do héo hon, hay tất cả hợp lại cùng hát một bài ca Chiến Thắng. Nhưng may sao dân thành Beauvais đã ngủ say đêm ấy nên họ lại có thể ra đi trong cô quạnh; nhạc ngựa lanh canh băng qua giá rét và ẩm ướt, qua những ruộng đồng kiệt quệ năm đó không còn cho hoa màu rau trái, điểm xuyết bằng những tàn tích cháy đen của nhà cửa bị thiêu hủy, và bằng những cuộc mai phục xuất hiện bất ngờ của những toán tuần tra ái quốc theo dõi mọi ngả đường đang gò cương cắt ngang hành trình.

Ánh ngày rạng rỡ cuộc đã thấy họ trước cổng thành Paris. Hàng rào đóng chặt và đông người canh gác khi họ phi ngựa tới.

– Giấy tờ của tù nhân này đâu? - Tiếng một người mặt mày sắt đá có vẻ là chỉ huy vừa được lính gác mời đến.

Hoàn toàn bất ngờ trước cách gọi khó chịu đó, Charles Darnay yêu cầu người nói phải lưu ý rằng anh là một lữ khách tự do và là công dân Pháp, tình trạng bất an của đất nước khiến anh cần phải có người hộ tống và anh đã trả tiền thuê nhóm hộ tống này.

– Đâu? - Nhân vật kia vẫn nhắc lại, chẳng đếm xỉa gì tới anh. - Giấy tờ của tù nhân này đâu?

Cất giấy tờ trong mũ, nhà ái quốc say rượu móc ra trình. Liếc mắt qua bức thư của Gabelle, nhân vật có thẩm quyền kia hơi bối rối, ngạc nhiên, và nhìn Darnay chăm chú.

Anh ta không nói không rằng đi luôn vào trạm gác; bỏ cả người hộ tống lẫn được hộ tống ngồi trên yên ngựa ở ngoài cổng thành. Trong lúc nhìn quanh chờ đợi, Charles Darnay thấy nơi đây được canh giữ bởi một đội vừa binh lính lẫn dân ái quốc, nhóm sau đông hơn nhóm trước rất nhiều; trong lúc việc đi vào kinh thành có vẻ khá dễ dàng đối với các đoàn xe thồ nông sản của nông dân và các phương tiện đi lại khác, việc đi ra khỏi nơi này lại rất khó khăn, ngay cả với những người dân quê chân chất nhất. Vô số người hỗn độn, đàn ông lẫn đàn bà, chưa nói tới súc vật và xe cộ đủ loại, đang chờ được quá quan; nhưng phải thông qua việc kiểm tra giấy tờ quá nghiêm ngặt nên cả đoàn người chỉ nhúc nhích rất chậm qua rào chắn. Một số người biết đến lượt mình còn lâu nên họ nằm luôn xuống đất ngủ hay hút thuốc, trong lúc những người khác trò chuyện, hay tha thần chung quanh. Nhìn đâu cũng thấy chiếc mũ đỏ và huy hiệu tam tài, trên đầu đàn ông lẫn đàn bà.

Lúc Darnay ngồi trên yên ngựa được chừng nửa giờ, nhìn ngăm quang cảnh này, thì người uy quyền ban nãy lại xuất hiện trước mặt, ra lệnh cho lính gác mở rào chắn. Sau đó anh ta đưa một giấy biên nhận cho hai người hộ tống, một say một tỉnh, và yêu cầu Darnay xuống ngựa. Anh làm theo, hai nhà ái quốc kia dắt theo con ngựa một mỗi của anh, quay lưng phóng đi không hề vào kinh thành.

Anh theo người dẫn đường ấy vào trạm gác sặc mùi rượu rẻ tiền và thuốc lá, nơi đây những người lính và dân ái quốc kẻ nằm người ngồi, số ngủ số thức, số say số tỉnh, và trong đủ trạng thái giữa thức và ngủ, giữa tỉnh và say. Ánh sáng trong trạm gác, một phần hắt từ những ngọn đèn dầu thấp từ đêm, và một phần từ ánh sáng âm u ban ngày, cứ liên tục chập chờn chao đảo. Một mớ sổ sách nằm mở rộng trên bàn

giấy, và một sĩ quan tướng tá ngăm đen, lỗ măng, đang ngự ở chiếc bàn.

– Công dân Defarge, - hẳn vừa nói với người đã đưa Darnay vào, vừa lấy một mảnh giấy ra ghi chép. - Có phải đây là người lưu vong Evrémonde?

– Chính là người này.

– Bao nhiêu tuổi, Evrémonde?

– Ba mươi bảy.

– Có gia đình chưa, Evrémonde?

– Có.

– Lập gia đình ở đâu?

– Ở Anh quốc.

– Hẳn thế rồi. Vợ ông ở đâu, Evrémonde?

– Ở Anh quốc.

– Hẳn thế rồi. Evrémonde, ông được giao cho ngục La Force.

– Trời ơi! - Darnay kêu lên. - Theo luật nào, và vì tội gì chứ?

Viên sĩ quan rời mắt khỏi tờ giấy nhìn lên một lúc.

– Chúng tôi đã có nhiều luật mới, Evrémonde, và nhiều tội mới, kể từ lần trước ông ở đây. - Hẳn vừa nói vừa cười ác độc, rồi tiếp tục viết.

– Tôi xin ông lưu ý rằng tôi đã tự nguyện đến đây, thể theo lời thỉnh cầu của một đồng bào viết trong bức thư đang nằm trước mặt ông đây. Tôi chỉ muốn có cơ hội đáp ứng thỉnh cầu đó không chậm trễ. Chẳng lẽ tôi không có quyền đó sao?

– Người lưu vong không có quyền gì cả, Evrémonde, - câu trả lời thản nhiên. Viên sĩ quan viết cho đến khi xong xuôi, đọc lại những gì đã viết, rắc cát thấm mực cho khô rồi trao tờ giấy cho Defarge, kèm theo một lời: “Biệt giam.”

Defarge vấy tờ giấy ra hiệu cho người tù phải đi cùng anh ta. Tù nhân tuân lệnh, và hai Công dân ái quốc có vũ khí theo áp giải.

– Có phải ông... - Defarge hạ giọng hỏi khi họ đi xuống những bậc cấp trạm gác và bước vào Paris, - ... là chồng của con gái bác sĩ Manette, người từng là tù nhân ở ngục Bastille ngày xưa?

– Phải, - Darnay vừa đáp vừa ngạc nhiên nhìn người hỏi.

– Tôi là Defarge, chủ quán rượu ở khu Saint Antoine. Chắc ông đã nghe nhắc đến tôi.

– Vợ tôi đã đến nhà ông đón cha cô ấy về? Phải rồi!

Cái từ “vợ” dường như là một nhắc nhở u ám đối với Defarge khiến anh ta bỗng dưng nóng nảy.

– Nhân danh cô nàng sắc bén mới ra đời được đặt tên là La Guillotine*, tôi hỏi tại sao ông quay lại Pháp?

– Ông đã nghe tôi nói lý do mới lúc nãy đấy. Ông không tin đó là sự thật sao?

– Sự thật tồi tệ cho ông, - Defarge nói, đôi mày chau lại, nhìn thẳng phía trước.

– Thật sự tôi hoang mang khi về đây. Tất cả ở đây đều quá lạ lẫm, quá thay đổi, quá bất ngờ và bất công, tới mức không hiểu gì cả. Ông có thể giúp tôi một chút được không?

– Không. - Defarge nói, mắt vẫn cứ nhìn thẳng phía trước.

– Ông trả lời tôi một câu hỏi thôi được không?

– Có lẽ được. Còn tùy tính chất câu hỏi. Ông cứ nói thẳng ra đi.

– Trong nhà tù sẽ giam giữ tôi một cách bất công ấy, tôi có được chút tự do nào liên lạc với thế giới bên ngoài không?

– Rồi ông sẽ biết.

– Tôi có bị chôn đời ở đó, có được xét xử, có cách gì biện minh cho mình không?

– Rồi ông sẽ biết. Nhưng nếu có thì sao? Trước đây bao nhiêu người đã chôn đời như vậy trong tù rồi.

– Nhưng nào phải do tôi gây ra, Công dân Defarge.

Defarge đáp lại bằng một cái nhìn hắc ám và đều bước đi tiếp, im lìm không nói. Càng lúc anh ta càng lìm lìm im lặng thì - Darnay nghĩ thầm - mình càng hết hy vọng anh ta sẽ mềm lòng thêm được chút nào. Darnay bèn hấp tấp nói tiếp:

– Có một việc hết sức quan trọng đối với tôi; ông biết đó, Công dân, thậm chí còn rõ hơn tôi về tầm quan trọng này; tôi cần phải báo với ông Lorry của Ngân hàng Tellson, một quý ông người Anh hiện đang ở Paris, một việc đơn giản, không cần bình luận gì, là tôi đã bị tổng vào ngục La Force. Ông có thể giúp tôi điều đó không?

– Tôi sẽ không làm gì cho ông đâu, - Defarge vẫn khẳng khái. - Bốn phận của tôi là phục vụ Tổ quốc và nhân dân tôi. Tôi đã thề vì hai điều đó mà chống lại những người như ông. Tôi sẽ không làm gì cho ông đâu.

Charles Darnay thấy có thỉnh cầu nữa cũng vô vọng, hơn nữa, lòng kiêu hãnh của anh sẽ bị tổn thương. Trong lúc họ lặng lẽ bước, anh không thể không thấy dân chúng đã quá quen với cảnh tù nhân bị giải đi trên đường phố. Ngay cả trẻ con cũng chẳng buồn để ý tới anh. Vài người đi ngang qua ngoái lại nhìn, vài người vung tay chỉ trỏ anh như một tên quý tộc; ngoài ra, việc một người ăn mặc phong lưu đi vào tù thì cũng chẳng có gì đặc biệt hơn việc một người lao công áo quần lam lũ đi làm việc. Trong một đường hẹp, tối, bẩn thỉu họ đi qua, một nhà hùng biện sôi nổi đứng trên chiếc ghế đầu đang nói với một đám công chúng hăng hái về những tội ác chống lại nhân dân của nhà vua và hoàng gia. Bây giờ nghe được mấy lời từ miệng người này Charles Darnay mới hay nhà vua đã bị tổng giam và tất cả sứ thần ngoại quốc đã rời khỏi Paris không còn ai. Trên đường đi (trừ lúc ở Beauvais) anh chẳng hề nghe được tin tức gì. Toán hộ tổng và sự theo dõi khắp nơi đã cô lập anh hoàn toàn.

Giờ đây tất nhiên anh biết mình đã lâm vào những nguy cơ còn lớn lao hơn những gì đã nảy sinh từ khi anh rời Anh quốc. Giờ đây tất nhiên anh biết những nguy cơ ấy đang nhanh chóng bủa vây mình và

tình thế đã cấp bách càng thêm cấp bách. Anh phải thừa nhận với chính mình rằng nếu anh biết trước được các diễn biến này sớm hơn vài ngày thì hẳn anh đã không đi chuyển đó. Tuy nhiên sau này nhìn lại rõ ràng hơn, ta sẽ thấy những âu lo của Darnay cũng không đến nỗi quá u ám như anh tưởng. Tương lai dầu có bất ổn thì vẫn là một tương lai chưa biết, và chính vì sự mịt mờ bất định ấy mà ta còn hy vọng. Trong hiểu biết của anh không hề hiển hiện cuộc tàn sát khủng khiếp kéo dài nhiều ngày đêm, cuộc tàn sát mà chỉ sau mấy vòng xoay của kim đồng hồ đã nhuộm máu cả một mùa thành quả may mắn, hình ảnh đó xa vời như đã trăm ngàn năm. Cả anh lẫn dân chúng Pháp nào biết gì về “cô nàng sắc bén mới ra đời được đặt tên là La Guillotine”. Những việc kinh khủng sẽ thực hiện có lẽ ngay lúc này cả những người sẽ thực hiện chúng cũng không hình dung nổi. Vậy làm sao một tâm tư hiền hòa có thể mừng tượng nổi điều đó trong nhận thức mịt mờ của mình?

Anh đã tiên liệu đến việc có thể, hay chắc chắn, sẽ bị ngược đãi bất công trong cảnh giam cầm hà khắc, phải đau khổ xa lìa vợ con; nhưng ngoài những điều đó ra thì anh chẳng có nỗi sợ nào cụ thể. Với tâm tư ấy, anh bước vào khoảng sân ẩm đậm của ngục La Force - đã tới nơi.

Một gã mặt béo phì mở ngách cửa nhỏ trong cánh cổng sắt cho Defarge giao nộp “Người lưu vong Evrémonde”.

– Thánh thần ơi! Còn thêm bao nhiêu người nữa! - Gã mặt béo kêu lên.

Chẳng buồn để ý tới lời ta thán, Defarge lấy giấy xác nhận rồi rút lui, cùng với hai Công dân ái quốc của anh ta.

– Thánh thần ơi! Không nói không được! - Gã giám ngục lại kêu lên khi còn lại một mình với bà vợ. - Còn bao nhiêu nữa!

– Phải kiên nhẫn thôi, ông ơi! - Không thể trả lời chính xác, bà vợ tay giám ngục ấy chỉ đáp như thế rồi rung chuông gọi ba cai tù vào. Họ cũng đồng tình với bà ta và một người nói thêm, “Hãy vì tình yêu Tự Do”, câu ấy vang lên ở nơi này như một lời kết luận trái khoáy.

Ngục La Force là một nhà tù u sầu, tối tăm và bẩn thỉu, và ám mùi chết chóc hôi hám. Cái mùi nồng nặc của sự chết nhốt chặt ấy sao mà bộc lộ nhanh chóng kinh khủng ở mọi nơi chốn nào không được chăm lo chu tất!

– Lại biệt giam! - Giám ngục càu nhàu, nhìn vào tờ giấy. - Làm như ở đây chưa đầy nghẹt vậy!

Gã xếp tờ giấy vào chỗ để hồ sơ, vẽ cái kính, và Charles Darnay thoải mái chờ đợi thêm nửa giờ nữa; có lúc anh đi qua đi lại trong gian phòng khung vòm kiên cố, có lúc anh ngồi trên chiếc ghế đá - chẳng nào cũng đủ lâu để giám ngục và thuộc cấp của gã nhớ tới anh.

– Đi nào! - Cuối cùng giám ngục cầm xâu chìa khóa lên. - Theo tôi, người lưu vong.

Trong cảnh tranh tối tranh sáng ảm đạm của nhà tù, người mới tiếp nhận Darnay đưa anh qua các hành lang và cầu thang, nhiều cánh cửa lách cách đóng mở và khóa lại sau lưng, cho đến khi tới một phòng trần thấp mái vòm, chen chúc tù nhân cả nam lẫn nữ. Đám phụ nữ ngồi ở một bàn dài, đọc viết, đan khăn và thêu thùa; đám đàn ông hầu hết đều đứng tựa vào lưng ghế, hay đi lại tới lui trong phòng.

Kẻ mới đến bất giác muốn thối lui tránh xa khi gặp phải đám tù nhân đầy tội lỗi nhục nhã này. Nhưng cái cảm giác hư ảo như mơ suốt cuộc hành trình dài của anh lên tới cực điểm khi tất cả những tù nhân ấy lập tức đứng lên đón tiếp anh với mọi phong thái lịch lãm, phong nhã và duyên dáng nhất của giới quý tộc đương thời.

Những cử chỉ tinh tế ấy mới thâm làm sao trong cảnh thê lương của nhà tù này, ma quái làm sao khi thể hiện ở nơi khốn khổ bẩn thỉu trớ trêu này, đến nỗi Charles Darnay tưởng như mình đang đứng trước một đám xác chết. Toàn những hồn ma! Hồn ma nhan sắc, hồn ma uy nghi, hồn ma thanh tú, hồn ma kiêu hãnh, hồn ma phù phiếm, hồn ma láu lỉnh, hồn ma thanh xuân, hồn ma lão niên, tất cả đang đợi chờ được rời khỏi biển bờ hoang tàn này, tất cả đều hướng về anh những

con mắt đã biến đổi vì cái chết dọa đầy khi họ chôn đời trong ngục tù này.

Anh sững sờ đứng lặng. Viên cai ngục đứng cạnh anh và các cai ngục khác chung quanh, những người lẽ ra tướng mạo cũng không đến nỗi nào trong công việc bình thường hàng ngày của họ, nhưng so với những người mẹ đau buồn, những cô gái đang xuân trong nhà tù này - những hồn ma mang vẻ yêu kiều, sắc đẹp trẻ hung và chín chắn trưởng thành của những phụ nữ con nhà quyền quý - thì trông họ thô lỗ lạ kỳ, tương phản tới mức khung cảnh tăm tối này càng thêm ma quái đến cùng cực. Phải, toàn những hồn ma. Phải, hành trình hư ảo lê thê, những dặm trường khốn khổ, đã đưa anh tới gặp những hồn ma sâu thẳm!

- Nhân danh các bè bạn đã gặp gỡ trong bất hạnh, - một người tướng mạo quý phái và nói năng nhã nhặn, đi tới, - tôi xin được hân hạnh đón chào ông đến La Force, và chia buồn với cái tai ương đã đưa đẩy ông đến với chúng tôi. Mong cho nó mau chóng có kết cục vui vẻ! Ở nơi khác mà hỏi thì chắc là bất nhã, nhưng ở đây thì không, xin được biết danh tánh và thân phận của ông?

Charles Darnay bừng tỉnh và trả lời bằng những lời lẽ mà anh thấy thích hợp nhất.

- Nhưng tôi mong là, - người quý phái vừa nói vừa liếc nhìn viên chánh cai ngục đang đi ngang phòng, - ông không bị biệt giam?

- Tôi không hiểu rõ ý nghĩa của từ đó nhưng tôi có nghe họ nói thế.

- A, thật đáng thương! Chúng tôi lấy làm tiếc! Nhưng hãy can đảm lên; nhiều người trong giới chúng ta đã bị biệt giam, lúc đầu, nhưng chỉ ở trong một thời gian ngắn thôi. - Rồi ông ta cao giọng nói với mọi người. - Rất đau lòng phải báo với quý vị rằng... biệt giam.

Tiếng rì rầm ái ngại vang lên khi Charles Darnay đi qua gian phòng tới cánh cửa chắn song có cai ngục đang chờ anh, nhiều câu chúc lành và khích lệ anh - trong đó rõ nhất là giọng thông cảm, dịu dàng của phụ nữ. Đến cánh cửa chắn song, anh quay lại tỏ lòng biết ơn; cánh

cửa đóng lại dưới bàn tay cai ngục; và những bóng ma ấy biến mất mãi mãi.

Ngách cửa ấy đưa tới một cầu thang đá, dẫn ngược lên. Khi họ đã lên được chừng bốn mươi bậc cấp (người bị giam cầm được nửa giờ đã đếm số bậc), cai ngục mở một cánh cửa đen đúa thâm thấp, và họ đi vào buồng giam cấm cố. Lạnh lẽo, ẩm ướt, nhưng không tối tăm.

– Cửa ông đó, - cai ngục nói.

– Tại sao tôi bị giam riêng?

– Làm sao tôi biết?

– Tôi có thể mua bút, giấy, mực được không?

– Tôi không biết có được không. Sẽ có người đến gặp ông và lúc đó ông hỏi xem. Còn lúc này ông chỉ mua được thức ăn, và không có gì khác.

Trong buồng giam có một cái ghế, một cái bàn và một tấm nệm rơm. Trong lúc cai ngục kiểm tra qua các đồ đạc ấy và bốn bức tường trước khi đi ra, một hoang tưởng băng quơ lướt qua tâm trí người tù đang đứng dựa bức tường đối diện: tay cai ngục này đang trưng phù lên một cách bệnh hoạn, cả bộ mặt lẫn thân hình, như một kẻ bị chết đuối căng ứ nước. Lúc cai ngục đi rồi, anh cũng nghĩ băng quơ như thế, “Giờ chỉ còn lại mình ta, như thể ta đã chết rồi”. Cắt ngang ý nghĩ, anh nhìn xuống tấm nệm rồi kinh tởm ngoảnh mặt đi, “Nhìn những thứ sâu bọ đang bò ở đây là tình trạng thối rữa đầu tiên của xác chết”.

“Một cạnh năm bước, một cạnh bốn rưỡi, một cạnh năm bước, một cạnh bốn rưỡi, một cạnh năm bước, một cạnh bốn rưỡi.” Người tù đi tới đi lui trong buồng giam, đếm chiều dài, và tiếng gào rống của kinh thành bên dưới văng lên như tiếng trống bóp nghẹt kèm theo một làn sóng hỗn độn tiếng người. “Ông ấy làm giày, ông ấy làm giày, ông ấy làm giày.” Người tù lại đếm chiều dài, nhịp bước nhanh hơn, để xua ý nghĩ ấy khỏi tái hiện trong tâm trí. “Những hồn ma biến mất khi ngách cửa ấy đóng lại. Trong số đó có một quý cô mặc áo đen đang dựa vào ô cửa sổ và cô ấy có một mái tóc vàng sáng rực, và cô ấy trông

giống... Ta hãy phóng đi tiếp, lạy Chúa, băng qua những ngôi nhà sáng đèn và những con người không ngủ!... Ông ấy làm giày, ông ấy làm giày, ông ấy làm giày... Một cạnh năm bước, một cạnh bốn rưỡi.” Với những ý tưởng vụn vặt ấy lồng lộn trong thâm tâm, người tù đi nhanh hơn, nhanh hơn, lì lợm đếm bước; và tiếng gào rống của kinh thành đổi giọng... nó vẫn rền rĩ như tiếng trống bóp nghẹt nhưng một làn sóng hỗn độn tiếng người dâng cao lại là tiếng than khóc của những người anh thân thiết.

2. Bánh xe đá mài

Ngân hàng Tellson ở Paris nằm ở khu Saint Germain trong chái nhà của một dinh thự lớn, sâu ở cuối sân, cách biệt với đường phố bằng một bức tường cao và một cánh cổng chắc chắn. Nhà này là của một đại quý tộc trước khi ông ta chạy trốn khỏi nguy hiểm, hóa trang bằng chinh áo quần tên đầu bếp của mình, và vượt qua biên giới. Chỉ là một con thú bị thợ săn truy đuổi, nhưng ông ta trong tiền kiếp lại chính là vị Chúa công mà mỗi sáng uống sô-cô-la phải có tới ba gia nhân cùng với tên đầu bếp đã nói trên nâng cốc lên môi.

Chúa công đã ra đi, và ba tên gia nhân kia đã tự miễn xá cho mình cái tội đã nhận lương cao của quan lớn bằng cách hăm dọa quyết tâm cắt cổ chủ cũ để hiến tế trên bàn thờ buổi đầu Nền Cộng Hòa Hợp Nhất Bất Khả Phân Ly của Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết, khi dinh cơ của vị đại thần này đã bị tịch thu sung công. Tình thế diễn biến quá mau lẹ, hết sắc lệnh này tiếp nối sắc lệnh khác, cuống cuồng và ráo riết, cho nên vào đêm thứ ba của tháng Chín mùa thu, phái đoàn ái quốc của tân chính quyền đã tiếp quản dinh cơ của Chúa công, đánh dấu nó bằng lá cờ tam tài, và uống brandy trong các gian phòng sang trọng bên trong.

Một nơi làm ăn ở London mà như chỗ kinh doanh của Tellson ở Paris thì sẽ nhanh chóng khiến Ông Chủ phát rồ lên và bố cáo phá sản trên tờ *Công Mo*. Những người Anh điềm tĩnh, ưách nhiệm và khả kính này sẽ nói năng làm sao với những cây cam hồng trong chậu trước sân ngân hàng, và với cả pho tượng thần Ái Tình trên quầy? Nhưng Tellson ở Paris là thế. Nhân viên ở đây đã sơn trắng tượng thần Ái Tình nhưng người ta vẫn còn thấy nó treo trên trần nhà, mặc áo vải mong manh, từ sáng đến tối giương cung nhắm vào tiền (thường là cái đích của tình yêu). Ở phố Lombard, London, mà thấy vị tiểu thần này,

thấy hốc tường phủ trắng đằng sau vị thần ấy, thấy tấm gương soi gắn trên tường, và thấy toàn những nhân viên trẻ dễ dàng nổi nóng với khách hàng, thì chỉ có nước sạt nghiệp mà thôi. Thế nhưng ở Tellson bên Pháp thì những điều đó không hề chi, ngân hàng phát triển tốt nữa là khác, chừng nào tình hình chưa mất kiểm soát thì chẳng có ai hốt hoảng rút hết tiền của ra.

Từ giờ trở đi, bao nhiêu tiền sẽ bị rút khỏi Tellson, bao nhiêu sẽ nằm lại đó, mất mát và lãng quên; bao nhiêu vàng bạc châu báu sẽ hoen màu trong hầm cất giữ của Tellson trong lúc chủ nhân ký thác chúng đã mục xương trong tù hay sẽ có ngày chết không toàn thân; bao nhiêu tài khoản Tellson không bao giờ kết toán được ở thế giới này phải chuyển sang thế giới khác? Không ai có thể trả lời được, đêm hôm ấy, ngay cả ông Jarvis Lorry, mặc dù chính ông đang nghiên ngẫm những câu hỏi đó. Ông ngồi bên lò sưởi mới nhóm (cái năm tàn lụi héo hắt này trở lạnh sớm), trên gương mặt can đảm và hung thực của ông u ám một bóng đen mà cả ngọn đèn treo hay bất kỳ vật phản chiếu méo mó nào trong phòng này cũng không thể phá tan u tối - bóng đen của nỗi kinh hoàng.

Tận tụy với cái hội sở đã trở thành gắn bó thiết thân cả cuộc đời, ông ở trọ luôn trong ngân hàng này. Cũng tình cờ là Ngân hàng Tellson ở Paris được bảo vệ an toàn nhờ nhóm ái quốc đã chiếm ngụ tòa nhà chính, nhưng ông già chân thật này chẳng hề tính toán chuyện đó. Ông dừng đứng trước mọi hoàn cảnh, chỉ biết làm nhiệm vụ của mình. Ở đầu bên kia sân, dưới hàng cột, là một bãi đất dài dành cho các cỗ xe ngựa, thực tế là một vài cỗ xe của Chúa công xưa vẫn còn đó. Hai ngọn đuốc lớn buộc chặt vào hai cột, và lơ lửng dưới ánh đuốc, ta thấy phơ giữa trời là một bánh xe đá mài lớn, dựng bừa ở đó cứ như đã được hấp tấp mang tới đây từ một xưởng rèn hay xưởng thợ nào gần đây. Đứng lên nhìn những vật thể vô hại đó ngoài cửa sổ, ông Lorry bất giác rùng mình và quay lại ngồi bên lò sưởi. Ông đã mở

không chỉ cửa kính mà còn cả cửa chớp bên ngoài nữa, rồi ông phải quay ra đóng hết hai lớp cửa lại và run cầm cập toàn thân.

Từ ngoài đường vọng qua bức tường cao và cánh cổng kiên cố là tiếng râm ran thường lệ của đêm kinh thành, chốc chốc lại có âm thanh ngân nga khó tả, lạ lùng và phi phàm, cứ như những tiếng động dị thường từ thẳm sâu khủng khiếp đang vút lên trời cao.

– Tạ ơn Chúa, - ông Lorry chấp tay nói, - may là không có người thân thiết nào của con ở trong thành phố đáng sợ này đêm nay. cầu mong Ngài xót thương những ai đang nguy khốn!

Liên sau đó có tiếng chuông ở cổng lớn và ông nghĩ thầm, “Họ đã quay lại!” và ngồi im nghe ngóng. Nhưng không hề có tiếng âm ỉ đông người khuấy động khoảng sân như ông tưởng, ông lại nghe tiếng cánh cổng va mạnh, rồi tất cả im lìm.

Nỗi bồn chồn lo sợ ấy càng làm lòng ông thêm căng thẳng bất an về sự an toàn của ngân hàng, với mọi cơ sở quan trọng thì lo lắng ấy nảy sinh là đương nhiên. Ngân hàng được bảo vệ kĩ, ông đứng dậy định đi gặp những người tín cẩn đang canh gác nơi này thì cánh cửa đột ngột bật mở, hai bóng người ủa vào, và ông sửng sờ khi nhìn thấy họ.

Lucie và người cha! Lucie dang rộng hai cánh tay về phía ông và trên vầng trán là vẻ tập trung và âu lo in hằn cứ như dấu vết đó đã dồn hết sức lực vào khoảnh khắc này trong đời.

– Gì thế này? - ông Lorry kêu lên, hoang mang nói không ra hơi. - Có chuyện gì? Lucie! Manette! Chuyện gì xảy ra? Có chuyện gì mà hai cha con phải đến đây? Chuyện gì vậy?

Ánh mắt vẫn đăm đăm nhìn ông, nét mặt tái nhợt và hốt hoảng, Lucie ào vào vòng tay ông, giọng nghẹn ngào khẩn thiết.

– Ôi ông! Chồng cháu!

– Chồng cháu, Lucie?

– Charles.

– Charles làm sao?

– Ở đây.

– Ở đây, ở Paris?

– Đã qua đây mấy ngày rồi... ba hay bốn ngày... cháu không nhớ chính xác... cháu không thể suy nghĩ rõ ràng được. Một việc nghĩa nào đó đã khiến chồng cháu sang đây mà không cho ở nhà biết; anh ấy đã bị chặn lại ở cổng thành và giam vào ngục rồi.

Ông già không nén được một tiếng thốt. Gần như cùng lúc, tiếng chuông ngoài cổng lại vang lên, và tiếng chân, tiếng nói ầm ĩ tràn vào sân.

– Tiếng ồn gì thế? - Bác sĩ Manette vừa hỏi vừa quay ra cửa sổ.

– Đừng nhìn! - Ông Lorry kêu lên. - Đừng nhìn ra! Manette, hãy vì tính mạng của ông, đừng mở cửa ra!

Bác sĩ quay lại, tay đặt trên chốt cửa sổ, và nói với nụ cười thần nhiên, gan dạ:

– Anh bạn thân ơi, ở kinh thành này tôi từng sống một thời lý thú. Tôi từng là tù nhân ngục Bastille. Không có nhà ái quốc nào ở Paris... ở Paris? Không, ở cả nước Pháp này... lại động đến tôi khi đã biết tôi từng là tù nhân ngục Bastille, nếu như họ không lao tới ôm chầm tôi, hay công kênh tôi lên vui mừng. Nỗi đau khổ ngày xưa của tôi giờ lại thành uy lực giúp chúng tôi vượt qua mọi rào cản, và cho chúng tôi biết tin tức về Charles bên Pháp, rồi đưa chúng tôi đến đây. Tôi biết tình thế phải như vậy; tôi biết mình có thể giúp Charles thoát khỏi nguy hiểm; tôi đã nói với Lucie như thế... Tiếng ồn gì vậy? - Bàn tay ông lại đặt lên chốt cửa sổ.

– Đừng nhìn ra! - Ông Lorry kêu lên, hoàn toàn tuyệt vọng. - Đừng, Lucie, cháu ta, cháu cũng đừng! - Ông quàng tay ôm chặt cô gái. - Đừng quá hốt hoảng, cháu yêu. Ta xin thề với cháu là ta không hề hay biết chuyện nguy nan nào xảy đến cho Charles; thậm chí ta còn không hề biết là cậu ta có mặt ở cái chốn chết người này. Cậu ta đang ở nhà ngục nào?

– La Force!

– La Force! Lucie, cháu yêu, nếu như cháu can đảm và biết giúp đỡ mọi người... mà cả đời cháu lúc nào cũng thế... thì bây giờ cháu phải bình tĩnh, phải làm đúng những gì ta bảo; vì mọi chuyện đều tùy thuộc hết vào đó, hơn cả cháu nghĩ hay là ta nói nữa. Đêm nay cháu có làm gì cũng vô ích; cháu không thể nào đi ra đường. Ta nói như vậy bởi vì, vì lợi ích của Charles, điều ta yêu cầu cháu là điều khó làm nhất. Cháu phải vâng lời ta, ngồi yên và bình tĩnh. Hãy để ta đưa cháu vào một phòng phía sau tạm nghỉ. Cháu phải để cho cha cháu và ta bàn bạc riêng vài phút, đây là chuyện sống còn, cháu không được chậm trễ.

– Cháu sẽ nghe lời ông. Nhìn ông là cháu biết mình không thể làm gì khác. Cháu biết ông nói đúng.

Ông già hôn cô gái, hối hả đưa cô vào phòng của ông rồi khóa cửa lại, hấp tấp quay lại với ông bác sĩ, rồi vừa mở cửa sổ và hé bức màn vừa nắm cánh tay ông Manette, cùng nhìn ra sân.

Nhìn ra một đám đông đàn ông, đàn bà: không đông đến mức tràn ngập khoảng sân: chừng bốn mươi hay năm mươi người là cùng. Những người tiếp quản dinh cơ này đã mở cổng cho họ vào, và họ đã xông tới chỗ bánh xe đá mài cho nó hoạt động; rõ ràng cái vật đó được đặt ở đây là có mục đích, một vị trí thuận tiện và kín đáo.

Nhưng những con người thật kinh khủng, và việc làm thật kinh khủng!

Bánh xe đá mài có hai tay quay, đang được quay điên cuồng bởi hai người đàn ông; vòng quay dữ dội hất ngược mái tóc dài của họ ra sau phơi bày hai bộ mặt tàn bạo và khủng khiếp hơn cả phường man di mọi rợ nào tưởng mạo hung ác nhất. Lòng mày giả và bộ ria giả gắn trên bộ mặt gớm guốc đầm mồ hôi và máu, cả bộ mặt đều méo xệch đi vì tiếng la hét, vì ánh mắt trừng trừng bừng cháy niềm háo hức thú vật và vì thiếu ngủ. Trong lúc hai tên vô lại này quay bánh xe không ngừng, mái tóc dính bết của chúng lúc hất ra trước xoa phủ mắt, lúc hất ra sau che kín gáy, mấy người đàn bà nâng cốc rượu kê môi hai tên này cho chúng uống; rượu giọt đỏ như vang, rượu giọt đỏ như huyết,

thêm dòng tia lửa bắn ra từ phiến đá mài, khiến cả không gian hung ác này như tràn trề máu lửa. Có nhìn kĩ cách mấy cũng không thấy được kẻ nào trong đám người này mà không vấy máu. Xúm xít kề vai bên bánh xe đá mài là bọn đàn ông trần nửa người, tay chân và thân hình nhớp máu; bọn đàn ông ăn mặc toàn đồ rách rưới, mớ giẻ ấy cũng dấy máu; bọn đàn ông hung tợn đội cả những thứ đăng ten, lụa là, ruy băng cướp được của phụ nữ, những thứ lật vật ấy cũng nhuộm màu của máu. Rìu, dao, lưỡi lê, kiếm, tất cả những thứ chờ mài bén, đều ngầu đỏ một màu. Không ít thanh đại đao được buộc chặt vào cổ tay người cầm bằng những băng vải vụn xé ra từ quần áo; đủ kiểu cột buộc, ràng thắt, tất cả ngập một màu máu. Và trong lúc đám người vũ trang hỗn loạn đó giật lấy khí giới từ dòng thác tia lửa và lao ra đường, ánh mắt điên dại của chúng cũng cháy rực cùng một sắc đỏ ấy - những ánh mắt dã thú mà ai còn tính người khi nhìn thấy cũng sẵn sàng hy sinh hai mươi năm đời mình để bắn chết tươi.

Quang cảnh ấy chỉ hiện trong một thoáng, như thế giới hiện hữu phù du trong cái nhìn cuối cùng của người chết đuối hay bất kỳ ai đang lúc nguy khốn. Hai người lùi khỏi cửa sổ và ông bác sĩ dò tìm câu trả lời trên gương mặt tái xám của bạn mình. Ông Lorry vừa thì thào vừa sợ hãi liếc nhìn cánh cửa khóa chặt:

– Chúng đi giết tù nhân đấy. Nếu ông biết chắc mình đang nói gì; nếu ông thật sự có uy lực như ông tưởng... dù tôi tin là ông có... xin hãy tự giới thiệu với lũ quỷ sứ kia, và nhờ chúng đưa tới ngục La Force. Có thể cũng đã quá muộn rồi, tôi không dám chắc, nhưng không được chần chờ thêm nữa!

Bác sĩ Manette siết tay ông Lorry, để đầu trần hấp tấp đi ra khỏi phòng và tiến vào sân trong lúc ông Lorry lại kéo màn cửa sổ nhìn ra.

Mái tóc dài bạc hắng, gương mặt sáng ngời, phong thái tự tin mãnh liệt của ông Manette trong lúc gạt khí giới của đám người kia như con tàu rẽ nước tiến tới, đã đưa ông vào thẳng tâm điểm của bè lũ tụ tập quanh bánh xe đá mài. Đám người ngừng tay một chút, rồi vội vã, rồi

lao xao, rồi tiếng nói không nghe rõ của ông bác sĩ; rồi ông Lorry nhìn thấy ông Manette, cả đám bao quanh, đứng giữa một đoàn dài chừng hai mươi người, ai cũng vai kề vai sát cánh, vừa gấp gáp đi ra vừa la to “Tù nhân ngục Bastille muôn năm! Cứu người thân của tù nhân ngục Bastille đang bị giam ở La Force! Đứng trước nhường đường cho tù nhân ngục Bastille! Cứu tù nhân Evrémonde ở ngục La Force!” và cả ngàn tiếng hét đáp lời.

Ông đóng cửa chớp lại, tim đập dồn, đóng luôn cửa sổ ngoài và kéo màn, vội vàng đi tới chỗ Lucie báo tin cha nàng đã được dân chúng giúp đi tìm Charles. Lucie không chỉ một mình mà có cả bé gái và chị Pross theo cùng; nhưng mãi rất lâu sau đó ông Lorry mới ngạc nhiên nhận ra khi ông ngồi nhìn họ trong sự tĩnh mịch quen thuộc của đêm.

Lucie đến lúc đó đã ngủ thiếp trên sàn nhà dưới chân ông Lorry, một tay vẫn còn níu lấy bàn tay ông. Chị Pross trước đó đã đặt đứa bé lên giường ông, đầu chị cũng từ từ ngã xuống chiếc gối bên cạnh trách nhiệm xinh xắn này. Ôi đêm lê thê làm sao trong tiếng thở dài của người vợ đáng thương! Ôi đêm lê thê làm sao khi bật tin người cha không thấy quay về!

Thêm hai lần nữa trong đêm đen, chuông cổng lại réo và một đám đông lại tràn vào, và bánh xe đá mài lại phì phò quay tít.

– Chuyện gì thế? - Lucie kêu lên sợ hãi.

– Suyt! Gươm kiếm của binh lính được mài ở đây, - ông Lorry nói.
- Nơi này bây giờ là tài sản quốc gia rồi, và được dùng như một kho vũ khí vậy, cháu yêu.

Rồi thêm hai lần như vậy nữa; nhưng đợt cuối cùng thì ít người và chóng vánh. Ngay sau đó trời rạng sáng và ông Lorry khẽ tách rời bàn tay cô gái đang nắm chặt tay ông, cẩn thận đi tới cửa sổ nhìn ra. Một gã, người bê vết máu cứ như một người lính bị trọng thương vừa hồi tỉnh trên chiến trường tàn sát, từ vệ đường cạnh bánh xe đá mài đứng lên nhìn quanh với vẻ đờ đẫn. Ngay sau đó, trong ánh sáng lờ mờ, kẻ sát nhân mệt lả này nhìn thấy một cỗ xe của Chúa công và lão đảo đi

tối, mở cửa leo vào, và đóng kín cửa nằm ngủ trên những băng ghế nệm mỹ miều.

Trái Đất, bánh xe vĩ đại, đã quay trọn vòng khi ông Lorry nhìn ra lần nữa và nằng nhuộm đỏ sân ngoài. Nhưng cái bánh xe đá mài nhỏ bé hơn vẫn đứng lẻ loi ở đó trong ban mai yên tĩnh, nhuộm đỏ một màu không do ánh nắng mặt trời ban phát, và sẽ không bao giờ phai nhòa.

3. Bóng tối

Một trong những suy xét đầu tiên nảy ra trong đầu óc chuyên nghiệp của ông Lorry khi sắp đến giờ làm việc là ý nghĩ: ông không có quyền gây nguy hiểm cho hãng Tellson vì cho vợ của một tù nhân lưu vong tá túc trong ngân hàng. Ông sẵn sàng hy sinh tài sản, an toàn tính mạng vì Lucie và bé gái con nàng không chút do dự; nhưng công việc được ủy thác cho ông không phải là của riêng ông và với trách nhiệm đó ông kiên quyết đặt công việc lên trên tất cả.

Ban đầu, tâm trí ông nghĩ đến Defarge và tính tìm tới tửu quán ấy lần nữa để nhờ tay chủ quán giới thiệu một chỗ trú an toàn nhất trong tình trạng điên loạn của thành phố này. Nhưng cũng chính cân nhắc đó đã khiến ông từ bỏ ý định; Defarge đang sống ngay khu vực tàn bạo nhất, chắc chắn có thể lực ở đó, chắc chắn có liên quan sâu xa vào nội tình nguy hiểm hiện thời.

Đến trưa vẫn chưa thấy bác sĩ quay về, và từng phút trì hoãn càng gây khó khăn cho hãng Tellson, ông Lorry đành bàn bạc với Lucie. Lucie cho biết cha nàng định thuê một chỗ trọ ngắn hạn ở một khu vực gần ngân hàng. Vì việc thuê nhà không phương hại gì đến hãng, và ông tiên liệu rằng cho dù mọi chuyện ổn thỏa còn Charles được phóng thích thì anh ta cũng có hy vọng rời khỏi kinh thành, ông Lorry ra ngoài đi tìm chỗ thuê trọ, tìm được một nơi thích hợp, trên tầng cao, trong một con phố nhỏ cách biệt, nơi mọi cửa sổ buông màn kín cho biết đó là những ngôi nhà bỏ trống.

Ông lập tức đưa mẹ con Lucie cùng chị Pross đến chỗ trọ; cung cấp cho họ tất cả những tiện nghi có thể, thậm chí còn tiện nghi hơn cả ông tự lo toan cho bản thân. Ông để Jerry ở lại với họ làm chương ngại vật chặn ngưỡng cửa và chịu ăn đấm vào đầu, rồi quay lại với

công việc. Ông làm việc mà lòng đầy bất an, khổ sở, và ngày dài chậm chạp, nặng nề trôi qua.

Ngày lê thê bào mòn thời gian, và bào mòn ông, cho tới lúc ngân hàng đóng cửa. Ông lại một mình trong phòng như đêm trước, đang suy xét việc phải làm thì nghe tiếng chân bước lên thềm. Một thoáng sau, một người đã đứng trước mặt ông, ánh mắt sắc sảo quan sát, miệng gọi đích danh.

– Xin được phục vụ ông, - ông Lorry nói. - Ông có quen biết tôi?

Đó là một gã lực lưỡng, tóc đen xoăn, tuổi trạc bốn lăm, năm mươi. Thay cho câu trả lời, gã lặp lại lời ông, không hề lộ biểu cảm

gì:

– Ông có quen biết tôi?

– Tôi đã gặp ông ở đâu rồi.

– Có lẽ ở tửu quán của tôi chẳng?

Vẻ quan tâm và xúc động thấy rõ, ông Lorry nói:

– Ông Manette phải ông đến đây?

– Phải, ông Manette phải tôi đến đây.

– Và ông ấy đã nói gì? Ông ấy có nhắn gì tôi không?

Defarge trao một tờ giấy mở rộng vào bàn tay bồng chồn kia. Bức thư được viết bằng nét chữ của bác sĩ:

Charles an toàn, nhưng tôi chưa thể an toàn rời khỏi nơi này. Tôi đã được chiếu cố để người mang thư này chuyển giúp một bức thư ngắn của Charles gửi cho vợ cậu ta. Hãy để người mang thư này gặp

vợ của Charles.

Bức thư ghi ngày tháng thời gian từ ngục La Force, cách đây một giờ.

– Ông bằng lòng theo tôi đến nơi ở của vợ người này chứ? - Ông Lorry đã thấy vui và an lòng sau khi đọc xong thư.

– Được, - Defarge đáp.

Không hề để ý là cách nói của Defarge rất dè dặt và máy móc lạ thường, ông Lorry đội mũ lên và hai người đi xuống sân. Ở đó, họ gặp hai người đàn bà; một người đang đan len.

– Chị Defarge, đúng rồi! - Ông Lorry nói, mười bảy năm trước khi rời Paris ông cũng đã gặp chị ta y hệt thế này.

– Đúng vậy, - anh chồng nói.

– Chị ấy có đi cùng chúng ta không? - Ông Lorry hỏi khi thấy chị ta dịch bước theo.

– Có. Để bà ấy có thể nhận biết mặt, nhận biết người. Vì sự an toàn của họ.

Bắt đầu ngạc nhiên trước thái độ của Defarge, ông Lorry nhìn gã nghi ngại rồi dẫn đường đi trước. Cả hai người đàn bà theo sau; người đàn bà thứ hai là Nữ Thần Báo Oán.

Họ đi qua những con đường ngắn cách thật nhanh, lên cầu thang chỗ ở mới, được Jerry cho vào trong, và thấy Lucie đang khóc một mình. Nàng mừng hết sức khi nghe ông Lorry báo tin Charles, và siết chặt bàn tay của kẻ đã trao cho nàng bức thư của chồng - không hề nghĩ đến việc chính bàn tay ấy đêm trước đã giết tù nhân, và có lẽ, nếu có cơ hội, cũng đã giết chồng nàng.

Em yêu - Can đảm lên. Anh vẫn khỏe, và cha em có thể tác động những người ở đây. Thư này không được phúc đáp. Hãy hôn con cho

anh.

Thư chỉ có thế. Nhưng hết sức ý nghĩa đối với người nhận là nàng, tới mức nàng quay từ Defarge sang vợ gã, và hôn một bàn tay đang cầm que đan. Đó là một cử chỉ nhiệt thành, yêu thương, cảm kích của phụ nữ, song bàn tay kia không hề phản ứng - bàn tay ấy lạnh lùng rút phắt lại và tiếp tục đan.

Sự va chạm ấy có cảm giác lạ lùng khiến Lucie tê tái. Lá thư chưa kịp đưa lên ngực đã dừng sững lại, hai bàn tay chới với, nàng kinh hãi

nhìn người đàn bà kia. Chị Defarge chỉ nhướn mày nhăn trán, ánh mắt vô cảm lạnh băng.

- Cháu à, - ông Lorry cố gắng giải thích, - ngoài đường bây giờ thường xuyên bạo loạn, mặc dù chuyện đó có thể sẽ không ảnh hưởng gì đến cháu, chị Defarge muốn gặp những người mà bà ấy có khả năng bảo vệ trong tình hình này, để biết mặt, để nhận dạng khi cần. Tôi nói như vậy có đúng không, Công dân Defarge?

Ông Lorry khá dè dặt trong lời lẽ trấn an của mình khi thái độ lạnh lùng của ba người kia càng lúc càng khiến ông ngờ vực. Defarge u ám nhìn vợ, chỉ đáp lại bằng một âm thanh cộc cằn tỏ vẻ đồng ý.

- Tốt nhất cháu nên đưa con bé ra đây, và cả chị Pross nữa, - ông Lorry cố hết sức xoa dịu tình hình, bằng cả giọng nói lẫn thái độ. - Defarge, chị Pross hiền hậu của chúng tôi là người Anh, không biết tiếng Pháp.

Vốn vững tin là mình không thua kém bất kỳ người ngoại quốc nào, chị Pross không hề nao núng trước mọi nguy khốn; chị ta bước ra, hai tay khoanh trước ngực và gặp ngay Nữ Thần Báo Oán là chị thốt lên ngay, “À, chắc chắn là đồ mặt dày đây! Mong là *mi* mạnh giỏi!” Chị ta cũng khắc một câu tiếng Anh về phía chị Defarge; nhưng cả hai người kia đều không để tâm đến.

- Có phải con hăn không? - Chị Defarge, bây giờ mới ngừng tay, chĩa mũi que đan như một ngón tay Định Mệnh về phía bé Lucie.

- Phải, chị ạ, - ông Lorry đáp, - đây là con gái yêu của tù nhân đáng thương ấy, và là đứa con độc nhất.

Bóng tối gắn liền với chị Defarge và hai người theo chị ta dường như bao trùm đầy hắc ám và đe dọa lên đứa bé khiến người mẹ bất giác quỳ xuống đất bên cạnh con, và ôm chặt đứa bé vào lòng. Bóng tối của chị Defarge và hai người theo chị ta dường như bao trùm đầy hắc ám và đe dọa lên cả hai mẹ con.

- Đủ rồi, mình, - chị Defarge nói với chồng. - Tôi đã biết mặt họ. Chúng ta đi được rồi.

Nhưng dù có kiềm chế không để lộ ra mà chỉ chất chứa mơ hồ, thái độ lấp liếm của chị ta đầy đe dọa tới mức Lucie hoảng kinh vừa nói vừa đưa tay níu áo chị Defarge như khẩn cầu:

– Xin bà hãy đối xử tốt với chồng tôi. Xin bà đừng gây hại cho anh ấy. Xin bà giúp tôi gặp anh ấy được chứ?

– Việc của tôi không liên quan đến chồng cô/ - chị Defarge đáp lại, mắt lạnh lùng nhìn Lucie. - Việc của tôi chính là cô, là con gái bác sĩ Manette.

– Vậy thì xin hãy vì tôi mà thương xót chồng tôi. Xin hãy vì con tôi! Cháu bé sẽ chấp tay nguyện cầu cho bà rũ lòng nhân từ. Chúng tôi sợ bà hơn ai hết ở đây.

Chị Defarge coi đó như lời khen và nhìn anh chồng. Defarge, này giờ bồn chồn cắn ngón tay và nhìn vợ, bây giờ làm ra vẻ cau có khắt khe hơn.

– Chồng cô nhẩn gì trong bức thư đó? - Chị Defarge vừa hỏi vừa trề môi cười. - Tác động, hẳn ta nói gì về chuyện tác động?

– Đó là cha tôi, - Lucie hấp tấp bỏ bức thư đang ấp trên ngực xuống nhưng ánh mắt hoảng hốt vẫn cứ nhìn thẳng vào người đặt câu hỏi chứ không nhìn bức thư, - cha tôi có thể tác động những người ở đây.

– Chắc chắn ông ta sẽ tác động để thả hãn ra! - Chị Defarge nói. - Cứ việc.

– Là người vợ và người mẹ, - Lucie thống thiết kêu lên, - tôi van bà hãy xót thương tôi, xin đừng dùng quyền lực của bà mà hại người chồng vô tội của tôi, xin hãy giúp anh ấy. Ôi, cùng là phụ nữ với nhau, xin bà hãy nghĩ cho tôi. Là người vợ và người mẹ!

Chị Defarge vẫn một mặt lạnh lùng trước lời khẩn khoản ấy, chị ta quay sang bạn - Nữ Thần Báo Oán:

– Những người vợ và người mẹ chúng ta đã từng gặp, kể từ khi chúng ta còn nhỏ như đứa bé này, thậm chí còn nhỏ hơn, đâu có được ai quan tâm? Chúng ta đã quá quen chuyện chồng và cha *của họ* đều bị cầm tù và xa cách vợ con mà? Cả đời chúng ta chỉ toàn thấy chị em

phụ nữ khổ sở thôi, con cái họ cũng khổ sở, toàn nghèo đói, rách rưới, đói khát, đau ốm, cơ cực, áp bức và bị bỏ mặc đủ kiểu thôi mà?

– Chúng ta không thấy gì khác hơn, - Nữ Thần Báo Oán đáp lại.

– Chúng ta đã chịu đựng quá lâu rồi, - chị Defarge lại hướng mắt về phía Lucie. - Cô thì biết gì! Làm nhu bây giờ nỗi khổ của một người vợ với một người mẹ có ý nghĩa ghê gớm với chúng tôi sao?

Chị ta tiếp tục đan và đi ra ngoài. Nữ Thần Báo Oán theo sau. Defarge đi cuối cùng, và đóng cửa lại.

– Can đảm lên, cháu Lucie, - ông Lorry vừa nói vừa đỡ nàng đứng dậy. - Can đảm lên, can đảm lên! Cho tới nay mọi sự vẫn ổn - ổn, ổn hơn nhiều so với bao người kém may mắn hơn gần đây. Vui lên cháu, và hãy biết ơn điều đó.

– Cháu không vô ơn, cháu hy vọng, nhưng người đàn bà đáng sợ đó cứ như bao trùm bóng tối lên mọi hy vọng của cháu.

– Chắc, chắc! - Ông Lorry nói. - Trái tim bé nhỏ đừng cảm kia sao lại mau nản lòng vậy chứ? Đúng là một cái bóng! Chẳng phải thực chất gì cả, Lucie.

Nhưng thái độ của vợ chồng Defarge cũng bao trùm bóng tối lên cả ông Lorry, và chính điều đó đã khiến trong lòng ông lo lắng hết sức.

4. Bình yên trong bão táp

vắng mặt đến sáng ngày thứ tư, bác sĩ Manette mới trở về vào buổi sáng. Bác sĩ và ông Lorry đã giấu kín với Lucie nhiều chuyện xảy ra trong bốn ngày đêm ấy; mãi đến sau này khi đã xa rời nước Pháp nàng mới hay một ngàn một trăm tù nhân vô tội đủ cả già trẻ nam nữ đã bị dân chúng giết hại; bốn ngày đêm đã tối tăm vì hành vi khủng khiếp này và bầu không khí quanh nàng nồng tanh mùi máu thảm sát. Lúc ấy nàng chỉ biết rằng đã có một cuộc tấn công vào các nhà tù và mọi tù nhân chính trị đều lâm nguy, một số người đã bị đám đông lôi ra hạ sát.

Bác sĩ Manette, sau khi buộc ông Lorry phải giữ kín một cách không cần thiết, thuật lại cảnh tượng chém giết ông đã chứng kiến khi được đám đông đêm ấy đưa tới La Force. Rồi trong nhà tù ấy, ông đã thấy một phiên tòa tự quyết, từng tù nhân một được đưa ra xét xử, và chớp nhoáng nhận phán quyết: xử tử, hay phóng thích, hay (trong vài trường hợp) tổng giam hờ lại. Sau khi được đoàn người đưa tới trình diện trước pháp đình, ông Manette đã xưng ra cái danh tính và nghề nghiệp giấu kín mười tám năm nay cùng chuyện từng bị giam cầm trong ngục Bastille; rồi một người trong nhóm ngồi phán xử đứng lên xác nhận cho ông, đó là Defarge.

Rồi, biết chắc con rể mình nằm trong số tù nhân còn sống qua danh sách trên bàn, ông Manette khẩn thiết xin tha tù và tha mạng cho anh ta với nhóm người phán xử - người thức kẻ ngủ, người tỉnh kẻ say, người sạch sẽ kẻ nhuộm máu. Sau đợt chào mừng điên loạn đầu tiên dành cho ông trong tư cách một nhân sĩ bị hại dưới chính thể đã lật đổ, mọi người đồng ý đưa Charles Darnay ra xét xử trước phiên tòa phi pháp này. Rồi, ngay lúc Darnay gần như được trả tự do thì chiều hướng thuận lợi lại bị ngăn cản mà không có giải thích nào (bác sĩ

không thể hiểu nổi), khiến nhóm phán xử phải hội ý kín đôi lời. Rồi, người đóng vai chủ tọa sau đó thông báo cho bác sĩ Manette rằng họ tiếp tục giam giữ tù nhân ấy, nhưng vì lợi ích của người đó, sẽ được giam giữ an toàn không bị xâm hại. Rồi, ngay lập tức, họ ra hiệu đưa tù nhân trở lại buồng giam; nhưng nghe thế ông Manette lại hết lời xin được cho ở lại nhà tù để bảo đảm là con rể ông, không vì một rủi ro hay ác ý nào, bị giao cho đám đông ngoài cổng đang gào rú muốn giết người; rồi, ông được chấp thuận và ở lại trong Ngôi Đèn Máu đó cho tới khi đã qua nguy hiểm.

Bác sĩ Manette không hề thuật lại những gì ông đã chứng kiến trong tù giữa những bữa ăn và giấc ngủ ngắn ngủi giành giật với thời gian. Niềm vui sướng điên dại của những tù nhân thoát chết không khiến ông kinh ngạc bằng sự tàn bạo điên dại dành cho những kẻ không may bị phanh thây. Một tù nhân ở đó, ông kể, được trả tự do cho ra ngoài, nhưng khi bước ra đường người đó bị một ngọn giáo man rợ đâm nhâm. Do đám đông nài nỉ, bác sĩ đi ra bằng bó vết thương cho kẻ bất hạnh, ông đã đi ra đường cũng qua cánh cổng ấy, và thấy mình lọt giữa một đám dân quân tình nguyện đang ngồi trên xác các nạn nhân họ giết. Với sự bất nhất ghê gớm như bất cứ điều gì trong cơn ác mộng kinh rợn ấy, chính họ lại phụ giúp ông bác sĩ chăm sóc người bị đâm nhâm với vẻ lo lắng ân cần hết mực - họ làm một chiếc cáng và hộ tống người bị thương khỏi chỗ nguy hiểm đó - rồi chính họ lại cầm vũ khí lao vào cuộc tàn sát mới, khủng khiếp tới mức ông Manette phải đưa tay che mắt và bất tỉnh luôn giữa cảnh chém giết.

Trong lúc ông Lorry lắng nghe những lời thổ lộ ấy và nhìn gương mặt của người bạn nay đã sáu mươi hai tuổi, ông đâm lo sợ nguy chứng cũ của bác sĩ Manette có thể tái phát khi kinh qua những điều hãi hùng này.

Nhưng chưa bao giờ ông Lorry thấy bạn mình trong phương diện hiện thời; chưa từng biết bạn mình trong tính cách hiện thời.

Bởi đây là lần đầu tiên ông bác sĩ mới cảm thấy nỗi đau khổ của mình chính là sức mạnh và uy lực. Bởi đây là lần đầu tiên ông cảm thấy trong ngọn lửa bỏng ấy, ông đã từ từ trui rèn được thanh sắt để nạy tung cửa tù giải thoát cho chồng của con gái mình.

– Tất cả rồi sẽ kết thúc có hậu thôi, anh bạn; không phải hoàn toàn uổng phí và hủy hoại. Cũng như con gái yêu đã giúp tôi hồi phục, bây giờ tôi sẽ giúp đưa Charles về cho con tôi; có Chúa phù ỡ, tôi sẽ làm bằng được!

Đó chính là bác sĩ Manette. Khi ông Jarvis Lorry nhìn thấy ánh mắt bừng bừng, thấy gương mặt quyết chí, thấy phong thái bình tĩnh mạnh mẽ của con người suốt bao năm cuộc đời đã bị chặn đứng như chiếc đồng hồ chết, giờ lại hoạt động với một nguồn sinh lực lâu nay bị ngừng trệ vô dụng, ông tin lời bạn.

Những trở ngại lớn hơn những gì bác sĩ đã từng đương đầu ắt cũng phải khuất phục trước ý chí của ông. Trong lúc vẫn giữ cương vị của mình như một bác sĩ làm việc với mọi hạng người, tù hãm và tự do, giàu và nghèo, tốt và xấu, ông sử dụng ảnh hưởng cá nhân của mình hết sức khôn ngoan nên chẳng mấy chốc ông đã thành bác sĩ khám bệnh cho ba tù nhân ở La Force. Ông bây giờ có thể quả quyết với Lucie rằng chồng nàng không còn bị biệt giam nữa mà ở chung với số đông tù nhân thông thường; ông gặp Charles hàng tuần và mang về cho nàng những lời nhắn yêu thương do Charles nói trực tiếp với ông; có khi Charles cũng gửi một bức thư cho nàng (dù không phải bác sĩ chuyển giao), nhưng nàng không được phép viết thư cho chồng, bởi vì tù nhân nào cũng bị nghi ngờ có mưu đồ, bị nghi ngờ nhất là thành phần quý tộc lưu vong vốn có nhiều bằng hữu và quan hệ thường trực ở hải ngoại.

Cuộc sống mới của bác sĩ chắc chắn là đáng lo ngại; nhưng ông Lorry nhận thấy trong đó vẫn duy trì một niềm kiêu hãnh mới. Không có điều gì bất toàn có thể tác động đến niềm kiêu hãnh ấy; bác sĩ kiêu hãnh là đương nhiên và xứng đáng, nhưng ông Lorry vẫn thấy lạ. Cho

tới lúc đó bác sĩ vẫn biết, trong tâm trí của người bạn mình và con gái, việc bị cầm tù ngày xưa của ông vốn gắn liền những đau khổ, mất mát và yếu đuối riêng tư. Bây giờ điều đó đã khác, ông tự biết nỗi gian nan thuở trước đã tiếp thêm sức mạnh giúp ông giải cứu Charles, khiến những người thân trở thành yếu đuối và chính ông mới là người có uy thế. Mỗi tương quan trước đây giữa ông và Lucie giờ đã đảo ngược, chỉ có tình yêu thương và lòng cảm kích sâu xa mới có thể hoán nghịch được điều đó bởi vì ông chỉ kiêu hãnh với việc đền đáp lại cho Lucie bao tận tụy nàng đã dành cho người cha. “Đúng là lạ,” ông Lorry nghĩ thầm, theo cách khôn ngoan và thân ái của ông, “nhưng đương nhiên là đúng; vậy thì cứ nắm quyền, anh bạn thân mến, cứ như thế; không ai có thể làm tốt bằng ông.”

Nhưng dù bác sĩ Manette đã cố gắng hết sức, và không ngừng nỗ lực, để tìm tự do cho Charles Darnay, hay ít nhất cho anh ta được ra tòa xử lại, ông vẫn không kháng cự được dòng chảy chung của thời cuộc. Thời đại mới đã bắt đầu; Đức vua đã bị xét xử, kết tội, và chặt đầu; Nền Cộng Hòa của Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết, đã tuyên bố cầm vũ khí chống lại cả châu Âu, chiến thắng hay là chết; lá cờ đen ngày đêm tung bay trên những ngọn tháp lớn của Nhà thờ Đức Bà; ba trăm ngàn người được kêu gọi chống lại các bạo chúa trần gian đã nhất tề đứng dậy trên khắp nước Pháp, cứ như những chiến binh dưới đất mọc lên từ rừng rỗng, từ miền núi tới đồng bằng, trên đá sỏi và phù sa, dưới bầu trời sáng rực miền Nam và dưới vòm mây mù phương Bắc, dưới truông trên rừng, trong vườn nho và rẫy ô-liu, giữa hảng cỏ cụt và ruộng ngô cần, dọc bờ sông cái sum sê và trên cát ngàn duyên hải. Mong muốn riêng tư của một người làm sao chống lại được cơn hồng thủy của Năm Tự Do Thứ Nhất - cơn hồng thủy dâng trào từ mặt đất chứ không do mưa tuôn từ trời cao, và cánh cổng Thiên Đàng đóng chặt vô tình!

Không hề ngừng nghỉ, không hề xót thương, không hề bình an, không hề nao núng gián đoạn, bất kể bước thời gian. Dù đêm ngày

luân phiên đều đặn như xưa, sáng chiều vẫn tiếp nối tựa thuở nào, thời gian không còn tồn tại. Khái niệm thời gian đã mất trong cơn sốt ác liệt của một đất nước đang mê sảng. Có lúc để phá vỡ sự im lặng khác thường của cả kinh thành, đao phủ đã cho dân chúng xem thủ cấp của Đức vua - và bây giờ, hình như cũng chẳng khác, đao phủ lại trưng ra thủ cấp của Hoàng hậu xinh đẹp, người đã tám tháng làm góa phụ khốn khổ trong tù đến mức bạc trắng mái đầu.

Và cứ xét tới bao luật lệ mâu thuẫn trong mọi vụ xét xử như thế, thời gian càng lê thê trong khi thực tế vẫn vùn vụt trôi. Một Tòa án Cách mạng ở kinh đô, cùng bốn mươi hay năm mươi ngàn ủy ban Cách mạng ở khắp nước; một đạo luật tình nghi đe dọa tự do và tính mạng của tất cả mọi người, khiến bất kỳ cá nhân tử tế và vô can nào cũng có thể bị kết án bởi lũ xấu xa và tội lỗi; nhà tù đầy nghẹt những người không hề phạm tội gì, và không hề được xét xử; những điều ấy đã trở thành trật tự được thiết lập có tính áp đặt, và dù chỉ xảy ra mới mấy tuần thôi mà như đã bất di bất dịch ngàn đời. Trên hết, một bóng dáng ngày càng quen thuộc như đã từng từng trước mắt tự ngàn xưa - bóng dáng của cô ả sắc bén mang tên La Guillotine: máy chém.

Máy chém đã trở thành đề tài bông đùa phổ biến; đó là thuốc chữa bệnh đau đầu tốt nhất; đó là thứ chắc chắn ngăn ngừa tóc bạc, đó là thuốc nhuộm hồng nước da, đó là Lưỡi Dao Cạo Quốc Gia bảo đảm cạo sạch ưỡn những ai hôn nàng La Guillotine, thò đầu qua ô cửa nhỏ bé và hắt hơi vào chiếc bao tải gần phía trước. Máy chém là dấu hiệu tái sinh của loài người. Máy chém thay thế Thánh Giá. Những hình tượng máy chém đã được đeo trên ngực nơi Thánh Giá đã bị vứt bỏ, và mọi người cúi đầu thờ phụng máy chém khi Thánh Giá đã bị chối bỏ.

Máy chém đã chặt đầu quá nhiều người tới mức chính nó và mặt đất chung quanh thấm đỏ máu tanh. Nó được tháo tung như món đồ chơi xếp hình của tiểu quỷ và ráp lại khi có dịp cần. Nó làm câm miệng những người hùng biện, hạ gục những người uy lực, tiêu diệt những ai

tốt đẹp. Chỉ trong vòng hai mươi hai phút một buổi sáng nó đã chém đầu hai mươi hai nhân sĩ khá kính - hai mươi một người sống và một người đã chết. Tay đao phủ đã thực hiện loạt hành quyết này được đặt biệt danh theo lực sĩ Samson trong Cựu Ước; nhưng với chiếc máy chém làm vũ khí, tay đao

phủ này còn mạnh hơn Samson, mù quáng hơn Samson, và hàng ngày giết sập nhiều đền thờ của Chúa.

Giữa cảnh kinh hoàng ấy và những mối đe dọa bao trùm, bác sĩ Manette vẫn bình tĩnh bước đi, tự tin vào khả năng của mình, thận trọng đeo đuổi mục đích, luôn vững tin là cuối cùng ông sẽ cứu được chồng của Lucie. Thế nhưng thời gian trôi qua nhanh, cuồn cuộn, ào ạt và dữ dội, thoát cái Charles đã bị giam một năm ba tháng trong lúc ông bác sĩ vẫn bình tĩnh và tự tin như thế. Trong tháng Mười hai năm đó, cuộc Cách mạng đã trở nên tàn bạo và điên cuồng tới mức những dòng sông phía nam ngổn ngang xác người bị chìm chết man rợ trong đêm và xác tù nhân bị bắn hàng loạt hàng đàn dưới ánh nắng mùa đông. Dù vậy ông bác sĩ vẫn bình tĩnh bước đi trong cảnh kinh hoàng. Im lặng, nhân từ, luôn được cậy nhờ trong các bệnh viện và nhà tù, sử dụng chuyên môn cứu chữa không phân biệt nạn nhân hay kẻ giết người, ông là người đứng ngoài bạo lực. Trong ông lúc chữa trị bệnh nhân, phong thái và câu chuyện từng bị giam ở Bastille đã khiến ông có một vị trí riêng. Ông không bị nghi ngờ hay chất vấn, chẳng khác gì ông thực sự đã sống lại từ cõi chết hơn mười tám năm trước, hay là một hồn ma đang lang thang giữa các sinh linh.

5. Người thợ cưa

Một năm ba tháng. Suốt thời gian đó Lucie từng phút từng giờ lo sợ không biết ngày mai ở La Guillotine có chặt đầu chồng mình không. Hàng ngày, trên những con đường đá, những cỗ xe kéo dẫn xóc chốc chốc lại băng qua, chở đầy người bị kết án. Những cô gái đẹp; những phụ nữ rụng rờ tóc đen, tóc nâu, tóc bạc; những chàng thanh niên; trai tráng và già cả; dòng quý tộc và gốc nông dân; tất cả đều là thứ rượu máu dâng cho ở La Guillotine, được mang ra từ những hầm tối của các ngục tù ghê tởm, từ các ngã đường chở tới để làm dịu cơn khát vô độ của ở. Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết - cái mục tiêu cuối cùng mới dễ ban phát làm sao, ôi La Guillotine!

Nếu như tai ương đột ngột này của Lucie và bánh xe quay tít của thời gian đã khiến nàng ngờ ngàng hông chờ tưởng chừng tuyệt vọng ngày chồng được tự do, thì nhiều người khác lâm vào hoàn cảnh nàng cũng đành như thế. Nhưng kể từ giờ phút Lucie ôm mái đầu bạc trắng của cha vào lòng trên gác xép khu Saint Antoine, nàng vẫn hết lòng với bốn phận của mình. Giờ đây, trong nghịch cảnh đầy thử thách này, nàng vốn đã âm thầm tận tụy và quyết tâm lại càng thêm quyết tâm và tận tụy.

Ngay khi đã ổn định chỗ ở mới và ông Manette đã bắt đầu đều đặn làm công việc của một bác sĩ, Lucie thu vén gia đình nhỏ này giống y như lúc cả nhà đoàn tụ trước đây. Mọi việc đều có trật tự giờ giấc đâu ra đó. Như thường lệ, nàng dạy bé Lucie học cứ như lúc cả nhà còn ở bên Anh. Để tự đánh lừa bản thân là gia đình sẽ nhanh chóng đoàn viên, nàng dùng rất nhiều mẹo vặt, chẳng hạn bày sách và ghế của Charles riêng một bên sẵn sàng như anh sắp mau chóng trở về. Chỉ có những sắp đặt như thế cùng những lời cầu nguyện trang nghiêm hàng đêm dành cho những linh hồn bất hạnh trong lao tù dưới bóng tử thần

- đặc biệt là Charles - mới giải tỏa được nỗi lo nặng trĩu trong lòng nàng.

Dung mạo nàng cũng không đổi khác mấy. Những chiếc váy sậm màu giản dị, gần giống áo tang, mà hai mẹ con nàng mặc cũng tươi tắn và may khéo như các trang phục tươi sáng của thời hạnh phúc trước. Nàng có xanh xao hơn, nếp trán nhăn chăm chú quen thuộc giờ luôn thường trực trên nét mặt; ngoài ra nàng vẫn xinh đẹp và duyên dáng. Có lúc, khi hôn người cha về đêm, nàng đã bật khóc những giọt lệ đè nén trong ngày và thốt lên rằng cha nàng là chỗ dựa duy nhất dưới vòm trời này. Ông Manette luôn trả lời quả quyết:

– Không thể có chuyện gì xảy đến cho Charles mà ta không biết, và ta tin chắc sẽ cứu được chồng con, Lucie à.

Cuộc sống mới ổn định được vài tuần thì một tối, cha nàng về nhà báo:

– Con yêu, ở nhà tù có một cửa sổ trên tầng cao, chỗ đó thỉnh thoảng Charles có thể lên được vào lúc ba giờ chiều. Nếu chồng con lên được tới đó; điều này thì còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố bất định; Charles có thể nhìn thấy con ở dưới đường, chồng con nghĩ thế, nếu con đứng ở một chỗ mà ta sẽ chỉ cho con. Nhưng con sẽ không nhìn thấy được Charles, con gái tội nghiệp của ta, và cho dù con có nhìn thấy được thì cũng sẽ không an toàn cho con khi ra dấu nhận biết Charles.

– Ôi, xin hãy chỉ con nơi đó, thưa cha, và con sẽ tới mỗi ngày.

Từ hôm đó, bất kể nắng mưa, Lucie đều đứng ở vị trí đó suốt hai tiếng đồng hồ. Đồng hồ báo hai giờ là nàng đã có mặt, đến bốn giờ mới cam chịu quay về. Khi tiết trời không quá ẩm ướt hay khắc nghiệt, nàng cho con theo cùng; lúc khác nàng đi một mình; nhưng không hề bỏ lỡ một ngày.

Vị trí đó nằm ngay một góc tối bẩn thỉu của một đường nhỏ ngoằn ngoèo. Căn nhà tồi tàn của người thợ cửa chuyên xẻ gỗ làm củi là căn

nhà duy nhất ở góc đường đó; còn lại toàn là vách tường chạy dài. Lucie đến đó được ba ngày thì người thợ cửa để ý đến nàng.

– Xin chào, nữ Công dân.

– Xin chào, Công dân.

Lối xưng hô đó bây giờ là luật lệ bắt buộc. Nó đã hình thành một thời gian trước một cách tự nguyện giữa những người ái quốc nhiệt tình hơn; nhưng sau đó trở thành quy định chung.

– Lại đến đây nữa à, nữ Công dân?

– Thì ông thấy đó, ông Công dân!

Tay thợ cửa là một người thấp bé quen thói vung tay diễn tả thái quá (trước kia gã từng là phu lục lộ). Gã liếc mắt về phía nhà tù, chỉ trỏ, rồi đưa mười ngón tay lên trước mặt giả như đó là những chấn song, rồi làm bộ khôi hài ghé mắt nhìn qua.

– Nhưng đó không phải việc của tôi, - gã nói. Và tiếp tục cửa gỗ-
Hôm sau gã chờ đợi Lucie và nàng vừa đến là gã bắt chuyện ngay.

– Sao? Lại đi bộ tới nữa, nữ Công dân?

– Phải, ông Công dân.

– A! Một đứa bé nữa! Đây là mẹ cháu phải không, nữ Công dân tí hon?

– Con nói được không, mẹ? - Bé Lucie thăm thì, nép sát bên mẹ.

– Được, con yêu.

– Dạ phải, thưa ông Công dân.

– A! Nhưng đó không phải việc của tôi. Việc của tôi là làm việc. Nhìn cái cửa của tôi đi! Tôi gọi nó là Tiểu Guillotine. La, la, la; La, la, la! Và đầu hấn rơi!

Một khúc gỗ ngã rơi xuống trong lúc gã vừa nói vừa cửa, rồi gã quăng khúc gỗ vào giỏ.

– Tôi tự xưng là Samson của máy chém củi. Nhìn đây nữa này!

Lưu, lưu, lưu; Lưu, lưu, lưu! Và đầu ả rơi! Giờ tới đứa nhỏ. Sột, soạt; Sột, soạt! Và đầu nó rơi. Đủ cả gia đình!

Lucie rùng mình khi gã ném thêm hai khúc gỗ nữa vào giỏ, nhưng không thể nào đến đây mà tránh được gã thợ cửa trong lúc gã đang làm việc. Từ đó, để cho gã không ác cảm, nàng luôn bắt chuyện với gã trước, và thường gửi cho gã chút tiền uống rượu, gã sẵn sàng nhận ngay.

Gã ta là kẻ tò mò, nhiều lúc Lucie quên băng gã đi khi chăm chú nhìn lên mái và những ô cửa lưới sắt của nhà tù, lòng hướng về người chồng, nàng sức tình nhận ra gã đang nhìn mình, đầu gối quỳ trên băng ghế thợ nhưng lưới cửa đã ngừng làm việc. “Nhưng đó không phải việc của tôi!”, những lúc đó gã thường nói thế rồi hấp tấp quay lại việc cửa xẻ.

Trong mọi thời tiết, dầu tuyết giá mùa đông hay gió rét mùa xuân, dầu nắng nóng mùa hè hay mưa phùn mùa thu, rồi lại mùa đông tuyết giá, ngày nào Lucie cũng đứng suốt hai giờ ở nơi ấy; hàng ngày khi ra về, nàng đều gửi một cái hôn về phía bức tường nhà tù. Cứ năm hay sáu lần thì Charles nhìn thấy nàng được một lần (nàng nghe cha nói thế); có lúc hai, ba lần liên tiếp; có lúc mất một hay hai tuần mới nhìn thấy được. Miễn chồng nàng có cơ hội nhìn thấy nàng là đủ, và vì cơ hội đó nàng sẵn sàng đứng đó suốt ngày, bảy ngày một tuần.

Nàng cứ đến góc đường ấy đều đặn cho tới tháng Mười hai, trong lúc cha nàng vẫn bình tĩnh bước đi trong cảnh kinh hoàng. Vào một chiều tuyết nhẹ, nàng lại đến chỗ đứng thường lệ. Hôm ấy là một ngày hội hè ăn mừng náo loạn. Trên đường tới đây, nàng đã thấy nhiều ngôi nhà trang hoàng bằng những ngọn giáo nhỏ, trên đầu cắm những chiếc mũ bé tí màu đỏ; có cả những những dải băng tam tài và khẩu hiệu quen thuộc ghi dòng chữ “Nền Cộng Hòa Hợp Nhất Bất Khả Phân Ly của Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết!” - các chữ cái cũng mang ba màu ưa chuộng.

Cửa tiệm tồi tàn của tay thợ cửa nhỏ tới mức không đủ chỗ để viết trọn câu khẩu hiệu ấy. Gã đã nhờ ai viết đại câu ấy lên trên cửa và người này phải vất vả lắm mới nhét được chữ *Chết* cuối cùng. Trên

nóc nhà, gã dựng một cây giáo cắm chiếc mũ như mọi Công dân tốt phải làm, ở cửa sổ gã ưỡn ra lưỡi cửa của mình với dòng chữ “Tiểu Thánh nữ Guillotine” - bởi vì tới lúc đó cô ả sắc bén ấy đã được dân chúng phong thánh. Tiệm của gã đóng cửa và gã đi đâu mất; thấy thế Lucie an lòng được đứng một mình.

Nhưng gã đang ở cách đó không xa, vì liền sau đó Lucie đâm hoảng sợ khi nghe tiếng bước chân huyên náo và tiếng người la hét tiến lại gần. Chỉ một lúc sau, một đám đông người kéo qua góc đường gần nhà tù, đi ở giữa chính là gã thợ cửa đang nắm tay Nữ Thần Báo Oán. Đoàn người đông phải tới cả năm trăm con người đang nhảy múa hăng hái như năm nghìn con quỷ. Không có âm nhạc nào khác ngoài tiếng hát hò của họ. Họ nhảy múa theo bài ca Cách mạng ư chuộng, giữ nhịp đều đều một cách hung tợn như đang đồng loạt nghiêng rặng. Đàn ông múa với đàn bà; đàn bà múa với nhau; đàn ông múa với nhau; họ nhảy múa với bất kỳ ai ngẫu nhiên bắt cặp được. Thoạt tiên, họ chỉ là một cơn lốc của những chiếc mũ đỏ xác xơ và những chiếc áo dạ rách rưới; nhưng lúc họ tràn ngập góc đường này và bắt đầu nhảy múa chung quanh Lucie, một số kẻ phát cuồng lên như những hồn ma ghê rợn. Họ tiến tới, thối lui, đập vào bàn tay nhau, vỗ lấy đầu người khác, quay tròn một mình, chộp lấy bất kỳ ai và cả đôi cùng quay cho tới khi nhiều cặp gục xuống. Những kẻ không ngã quy lại nắm tay nhau thành vòng tròn cùng xoay tít, rồi vòng tròn đứt đoạn thành những vòng nhỏ hai hay bốn người, những vòng người ấy cứ quay, cứ quay tới lúc tất cả đột ngột dừng phắt, bắt đầu trở lại, đập, vỗ, tách lìa, rồi lại đảo ngược vòng quay, tất cả lại xoay tròn theo chiều khác. Thành linh, họ dừng, nghỉ, bắt nhịp trở lại, hợp thành những hàng người chiếm hết chiều rộng đường cái, rồi, đầu cúi thấp, tay giơ cao, vừa rú lên vừa chạy đi. Không có hạn chiến nào có cảnh tượng kinh hoàng bằng một nửa điệu múa này. Đó hoàn toàn là một trò vui băng hoại - một trò vốn là vô tư giờ trở thành ác độc - một thú tiêu khiển lành mạnh biến thành một thứ làm sục sôi máu giận, làm tê liệt ý thức, làm băng giá trái tim.

Nếu những động tác có bộc lộ chút đẹp mắt nào thì sự khùng khiếp lại càng tăng khi mọi điều vốn tốt đẹp giờ biến dạng và lằm lạc hết thảy. Bầu ngực thiếu nữ phơi trần theo điệu vũ, hay mái đầu xinh xắn ngậy thơ điên loạn cùng nhịp múa, bàn chân thoăn thoắt nhón cao trong vũng bùn ngập máu này, đó là những điển hình của một thời đại hỗn mang.

Đó là điệu múa Carmagnole. Trong lúc đoàn người đi qua, bỏ mặc Lucie sợ hãi, rụng rời trước cửa nhà gã thợ cưa, những bông tuyết nhẹ êm rơi phủ trắng mềm mại đất thảm nhiên như không có gì.

– Ôi! Cha ơi! - Nàng buông hai bàn tay đang che mặt xuống thì đã thấy người cha đứng trước mặt. - Cảnh tượng thật ghê sợ, bạo tàn!

– Ta biết, con yêu, ta biết. Ta đã nhìn thấy nhiều lần. Đừng hốt hoảng! Không ai hãm hại con đâu.

– Con không sợ cho thân con, thưa cha. Nhưng khi nghĩ đến chồng con đang nằm trong quyền sinh sát của những con người này...

– Chẳng bao lâu nữa không ai còn quyền sinh sát đối với Charles. Khi cha ra đây, chồng con đang lên chỗ cửa sổ đó, và cha đến nói cho con hay. Ở đây không còn ai nhìn ngó. Con có thể gửi một cái hôn về phía mái nhà dốc trên cao nhất.

– Con sẽ làm ngay, thưa cha, và gửi cả linh hồn con!

– Con không nhìn thấy Charles được phải không, con gái tội nghiệp của ta.

– Không, thưa cha, - Lucie vừa nói vừa khóc đầy mong mỗi lúc nàng gửi một chiếc hôn theo gió, - con không thấy.

Bước chân trên tuyết. Chị Defarge.

– Xin chào, nữ Công dân, - tiếng ông bác sĩ.

– Xin chào, Công dân. - Lời chào đáp đi qua, chỉ có thế. Chị Defarge đi mất, như một bóng đen trên đường tuyết trắng.

– Giờ cha đưa con về, con yêu. Hãy vì Charles mà vui vẻ và can đảm rời khỏi nơi này. Giỏi lắm, - hai cha con đã rời góc đường ấy. -

Cũng không uổng công đâu. Ngày mai Charles sẽ được gọi ra xét xử.

– Ngày mai!

– Không còn thời gian để chần chừ nữa. Ta đã chuẩn bị kỹ càng nhưng nhiều việc cần phải đề phòng, phải thận trọng cho đến khi Charles thực sự ra tòa. Chồng con vẫn chưa nhận được thông báo, nhưng cha biết ngày mai Charles sẽ được chuyển sang ngục Conciergerie chờ xét xử; cha đã có thông tin kịp thời. Con không sợ chứ?

– Con tin cậy cha, - Lucie không nói nên lời.

– Phải tin cậy cha hoàn toàn. Bao mong mỗi đợi chờ của con sắp kết thúc rồi; chỉ vài giờ nữa thôi Charles sẽ về với con; ta đã làm mọi cách để bảo vệ chồng con. Giờ ta phải đi gặp ông Lorry.

Ông dừng bước. Có tiếng bánh xe lăn ì ạch vắng tới. Cả hai cha con đều quá hiểu ý nghĩa của âm thanh đó. Một. Hai. Ba. Ba cỗ xe chất đầy món hàng cống nạp khủng khiếp cho ả La Guillotine đang băng qua lớp tuyết hăng nín lặng hãi hùng.

– Ta phải gặp Lorry, - bác sĩ lặp lại rồi đưa Lucie rẽ sang hướng khác.

Ông già trung tín ấy vẫn duy trì công việc đã được phó thác; không hề rời ngân hàng. Ông và mớ sổ sách của ông luôn được cần tới khi đụng tới chuyện tài sản bị tịch thu và quốc hữu hóa. Ông làm tất cả những gì có thể làm được để giữ gìn tài sản cho chủ sở hữu. Không ai trên đời này có thể đáng tin cậy hơn ông Lorry để bảo vệ những tài sản đã ủy thác cho Ngân hàng Tellson và biết giữ im lặng.

Bầu trời chuyển sắc vàng đỏ âm u, màn sương dâng lên từ sông Seine, báo hiệu bước tiến của đêm đen. Trời đã sụp tối khi hai cha con tới ngân hàng. Dinh cơ nguy nga của Chúa công trước kia giờ hoàn toàn hư hại và hoang vắng. Bên trên một đồng tro bụi ngoài sân, là dải băng mang hàng chữ: Nền Cộng Hòa Hợp Nhất Bất Khả Phân Ly của Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết!

Ai đang ở bên ông Lorry vậy? Chủ nhân của chiếc áo khoác vắt trên ghế, người không thấy mặt? Ai là người mà ông Lorry tạm ngừng chuyện để đi ra ngoài, bồn chồn và bàng hoàng, ôm choàng lấy cô cháu yêu Lucie? Ai là người mà ông cao giọng, hướng về phía cánh cửa vừa mới bước ra, lặp lại những lời vừa nghe Lucie ngáp ngừng nói? Ông Lorry kêu lên:

– Ngày mai chuyển tới ngục Conciergerie chờ xét xử?

6. Thành công

Tòa án đáng sợ của năm pháp quan, một ủy viên công tố, và một bồi thẩm đoàn định đoạt xét xử hàng ngày. Danh sách xét xử được ban hành mỗi tối và được các giám ngục ở đủ loại nhà tù đọc cho các phạm nhân nghe. Câu bông đùa quen thuộc của các giám ngục là: “Ra đây nghe đọc báo mới buổi chiều, mấy người trong kia!”.

– Charles Evrémonde, tức Darnay!

Thế là cuối cùng giờ đọc báo mới buổi chiều đã bắt đầu ở ngục La Force.

Khi một cái tên được đọc lên, người có tên ấy bước ra một chỗ dành riêng cho những kẻ sẽ được phán quyết số phận. Charles Evrémonde, tức Darnay, hiểu rõ điều này bởi vì anh đã từng nhìn thấy hàng trăm người đi vào cũi chết theo cách đó.

Gã giám ngục béo múp đang đeo kính để đọc danh sách, liếc mắt qua đám tù nhân để biết chắc là Darnay đã bước ra rồi đọc tiếp, sau mỗi cái tên lại dừng một chút liếc nhìn như vậy. Danh sách có hai mươi ba tên nhưng chỉ có hai mươi người bước ra; bởi vì một tù nhân có trong danh sách đã chết trong ngục mà không ai nhớ, thêm hai người đã lên máy chém mà không ai nhớ. Danh sách đã đọc xong, trong gian phòng mái vòm nơi Darnay lần đầu tiên gặp những tù nhân cùng giai cấp vào cái đêm anh bị đưa đến đây. Tất cả những người đó đã mất mạng trong cuộc thảm sát không còn ai, mọi con người kể từ ngày đó anh đã quan tâm và rồi giã biệt đều chết trên đoạn đầu đài.

Những lời chia tay ân cần vội vã vang lên, nhưng cuộc biệt ly nhanh chóng kết thúc. Đó là việc hàng ngày, và đám tù nhân ở La Force tối đó đang bận rộn chuẩn bị cho mấy trò chơi thưởng phạt cùng một buổi hòa nhạc nhỏ. Họ túm tụm và nhỏ lệ ở các ô cửa song sắt, nhìn số người bị gọi đi; nhưng các trò vui dự trù đã bị khuyết hai mươi người

cần phải thay thế, và thời gian đã cấp bách, gần đến giờ trở lại buồng giam rồi, giờ mà các phòng sinh hoạt chung và các hành lang sẽ được giao phó cho những con chó to lớn canh gác suốt đêm. Tù nhân không phải là những kẻ vô cảm hay vô tình; chính cảnh lao tù này đã khiến họ hành xử như thế. Cũng hoàn cảnh này đã sinh ra một biểu hiện khác khó hiểu hơn: những thái độ cuồng ngông chắc chắn đã khiến nhiều người phải đối đầu với máy chém một cách không cần thiết và mất mạng oan uổng - đó không phải là thái độ huênh hoang mà là một kiểu dịch bệnh cứ như đã lây lan từ sự điên loạn của dân chúng. Trong mùa dịch bệnh, chúng ta nhiều người cũng âm thầm mắc cái chứng này - một khuynh hướng ghê gớm nhất thời muốn được chết vì dịch bệnh. Chúng ta ai cũng mang trong lòng những khao khát kỳ lạ chỉ chờ chờ có điều kiện là bùng phát.

Đoạn đường đến ngục Conciergerie ngắn và tăm tối; đêm trong những buồng giam đầy chuột bọ lạnh lẽo lê thê. Hôm sau, mười lăm tù nhân được đưa ra tòa xử trước khi Charles Darnay được gọi tên. Cả mười lăm người đều bị kết án và các phiên xét xử kéo dài cả một tiếng rưỡi.

– Charles Evrémonde, tức Darnay, - rốt cuộc tới lượt anh.

Các pháp quan ngồi trên ghế quan tòa đội mũ gắn lông chim; nhưng khắp phòng xử án tràn ngập những chiếc mũ đỏ xác xơ gắn phù hiệu tam tài. Nhìn bồi thẩm đoàn và đám đông náo loạn kia, Darnay tưởng như trật tự bình thường đã đảo lộn, bọn tội phạm bây giờ lại xét xử những người lương thiện. Phường hạ cấp nhất, độc ác nhất, và xấu xa nhất của một thành phố đầy rẫy hạng hạ cấp, độc ác, và xấu xa, đang điều khiển phiên tòa: bình luận, tán thưởng, phản đối, mong chờ, và thúc giục kết quả, âm ỉ không ngừng. Cánh đàn ông phần lớn đều mang vũ khí đủ loại; cánh đàn bà một số cầm dao, một số cầm kiếm, số khác ăn uống trong lúc theo dõi xét xử, nhiều người đan len. Trong số đan len là một người không ngừng tay với một kiểu đan riêng biệt. Người đàn bà đó ngồi ở hàng đầu, cạnh một người đàn ông mà Darnay

không còn thấy mặt từ khi anh đến cổng thành Paris, nhưng anh nhớ rõ gã ta là Defarge. Anh để ý thấy có một đôi lần ả kia nói thầm vào tai Defarge và có vẻ là vợ của gã; nhưng điều anh chú ý nhất ở hai người này là mặc dù họ ngồi hết sức gần chỗ anh nhưng không hề nhìn về phía anh. Dường như họ đang chờ đợi gì đó hết sức kiên trì, và không rời mắt khỏi bồi thẩm đoàn. Ngồi phía dưới Chánh án là bác sĩ Manette, trong trang phục giản dị thường ngày. Darnay thấy rõ, không kể các pháp quan, ông Manette và ông Lorry là hai người duy nhất ở đó mặc trang phục bình thường chứ không mặc đồ của đám nhảy múa Carmagnole.

Charles Evrémonde, tức Darnay, bị ủy viên công tố buộc tội là quý tộc lưu vong, phải đền mạng cho Nền Cộng Hòa, chiếu theo sắc lệnh xử tử mọi quý tộc lưu vong. Y bất kể việc sắc lệnh ấy được ban hành sau khi Darnay đã trở lại nước Pháp. Anh đã ở Pháp, sắc lệnh đã có; anh bị bắt ở Pháp, và phải mất đầu.

– Chặt đầu hă đi! - Đám đông la ó. - Kẻ thù của Nền Cộng Hoà!

Chánh án rung chuông cho đám đông im lặng, và hỏi tù nhân có đúng là đã sống nhiều năm ở nước Anh hay không?

Chắc chắn là đúng.

Như vậy anh không phải là quý tộc lưu vong sao? Vậy anh tự xưng là gì?

Không phải quý tộc lưu vong, Charles Darnay hy vọng, theo ý nghĩa và tinh thần của luật này.

Sao lại không? Chánh án muốn biết.

Bởi vì Charles đã tự nguyện từ bỏ cái tước danh mà anh ghê tởm, cái địa vị mà anh căm ghét, và đã rời khỏi đất nước - trước khi từ “lưu vong” được dùng chỉ giới quý tộc theo ý nghĩa mà pháp đình này chấp nhận - để tự lao động mưu sinh ở Anh chứ không sống bám vào sức lao động của nhân dân bị áp bức ở Pháp.

Việc này anh có bằng chứng gì không?

Anh nêu tên hai người làm chứng: Theophile Gabelle, và Alexandre Manette.

Nhưng anh đã lập gia đình ở Anh? Chánh án nhắc nhở.

Đúng, nhưng không phải với một phụ nữ Anh.

Một nữ Công dân Pháp?

Phải. Sinh quán tại Pháp.

Họ tên cô ta và gia đình vợ?

Lucie Manette, con gái duy nhất của bác sĩ Manette, vị bác sĩ uy tín đang có mặt tại tòa.

Câu trả lời này khiến đám đông vui vẻ hẳn. Cả phòng xét xử vang tiếng la hét tán dương vị bác sĩ nổi tiếng. Những người này bốc đồng đến mức một số kẻ mới phút trước còn trừng mắt hung hăng nhìn tù nhân kia như muốn lôi ngay ra đường giết chết, giờ lại lập tức giàn giụa nước mắt.

Những bước đi trên con đường nguy hiểm này, Charles Darnay đã làm đúng theo hướng dẫn nhắc đi nhắc lại của bác sĩ Manette. Những bước sắp tới ông bác sĩ cũng đã chỉ dẫn từng li từng tí và anh đã được chuẩn bị kỹ càng.

Chánh án hỏi tại sao anh lại trở về Pháp vào lúc đó mà không sớm hơn?

Anh đáp mình không trở về sớm hơn, đơn giản chỉ vì anh không có kế mưu sinh ở Pháp, nếu không sống nhờ vào những gì đã từ bỏ; trong khi đó ở Anh, anh sống bằng việc giảng dạy ngôn ngữ và văn chương Pháp. Anh trở lại vào lúc đó vì bức thư khẩn cầu cấp thiết của một Công dân Pháp, người đã nói rằng tính mạng của mình sẽ bị lâm nguy vì sự vắng mặt của anh. Anh đã trở về để cứu tính mạng người này, và để đối mặt với sự thật, bất kể mọi rủi ro cho bản thân. Điều này có phải là phạm tội đối với Nền Cộng Hòa không?

“Không!” Đám đông hăng hái la to, và Chánh án rung chuông để bắt im lặng cũng bằng thừa. Đám đông cứ tiếp tục la to “Không!” cho

đến lúc họ tự động ngừng lại.

Chánh án hỏi tên Công dân đó. Phạm nhân giải thích Công dân đó chính là người làm chứng đầu tiên mà anh đã nêu tên. Anh cũng tự tin nhắc tới bức thư của Công dân đó, vốn đã bị tước khỏi tay anh ở cổng thành Paris, nhưng anh tin chắc sẽ tìm thấy trong các hồ sơ trước mặt Chánh án.

Bác sĩ Manette đã lo liệu cho bức thư ấy nằm ở đó - ông quả quyết với Charles là nó sẽ có ở đó - và tới đây thì bức thư được lấy ra đọc. Công dân Gabelle được gọi ra xác minh, và người này khẳng định sự thật đó. Công dân Gabelle hết sức tế nhị và lịch sự ám chỉ rằng trong áp lực công việc mà Tòa án này phải giải quyết với vô số kẻ thù của Nền Cộng Hòa, ông ta gần như đã bị bỏ quên trong ngục Abbaye - thực tế là Tòa án ái quốc đã hoàn toàn quên ông ta - mãi tới ba ngày trước đây; khi ông được gọi ra xét xử và được bồi thẩm đoàn phán quyết trả tự do khi xét thấy không còn cơ sở buộc tội vì Công dân Evrémonde, tức Darnay đã nộp mình.

Người bị chất vấn kế tiếp là bác sĩ Manette. Uy tín của cá nhân ông và những câu trả lời rõ ràng đã gây ấn tượng mạnh; nhưng ông vẫn tiếp tục trình tòa rằng bị can chính là người bạn đầu tiên của ông khi ông được tự do sau một thời gian dài ngục tù; rằng bị cáo đã ở lại nước Anh, vẫn luôn chung thủy và tận tụy với cha con ông trong cảnh lưu vong; rằng, không những không được chính phủ quý tộc ở Anh chiếu cố, bị can này thực tế đã bị xử án tử ở đó vì tội danh chống lại nước Anh và cảm tình với Hoa Kỳ. Trong lúc ông trình bày những hoàn cảnh đó, hết sức thận trọng và chân thành thẳng thắn đầy thuyết phục, bồi thẩm đoàn và đám đông xem xử án đều nhất lòng đồng tình. Cuối cùng, khi ông nêu tên ngài Lorry, một người Anh quý phái hiện đang có mặt tại tòa, người cũng như ông, đã là nhân chứng ở vụ xét xử bị can này ở bên Anh và có thể ra xác nhận tường trình của ông, bồi thẩm đoàn tuyên bố họ đã nghe đủ và sẵn sàng biểu quyết nếu như Chánh án chấp nhận.

Theo từng biểu quyết được từng bồi thẩm hô to, đám đông trong tòa reo hò vỗ tay. Mọi biểu quyết đều thuận lợi cho tù nhân, và Chánh án tuyên bố Charles Darnay được tự do.

Rồi bắt đầu một cảnh tượng kỳ lạ của đám người trong tòa án giống như khi đám đông có lúc cũng muốn thỏa mãn tính bất nhất của mình hay buông thả cảm xúc nhân từ và độ lượng, hoặc đó là một cách để họ bù đắp lại quá khứ đầy thịnh nộ bạo tàn. Lúc này không ai có thể xác định cảnh tượng kỳ lạ này bắt nguồn từ động cơ nào; có thể là tổng hợp cả ba động cơ đó nhưng cảm xúc nhân từ và độ lượng áp đảo hơn. Lệnh tha bổng vừa được ban ra thì nước mắt đã tuôn trào ào ạt như máu rơi trong lúc khác, cả đàn ông lẫn đàn bà đều xông tới Charles ôm chầm tỏ tình thân ái cuồng nhiệt tới mức anh muốn ngất đi vì kiệt sức sau một thời gian dài giam cầm khổ sở; tuy nhiên anh biết rất rõ cũng chính những con người này, cuốn theo thời cuộc, cũng sẽ xông tới anh cuồng nhiệt như thế, để xé tan xác anh quăng ra đường.

Anh tạm thời thoát khỏi những cái ôm ghì ấy do phải nhường chỗ cho các bị can khác ra xét xử. Sau đó là năm người bị xét xử chung một tội là kẻ thù của Nền Cộng Hòa, bởi vì họ đã không ủng hộ bằng lời nói hay hành động. Mất cơ hội xử tử Charles Darnay, phiên tòa tự đền bù cho nó và quốc gia một cơ hội khác nhanh chóng đến độ anh chưa ra khỏi tòa thì năm bị can mới đã bị tuyên án tử hình trong vòng hai mươi bốn giờ. Người đầu tiên trong nhóm này đã cho anh biết bằng cách giơ một ngón tay lên - dấu hiệu quen thuộc trong tù chỉ tội chết - và cả năm đều thốt lên, “Nền Cộng Hòa muôn năm!”.

Thực tế không còn người xem xử án nữa để kéo dài việc phán xét, bởi vì khi Charles và bác sĩ Manette ra khỏi cổng thì đã thấy một đám đông dày đặc dường như đủ mọi gương mặt anh đã nhìn thấy trong tòa - chỉ thiếu hai gương mặt anh tìm mãi không thấy. Thấy anh đi ra, đám đông lại ban phát cho anh những giọt lệ, vòng ôm, và tiếng hò hét, từng người hay đồng loạt, tới độ sóng nước dưới dòng sông cạnh tòa án như cũng phát điên giống đám người trên bờ.

Họ đặt anh lên một chiếc ghế bành lớn giữa đoàn người, cái ghế họ đã lấy từ trong phòng xử án ra, hay từ trong một phòng hay hành lang của tòa án. Trên ghế, họ đã phủ một lá cờ đỏ, sau lưng ghế họ đã buộc một ngọn giáo cắm chiếc mũ đỏ. Bất chấp những lời nài nỉ của ông bác sĩ, đám đông vẫn kè vai khiêng Charles đi trên chiếc kiệu khai hoàn này, chung quanh anh là một biển mũ đỏ hỗn loạn dâng trào sóng dữ quảng vào tầm mắt anh những bộ mặt trôi dạt, khiến anh không ít lần tưởng chừng như mình cũng loạn trí và đang ngồi trên cỗ xe kéo đưa đến gặp ở La Guillotine.

Trong đám rước như ác mộng đấy, đám người kiệu Charles đi và ôm chầm bất kỳ ai gặp trên đường và chỉ về phía anh. Những con đường ngập tuyết ngập tràn màu đỏ Cộng hòa như nhuộm máu khi đoàn người ngoằn ngoèo dần bước, công kênh Darnay vào tận sân ngôi nhà của gia đình. Ông Manette đã đi trước báo tin cho Lucie, và khi chồng nàng bước xuống đứng trên mặt đất, nàng ngất đi trong vòng tay anh.

Trong lúc Charles ôm ghì vợ vào lòng và quay gương mặt nàng về phía anh để không ai nhìn thấy những giọt lệ của anh và đôi môi nàng tìm nhau, vài người trong đám đông bắt đầu nhảy múa. Tức khắc, những người còn lại cũng nhảy múa theo và khoảng sân tràn ngập điệu múa Carmagnole. Kế đó, họ đặt một cô gái trong đám đông lên chiếc ghế trống để khiêng đi như một Nữ Thần Tự Do, và rồi đoàn người cuồn cuộn tràn ra những con đường kế cận, dọc theo bờ sông, vượt qua cầu, và điệu múa Carmagnole thu hút tất cả mọi người là cuốn họ đi như cơn lốc xoáy.

Sau khi nắm chặt bàn tay bác sĩ Manette trong lúc ông đứng kiêu hãnh và đắc thắng bên cạnh; sau khi nắm chặt tay ông Lorry vừa hào hển chạy tới thoát khỏi dòng lũ cuốn Carmagnole; sau khi hôn bé Lucie vừa được nhắc cao để ôm choàng cổ cha; và sau khi ôm chầm chị Pross trung thành và sốt sắng đang bế bé Lucie; Charles ôm Lucie trong vòng tay và dìu vợ lên nhà.

– Lucie! Em yêu! Anh đã an toàn.

– Ôi Charles thương yêu, hãy để em quỳ xuống tạ ơn Chúa như vẫn cầu nguyện lâu nay.

Họ thành tâm cúi đầu cầu nguyện. Khi Lucie đã trở lại vòng tay mình, Charles nói với nàng:

– Tất cả là nhờ cha em hết, em yêu. Khắp nước Pháp này không có ai làm được những gì cha em đã làm vì anh.

Nàng ngả đầu vào lòng cha, giống như ngày xưa, xưa lắm nàng đã ôm cha vào lòng mình. Bác sĩ Manette rất sung sướng được đáp đền những gì Lucie đã làm cho ông, bao đau khổ trước đây giờ được bù đắp, ông tự hào với sức mạnh của mình:

– Đừng yếu đuối thế, con à, - ông trách yêu, - đừng run rẩy thế. Cha đã cứu được Charles.

7. Tiếng gõ cửa

“Cha đã cứu được Charles.” Đó không phải là thêm một lần nữa nằm mơ như Charles thường mơ mình được tự do; anh thật sự đã về đây. Thế nhưng Lucie vẫn run rẩy trong nỗi sợ mơ hồ nhưng nặng nề.

Bầu không khí quanh họ âm u dày đặc, dân chúng say máu trả thù và bốc đồng khiến những kẻ vô tội liên tục mất mạng vì những nghi ngờ vu vơ và ác tâm hắc ám, Lucie làm sao quên được rằng bao nhiêu người vô tội như chồng nàng, cũng được bao người thân yêu thương như thế, mỗi ngày lại chịu chung số phận mong manh như Charles. Với ý nghĩ ấy lòng nàng làm sao vơi được nỗi lo sợ này. Bóng tối chiều đông đã bắt đầu buông, và ngay cả lúc này những cỗ xe kinh sợ vẫn đang lăn qua phố. Tâm trí nàng nghĩ đến những người ngồi trên các cỗ xe ấy, mừng rỡ tưởng chồng mình đang ở trong số những người bị kết tội ấy; nàng càng nép sát vào người chồng đang hiện diện và càng run rẩy hơn.

Cha nàng trong lúc khích lệ con gái đã thể hiện một uy lực đầy trắc ẩn mạnh mẽ hơn nhiều sự yếu đuối của Lucie - một hình ảnh thật tuyệt vời. Không còn nữa căn gác xép khu Saint Antoine, không còn nữa việc cặm cụi làm giày, không còn nữa buồng giam Một Trăm Lẻ Năm, Tháp Bắc! Ông đã hoàn thành nhiệm vụ tự đặt ra, giữ trọn lời hứa, cứu được Charles. Mọi người đều trông cậy vào ông.

Họ sống rất cần kiệm; không chỉ vì đó là lối sống an toàn nhất, ít gây khó chịu cho dân chúng chung quanh nhất, mà còn vì họ không giàu; và Charles trong suốt thời gian lao tù đã phải tốn rất nhiều tiền cho những bữa ăn tẻ nhạt, cho người canh gác, và cho các bạn tù nghèo khó hơn. Một phần vì điều này, một phần vì tránh nuôi mật thám trong nhà, họ không có gia nhân nào; họ chỉ thỉnh thoảng nhờ các nam nữ Công dân gác cổng ở sân ngoài giúp cho chút việc; Jerry (ông Lorry

hầu như đã giao hẳn anh ta cho gia đình Manette) trở thành hầu cận của họ hàng ngày và ngủ lại luôn ở đó hàng đêm.

Theo quy định của Nền Cộng Hòa Hợp Nhất Bất Khả Phân Ly của Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, hay là Chết, trên cửa hay trụ cửa của mọi ngôi nhà đều phải ghi tên của mọi người sống bên trong thật dễ đọc bằng cỡ chữ nhất định, ở khoảng cách thuận tiện nhất định tính từ dưới đất lên. Cho nên tên của Jerry Cruncher cũng được tô điểm đúng luật ở trụ cửa dưới nhà; và khi bóng chiều sụp tối, chủ nhân của cái tên đó xuất hiện, y vừa trông chừng người thợ sơn mà bác sĩ Manette đã thuê viết thêm vào danh sách ấy tên của Charles Evrémonde, tức Darnay.

Trong nỗi sợ hãi và ngờ vực bao trùm thời đại tăm tối ấy, mọi lối sống vô hại bình thường đều thay đổi. Ở gia đình ông bác sĩ, cũng như mọi nhà khác, những món tiêu dùng cần thiết hàng ngày đều được đi mua vào buổi tối, với số lượng ít ở nhiều tiệm khác nhau. Ai ai cũng muốn tránh gây chú ý, càng ít tạo cơ hội cho kẻ khác ganh tị và bàn tán càng tốt.

Suốt mấy tháng qua, chị Pross và Cruncher nhận trọng trách mua sắm; chị Pross mang tiền; Cruncher mang giỏ. Mỗi buổi chiều vào lúc đèn đường được thắp sáng, họ lại ra đi làm nhiệm vụ, và mang về nhà những hàng thiết yếu như thế. Chị Pross dù đã ở rất lâu trong một gia đình Pháp, lẽ ra chị cũng đã thạo tiếng Pháp như tiếng Anh nếu muốn học; nhưng chị chẳng hề có ý định đó cho nên rốt cuộc về thứ tiếng “ba láp” đó (như chị thường nói) chị cũng chẳng hơn gì Cruncher. Cho nên cách đi chợ của chị là quăng ngay vào đầu chủ tiệm một danh từ đồ vật, bất cần mạo từ đực, cái đứng trước, và nếu đó không phải là tên gọi món hàng cần mua, chị sẽ nhìn quanh tìm món đó, chớp lấy, và cầm giữ cho đến khi nào trả giá xong. Chị luôn mặc cả bằng cách giơ mấy ngón tay lên trả giá, bao giờ cũng ít hơn một ngón so với số ngón tay ra giá của chủ tiệm, bất kể giá bao nhiêu.

– Này ông Cruncher, - chị Pross nói, mắt đỏ hoe vì những giọt lệ mừng vui, - nếu ông đã sẵn sàng thì tôi cũng xong rồi.

Jerry khàn khàn tuyên bố xin hầu chị Pross. Y từ lâu đã hết sạch mùi gỉ sét ở mấy ngón tay, nhưng không gì có thể gọt cho bằng mái tóc dựng tua tủa của y.

– Cần phải mua đủ thứ, - chị Pross nói, - mà chúng ta có quá ít thời giờ. Lại phải mua cả rượu nữa. Mua rượu ở đâu cũng gặp toàn bọn Mũ Đỏ nâng cốc uống mừng.

– Với bà thì tôi nghĩ có uống mừng cái gì cũng vậy thôi, - Jerry cãi lại, - cho dù chúng nâng cốc chúc bà hay *nà* chúc *nào* già.

– Lão già nào? - Chị Pross hỏi.

– *Nà* quý Sa-tăng, - Cruncher ấp úng giải thích.

– A! - Chị Pross nói. - Nhưng với cái bọn kia thì không người giảng giải cũng hiểu. Chúng nó chỉ toàn là đen tối, giết người và phá hoại.

– Suyt, kìa chị! Ăn nói ý tứ chứ! - Lucie kêu lên.

– Vâng, vâng, vâng, tôi sẽ ý tứ, - chị Pross nói, - nhưng ta có thể nói riêng với nhau là tôi mong không còn thấy đám người sặc mùi hành với mùi thuốc lá đó ôm nhau khắp nơi ngoài phố nữa. Bây giờ, cô chủ cứng, phải ngồi bên lò sưởi không được cục cựa chờ tôi về! Hãy chăm lo cho chồng cô vừa mới trở về đây, và để yên cái đầu xinh đẹp trên cổ không được ngo ngoạy như bây giờ đây, chờ tôi về! Bác sĩ Manette, cho phép tôi hỏi một câu trước khi đi được không?

– Tôi nghĩ chị có thể hỏi tự do. - Bác sĩ vừa đáp vừa cười.

– Ôi trời, đừng có nói đến hai chữ tự do; chúng ta nghe đã chán rồi, - chị Pross nói.

– Suyt, kìa chị! Lại nữa! - Lucie trách.

– Được rồi, cứng, - chị Pross vừa nói vừa gật đầu nhấn mạnh, - nói tóm lại thì tôi là thần dân Anh quốc của Đức hoàng đế nhân từ George Đệ Tam, - chị nhún gối chào khi nói đến tên nhà vua, - và vì vậy, châm ngôn của tôi là “Đập tan mưu hại, chặn đứng kế gian, hy vọng của muôn dân, xin Chúa phù hộ Đức vua^{*}”.

Để tỏ lòng trung thành, Cruncher cũng găm giữ lặp lại những lời ấy theo chị Pross, cứ như đang ở trong nhà thờ.

- Tôi mừng là ông vẫn còn đầy máu Anh trong người, mặc dù tôi mong là ông đừng bị nhiễm lạnh tới mức khản tiếng như vậy, - chị Pross nói với vẻ hài lòng. - Nhưng câu hỏi là, thưa bác sĩ Manette, là... - con người tốt bụng này luôn có cách đề cập thân nhiên như không có gì với mọi chuyện mà ai cũng cho là rất nghiêm trọng, - ... là chúng ta có triển vọng nào đi khỏi nơi này chưa?

- Tôi e là chưa, vẫn còn nguy hiểm đối với Charles.

- Ái chà chà! - Chị Pross vui vẻ nén tiếng thở dài trong lúc liếc nhìn mái tóc vàng của cô chủ cứng bên ánh lửa lò sưởi. - Thế thì chúng ta phải chịu khó chờ đợi, thế thôi. Chúng ta phải ngẩng cao đầu cầm cự, như thằng em Solomon của tôi thường nói vậy. Đi thôi, ông Cruncher!... Còn cô chủ cứng, đừng có cục cựa đấy!

Hai người đi ra, còn lại Lucie, chồng nàng, cha nàng, và đứa bé, bên lò sưởi rực sáng. Cả nhà đang mong ông Lorry sẽ sớm ghé lại sau khi xong việc ở ngân hàng. Chị Pross đã thắp đèn lên nhưng đặt trong góc nhà để họ có thể tận hưởng ánh lửa lò sưởi không bị quấy rầy. Bé Lucie ngồi bên ông ngoại, hai bàn tay nhỏ ôm lấy cánh tay ông; còn bác sĩ Manette bằng giọng gần như thì thầm bắt đầu kể cho cháu nghe câu chuyện nàng tiên quyền năng tuyệt vời phá toang vách tường ngục thất để cứu thoát một tù nhân đã từng giúp đỡ mình. Bốn bề im ắng yên tĩnh, và Lucie cảm thấy an lòng hơn bao giờ hết.

- Cái gì thế? - Đột ngột nàng kêu lên.

- Con yêu! - Cha nàng nói, dừng câu chuyện kể và nắm tay Lucie, - Bình tĩnh nào. Sao con lại hốt hoảng thế! Ngay cả những điều nhỏ nhất nhất... điều chẳng đáng gì... cũng làm con giật mình được! Con, con gái của cha!

- Thưa cha, con nghĩ là... - Lucie mặt tái nhợt, giọng ấp úng bào chữa, - ... là con nghe tiếng chân lạ bước lên cầu thang.

- Con yêu, cầu thang im ắng như tờ.

Ông vừa nói xong thì có tiếng đập mạnh vào cửa.

– Ôi cha ơi, cha. Chuyện gì thế này! Hãy giấu Charles đi. Hãy cứu anh ấy!

– Con của ta, - bác sĩ vừa nói vừa đứng dậy, đặt tay lên vai Lucie, - cha đã cứu Charles rồi. Sao yếu đuối vậy, con yêu! Để ta ra mở cửa xem.

Ông cầm ngọn đèn trong tay, băng qua hai gian phòng ngoài ngăn cách, và mở cửa chính. Tiếng chân ầm ầm nện trên sàn nhà, và bốn kẻ lỗ mãng đội mũ đỏ, tay cầm kiếm và súng ngắn đi vào phòng trong.

– Công dân Evrémonde, tức Darnay, - người đầu tiên lên tiếng.

– Ai cần tìm? - Darnay đáp lại.

– Tôi cần tìm. Chúng tôi cần tìm. Tôi biết ông, Evrémonde; tôi đã gặp ông ở tòa án hôm nay. Ông bây giờ lại là tù nhân của Nền Cộng Hòa.

Bốn người lạ bao quanh nơi Charles đứng với vợ con đang bám chặt lấy anh.

– Hãy nói tại sao và làm sao tôi lại là tù nhân?

– Ông chỉ cần biết là ông phải trở lại ngục Conciergerie ngay, và ngày mai sẽ rõ. Ngày mai ông ra tòa xét xử lại.

Bác sĩ Manette chết lặng trước cuộc viếng thăm này, ông đứng như hóa đá với chiếc đèn cầm trên tay. Những lời vừa nghe được khiến ông bừng tỉnh, đặt chiếc đèn xuống và đối mặt với người nói, nhẹ nhàng nắm lấy vạt áo dạ đỏ của tên này:

– Ông nói ông biết người này. Thế ông có biết tôi không?

– Có, tôi biết ông, Công dân bác sĩ.

– Chúng tôi đều biết ông, Công dân bác sĩ, - ba người kia cũng nói.

Ông Manette như thất thần nhìn từ người này sang người khác, rồi sau một lúc im lặng, cất giọng hỏi khẽ:

– Thế thì các ông trả lời câu hỏi này cho tôi chứ? Sao lại có chuyện này?

– Công dân bác sĩ, - người thứ nhất miễn cưỡng nói, - người này đã bị khu vực Saint Antoine tố cáo. Công dân này là người ở Saint Antoine, - hấn chỉ vào người thứ hai trong bọn.

Kẻ được chỉ gậy đầu nói thêm:

– Ông ta bị Saint Antoine buộc tội.

– Vì tội gì? - Bác sĩ hỏi.

– Công dân bác sĩ, - người thứ nhất nói, vẫn là giọng miễn cưỡng đó, - xin đừng hỏi nữa. Nếu Nền Cộng Hòa đòi hỏi ông phải hy sinh thì chắc chắn ông sẽ vui lòng hy sinh, nếu ông là Công dân tốt. Nền Cộng Hòa là trên hết. Nhân Dân là tối cao. Evrémonde, đi ngay thôi.

– Một lời thôi, - bác sĩ nài ni. - Xin cho tôi biết ai tố cáo người này?

– Nói là phạm luật, - người thứ nhất đáp, - nhưng ông có thể hỏi người ở khu Saint Antoine đây.

Bác sĩ quay sang nhìn người ấy. Gã ta bồn chồn đứng không yên, tay vân vê bộ râu một hồi rồi mới nói:

– Chà! Đúng là phạm luật đó. Nhưng người này bị tố cáo... và buộc tội nặng... bởi nam và nữ Công dân Defarge. Và bởi một người khác.

– Là ai?

– Ông còn hỏi nữa sao, Công dân bác sĩ?

– Phải.

– Thế thì ngày mai ông sẽ có câu trả lời, - gã ở khu Saint Antoine nói với vẻ mặt kỳ lạ. - Còn bây giờ tôi không nói gì nữa!

8. Ván bài

Vui vẻ nào hay tai ương mới xảy ra ở nhà, chị Pross len lỏi qua những con đường hẹp và theo cầu Pont-Neuf băng qua sông, trong đầu tính toán những món hàng thiết yếu cần mua. Cruncher cầm giỏ đi cạnh chị. Hai người cứ hết nhìn bên trái lại nhìn bên phải lướt qua các cửa tiệm, ánh mắt cảnh giác mọi đám đông tụ tập, và tránh né bất kỳ nhóm người nào đang nói năng kích động. Tối ấy rét buốt và dòng sông mờ sương, những ánh đèn sáng lóa mắt và những âm thanh inh tai cho biết vị trí của những chiếc sà lan đã biến thành công xưởng nơi những người thợ đang làm súng cho quân đội của nước Cộng hòa. Khốn khổ cho ai dám giễu cợt với đội quân đó, hay giá trị không xứng đáng với cấp bậc trong đó! Người ấy tốt nhất đừng nên để râu bởi vì Lưỡi Dao Cạo Quốc Gia sẽ cạo đứt cổ.

Mua được vài thức ăn lặt vặt và một ít dầu thắp đèn, chị Pross chợt nhớ cần mua rượu. Sau khi nhìn vào vài tiệm bán rượu, chị dừng trước biển hiệu “Người Cộng hòa tốt Brutus de l’Antiquité” không xa Lâu Đài Quốc Gia - trước kia là điện Tuileries - nơi trông có vẻ hợp ý chị. Tiệm này ít ồn ào hơn các tiệm cùng loại mà họ đã đi ngang, và mặc dù có những chiếc mũ đỏ ái quốc nhưng không đỏ rực như các nơi khác. Hỏi ý Cruncher và thấy y đồng tình, chị Pross và chàng hiệp sĩ của chị đi vào tiệm Brutus de l’Antiquité.

Hai người xứ lạ này cứ tới thẳng quầy ra hiệu muốn mua thứ mình cần; không để tâm tới ánh sáng tù mù; tới những người mồm ngậm tẩu đang chơi những lá bài èo uột và những quân cờ domino vàng ố; tới một tay thợ phơi trần nửa người, nhọ nhem bồ hóng đang đọc to một tờ báo, những kẻ khác đang lắng nghe; tới những vũ khí đeo trên người hay đặt một bên chờ chực; tới hai hay ba khách hàng mặc kiểu

áo khoác ngắn màu đen vai cao phổ biến đương thời đang ngủ gục trên bàn như những con gấu hay con chó.

Trong lúc hai người chờ đông rượu, một khách hàng trong góc chia tay với bạn và đứng dậy đi ra và đối mặt với chị Pross. Vừa thấy hẳn là chị Pross đã vỗ tay hét lên.

Lập tức mọi người trong quán đều đứng bật dậy. Ai cũng tưởng là có ai giết ai vì bất đồng quan điểm như thường thấy. Người nào cũng nhìn xem có ai gục ngã nhưng chỉ thấy một gã đàn ông và một chị đàn bà đứng nhìn nhau trân trối; gã này bề ngoài hoàn toàn là một người Pháp còn chị kia rõ ràng là người Anh.

Sự cụt hứng đầy thất vọng khiến mọi đệ tử lưu linh trong tửu quán Brutus de l'Antiquité to tiếng bàn cãi huyên thuyên, nhưng dẫu chị Pross và người bảo vệ chị có lắng nghe thì cũng như vịt nghe sấm, chẳng hiểu gì cả. Nhưng trong nỗi kinh ngạc, hai người có nghe được gì đâu. Bởi vì phải nói là, không chỉ có chị Pross sửng sốt và xúc động mà cả Cruncher cũng hết sức ngạc nhiên - vì những lý do cá nhân riêng tư của y.

- Chuyện gì thế? - Người đã khiến chị Pross hét lên hạ giọng nói khê bằng tiếng Anh hấp tấp, bức tức.

- Ôi Solomon, em Solomon ơi! - Chị Pross vừa kêu la vừa vỗ tay. - Bao nhiêu năm chị bật tắt bật tích em, giờ lại thấy em ở đây!

- Đừng có gọi tôi là Solomon. Chị muốn tôi chết sao chứ? - Gã đàn ông nói, vẻ lén lút và sợ hãi.

- Em ơi, em ơi! - Chị Pross òa khóc. - Chị có xử tệ với em bao giờ đâu mà em hỏi chị một câu tàn nhẫn thế?

- Vậy thì chị đừng có múa lười nữa, - Solomon nói. - Ra ngoài đi nếu chị muốn nói chuyện với tôi. Trả tiền rượu của chị đi, rồi ra ngoài. Ông này là ai?

Chị Pross lắc đầu chán nản trước người em trai trở trở với tình chị em, và nói qua hàng lệ:

- Ông Cruncher.

– Nói ông ta đi ra ngoài luôn, - Solomon đáp. - Ông ta tưởng tôi là ma hay sao?

Cứ nhìn vẻ mặt Cruncher thì quả như vậy. Nhưng Cruncher không nói một lời và chị Pross, cố ngăn dòng lệ, lục tìm trong đáy túi loay hoay trả tiền rượu. Trong lúc đó, Solomon quay sang những người khách trong quán Brutus de l'Antiquité, và đưa ra vài lời giải thích bằng tiếng Pháp khiến tất cả trở về vị trí cũ và những quan tâm cũ.

– Rồi, - Solomon lên tiếng khi dừng ở một góc đường tối, - giờ chị muốn gì?

– Chị thương em mà em lại nỡ đối xử tệ bạc ghê gớm với chị vậy sao! - Chị Pross khóc. - Không thêm chào hỏi, không chút tình cảm.

– Đó. Thật chết tiệt! Đó, - Solomon vừa nói vừa cọ môi thật nhanh vào môi chị Pross. - Giờ chị bằng lòng chưa?

Chị Pross chỉ lắc đầu khóc lặng lẽ.

– Nếu chị tưởng là tôi ngạc nhiên thì tôi không ngạc nhiên đâu, - gã em trai nói. - Tôi biết chị ở đây; tôi biết hầu hết mọi người đang ở đây. Nếu chị thật tình không muốn tính mạng tôi lâm nguy, mà không chừng chị cũng muốn thế, thì đường tôi tôi đi, đường chị chị đi, càng sớm càng tốt. Tôi đang bận. Tôi giờ là viên chức rồi.

– Thăng em Solomon người Anh của tôi, - chị Pross vừa than khóc vừa ngược đôi mắt ướm lệ lên trời, - người có tư chất lễ ra phải thành ông này ông kia ở xứ sở quê hương, giờ lại làm viên chức cho người ngoại quốc, và lại là bọn ngoại quốc thế này cơ chứ! Thà là chị thấy thăng em yêu thương nằm chết trong...

– Thấy chưa! - Người em kêu to, ngắt lời. - Tôi biết mà. Chị chỉ muốn tôi chết đi thôi. Chị ruột của tôi lại khiến tôi thành kẻ bị tình nghi. Đúng ngay lúc tôi đang thăng tiến!

– Trời đất thánh thần ơi! - Chị Pross kêu lên. - Thà chị không bao giờ gặp lại em còn hơn, Solomon ơi, dù chị lúc nào cũng thương em và mãi thương em. Chỉ cần em nói một lời tình cảm với chị thôi, và

nói là không có gì tức giận, lạnh nhạt giữa hai chị em mình, rồi chị sẽ không ngăn cản em nữa.

Chị Pross tội nghiệp! Làm như chuyện lạnh nhạt giữa hai chị em là do lỗi của chị vậy. Làm như ông Lorry đã không biết sự thật, từ nhiều năm trước, trong góc nhà yên tĩnh ở Soho là thằng em quý báu này đã tiêu hết tiền của chị rồi bỏ đi biệt!

Solomon đang nói mấy câu tình cảm, nhưng với giọng dấm dăng ra vẻ chiếu cố và bề trên, cứ như giá trị và vị trí tương quan giữa hai chị em đã đảo ngược (chuyện thường thấy ở đời này), thì Cruncher vỗ vai gã ta, cất giọng khàn khàn chen vào một câu hỏi bất ngờ:

– Này! *Nằm* ơn cho tôi hỏi? Tên ông *nà* John Solomon, hay Solomon John?

Gã kia quay lại nhìn Cruncher với vẻ đột nhiên ngỡ vực. Nãy giờ Cruncher chưa thốt lên lời nào.

– Này! Nói rõ đi nào, - Cruncher nói tiếp. Với cái giọng khàn đặc này thì chính Cruncher cũng chẳng nói rõ ràng được. – Ông *nà* John Solomon, hay Solomon John? Bà này gọi ông *nà* Solomon, thì chắc bà ấy phải biết, bà ấy *nà* chị ông mà. Còn tôi biết ông *nà* John đó. Cái nào *nà* họ, cái nào *nà* tên? Còn cái họ Pross nữa chứ. Đó đâu phải họ của ông ở bên Anh.

– Ý ông là sao?

– À, tôi cũng không biết chính xác nữa, vì tôi không nhớ ra cái họ của ông hồi còn ở bên kia.

– Không à?

– Không. Nhưng tôi thề đó *nà* một cái họ có hai âm tiết.

– Thật sao?

– Thật. Còn cái tên chỉ có một âm tiết thôi. Tôi biết ông. Ông hồi đó *nà* mật thám... *nà* người *nằm* chứng ở Tòa Bailey. Quý sứ nhà ông hồi đó ông mang họ gì, nói đi?

– Barsad, - một giọng nói khác chen vào.

– Đúng rồi! Tôi dám cá một ngàn bảng! - Jerry la lên.

Người vừa lên tiếng chính là Sydney Carton. Chàng đang đứng cạnh Cruncher, hai tay giấu sau lưng dưới vạt áo choàng lữ hành, vẻ thản nhiên như lúc đứng ở ngay Tòa Đại hình Old Bailey.

– Đừng hốt hoảng, chị Pross yêu quý. Tôi đã đến chỗ ông Lorry tối hôm qua, trước sự bất ngờ của ông ấy; chúng tôi đã đồng ý với nhau là tôi không cho ai khác biết sự hiện diện của tôi, trừ phi cần đến tôi; tôi có mặt ở đây xin được nói chuyện một chút với em hai chị. Tôi mong là chị có người em với công việc tốt hơn ông Barsad trước đây, và vì chị mà tôi cũng mong ông Barsad không phải cừ của nhà tù.

“Cừ” là tiếng lóng của giới cai ngục thời ấy để chỉ mật thám. Tên mật thám kia, mặt đã tái càng tái hơn, hỏi Carton sao dám...

– Tôi sẽ cho ông biết, - Sydney nói. - Ông Barsad, tôi đã thấy ông từ trong ngục Conciergerie đi ra trong lúc tôi đang nhìn mấy bức tường đó hơn một giờ trước. Ông có gương mặt dễ nhớ và tôi là người giỏi nhớ gương mặt. Tò mò vì thấy ông ở nơi đó, và chẳng lạ gì ông, tôi có lý do để liên hệ giữa ông với tai họa của người bạn hiện đang rất bất hạnh của tôi, nên tôi đi theo ông. Tôi đã theo sát ông đi thẳng vào tửu quán này, ngồi cạnh bên ông. Qua những lời bông tuông của ông và lời đồn đại công khai của những người ngưỡng mộ ông ở đó, tôi chẳng mấy khó khăn cũng suy ra được tính chất công việc của ông. Và từ từ việc tôi bốc đồng đi theo ông rồi cũng có mục đích cụ thể, ông Barsad.

– Mục đích gì? - Tên mật thám hỏi.

– Sẽ rầy rà và có thể nguy hiểm, nếu giải thích ở ngoài đường. Xin ông làm ơn cho nói chuyện riêng vài phút... ở văn phòng Ngân hàng Tellson, chẳng hạn?

– Hăm dọa à?

–Ồ! Tôi có nói gì đâu?

– Vậy thì tại sao tôi phải tới đó?

– Thật sự là, ông Barsad, tôi không thể nói lý do nếu ông không tới đó được.

– Ý ông là ông sẽ không chịu nói, phải không? - Tên mật thám lưỡng lự.

– Ông hiểu tôi rất rõ, ông Barsad. Tôi không nói đâu.

Thái độ phớt tỉnh bất cần của Carton trợ giúp rất nhiều cho sự nhanh trí và khéo léo của anh với mưu tính đã có trong đầu và với kẻ anh cần đối phó. Con mắt kinh nghiệm của anh nhận ra điều đó và anh tận dụng tối đa.

– Này, tôi đã nói với chị rồi, - tên mật thám hướng ánh mắt trách móc về phía người chị, - nếu chuyện này có gì rắc rối là lỗi do chị hết.

– Thôi, thôi, ông Barsad! - Sydney kêu lên. - Đừng có vô ơn chứ. Nếu không vì hết lòng kính trọng chị của ông, thì chắc tôi đã thoải mái đưa ra cái đề nghị nho nhỏ mà tôi muốn hai bên đều thỏa mãn. Ông có đi với tôi tới ngân hàng không?

– Tôi sẽ nghe những gì ông cần nói. Được, tôi đi với ông.

– Tôi đề nghị là trước tiên chúng ta đưa chị ông an toàn về góc phố nhà chị ấy. Để tôi khoác tay chị, chị Pross. Thành phố này không yên ổn, và giờ này, để chị đi ngoài đường không ai bảo vệ; còn người đi cùng chị có biết ông Barsad nên tôi mời ông ấy cùng chúng tôi tới chỗ ông Lorry, sẵn sàng chưa nào? Đi thôi!

Sau đó chị Pross liền nhớ lại và nhớ mãi suốt đời rằng, lúc chị nắm cánh tay Sydney và ngược nhìn mặt anh, khẩn nài anh đừng hại Solomon, điều chị cảm nhận là sức mạnh quả quyết trong cánh tay và ánh nhiệt thành trong đôi mắt, điều không những trái ngược với phong thái khinh bạc thường ngày của anh mà còn tăng thêm phần đáng nể phục. Nhưng lúc đó chị Pross quá lo lắng cho đứa em trai không xứng đáng với tình thương của chị, cộng với những lời trấn an thân tình của Sydney, nên chị không quan tâm nhiều đến cảm nhận đó.

Họ để chị Pross ở góc phố nhà chị rồi Carton dẫn đường đến chỗ ông Lorry, cách đó mấy phút đi bộ. John Barsad, hay Solomon Pross,

đi bên cạnh anh.

Ông Lorry vừa dùng xong bữa tối và đang ngồi trước một lò sưởi nhỏ tí tách reo - có lẽ đang thấy trong ánh lửa ấy hình ảnh chính mình nhiều năm trước: một ông quý phái của hãng Tellson đang nhìn những hòn than hồng trong lò sưởi Khách sạn Royal George ở Dover. Nghe tiếng chân bước vào, ông quay lại và ngạc nhiên khi thấy có kẻ lạ mặt.

– Em trai của chị Pross, thưa ông, - Sydney nói. - Ông Barsad.

– Barsad? - Ông già quý phái lặp lại, - Barsad? Tôi có nhớ cái tên ấy... và nhớ mặt.

– Tôi đã bảo là ông có gương mặt dễ nhớ mà, ông Barsad, - Carton thản nhiên nói. - Xin mời ngồi.

Anh cũng ngồi xuống và gợi nhớ thêm cho ông Lorry bằng một lời nói kèm cái nhướn mày:

– Nhân chứng ở phiên tòa năm xưa.

Ông Lorry nhớ ra ngay và nhìn vị khách mới đến với vẻ ghê tởm không che giấu. Sydney nói tiếp:

– Chị Pross đã nhận ra ông Barsad là người em trai yêu quý của chị ấy mà ông từng nghe nói tới, và đã ông ta xác nhận quan hệ này. Giờ là tin tệ hại hơn. Darnay đã bị bắt lại.

Rụng rời, ông già kêu lên:

– Sao lại thế được! Chỉ mới hai tiếng đồng hồ trước khi tôi tạm biệt thì Darnay còn an toàn và tự do mà, tôi định trở lại gặp anh ấy!

– Chẳng nào cũng bị bắt lại rồi. Bắt lúc nào, ông Barsad?

– Ngay lúc này, nếu như chưa bắt.

– Ông Barsad là người biết rõ nhất, - Sydney nói, - tôi đã nghe ông Barsad nói với một bạn “cừu” khác trong quán rượu là đã đi bắt Darnay. Barsad đã đi cùng toán áp giải đến tận cổng nhà Darnay và đã thấy họ đi vào trong. Việc anh ấy bị bắt lại là hoàn toàn chắc chắn.

Qua nét mặt Sydney, con mắt tinh tường của ông Lorry hiểu ngay là đừng mất thời giờ hồ nghi nữa. Dù hoang mang nhưng vẫn hiểu là cần

phải giữ tinh thần sáng suốt, ông trấn tĩnh lại và chăm chú lắng nghe. Sydney nói tiếp:

– Lúc này, tôi tin rằng tên tuổi và uy thế của bác sĩ Manette có thể rất có ích cho Darnay trong ngày mai... Ông Barsad, ông nói là ngày mai Darnay sẽ bị xét xử lại phải không?

– Phải, tôi tin là thế.

– ...Có thể rất có ích cho Darnay trong ngày mai cũng như là hôm nay. Nhưng chưa chắc. Ông Lorry, thú thật là tôi cũng sửng sốt vì bác sĩ Manette đã không có khả năng ngăn chặn chuyện bắt giữ này.

– Có lẽ ông ấy không biết trước, - ông Lorry nói.

– Nhưng tình hình này thật đáng báo động khi ta biết ông ấy đã gần bó với người con rể đến chừng nào.

– Đúng vậy, - ông Lorry thừa nhận, bàn tay bắn khoản mân mê cầm, đôi mắt bắn khoản nhìn Carton.

– Tóm lại, - Sydney nói, - đây là thời tuyệt vọng thì phải chơi những canh bạc tuyệt vọng với những món đặt cược tuyệt vọng. Cứ để ông bác sĩ chơi ván bài thắng, còn tôi sẽ chơi ván bài thua. Chẳng còn sinh mạng nào ở đây đáng giá nữa. Bất kỳ ai được dân chúng công kênh về nhà hôm nay có thể bị kết án ngày mai. Bây giờ món đặt cược mà tôi quyết thắng, trong trường hợp tồi tệ nhất, là một người bạn trong ngục Conciergerie. Và người bạn tôi muốn thắng chính là ông Barsad.

– Ông cần những lá bài tốt, thưa ông, - tên mật thám nói.

– Để tôi xem mình có những lá bài gì... Ông Lorry, ông biết tôi là kẻ thô lỗ thế nào; tôi ước gì ông cho tôi chút rượu mạnh.

Rượu được mang ra và anh uống cạn một ly đầy - thêm một ly đầy nữa - rồi trầm ngâm đẩy chai rượu qua một bên.

– Ông Barsad, - anh nói tiếp bằng giọng điệu cứ như một kẻ đang xem những lá bài trên tay - cừu của các nhà tù, phái viên của các ủy ban Cộng hòa, lúc là cai ngục, lúc là tù nhân, luôn là mật thám và chỉ

điểm, càng có giá trị hơn nhờ là người Anh bởi vì người Anh thường ít bị nghi ngờ là kẻ dễ bị mua chuộc hơn người Pháp, ông đại diện cho người tuyển mộ ông dưới một cái tên giả. Đó là lá bài rất tốt. Ông Barsad, hiện làm việc cho chính phủ Pháp quốc Cộng hòa, trước kia làm việc cho chính phủ Anh quốc quý tộc, kẻ thù của nước Pháp và tự do. Đó là một lá bài tuyệt hảo. Trong thời đại nghi ngờ như ở xứ này thì dễ suy luận là ông Barsad vẫn còn ăn lương của chính phủ Anh quốc quý tộc, làm gián điệp cho Pitt* , kẻ thù phản nghịch của nước Cộng hòa đang mai phục giữa lòng nước Pháp, tên điệp viên và phản bội người Anh nguy hiểm thường được nói tới nhưng khó phát hiện. Đó là lá bài ăn đứt tất cả. Ông đã thấy các lá bài của tôi chưa, ông Barsad?

- Chưa hiểu cách chơi của ông, - tên mật thám đáp, có phần bứt rứt.
- Tôi sẽ chơi con ách là tố giác ông Barsad với ủy ban Khu vực gần nhất. Xem lại cây bài của ông đi, ông Barsad, thử xem ông có gì. Đừng hấp tấp.

Anh kéo chai rượu lại gần, rót đầy một ly nữa và uống cạn. Anh thấy tên mật thám sợ anh sẽ uống say và muốn tố giác gã ngay. Anh rót rượu uống một ly đầy nữa.

- Hãy xem cây bài của ông cho kĩ, ông Barsad. Cứ thông thả.

Cây bài yếu hơn gã tưởng. Barsad nhìn thấy những lá bài thua mà Sydney Carton không hề biết. Bị tổng khứ khỏi công việc danh giá ở Anh sau quá nhiều lần làm chứng gian không thành công - không phải vì ở đó không cần hăn nữa; nước Anh thời đó cũng như bây giờ đều khoác lác về tính ưu việt của mình trong chuyện mưu đồ và mật thám - gã biết rằng gã đã tự ý vượt biển Manche nhận việc bên Pháp; ban đầu hăn như chuyện và nghe trộm những kiêu bào ở đó, rồi dần dần như chuyện và nghe trộm cả những người bản xứ. Gã biết rằng dưới chính thể đã bị lật đổ, gã từng làm mật thám ở khu vực Saint Antoine và tửu quán của Defarge; đã từng được cảnh sát thánh mũi cung cấp thông tin

về việc bác sĩ Manette bị giam cầm, phóng thích, cũng như lai lịch của ông. Gã đã dùng các thông tin ấy để bắt chuyện làm quen với vợ chồng Defarge và thử khai thác mục Defarge nhưng thất bại nặng nề. Gã luôn run sợ nhớ lại trong lúc gã bắt chuyện, người đàn bà kinh khủng ấy đã nhìn hằm một cách đáng sợ mà các ngón tay vẫn thoăn thoắt đan len. Kể từ đó gã đã nhiều lần gặp mục ta ở khu Saint Antoine, lúc nào cũng chìa ra bản danh sách đan trong tấm len và tố giác nhiều người, những nạn nhân chắc chắn sau đó sẽ nộp mạng cho máy chém. Gã biết, cũng như bao nhiêu kẻ được tuyển mộ làm công việc như gã, là tính mạng bản thân sẽ không bao giờ an toàn; không thể nào đào tẩu; luôn nằm dưới bóng tử thần; và bất kể việc gã đã đổi phe phản chủ để phục vụ cho nỗi kinh hoàng đang ngự trị này, chỉ một lời thôi cũng đủ khiến gã lâm nguy. Một khi bị tố giác, với những tội nghiêm trọng như gã vừa kiểm lại trong đầu, gã thấy trước người đàn bà dễ sợ có cá tính tàn bạo mà gã đã nhiều lần chứng kiến, chắc chắn sẽ đưa bản danh sách chết người ấy ra buộc tội và đập tắt cơ hội sống sót cuối cùng của gã. Hơn nữa, mọi kẻ sống đời bí mật đều dễ hốt hoảng, mà những lá bài trong tay gã thừa đen đủi để chứng minh cho vẻ mặt càng lúc càng tím tái vì tức tối.

– Có vẻ như ông không thích cây bài của mình, - Sydney nói hết sức điềm tĩnh. - Ông có chơi không?

– Tôi nghĩ là, thưa ông, - tên mật thám khúm núm hèn hạ quay sang ông Lorry, - tôi xin khẩn cầu quý ngài cao niên và độ lượng này nói giúp với quý ông kia, người nhỏ tuổi hơn ông nhiều, xin đừng hạ thấp địa vị của mình bằng cách chơi con chủ bài ông ấy đã nói. Tôi thú nhận tôi là mật thám, và đây là nghề được coi là mất phẩm giá... dù rằng cũng phải có ai đó làm công việc này; nhưng quý ông này nào phải mật thám, việc gì ông ấy lại làm mất phẩm giá của mình như bọn mật thám vậy?

– Tôi chơi con ách của mình, ông Barsad, - Carton nói luôn không chờ ông Lorry trả lời, và nhìn đồng hồ, - không hề đắn đo, trong vài

phút nữa thôi.

– Thừa cả hai ông, - tên mật thám luôn cố kéo ông Lorry vào câu chuyện, - tôi cứ hy vọng là vì hai ông tôn trọng chị tôi...

– Cách tốt nhất để tôi tỏ lòng tôn trọng chị ông là tôi rút cuộc sẽ giúp cho bà ấy rảnh nợ với người em trai, - Sydney Carton nói.

– Không có cách khác sao, thưa ông?

– Tôi đã nhất quyết rồi.

Tương phản lạ lùng với trang phục rách rưới bề ngoài, và có lẽ với cách cư xử bình thường của gã, thái độ hòa nhã của tên mật thám đã mất tác dụng trước thái độ khó hiểu của Carton - người vốn là một bí ẩn đối với những kẻ thông minh và lương thiện hơn cả Barsad. Trong lúc gã còn đang hoang mang, Carton nói tiếp với giọng điệu của người cân nhắc lá bài:

– Và quả thật, bây giờ nghĩ lại tôi thấy rõ là mình còn lá bài khác tốt hơn nữa mà chưa kể đến. Anh bạn gì đó... người tự xưng là cừu ăn cỏ trong nhà tù nước này; ai thế nhỉ?

– Người Pháp. Ông không biết người đó đâu, - tên mật thám nhanh nhẩu nói.

– Người Pháp à? - Carton lặp lại, vẻ đăm chiêu, dường như anh không để ý gì đến Barsad mà đang nói cho chính mình nghe. - À, có thể là hẳn.

– Chính hẳn, tôi bảo đảm với ông, - tên mật thám nói, - dù chuyện này không quan trọng.

– Dù chuyện này không quan trọng, - Carton lặp lại một cách máy móc như trước, -... dù chuyện này không quan trọng... Không, không quan trọng. Không. Nhưng mình nhớ gương mặt đó.

– Tôi nghĩ là không. Tôi chắc chắn là không. Không thể nào, - tên mật thám nói.

– Không... thế... nào, - Sydney Carton lăm lăm như đang hồi tưởng, tay mân mê ly rượu (may thay là chiếc ly nhỏ). - Không... thế... nào.

Nói giỏi tiếng Pháp. Nhưng vẫn giọng ngoại quốc, hình như vậy?

– Giọng tỉnh lẻ, - tên mật thám nói.

– Không. Ngoại quốc! - Carton vừa kêu lên vừa đập bàn khi sức nhớ ra. - Cly! Hóa trang, nhưng cũng là một người. Chúng ta đã gặp hắn đứng trước mặt ở Tòa Old Bailey.

– Đây, ông kết luận vội vàng rồi, thưa ông, - Barsad nói với một nụ cười khiến chiếc mũi khoằm của gã như vẹo sang một bên, - việc này thì ông đã nhường lợi thế cho tôi. Cly, người mà tôi thừa nhận không cần e ngại rằng ngày xưa hắn là bạn tôi; nhưng hắn đã chết nhiều năm rồi. Tôi đã chăm sóc hắn lúc đau ốm qua đời. Hắn được chôn cất ở London trong nghĩa trang nhà thờ Saint Pancras. Lúc đó đám đông tiện dân oán ghét hắn quá nên tôi không đi đưa đám tang hắn được, nhưng chính tôi đã phụ một tay đặt hắn vào quan tài.

Ngay lúc đó, từ chỗ đang ngồi ông Lorry bỗng nhận ra cái bóng của một con yêu tinh nổi bật trên tường. Dò tìm xem cái bóng ấy phát xuất từ đâu, ông nhận ra cái bóng đang dựng đứng lên lạ thường ấy chính là cái đầu của Cruncher đang dựng tóc lên tua tủa.

– Chúng ta hãy biết suy xét và phải công bằng, - tên mật thám nói. - Để chứng minh là ông đã sai lầm và giả định của ông là không có cơ sở, tôi sẽ đưa ông xem giấy chứng nhận mai táng của Cly mà tôi tình cờ có trong sổ tay bấy lâu nay, - bàn tay gã hấp tấp lôi sổ tay mở ra. - Đây này. À, hãy xem đi, xem đi! Ông có thể cầm lên mà xem; không phải giả mạo đâu.

Tới lúc này ông Lorry lại thấy cái bóng trên tường kéo dài ra, và Cruncher đứng dậy bước tới. Mái tóc y giờ chĩa ngược như bàn chông, từng sợi tóc cứng đánh dữ dội như thịnh nộ muốn bắn ra khỏi đầu.

Tên mật thám không nhìn thấy Cruncher đã đứng cạnh bên. Như một viên chấp pháp ma quái, Cruncher chộp lấy vai Barsad và nói:

– Hóa ra cái tên Roger Cly đó. Ngày cậu, chính *cậu* đặt hắn vào quan tài sao?

– Tôi chứ ai.

– Vậy ai *nôi* hăn ra khỏi quan tài?
– Ý ông là sao? - Barsad ngả lưng ra ghế, ập úng.
– Ý tôi *nà*, - Cruncher nói, - *nà* hăn ta không hề nằm trong quan tài. Không! Không hề có! Hăn mà nằm trong đó thì chặt đầu tôi đi.

Tên mật thám đảo mắt nhìn hai người quý phái kia, cả hai cũng đang nhìn Jerry ngạc nhiên không nói nên lời. Jerry nói tiếp:

– Tôi nói cho cậu biết trong quan tài đó cậu bỏ toàn *nà* đất đá đem chôn. Đừng có nói với tôi *nà* cậu đã chôn thẳng Cly. Đó *nà* trò *nửa* đảo. Tôi và hai người *nữ* đã biết từ *nâu*.

– Làm sao ông biết?

– Việc đó không *niên* quan. - Cruncher găm gừ. - *Nay* Chúa! Chính mày *nà* mỗi hận xưa của tao, vì dám giở trò *nửa* gạt nhục nhả với người *nằm* ăn *nương* thiện! Tao mà được bóp cổ cho mày chết thì có mất nửa đồng *Guinea* tao cũng bóp ngay.

Sydney Carton và ông Lorry đều sững sốt trước tình thế xoay chuyển này. Nghe tới đây, cả hai đều yêu cầu Cruncher bình tĩnh lại và giải thích rõ.

– *Núc* khác, thưa ông, - y đáp lại, vẻ tránh né, - *núc* này không tiện giải thích. Còn tôi dám nói rằng tên này thừa biết thẳng Cly không hề nằm trong quan tài đó. Nó mà dám nói thế *nần* *nữ* thì chỉ nghe một tiếng thôi *nà* tôi chịu mất nửa *guinea* để được bóp cổ nó chết tươi *niền*, - Cruncher vẫn tiếp tục đề nghị hào phóng đó, - hoặc tôi sẽ ra ngoài tố cáo nó.

– Hừm! Tôi thấy thêm cơ hội, - Carton nói. - Tôi có thêm lá bài *nữ*, ông Barsad. Ở Paris điên cuồng này, ai cũng nghi ngờ ai, thì ông không thể nào thoát được chuyện tố giác, trong khi ông đang liên lạc với một tên mật thám quý tộc khác có cùng lai lịch như ông, hăn lại có thêm chuyện bí mật giả chết rồi sống lại *nữ*! Một âm mưu trong nhà tù, của bọn ngoại quốc muốn chống lại nước Cộng hòa. Lá bài chắc thẳng... lá bài La Guillotine! Ông chơi không?

– Không! - Tên mật thám đáp. - Tôi chịu thua. Tôi thú nhận là đám đông tàn bạo kia căm ghét cả hai đứa chúng tôi nên tôi chỉ còn cách liều bị chìm chết mà thoát khỏi nước Anh, còn Cly bị săn lùng khắp nơi nên nếu không giả chết như thế thì không trốn thoát được. Còn làm sao người này biết được chuyện giả chết đó thì tôi hoàn toàn không biết.

– Các ông đừng có mất công với thằng này nữa, - Cruncher hay sinh sự cãi lại. - Các ông khỏi mất thời giờ để ý tới nó. Nhìn đây! Một *năn* nữa thôi! - Cruncher không sao nín được đề nghị đánh đổi khoe khoang của mình, - Tao chịu mất nửa *guinea* để được bóp cổ mày chết tươi *niền*.

Con cừu của nhà tù hết nhìn Cruncher lại nhìn sang Sydney Carton, rồi nói với giọng quả quyết hơn:

– Đã tới lúc nói thẳng ra hết đi. Sắp tới giờ trực của tôi rồi và tôi không thể nán lại quá lâu. Ông nói ông có đề nghị; đề nghị gì? Đây, có đòi hỏi tôi quá đáng cũng chẳng có ích gì. Bắt tôi phải làm bất cứ chuyện gì trong cương vị của mình mà khiến tôi có nguy cơ mất đầu thì tôi thà liều mạng từ chối còn hơn là bằng lòng. Tóm lại, quyền lựa chọn là của tôi. Ông đã nói tới chuyện tuyệt vọng. Tất cả chúng ta ở đây đều tuyệt vọng hết. Nhớ đấy! Tôi cũng có thể tố giác ông nếu tôi thấy cần, và tôi cũng biết thề gian nói láo giỏi như ai. Bây giờ ông muốn gì ở tôi?

– Không nhiều. Ông là cai ngục ở Conciergerie phải không?

– Tôi nói dứt khoát với ông, không có khả năng trốn thoát ở đó đâu, - tên gián điệp quả quyết.

– Sao ông lại nói điều tôi không hề hỏi? Ông là cai ngục ở Conciergerie phải không?

– Có lúc làm việc đó.

– Khi ông cần thì ông làm việc đó được không?

– Tôi có thể ra vào khi nào tôi muốn.

Sydney Carton rót một ly rượu mạnh nữa rồi đổ từ từ xuống nền lò sưởi, và nhìn dòng rượu chảy giọt cho đến lúc cạn rồi vừa đứng dậy vừa nói:

– Nãy giờ chúng ta nói chuyện trước mặt hai người này vì họ cũng cần biết giá trị của những lá bài này không chỉ là giữa ông và tôi. Hãy vào trong phòng tối kia và chúng ta có một lời cuối riêng với nhau.

9. Đặt cược

Trong lúc Sydney Carton và con cừu của nhà ngục ở trong phòng tối bên cạnh, nói chuyện nhỏ tới mức không nghe được tiếng nào, ông Lorry nhìn Jerry với vẻ e ngại và ngờ vực. Cách anh chàng “*nằm ăn nương thiện*” kia phản ứng trước ánh mắt của ông càng tăng thêm nghi hoặc; Jerry đứng nhấp nhồm không yên cứ như y có tới năm chục bàn chân và đang liên tục thử chống đỡ thân mình trên từng cái một; y sẫm soi các móng tay hết sức chăm chú thật đáng ngờ; hễ bắt gặp ánh mắt ông Lorry là y lại ho để đưa lòng bàn tay lên che miệng ra điều phải phép nhưng chỉ càng tăng thêm vẻ che giấu không thẳng thắn.

– Jerry, - ông Lorry nói. - Tới đây.

Cruncher nhích vai tới trước, đi hàng ngang tới gần ông.

– Trước kia chú vừa làm liên lạc cho hãng vừa làm việc gì?

Sau một lúc nghiền ngẫm, kèm theo cái nhìn chăm chăm về phía ông chủ, Cruncher nghĩ ra một câu trả lời sáng tạo:

– *Nằm* nghề cày cuốc.

– Ta nghi lắm, - ông Lorry tức giận vung ngón tay trở trước mặt Cruncher, - dám mi đã mượn danh và uy tín của hãng Tellson để che đậy việc làm phi pháp bỉ ổi của mi. Nếu vậy mi đừng hòng mong ta vẫn thân ái với mi khi quay lại nước Anh. Nếu vậy mi đừng mong ta sẽ im tiếng về việc làm của mi. Đừng hòng lợi dụng hãng Tellson nữa.

– Thưa ông, - Cruncher luống cuống nài nỉ, - một người quý phái như ông mà tôi đã được may mắn *nằm* việc vặt cho tới giờ, xin đừng vội hại tôi, cho dù có thật như vậy... tôi không nói *nà* ông nói thật, nhưng mà tôi giả sử *nà* vậy. Mà ông phải nghĩ *nại* *nà* cho dù ông nói thật *nà* vậy đi nữa thì cũng đâu phải có mình tôi đâu. Phải *nà* do cả hai phía. Trong *núc* này đây có những tên bác sĩ kiếm được rất nhiều tiền trong lúc một người *nằm* ăn *nương* thiện kiếm được vài đồng xu đã

khó khăn *nằm* rồi... Xu! Không, nửa xu cũng không kiếm được... Nửa xu! Không, kiếm được phần tư xu cũng đã khó... Mấy tên bác sĩ đó cứ *nượn nờ* xe *nên* xe xuống tới Tellson như *nàn* khói hoặc còn nhanh hơn thế nữa, ngằm nháy mắt ngó ý với người *nằm* ăn đó... Chà, đó cũng *nà* nội dụng hãng Tellson mà, thưa ông. Ông không thể sơn ăn tùy mặt ma bắt tùy người vậy được. Rồi còn mụ Cruncher nhà tôi nữa chứ, không phải bây giờ nhưng ít ra *nà* hồi ở nước Anh trước kia và chắc mai một cũng vậy, mụ ấy cứ toàn ngồi phịch xuống trù ẻo nên tôi có *nằm* ăn gì được... toàn gặp xui xẻo! Trong *núc* đó vợ của mấy tên bác sĩ có trù ẻo chồng đâu... chúng ăn hết! Còn nếu các mụ có ngồi phịch xuống thì họ trù ẻo cho nhiều người đau ốm để chồng họ có thêm việc *nằm*, chẳng nhẽ tôi thì sai còn họ thì đúng? Rồi còn phải hối *nộ* bọn nhà đòn, bọn cai xóm đạo, bọn đào huyết, bọn trông coi nghĩa địa, đứa nào cũng tham như nhau, thì người *nằm* ăn còn được bao nhiêu, cho dù có *nà* thật đi nữa. Có kiếm được chút đỉnh thì cũng chẳng khấm khá nổi gì, ông Lorry. *Nằm* có sung sướng gì đâu ông; ai *nỡ* sa vào việc *nằm* đó rồi cũng chỉ muốn bỏ thôi nếu có cơ hội thay đổi... cái việc mà ông nói đó.

- Ôi! - Ông Lorry thốt lên, giọng có phần dịu lại. - Mi thật là kinh khủng.

- Cho nên, thưa ông, tôi năn nỉ xin ông, - Cruncher vẫn cố nói, - cái việc ấy đó, tôi sẽ không nói ra...

- Đừng có quanh co nữa, - ông Lorry nói.

- Không, tôi sẽ không *nằm* nữa, thưa ông, - Cruncher cứ nói theo cách nghĩ và thói quen của y. - Tôi sẽ không nói ra... chuyện tôi năn nỉ xin ông *nà* chuyện này. Ngồi trên cái ghế đó, ở cổng thành Temple, *nà* thằng con của tôi, tôi đã nuôi nấng nó khôn *nớn* rồi, nó sẽ *nằm* việc vất cho ông, *niên nạc* cho ông, *nằm* mọi chuyện ông sai bảo cho đến chết, nếu như ông muốn. Cái việc ấy đó, tôi sẽ không nói ra, vì tôi sẽ không quanh co với ông nữa, thưa ông, xin để cho thằng nhỏ đó thế chỗ cha nó, chăm *no* cho mẹ nó, xin ông đừng có tố cáo thằng cha

nó... đừng *nằm* thế, xin ông... và xin để cho thằng cha nó đi *nằm* việc đào huyệt chôn người chết đàng hoàng *nuôn* để bù *nại* những gì *nẽ* ra hẳn không được đào *nên*... cái việc ấy đó, và tôi sẽ *nằm* việc chôn cất người ta đàng hoàng, tử tế mãi về sau. Vậy đó, ông Lorry, - Cruncher vừa nói vừa đưa tay quệt trán, như một cách tuyên bố rằng y đã đi đến đoạn kết bài diễn thuyết, - đó *nà* điều tôi kính cần thưa trình với ông. Bao nhiêu chuyện ghê gớm xảy ra chung quanh thế này thì ai thấy cũng phải suy nghĩ cẩn thận chứ, ôi trời, cứ thấy bao nhiêu thần dân mất đầu đó thì cũng đủ biết tiền công khuân vác giờ mất giá quá chừng. Và tôi cũng xin ông nhớ giùm cho việc mới đây thôi, cái việc ấy đó, *nà* những gì tôi đã nói ra *núc* này để *nặt* mặt tên kia, tôi đã giúp cho ông Carton trong khi *nẽ* ra tôi có thể không nói gì cả.

- Ít nhất thì điều này đúng, - ông Lorry nói. - Bây giờ đừng nói nữa. Có thể ta vẫn thân thiết với mi, nếu mi xứng đáng, và cải hối bằng hành động... chứ không phải bằng lời nói. Ta không muốn nghe lời nào nữa.

Cruncher gõ vào trán mình trong lúc Sydney Carton và tên mật thám từ trong phòng tối đi ra.

- Tạm biệt ông Barsad, - Carton nói. - Đã thỏa thuận như thế rồi thì ông không việc gì phải e ngại tôi nữa.

Anh ngồi xuống ghế bên lò sưởi, đối diện ông Lorry như trước. Khi chỉ còn lại họ, ông Lorry hỏi anh đã làm gì?

- Không có gì nhiều. Nếu có chuyện chẳng lành với Darnay thì tôi đã bảo đảm có cách gặp anh ấy một lần trong tù.

Nét mặt ông Lorry sa sầm.

- Tôi chỉ làm được thế. - Carton nói. - Đề nghị quá mức thì sẽ khiến người này cho đầu vào máy chém, và như chính hẳn đã nói đấy, có tổ giác thì hẳn cũng chết như thế thôi. Rõ ràng đây là điểm yếu trong vị thế của tôi. Đành chịu vậy thôi.

- Nhưng chuyện vào gặp Darnay, - ông Lorry nói, - nếu có chuyện chẳng lành khi ra trước tòa thì cũng đâu cứu được anh ta.

– Tôi không hề nói như thế.

Ánh mắt ông Lorry từ từ hướng về ánh lửa; tình thương ông dành cho Lucie và nỗi thất vọng náo nức khi Darnay bị bắt lại đã khiến đôi mắt ấy thất thần; ông bây giờ là một lão già, gần đây phải chịu đựng bao lo lắng quá sức, và những giọt lệ tuôn trào trên má ông.

– Ông là người hảo tâm và là người bạn chân tình, - Carton nói, đổi giọng khác. - Xin bỏ qua cho tôi thấy ông đang xúc động. Giả như ông là cha tôi thì tôi không thể ngồi cạnh bên nhìn thấy cha mình khóc mà không quan tâm. Tôi tôn trọng nỗi đau khổ của ông như là của cha mình vậy. Nhưng may cho ông vì tôi không phải là con ông.

Dù anh nói câu cuối cùng với thái độ bất cần như trước, trong giọng điệu và cảm xúc của anh vẫn đầy tình cảm và kính trọng tới mức ông Lorry hoàn toàn bất ngờ vì chưa bao giờ ông thấy anh bộc lộ như thế. Ông đưa bàn tay mình cho Carton và anh nhẹ nhàng nắm lấy.

– Trở lại chuyện Darnay tội nghiệp, - Carton nói. - Xin đừng cho Lucie biết chuyện trao đổi này, hay thỏa thuận này. Cô ấy không thể nào đi gặp Darnay được. Cô ấy có thể nghĩ rằng đây là chuyện trù tính để trong trường hợp xấu nhất, sẽ chuyển cho anh ấy phương cách tự sát trước khi bắt lên máy chém.

Ông Lorry không hề nghĩ tới điều đó, và liếc nhanh về phía Carton xem có thật anh nghĩ như thế không. Có vẻ là thật; anh đáp lại cái nhìn của ông và rõ ràng hiểu ý.

– Cô ấy có thể tưởng tượng ra cả ngàn chuyện, - Carton nói, - và chuyện nào cũng chỉ khiến cô ấy thêm khổ sở mà thôi. Đừng nói với cô ấy về tôi. Như tôi đã nói với ông khi mới tới đây, tốt nhất tôi không nên gặp cô ấy. Tôi vẫn có thể ra tay làm bất kỳ chuyện gì có ích cho Lucie trong khả năng của mình mà không cần phải gặp mặt. Ông sắp đi tới nhà Lucie phải không, tôi hy vọng là thế? Tối nay cô ấy hẳn là tuyệt vọng lắm.

– Tôi đi bây giờ, đi ngay.

– Thế thì tôi rất mừng. Cô ấy hết sức quyến luyến và tin cậy ông. Cô ấy bây giờ trông thế nào nhỉ?

– Lo lắng và buồn khổ, nhưng rất xinh đẹp.

– A!

Một âm thanh kéo dài, náo lòng, như tiếng thở dài - gần như một tiếng nấc. Tiếng thốt ấy khiến ông Lorry chăm chú nhìn gương mặt Carton đang quay về phía ánh lửa. Ánh sáng, hay bóng tối (ông già không thể xác định được) đang lướt nhanh trên mặt Carton như những vùng sáng tối quét nhanh trên sườn đồi vào ngày nắng gắt, và anh nhắc một bàn chân đẩy một thanh củi nhỏ đang cháy cho nó ngã nhào vào trong lò sưởi. Anh mặc chiếc áo khoác trắng, mang ủng cao cổ, kiểu đang thịnh hành: ánh lửa phản chiếu trên những trang phục màu sáng càng khiến anh thêm nhợt nhạt dưới mái tóc nâu dài rối bời buông xõa. Vẻ thờ ơ của anh trước ngọn lửa cũng đủ khiến ông Lorry thốt ra một lời nhắc nhở; chiếc giày ủng của anh vẫn đang đặt trên tàn lửa đỏ khúch củi cháy khi nó vỡ vụn dưới sức nặng của bàn chân anh.

– Tôi quên mất, - anh nói.

Ánh mắt ông Lorry lại nhìn lên gương mặt anh. Để ý thấy vẻ mòm ché phủ những đường nét vốn thanh tú của Carton, ông nhớ ngay đến vẻ mặt của người tù vẫn còn in đậm trong tâm trí.

– Còn công việc của ông ở đây đã sắp kết thúc chưa? - Carton vừa nói vừa quay lại nhìn ông.

– Xong rồi. Như tôi đang nói với anh tối qua khi Lucie đến đây đột ngột, cuối cùng tôi đã làm xong những việc cần làm ở đây. Tôi hy vọng họ sẽ ở lại đây hoàn toàn bình an, rồi tôi già từ Paris. Tôi có giấy thông hành. Tôi đã sẵn sàng ra đi.

Cả hai đều im lặng.

– Ông có cả một cuộc đời dài để nhìn lại, phải không ông? - Carton nói, vẻ đăm chiêu.

– Tôi đã bảy mươi tám tuổi rồi.

– Ông đã có cả một cuộc đời hữu ích, lúc nào cũng ổn định và bận rộn; được tin cậy; được kính trọng; và ngưỡng mộ.

– Tôi từ khi trưởng thành tới nay chỉ biết làm việc kinh doanh. Quả thực tôi có thể nói tôi làm kinh doanh từ nhỏ.

– Hãy xem ông ở tuổi bảy mươi tám mà hăng cần ông đến thế. Bao nhiêu người sẽ nhớ ông khi ông ra đi!

– Một lão già độc thân cô độc, - ông Lorry vừa đáp vừa lắc đầu. - Chẳng có ai thương tiếc tôi đâu.

– Sao ông nói thế được? Lucie chẳng lẽ không khóc thương ông sao? Con của cô ấy nữa chứ?

– Phải, phải, tạ ơn Chúa. Ý tôi không hẳn là vậy.

– Đó là *điều* phải tạ ơn Chúa, phải thế không?

– Chắc chắn là thế.

– Nếu như tối nay, ông có thể nói thành thật với chính cõi lòng cô đơn của ông là, “không một ai từng yêu thương, quyến luyến, mang ơn hay kính trọng ta; không một ai dành cho ta chút tình cảm nào; ta chẳng làm được điều gì tốt đẹp hay hữu ích để có người nhớ đến!”, nếu như vậy thì bảy mươi tám năm đời ông sẽ là bảy mươi tám lời nguyên rủa, phải thế không?

– Đúng vậy, anh Carton; tôi nghĩ là thế.

Sydney lại hướng mắt về lò sưởi, và sau một lúc im lặng anh nói:

– Tôi muốn hỏi ông... Thời thơ ấu của ông chắc là đã quá xa xôi phải không? Thời mà ông còn ngồi trên lòng mẹ chắc là đã mịt mù?

Trước thái độ dăm ra yếu mềm của anh, ông Lorry đáp:

– Hai mươi năm trước thì đúng vậy; còn đến tuổi này thì không. Bởi vì, khi tôi càng lúc càng gần tới phút cuối, tôi đã đi trọn chu kỳ, càng lúc càng gần điểm khởi đầu. Dường như đó là cách ta chuẩn bị từ từ cho kết cuộc. Lòng ta bây giờ lại rung động vì nhiều kỷ niệm đã quên từ lâu về người mẹ trẻ đẹp ngày trước; vì ta bây giờ quá già!... Và về nhiều chuyện liên quan thời ấy, thời mà cái thực tế ta gọi là thế

giới này chưa tồn tại đối với ta, và những lỗi lầm trong ta chưa thành thói tật.

– Tôi hiểu cảm giác đó! - Carton kêu lên, mặt bừng bừng phấn khích. - Và điều ấy làm ông cảm thấy dễ chịu hơn?

– Ta hy vọng thế.

Carton kết thúc cuộc trò chuyện bằng cách đứng lên giúp ông già mặc áo khoác.

– Như anh, anh còn trẻ mà, - ông Lorry trở lại đề tài đó.

– Vâng, - Carton đáp. - Tôi chưa già, nhưng tuổi trẻ của tôi không phải là kiểu để được yên hưởng tuổi già đâu. Nói về tôi thế đủ rồi.

– Về tôi cũng vậy, khỏi nói nữa, - ông Lorry đáp. - Anh có ra ngoài không?

– Tôi sẽ đưa ông đến tận cổng nhà cô Lucie. Ông biết cái thói lêu lổng không ngồi yên được của tôi mà. Nếu tôi có lang thang ngoài đường lâu về thì cũng đừng lo; tôi sẽ lại xuất hiện trong buổi sáng. Ngày mai ông có tới chỗ tòa án không?

– Có, khổ thay.

– Tôi cũng sẽ tới, nhưng chỉ đứng trong đám đông. Tên mật thám của tôi sẽ tìm một chỗ cho tôi. Khoác tay tôi nào, thưa ông.

Ông Lorry làm theo, và họ xuống nhà đi ra đường. Chỉ vài phút là họ đã tới đích đến của ông Lorry. Carton để ông ở đó; nhưng nán lại ở cách xa một chút, rồi quay trở lại khi cánh cổng đã khép và chạm tay vào cánh cổng. Anh đã nghe chuyện nàng hàng ngày đi đến chỗ nhà tù.

– Nàng đã từ nơi này đi ra, - anh vừa nói vừa nhìn quanh, - rẽ theo lối này, và hẳn là thường đi trên những phiến đá lát đường này. Ta hãy theo bước chân nàng.

Đã mười giờ đêm khi anh tới trước ngục La Force, nơi nàng đã đứng hàng trăm lần. Tay thợ cửa thấp bé vừa đóng cửa tiệm xong, đang đứng ở ngưỡng cửa hút tẩu.

– Xin chào, Công dân, - Sydney Carton cất tiếng chào, dừng bước trên đường đi qua; bởi vì gã này nhìn anh đầy tọc mạch.

– Xin chào, Công dân.

– Nền Cộng hòa thế nào rồi?

– Ý ông là cái máy chém đấy à? Vẫn mạnh khỏe. Hôm nay sáu mươi ba mạng, sắp tới sẽ nhanh chóng tăng lên một trăm. Nhiều lúc Samson và người của hắn cũng kêu ca là kiệt sức. Ha, ha, ha! Hắn ta rất hài hước, tay Samson ấy. Một tay thợ cạo ra trò!

– Ông có thường thấy ông ta...

– Cạo hả? Thấy hoài. Hàng ngày. Một tay thợ cạo ra trò! Ông đã thấy hắn làm việc chưa?

– Chưa hề.

– Hãy đi xem khi nào hắn phải cạo cả một đám. Thử tưởng tượng đi, Công dân ơi; hôm nay hắn cạo sáu mươi ba mạng, trong thời gian chưa hút xong hai tẩu thuốc! Chưa hút xong hai tẩu thuốc. Nói danh dự đó!

Trong lúc gã thấp bé cười nhả nhở này chìa tẩu thuốc đang hút ra để giải thích cách gã tính thời gian của tay đao phủ, Carton quay đi để cổ dề nén nổi khao khát trào dâng thôi thúc anh đánh chết gã này.

– Nhưng ông không phải người Anh, - gã thợ cạo nói, - dù ông mặc đồ kiểu Anh?

– Phải mà, - Carton nói, lại dừng bước, ngoái qua vai trả lời.

– Ông nói tiếng Pháp như người Pháp.

– Trước kia tôi từng học ở đây.

– A ha, giống hệt người Pháp! Tạm biệt, ông người Anh.

– Tạm biệt, Công dân.

– Nhưng nhớ đi xem tên hề thợ cạo đó, - gã nhỏ con ấy cứ nhất định nói với theo. - Và nhớ mang theo cái tẩu thuốc!

Sydney chưa đi xa khuất thì đã dừng ngay giữa đường dưới một ngọn đèn chập chờn và lấy bút chì ra viết vào một mẫu giấy. Rồi, bằng

bước chân quả quyết của người thạo đường lối, anh băng qua nhiều ngã đường tăm tối và bẩn thỉu - bẩn thỉu hơn thường lệ bởi vì ngay cả những đường chính đông đúc nhất cũng không được quét dọn vào thời kinh hoàng này. Anh dừng trước một tiệm bào chế, đích thân chủ tiệm đang đóng cửa. Một tiệm nhỏ bé, mập mờ, hắc ám, nằm trên con đường quanh co ngược lên đồi, của một tay chủ nhỏ bé, mập mờ, hắc ám.

Cất tiếng chào Công dân này xong, anh đi thẳng vào quầy thuốc đặt mẫu giấy trước mặt hẳn.

– Phù! - Chủ tiệm bào chế khẽ huýt gió khi đọc mẫu giấy. - Ài chà! Ài chà! Ài chà! - Thấy Sydney Carton không quan tâm, hăn hỏi tiếp. - Cho ông à, Công dân?

– Cho tôi.

– Ông phải cẩn thận để riêng các thứ ra nhé, Công dân? Ông có biết hậu quả khi chúng trộn lẫn với nhau không?

– Biết rõ.

Mấy gói nhỏ được chuẩn bị rồi trao cho anh. Carton cất từng gói một vào túi trên ngực áo choàng bên trong, đếm tiền thanh toán, và thông thả đi ra.

– Bây giờ chẳng còn việc gì làm nữa cho đến mai, - anh ngược nhìn trăng, nói một mình. - Mình không ngủ được.

Đó không phải là thái độ bất chấp hay biểu hiện khinh suất mà là sự thách thức khi anh thốt ra những lời ấy dưới vòm mây trôi nhanh. Đó là quyết tâm của một kẻ đã mỏi mệt, kẻ đã lang thang, găng sức, lầm lạc nhưng cuối cùng đã tìm thấy con đường đúng và đích đến cuối cùng.

Thời xưa, lúc anh nổi tiếng là một thanh niên đầy triển vọng trong đám chúng bạn ganh đua cùng trang lứa thì cha anh mất. Mẹ anh đã qua đời nhiều năm trước đó. Những lời uy nghiêm anh đã nghe đọc khi đứng trước mộ cha lúc đó giờ lại trỗi dậy trong tâm trí khi anh đi qua những ngõ tối, ngập chìm trong bóng đêm dày, với vầng trăng và

những đám mây trôi tít trên cao. “Đức Chúa phán rằng: Ta là sự phục sinh và là sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Còn ai sống mà tin ta thì không hề chết.”

Trong một thành phố hải hùng dưới bóng đoạn đầu đài, anh lẻ loi trong đêm buồn thương cho sáu mươi ba người đã bị hành quyết hôm nay, và cho những nạn nhân ngày mai hiện đang đợi chờ số phận trong các ngục tù, cho những nạn nhân của ngày sau và ngày sau nữa, chuỗi liên tưởng ấy khiến anh dễ dàng nhớ lại những lời thánh ngày xưa, giống như tìm lại chiếc neo của con tàu cũ sét gỉ đã chìm dưới đáy sâu. Anh lặp lại những lời ấy và đi tiếp.

Anh chăm chú nhìn những ô cửa sổ sáng đèn nơi những con người sắp đi ngủ trong vài giờ bình an để quên lãng bao nỗi kinh hoàng vây quanh; anh nhìn những tháp nhà thờ nơi không một kinh cầu nào vang lên nữa bởi vì bao nhiêu năm mạo nhận, cưỡng đoạt và suy đồi dưới lớp áo thầy tu đã khiến dân chúng không còn tin đạo; anh nhìn những nghĩa địa vắng xa dành sẵn cho Giấc Ngàn Thu, như dòng chữ viết trên các cổng vào; nhìn nhà tù đầy rẫy; nhìn những con đường mà từng đoàn sáu mươi người lên cỗ xe đi về cõi chết, một điều đã trở nên hết sức bình thường và quen thuộc tới mức người ta thờ ơ với mọi câu chuyện đau buồn về những oan hồn chết dưới máy chém. Nghĩ đến mọi người sống và kẻ chết trong kinh thành đang yên giấc tạm ngưng thịnh nộ trong chốc lát hàng đêm, Sydney Carton băng qua sông Seine lần nữa đi về hướng những đường phố sáng sửa hơn.

Ít thấy xe ngựa trên đường vì khách đi xe ngựa dễ bị tình nghi, những ai có gia thế đều giấu mặt trong những chiếc mũ đỏ, mang giày thô và cứ lê bước lệt lết. Nhưng các nhà hát thì đông người, lúc anh ngang qua, dân chúng đang tràn ra cửa vui vẻ và tán gẫu trên đường về nhà. Trước cửa một nhà hát có một bé gái đứng cùng mẹ đang tìm cách vượt bùn sình để băng qua đường. Anh giúp bé đưa trẻ qua, và trước khi đôi tay cánh tay nhút nhát của em nhỏ buông khỏi cổ anh, Carton xin bé cho anh một chiếc hôn.

“Đức Chúa phán rằng: Ta là sự phục sinh và là sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Còn ai sống mà tin ta thì không hề chết.”

Lúc này, khi phố xá tĩnh mịch và đêm đã khuya, những lời ấy hồi vọng trong tiếng bước chân anh, và trong không gian bao quanh. Hoàn toàn bình tĩnh và vững tâm, anh có lúc cũng lặp lại những lời ấy trên đường đi; nhưng lúc nào lời kinh này cũng âm vang trong anh.

Đêm tàn dần, khi anh đứng trên cầu lắng nghe dòng sông vỗ nước vào bờ kè quanh Ile de la Cité, nơi một khối nhà cửa và giáo đường hỗn độn đẹp mắt sáng rực dưới ánh trăng, hừng đông lạnh lùng ló dạng như bộ mặt xác chết ở chân trời. Rồi màn đêm cùng trăng sao nhạt màu và tàn phai, và có một lúc tưởng như vạn vật đã đi vào cõi tử.

Nhưng vầng dương huy hoàng đang lên, những tia nắng tỏa rộng như đập tan bức bối của đêm, như lặp lại những lời thánh ấy sưởi ấm trái tim anh. Đưa tay kính cần che mắt, anh nhìn thẳng vào nắng bình minh; một chiếc cầu ánh sáng dường như nối liền anh với vầng dương trong lúc dòng sông bên dưới lấp lánh nắng mai.

Dòng nước chảy xiết, sâu thẳm, và bất biến, như người bạn tương đắc trong buổi sáng yên tĩnh. Anh tản bộ ven sông, xa dần khu dân cư, và trong ánh nắng ấm anh ngủ thiếp bên bờ nước. Lúc thức dậy và tiếp tục đi, anh nấn ná ở đó thêm chút nữa, nhìn một xoáy nước xoay tròn vô định cho đến khi dòng sông cuốn trôi ra biển. - “Giống như ta.”

Một tàu buôn giương cánh buồm rủ màu lá chết lướt vào tầm mắt, trôi ngang qua, và mờ khuất. Lúc làn nước âm thầm sau đuôi tàu biến mất cũng là lúc lời kinh cầu - vẫn âm vọng trong lòng anh xin ơn trên thương xót cho mọi lỗi lầm mù quáng của mình - kết thúc ở câu: “Ta là sự phục sinh và là sự sống”.

Ông Lorry đã đi vắng khi anh về tới nhà, không khó đoán ông già từ tâm này đã đi đâu. Sydney Carton chỉ uống chút cà phê, ăn ít bánh mì, xong, tắm rửa và thay đồ cho thoải mái, rồi đi tới chỗ xử án.

Trong tòa xôn xao, huyền não khi lũ cừu đen - lũ người mà nhiều thường dân sợ hãi tránh xa - dồn ép anh vào một góc khuất trong đám đông. Ông Lorry đã ở đó, và bác sĩ Manette đã ở đó. Nàng cũng đã ở đó, ngồi cạnh cha.

Khi Darnay được đưa vào xử, để anh an tâm, nàng gửi cho chồng một cái nhìn đầy cảm thông và khích lệ, đầy yêu thương ngưỡng mộ và âu yếm xót xa, nhưng cũng đầy can đảm khiến Darnay cũng đỏ bừng gương mặt, rạng ngời ánh mắt, và bồi hồi nhịp tim. Nếu như có ai để ý đến sự hiện diện của nàng đã tác động đến Sydney Carton như thế nào thì hẳn sẽ thấy anh cũng có chung niềm phấn chấn như chính Darnay.

Ở tòa án bất công ấy hầu như không có trình tự tố tụng nào để bảo đảm cho bất kỳ ai bị buộc tội đều được xét xử hợp lý. Lẽ ra đã không hề xảy ra cuộc Cách mạng như thế nếu mọi luật lệ, thủ tục, nghi thức, ngay từ đầu đã không bị chà đạp tàn bạo, tới mức cuộc Cách mạng ấy giờ đây vứt bỏ hết mọi thứ pháp luật để trả thù điên cuồng như là tự sát.

Mọi người đều hướng về bồi thẩm đoàn. Cũng cùng những nhà ái quốc kiên quyết và nhà cộng hòa uy tín giống như hôm qua và ngày trước đó, cũng như ngày mai và ngày kế tiếp. Hăm hở và đáng chú ý nhất trong số này là một gã có bộ mặt tham lam và những ngón tay liên tục chồn vờn quanh miệng; sự hiện diện của gã khiến đám đông đi xem xử án hết sức hể hả. Viên bồi thẩm đầu óc khát máu, bộ dạng như muốn ăn tươi nuốt sống đó, chính là Jacques Ba của khu Saint Antoine. Toàn bộ bồi thẩm đoàn như một đàn chó săn họp lại để xử tội một con hươu sa cơ.

Mọi người sau đó hướng về năm pháp quan và ủy viên công tố. Nhóm này hôm nay chẳng người nào có vẻ khoan dung; ai cũng đầy vẻ nhẫn tâm, sắt đá, và tàn bạo. Rồi đám đông nhìn nhau, mắt lộ vẻ tán thành, đầu gật gù đắc ý, rồi lại rướn cổ ra phía trước chú ý vào phiên tòa.

Charles Evrémonde, tức Darnay. Được phóng thích hôm qua. Bị tố giác lần nữa và bắt giam lại hôm qua. Cáo trạng đã được phát cho y hôm qua. Kẻ bị tình nghi lên án là kẻ thù của nước Cộng hòa, thành phần quý tộc, thuộc một dòng họ bạo ngược, thuộc loại bị bài trừ, vì đã lợi dụng đặc quyền thủ tiêu của chúng để đàn áp tàn bạo thường dân. Charles Evrémonde, tức Darnay, chiếu theo luật bài trừ đó, chắc chắn phải lãnh án tử hình.

Chỉ bằng mấy lời văn tắt như thế, ủy viên công tố đã buộc tội xong.

Chánh án hỏi bị cáo bị tố giác công khai hay bí mật?

– Công khai, thưa Chánh án.

– Do ai?

– Ba người. Ernest Defarge, bán rượu ở Saint Antoine.

– Được.

– Thérèse Defarge, vợ ông ta.

– Được.

– Alexandre Manette, bác sĩ.

Cả phiên toàn náo động và ở giữa đám đông bác sĩ Manette tái mặt, run rẩy đứng dậy ở chỗ vẫn ngồi nãy giờ.

– Thưa Chánh án, tôi phần nộ xin phản đối rằng đó là giả mạo và man trá. Ông biết rõ bị cáo là chồng của con gái tôi. Con gái tôi và những ai thân yêu của con tôi còn quan trọng hơn cả chính sinh mạng của tôi đây. Người mưu đồ mạo nhận này là ai và ở đâu mà dám nói là tôi tố giác con rể của tôi!

– Công dân Manette, hãy bình tĩnh. Không tuân thủ thẩm quyền của Tòa án là ông sẽ vi phạm luật đấy. Còn về cái gì quan trọng hơn cả chính sinh mạng ta thì, đối với một Công dân tốt, không có gì quan trọng bằng chính nước Cộng hòa.

Lời khiển trách ấy được hoan hô tán thưởng ầm ĩ. Chánh án rung chuông và hăm hở nói tiếp:

– Nếu nước Cộng hòa đòi hỏi ta phải hy sinh chính con mình thì bốn phận của ta là phải hy sinh. Hãy nghe tòa xử tiếp. Còn lúc này, phải im lặng!

Đám đông lại tán thưởng điên cuồng. Bác sĩ Manette ngồi xuống, mắt nhìn quanh, môi run run; con gái ông nép sát vào cha. Kẻ khát máu trong bồi thẩm đoàn xoa hai bàn tay vào nhau, rồi lại quen tạt đưa một bàn tay lên miệng.

Defarge được gọi ra. Khi tiếng ồn ào trong tòa đã lắng, gã trình bày nhanh câu chuyện bác sĩ Manette bị giam cầm, chuyện hăn từ nhỏ đã giúp việc cho bác sĩ, chuyện bác sĩ được tha tù và tình trạng của ông khi được giao phó cho gã. Sau đó là phần thẩm tra chóng vánh vì tòa làm việc rất nhanh:

– Ông đã có công lao trong việc chiếm ngục Bastille phải không, Công dân?

– Tôi nghĩ vậy.

Tới đây, trong đám đông có tiếng một người đàn bà kích động hét to:

– Ông là một trong những người yêu nước nhất ở đó. Sao không nói hết đi? Ông là người bắn súng thần công ngày hôm đó ở đây, và ông ở trong toán đầu tiên đi vào cái pháo đài đáng nguyên rủa đó lúc nó thất thủ. Thừa các nhà ái quốc, tôi nói sự thật!

Đó chính là Nữ Thần Báo Oán, trong sự cổ vũ hăng say của đám đông, đang thao túng việc xét xử. Chánh án rung chuông; nhưng Nữ Thần Báo Oán đang hào hứng vẫn hét to:

– Tôi thách thức tiếng chuông đó! - Và đám đông lại hoan hô hưởng ứng.

– Hãy trình với tòa việc ông đã làm ngày hôm đó trong ngục Bastille, Công dân.

– Tôi đã biết trước, - Defarge vừa nói vừa nhìn vợ, mặt ta đang đứng cuối bậc thềm dẫn lên chỗ gã đang đứng, mắt nhìn lên phía chông. - Tôi đã biết là người tù mà tôi đã nói bị nhốt ở buồng giam Một Trăm

Lê Năm, Thập Bắc, khi ông ta làm giày dưới sự bảo vệ của tôi. Lúc tôi bắn súng thần công vào hôm ấy, tôi quyết định khi chỗ đó thất thủ thì sẽ đi xem xét buồng giam ấy. Bastille thất thủ. Tôi đi lên buồng giam ấy cùng với một Công dân hiện đang ở trong bồi thẩm đoàn này, có một cai ngục dẫn đường. Tôi xem xét rất kĩ. Trong một cái lỗ trong ống khói, chỗ một viên đá đã được nạy ra và lắp lại, tôi tìm được một tập giấy viết tay. Đây là tập giấy viết tay đó. Tôi đã bỏ công xem xét một số mẫu chữ viết của bác sĩ Manette. Đúng là nét chữ của ông ta. Tôi xin giao tập giấy đó, viết bằng chính nét chữ của bác sĩ Manette, cho ông Chánh án.

– Để tòa đọc lên.

Cả phòng xử án im lìm như nấm mồ - người tù bị xét xử trù mền nhìn vợ, vợ anh chỉ rời mắt khỏi chồng để lo âu nhìn cha mình, bác sĩ Manette dăm dăm nhìn người cầm tập giấy, mục Defarge không hề rời mắt khỏi người tù, Defarge chỉ thấy người vợ đang hả hê, và mọi con mắt khác đều hướng về phía ông bác sĩ, người không để ý tới ai cả. Tập giấy ấy được đọc lên.

10. Thực thể của bóng tối

Tôi, Alexandre Manette, một bác sĩ bất hạnh, sinh ở Beauvais, về sau sống ở Paris, viết di bút ai oán này trong ngục thất Bastille sâu thẳm, vào tháng cuối cùng của năm 1767. Tôi lén lút viết từng đoạn một trong hoàn cảnh gian khổ mọi bề. Tôi cố ý giấu nó trong hốc tường của ống khói, nơi tôi đã vất vả rất lâu mới làm được một chỗ cất giấu. Một bàn tay thương tình nào đó có thể tìm thấy nó ở đó khi tôi và những đau khổ của tôi đã thành cát bụi.

Những dòng này được viết bằng mũi sắt nhọn gọt sét chấm muội than cạo từ ống khói, hòa với máu, vào tháng cuối cùng của năm thứ mười tôi bị giam cầm. Lòng tôi đã hoàn toàn tuyệt vọng. Qua những dấu hiệu khủng khiếp mà tôi đã nhận thấy ngay bản thân mình, tôi biết rằng lý trí tôi sẽ không còn giữ nguyên vẹn được bao lâu nữa, nhưng tôi xin thề rằng ngay lúc này đây, tôi đang hoàn toàn sáng suốt - trí nhớ tôi vẫn chính xác và tường tận - và tôi xin thề viết ra đúng sự thật như đây là những lời trăng trối của mình, cho dù di bút này có được ai đọc hay không vào giờ Phán Xét Cuối Cùng.

Vào một đêm trăng mây phủ, vào tuần thứ ba của tháng Mười hai (tôi nhớ đó là ngày 22 trong tháng) năm 1757, tôi đang đi dạo ở một đoạn vắng của bến tàu sông Seine để tận hưởng khí trời mát lạnh, cách nhà tôi ở phố École de Médecine một giờ đường, thì một cỗ xe ngựa phóng rất nhanh từ phía sau chạy tới. Khi tôi e ngại tránh đường cho xe ấy đi qua kéo bị cán phải, từ cửa sổ xe ngựa một cái đầu thò ra và một tiếng nói hô to bảo người xà ích dừng ngựa.

Cỗ xe dừng bánh ngay khi người xà ích ghì cương, và cũng tiếng nói ấy gọi đích danh tôi. Tôi đáp lại. Xe đã dừng ở xa đằng trước nên hai quý ông có thời gian mở cửa bước xuống trước khi tôi đến nơi.

Tôi thấy cả hai đều quần kín người trong áo choàng, và có vẻ như che giấu nhân dạng. Lúc họ đứng cạnh nhau gần cửa xe, tôi cũng thấy cả hai đều trạc tuổi tôi, hoặc trẻ hơn một chút, và rất giống nhau, về vóc người, phong thái, giọng nói, và (theo như tôi thấy được) cả gương mặt nữa.

– Ông là bác sĩ Manette? - Một người hỏi.

– Chính tôi.

– Bác sĩ Manette, trước kia ở Beauvais, - người khác nói, - bác sĩ trẻ, nguyên là chuyên gia giải phẫu, người trong một hay hai năm vừa qua đã nổi tiếng nhanh ở Paris?

– Thưa quý ông, - tôi đáp, - tôi chính là bác sĩ Manette mà ông đã ban cho những lời quý hóa đó.

– Chúng tôi đã đến tư gia của ông, - người thứ nhất nói, - nhưng rủi thay không gặp ông ở nhà, và được biết ông có lẽ đang đi dạo ở hướng này, chúng tôi đi theo hy vọng đuổi kịp ông. Ông vui lòng lên xe này cùng đi chứ?

Thái độ cả hai có vẻ hăm dọa và dứt lời là họ trở bộ để dẫn tôi về phía cửa xe. Họ có khí giới. Tôi thì không.

– Thưa quý ông, - tôi nói, - xin thứ lỗi nhưng tôi thường muốn biết tôi hân hạnh được ai cần tới, và bệnh tật cần đến tôi có tình trạng thế nào.

– Bác sĩ, - người thứ hai đáp lại, - người bệnh của ông là người quyền quý. Còn tình trạng bệnh tật thì chúng tôi tin rằng chuyên môn của ông sẽ bảo đảm là ông nhận định rõ hơn là chúng tôi mô tả. Đủ rồi. Ông có vui lòng lên xe không?

Tôi đành phải tuân theo và im lặng lên xe. Cả hai vào xe sau tôi - người cuối cùng nhảy vào trong sau khi gấp bậc thang lên xuống lại. Xe ngựa trở đầu và phóng nhanh như trước.

Tôi thuật lại cuộc đối đáp này đúng như đã xảy ra. Tôi tin chắc là đúng từng từ một. Tôi mô tả mọi chuyện đúng như đã diễn ra và

buộc tâm trí mình phải tập trung vào việc này. Những chỗ tôi bỏ lửng ở phần sau là do tôi phải tạm ngừng viết và cất giấu di bút này...



Cỗ xe băng qua nhiều ngã đường, vượt cổng thành phía bắc, và lại đi ra đường quê. Cách cổng thành chừng hai phần ba dặm - lúc đó tôi không ước lượng khoảng cách nhưng trên đường về sau đó tôi đã chú ý - xe rẽ khỏi đường chính và liền sau đó ngừng ở một ngôi nhà khuất nẻo. Ba chúng tôi xuống xe và theo một đường đất mềm ướt trong một hoa viên có một đài phun nước bị bỏ mặc cho ngập tràn, đi đến cửa chính. Cửa không mở ra ngay sau khi nhấn chuông và một trong hai người dẫn đường của tôi vung chiếc găng tay cưỡi ngựa to dày quật vào mặt người mở cửa.

Hành động đó không khiến tôi để tâm mấy, vì tôi từng nhìn thấy người bị đánh đập còn nhiều hơn chớ. Nhưng người thứ hai, cũng tức giận như thế, cũng vung tay đánh người mở cửa theo cách đó; diện mạo và phong thái hai người này y hệt nhau cho nên lúc đó tôi mới nghĩ họ là anh em sinh đôi.

Từ lúc chúng tôi xuống xe ở cổng ngoài (cổng khóa chặt và một trong hai anh em kia phải mở cho chúng tôi vào rồi khóa lại), tôi đã nghe nhiều tiếng la hét vang ra từ một phòng trên lầu. Tôi được đưa thẳng tới phòng đó, tiếng la hét càng lúc càng lớn khi chúng tôi lên cầu thang và tôi thấy một bệnh nhân bị sốt viêm não đang nằm trên giường.

Bệnh nhân là một phụ nữ tuyệt sắc, tuổi còn trẻ; chắc chắn là không quá hai mươi. Mái tóc cô ta rối bời và hai cánh tay bị buộc vào hai bên sườn bằng nhiều thứ khăn quàng và khăn tay. Tôi để ý thấy những thứ ràng buộc đó toàn những món thuộc trang phục của một quý ông. Trong số đó có một dải băng có tua để quàng chéo trên lễ phục, có thêu gia huy của một dòng họ quý tộc và chữ E.

Tôi thấy điều này ngay trong phút đầu tiên tôi nhìn bệnh nhân; bởi vì trong lúc vật vã không yên cô ta đã quay mặt về phía cạnh giường, một đầu dải băng ấy nằm trong miệng cô, và có nguy cơ bị ngạt thở. Hành động đầu tiên của tôi là đưa tay ra rút dải băng cho cô dễ thở; và ngay lúc đó tôi thấy ngay dấu hiệu ấy thêu ở một góc.

Tôi nhẹ nhàng xoay cô ta lại, đặt tay lên ngực cô để trấn an và giữ cho cô nằm yên và nhìn vào gương mặt ấy. Trong mắt cô ta, hai đồng tử đã giãn nở và đại hãn đi; cô không ngừng la hét chói tai và lặp đi lặp lại mấy lời “Chồng tôi, cha tôi, em tôi!” rồi sau đó đếm từ một đến mười hai, rồi thốt lên, “Suyt!”. Cô ta chỉ ngừng để lắng nghe trong một thoáng, không hơn, rồi những tiếng hét chói tai lại tiếp tục, và những lời cũ lặp lại “Chồng tôi, cha tôi, em tôi!” và lại đếm tới mười hai, lại “Suyt!”. Cứ như thế tái diễn, không thay đổi. Không hề ngừng, trừ những khoảng dừng chóng vánh giữa những lời mê sảng.

– Bị thế này bao lâu rồi, - tôi hỏi.

Để phân biệt hai anh em này, tôi sẽ gọi là người anh và người em; tôi gọi một người là anh vì người này tỏ ra có uy quyền nhất. Chính người anh trả lời:

- Từ khoảng giờ này tối hôm qua.
- Cô ấy có chồng, cha và em?
- Một em trai.
- Ông không phải là anh cô ta à?
- Không, - hẳn ta trả lời giọng hết sức khinh miệt.
- Cô ấy gần đây có liên quan gì đến số mười hai?

Người em nóng nảy chen vào:

– Mười hai giờ?

– Đấy, thưa quý ông, - tôi nói, tay vẫn đặt trên ngực cô ta, - quý ông đưa tôi đi như thế này thì tôi đành bất lực! Nếu như biết trước những gì sẽ thấy thì tôi đã mang sẵn những thứ cần thiết. Còn như thế này thì mất thời gian. Ở nơi vắng vẻ này làm sao tìm được thuốc men.

Người anh nhìn người em.

*– Có một rương đủ thuốc men đây, - người em ngạo nghễ nói rồi
lôi trong tủ ra một rương nhỏ đặt lên bàn...*



*Tôi mở ra mấy chai lọ, người qua, đưa nắp đây lên môi. Tôi ắt sẽ
không dùng những thứ này trừ phi tôi cần tới các dược phẩm gây mê
có độc chất. Người em hỏi:*

– Không dùng được à?

*– Thưa ngài, tôi đành phải dùng thôi, - tôi đáp và không nói gì
nữa.*

*Tôi cho bệnh nhân uống thuốc rất khó khăn và sau nhiều lần cố
gắng mới đủ liều lượng tôi muốn. Vì dự tính sau một lúc nữa sẽ cho
uống thuốc trở lại vì tôi cần theo dõi tác dụng của thuốc, tôi bèn ngồi
bên cạnh giường. Ngồi trong góc phòng là một bà nhút nhát và sợ hãi
phụ giúp (bà ta là vợ của người đã ra mở cửa). Ngôi nhà ẩm thấp và
mục nát, đồ đạc trang bị sơ sài - rõ ràng chỉ mới có người ở tạm gần
đây. Mấy tấm màn dày cũ kỹ đã được đóng đinh vào cửa sổ để giảm
bớt âm thanh của tiếng la hét. Bệnh nhân vẫn tiếp tục la hét theo nhịp
điệu cũ, sau “Chồng tôi, cha tôi, em tôi!” là đếm tới mười hai, rồi
“Suyt!”. Cơn điên loạn của cô ta dữ dội quá nên tôi phải tháo các dải
khăn đang buộc tay cô ta ra nhưng cẩn thận không để cho hai cánh
tay vùng vẫy gây hại cho cô. Điều đáng mừng nhỏ nhoi duy nhất trong
trường hợp này là bàn tay tôi đặt trên ngực bệnh nhân lại có tác dụng
 trấn an giúp bệnh nhân yên ổn được vài phút. Nhưng nó không ngăn
được những tiếng hét; đều đặn còn hơn cả con lắc đồng hồ.*

*Vì bàn tay tôi có tác dụng làm nguôi cơn điên loạn (tôi nghĩ thế),
tôi ngồi bên cạnh giường suốt nửa giờ, còn hai anh em kia đứng nhìn,
và cuối cùng người anh lên tiếng:*

– Còn một bệnh nhân nữa.

Tôi giật mình hỏi:

- Có nguy cấp không?
- Tốt nhất ông nên đi xem bệnh, - hẳn ta trả lời bừa; rồi cầm ngọn đèn lên...



Bệnh nhân kia nằm trong phòng sau bên kia cầu thang thứ hai. Phòng giống như một gác xép bên trên chuồng ngựa; trên đầu một phần là trần nhà thấp quét vôi, phần còn lại để trống thông lên tận rìa mái ngói, thấy cả xà nhà bắc ngang. Ở phía trần trống đó là nơi chứa rơm rạ, những bó củi và một đồng táo ủ trong cát. Tôi phải đi qua chỗ đó để sang phía bên kia. Tôi nhớ rất tường tận và chính xác. Tôi nhớ như in từng chi tiết và trong ngục thất Bastille, sau gần mười năm giam cầm, tôi vẫn nhớ như đã nhìn thấy đêm ấy.

Nằm ngửa trên một lớp rơm dưới đất, kê đầu trên chiếc gối là một cậu nông dân đẹp trai - một thanh niên chừng mười bảy tuổi là cùng. Cậu ta nằm ngửa, răng nghiến chặt, bàn tay phải ôm lấy ngực, và đôi mắt bừng bừng nhìn thẳng lên cao. Tôi không thấy vết thương của cậu ta ở đâu lúc tôi quỳ một chân bên cạnh, nhưng tôi nhận biết được cậu ta sắp chết vì một vết đâm.

- Tôi là bác sĩ, tội nghiệp cậu, - tôi nói. - Để tôi khám cho.
- Tôi không cần khám, - cậu ta đáp, - mặc kệ nó.

Vết thương nằm dưới bàn tay cậu ta, tôi dễ dàng cậu cho tôi nhấc bàn tay ra. Đó là một vết kiếm đâm thủng ngực từ hai mươi hay hai mươi bốn giờ trước, nhưng cho dù có chữa chạy ngay lúc đó thì cũng không tài nào cứu được. Chỉ lát nữa thôi là cậu ta sẽ chết. Lúc tôi quay về phía người anh, tôi thấy hẳn đang nhìn xuống cậu thanh niên đẹp trai đang hấp hối này với ánh mắt dừng dừng như thể nạn nhân là con chim hay con thỏ rừng bị hại chứ không phải là một con người đồng loại.

- Sao lại ra nông nỗi này, thưa ngài? - Tôi hỏi.

– Một con chó dại phát rồ! Một đứa nông nô! Buộc em tôi phải rút kiếm và nó gục ngã dưới thanh kiếm của em tôi... như một người quý tộc.

Không có chút thương xót, buồn đau, hay tình người nào trong câu trả lời ấy. Người nói dường như thừa nhận sự bất tiện khi có một người thuộc tầng lớp khác chết tại đây, và lẽ ra sẽ tốt hơn nếu cậu ta chết ở một xó xỉnh khuất mắt nào đó như các thân phận thấp hèn khác. Hẳn không có một chút tình cảm trắc ẩn nào dành cho chàng trai kia, hay cho phận số của anh ta.

Ánh mắt cậu nông dân chậm chậm hướng về phía người nói rồi bây giờ lại chậm chậm hướng về tôi.

– Bác sĩ, họ rất kiêu ngạo, bọn quý tộc này; nhưng lũ nông dân mạt hạng chúng tôi cũng có lúc biết kiêu hãnh. Chúng nó cướp bóc chúng tôi, cưỡng đoạt chúng tôi, đánh đập chúng tôi, giết chết chúng tôi, nhưng chúng tôi có lúc cũng còn lại chút kiêu hãnh. Chị tôi... ông đã gặp chị tôi chưa, bác sĩ?

Ở đây vẫn nghe được những tiếng la hét, dù khoảng cách đã làm giảm âm vang. Cậu ta nói cứ như chị cậu đang hiện diện ở đây.

– Tôi đã gặp, - tôi nói.

– Chị tôi đó, bác sĩ. Chúng nó, bọn quý tộc này, bao năm nay có cái quyền ngang ngược là xâm phạm tiết hạnh các chị em gái của chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn có những cô gái nết na. Tôi biết điều đó, và đã nghe cha tôi nói thế. Chị tôi là cô gái nết na. Chị đã hứa hôn với một chàng trai tốt, cũng là tá điền của hẳn. Chúng tôi tất cả đều là tá điền của hẳn... kẻ đang đứng đó. Còn tên kia là em hẳn, đứa tệ hại nhất của dòng họ xấu xa này.

Cậu ta phải gắng hết sức lực mới nói được, nhưng lại nói với giọng mạnh mẽ thật đáng sợ.

– Chúng tôi đã bị kẻ đứng kia cướp đoạt vô độ, như mọi nông dân mạt hạng khác... bị buộc cống nạp tô thuế không chút thương xót, bị buộc phải làm không công cho hẳn, buộc phải xay ngũ cốc ở máy

xay của hăn, buộc phải lấy mùa màng thất bát của chúng tôi mà nuôi đàn chim của hăn, còn chúng tôi muốn nuôi một con chim cũng không được, bị cướp đoạt tới mức nếu chúng tôi có được chút thịt để ăn thì phải ăn trong sợ hãi, cửa đóng then cài, không cho người của hăn thấy vì sợ bị cướp miếng ăn... Thế đấy, chúng tôi bị cướp bóc, bị săn đuổi, và bị tước đoạt cho bần cùng tới độ cha tôi bảo rằng sinh một đứa trẻ ra đời là có tội, và điều đáng cầu nguyện nhất là đám phụ nữ của lũ chúng tôi tiết đường sinh đẻ để cái giống loài khốn khổ này diệt vong cho rồi!

Tôi chưa bao giờ thấy ai nói về cảnh bị áp bức của họ bưng bưng phần nộ như thế. Tôi nghĩ điều đó chắc hăn phải tiềm tàng chất chứa trong lòng họ, nhưng tôi chưa từng thấy cảm xúc ấy bùng nổ ra ngoài cho đến khi gặp chàng nông dân hấp hối này.

– Nhưng bác sĩ ời, chị tôi đã có chồng. Anh rể tôi, tội nghiệp, lúc đó đang đau yếu, và chị tôi cưới người mình yêu để chăm sóc anh ấy trong túp lều của chúng tôi... cái mà kẻ đứng kia gọi là ổ chó. Chị tôi mới lấy chồng được mấy tuần thì em của tên kia gặp chị tôi và đem lòng ham muốn, đòi anh hăn phải cho mượn chị tôi... Thân phận làm chồng của bọn đàn ông chúng tôi như thế đó! Anh hăn cũng bằng lòng nhưng chị tôi là người đức hạnh, nết na nên đâm ra thù ghét cả em của hăn chẳng kém gì tôi. Chẳng biết hai tên kia đã làm gì để bắt anh rể tôi phải thuyết phục cho vợ thuận theo.

Đang nhìn tôi dăm dăm, ánh mắt chàng trai từ từ hướng về kẻ đứng kia, và qua cả hai gương mặt tôi biết những gì cậu ta nói đều đúng sự thật. Hai niềm kiêu hãnh khác biệt đang đối đầu nhau, và ngay trong ngục thất Bastille này, tôi vẫn thấy rõ vẻ dửng dưng bất chấp của nhà quý tộc đối chọi với cảm xúc bị chà đạp và thù hận ngàn ngạt của chàng nông dân.

– Ông biết đó, bác sĩ, bọn quý tộc này có quyền buộc lũ mạt hạng chúng tôi vào cỗ xe và quất roi bắt kéo đi. Chúng đã xử sự với anh rể tôi như thế. Ông biết chúng có quyền bắt chúng tôi ở ngoài

vườn suốt đêm cho lũ ếch nhái im tiếng để bọn quý tộc ngủ yên giấc. Chúng đã bắt anh rể tôi ở ngoài sương lạnh suốt đêm, và sáng ra lại buộc anh tôi vào xe. Nhưng anh tôi không khuất phục. Không! Một ngày kia được tháo cương vào giữa trưa để ăn... nếu như anh tôi tìm được thức ăn... anh tôi khóc nấc lên mười hai tiếng, mỗi tiếng nấc là một tiếng chuông đồng hồ điểm giờ chính Ngọ, rồi chết trong vòng tay chị tôi.

Chỉ có lòng quyết tâm phi phạm muốn vạch trần tội ác mới kéo dài được sức sống của cậu ta. Chàng trai ấy cố cưỡng lại bóng tối chết chóc đang tụ về và vẫn cố nắm chặt bàn tay phải không buông lơi, đè lên vết thương.

– Rồi với sự đồng tình và thậm chí giúp sức của kẻ đứng kia, gã em hăn bắt chị tôi đi, bất kể những điều tôi biết là chị tôi chắc chắn đã nói với gã em hăn... điều đó là gì thì không lâu nữa ông cũng sẽ biết, bác sĩ... Hăn bắt chị tôi đi... để hưởng lạc một lúc. Tôi đã thấy chị tôi băng ngang trên đường. Lúc tôi về nhà báo tin, cha tôi lên cơn đau tim chết ngay không kịp nói với tôi một lời chất chứa trong lòng. Tôi đưa em gái tôi, tôi còn đưa em gái nữa, tới một nơi ẩn náu xa khuất gã man rợ kia, nơi ít nhất em tôi sẽ không bao giờ thành nô lệ của hăn. Sau đó, tôi theo dấu gã em đến tận đây, và đêm qua leo vào nhà... một con chó mạt hạng, nhưng có kiếm trong tay... Cửa sổ gác xếp ở đâu? Đâu đó gần đây phải không?

Căn phòng đen tối dần trong mắt cậu ta; thế giới chung quanh đang thu hẹp lại. Tôi liếc nhìn quanh và thấy rờm rạ bị giẫm đạp trên sàn như là đã có một cuộc quần thảo.

– Nghe tiếng tôi, chị tôi chạy vào. Tôi bảo chị tôi đừng tới gần khi hăn chưa chết. Hăn vào đây, đầu tiên ném cho tôi ít tiền; rồi sau đó lấy roi quất tôi. Nhưng tôi dù là kẻ mạt hạng cũng đã ra đòn khiến hăn phải rút kiếm. Cứ để hăn đâm gậy thanh kiếm đã vấy máu mạt hạng của tôi thành bao nhiêu mảnh cũng được; hăn đã phải giở hết kiếm pháp ra tự vệ mới giữ được toàn mạng.

Mấy phút trước tôi đã nhìn thấy những đoạn kiếm gãy nằm trong lớp rơm rạ. Thanh kiếm của nhà quý tộc. Nằm ở chỗ khác là một thanh kiếm cũ có lẽ là loại kiếm của một binh sĩ.

– Giờ hãy đỡ tôi lên, bác sĩ; đỡ tôi lên. Hắn đâu rồi?

– Hắn không có ở đây, - tôi vừa nói vừa đỡ chàng trai, nghĩ rằng cậu ta muốn nói đến người em sinh đôi.

– Hắn! Bọn quý tộc kiêu ngạo là thế mà hắn sợ gặp tôi. Người ban nãy đứng đây đâu rồi? Hãy quay mặt tôi về hướng hắn ta đi.

Tôi làm theo, nâng đầu chàng trai tựa vào đầu gối tôi. Nhưng ngay lúc đó cậu ta đột ngột có sức mạnh phi thường, cậu ta đứng hẳn dậy, buộc tôi phải đứng lên theo mới đỡ cậu ta được.

– Hầu tước, - cậu ta vừa nói vừa mở to mắt quay về hướng người kia, bàn tay phải giơ cao, - rồi tới ngày phán xét mọi sự, ta sẽ bắt anh em mi và cả dòng họ nhà mi, cho đến người cuối cùng, phải đền tội. Ta sẽ làm dấu huyết thập tự này mà thề với mi. Vào cái Ngày Phán Xét mọi sự, ta sẽ bắt em mi, kẻ tồi tệ nhất của dòng họ xấu xa này phải đền tội riêng. Ta sẽ làm dấu huyết thập tự này mà thề với mi.

Hai lần, chàng trai đặt bàn tay vào vết thương trên ngực, và dùng ngón trỏ vẽ một chữ thập vào khoảng không. Cậu ta đứng yên một thoáng với ngón tay vẫn giơ cao, và khi cánh tay buông rơi thì thân hình cũng gục theo, và tôi đặt cậu ta nằm xuống, đã chết...



Khi tôi quay lại bên giường người phụ nữ kia, tôi thấy cô ấy vẫn la hét mê sảng y như trước. Tôi biết tình trạng này có thể kéo dài nhiều giờ và có lẽ chỉ im lặng dưới mồ...

Tôi lại cho cô ấy uống các liều thuốc ban nãy và ngồi bên giường cho đến lúc đêm đã về khuya. Cô ấy không hề ngưng những tiếng hét inh tai, không hề nhầm lẫn thứ tự chính xác của những lời kêu la. Luôn luôn là “Chồng tôi, cha tôi, em tôi! Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai. Suyt!”.

Cứ như thế suốt hai mươi sáu giờ kể từ lúc đầu tiên tôi gặp cô ta. Tôi đã hai lần đi và đến và lại ngồi bên cạnh thì cô ta bắt đầu đuối sức. Tôi làm mọi cách có thể để chữa chạy và một lát sau cô chìm vào hôn mê, nằm im như chết.

Giống như mưa gió cuối cùng đã ngưng sau cơn bão dữ kéo dài. Tôi buông hai cánh tay cô ấy ra và gọi bà phụ việc giúp tôi chỉnh đốn lại tư thế và trang phục của cô gái. Đến lúc đó tôi mới biết cô ấy vừa mới mang thai; và đến lúc đó tôi đã hết hy vọng cứu chữa cô.

– Nó chết chưa? - Tiếng của Hầu tước, người mà tôi gọi là người anh. Hắn vừa xuống ngựa đi vào phòng, chân còn mang ủng kỵ mã.

– Chưa chết, - tôi nói, - nhưng sắp chết rồi.

– Bọn mặt hạng này dai sức thế! - Hắn vừa nói vừa cúi nhìn cô ấy với vẻ tò mò.

– Trong đau khổ và tuyệt vọng có sức mạnh phi thường, - tôi đáp.

Lúc đầu nghe thế hắn cười nhạo, rồi sau đó khó chịu. Hắn lấy chân đẩy một chiếc ghế lại gần tôi, lệnh cho bà phụ việc đi ra, và hạ giọng nói:

– Bác sĩ, thấy em tôi gặp rắc rối với đám tá điền này, tôi đã đề nghị nên mời ông tới giúp. Ông có danh tiếng, và là một bác sĩ đang tạo sự nghiệp, nên có lẽ ông biết lo cho lợi ích của mình. Những gì ông thấy ở đây là điều chỉ nhìn thấy chứ không được nói ra.

Tôi lắng nghe nhịp thở của bệnh nhân, và tránh trả lời.

– Ông có hạ cố nghe tôi nói không, bác sĩ?

– Thưa ngài, - tôi nói - nghề nghiệp của tôi là phải luôn luôn giữ bí mật cho bệnh nhân. - Tôi trả lời thận trọng vì trong lòng thầm lo ngại với những chuyện đã mắt thấy tai nghe.

Hơi thở của cô gái đã yếu tới mức tôi cẩn thận bắt mạch và nghe nhịp tim. Vẫn còn sống, nhưng rất yếu. Trở lại ghế ngồi và nhìn quanh, tôi thấy cả hai anh em đang chăm chăm nhìn tôi...



Tôi viết hết sức khó khăn vì trời lạnh như dao cắt, tôi cũng sợ bị phát giác và bị tống vào ngục thất dưới lòng đất hoàn toàn tăm tối, cho nên tôi phải giản lược câu chuyện này. Trí nhớ tôi vẫn hoàn toàn minh mẫn và chính xác; tôi có thể nhớ và thuật lại từng lời đã nói giữa tôi và hai anh em đó.

Cô ấy cầm cự được một tuần. Cho đến phút cuối, tôi chỉ có thể hiểu được vài từ cô ấy nói với tôi bằng cách kề sát tai vào môi cô. Cô gái hỏi tôi rằng cô đang ở đâu, và tôi cho biết; hỏi tôi là ai, và tôi cho biết. Nhưng tôi cố hỏi họ tên cô cũng uống công. Cô chỉ khẽ lắc đầu trên gối, và giấu kín bí mật, như chàng trai em cô.

Tôi không có cơ hội hỏi thêm câu nào nữa cho đến lúc tôi báo với hai anh em kia biết cô đang kiệt sức rất nhanh và không thể sống thêm một ngày nữa. Cho tới lúc đó, dù không ai hiện diện lúc cô ấy còn tỉnh ngoài bà phụ việc và tôi, một trong hai anh em luôn ngồi vức ngồi sau bức màn ở đầu giường cô gái khi có mặt tôi. Nhưng khi đã đến tình trạng này thì họ dường như bất cần những lời cô gái có thể phó thác cho tôi nữa, cứ như là tôi cũng sắp chết vậy - tôi đã có ý nghĩ đó.

Tôi luôn để ý thấy họ, do lòng kiêu ngạo, rất khó chịu việc người em (như tôi đã gọi) đã đấu kiếm với một nông dân và lại là một nông dân trai trẻ. Điều duy nhất khiến họ bận tâm có lẽ là việc đấu kiếm ấy hết sức nhục nhã với danh giá dòng tộc; thật lố bịch. Tôi thường bắt gặp ánh mắt người em đó, ánh mắt luôn nhắc tôi nhớ là hằn căm ghét tôi lạ lùng vì hằn biết tôi đã nghe cậu nông dân thuật lại sự tình. Hằn tỏ ra mềm mỏng và lịch thiệp với tôi hơn người anh; nhưng tôi vẫn nhận ra sự căm ghét đó. Tôi cũng nhận ra mình chính là một sự phiền toái trong tâm trí người anh nữa.

Bệnh nhân của tôi đã chết, hai giờ trước nửa đêm - theo đồng hồ của tôi, gần như đúng ngay giờ phút lần đầu tiên tôi gặp cô ấy. Chỉ có một mình tôi bên cạnh khi mái đầu son trẻ tuyệt vọng kia từ từ ngã sang một bên, kết thúc bao khổ não trần gian.

Hai anh em đang chờ trong phòng dưới nhà, nóng lòng muốn lên đường. Lúc một mình bên giường bệnh nhân, tôi đã nghe tiếng họ quát roi ngựa vào ủng, loanh quanh đi tới đi lui.

– Rốt cuộc nó đã chết? - Người anh hỏi khi tôi xuống nhà.

– Cô ấy đã chết, - tôi nói.

– Chúc mừng chú, - hăn quay lại nói với người em.

Trước đó hăn đã trả tiền cho tôi nhưng tôi đã thoái thác. Bây giờ hăn đưa cho tôi một cọc tiền vàng bọc trong giấy. Tôi cầm lấy nhưng để lên bàn. Tôi đã suy nghĩ điều này và quyết không nhận gì cả.

– Xin thứ lỗi cho, - tôi nói. - Trong trường hợp này thì không.

Hai anh em nhìn nhau, nhưng rồi họ cúi đầu chào tôi, tôi cũng chào lại, và rồi đường ai nấy đi không nói một lời...



Tôi mệt, mệt, mệt mỏi mòn vì nỗi khốn khổ của mình. Tôi không đọc được những gì đã viết bằng bàn tay gầy guộc này.

Từ sáng sớm, trước cửa nhà tôi đã có người đặt cọc tiền vàng trong một chiếc tráp nhỏ có ghi tên tôi bên ngoài. Ngay từ đầu, tôi đã lo nghĩ mình phải làm sao. Hôm đó, tôi quyết định viết thư riêng cho ngài Thượng thư về hai bệnh nhân mà tôi được gọi tới cứu chữa, và mô tả nơi mình đã tới; thực tế là thuật lại mọi chuyện. Tôi biết uy thế của triều đình là như thế nào, và giới quý tộc có những quyền miễn trừ gì, tôi không ngạc nhiên nếu vấn đề này sẽ không bao giờ được cứu xét; nhưng tôi muốn viết ra cho nhẹ lòng. Tôi đã giấu kín chuyện này, ngay cả với vợ tôi; và tôi cũng nói rõ điều này trong bức thư của mình. Tôi không hề lo sợ mình gặp hiểm nguy nào; nhưng tôi hiểu rõ tai họa có thể giáng xuống người khác nếu họ mà biết những điều tôi đã biết.

Tôi quá bận việc ngày hôm đó nên đến tối vẫn chưa viết xong bức thư. Sáng hôm sau tôi dậy sớm hơn thường lệ để viết nốt. Đó là ngày

cuối cùng trong năm. Lá thư vừa kết thúc nằm trước mặt thì tôi nghe báo có một quý cô đang chờ, muốn gặp tôi...



Tôi càng lúc càng đuối không đủ sức hoàn tất công việc tôi đã đặt ra. Trời lạnh quá, u ám quá, các giác quan của tôi đã tê liệt và bóng tối bao trùm quanh tôi quá gớm ghê.

Quý cô ấy còn xuân, duyên dáng và xinh đẹp, nhưng có vẻ yếu mệnh. Trông cô ta đầy lo lắng. Cô ta tự giới thiệu là phu nhân của Hầu tước St. Evrémonde. Tôi liên tưởng đến cái tước hiệu mà cậu nông dân đã gọi người anh, và chữ viết tắt thêu trên dải khăn ấy, rồi dễ dàng kết luận rằng mới đây tôi đã gặp đúng vị quý tộc ấy.

Trí nhớ tôi vẫn chính xác nhưng tôi không thể ghi lại từng lời cuộc trò chuyện này. Tôi ngờ rằng mình đang bị canh chừng chặt chẽ hơn trước và tôi không biết mình sẽ bị theo dõi vào lúc nào. Cô ta một phần nghi ngờ, một phần phát giác ra những sự việc chính trong câu chuyện tàn nhẫn ấy, chuyện chồng cô có dự phần vào, và chuyện tôi được mời tới. Cô ta không biết là cô gái kia đã chết. Rất khổ tâm, cô ta cho biết cô hy vọng là có thể âm thầm chia sẻ niềm thương cảm của một người phụ nữ. Cô mong trời cao đừng trừng phạt cái dòng họ quý tộc lâu nay bị oán ghét vì đã gây đau khổ cho bao người.

Cô ta có lý do để tin rằng cô gái kia vẫn còn một người em gái, và mong muốn lớn nhất của cô là giúp đỡ cô em gái đó. Tôi chỉ biết nói rằng quả đúng là có một người em gái nhưng ngoài ra tôi không biết gì hơn. Trông cậy vào sự kín đáo của tôi, cô ta đã nóng lòng tới tìm gặp với hy vọng tôi sẽ cho biết tên và chỗ ở của cô em này. Nhưng cả hai điều đó cho tới giờ tôi nào biết được...



Những mảnh giấy này khiến tôi gặp rắc rối. Hôm qua tôi đã bị tịch thu một tờ và bị cảnh cáo. Tôi phải viết xong câu chuyện trong

hôm nay.

Cô ta là người tốt, có lòng trắc ẩn, và không hạnh phúc trong hôn nhân. Làm sao hạnh phúc được! Người em chồng không tin tưởng và lại ghét cô, hằn dùm mọi cách để chống lại người chị dâu; cô ta khiếp sợ hằn và khiếp sợ luôn cả chồng mình. Lúc tôi tiễn cô ra cửa, tôi thấy trên xe ngựa của cô có một bé trai xinh đẹp chừng hai hay ba tuổi.

- Vì con tôi, thừa bác sĩ, - cô ta vừa nói trong dòng lệ vừa chỉ đứa bé, - vì con tôi mà tôi làm tất cả những gì có thể để bù đắp lại. Nếu không con tôi sẽ thừa kế cả những oán thù. Tôi có linh cảm rằng nếu việc sai trái này không được ai đền bù thì có ngày chính con tôi phải trả món nợ ấy. Tất cả những gì tôi có... chỉ trị giá không hơn mấy món châu báu bao nhiêu... tôi nhất quyết phó thác cho con tôi như một nghĩa vụ đầu tiên là phải vì lòng thương xót người mẹ đã qua đời mà dùm nó để bù đắp cho gia đình bị hại này, nếu như có thể tìm ra người em gái ấy. - Bà hôn chú bé kia, rồi vừa nói vừa âu yếm đứa con. - Tất cả là vì con. Con phải làm đúng những gì mẹ dặn nhé, Charles?

- Dạ! - Đứa trẻ đáp lại đầy gan dạ. Tôi hôn tay cô ta, cô ôm đứa bé vào lòng âu yếm rồi ra đi. Từ đó tôi không hề gặp lại.

Do cô ta đã nêu tên chồng ra vì nghĩ tôi đã biết rồi, tôi không thêm điều này vào bức thư của mình nữa. Tôi niêm kín thư, và không tin ai, tôi đích thân đi gửi bức thư ấy trong ngày hôm đó.

Tối đó, đêm cuối cùng trong năm, gần chín giờ tối, một người áo đen rung chuông trước cổng đòi gặp tôi và lặng lẽ theo sau gia nhân trẻ tuổi của tôi, cậu Ernest Defarge, đi lên lầu. Tôi đang ngồi bên người vợ. - Ôi người vợ yêu dấu của lòng tôi! Người vợ Anh quốc yêu kiều! - Thì gia nhân đi vào phòng, chúng tôi nhìn thấy sau lưng Defarge là người lạ mặt im lìm kia, người lẽ ra phải đứng chờ ngoài cổng.

Có ca bệnh cấp bách ở đường St. Honoré, hằn nói thế. Sẽ không mất nhiều thời gian của tôi vì hằn đã có xe ngựa chờ sẵn.

Xe đã đưa tôi đến đây, đến năm mồ này. Tôi vừa ra khỏi nhà thì một dải khăn đen từ phía sau đã buộc chặt miệng tôi, và trói chặt hai tay. Từ một góc tối bên kia đường, hai anh em nhà ấy băng qua và chỉ phất tay một cái ra dấu rằng đã nhận ra tôi. Hầu tước lấy trong túi ra bức thư tôi đã gửi, chìa cho tôi xem, rồi đốt cháy trong ngọn lửa đèn lồng cầm trên tay và dùng bàn chân dập tắt tàn tro. Không thốt một lời. Tôi bị đưa đến đây, tôi bị đưa đến năm mồ chôn sống này.

Giá như trong bao nhiêu năm khủng khiếp vừa qua, Chúa đã khiến một trong hai anh em nhà ấy thương tình báo cho tôi biết tin tức gì về người vợ yêu dấu của tôi - dù chỉ một lời cho biết nàng còn sống hay đã chết - thì tôi hẳn còn nghĩ là Chúa vẫn chưa từ bỏ anh em chúng. Nhưng bây giờ tôi tin rằng dấu huyết thập tự chính là số phận của chúng vì Chúa đã từ khước khoan dung. Với chúng và cả hậu duệ dòng họ của chúng, tới người cuối cùng, tôi, Alexandre Manette, tù nhân bất hạnh, vào đêm cuối cùng của năm 1767 này, trong nỗi thống khổ khôn kham, xin thề sẽ có lúc mọi tội lỗi này phải bị phán xét. Tôi xin tố cáo chúng với cả Trời Đất.



Tiếng đọc tài liệu này vừa dứt là cả Tòa án náo động kinh khủng. Một âm thanh đầy thèm khát và háo hức chỉ rung rền một điều duy nhất: máu. Câu chuyện này đã kích động những cơn giận dữ trả thù điên cuồng nhất thời ấy, và cả nước Pháp ắt hẳn không có một cái đầu nào mà không cúi gằm run sợ trước cơn thịnh nộ ấy.

Trong phiên tòa và tiếng la ó hỗn loạn, không cần nói cũng biết vợ chồng Defarge đã cất giấu những giấy tờ này, cùng với các tài liệu ghi chép khác lấy từ ngục Bastille đã được chuyển quanh, và đã chờ cơ hội công bố. Không cần nói cũng biết dòng họ bị căm ghét này từ lâu đã bị dân chúng khu Saint Antoine nguyên rủa, và nằm trong danh sách tử hình. Không có một người nào, dù có đức độ và công trạng đến đâu, mà thoát nạn được hôm ấy với lời tố cáo ấy.

Và càng tệ hại hơn cho kẻ bị kết án kia, người tố cáo lại là một Công dân tiếng tăm, là người bạn gắn bó của chính y, là người cha vợ của y. Một trong những khát vọng điên rồ của quần chúng là bắt chước công đức đáng ngờ của thời xa xưa mà hiến tế và tự hy sinh trước bàn thờ nhân dân. Cho nên khi Chánh án nói (mà nói khác đi thì đầu hẳn có nguy cơ bị chém), rằng vị bác sĩ uy tín kia đã có công lớn với nước Cộng hòa vì đã diệt trừ một dòng họ quý tộc đáng ghê tởm, rằng ông ta chắc chắn phải thâm tự hào và mừng vui vì đã biến con gái mình thành góa phụ và cháu ngoại mình thành con cô, thì những lời đó đã kích động một cảm xúc ái quốc cuồng điên không còn chút tính người.

– Ông bác sĩ có thể tác động những người ở đây không? - Mụ Defarge vừa thì thầm vừa cười với Nữ Thần Báo Oán. - Bây giờ hãy cứu hắn đi, ông bác sĩ, cứu đi!

Theo từng biểu quyết của ủy viên bồi thẩm là một tiếng gầm rú của đám đông. Biểu quyết và biểu quyết. Gầm rú và gầm rú.

Tất cả một lòng. Là tên quý tộc từ dòng dõi và từ bản chất, là kẻ thù của nước Cộng hòa, là kẻ áp bức nhân dân khét tiếng. Trở lại ngục Conciergerie, và chịu án tử hình trong hai mươi bốn giờ tới!

11. U ám

Người vợ bất hạnh của kẻ vô tội vừa bị tuyên án tử kia quy xuống như thể bản án đã kết liễu đời nàng. Nhưng nàng không thốt một lời; nhanh chóng vượt qua nỗi kinh hoàng vì tiếng nói trong lòng mạnh mẽ thôi thúc nàng nhớ rằng trên đời này chỉ có mỗi nàng mới có thể giúp chồng đương đầu chứ không phải gánh chịu thêm đau khổ.

Các pháp quan phải tham gia cuộc biểu tình tuần hành ngoài đường phố, Tòa án hoãn xét xử. Tiếng người huyên náo ào ào rời tòa theo mọi lối vẫn vang động khi Lucie đứng giơ tay về phía chồng, nét mặt nàng tràn trề yêu thương và an ủi.

– Giá như tôi có thể chạm được người ấy! Giá như tôi có thể ôm người ấy được một lần! Ôi, hỡi các Công dân tốt, giá như các người thông cảm cho chúng tôi!

Chỉ còn lại một người cai ngục cùng với hai trong số bốn người đã bắt Darnay đêm qua, và Barsad. Dân chúng đã đổ hết ra ngoài xem trò trên đường phố. Barsad đề nghị với những người kia:

– Thế thì cho cô ta ôm người này đi; chỉ một chút thôi.

Họ im lặng chấp thuận và đưa Lucie băng qua những dãy ghế tới bục cao nơi Darnay, nếu chồm người qua vành móng ngựa, có thể vươn tay ôm vợ.

– Vĩnh biệt tình yêu. Đây là lời cầu chúc cuối cùng cho người yêu dấu. Chúng ta sẽ lại gặp nhau nơi an nghỉ của những người mỗi một trần gian!

Đó là lời của người chồng khi chàng ôm vợ vào lòng.

– Em chịu đựng được, Charles ơi. Có ơn trên phù hộ em; anh đừng đau khổ cho em. Hãy gửi lời cầu chúc cuối cùng cho con chúng ta.

– Nhờ em gửi đến con cho anh. Em thay anh gửi cho con chiếc hôn này. Em thay gửi cho con lời vĩnh biệt này.

– Anh ơi. Khoan! Một phút thôi! - Charles Darnay đang buông nàng ra. - Chúng ta sẽ không chia lìa lâu. Nỗi đau khổ này sẽ sớm kết thúc đời em; nhưng em sẽ làm phận sự của mình với con khi còn có thể, để khi em lìa đời, Chúa sẽ gửi những người bạn đến giúp con như Chúa đã giúp em.

Bác sĩ Manette nãy giờ theo sau con gái, và hẳn đã khuỵu gối trước cả Charles và Lucie nếu như người con rể không đưa tay ra giữ ông lại. Charles kêu lên:

– Đừng, đừng! Cha có làm gì đâu, cha có làm gì đâu, mà phải quỳ trước chúng con! Chúng con giờ đã biết cha ngày xưa đã chống chọi khó nhọc chừng nào. Chúng con giờ đã biết cha đã trải qua những gì khi cha nghi ngờ dòng dõi của con, và khi cha đã biết đích xác. Chúng con giờ đã biết, cha đã kháng cự và chế ngự ác cảm đối với con vì tình thương cha dành cho Lucie. Chúng con mang ơn cha hết lòng, hết cả tình yêu thương và hiếu thảo, cầu ơn trên phù hộ cha!

Người cha không biết nói gì hơn là đưa hai tay luồn vào mái tóc bạc của mình day dứt và bật lên một tiếng kêu thống khổ.

– Không thể làm gì khác, - Charles nói. - Mọi sự đã an bài. Con đã luôn cố công vô ích để hoàn thành tâm nguyện mẹ con từng phó thác, điều ngay từ đầu đã run rủi đưa con đến gặp cha. Sự độc ác như thế không thể nào sinh ra điều tốt đẹp, khởi đầu bất hạnh như thế làm sao có kết cục hạnh phúc hơn. Xin hãy bình tâm và tha thứ cho con. Cầu ơn trên phù hộ cha!

Lucie buông tay khi Charles bị giải đi và nàng đứng nhìn theo chồng, hai bàn tay chấp vào như thể nguyện cầu, gương mặt rạng ngời triu mến, thậm chí còn thoáng nụ cười trấn an. Charles vừa khuất bóng sau cánh cửa lối ra dành cho tội nhân, nàng quay lại ngả đầu vào ngực cha, định nói mấy lời nhưng rồi ngã quy.

Ngay lúc đó, từ trong một góc khuất đứng bất động nãy giờ, Sydney Carton liền tiến ra đỡ lấy nàng. Phong thái của anh không hẳn là thương xót hoàn toàn - có chút gì kiêu hãnh bừng bừng trên nét mặt.

– Tôi đưa cô ấy ra xe ngựa nhé? Cô ấy nhẹ lắm, hãy để tôi bế cô ấy.

Sydney nhẹ nhàng bế Lucie ra cửa và dịu dàng đặt nàng lên đệm ghế. Bác sĩ Manette và ông bạn già cùng vào xe, còn anh lên ngồi chỗ cạnh người xà ích.

Khi xe về tới cổng ngôi nhà Sydney đã dừng bước trong bóng tối chỉ mấy giờ trước, mừng tượng mình đang đi trên phiến đá nhám từng nâng bước chân nàng, anh lại bế nàng xuống xe đưa lên cầu thang vào căn hộ. Tối nơi, anh đặt Lucie nằm xuống trường kỷ còn bé gái và chị Pross đứng bên khóc òa.

– Đừng làm cô ấy tỉnh lại, - anh nói khẽ với chị Pross, - cứ để cô ấy như thế thì hơn. Cô ấy chỉ ngất đi thôi, đừng làm cô ấy tỉnh lại.

– Ôi, bác Carton, bác Carton ơi! - Bé Lucie vừa thốt lên vừa nhảy tới ôm chầm lấy anh trong cơn buồn khổ. - Giờ đã có bác ở đây, bác làm gì giúp *mama* đi bác, bác làm gì cứu *papa* đi bác! Ôi, nhìn mẹ cháu kìa, bác ơi! Trong tất cả những người yêu thương mẹ cháu, bác nào nhìn mẹ cháu như thế?

Anh cúi xuống bé Lucie, tựa má mình vào bên má tươi hồng của đứa trẻ. Anh nhẹ nhàng đẩy cô bé ra và nhìn Lucie đang bất tỉnh.

– Trước khi bác đi, - anh nói, ngập ngừng - ...cho phép bác hôn mẹ cháu nhé?

Mấy lời anh thầm thì khi chạm môi vào nàng sẽ được nhớ mãi về sau. Đứa bé, đứng kề bên anh, sau này thuật lại và khi về già vẫn thuật lại cho con cháu nghe, rằng Carton đã nói: “Vì tính mệnh người em yêu.”

Lúc đi ra phòng kế bên, anh đột ngột quay sang ông Lorry và bác sĩ Manette đang theo sau, và anh nói với ông bác sĩ:

– Mới hôm qua thôi ông vẫn còn nhiều sức tác động, bác sĩ Manette; chỉ ít hãy cố thử lại lần nữa vào hôm nay. Các quan toàn và mọi người có thẩm quyền đều rất thân thiện với ông, ghi nhận công lao của ông, phải vậy không?

– Không gì có thể cứu giúp Charles mà tôi chưa thử. Tôi đã rất tự tin là mình có thể cứu được cậu ấy; và tôi đã làm vậy. - Ông đáp lại rất khó khăn từng lời.

– Hãy thử lần nữa. Từ giờ đến chiều mai không còn bao nhiêu thời gian, nhưng cứ cố gắng.

– Tôi cũng có ý đó. Tôi sẽ không ngồi yên một phút nào.

– Thế thì tốt. Tôi biết người có năng lực như ông trước đây vẫn làm được nhiều việc lớn... dù không bao giờ, - anh nói thêm, một nụ cười kèm tiếng thở dài, - có những việc phi thường thế này. Nhưng cứ thử! Cuộc đời chẳng đáng giá gì mấy khi ta phí phạm, nhưng cũng đáng thử. Không thử thì đời càng không đáng một xu.

– Tôi sẽ đi, - bác sĩ Manette nói, - đi gặp ngay ủy viên công tố và Chánh án, tôi sẽ đi gặp những người khác không tiện nêu tên. Tôi cũng sẽ viết thư nữa, và... Nhưng khoan! Ngoài đường đang có hội hè, và sẽ không gặp được ai đâu cho đến tối.

– Đúng thế. Chà! Hy vọng thật hảo huyền, và càng hảo huyền hơn khi trì hoãn đến tối. Dù sao tôi cũng muốn biết ông định làm thế nào, vậy thôi! Tôi không dám mong đợi gì! Khi nào ông có thể gặp được những quyền uy ghê gớm đó, bác sĩ Manette?

– Ngay khi trời tối, tôi mong là vậy. Trong vòng một hay hai giờ nữa.

– Trời sẽ sụp tối nhanh sau bốn giờ. Ta cứ cho là một hay hai giờ nữa. Nếu tôi đến chỗ ông Lorry lúc chín giờ, hy vọng tôi sẽ biết kết quả những việc ông làm, hoặc là từ ông Lorry, hoặc là từ chính ông nói?

– Được.

– Chúc ông thành công!

Ông Lorry theo Sydney ra cửa và lúc anh đi ra đi thì ông nắm vai anh giữ lại.

– Ta không có hy vọng gì, - ông Lorry nói, giọng thì thầm đau khổ.

– Tôi cũng vậy.

– Nếu như có ai trong số người đó, hay cả đám đó, mà có ý muốn tha Darnay; chuyện này là ảo tưởng vì tính mạng của anh ta hay của bất kỳ ai có nghĩa lý gì với họ đâu!... Nhưng tôi nghĩ là dù có muốn thì họ cũng không dám tha chết cho Darnay đâu sau những phản ứng của dân chúng trong phiên tòa.

– Ta cũng nghĩ thế. Ta đã ngửi thấy mùi máu trong tiếng la ó của họ.

Ông Lorry chống tay lên khung cửa, giấu mặt vào cánh tay.

– Đừng nản lòng, - Carton nói rất nhẹ nhàng, - đừng khổ sở. Tôi đã có ý khích lệ bác sĩ Manette như thế vì tôi thấy việc đó biết đâu sẽ làm cho Lucie an lòng, nguôi ngoai. Nếu không, cô ấy có thể sẽ nghĩ là mọi người đã phó mặc tính mạng Darnay và điều đó sẽ khiến cô ấy phiền muộn lắm.

– Đúng, đúng, đúng thế, - ông Lorry vừa lau nước mắt vừa đáp, - cậu nói đúng. Nhưng Darnay sẽ mất mạng; không còn hy vọng gì nữa.

– Đúng. Darnay sẽ mất mạng; không còn hy vọng gì nữa, - Carton lặp lại.

Rồi anh vững bước xuống cầu thang.

12. Bóng tối

Sydney Carton dừng dưới đường, chưa biết sẽ đi đâu.

– Ở Ngân hàng Tellson lúc chín giờ, - anh dăm chiêu nói một mình.
- Trong lúc này mà mình lộ diện ra thì có nên chẳng? Chắc là có. Tốt nhất những người ở đây phải biết hiện có một kẻ nhân dạng như mình; đó là cách đề phòng khôn ngoan, và có thể là sự chuẩn bị cần thiết. Nhưng cẩn thận, cẩn thận nào! Phải suy nghĩ cho kĩ!

Bước chân vừa quen đi theo con đường đã chọn, anh đã chùn lại, rẽ sang hai hay ba ngõ phố đang tối dần, trong đầu cân nhắc những hậu quả có thể xảy ra. Những ý nghĩ ban đầu được khẳng định.

– Vậy là tốt nhất, - cuối cùng anh đã quyết, - những người ở đây phải biết hiện có một kẻ nhân dạng như mình. - Và anh đi về hướng Saint Antoine.

Defarge hôm nay đã tự xưng là người bán rượu ở khu Saint Antoine. Với kẻ thông thạo kinh thành này thì không cần hỏi ai cũng dễ dàng tìm ra nơi đó. Sau khi xác định địa thế, Carton lại từ những đường gần đấy ấy đi ra, vào một quán ăn dùng bữa tối và ngủ một giấc tại chỗ. Lần đầu tiên sau nhiều năm, anh không uống rượu mạnh. Từ đêm qua anh chẳng uống gì ngoài chút rượu vang loãng nhạt, và đêm qua đã chậm chậm trút hết những cốc rượu brandy vào lò sưởi của ông Lorry cứ như anh đã đoạn tuyệt với nó.

Đến bảy giờ, anh thức dậy thoải mái và lại đi ra đường. Lúc đi về hướng Saint Antoine, anh dừng trước một cửa sổ bày hàng có tấm gương soi, chỉnh đốn trang phục chút ít, sửa lại chiếc cà vạt lỏng, dựng cổ áo choàng lên và vuốt lại mái tóc rối bù. Xong đi thẳng đến tửu quán Defarge, và vào trong.

Tình cờ lúc đó không có khách nào trong quán ngoài Jacques Ba, kẻ có những ngón tay không yên và giọng nói ồm ồm. Người này anh đã

thấy ngồi trong bồi thẩm đoàn; y đang ở bên quầy rượu nhỏ, vừa uống vừa trò chuyện với vợ chồng Defarge. Nữ Thần Báo Oán cũng tham gia câu chuyện, như một khách quen của quán này.

Lúc Carton bước vào, chọn chỗ ngồi và gọi (bằng tiếng Pháp rất kém) một phần rượu nhỏ, mụ Defarge thờ ơ liếc nhìn anh, sau đó nhìn kĩ hơn, rồi kĩ hơn nữa, và đích thân chị ta đi tới hỏi anh vừa gọi gì.

Anh lặp lại những gì đã nói.

– Người Anh? - Mụ Defarge nhướn cặp chân mày đen đậm lên dò hỏi.

Sau khi nhìn mụ ta cứ như khó khăn lắm mới hiểu được một từ tiếng Pháp, Carton đáp bằng giọng nước ngoài lơ lơ như trước.

– Phải, *madame*, phải. Tôi người Anh!

Mụ Defarge quay lại quầy lấy rượu và trong lúc anh cầm tờ báo của phe Jacobin giả vờ như đang cố đọc để hiểu mớ chữ nghĩa rối rắm đó, anh nghe chị ta nói:

– Thề với anh, giống hệt Evrémonde!

Defarge mang rượu tới và chào.

– Sao?

– Xin chào.

– A! Xin chào, Công dân, - Carton rót rượu vào ly mình. - A! Rượu ngon. Tôi uống mừng nước Cộng hòa.

Defarge trở lại quầy, và nói:

– Đúng là hơi giống.

– Tôi đã bảo là y hệt mà, - chị vợ lạnh lùng đáp.

– Hẳn ám ảnh trong tâm trí của bà, *madame*. - Jacques Ba giảng hòa.

– Chứ còn gì nữa! - Nữ Thần Báo Oán bật cười, nói chen vào.

– Và chị đang nôn nóng vui mừng muốn gặp lại hân ngày mai.

Carton đưa ngón tay trở chậm chạp dò theo từng dòng từng chữ trên trang báo, vẻ mặt vờ như chăm chú. Nhóm người kia chống tay lên

quầy rượu chụm sát lại nói khẽ. Sau một lúc tất cả im lặng cùng nhìn về phía Carton mà không quấy nhiễu việc tập trung đọc tờ báo Jacobin của anh, họ tiếp tục câu chuyện.

– Những gì *madame* nói là đúng, - Jacques Ba lên tiếng. - Tại sao lại ngừng? Rất chí lý mà. Sao lại ngừng?

– À, à, - Defarge cãi lý, - nhưng người ta phải ngừng lại ở đâu đó chứ. Nói cho cùng, vấn đề là ở đâu?

– Lúc nào tiêu diệt hết, - vợ Defarge nói.

– Tuyệt! - Jacques Ba ồm ồm nói. Nữ Thần Báo Oán cũng nhiệt tình tán thành.

– Tiêu diệt là thượng sách, mình à, - Defarge có phần bất an. - Nói chung tôi không hề chống lại chuyện đó. Nhưng ông bác sĩ này đã đau khổ quá nhiều; hôm nay mình đã thấy ông ta rồi đó; mình đã thấy mặt ông ta như thế nào khi xấp giấy đó được đọc lên.

– Tôi đã thấy bản mặt đó! - Giọng vợ tức tối và khinh bỉ. - Đúng. Tôi đã thấy bản mặt đó! Tôi đã thấy bản mặt lão không phải là mặt một người bạn đích thực của nước Cộng hòa. Hãy để lão tự lo cho bản mặt của lão!

– Mình cũng đã thấy con gái ông ta đau khổ thế nào rồi, - Defarge nói đầy vẻ khẩn khoản, - điều đó cũng khiến ông ấy đau khổ kinh khủng!

– Tôi đã thấy con gái lão, - tiếng vợ Defarge. - Đúng, tôi đã thấy con gái lão, không chỉ một lần. Tôi đã thấy nó hôm nay và nhiều lần khác. Tôi đã thấy nó trong phiên tòa, và tôi đã thấy nó ngoài đường phố bên cạnh nhà tù. Tôi chỉ cần nhắc một ngón tay!... - Vợ Defarge dường như đang đưa ngón tay trở lên và thả cho buông phịch trên cạnh quầy trước mặt chị ta, như lưỡi dao máy chém phập xuống. Ánh mắt người nghe lồm vồm dán vào tờ báo.

– Nữ Công dân ưu việt! - Jacques Ba nói ồm oàm.

– Chị là thiên thần! - Nữ Thần Báo Oán ôm chầm lấy vợ Defarge.

– Còn anh, - mẹ khẳng khẳng nói với chồng, - may là anh không quyền gì; nếu anh mà có thì anh nhất định sẽ cứu sống cả tên con rể ngay bây giờ.

– Không! - Defarge phản đối. - Không hề, cho dù tôi có thừa sức làm thế đi nữa! Nhưng tôi dừng chuyện này lại ở đây. Tôi nói, dừng ở đây.

– Vậy thì hẹn gặp lại, Jacques, - mẹ Defarge giọng đầy tức giận. - Hẹn gặp lại chị nữa, Nữ Thần Báo Oán. Sẽ gặp lại cả hai! Nhớ đó! Tôi đã đưa cả dòng họ nhà này vào danh sách kết tội và tiêu diệt từ lâu rồi, vì đủ loại tội ác của bọn bạo ngược và áp bức. Cứ hỏi chồng tôi xem có đúng không.

– Đúng thế đó, - Defarge xác nhận không cần ai hỏi.

– Vào ngày bắt đầu thời vinh quang này, lúc ngục Bastille thất thủ, chồng tôi đã tìm được xấp giấy đã đọc ở tòa hôm nay, chồng tôi đã mang về nhà, lúc nửa đêm, khi quán đã đóng cửa yên vắng, chúng tôi đã đọc, ngay chỗ này, dưới ngọn đèn này. Cứ hỏi chồng tôi xem có đúng không.

– Đúng thế đó, - Defarge xác nhận.

– Đêm đó, tôi bảo chồng tôi khi đọc xong xấp giấy, đèn đã cạn dầu, và hừng đông đã lộ dạng qua những khe cửa chớp và những chấn song kia, tôi đã nói tôi cần tiết lộ một bí mật. Cứ hỏi chồng tôi xem có đúng không.

– Đúng thế đó, - Defarge lại xác nhận.

– Tôi đã kể lại bí mật đó cho chồng tôi. Tôi đã đâm ngực mình bằng hai bàn tay này giống như tôi đâm ngực mình lúc này đây, và tôi nói, “Defarge, tôi được những ngư dân bên bờ biển nuôi nấng, nhưng gia đình ruột thịt của tôi chính là gia đình nông dân bị hai anh em nhà Evrémonde hãm hại, như xấp giấy trong ngục Bastille đã thuật lại. Defarge, người chị của cậu nông dân bị sát thương nằm trên sàn nhà đó chính là chị tôi, người chồng đó chính là anh rể tôi, đứa bé chưa chào đời đó là con của họ, cậu nông dân đó là anh tôi, người cha đó là

cha tôi, những người chết đó đều là người thân của tôi, và chỉ còn lại tôi phải đòi chúng nó đền tội!”. Cứ hỏi chồng tôi xem có đúng không.

– Đúng thế đó, - Defarge xác nhận lần nữa.

– Vậy thì hãy chỉ chỗ cho gió với lửa dừng lại! - Mụ Defarge đáp. -
Đừng có nói với tôi!

Biết được lý do hận thù ghê gớm của mụ Defarge, hai người nghe lấy làm khoái chí một cách kinh tởm và cả hai đều hết lòng cổ vũ, trong lúc người khách đơn độc đằng kia, mắt dán vào tờ báo, vẫn có thể cảm nhận được nỗi hận tím tái của người đàn bà này. Defarge, thiếu số yếu ớt, chen vào mấy lời nhắc nhở đến người vợ có lòng trắc ẩn của ông Hầu tước, nhưng chỉ khiến chị vợ lặp lại câu nói ban nãy:

– Vậy thì hãy chỉ chỗ cho gió với lửa dừng lại! Đừng có nói với tôi!

Có mấy khách bước vào từ quán và nhóm bên trong giải tán. Người khách Anh quốc trả tiền rượu, lúng túng đếm tiền thối, rồi xin chỉ đường tới Lâu đài Quốc Gia như người xứ lạ. Mụ Defarge đưa khách ra cửa, nắm lấy cánh tay khách, chỉ hướng đi. Khách không nén được ý nghĩ rằng phải chi được tóm chặt cánh tay mụ vợ chủ quán, nhắc lên và đâm vào hông mụ ta một nhát kiếm ngấp sâu, thì thật ơn phước cho bao người.

Nhưng rồi Carton im lặng ra đi và chẳng mấy chốc đã khuất dạng trong bóng tối của tường thành nhà tù. Đến giờ hẹn, anh lại từ đó đi đến chỗ ông Lorry, và thấy ông già đang lo lắng bồn chồn đi tới đi lui. Ông đã ở bên Lucie mãi tới mấy phút trước mới ra về cho kịp cuộc hẹn này. Không thấy bóng bác sĩ Manette đâu từ khi ông rời ngân hàng này lúc gần bốn giờ. Lucie vẫn còn bám víu vào hy vọng mong manh là cha nàng có thể dàn xếp để cứu Charles. Ông bác sĩ đã đi được năm tiếng đồng hồ rồi; không biết ông ấy đi đâu.

Ông Lorry chờ đến mười giờ nhưng vẫn không thấy bác sĩ Manette trở lại, ông không muốn để Lucie lo lắng thêm nữa nên thu xếp quay lại nhà Lucie và sẽ trở về Ngân hàng lúc nửa đêm. Trong lúc đó, Carton một mình ngồi bên lò sưởi chờ ông bác sĩ.

Anh chờ, chờ mãi, và đồng hồ đã điểm mười hai tiếng mà vẫn không thấy bóng bác sĩ Manette trở lại. Ông Lorry quay về, không có tin tức gì từ ông bác sĩ và từ bất kỳ ai. Không biết ông ấy đi đâu?

Hai người đang bàn bạc chuyện này, hầu như đã cho rằng sự vắng mặt kéo dài của bác sĩ Manette là dấu hiệu mong manh của hy vọng thì họ nghe tiếng chân bác sĩ lên cầu thang. Ngay khi ông Manette bước vào phòng, rõ ràng là tất cả đã tiêu tan.

Không bao giờ biết được bác sĩ thực tế đã gặp ai hay chỉ xuôi ngược trên đường. Lúc bác sĩ Manette dăm dăm nhìn họ, không ai hỏi câu nào vì gương mặt bác sĩ đã nói hết mọi điều.

– Tôi không tìm ra, - bác sĩ nói, - tôi phải tìm cho ra. Nó đâu rồi?

Đầu không mũ nón, cổ không khăn quàng, và trong lúc bác sĩ vừa nói vừa bắt lực đào mắt khắp phòng, ông cởi áo khoác ra thả luôn xuống sàn.

– Băng ghế thợ giày của tôi đâu? Tôi đã tìm nó khắp nơi mà không thấy. Họ làm gì với mấy chiếc giày dang dở của tôi? Gấp lắm rồi, tôi phải làm cho xong mấy chiếc giày đó.

Carton và ông Lorry nhìn nhau, lòng chết điếng.

– Mau, mau! - Bác sĩ Manette vẫn nói với giọng rên rỉ khốn khổ. - Để cho tôi làm việc. Trả lại giày cho tôi.

Không nghe ai đáp lời, ông vò đầu bứt tóc, và giậm chân xuống sàn, như một đứa trẻ tức tối.

– Đừng hành hạ kẻ khốn khổ cô độc tội nghiệp này nữa, - ông Manette nài nỉ họ bằng tiếng hét đáng sợ. - Trả lại giày cho tôi! Tối nay mà không xong đôi giày thì sẽ ra sao đây?

Mất trí rồi, mất trí hoàn toàn!

Rõ ràng là không còn hy vọng gì thuyết phục hay cố làm cho bác sĩ tỉnh trí lại, không ai bảo ai, Carton và ông Lorry cùng đặt tay lên vai ông bác sĩ, đỡ dành ông ấy ngồi xuống trước lò sưởi và hứa hẹn sẽ cho ông làm giày ngay. Ông Manette ngồi lệt thềm trong ghế, ủ ê nhìn

những tàn lửa, và khóc. Mọi chuyện đã xảy ra từ ngày ông bác sĩ rời khỏi gác xếp Saint Antoine cứ như một giấc mơ hay ảo tưởng thoáng qua, và trong mắt ông Lorry, ông bác sĩ đã trở lại đúng như con người mà Defarge đã trông chừng ngày xưa.

Dù sững sờ và đau lòng trước cảnh tượng suy sụp ghê gớm này, cả Carton lẫn ông Lorry đều biết bây giờ không phải lúc buông thả theo cảm xúc. Họ buộc phải kiên cường khi cô con gái đơn chiếc của ông bác sĩ đã không thể nương tựa vào niềm hy vọng cuối cùng này. Một lần nữa, không ai bảo ai, hai người nhìn nhau, vẻ mặt đầy ngụ ý. Carton là người đầu tiên lên tiếng:

– Cơ hội cuối cùng vốn đã mong manh giờ cũng đã mất. Phải, nên đưa ông ấy về với Lucie. Nhưng trước khi ông đi, xin ông một phút nghe thật kĩ tôi nói. Đừng hỏi tại sao lại có những điều kiện như tôi sẽ đặt ra, đừng hỏi tại sao lại có những lời hứa như tôi sẽ đòi hỏi. Tôi có lý do... lý do chính đáng.

– Ta không hề nghi ngờ, - ông Lorry đáp. - Xin cứ nói.

Người ngồi trên ghế ở giữa họ cứ không ngừng lắc lư tới lui một kiểu và than van. Hai người hạ giọng nói chuyện như thể đang ngồi cạnh bên giường người bệnh giữa đêm.

Carton cúi xuống nhặt lên chiếc áo khoác của bác sĩ đang nằm vương vãi dưới chân anh. Vừa cầm lên thì từ trong áo rơi xuống sàn chiếc hộp nhỏ mà bác sĩ thường cất giữ những ghi chép về công việc thường ngày. Carton nhặt chiếc hộp lên, bên trong có một tờ giấy gấp lại.

– Chúng ta nên xem qua cái này! - Anh nói.

Ông Lorry gạt đầu đồng tình. Anh mở ra và thốt lên:

– Tạ ơn Chúa!

– Gì thế? - Ông Lorry nôn nao hỏi.

– Khoan! Rồi tôi sẽ nói rõ sau. Trước hết, - anh cho tay vào túi khoác của mình lấy ra một tờ giấy khác, - đây là giấy thông hành cho

phép tôi rời khỏi kinh thành này. Ông xem đi. Thấy không...? Sydney Carton, người Anh quốc?

Ông Lorry cầm tờ giấy mở rộng trong tay, chăm chú nhìn gương mặt hăng hái của Carton.

– Hãy giữ giúp tôi cho tới ngày mai. Ngày mai tôi sẽ gặp Darnay trong tù, ông nhớ không, và tôi không nên mang giấy này theo.

– Sao lại không?

– Tôi không biết; tôi không muốn mang theo. Bây giờ hãy xem tờ giấy mà bác sĩ Manette mang theo trong người. Cũng là một giấy thông hành tương tự, cho phép ông ấy và con gái cùng đứa bé, vượt qua cổng thành và biên giới, bất cứ lúc nào! Thấy chưa?

– Rồi!

– Có lẽ ông Manette đã xin được giấy này hôm qua, như một phương cách cuối cùng để phòng chuyện dữ. Giấy được ký ngày nào nhỉ? Nhưng không quan trọng; đừng mất thời giờ tìm hiểu; hãy cất kỹ cùng với giấy thông hành của tôi và của ông. Bây giờ, nghe tôi nói! Mãi đến một, hai giờ trước đây, tôi vẫn không hề nghĩ là bác sĩ có được giấy thông hành như thế. Giấy vẫn dùng được cho đến khi hết hiệu lực. Nhưng có thể sẽ sớm hết hiệu lực đấy, và tôi có lý do để tin như thế, chắc chắn.

– Họ không gặp nguy hiểm gì chứ?

– Họ đang gặp nguy hiểm vô cùng. Họ có nguy cơ bị mục Defarge tố giác. Tôi đã nghe chính miệng bà ta nói. Tối nay tôi đã nghe lỏm được những lời của bà ta khiến tôi thấy rõ nguy cơ đang chờ chực họ. Không chậm trễ, ngay sau đó tôi đã đi gặp tên gián điệp. Hắn đã xác nhận với tôi. Hắn biết có một tên thợ cưa, sống cạnh tường thành nhà tù, là người dưới quyền điều khiển của vợ chồng Defarge, và hắn đã báo cho mục Defarge biết là đã thấy Lucie lui tới đó... hắn không hề nói tên Lucie... thấy Lucie làm dấu và ra hiệu với tù nhân. Rất dễ thấy trước đây là cái cớ cho một tội phổ biến, tội mưu đồ với người trong tù, sẽ liên lụy đến tính mạng của Lucie... và có lẽ đến con cô ấy nữa...

vì cả hai đều bị nhìn thấy đã đứng ở đó. Đứng kinh hoàng như thế. Ông sẽ cứu tất cả.

– Cầu Chúa cho ta cứu được họ, Carton! Nhưng bằng cách nào?

– Tôi sẽ cho ông biết cách. Tất cả trông cậy ở ông và không thể có ai khác tốt hơn. Việc tố giác này chắc chắn sẽ không xảy ra từ giờ cho đến sau ngày mai; có lẽ hai, ba ngày nữa cũng chưa; nhưng một tuần sau thì có khả năng. Ông biết cả việc để tang than khóc, hay thông cảm với nạn nhân bị lên máy chém cũng là một trọng tội. Lucie và cha cô ấy chắc chắn sẽ bị tội này, và người đàn bà kia, với thù hận thâm căn khôn tả, sẽ chực chờ để tố giác thêm tội đó cho tăng sức mạnh của bà ta, và cho thêm chắc chắn khả năng kết án. Ông hiểu ý tôi chứ?

– Nghe rất kĩ, và hết lòng tin vào lời anh nói tới mức, nghe anh nói ta quên luôn cả nỗi đau buồn này, - ông Lorry chạm tay vào lưng ghế của bác sĩ Manette.

– Ông có tiền, và có thể mua phương tiện đi tới bờ biển nhanh nhất để thực hiện hành trình. Mấy ngày trước ông đã chuẩn bị xong phần mình để về lại nước Anh. Sáng sớm ngày mai ông phải lo ngựa xe sẵn sàng để có thể khởi hành đúng hai giờ chiều.

– Sẽ lo được!

Phong thái Carton đầy sôi nổi và lay lan khiến ông Lorry cũng hừng hực theo và nhanh nhẹn như trai trẻ.

– Ông là người cao quý. Tôi đã nói là không thể trông cậy ai tốt hơn mà. Đêm nay hãy nói với Lucie những gì ông biết về nguy cơ đang chờ đợi và liên lụy đến cả cha cùng con cô ấy. Hãy nhấn mạnh điều đó bởi vì Lucie lại đang sẵn lòng được chết theo chồng. - Anh ngần ngừ một lúc rồi nói tiếp. - Hãy vì đứa bé và cha cô ấy mà thúc giục Lucie phải rời Paris ngay, vào giờ đó, ông với cả nhà họ cùng đi. Hãy nói đây là việc thu xếp cuối cùng của chồng cô ấy. Hãy nói với Lucie là tất cả đều trông cậy vào mỗi điều này, hơn cả cô ấy tưởng hay hy vọng. Theo ông thì cha cô ấy trong tình trạng đáng tiếc này có chịu thuận theo ý của cô con gái không?

– Ta chắc là chịu.

– Tôi cũng nghĩ thế. Cứ âm thầm, lặng lẽ chuẩn bị mọi việc ngay dưới sân này, thậm chí ông lên ngồi sẵn trên xe. Ngay lúc tôi đến gặp ông, tôi lên xe là đi ngay.

– Như vậy là trong tình huống nào cũng phải chờ cậu?

– Ông đã giữ giấy thông hành của tôi cùng với mọi người rồi đó, và phải dành chỗ cho tôi. Không chần chờ gì hết, tôi đến là đi ngay, về Anh quốc!

– Ồ, - ông Lorry nắm chặt bàn tay bình tĩnh và quả quyết của Carton, - thế thì tất cả không chỉ trông cậy vào mỗi lão già này đâu, mà bên cạnh ta còn có một người trai tráng nhiệt huyết.

– Có Chúa giúp thì ông sẽ toại nguyện! Ông phải hứa chắc chắn với tôi là không có bất cứ điều gì có thể thay đổi được phương kế mà chúng ta đã cam kết với nhau ở đây.

– Chắc chắn, Carton.

– Ngày mai phải nhớ những lời này; nếu thay đổi phương kế, hay trì hoãn vì bất cứ lý do gì thì không thể cứu sống được ai mà nhất định còn khiến nhiều người phải hy sinh tính mạng.

– Ta sẽ ghi nhớ. Ta mong sẽ làm chu tất phần mình.

– Và tôi mong sẽ làm chu tất phần của tôi. Bây giờ, xin tạm biệt!

Dù anh nói với một nụ cười nghiêm trang và chân thành thậm chí còn hôn tay ông già, anh vẫn chưa ra đi ngay. Anh giúp ông Lorry đỡ bác sĩ Manette này giờ vẫn ngồi lắc lư trước tàn lửa tắt dần trong lò sưởi đứng dậy, đội mũ khoác áo cho bác sĩ, và đỡ dành cho ông ta thôi rên rỉ về chuyện phải tìm cho ra nơi cất giấu băng ghế thợ với những chiếc giày. Anh đi một bên dìu ông bác sĩ, đưa đến tận sân nhà Lucie, nơi cô gái đau khổ ấy vẫn thức canh đêm trường ghê sợ, cô gái thuở nào từng hạnh phúc khi anh thổ lộ nỗi lòng cô quạnh của mình. Anh bước vào sân và đứng một mình vài phút, ngược nhìn lên ánh đèn trên cửa sổ phòng nàng. Trước khi ra đi, anh gửi theo gió về nơi ấy một chiếc hôn, và một lời vĩnh quyết.

13. Năm mươi hai

Trong ngục tối Conciergerie, những kẻ đã bị kết án chờ tới ngày định mệnh, số người chờ bằng số tuần lễ của một năm. Năm mươi hai người chiều hôm ấy sẽ bị dòng đời của kinh thành cuốn trôi ra biển cả vô bờ vô tận. Họ chưa rời khỏi ngục thất nhưng người cư ngụ mới đã được chỉ định; máu họ chưa hòa vào dòng máu tuôn trào hôm qua thì dòng máu sẽ hòa với máu họ đổ xuống ngày mai đã được chọn lựa.

Năm mươi hai người đã bị kết án. Từ viên quan thu thuế bảy mươi tuổi mà của cải không mua được mạng sống, cho tới cô thợ may hai mươi tuổi mà thân phận nghèo hèn vô danh không cứu được tương lai. Cái bệnh dịch, bắt nguồn từ thói ác độc vô tình của con người, sẽ vồ lấy các nạn nhân thuộc mọi tầng lớp; và cơn điên loạn đạo lý hãi hùng, sinh ra từ khổ đau khôn tả, áp bức khôn kham, và dừng dừng vô cảm, sẽ giáng xuống bất kể ai.

Một mình trong ngục thất, Charles Darnay không hề nuôi dưỡng ảo tưởng nào từ khi anh rời khỏi tòa án. Trong từng dòng thuật sự được đọc lên ở đó, anh đã nghe bản án của mình. Anh hiểu rõ không một thế lực cá nhân nào có thể cứu được anh, hầu như anh đã bị hàng triệu dân chúng tuyên án, và không một con người nào còn làm gì được cho anh.

Tuy vậy, anh không dễ dàng chấp nhận số phận đang chờ đợi khi hình ảnh nét mặt của người vợ yêu dấu vẫn in đậm trong tâm trí của anh. Anh vẫn bám chặt vào sự sống không rời, rất khó, rất khó buông; nếu một bàn tay có mỗi mồn sức bám đôi chút thì bàn tay kia sẽ bầu vịu càng chặt hơn; và khi bàn tay anh đã dốc sức níu kéo sự sống có buông lơi thì bàn tay còn lại sẽ ghì chặt. Bao suy nghĩ cuộn cuộn trong đầu, và nhịp đập cuồng nhiệt trong tim không cho phép anh buông xuôi trước cái chết. Nếu có lúc nào đó nản lòng bởi cứ nghĩ đến

cảnh vợ góa con côi thì anh lại thấy buồn xuôi là ích kỷ và anh tiếp tục kháng cự.

Nhưng đó chỉ là ban đầu thôi. Chẳng bao lâu sau, anh lại thấy cái chết mà anh phải đối mặt chẳng có gì là nhục nhã, và cảm thấy được khích lệ hơn khi nghĩ đến bao nhiêu người đã cùng đi trên con đường oan trái đó, hàng ngày, và họ vẫn can trường giẫm lên cái chết. Sau đó anh nghĩ rằng chính sự điềm tĩnh ngoan cường của anh mới giúp cho những người thương yêu được sống bình an trong tương lai. Cho nên dần dần anh yên lòng hơn và có thể nghĩ đến những điều vui vẻ hơn cho lòng thư thái.

Trước khi trời sụp tối vào ngày anh bị kết án tử, Darnay đang trong tâm trạng bình thản ấy. Được phép mua giấy bút và đèn, anh ngồi xuống viết thư cho tới giờ nhà tù buộc phải tắt lửa.

Anh viết một lá thư dài cho Lucie, bày tỏ rằng anh không hề hay biết gì về việc cha nàng bị giam cầm cho đến khi anh nghe chính nàng nói ra, và rằng anh cũng như nàng đều không biết người gây ra nỗi đau khổ này lại chính là cha và chú ruột của anh cho đến khi nghe tòa đọc xấp giấy kia. Anh đã giải thích với nàng rằng việc anh che giấu nàng cái danh tánh anh đã từ bỏ chính là một điều kiện - giờ đã rõ ràng - mà cha nàng đã ràng buộc vào hôn ước của con gái, và chính là lời hứa mà anh đã thực hiện đúng vào sáng hôn lễ. Anh nài xin nàng, hãy vì bác sĩ Manette, mà đừng bao giờ tìm hiểu xem cha nàng có lãng quên sự tồn tại của di bút đó, hay đã được nhắc nhở lại (tạm thời, hay mãi mãi) bởi câu chuyện ngục thất trong Tháp London anh đã kể vào một chiều Chủ nhật xưa dưới bóng cây tiêu huyền trong vườn nhà. Nếu như bác sĩ Manette có còn nhớ chút gì về di bút đó thì chắc chắn ông sẽ cho là nó đã bị tiêu hủy cùng ngục Bastille, vì ông không hề nghe nhắc đến xấp giấy ấy trong những tàn tích của tù nhân mà đám đông dân chúng đã tìm thấy được và trưng ra với thế giới. Anh khẩn nài - dù anh viết thêm là anh biết điều này không cần thiết - xin nàng làm cho bác sĩ Manette nguôi ngoai bằng tất cả những gì triu mến nhất nàng có

thể dành cho cha, bởi vì ông không hề làm điều gì đáng để ông phải tự trách bản thân, mà thực ra ông chỉ biết quên mình để tác hợp cho nàng và anh. Cuối thư, sau khi cảm ơn nàng đã dành trọn tình yêu và hạnh phúc cho anh, sau khi khuyên nàng vượt qua buồn đau để chăm lo cho đứa con yêu, anh xin nàng hãy nghĩ đến ngày gặp lại trên Thiên Đàng mà an ủi cha già.

Thư gửi bác sĩ Manette, anh cũng viết theo ý đó nhưng anh xin phó thác vợ con cho ông chăm sóc. Anh viết những lời rất mạnh mẽ cậy nhờ bác sĩ với hy vọng người cha vợ sẽ thoát khỏi mọi hồi tưởng chán chường và nguy hiểm về chuyện di bút xưa mà anh đoán trước ông ấy sẽ không tránh khỏi day dứt.

Viết cho ông Lorry, anh gửi gắm mọi người cho ông và giải thích các vấn đề tài sản của mình. Sau đó, anh viết thêm mấy câu cảm ơn tình thân quyến luyến cuối thư là xong. Darnay chẳng hề nghĩ đến Carton. Tâm trí anh chỉ toàn hình ảnh những người khác, không một lần nào nhớ đến người bạn ấy.

Anh kịp viết xong các bức thư trước khi phải dập tắt đèn. Lúc nằm xuống chiếc giường rơm, anh nghĩ mình đã sẵn sàng chết.

Nhưng cuộc sống lại vẫy gọi anh và hiện hình trong bao hình thức rạng ngời. Tự do và hạnh phúc, anh quay lại nhà xưa ở Soho (dù bên trong không có gì giống như ngôi nhà thật sự ấy), không hiểu sao thoát chết, lòng hân hoan anh lại ở bên Lucie, và nàng nói với anh tất cả những gian khổ trải qua chỉ là một giấc mộng, và anh chưa hề ra đi đâu cả. Một lúc quên băng đi, rồi anh lại thấy mình chịu án tử và trở về với nàng, chết bình yên, nhưng không có gì thay đổi ở anh. Một lúc lãng quên nữa, và anh thức dậy trong buổi sáng mịt mờ, không biết mình đang ở đâu hay chuyện gì đã xảy ra, cho đến khi sức tỉnh, “Hôm nay là ngày mình chết!”.

Anh đã trải qua những giờ phút như thế cho đến ngày năm mươi hai thủ cấp sẽ rụng rơi. Lúc này, dù anh bình tĩnh và hy vọng sẽ đương

đầu với cái chết một cách anh dũng thầm lặng, trong đầu anh lại nảy ra những ý nghĩ mới khiến anh bận tâm.

Anh chưa bao giờ nhìn thấy cái dụng cụ sẽ kết liễu đời mình. Nó cao chừng nào so với mặt đất, có bao nhiêu bậc cấp đi lên, anh sẽ đứng ở đâu, anh sẽ bị xô đẩy thế nào, những bàn tay chạm vào anh có nhuộm máu không, mặt anh sẽ quay về đâu, anh có phải là người đầu tiên hay sẽ là người cuối cùng?... Dù không muốn, những thắc mắc như thế cứ chen vào tâm trí anh liên tục không dứt. Chúng không liên quan gì đến sự sợ hãi; anh không hề sợ. Ngược lại, chúng phát xuất từ niềm khao khát lạ lùng cứ mãi ám ảnh là anh muốn biết phải làm gì khi đến lúc ấy; một khao khát quá lớn lao so với mấy khoảnh khắc chóng vánh trên đoạn đầu đài; một nỗi ngỡ ngàng cứ như một linh hồn khác chứ không phải anh đang cố tìm hiểu.

Giờ phút cứ trôi qua trong lúc anh đi tới đi lui, đồng hồ gõ những tiếng chuông mà anh sẽ không bao giờ nghe lần nữa. Chín giờ ra đi mãi mãi, mười giờ ra đi mãi mãi, mười một giờ ra đi mãi mãi, mười hai giờ sắp sửa trôi qua. Sau một lúc chống cự khó khăn với những ý nghĩ lạ lùng đã quấy rối tâm trí, cuối cùng anh đã chế ngự được chúng. Anh đi tới đi lui, thầm gọi tên những người thương yêu. Những xung đột nội tâm khó chịu nhất đã chấm dứt. Anh có thể đi tới đi lui, thoát khỏi những ý tưởng xáo trộn, để cầu nguyện cho chính mình và cho người thân.

Mười hai giờ ra đi mãi mãi.

Anh đã được báo giờ cuối cùng là ba giờ, và biết người ta sẽ gọi anh đi trước giờ đó bởi những cỗ xe chở tử tội sẽ dẫn xóc lăn bánh rất ị ạch qua các ngã đường. Cho nên anh quyết tâm đến hai giờ là phải củng cố tinh thần của mình vững vàng để sau đó củng cố tinh thần người khác.

Đều đều bước tới bước lui, hai tay khoanh trước ngực, một con người khác hẳn người tù đã từng đi tới đi lui trong ngục La Force trước đây, anh nghe tiếng đồng hồ báo một giờ không chút ngạc nhiên. Một giờ trôi qua như mọi giờ khác. Hết lòng cảm ơn Chúa đã cho anh

phục hồi được sự bình tĩnh, anh nghĩ thầm, “Chỉ còn một giờ nữa”, và tiếp tục bước.

Có tiếng chân trên hành lang lát đá ngoài cửa ngục. Anh ngừng lại.

Tiếng chìa khóa tra vào ổ, và xoay. Cửa chưa kịp mở đã nghe có tiếng người nói khẽ, bằng tiếng Anh:

– Ông ta không hề biết tôi ở đây; tôi lâu nay vẫn tránh mặt ông ấy. Ông vào một mình đi; tôi chờ ở gần đây. Đừng mất thời gian!

Cửa mở ra và đóng lại thật nhanh, và đứng đó đối diện anh, lặng lẽ, chăm chú, nụ cười thoáng hiện trên gương mặt, một ngón tay cảnh báo đặt trên môi, chính là Sydney Carton.

Nét mặt Carton lộ vẻ rạng rỡ khác thường khiến ngay phút đầu tiên người tù Darnay tưởng đâu đó là hồn ma hiện ra từ trí tưởng tượng của mình. Nhưng Carton lên tiếng, và đúng là giọng anh ta; Carton nắm lấy bàn tay người tù, và đúng thật bàn tay anh ta đang siết chặt.

– Anh không thể nào ngờ là lại gặp tôi chứ không phải ai khác? - Carton nói.

– Thật không tin nổi lại là anh. Ngay cả lúc này tôi cũng chưa tin. Không phải anh... - Nỗi lo đột ngột nảy trong tâm trí Darnay. - ...Anh không bị bắt giam chứ?

– Không. Tình cờ tôi có uy quyền đối với một cai ngục ở đây và nhờ thế mà tôi được đứng trước mặt anh. Cô ấy... vợ anh nhờ tôi đến, anh Darnay.

Người tù siết chặt tay Carton.

– Tôi chuyển đến anh lời yêu cầu của cô ấy.

– Là gì?

– Lời nài xin khẩn thiết và nghiêm trọng nhất cô ấy đã nói bằng giọng thống thiết nhất mà anh chắc chắn quá quen và quá nhớ.

Người tù hơi ngoảnh mặt đi.

– Không còn thời gian, đừng hỏi tại sao tôi chuyển lời nhắn hay muốn biết rõ sự tình; cấp bách lắm rồi. Anh phải làm theo... Tháo đôi

giày anh đang mang ra, và mang giày của tôi vào.

Có một chiếc ghế đặt sát tường buồng gian, phía sau người tù. Carton đã nhanh như chớp đẩy Darnay ngồi xuống rồi anh đứng thẳng lên, chân đã tháo giày.

– Mang giày tôi vào đi. Hãy làm theo, hãy dùng hết ý chí. Mau!

– Carton, không có cách nào thoát khỏi nơi này; không thể nào thoát được. Anh sẽ chết cùng tôi mất. Thật điên rồ.

– Sẽ là điên rồ nếu tôi yêu cầu anh trốn thoát; nhưng tôi có nói vậy đâu? Khi nào tôi bảo anh đi ra khỏi cánh cửa đó thì hãy bảo tôi điên rồ và cứ ở lại đây. Đổi cà vạt của anh cho tôi; đổi áo khoác của anh cho tôi. Trong lúc anh mặc áo, để tôi tháo dải băng buộc tóc của anh, và anh phải lắc đầu cho tóc bù rối giống tôi!

Mau lẹ lẹ thường, và với sức mạnh gần như siêu phàm của ý chí và hành động, Carton buộc Darnay phải thay đổi trang phục. Người tù cứ như một đứa trẻ trong tay anh.

– Carton! Carton ơi! Thật điên rồ. Không thể nào thoát được, chưa bao giờ thoát, nhiều người đã thử và luôn thất bại. Xin anh đừng để số phận cay đắng của tôi kéo theo cái chết của anh.

– Darnay ơi, tôi có yêu cầu anh đi ra khỏi cửa không? Khi nào tôi nói thế thì hãy khước từ. Trên bàn có sẵn giấy mực. Tay anh còn cầm bút vững không?

– Tôi đang viết lúc anh vào.

– Vậy thì lại cầm bút lên và viết theo lời tôi đọc. Mau, anh bạn, mau lên!

Đưa tay bóp văng trán hoang mang, Darnay ngồi vào bàn. Carton, bàn tay phải đặt trên ngực mình, đứng kề bên.

– Viết đúng như tôi đọc.

– Gửi cho ai đây?

– Không ai cả. - Tay Carton vẫn đặt lên ngực.

– Ghi ngày tháng không?

– Không.

Người tù ngược lên sau mỗi câu hỏi. Tay vẫn đặt lên ngực, Carton cúi nhìn.

– “Nếu người còn nhớ,” - Carton đọc cho Darnay viết, - “những lời riêng tư giữa hai ta ngày xa xưa, người sẽ hiểu ngay khi đọc được những dòng này. Người sẽ nhớ những lời riêng tư ấy, ta biết. Bởi người vốn không dễ lãng quên.”

Anh định rút bàn tay trên ngực xuống thì người tù tình cờ ngược nhìn lên trong vẻ hoang mang trước việc cấp bách này. Bàn tay Carton dừng lại, nắm chặt một vật gì.

– Viết xong “dễ lãng quên” chưa? - Carton hỏi.

– Xong. Trong tay anh là khí giới ư?

– Không, tôi không có vũ khí.

– Anh cầm gì trong tay thế?

– Rồi anh sẽ biết ngay. Viết tiếp đi; còn mấy lời nữa thôi. - Carton lại đọc tiếp. - “Ta biết ơn dường nào khi đã tới lúc ta có thể chứng tỏ lời xưa. Ta làm điều đó không chút ân hận và buồn đau.” - Vừa đọc anh vừa nhìn đắm đắm vào người viết, bàn tay Carton chậm chậm và kín đáo di chuyển xuống gần gương mặt Darnay.

Cây bút từ những ngón tay của Darnay rơi xuống bàn, và anh ta chờ đợi nhìn quanh.

– Làn hơi gì thế? - Darnay hỏi.

– Làn hơi?

– Một làn hơi lạ bay ngang mặt tôi?

– Tôi không thấy gì cả; ở đây chẳng có gì lạ đâu. Cầm bút viết cho xong đi. Nhanh lên, nhanh!

Như dường trí nhớ bị sa sút, hoặc năng lực đã rối loạn, người tù cố gắng tập trung chú ý. Trong lúc Darnay ngược nhìn với ánh mắt lơ đãng và hơi thở gấp gáp đối khác, Carton vẫn đắm đắm nhìn Darnay, bàn tay anh lại đặt trong ngực áo.

– Nhanh lên, nhanh!

Người tù lại cúi xuống tờ giấy.

– “Nếu không nhân dịp này,” - bàn tay Carton lại thận trọng và kín đáo hạ xuống, - “ta sẽ không bao giờ còn cơ hội nào nữa. Nếu không nhân dịp này,” - bàn tay Carton kề bên mặt người tù, - “bao khó khăn sẽ thêm chồng chất về sau. Nếu không nhân dịp này...” - Carton nhìn cây viết và thấy nét chữ đang ngoằn ngoèo không còn đọc được.

Bàn tay Carton không còn đưa lên ngực mình nữa. Người tù đứng bật dậy với ánh mắt trách móc, nhưng mũi anh ta đã bị bàn tay phải Carton bịt kín, hông anh ta đã bị bàn tay trái Carton ôm chặt. Darnay yếu ớt chống cự vài giây với người đã đem tính mạng ra cứu anh ta; nhưng chỉ sau một phút Darnay đã nằm dài bất tỉnh trên sàn.

Bàn tay mau lẹ và trái tim quả quyết, Carton mang mặc những trang phục của người tù đã cởi bỏ, chải lại mái đầu, và buộc tóc bằng dải băng đã buộc tóc người tù ấy. Xong anh gọi khẽ:

– Vào đi! Mau! - Và tên mật thám Barsad đi vào. - Thấy chưa? - Carton ngược nhìn lên. Anh đang quỳ một chân bên người tù bất tỉnh, tay đang cho bức thư vào ngực áo. - Rủi ro của ông có quá lớn không?

– Ông Carton, - tên mật thám trả lời kèm một cái búng tay rụt rè, - rủi ro của tôi không nằm ở đó, ở trong chuyện này, nếu như ông làm đúng như cam kết.

– Đừng lo. Tôi thề sẽ làm đúng như đã nói.

– Phải vậy thôi, ông Carton, nếu chuyện chém đầu năm mươi hai người là đúng. Nếu như ông cứ mặc đồ như thế mà làm y lời thì tôi không sợ gì hết.

– Khỏi phải sợ! Chẳng mấy chốc nữa tôi sẽ hết đường gây nguy hiểm cho ông, còn những người khác, cầu Chúa, họ sẽ mau chóng đi khỏi chốn này! Bây giờ gọi người giúp đưa tôi ra xe đi.

– Ông? - Tên mật thám lo lắng.

– Tức là người này, người tôi đã đổi trang phục. Ông đi ra theo cổng mà ông đã đưa tôi vào phải không?

– Hẳn rồi.

– Tôi đã yếu sức và choáng váng khi ông đưa tôi vào trong, và bây giờ khi ông đưa tôi ra, tôi đã ngất luôn. Tôi không chịu nổi cuộc chia tay vĩnh biệt này. Những chuyện như vậy thường xảy ra ở đây, rất thường, sống chết là tùy ở ông. Mau đi! Gọi người giúp!

– Ông thề không phản bội tôi chứ? - Tên mật thám run rẩy nói khi ngập ngừng lần cuối cùng.

– Cái ông này! - Carton giậm chân nói. - Tôi đã thề rồi mà, tiến hành đi chứ đừng phí phạm thời giờ quý báu nữa! Đích thân ông phải đưa người này tới chỗ sân nhà đó, ông đã biết chỗ, đích thân ông đưa người này vào cỗ xe chờ sẵn ở đó, đích thân ông phải cho ông Lorry nhìn thấy người này, bảo ông ấy chỉ cần khí trời thông thoáng là người này hồi tỉnh, không phải thuốc men gì, bảo ông ấy nhớ lời tôi dặn đêm qua, cùng lời hứa của ông ấy đêm qua, và lên đường ngay!

Tên mật thám rút lui và Carton ngồi vào bàn, hai tay ôm đầu. Tên mật thám trở lại ngay cùng với hai người khác.

– Sao thế này? - Một người vừa nói vừa nhìn thân hình nằm dài dưới sàn. - Quá xúc động khi thấy bạn mình trúng số được nòng Guillotine chẳng?

Họ đỡ kẻ bất tỉnh lên, đặt vào một chiếc cáng họ đang mang đến ngoài cửa rồi lom khom nhấc lên.

– Không còn thời gian nữa, Evrémonde, - tên mật thám nói với giọng cảnh báo.

– Tôi biết rõ, - Carton đáp. - Xin hãy lo cho bạn tôi và để tôi yên.

– Vậy thì đi thôi, tui bay, - Barsad nói. - Khiêng người này lên rồi đi thôi!

Cánh cửa đóng lại và chỉ còn Carton lẻ loi. Dùng hết thính lực, anh đứng dậy căng tai cố lắng nghe những âm thanh nào có thể là dấu hiệu

nghe ngờ hay báo động. Không hề có. Tiếng chìa khóa xoay, tiếng cửa đóng sầm, tiếng bước chân xa dần trên các hành lang; không nghe tiếng la to nào, tiếng chân hấp tấp nào khác thường. Thấy dễ thở hơn, lát sau anh lại ngồi xuống tiếp tục lắng nghe cho tới khi đồng hồ điểm hai tiếng.

Sau đó anh bắt đầu nghe những tiếng động mà anh không sợ hãi, bởi chính anh đã ban cho chúng một ý nghĩa thiêng liêng. Nhiều cửa ngục liên tiếp được mở ra, rồi cuối cùng là cánh cửa buồng giam của anh. Một cai ngục cầm danh sách trong tay, nhìn vào, nói ngắn gọn: “Theo tôi, Evrémonde!”. Và anh đi theo tới một phòng lớn âm u ở đằng xa. Hôm ấy là một ngày đông ảm đạm, với bóng tối bên ngoài lẫn bên trong, anh chỉ nhìn thấy mờ mờ những người khác bị đưa đến đây để trói tay. Người đứng, kẻ ngồi. Có người than khóc, hoảng loạn; nhưng số này ít. Phần lớn đều im lìm, mắt nhìn xuống sàn.

Trong lúc anh đứng ở một góc tường u tối và một số người khác trong danh sách năm mươi hai người được đưa tới sau anh, một người đi ngang qua bỗng dừng lại, ôm chầm anh như đã quen biết từ trước. Carton thầm kinh hoàng sợ bị phát hiện; nhưng người ấy đi tiếp. Chỉ một chốc sau, một cô gái anh thấy đang ngồi trên băng ghế bỗng đứng lên đi tới chỗ anh. Vóc dáng vẫn còn nét thiếu nữ, gương mặt dịu hiền không điểm tô phôi trần màu da tái nhợt và đôi mắt mở to nhẵn nhụi, cô gái bắt chuyện:

– Công dân Evrémonde, - cô đưa bàn tay lạnh chạm vào anh. - Tôi là một thợ may nghèo hèn, đã ở chung nhà tù La Force với ông.

– Đúng rồi, - anh thì thầm đáp lại. - Tôi quên mất cô bị kết tội gì?

– Mưu đồ. Dù có Chúa chứng giám là tôi không hề có tội gì cả. Sao lại như vậy được chứ? Ai mà mưu đồ được gì với một kẻ yếu đuối nghèo hèn như tôi?

Nụ cười tuyệt vọng của cô gái khiến anh xúc động, mắt rơm rớm.

– Tôi không sợ chết, Công dân Evrémonde, nhưng tôi không làm gì cả. Tôi sẵn sàng chết nếu như có ích cho nền Cộng hòa vốn đã làm

được nhiều việc tốt cho dân nghèo; nhưng tôi không hiểu sao lại ra cơ sở này, Công dân Evrémonde. Tôi là phận nghèo hèn yếu đuối thế này!

Cô gái đáng thương ấy khiến anh xúc động sâu xa, người cuối cùng trên đời này khiến tim anh thổn thức.

– Tôi nghe nói ông đã được trả tự do, Công dân Evrémonde. Tôi mong đúng là thế?

– Đúng thế. Nhưng tôi bị bắt lại và kết án.

– Nếu như tôi đi cùng xe với ông, Công dân Evrémonde, xin cho tôi nắm tay ông? Tôi không sợ, nhưng tôi yếu đuối, nhỏ nhoi, như thế sẽ giúp tôi can đảm hơn.

Khi đôi mắt nhần nhục kia ngược nhìn, anh bỗng nhiên nhận ra ánh hồ nghi rồi kinh ngạc trong ánh mắt ấy. Anh nắm chặt những ngón tay gầy đói, mỗi mồn của cô gái, đưa lên môi mình.

– Ông chết thay cho ông ấy? - Cô gái thì thào.

– Và vì vợ con ông ấy. Suyt! Đúng vậy.

– Ôi, xin cho tôi nắm bàn tay dưng cảm của ông, hỡi người xa lạ?

– Suyt! Được, em gái tội nghiệp của tôi, hãy nắm tay nhau đến phút cuối cùng.



Cũng giống những bóng tối đang bao phủ lên nhà tù, cùng giờ ấy đầu buổi chiều, bóng tối đang buông trên cổng thành trùm lấy đám đông bao quanh khi một cỗ xe tứ mã trên đường rời Paris dừng bánh để kiểm tra.

– Ai đi đâu đó? Ai ở trong xe? Trình giấy!

Giấy tờ được trình ra cho đọc.

– Alexandre Manette. Bác sĩ. Người Pháp. Là người nào?

Ông ta đẩy; ngón tay chỉ vào một ông già đặng trí, bất lực, đang lầm bầm những lời không đầu không đuôi.

– Rõ ràng là Công dân bác sĩ này không ổn định tinh thần? Không chịu nổi cơn sốt Cách mạng sao?

Quá sức chịu đựng của ông ta.

– Hừ! Nhiều người vẫn chịu được. Lucie. Con gái ông này. Người Pháp. Cô ta đâu?

Cô ta đấy.

– Hẳn là thế rồi. Lucie, vợ của Evrémonde, phải không?

Đích thị.

– Hừ! Evrémonde đã được ấn định ở chỗ khác, Lucie, con gái cô ta. Người Anh. Phải nó đây không?

Chính là cô bé.

– Hôn ta đi, bé con nhà Evrémonde. Đấy, cháu đã hôn một người Cộng hòa tốt; điều mới mẻ trong gia đình cháu đấy; đừng quên! Sydney Carton. Trạng sư. Người Anh. Là người nào?

Ông ta nằm kia, trong góc cổ xe. Ngón tay chỉ vào hướng đó.

– Trạng sư người Anh này hình như đang bất tỉnh à?

Mọi người hy vọng khí trời trong lành sẽ giúp ông ta hồi tỉnh. Rõ ràng ông ta không khỏe trong người, và vừa đau buồn vĩnh biệt một người bạn là kẻ không được cảm tình của nước Cộng hòa.

– Chỉ vì thế sao? Chuyện chẳng có gì ầm ĩ! Nhiều người là kẻ không được cảm tình của nước Cộng hòa, và phải thò đầu vào máy chém. Jarvis Lorry. Nhân viên ngân hàng. Người Anh. Là ông nào?

– Ông ấy là tôi. Tất nhiên là người cuối cùng.

Chính ông Jarvis Lorry là người trả lời mọi câu hỏi trên. Chính ông Jarvis Lorry đã xuống xe ngựa và đứng chống tay vào cửa xe trả lời với một toán viên chức. Đám này ung dung đi vòng quanh xe, ung dung leo lên ghế xà ích, xem xét sổ hành lý ít ỏi trên nóc xe; đám dân quê lảng vảng chung quanh, chen gần tới các cửa xe và nhìn vào trong xe với ánh mắt thèm thuồng; một đứa bé được mẹ bế chìa cánh tay

ngăn của nó ra cứ như muốn chạm vào người vợ của gã quý tộc đã lên máy chém.

– Xem lại giấy tờ đi, Jarvis Lorry, đã ký xác nhận.

– Chúng tôi đi được chứ, Công dân?

– Các người được phép. Quất ngựa đi, xa phu! Lên đường may mắn!

– Xin kính chào, các Công dân... Và nguy hiểm đầu tiên đã qua!

Lại là lời ông Jarvis Lorry trong lúc ông vỗ tay, mắt ngược lên trời. Người trong xe sợ hãi, có tiếng khóc, có tiếng thở nặng nề của người lữ khách bất tỉnh.

– Sao xe chạy chậm thế? Ta không thể bảo họ chạy nhanh hơn được sao? - Lucie hỏi, tay nắm ông già.

– Như vậy sẽ giống như chạy trốn, cháu yêu. Ta không được thúc giục họ quá mức; như thế sẽ gây nghi ngờ.

– Nhìn đằng sau, nhìn đằng sau, xem chúng ta có bị đuổi theo không?

– Đường trống trải, cháu yêu. Cho tới giờ không ai đuổi theo ta cả.

Xe băng qua những cụm nhà lẻ tẻ đôi ba căn, những nông trang lẻ loi, những tòa nhà đổ nát, xưởng nhuộm; xưởng thuộc da, và những nơi tương tự, rồi đồng trống và những con đường cây trụi lá. Đá lát gập ghềnh dưới vó câu, rồi bùn nhão ngập sâu hai bên xe. Có lúc xe ngựa đâm vào bùn trơn trượt để tránh những tảng đá gập ghềnh giữa lộ; có lúc cỗ xe mắc kẹt trong hào rãnh lầy lội. Nỗi khổ của lòng nôn nóng quá lớn tới mức trong cơn hoảng hốt cuống cuồng, những người trong xe chỉ muốn thoát ra và bỏ chạy - ầm náu - làm bất cứ điều gì miễn là đừng ngừng lại.

Ra khỏi vùng đồng trống, xe lại băng qua những tòa nhà đổ nát, nông trang lẻ loi, xưởng nhuộm; xưởng thuộc da, và những nơi tương tự, rồi lại những cụm nhà lẻ tẻ đôi ba căn, những con đường cây trụi lá. Có phải những người này đã đánh lừa chúng ta cho xe quay ngược

lại bằng đường khác? Đây không phải là nơi mà chúng ta băng ngang qua hai lần rồi đấy chứ? Tạ ơn Chúa, không phải. Một ngôi làng. Nhìn đằng sau, nhìn đằng sau, xem chúng ta có bị đuổi theo không? Suyt! Tới dịch trạm rồi!

Ung dung, bốn con ngựa được tháo yên cương; ung dung, cỗ xe đứng trong đường nhỏ, không còn ngựa kéo, và không có khả năng nào di chuyển nữa; ung dung, bốn con ngựa mới xuất hiện, từng con một; ung dung, hai mã phu mới đi theo sau lũ ngựa, vừa uống rượu vừa cuộn dây roi; ung dung, hai mã phu cũ đếm tiền, tính nhằm tổng số và không hài lòng kết quả. Suốt thời gian đó, những trái tim lo sợ của chúng ta đang đập theo nhịp dồn còn gấp gáp hơn tiếng vó ngựa phi nước đại nhanh nhất trần đời.

Cuối cùng, hai mã phu mới đã lên yên, hai người cũ ở lại phía sau. Cỗ xe lại băng xuyên làng mạc, ngược đồi xuống dốc, và chạy trên vùng đất thấp ngập nước. Thành linh, hai mã phu vung tay nói chuyện sôi nổi và xe dừng gấp khiến bốn con ngựa như muốn nhảy dựng lên. Có người đuổi theo sao?

- Hê! Người ở trong xe kia! Nói đi!
- Chuyện gì thế? - Ông Lorry nhìn ra cửa sổ xe hỏi.
- Họ nói bao nhiêu người?
- Tôi không hiểu ý ông?
- ...Ở trạm cuối cùng đó. Hôm nay bao nhiêu người lên máy chém?
- Năm mươi hai.

– Tôi nói đúng mà! Số đẹp! Anh bạn Công dân của tôi đây cứ bảo là bốn mươi hai; xứng đáng cho thêm mười cái đầu nữa. Máy chém tuyệt vời. Tôi thích vậy đó. Hê! Đi tiếp! Hú!

Trời ngả về đêm. Lữ khách hôn mê bắt đầu cử động; anh ta đang hồi tỉnh lại; và đã nói năng mạch lạc; anh ta nghĩ vẫn còn đang ở bên bạn; anh ta hỏi bạn mình, đích danh, đang cầm gì trong tay. Ôi Chúa nhân từ, xin thương xót chúng con, và cứu giúp chúng con! Coi chừng, coi chừng, xem chúng ta có bị đuổi theo không?

Chỉ có gió vun vút sau lưng; và mây cuộn cuộn sau lưng, và mặt trăng lao xuống sau lưng, và cả đêm hoang đang đuổi theo họ; ngoài ra, cho tới giờ phút này, chẳng có gì đuổi theo họ.

14. Mũi đan cuối cùng

Cùng lúc năm mươi hai người đang đợi chờ kết thúc số phận, mẹ Defarge tổ chức một cuộc họp đen tối đáng sợ với Nữ Thần Báo Oán và Jacques Ba của bồi thẩm đoàn Cách mạng. Mẹ Defarge không hội ý với các người thừa hành này tại tủ quần mà trong túp lều của tên thợ cửa, trước kia là phu lục lộ. Tên thợ cửa không được tham gia cuộc họp mà đứng chờ ở cách xa một chút, như một tay sai hạ đẳng chỉ được nói khi cho phép, chỉ được có ý kiến khi cần tới.

– Nhưng Defarge của chúng ta, - Jacques Ba nói, - rõ ràng là một người Cộng hòa tốt mà? Sao vậy?

– Không ai tốt hơn ở nước Pháp này, - giọng the thé phản đối liên thoảng của Nữ Thần Báo Oán.

– Yên nào, Nữ Thần Báo Oán, - mẹ Defarge khẽ chau mày đặt tay lên môi người phò tá - nghe tôi nói đây. Chồng tôi, Công dân Defarge, là người Cộng hòa tốt và là người can trường; ông ấy xứng đáng được nước Cộng hòa coi trọng và tin cậy. Nhưng chồng tôi cũng có nhược điểm, ông ấy mềm yếu tới mức mũi lòng vì lão bác sĩ kia.

– Thật đáng thương hại, - Jacques Ba vừa nói ồm ồm vừa lắc đầu về nghi ngờ, những ngón tay tàn bạo chòn vờn trên cái miệng đói khát. - Thế thì không hẳn là Công dân tốt; thật đáng tiếc.

– Máy người thấy đó, - mẹ vợ Defarge nói, - tôi là tôi chẳng bận tâm đến lão bác sĩ này. Lão có mất đầu hay không thì với tôi cũng chẳng sao. Nhưng gia đình Evrémonde thì phải bị tuyệt diệt, vợ con hẳn phải đi theo chồng theo cha.

– Vợ hẳn có cái đầu hợp với máy chém, - Jacques Ba ồm oàm. - Tôi từng thấy những thủ cấp đàn bà mắt xanh tóc vàng, và cái nào cũng hấp dẫn khi thẳng Samson giơ lên.

Kẻ khát máu này nói như một người sành ăn. Mụ Defarge cúi mặt suy nghĩ một lúc.

– Đứa nhỏ cũng vậy, - Jacques Ba nói, thích thú nghiền ngẫm từng lời, - cũng tóc vàng mắt xanh. Ta hiếm khi thấy trẻ con lên máy chém. Hay phải biết!

– Nói tóm lại, - mụ Defarge đã qua lúc trầm ngâm, - trong chuyện này tôi không tin chồng tôi. Từ đêm qua, không những tôi thấy mình không dám thổ lộ chi tiết kế hoạch này với ông ấy; mà tôi còn thấy nếu mình chần chờ thì có nguy cơ ông ấy sẽ báo động cho chúng trốn thoát.

– Nhất định không, - Jacques Ba kêu lên, - không ai được trốn thoát. Hiện thời ta chỉ mới có một nửa số lượng cần chém. Lẽ ra mỗi ngày phải chém được một trăm hai mươi cái đầu.

– Nói tóm lại, - mụ Defarge tiếp tục, - chồng tôi không có lý do như tôi để tuyệt diệt cả gia đình này, và tôi không có lý do như anh ấy để thương tình lão bác sĩ. Cho nên tôi phải tự mình hành động. Tới đây, Công dân lùn kia.

Tên thợ cưa cầm chiếc mũ đỏ trên tay đi tới, kính cẩn và khúm núm trước mụ Defarge vì sợ chết.

– Công dân lùn, - giọng mụ Defarge lạnh lùng, - về chuyện ả vợ Evrémonde ra hiệu với các tù nhân; ông có sẵn sàng làm chứng ngay hôm nay không?

– Dạ, dạ, sao lại không! - Tên thợ cưa thốt lên. - Hàng ngày, bất kể nắng mưa, từ hai đến bốn giờ chiều, lúc nào cũng ra hiệu, lúc thì có đứa nhỏ theo, lúc thì một mình. Tôi biết chắc chắn. Chính mắt tôi thấy mà.

Gã vừa nói vừa vung tay diễn tả đủ thứ, cứ như đang bắt chước những dấu hiệu ngẫu nhiên các kiểu mà thực tế gã không hề thấy.

– Mưu đồ rõ ràng, - Jacques Ba nói. - Không sai vào đâu được!

– Bồi thẩm đoàn có chắc chắn vậy không? - Mụ Defarge quay sang hỏi người này, miệng cười hung hiểm.

– Hãy tin cây bồi thấm đoàn yêu nước, nữ Công dân. Tôi bảo đảm thay cho các Công dân bồi thấm.

– Bây giờ để xem, - cụ Defarge lại ngẫm nghĩ. - Thêm chuyện nữa! Tôi có thể vì chồng tôi mà tha cho lão bác sĩ không? Tôi không bận tâm tới lão. Tha cho lão được không?

– Lão cũng được tính là một cái đầu, - Jacques Ba nói nhỏ. - Hiện thời ta còn thiếu số thủ cấp; bỏ thì uổng lắm, tôi nghĩ vậy.

– Lão cũng từng ra dấu hiệu cùng với con gái lão khi tôi gặp ả, - cụ Defarge lý luận. - Tôi không thể buộc tội người này mà không buộc tội người kia; và tôi không được im lặng phớt lờ hết chuyện này cho anh kia, ông Công dân lùn. Bởi vì tôi cũng là một nhân chứng chính đáng.

Nữ Thần Báo Oán và Jacques Ba lớn tiếng tranh nhau khen cụ vợ Defarge là nhân chứng tuyệt vời và đáng ngưỡng mộ nhất. Không chịu thua, tên Công dân lùn cũng gọi chị ta là nhân chứng thần thánh.

– Lão phải chấp nhận may rủi, - cụ Defarge nói. - Không, tôi không thể tha lão! Các người có việc lúc ba giờ; các người sẽ đi xem tử hình đám người hôm nay... Còn ông?

Câu hỏi này dành cho tên thợ cưa, kẻ hấp tấp trả lời khẳng định và nhân cơ hội này nói thêm rằng gã là người Cộng hòa nhiệt tình nhất, và thực tế sẽ là người Cộng hòa đau khổ nhất nếu như có điều gì ngăn cản không cho gã hưởng cái thú chiều chiều hút tẩu thuốc ngắm trò vui của lưỡi dao cạo quốc gia. Gã nói điều này sôi nổi tới mức có thể nghi ngờ là từng ngày từng giờ chính gã cũng lo sợ cho sự an toàn bản thân gã; và qua ánh mắt đen tối của cụ Defarge đang nhìn gã đầy khinh bỉ thì có lẽ cụ ta cũng đang nghi ngờ điều này. Cụ nói:

– Tôi cũng có việc bận ở đó. Sau khi xong xuôi, lúc tám giờ tối nay đến gặp tôi, ở Saint Antoine, và chúng ta sẽ đi tố giác những người này ở Ủy ban khu vực nhà tôi.

Tên thợ cưa nói gã sẽ tự hào và hãnh diện nếu được tháp tùng nữ Công dân Defarge. Nữ Công dân trừng mắt nhìn và gã luống cuống

tránh ánh mắt đó như con chó sợ sệt, rút về đứng giữa đồng củi của mình, che giấu sự bối rối sau cán lưỡi cửa.

Mụ Defarge ra hiệu cho tên bồi thẩm viên và Nữ Thần Báo Oán đi ra gần cửa hơn và nói rõ thêm với hai người về ý định của chị ta:

– Vợ hắn lúc này sẽ ở nhà, chờ tới lúc chồng chết. Nó sẽ than khóc, đau buồn. Nó sẽ ở trong tâm trạng vi phạm luật lệ của nước Cộng hòa. Nó sẽ bộc lộ hoàn toàn cảm tình với kẻ thù quốc gia. Tôi sẽ đi tới chỗ nó.

– Bà thật đáng nể; bà thật đáng nể! - Jacques Ba kêu lên sung sướng.

– Ôi thật đáng yêu! - Nữ Thần Báo Oán vừa thốt lên vừa ôm chầm lấy mụ vợ Defarge.

– Chị mang theo đồ đan của tôi, - mụ Defarge trao các thứ vào tay người phò tá, - và để sẵn đó cho tôi ở chỗ ngồi thường lệ. Giữ ghế cho tôi như cũ. Chị tới đó đi, đi ngay, vì hôm nay sẽ đông người xem hơn mọi khi.

– Sẵn sàng tuân lệnh thủ lĩnh, - Nữ Thần Báo Oán sốt sắng nói rồi hôn má mụ Defarge. - Chị sẽ không đến muộn chứ?

– Tôi sẽ có mặt trước khi bắt đầu.

– Và trước khi xe chở tử tội đến. Chắc chắn tới sớm nhé, chị yêu, - Nữ Thần Báo Oán gọi với theo, vì người kia đã bước ra đường - trước khi xe chở tử tội đến!

Chỉ khẽ phất tay tỏ ý đã nghe và chắc chắn sẽ đến đúng giờ, mụ Defarge bước trên bùn sinh và vòng qua góc tường nhà tù. Nữ Thần Báo Oán và tên bồi thẩm nhìn theo, thán phục vóc dáng thanh tú và tinh thần kiên cường của người đàn bà đang đi xa dần.

Thời ấy bàn tay nhào nặn đáng sợ của thế cuộc đã khiến nhiều phụ nữ biến chất gớm ghê, nhưng không ai đáng sợ bằng người đàn bà tàn bạo đang đi trên đường kia. Cá tính mạnh mẽ và gan lì, ý tứ sắc sảo và mau mắn, lòng dạ sắt đá mà cả nhan sắc cũng lồ lộ oán thù và quyết chí khiến ai nhìn thấy cũng thầm nhận ra ngay; rõ ràng là một con

người được thời loạn tạo nên. Nhưng từ bé đã ấp ủ chất chứa đầy ý thức về sự bất công và lòng hận thù giai cấp thâm sâu, mẹ ta được thời thế này biến thành con hổ dữ. Mẹ ta không biết xót thương. Nếu như mẹ từng có chút xót thương nào, thì cảm tình ấy cũng đã chết.

Chẳng có ý nghĩa gì với mẹ ta khi một người vô tội phải chết vì tội lỗi của cha ông; mẹ không thấy người này mà chỉ thấy tiền bối ác nhân. Chẳng có ý nghĩa gì với mẹ ta khi vợ người này thành góa phụ và con gái người này thành trẻ mồ côi. Mẹ ta chỉ biết trừng phạt thế chưa đủ, bởi vì họ là kẻ thù đương nhiên và là con mồi của mình, vì thế không có quyền sống. Có kêu gọi mẹ ta cũng vô vọng bởi người đàn bà này đâu còn lòng thương xót, ngay cả thương xót bản thân. Nếu mẹ ta có gục ngã giữa đường trong một trận chiến nào đó đã tham gia, mẹ cũng chẳng tiếc thân; mà nếu chính mình có bị lên máy chém ngày mai thì mẹ ta cũng chẳng có cảm xúc nào khác ngoài khao khát dữ dội muốn chặt đầu kẻ đã đưa mình tới đoạn đầu đài.

Đó là nỗi lòng mà mẹ Defarge chất chứa dưới tấm áo choàng tả tơi. Tấm vải nhàu nhĩ, khoác xộc xệch lên người mà thành áo choàng cũng lạ, mái tóc đen huyền của mẹ ta như óng ả thêm dưới chiếc mũ đỏ thô kệch. Giấu trong ngực áo là một khẩu súng lục đã nạp đạn. Giấu ở ngang hông là một thanh đoản kiếm đã mài sắc. Trang bị như thế, mẹ Defarge lên đường với bước chân tự tin của người kiên quyết, với sự thoải mái uyển chuyển của người đàn bà từ nhỏ vốn quen đi chân trần trên bờ cát nâu.

Lúc này, khi cỗ xe trên đường rong ruổi đang chờ đợi hoàn tất hành trình, việc thoát thân của chị Pross và Jerry Cruncher đã trù tính kế hoạch xong; đó chính là vấn đề nan giải đã khiến ông Lorry đêm qua phải lo nghĩ. Chị Pross đi sau sẽ là cách tốt nhất để xe ngựa bớt tải nặng và giảm tối đa thời gian chờ xét giấy tờ và tra hỏi hành khách; bởi vì chuyện việc tẩu thoát này phụ thuộc vào việc rút ngắn từng giây trên mọi quãng đường. Cuối cùng, sau khi cân nhắc, ông đã đề nghị chị Pross và Jerry, là hai người có thể tự do ra khỏi kinh thành, sẽ lên

đường vào lúc ba giờ bằng loại xe ngựa nào chạy nhanh nhất thời đó. Không vướng bận hành lý, họ sẽ nhanh chóng đuổi kịp cỗ xe tứ mã, vượt qua và chạy trước để thuê ngựa sẵn sàng; như vậy sẽ tiết kiệm được thời giờ quý giá trong đêm, lúc thường gặp trì hoãn đáng sợ nhất.

Thấy cách thu xếp này có hy vọng sẽ giúp ích cho tình hình cấp bách, chị Pross đã vui vẻ chấp nhận. Chị và Jerry đã nhìn thấy xe ông Lorry ra đi, đã biết Solomon đưa người nào đến, đã trải qua mười phút căng thẳng, khổ sở, và bây giờ đang thu xếp những việc cuối cùng để đi theo xe trước. Trong lúc đó, mụ Defarge đang đi qua các ngã đường, càng lúc càng tới gần ngôi nhà vắng vẻ chỉ còn hai gia nhân đang bàn bạc.

- Giờ thì ông tính sao, ông Cruncher, - chị Pross nói, căng thẳng tới mức không biết đi đứng nói năng gì. - Ông nghĩ sao về chuyện mình nếu không khởi hành từ sân nhà này? Thêm một cỗ xe nữa từ đây đi ra có thể gây nghi ngờ.

- Bà chị nói thế *nà* đúng, - Cruncher đáp. - Mà dù đúng hay sai tôi cũng *nằm* theo ý bà chị.

- Tôi rối trí vì vừa sợ vừa mong cho những người thân quý của chúng ta nên không suy tính được gì, - chị Pross òa khóc. - Còn *ông* có thể suy tính gì không, ông Cruncher quý hóa ời?

- Về tương *nai* thì có cả đời mà suy tính, - Cruncher đáp, - tôi mong *nà* thế. Còn bây giờ thì cái đầu này tôi chắc *nà* không nghĩ ra được cái gì. Bà chị có vui *nòng* nghe hai *nời* hứa và cũng *nà* *nời* thề tôi muốn được ghi nhận ngay *núc* khủng hoảng này không?

- Ôi, lạy Chúa! - Chị Pross kêu lên, vẫn còn nước nỡ, - ghi nhận ngay, nói ngay đi rồi còn bàn tính, làm ơn nói nhanh cho.

- Thứ nhất, - Cruncher run rẩy toàn thân, nói với vẻ mặt nghiêm trang tái nhợt, - nếu mấy người tội nghiệp đó mà thoát khỏi chuyện này thì tôi sẽ không bao giờ *nằm* việc đó nữa, không bao giờ!

- Chắc chắn rồi, ông Cruncher, ông sẽ không bao giờ làm nữa, dù đó là việc gì, và tôi xin ông không cần phải nói ra cụ thể cái việc gì đó.

- Không đâu, bà chị, tôi sẽ không nói ra đâu. Thứ hai, nếu mấy người tội nghiệp đó thoát khỏi chuyện này thì tôi sẽ không bao giờ ngăn cản mẹ Cruncher vợ tôi ngồi phịch cầu nguyện nữa, không bao giờ!

- Dù chuyện nhà ông thế nào đi nữa, - chị Pross cố lau nước mắt, trấn tĩnh lại, - tôi cũng tin chắc là bà Cruncher có toàn quyền muốn làm gì thì làm... Ôi những người thân yêu tội nghiệp của tôi!

- Tôi thậm chí còn dám nói... - Cruncher nói tiếp dài dòng hết sức đáng ngại cứ như đang rao giảng đạo, - ...và muốn bà chị ghi nhớ *nời* tôi rồi chính bà chị sẽ nói *nại* với mẹ Cruncher... *nà* suy nghĩ của tôi về chuyện ngồi phịch đó đã thay đổi và tôi thật *nòng* mong *nà* ngay *núc* này mẹ Cruncher ở nhà đang ngồi phịch.

- Đúng đó, đúng đó! Tôi cũng mong thế, ông ơi, - chị Pross quần trí kêu lên, - và tôi mong bà ấy cầu gì được nấy.

- Chúa sẽ trừng phạt... - Cruncher cứ nói, càng lúc càng thêm nghiêm trang, càng thêm chậm chạp, và càng tỏ ra muốn nói dây cà ra dây muống, - ...nếu như tôi nói hay *nằm* bất cứ điều gì gây hại cho những người thân thiết tội nghiệp này! Chúa sẽ trừng phạt nếu như chúng ta không ngồi phịch xuống, nếu tiện, để cầu cho họ thoát khỏi chốn nguy hiểm này! Chúa sẽ trừng phạt, bà chị! Tôi nói đó, *trừng phạt*! - Đó là lời kết luận của Cruncher sau khi nói vòng vo mà không tìm được câu nào hay hơn.

Còn mẹ Defarge vẫn đang dẫn bước trên đường, càng lúc càng gần.

- Nếu chúng ta còn về được quê nhà, - chị Pross nói, - ông có thể tin tưởng là tôi sẽ nói với bà Cruncher hết những gì tôi ghi nhớ được và hiểu được những lời rất văn hoa của ông; chắc chắn là tôi sẽ làm chứng là ông hoàn toàn thành khẩn trong lúc đáng sợ này. Bây giờ, hãy cầu cho ta nghĩ ra cách gì đi! Ông Cruncher kính mến, ta hãy nghĩ cách đi!

Còn mẹ Defarge vẫn đang dẫn bước trên đường, càng lúc càng gần.

– Nếu ông đi trước, - chị Pross nói, - rồi ngăn không cho xe ngựa tới đây mà đợi tôi ở đâu đó thì có tốt hơn không?

Cruncher nghĩ cách đó là tốt nhất.

– Ông chờ tôi ở đâu được đây? - Chị Pross hỏi.

Cruncher quá hoang mang nên chẳng nghĩ ra được địa điểm nào ngoài cổng thành Temple Bar. Than ôi! Temple Bar ở tận London cách đây hàng trăm dặm, còn mụ Defarge đang tới rất gần rồi.

– Bên cổng giáo đường, - chị Pross nói. - Đón tôi ở đó, gần cổng giáo đường có hai ngọn tháp đó, thì có tiện cho ông không?

– Tiện, bà chị, - Cruncher đáp.

– Thế thì làm ơn đi ông, - chị Pross nói, - hãy đi ngay tới dịch trạm mà bảo họ thay đổi địa điểm đi.

– Tôi *no năng* khi bà chị ở *nai* đây một mình, - Cruncher do dự, rồi lắc đầu. - *Nỡ* có chuyện gì xảy ra thì sao.

– Có trời mới biết, - chị Pross đáp, - nhưng đừng lo cho tôi. Cứ đón tôi ở giáo đường, lúc ba giờ, hay sớm hơn nếu được, tôi tin chắc đi từ đó thì sẽ tốt hơn là đi từ đây. Tôi tin chắc như thế. Đi đi! Chúa phù hộ ông, ông Cruncher! Đừng nghĩ tới tôi mà hãy nghĩ tới những tính mạng đang trông cậy vào hai chúng ta!

Những lời này cùng hai bàn tay chị Pross nắm chặt tay Cruncher khẩn thiết van nài đã thuyết phục được y. Gật đầu mấy cái khích lệ rồi Cruncher đi ngay lo thu xếp, để lại chị Pross một mình như chị đã đề nghị.

Chị Pross rất an lòng sau khi nghĩ ra biện pháp đề phòng đang được thi hành. Thêm một chuyện an lòng nữa là chị có thời gian cần thiết mà chỉnh đốn bề ngoài để không gây chú ý khi ra đường. Chị nhìn đồng hồ. Hai giờ hai mươi phút. Không được phí thời gian nữa, chị phải sẵn sàng ngay.

Trong cảm xúc hỗn độn này, chị Pross lại dăm sợ ở một mình trong căn hộ vắng và nhìn đâu cũng thấy những bộ mặt hư hư thực thực

đang nhìn ra từ mọi khung cửa. Chị bèn lấy một chậu nước lạnh bắt đầu rửa cặp mắt đỏ hoe và sưng húp. Bị ám ảnh vì nỗi sợ bưng bưng, chị đâu dám để cho những giọt nước ròng ròng làm mờ mắt mình một phút nào; chị liên tục dùng tay nhìn quanh để xem có ai đang theo dõi mình không. Và trong một lúc ngừng tay như thế, chị giật bắn người kêu lên vì nhìn thấy một bóng người đứng trong phòng.

Chiếc chậu rơi xuống sàn vỡ tan, nước tràn tới tận chân mụ Defarge. Qua bao nhiêu ngả đường khắc nghiệt và vấy máu, hai bàn chân ấy đã đến nơi. Lạnh lùng nhìn chị Pross, mụ Defarge hỏi:

– Vợ của Evrémonte ở đâu?

Chị Pross sức nhớ ra các cửa phòng đều mở ngỏ và sẽ làm lộ chuyện tẩu thoát. Phản ứng đầu tiên của chị là đóng hết cửa lại. Cả bốn cánh cửa thông ra phòng này. Rồi chị đứng chắn trước cửa vào phòng riêng của Lucie.

Đôi mắt đen tối của mụ Defarge theo dõi hành động mau lẹ của chị Pross và ghim chặt vào chị khi bốn cánh cửa đã đóng kín. Chị Pross chẳng có chút nhan sắc nào, năm tháng đã không làm thuần đi tính ngang ngược hay làm dịu nét thô kệch trên diện mạo của chị; nhưng chị cũng là người phụ nữ ngoan cường theo cách khác, chị đảo mắt khắp người mụ Defarge dò xét từng chút.

– Mặt mày của mi hết như Sa-tăng cái, - chị Pross vừa nói vừa thờ mạnh. - Nhưng mi không thắng được ta đâu. Ta là phụ nữ Anh quốc.

Mụ Defarge nhìn chị Pross với vẻ khinh miệt, nhưng trong ánh mắt đó chị Pross vẫn nhận ra một điều: họ là hai kinh địch. Mụ Defarge thấy đối phương là một phụ nữ cứng rắn, gan lì, giống như ông Lorry nhiều năm trước đã nhận ra khi lần đầu gặp gỡ người đàn bà có đôi tay mạnh mẽ đó. Mụ Defarge biết rõ chị Pross là người bạn tận tụy với gia đình này; và chị Pross cũng biết quá rõ mụ Defarge là kẻ thù hiểm ác của gia đình này.

– Trên đường tới đó, - mụ Defarge khẽ phất tay làm một dấu hiệu về phía pháp trường, - ở đó đã có người giữ chỗ và giữ đồ đan len cho

tôi, tôi ghé ngang thăm hỏi cô chủ. Tôi muốn gặp cô Lucie.

– Ta biết mưu mô ác độc của mi rồi, - chị Pross nói, - mi đừng tưởng là ta sẽ không chống lại.

Kẻ nói tiếng Pháp, người nói tiếng Anh; chẳng ai hiểu ai; cả hai đều đề phòng, và qua nét mặt cùng cử chỉ của nhau cố đoán ý nghĩa những lời không hiểu được.

– Lúc này mà cô Lucie tránh mặt tôi thì chẳng có ích gì đâu, - mụ Defarge nói. - Những người ái quốc chân chính sẽ hiểu ý nghĩa của sự tránh né đó. Để tôi gặp cô ta. Bảo cô ta là tôi muốn gặp. Có nghe không?

– Mi tám lạng thì ta cũng nửa cân chớ bộ, - chị Pross đáp. - Con đàn bà ngoại quốc độc ác kia, ta không thua mi đâu.

Mụ Defarge không thể nào hiểu rõ cái ngôn ngữ đặc thù ấy, nhưng chị ta thừa hiểu rằng đối phương sẽ không nghe lời.

– Đồ lợn ngu đần! - Mụ Defarge chau mày. - Tao không cần nghe mày nói. Tao cần gặp chủ mày. Hoặc bảo nó rằng tao cần gặp, hoặc là tránh khỏi cái cửa đó cho tao đi gặp nó! - Cánh tay phải tức tối vung lên để giải thích.

– Chẳng đời nào ta muốn hiểu cái thứ ngôn ngữ tào lao của mi, - chị Pross nói. - Nhưng ta dám từ bỏ hết mọi thứ, trừ quần áo trên người, để biết là mi có nghĩ ngờ gì không.

Không ai rời mắt nhau một phút nào. Mụ Defarge đang đứng nguyên ở vị trí lúc đầu chị Pross nhìn thấy; nhưng bây giờ đã tiến tới một bước. Chị Pross nói:

– Ta là dân Anh quốc đây, - chị Pross nói. - Ta chịu hết nổi rồi. Mạng ta chẳng đáng một xu, có mất cũng chẳng sá gì. Nhưng chừng nào ta còn giữ chân mi ở đây thì chừng đó cô chủ cứng của ta vẫn còn thêm hy vọng. Mi mà động tới ta thì ta cho mi trọc lóc không còn sợi tóc trên đầu!

Chị Pross vừa nói vừa lắc đầu, mắt trừng trừng, và thở mạnh giữa từng câu nói gấp gáp. Giọng chị đầy hăm dọa dù trong đời chưa từng

đánh một ai.

Lòng can trường ấy khiến chị Pross xúc động không cầm được nước mắt khiến mẹ Defarge hiểu lầm đó là dấu hiệu yếu đuối.

– Ha ha, - mẹ Defarge bật cười to, - đồ hèn hạ! Đồ vô dụng! Tao sẽ gọi lão bác sĩ. - Rồi chị ta lớn tiếng gọi, - Công dân bác sĩ ơi! Vợ của Evrémonde ơi! Con của Evrémonde ơi! Ai cũng được chứ đừng là con ngu khốn khổ kia, trả lời nữ Công dân Defarge đi!

Có lẽ vì sự im lặng sau đó, có lẽ vì nét mặt chị Pross ngăm tiết lộ, có lẽ vì một nghi ngại không liên quan hai điều kia, mẹ Defarge chợt nghĩ thầm những người ấy đã bỏ đi. Chị ta liền mở nhanh ba cánh cửa phòng và nhìn vào trong.

– Phòng nào cũng lộn xộn, cũng có dấu hiệu vội vã thu xếp hành trang, cũng có đủ thứ vung vãi dưới sàn. Vậy thì trong phòng sau lưng mày chẳng có ai hết! Để tao xem.

– Không được! - Chị Pross hiểu rõ lời đòi hỏi ấy cũng giống như mẹ Defarge hiểu rõ câu trả lời.

– Nếu chúng nó không có trong phòng đó, chúng đã bỏ trốn, thì có thể đuổi theo bắt về, - mẹ Defarge nói với chính mình.

– Chừng nào mi còn chưa biết họ có trong phòng đó hay không thì mi còn chưa biết phải làm sao, - chị Pross cũng nói với chính mình. - Mà mi đâu có biết là ta sẽ không cho mi biết; mà mi có biết hay không thì ta cũng ngăn cản không cho mi ra khỏi đây.

– Ngay từ nhỏ, tao đã lăn lộn ngoài đường phố, chẳng có gì ngăn được tao. Tao sẽ xé xác mày ra nếu mày không cho tao vào phòng đó.

– Chỉ có ta với mi trên tòa nhà cao có khoảng sân vắng này, sẽ không ai nghe thấy gì. Ta mong sao có đủ sức mạnh để giữ mi lại đây; mỗi phút giữ mi lại đáng cả trăm ngàn *guinea* đối với cô chủ của ta.

Mẹ Defarge xông tới cánh cửa. Chị Pross liền lập tức vung hai tay ra ôm lấy hông đối phương giữ chặt. Mẹ Defarge có vùng vẫy, dấm đạp cũng vô ích; chị Pross bằng sự kiên định mãnh liệt của tình yêu thương vốn luôn mạnh mẽ hơn lòng thù hận vẫn ôm chặt cứng, thậm

chỉ nhắc bỗng định thủ lên trong cuộc vật lộn. Hai bàn tay mù Defarge tát và cào vào mặt chị Pross, nhưng chị hụp đầu xuống siết chặt ngang hông người kia nhất quyết không buông, như một kẻ sắp chết đuối bám cứng vào người cứu sống.

Ngay sau đó, hai tay mù Defarge thôi đánh đập và hạ xuống sờ soạng quanh hông. Chị Pross nói với giọng như ngạt thở:

– Nó ở dưới cánh tay ta đây, mi không rút ra được đâu. Ta mạnh hơn mi, tạ ơn Chúa. Ta sẽ giữ chặt mi cho đến khi một hay cả hai ngất xỉu hoặc chết!

Hai tay mù Defarge đưa lên ngực. Chị Pross nhìn lên, nhìn thấy vật ấy, vung tay nện mạnh, ánh lóe, tiếng nổ, và chỉ còn chị đứng một mình - mắt mờ vì khói súng.

Tất cả chỉ trong chớp nhoáng. Sự tĩnh mịch khủng khiếp khi màn khói tan dần, bốc lên không trung như linh hồn của người đàn bà thịnh nộ vừa lìa khỏi xác thân đang nằm bất động dưới sàn.

Lúc đầu, chị Pross kinh hồn táng đờm và đứng né thật xa xác chết, rồi chạy xuống cầu thang kêu cứu một cách vô ích. Mừng sao, chị nhớ ra tầm quan trọng của kết cục này, kịp thời trấn tĩnh và chạy lên trở lại. Nén sợ hãi, chị vào trong nhà, thậm chí tới gần xác chết để lấy chiếc mũ *bonnet* cùng các trang phục cần thiết. Mang mặc thật nhanh, ào ra ngoài, đóng kín cửa nẻo, khóa chặt và mang chìa khóa theo. Sau đó chị ngồi một chút trên cầu thang để thở và khóc rồi đứng dậy gấp gáp ra đi.

Thật may là chiếc mũ *bonnet* của chị có mạng che mặt nếu không chị khó lòng đi ngoài đường mà không bị chặn lại tra hỏi. Cũng thật may là tướng mạo chị vốn khác người nên bề ngoài kỳ cục cũng không làm cho lộ liễu như những người đàn bà khác. Chị cần cả hai lợi thế đó, bởi vì trên mặt chị in rõ nhiều dấu ngón tay cào cào, mái tóc chị bù xù, và trang phục tay run mặc vội lại xộc xệch nhăn nhúm hết sức.

Lúc băng qua cầu, chị thả chìa khóa nhà xuống sông. Đến giáo đường trước Cruncher vài phút và đứng chờ ở đó, chỉ nghĩ vẩn vơ. Nếu như chìa khóa vướng vào lưới đánh cá nào đó, nếu như người ta xác định được chìa khóa nhà ai, nếu như họ mở cửa nhà và tìm thấy xác chết, nếu như chị bị chặn lại ở cổng thành, tống vào tù, và bị buộc tội sát nhân! Trong lúc chị đang nghĩ ngợi hoang mang thì người hộ tống xuất hiện, đón chị lên xe, và đưa đi.

– Ngoài đường có ồn ào gì không? - Chị Pross hỏi.

– Ồn ào như thường, - Cruncher đáp; ngạc nhiên vì câu hỏi và bộ dạng của chị.

– Tôi không nghe được tiếng ông, - chị Pross nói. - Ông nói gì thế?

Cruncher có lặp lại cũng vô ích; chị Pross không thể nghe được tiếng nào. Cruncher kinh ngạc nghĩ thầm, “Vậy thì mình sẽ gật đầu, nhất định bà ta sẽ thấy và hiểu”. Và đúng vậy.

– Ngoài đường lúc này có ồn ào gì không? - Chị Pross lại hỏi ngay sau đó.

Cruncher lại gật đầu.

– Tôi không nghe được.

– Chỉ sau một giờ đồng hồ mà bị điếc rồi sao? - Cruncher tự hỏi, trong lòng đầy lo lắng. - Bà ta gặp chuyện gì vậy nhỉ?

– Tôi thấy giống như có sét đánh và sấm nổ, tiếng nổ ấy là tiếng cuối cùng trên đời này tôi nghe thấy.

– Trông bà này thật kì lạ! - Cruncher càng lúc càng lo lắng. - Bà ta đã *nằm* chuyện gì đó để *nấy* can đảm chẳng? Nghe kìa! Những cỗ xe đáng sợ đang chạy trên đường đó! Có nghe thấy không, bà chị?

– Tôi không nghe được gì cả, - chị Pross nói khi nhìn thấy y đang mở miệng lép nhép với mình. - Ôi, ông quý hóa ời, lúc đầu là một tiếng nổ lớn, rồi sau đó là im phăng phắc, im bật, hình như cứ mãi thế, không thay đổi, hình như sẽ im lìm vĩnh viễn.

– Nếu bà ấy mà không nghe được tiếng những cỗ xe đáng sợ kia đang đi gần tới pháp trường, - Cruncher liếc qua vai nhìn chị Pross, - thì mình nghĩ *nà* bà ấy sẽ không còn nghe được tiếng gì nữa trên đời này.

Và quả thực như vậy.

15. Vọng âm cuối

Trên các đường phố Paris, những cỗ xe tử tội lăn bánh âm âm, chát chúa; rung rền. Sáu cỗ xe chở khẩu phần rượu hàng ngày dâng cho ở La Guillotine. Bao nhiêu quái vật tham lam đói khát tử tận cùng cội nguồn của trí tưởng tượng đều kết hợp thành một thực thể: máy chém. Thế nhưng ở nước Pháp, với đất đai khí hậu phong nhiêu này, không một ngọn cỏ, lá cây, cội rễ, chồi non, gié lúa nào có thể phát triển trong điều kiện chắc chắn như là những gì đã sinh sản ra nỗi kinh hoàng đó. Cứ đập bẹp nhân tính một lần nữa thì lập tức nó sẽ oằn oại sinh sôi ngay dưới nhát búa trong cùng hình thù đã bị biến dạng méo mó đó. Cứ gieo xuống cũng một thứ hạt giống đặc quyền tham tàn và bạo ngược thì nhất định nó sẽ mọc ra thứ trái quả tương ứng.

Sáu cỗ xe tử tội lăn bánh qua phố phường. Hồi Thời Gian, pháp sư quyền năng, hãy đem chúng ngược trở về, chúng sẽ trở thành những chiếc long xa của vương quyền tối thượng, đoàn ngựa xe của giới quý tộc phong kiến, đồ trang sức của các dân nường lộng lẫy, những nhà thờ không phải nhà Chúa mà là ổ cướp, những túp lều của hàng triệu nông dân chết đói! Không; pháp sư vĩ đại uy nghiêm thừa lệnh Đấng Tạo Hóa này sẽ không bao giờ đảo ngược mọi đổi thay. Trong tích xưa minh triết Á Rập, những nhà tiên tri nói với những kẻ bị phép thuật biến hóa, “Nếu người biến thành hình dạng này bởi ý Thượng Đế thì cứ hãy như thế! Nhưng nếu người mang hình hài này chỉ do phù phép nhất thời thì hãy trở lại như xưa!”. Không thay đổi và không hy vọng, những cỗ xe tử tội vẫn lăn bánh.

Những bánh xe buồn thảm quay tròn như đang cày những luống quanh co giữa đám đông chen chúc phố phường. Những luống mặt người bị cày bật ra hai bên trên đường xe đều đều lăn bánh. Dân chúng ở các nhà ven phố đã quá quen với cảnh tượng này tới mức

nhiều người chẳng buồn ra cửa sổ đứng xem, và có người dù mắt đảo qua những gương mặt tử tội trên xe nhưng tay họ vẫn không ngừng công việc đang làm. Đôi chỗ, người ở trong nhà ven phố có khách ghé vào tiện để xem đám rước này; chủ nhà bèn đặc ý chỉ trở hết xe tù này đến xe khác cứ như một nhà sư sầm cổ ngoạn hay một chuyên gia sành điệu đang giảng giải rằng hôm qua, hôm kia ai đã ngồi trên những cỗ xe định mệnh ấy.

Người ngồi trên xe có kẻ dừng dừng nhìn những cảnh đó và mọi thứ trên chặng đường cuối cùng của đời mình; có kẻ nhìn cuộc sống cùng con người đang lướt qua với ánh mắt tiếc nuối. Một số ngồi gục đầu, đắm chìm trong tuyệt vọng; lại có người quá chú ý đến diện mạo bản thân tới mức họ ném cho đám đông những cái nhìn tỏ vẻ anh hùng như thường thấy trong tuồng kịch hay tranh vẽ. Vài người nhắm mắt suy nghĩ hay cố tập trung tư tưởng. Chỉ có một người, một kẻ khốn khổ, trông như đã hóa rồ, quá choáng váng và kiệt quệ vì kinh hoàng tới mức y bật lên tiếng hát và định nhảy múa trên xe. Không một người nào bằng cái nhìn hay cử chỉ tỏ ra cầu xin lòng thương xót của dân chúng bên đường.

Có một toán kỵ vệ tập nham cưỡi ngựa đi cạnh đoàn xe tử tội, và những mặt người qua đường thường hướng về họ thốt lên vài câu hỏi. Dường như luôn là một câu hỏi bởi vì sau đó luôn luôn có một đám người chen nhau bu lại cỗ xe thứ ba. Những tay kỵ vệ đi cạnh cỗ xe ấy luôn vung kiếm chỉ về phía một người trong xe. Ai cũng hiểu kỳ muốn biết tử tội nào là y; y đứng ở phía sau cỗ xe, cúi đầu trò chuyện với một cô gái tầm thường ngồi bên hông xe và nắm tay y. Y chẳng hề tò mò hay bận tâm đến cảnh tượng chung quanh và chỉ nói chuyện với cô gái ấy. Thỉnh thoảng trên con phố dài St. Honoré, nhiều tiếng hét vang lên nguyên rửa y. Nếu những lời đó có khiến y động lòng thì y chỉ cười nhạt trong lúc lắc đầu cho mái tóc xòa bù xù thêm quanh gương mặt một chút. Y không đưa tay lên mặt được, hai cánh tay đã bị trói.

Trên bậc cấp nhà thờ, đang đứng chờ đoàn xe tử tội đến là tên mật thám và một tên cừu của nhà tù. Tên mật thám nhìn vào cỗ xe đi đầu: không có. Gã nhìn cỗ xe thứ hai: không có. Gã đang tự nhủ, “Hay là hăn phản bội mình rồi?” thì nét mặt bỗng sáng khi gã nhìn vào cỗ xe thứ ba.

- Người nào là Evrémonde? - Tên đứng cạnh gã hỏi.
- Đó. Đứng cuối xe.
- Người có con nhỏ nắm tay đó à?
- Đúng.
- Đả đảo Evrémonde! - Tên đó la lên. - Đưa bọn quý tộc lên máy chém hết! Đả đảo Evrémonde!
- Suyt, suyt! - Tên mật thám sợ hãi nài nỉ.
- Sao lại suyt chứ, Công dân?
- Hăn sắp đến tội rồi; chỉ hơn năm phút nữa là xong nợ. Hãy để hăn yên.

Nhưng tên kia vẫn tiếp tục đả đảo và trong một lúc Evrémonde quay mặt về phía kẻ ấy và nhìn thấy tên mật thám đứng cạnh. Nhìn chăm chú, rồi cỗ xe đi qua.

Các đồng hồ đều báo đúng ba giờ, luống cày người giữa đám đông dân chúng rẽ một vòng, tiến vào nơi hành quyết, và dừng lại. Những luống người bị cày sang hai bên giờ đã tràn lấp lại phía sau cỗ xe cuối cùng đang tới, bởi tất cả đều kéo nhau đi theo tới nơi đặt máy chém. Ngay phía trước máy chém, ngồi trên những chiếc ghế cứ như xem giải trí công cộng ở hoa viên là nhiều người đàn bà đang bận bịu đan len. Đang đứng trên một chiếc ghế ngay hàng đầu nhìn quanh quất chính là Nữ Thần Báo Oán đang tìm bạn mình.

– Thérèse! - Mụ la to, giọng lạnh lạnh. - Có ai thấy chị ta không? Thérèse Defarge!

– Bà ấy không bỏ lỡ lần nào trước giờ, - một người đàn bà trong đám đan len lên tiếng.

– Không, lần này cũng không, - Nữ Thần Báo Oán nóng nảy lớn tiếng. - Thérèse.

– Gọi to hơn đi, - bà kia mách nước.

Đúng! To hơn, Nữ Thần Báo Oán, la to hơn nữa, và chị ta cũng không nghe được. La to hơn nữa, Nữ Thần Báo Oán, có chửi thề thêm, nhưng cũng chẳng thấy chị ta xuất hiện. Sai bảo mấy người đàn bà khác xuôi ngược kiếm tìm chị ta đang nấn ná đâu đó; thế nhưng những nữ sứ giả này dù đã làm nhiều việc kinh khủng nhưng chưa chắc họ muốn đi xa để tìm mụ vợ Defarge!

– Xui thật! - Nữ Thần Báo Oán vừa la vừa giậm chân trên ghế. - Xe tử tội đến đây rồi! Chút nữa thôi là sẽ kết liễu đời tên Evrémonde, vậy mà không có chị ta ở đây! Tôi còn cầm đồ đan len của Thérèse đây này. Tôi bức mình, thất vọng muốn khóc đây!

Lúc Nữ Thần Báo Oán bước xuống ngòi khóc thì các cỗ xe bắt đầu thả tử tội xuống. Các đao phủ đã mặc áo sẵn sàng. Phập! - Một thủ cấp được giơ lên, đám đàn bà ngồi đan một phút trước đây không thèm ngược mắt nhìn khi tử tội còn thở còn sống, giờ đồng thanh đếm: Một!

Cỗ xe thứ hai trút tử tội xuống rồi chạy đi; cỗ xe thứ ba chạy tới. Phập! - Và đám đàn bà đan len không hề ngừng tay đan một phút, lại đếm: Hai!

Kẻ được cho là Evrémonde xuống xe và cô thợ may được đỡ xuống tiếp theo. Anh không buông mà vẫn giữ bàn tay nhẵn nhụi của cô gái kia như đã hứa. Anh nhẹ nhàng kéo cô quay lưng lại với cỗ máy đang không ngừng rút lên phập xuống âm âm gần đó, và cô nhìn anh cảm kích.

– Hỡi người xa lạ, nếu không có ông thì tôi không thể bình tĩnh được thế này, bởi tôi phận hèn mọn, nhút nhát; không có ông thì tôi không thể nghĩ tới Chúa đã chết cho chúng ta hôm nay có thể còn hy vọng và an vui. Tôi tin là Chúa đã phái ông tới giúp tôi.

– Hoặc là đã phái cô đến giúp tôi, - Sydney Carton nói. - Cứ nhìn thẳng vào tôi, cô gái, đừng lo lắng gì cả.

– Tôi không lo gì hết khi nắm tay ông. Tôi sẽ không lo gì hết khi tôi buông tay, nếu chuyện xảy ra nhanh chóng.

– Sẽ rất nhanh chóng. Đừng sợ!

Hai người đứng trong đám nạn nhân đang thừa dấn, nhưng vẫn trò chuyện cứ như chỉ có mình họ. Mắt nhìn mắt, lời đáp lời, tay nắm tay, tim kề tim, hai đứa con của Mẹ Tạo Hóa, hai kẻ quá cách xa và khác biệt nhau giờ lại cùng gặp nhau trên con đường tới cái chết, cùng về một nhà yên nghỉ trong lòng Mẹ.

– Người bạn can trường hào hiệp ơi, xin cho tôi hỏi ông câu cuối cùng nhé? Tôi dốt nát nên có một điều thắc mắc... chuyện nhỏ thôi.

– Cô cứ nói đi.

– Tôi có cô em họ, người thân duy nhất và cũng mồ côi như tôi, tôi thương lắm. Con bé nhỏ hơn tôi năm tuổi, và đang sống ở một nông trang miền nam. Cái nghèo đã chia lìa chị em, và con bé không hề biết gì về số phận của tôi... vì tôi không biết chữ nên không thể viết thư... mà nếu biết viết thì làm sao tôi kể được chuyện mình đây! Em tôi không biết thì tốt hơn.

– Đúng, đúng, vậy thì tốt hơn.

– Điều tôi nghĩ trên đường tới đây, và giờ vẫn còn thắc mắc khi tôi nhìn gương mặt kiên cường đã nâng đỡ tôi, đó là... Nếu nền Cộng hòa này quả thật mang lại điều tốt đẹp cho người nghèo, giúp họ đỡ đói hơn, bớt khổ hơn mọi bề, em tôi chắc sẽ được sống lâu hơn, thậm chí sống tới già...

– Rồi sao nữa, em gái?

– Ông có nghĩ là... - lệ rưng rưng trên đôi mắt cam chịu không chút than vãn, đôi môi thoáng run run mấp máy, - tôi có phải chờ đợi em tôi quá lâu không trên Thiên Đàng, nơi mà tôi tin là cả ông và tôi sẽ được Chúa ban ơn đón vào?

– Không lâu đâu, em gái; ở đó không có Thời Gian, và không hề có muộn phiền.

– Ông giúp tôi an lòng hết sức! Tôi dốt nát quá. Bây giờ cho tôi hôn ông nhé? Sắp tới lúc rồi phải không?

– Phải.

Cô gái hôn lên môi anh; anh hôn môi cô; họ nghiêm trang chúc phúc cho nhau. Bàn tay lẻ loi không còn run rẩy khi anh buông ra; không chút vẩn đục, gương mặt nhẵn nhụa kia hoàn toàn rạng rỡ, hân hoan. Cô gái lên máy chém trước anh - và lìa đời; đám đàn bà đan len đếm: Hai Mười Hai.

“Đức Chúa phán rằng: Ta là sự phục sinh và là sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Còn ai sống mà tin ta thì không hề chết.”

Nhiều giọng nói lao xao, nhiều gương mặt ngẩng lên nhìn, nhiều bước chân chen lấn tiến gần từ vòng ngoài của đám đông khiến một làn sóng người tràn tới, rồi vụt biến mất. Hai Mười Ba.



Khấp kinh thành đêm ấy, người ta bảo nhau rằng trong tất cả những ai lên đoạn đầu đài ở Paris, anh là người có gương mặt bình thản nhất. Nhiều người còn nói trông anh uy nghi, siêu phàm như một đấng tiên tri.

Trước đó không lâu, một trong những tử tội nổi tiếng nhất của chiếc máy chém ấy - một phụ nữ - khi đứng dưới chân đoạn đầu đài đã xin được ghi lại những suy nghĩ cuối cùng. Nếu như anh cũng thốt lên những gì đang nghĩ, nếu như anh có thể nhìn thấu tương lai, thì hẳn anh đã nói:

“Ta thấy Barsad, và Cly, Defarge, Nữ Thần Báo Oán, bồi thẩm viên, Chánh án, biết bao kẻ áp bức mới đã nảy sinh khi tiêu diệt những kẻ áp bức cũ, tất cả rồi sẽ đều bỏ mạng dưới cổ máy trừng phạt này trước khi nó bị loại bỏ không còn dùng tới. Ta thấy một kinh thành hoa lệ và một dân tộc anh minh sẽ vươn lên từ vực thẳm này; trong cuộc tranh đấu vì tự do chân chính của họ, trong thắng lợi và thất bại của họ, sau

những năm dài nữa, ta thấy đất nước này sẽ dần dần chuộc lại những điều xấu xa tai ác của thời nay và của những gì trước đó đã gây ra cuộc tao loạn này.

Ta thấy những người mà vì họ ta đã hy sinh đời mình, được sống bình yên, hữu ích, thịnh vượng và hạnh phúc, ở nước Anh mãi mãi không còn gặp lại. Ta thấy nàng ôm trong lòng một đứa trẻ mang tên ta. Ta thấy cha nàng, tuổi già sức yếu, nhưng đã bình phục, tận tâm chữa bệnh cho người, và sống an nhàn. Ta thấy người bạn già tử tế kia, thân thiết với gia đình này từ lâu, mười năm nữa vẫn sẽ dốc lòng vì họ và bình yên nhận phần thưởng bên kia cõi thế.

Ta thấy mình được dành một chỗ tôn nghiêm trong tim họ, trong tim con cháu họ, nhiều thế hệ sau. Ta thấy nàng, một lão bà, nhỏ lệ tiếc thương ta vào ngày này mỗi năm. Ta thấy nàng cùng chồng, cuối đường đời, nằm bên nhau chung một mộ phần, và ta biết mình cũng có vị trí vinh dự thiêng liêng trong tâm hồn họ chẳng kém gì họ dành trân trọng ấy cho nhau.

Ta thấy đứa bé trong lòng nàng và mang tên ta trở thành một người thành đạt trên con đường sự nghiệp mà ta dang dở. Ta thấy chàng trai ấy danh tiếng vang lừng khiến tên ta cũng được thơm lây và xóa sạch những vết nhơ ta đã trót làm hoen danh tính ấy. Ta thấy chàng trai ấy thành một quan tòa công minh nhất, một người được tôn vinh, sẽ đưa đứa con trai cũng mang tên ta và có vàng trán cùng mái tóc vàng mà ta đã thân quen, đến nơi này - nơi lúc ấy sẽ thành tráng lệ không còn dấu vết xấu xa của hôm nay - và ta nghe người ấy lại bồi hồi xúc động kể cho con trai câu chuyện về ta.

Đó là điều tốt đẹp nhất đời ta làm được, hơn hẳn những gì ta đã hoàn thành; đó là nơi an nghỉ tốt đẹp nhất đời ta sẽ đến, hơn hẳn những gì ta đã từng quen.”

HẾT

Mục Lục

1. Phần một HỒI SINH

1. 1. Thuở ấy.
2. 2. Chuyển xe thư
3. 3. Những hồn bóng trong đêm
4. 4. Chuẩn bị
5. 5. Tửu quán
6. 6. Người thợ giày.

2. Phần hai SỢI TƠ VÀNG

1. 1. Năm năm sau
2. 2. Hiếu kỳ
3. 3. Thất vọng
4. 4. Chúc mừng
5. 5. Chó rừng
6. 6. Đoàn đoàn lớp lớp
7. 7. Quan lớn trong thành phố
8. 8. Quan lớn nơi điền dã
9. 9. Đầu thần Gorgon
10. 10. Hai lời hứa
11. 11. Viễn cảnh hôn nhân
12. 12. Anh chàng tao nhã
13. 13. Anh chàng bất nhã
14. 14. Người làm ăn lương thiện
15. 15. Đan len
16. 16. Vẫn đan len
17. 17. Đêm ấy.
18. 18. Chín ngày.
19. 19. Hội ý

20. [20. Thịnh cầu](#)
21. [21. Những bước chân vang vọng](#)
22. [22. Biển vẫn sóng cồn](#)
23. [23. Bốc cháy](#)
24. [24. Núi Đá Nam Châm](#)
3. [Phần ba CUỐN THEO BÃO TÁP](#)
 1. [1. Biệt giam](#)
 2. [2. Bánh xe đá mài](#)
 3. [3. Bóng tối](#)
 4. [4. Bình yên trong bão táp](#)
 5. [5. Người thợ cưa](#)
 6. [6. Thành công](#)
 7. [7. Tiếng gõ cửa](#)
 8. [8. Ván bài](#)
 9. [9. Đặt cược](#)
 10. [10. Thực thể của bóng tối](#)
 11. [11. U ám](#)
 12. [12. Bóng tối](#)
 13. [13. Năm mươi hai](#)
 14. [14. Mũi đàn cuối cùng](#)
 15. [15. Vọng âm cuối](#)

Table of Contents

Phần một HỒI SINH

1. Thuở ấy
2. Chuyển xe thư
3. Những hồn bóng trong đêm
4. Chuẩn bị
5. Từ quán
6. Người thợ giày

Phần hai SỢI TƠ VÀNG

1. Năm năm sau
2. Hiếu kỳ
3. Thất vọng
4. Chúc mừng
5. Chó rừng
6. Đoàn đoàn lớp lớp
7. Quan lớn trong thành phố
8. Quan lớn nơi điền dã
9. Đầu thần Gorgon
10. Hai lời hứa
11. Viễn cảnh hôn nhân
12. Anh chàng tao nhã
13. Anh chàng bất nhã
14. Người làm ăn lương thiện
15. Đan len
16. Vẫn đan len
17. Đêm ấy
18. Chín ngày
19. Hội ý
20. Thịnh cầu
21. Những bước chân vang vọng

22. Biển vẫn sóng còn

23. Bốc cháy

24. Núi Đá Nam Châm

Phần ba CUỐN THEO BẢO TẬP

1. Biệt giam

2. Bánh xe đá mài

3. Bóng tối

4. Bình yên trong bão táp

5. Người thợ cưa

6. Thành công

7. Tiếng gõ cửa

8. Ván bài

9. Đặt cược

10. Thực thể của bóng tối

11. U ám

12. Bóng tối

13. Năm mươi hai

14. Mũi đan cuối cùng

15. Vọng âm cuối